GIÁO LÝ BÍ MẬT

(THE SECRET DOCTRINE)

H.P. B L A V A T S K Y

Q U Y Ể N I

VŨ-TRỤ KHỞI - NGUYÊN - LUẬN

(COSMOGENESIS)

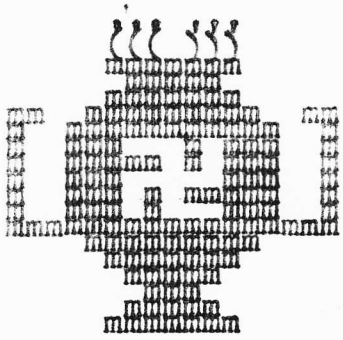

T Ậ P II

GIÁO-LÝ BÍ-TRUYỀN

(MẬT GIÁO , THE SECRET DOCTRINE)

(Tổng-hợp Khoa Học,Tôn Giáo và Triết-Học)

Q U Y Ể N I

VŨ-TRỤ KHAI-TỊCH(Sáng Thế,
TẠO LẬP VŨ-TRỤ , COSMOGENESIS)

Tôi xin kính dâng tác phẩm này cho mọi Thông Thiên học giả chân chính ở khắp bốn biển năm châu,thuộc đủ mọi chủng-tộc .Chính vì họ mà nó đã được soạn ra .

LỜI NÓI ĐẦU CỦA ẤN BẢN LẦN THỨ NHẤT .

Tác giả —bút giả thì đúng hơn —xin cáo lỗi cùng độc-giả, vì công tác xuất bản tác phẩm này đã bị trì trệ khá lâu .Đó là vì tác giả cứ đau yếu hoài trong khi công tác thật là vĩ đại.Ngay cả hai quyển nay được phát hành cũng chưa hoàn tất được kế hoạch và cũng chưa bàn rốt ráo được các chủ đề liên hệ .Chúng tôi đã soạn ra một số lớn tài liệu bàn về lịch sử của huyền bí học lồng trong cuộc đời của các bậc cao-đồ thuộc giống dân Aryen ,và chứng tỏ được huyền bí học đã ảnh hưởng nhủ thế nào đến nếp sinh hoạt hiện hữu và lý - tưởng .Nếu các quyển sách này mà được nồng nhiệt đón tiếp thì chúng tôi sẽ dốc toàn lực ra để tiến hành toàn bộ công tác .Quyển thứ ba đã "đâu vào đấy" cả rồi,quyển thứ 4 cũng hầu như thế.

Xin nói thêm rằng khi lần đầu tiên loan báo việc tiến hành công tác,chúng tôi không hề dự trù như vậy .Theo lời loan báo sơ - khởi ,chúng tôi dự trù rằng bộ "Giáo Lý Bí Truyền" sẽ là một bản có hiệu đính và bổ sung của bộ"NữThần Isis lộ diện"(Lậu Thiên Cổ,Isis Unveiled). Tuy nhiên,chẳng bao lâu sau,chúng tôi thấy ngay rằng cần phải có một phương pháp soạn thảo khác dành cho các chú giải mà chúng tôi có thể thêm vào phần đã được trình bày trong bộ "Nữ thần Isis lộ diện" và các tác phẩm khác bàn về nội-môn bí-giáo.Vì thế, tác phẩm này chỉ có tổng cộng chừa đầy 20 trang trích ra từ "Nữ- thần Isis lộ diện" .

Tác giả thiết tưởng cũng chẳng cần xin quí độc giả và các

phê bình gia miễn thứ cho nhiều khuyết điểm về cách hành văn và Anh-ngữ có thể có trong tác phẩm này ,vì bà là một người ngoại-quốc và chỉ mới học Anh-ngữ sau này .Bà dùng Anh-ngữ vì nó là phương tiện phổ biến nhất để truyền đạt các chân lý mà bà có bổn phận phải trình bày cho đại chúng .

Các chân lý này không hề được trình bày như là một điều thiên khải ;tác giả cũng chẳng hề tự coi mình là 1 kẻ tiết lộ kho tàng huyền bí học được công bố lần đầu tiên trong lịch sử. Đó là vì những gì bao hàm trong tác phẩm này đều có rải rác trong hàng ngàn quyển Thánh kinh của các tôn-giáo lớn ở Âu-châu cũng như Á châu,ẩn-tàng trong các chữ tượng hình và các biểu-tượng ;đến nay,chúng vẫn chưa được ai ghé mắt tới vì có bức màn che khuất ấy .Nay,chúng tôi thử ra sức thu thập các giáo điều tối cổ lại và khiến cho chúng thành ra một tổng thể hài hoà và mạch lạc.Tác giả chỉ có mỗi một lợi điểm so với các bậc tiền bối là bà không cần phải dựa vào các lý-thuyết và các điều suy lý của riêng mình .Đó là vì tác phẩm này chỉ trình bày lại 1 phần những gì mà chính bà đã được các môn sinh cao cấp hơn truyền dạy ,chỉ có một vài chi tiết là được bổ sung do công t trình học hỏi và quan sát của bản thân bà .Trong vòng một vài năm vừa qua,,khi nỗ-lực đào luyện ra 1 hệ thống tư tưởng hoàn-chỉnh, (họ tưởng như thế đấy!)theo 1 vài sự kiện đã được truyền thụ trước kia,nhiều thông thiên học giả và môn sinh huyền bí học đã hùng hục lao đầu vào các cuộc suy luận hoang đường ;vì thế,chúng tôi cần phải công bố nhiều sự kiện được phát biểu trong tác phẩm này.

Cũng chẳng cần phải giải thích rằng tác phẩm này không phải là toàn bộ Giáo Lý Bí Truyền ,mà chỉ là một tuyển tập các giáo lý căn-bản. Chúng tôi đã đặc biệt quan-tâm tới 1 vài sự kiện mà nhiều tác-giả đã vơ lấy và xuyên tạc,"lộng giả thành chân".

Nhưng có lẽ chúng tôi nên dứt khoát khẳng định rằng mặc dù còn vụn vặt và bất toàn,các giáo lý chứa trong tác phẩm này không hề riêng thuộc về Ấn Độ giáo ,Bái Hỏa giáo,Can Đề giáo ,Ai cập giáo, Phật giáo ,Hồi giáo,Do thái giáo hoặc Thiên Chúa giáo.Giáo Lý Bí-Truyền là tinh hoa của tất cả các tôn giáo này .Vốn bắt nguồn từ Giáo Lý Bí Truyền ,nhiều hệ thống tôn giáo khác nhau nay đang hội-nhập về cái nguồn cội đã phát triển và thể hiện thành ra mọi giáo-điều bí nhiệm .

Rất có thể là đa số công chúng sẽ coi tác phẩm này là một chuyện thần tiên hoang đường ,vì có ai đã nghe nói tới Thiên Định Chân Kinh bao giờ đâu ? (Thiên Định Chân Kinh hay Thiên Thư,Book of Dzyan).

Do đó,tác giả xin sẵn sàng hoàn toàn chịu trách nhiệm về những gì bao hàm trong tác phẩm này ;thậm chí,tác giả cũng sẵn sàng đường

đầu với việc bị tố cáo là đã chế ra toàn bộ các điều đó .Bà biết thừa là nó có nhiều khuyết điểm .Tác giả chỉ xin tuyên bố rằng cho dù nó có vẻ hoang đường đối với nhiều người,lý luận mạch lạc và tính chất"trước sau như một"của nó cũng khiến cho "Tân Sáng Thế Ký" này ít ra cũng có quyền được xếp ngang hàng với các "giả thuyết" để nghiên cứu" mà khoa học hiện đại đang"thả cửa"chấpnhận. Hơn nữa, thiên hạ phải xét tới nó ,không phải vì nó dựa vào bất kỳ thế-lực giáo quyền nào ,mà chỉ vì nó có gắn bó mật-thiết với Thiên Nhiên , đúng theo các định-luật đồng nhất và tương tự.Như vậy,mục tiêu của tác phẩm này có thể được xác định như sau :

a) Chứng tỏ rằng thiên nhiên không phải là l"sự tập hợp ngẫu-nhiên của các nguyên tử".

b) Chỉ định cho con người vị trí đúng đắn của y trong hệ thống vũ-trụ.

c) Phục hưng các chân lý cổ sơ vốn là nền tảng của mọi tôn-giáo.

d) Trong một chừng mực nào đó ,bộc lộ nhất nguyên cơ-bản vốn là nguồn cội của mọi tôn giáo này.

e) Chứng tỏ rằng khoa học văn minh hiện đại chưa bao giờ tiếp - cận được khía cạnh Huyền bí của Thiên nhiên.

Chỉ cần điều này được hoàn thành chút đỉnh thôi thì tác-giả cũng đã mãn nguyện rồi.Tác phẩm này được viết ra để phụng sự nhân-loại, vì thế,nó phải được nhân loại và hậu thế phán xét .Tác giả quyết kháng cáo tới cùng .Bà đã quá quen với việc bị thóa mạ ,bà cũ bị vu khống như cơm bữa và vẫn mỉm cười âm thầm khinh bỉ khi nghe thiên hạ nói xấu mình.

Pháp bất vị tiểu-sự (Luật pháp không quan tâm đến những chuyện lặt vặt).(De minimis non curat lex).

Luân Đôn, tháng 10 năm 1888

H.P.B.

LỜI NÓI ĐẦU CỦA ẤN BẢN THỨ BA (Ấn bản hiệu-đính)

Khi chuẩn bị ấn bản này để đem in,chúng tôi đã ra sức sửa chữa các tiểu tiết về văn-chương,mà không đụng chạm gì đến các vấn đề quan trọng hơn .Nếu H.P.Blavatsky còn sống đến lúc phát hành ấn - bản mới này,chắc chắn là bà cũng sẽ hiệu-đính và bổ sung nó một cách đáng kể .Điều này không được thực hiện ắt hẳn là 1 trong nhiều thiệt hại nho nhỏ xuất phát từ sự mất mát lớn lao duy nhất đối với chúng ta .

Các câu văn vụng về do trình độ Anh văn còn yếu,đã được sửa lại. Hầu hết các đoạn trích dẫn đã được kiểm lại;chúng tôi cũng đã trình bày các cước chú tham khảo chính xác ,đây là một công tác

thật khổ nhọc ,vì các cuốc chú tham khảo trong các ấn bản trước thường rất cẩu thả.Chúng tôi đã chọn dùng một hệ-thống nhất-quán để phiên âm các từ ngữ Bắc Phạn .Khi bác bỏ hình-thức mà các Đông phương học giả Âu Tây ưa chuộng nhất,coi nó là một thứ nói chung sẽ làm cho độc giả lầm lạc,chúng tôi đã gán cho các phụ âm không có trong bộ mẫu-tự Anh-ngữ ,những tổ-hợp biểu diễn một cách gần đúng các hiệu năng âm thanh của chúng ;chúng tôi cũng đã cẩn-thận ghi thêm trường độ của các nguyên âm(khi cần). Đôi khi chúng tôi đã ghi luôn các chú thích vào bản văn ,nhưng điều này chỉ "năm thì mười họa" và chỉ khi nào chúng rõ rệt là một phần của nó .

Chúng tôi đã thêm vào 1 mục lục phong phú để giúp ích cho các môn sinh và đã đóng nó riêng ra 1 quyển ,để cho các bạn tham khảo được dễ dàng .Chúng tôi và tất cả các môn sinh xin chân thành cảm tạ ông A.J.Faulding đã bỏ công lao khó nhọc để hoàn thành công - tác này.

LUÂN ĐÔN ,năm 1893

ANNIE BESANT
G.R.S. MEAD

LỜI NÓI ĐẦU CỦA ẤN BẢN ADYAR (ẤN BẢN LẦN THỨ 4) CỦA BỘ GIÁO-LÝ BÍ TRUYỀN .

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm xuất bản bộ "Giáo Lý Bí Truyền",Adyar đã phát hành 1 ấn bản hoàn chỉnh gồm 6 quyển rất gọn mà công chúng có thể mua với 1 giá cực rẻ,thực tế là bằng chi phí xuất bản.

Để thực hiện 1 ấn bản như vậy,và để hoạch định việc xuất-bản các tác phẩm Thông-Thiên-Học cổ-điển khác,chúng ta phải trông cậy vào quỹ Blavatsky ,1 tổ chức nhằm truyền bá giáo-lý Thông-Thiên-Học càng sâu rộng trong quần-chúng càng tốt .

Một ấn bản "Giáo Lý Bí Truyền" cỡ như thế chỉ có thể được thực hiện ở Adyar .Ấy là vì chẳng những nó cần tới sự chăm sóc chuyên môn của các hội viên lâu thông Thông-Thiên-Học và lịch sử của Hội Thông-Thiên-Học ,mà họ còn có cơ-hội thường xuyên tham-khảo Văn Khố của Hội.Chỉ Văn Khố này mới có nguyên văn tài liệu cần để kiểm tra việc đối chiếu chữ in với chữ viết tay trong bản thảo ,ngõ hầu bảo đảm là ấn bản này được thực hiện phù hợp hết mức với các ý định ban đầu của bà H.P.Blavatsky.

Dù sao đi nữa,không ấn bản nào có thể hoàn chỉnh mà không bao gồm cái đã được gọi là quyển thứ ba ,mà 1 số người đã hoàn toàn sai lầm khi cho rằng đó không phải là một phần của tác phẩm của chính H.P.Blavatsky . Có đủ bằng chứng xác định rằng quyển 3 này

là 1 phần của một mớ tài liệu mà bà đã trù tính xuất bản trong t' tưởng lai.

Để cho việc nghiên cứu tác phẩm này được dễ dàng ,chúng tôi đã thêm vào những phần sau đây :

a) Bộ "Giáo Lý Bí Truyền"được biên soạn như thế nào,(phần này được soạn theo các tài liệu lưu trữ trong văn-khố).

b) Khái lược về cuộc đời của bà H.P.Blavatsky.

c) Mỗi Quyển có kèm theo 1 Mục Lục Sách tham khảo.

d) Một Phần Ngữ Giải ngắn gọn đã được thêm vào phần Mục Lục.

e) Phần Mục Lục đã được duyệt lại ,và 1 Mục Lục mới toanh đã được biên soạn cho Quyển 5 của Ấn bản mới (hồi xưa là Quyển III).

Tôi rất lấy làm hân hạnh khi nhiệm kỳ Hội Trưởng của mình lại được ghi dấu bởi việc tái bản phần thiên khải vĩ-đại nhất về Minh Triết Vô Thủy còn tồn tại và khả dụng đối với thế giới hiện đại.Tôi xin chân thành cảm tạ tất cả chư huynh nào đã góp phần v vào việc thực hiện kỳ tái bản này .Tôi xin đặc biệt cảm tạ bà Jo -sephine Ransom, 1 trong các môn sinh ưu tú nhất và có thẩm quyền về bộ "Giáo Lý Bí Truyền",đã dốc hết thì giờ vào việc giám sát kỳ tái bản này .Nếu không có bà thì "còn lâu" kỳ tái bản này mới hoàn thành được .Từ đầu chí cuối ,bà đã cẩn thận xem xét các chi tiết nhỏ nhặt nhất để cho mỗi chữ trên mỗi trang sách sẽ phảnánh trung thực hết mức ý-tưởng của tác-giả .Đặc biệt,bà Ransom đã có thể hợp nhất các ấn bản 1888 và 1893 ,khiến cho không thiếu bất cứ điều gì trong ấn bản 1888,trong khi những điều tiện lợi cho việc đọc sách (nó là điểm dị-biệt chính-yếu giữa 2 ấn-bản)-chẳng hạn như những điều sửa đổi về văn phạm và cách xếp chữ- đềuđược bao hàm 1 cách trung-thực trong ấn bản Adyar. Như thế,ấn bản A-dyar thật đúng là 2 ấn bản nhập một.

Chúng tôi ắt hẳn đã không làm tròn bổn phận của mình đối với các môn sinh nghiên cứu "Giáo Lý Bí Truyền" nếu chúng tôi lỡ tít đi sự tận tụy và kiến văn quảng-bác của 2 đệ-tử ưu-tú nhất của H.P.Blavatsky :đó là Annie Besant và G.R.S. Mead.

Có khá nhiều môn sinh đã trợ giúp bà Ransom trong công-tác đầy trách nhiệm nặng nề của bà ,chúng tôi xin chân thành cảm-tạ tất cả các bạn đó.

Chính bà Ransom chịu trách nhiệm chủ-yếu trong việc chuẩn-bị tổng-quát và sửa bản in thử. Ông A.J.Hamerster và ông Sidney Ransom đã trợ giúp vào việc chuẩn bị .Cô Ethelwyn M.Amery chịu trách nhiệm chính trong việc sửa bản in thử ,với sự giúp đỡ của 1 vài công nhân sốt sắng. Ông Rohit Mehta đã dùng kiến-thức uyên bác của mình để góp phần vào việc soạn ra bảng Mục Lục mới,1 công

tác thật là "chán như cơm nếp nát".Công tác khảo-cứu do cô G.Watkin (Quản thủ Thư-Viện Adyar) thực hiện. Các học giả ở Thư-Viện Adyar đặc biệt khảo cứu về tiếng Bắc Phạn ,tiếng Tây-Tạng và tiếng Trung-Quốc .Các bạn ở trong cũng như ngoài nước khảo-cứu về các bản văn Hy-Lạp ,La -Tinh và Hê-brơ . Ông Hirendranath Datta (Phó-Hội-Trưởng Hội Thông-Thiên-Học) đã trợ giúp một cách thật quýbáu về các vấn đề liên-quan tới Triết-học Ấn-Độ. Tôi cũng xin cảm- tạ nhiều Hội-viên Hội Thông-Thiên-Học Anh-quốc đã lo kiểm lại phần tham-khảo nhiều tác phẩm cổ không có trong Thư-viện Adyar và phần tham khảo các tác phẩm khoa-học hiện đại.

Ông H.J.Nt.van de Poll(Giám đốc danh-dự của nhà xuất bản Thông-Thiên-Học Adyar) và ông C.Subbarayudu (Quản đốc ấn-quán Vasanta ,Adyar) chịu trách nhiệm ấn hành ấn bản mới này(1 trách - nhiệm kinh-doanh chuyên biệt).

Như vậy,chúng ta đã khởisự tại Tổng Hành Dinh của Hội Thông-Thiên-Học,đất dụng võ của chính bà H.P.Blavatsky .Nó vẫn còn thấm đượm bầu không khí hào hùng mà bà đã tạo ra,nó vẫn còn ghi dấu vô số tư-liệu thực sự về công-trình của bà .Bà là hiện thân của cái luồng năng lượng tâm linh mạnh mẽ vẫn là hoạt-động sáng-tạo của 2 sáng lập viên nội-môn của Hội Thông-Thiên-Học ,cũng như tác- nhân chính của các Ngài nơi ngoại-giới ;năm 1888 ,luồng năng-lượng ấy hình thành nơi bộ Giáo-Lý Bí Truyền .Năm 1875,theo tinh-thần của Thượng-Đế Ngôi 2,các Ngài tạo ra hình hài tức là Hội Thông- Thiên -Học .Năm 1888 ,theo tinh-thần của Thượng-Đế Ngôi 3,các Ngài ban cấp sự sống --đó là bộ Giáo-Lý Bí Truyền.

Năm 1893,sự sống này được đổi mới.Năm 1938,nó lại được đổi mới 1 lần nữa.

Như vậy,dưới sự chỉ đạo của 2 sáng lập viên Nội-môn,H.P.Blavatsky bao giờ cũng vẫn là người đầu tiên ban sự sống 1 ngày kia sẽ tạo ra toàn thể tân thế giới.

Trên cương vị 1 sử giả ,bà đã bị hành hạ và sỉ-nhục. Nhưng thế nào cũng có ngày thiên hạ sẽ biết được chân tướng của bà: đó là kẻ soi đường cho thời-đại mới.

ADYAR,1938

GEORGE S.ARUNDALE
Hội Trưởng Hội Thông-Thiên-Học

LỜI NÓI ĐẦU CỦA ẤN BẢN KỲ 5 (TẠI ADYAR)

Tôi rất lấy làm hân hạnh mà viết lời giới-thiệu cho ấn bản kỳ 5 của tác phẩm vĩ-đại của bà H.P.Blavatsky ,bộ "Giáo Lý Bí Truyền". Ấn bản kỳ 5 này nối tiếp ấn bản kỳ 4 và chỉ thay đổi chút ít về

hình-thức,chẳng hạn như việc in 1 số từ ngữ thông thường bằng chữ thường thay vì chữ hoa .Bà Josephine Ransom và ông Leslie Les -lie -Smith đã thực hiện những điều sửa đổi này,chúng tôi xin chân thành cảm tạ cả hai vị đã cần cù làm việc đó. Bà Ransom chẳng may đã qua đời vào tháng 12 năm 1960 .Ông Leslie-Smith đã tiến - hành việc sửa bản in thứ 1 cách kỹ-lưỡng nhất ,cũng có những người khác tiếp tay ông .Ông Zeuger ở Do-Thái(Ixra-en,Israel) đã kiểm lại nguyên cảo bằng tiếng Hy-bá-lai(Hê-brơ,Cổ Do-Thái)và các bản dịch .Tôi phải tri ân sự cộng tác của ông K.S.Krishnamurti,Giám-đốc nhà xuất bản Thông-Thiên-Học Adyar và ông K.Ramanathan, Giám đốc Ấn-quán Vasanta.

Chúng tôi hy vọng rằng Ấn bản này của bộ "Giáo Lý Bí Truyền" sẽ góp phần vào việc truyền bá rộng rải hơn nữa kho tàng minh - triết mà các thế hệ độc-giả --cả trong lẫn ngoài giới Thông-Thiên học giả --đã càng ngày càng khám phá ra trong pho sách đó từ khi nó mới chào đời .

ADYAR ,năm 1961.

N.SRI RAM
Hội Trưởng Hội Thông-Thiên-Học

KHÁI-LƯỢC VỀ CUỘC ĐỜI CỦA BÀ H.P. BLAVATSKY

Helena Petrovna Blavatsky là 1 trong những nhân vật phi-thường nhất trên thế giới trong vòng 25 năm cuối cùng của thế kỷ thứ 19. Bà là 1 nhân vật quá lôi hại và 1 thách đố quá lớn đến nỗi mà Tôn giáo ,Khoa-học,Triết-học hoặc Tâm lý học không thể "lờ tít"bà đi được .Bà chuyên môn đả-phá thần-tượng ,xé tan tành những lớp vỏ che khuất Thực-tượng .Nhưng vì đa số mọi người còn quá gắn bóvới các lớp vỏ qui-ước và xa lạ với thực-tượng ,nên họ bèn đả-kíchvà sỉ-vả H.P.B. vì bà dám cả gan vén màn bí mật của những gì mà việc tiết-lộ dường như là 1 điều phạm thượng.Nhưng thời gian đã dần - dần biện minh cho bà.Mặc dù bị lãng mạ,bà vẫn vui lòng"phụng- sự nhân-loại" và chứng tỏ sự minh-triết của mình khi để cho hậu thế phán xét công nghiệp hiển hách của mình .(1)

(1)[Xem lời nói đầu của H.P.B. dành cho ấn bản 1888,được in lại trong quyển này]

Helena Petrovna von Hahn sinh non vào lúc nửa đêm 30 rạng ngày 31 tháng 7 (theo lịch Nga là ngày 12 tháng 8)tại Ekat -erinoslav ,tỉnh Ekaterinoslav ở miền Nam nước Nga.Lúc bà cất tiếng chào đờivà lúc bà được rửa tội,đã có nhiều chuyện dịthường xảy ra ,đến nỗi mà những gia nhân người Nga đã tiên đoán là cuộc

đời bà sẽ "ba chìm bảy nổi,chín lênh đênh"(đầy sóng gió).

Helena là 1 đứa trẻ cứng đầu cứng cổ ,con nhà trâm anh thế ph phiệt .Gia phả của bà cũng chính là lịch sử nước Nga.Cách đây hàng thế kỷ ,đám dân du-mục Slavs lê gót lang du khắp Trung Âu và Đông-Âu .Họ đã có các hình-thức chính quyền riêng ,nhưng khi định-cư ở Novgorod ,những mối oán thù chia rẽ đã khiến cho họ không sao thỏa thuận được với nhau.Họ bèn cầu cứu tới 1 đầu sỏ của 1 trong những bọn du-thủ du-thực người Bắc Âu,bọn chúng chỉ lăm le giành thị-trường và quyền lực. Rurik đến nơi bèn lập nên chính quyền dân sự đầu tiên ở Novgorod ,1 trung tâm thương mại phồn vinh của cả miền Đông lẫn miền Tây.Trong buổi sinh thời của Ngài,con Ngài là Igor và cháu Ngài là Oleg đã củng-cố được quyền lực ở miền Tây và miền Nam.Kiev biến thành 1 thế đô ,kẻ nào trị vì ở đây thì hầu như cũng xưng hùng xưng bá trên toàn cõi nước Nga.Trải qua hàng thế kỷ,đám hậu duệ của Rurik đã bành trướng được thế lực và chinh phục được khắp xứ sở.Vla-dimir I (băng hà năm 1015) chọn Thiên-Chúa-giáo là quốc-giáo,thế là bọn"ngoại đạo" bèn chết lần chết mòn. Yaroslav Minh-Trị Thiên-Hoàng (băng hà năm 1034) đã điển chế pháp luật và "Quyền công dân Nga".Cháu 8 đời của Rurik là Yuri (1090-1157).Ngài đã trở thành Đại Công Tước Kiev và sau này đã đặt nền móng cho thành phố lớn Mạc Tư Khoa(Mát-xcơ-va) tương lai,Ngài có biệt hiệu là "Dolgoroukov" (tay dài,tức gian tham).Con cháu Ngài toàn là những Đại Công Tước vô biên,hữu dõng vô mưu .Năm 1224 ,lợi dụng tình-trạng chia rẽ này,quân Mông Cổ tràn vào thống trị các nhóm hỗn quân hỗn quan chỉ lo ganh tị nhau về quyền uy và địa vị.Nhưng năm 1480 ,Ivan III đã phất cờ khởi nghĩa ,lật đổ ách thống trị của Mông Cổ,còn Ivan IV Hung thần ác sát cứ nằng nặc đòi mình phải được phong là Nga hoàng và giành lấy quyền uy tối thượng .Con Ngài là Nga hoàng Fedor băng hà năm 1598 ,thế là triều đại Rurik cha truyền con nối biết bao đời đã kết liễu. Đến đời thứ 16, một chi khác của dòng họ Rurik đã sản sinh ra ông hoàng Obolensky.Cháu của ông hoàng này là Ivan A.Obolensky .Đến lượt Ivan Obolensky lại có biệt hiệu là "dolgoroukov" (tay dài) ,Ngài là thủy tổ của dòng họ Dolgoroukov,vốn lừng danh thống trị trong lịch sử nước Nga .Bà của H.P.B. ,công chúa Helena (Yelena)Pavlovna Dolgoroukov,học rộng tài cao (công chúa đẹp duyên với Andrey Mihaylovich de Fadeyev.Con gái của bà (tức thân mẫu H. P.B.)cũng tên là Helena,nâng khăn sửa túi cho Đại-tá Peter A.von Hahn.

Như vậy,Helena thuộc về 1 thế gia vọng tộc đứng hàng chóp bu ở Nga ,với truyền thống lẫu son gác tía và lừng danh khắp Âu-châu. Helena có máu nổi loạn ;ngay từ khi mới là 1 con bé miệng còn hỏi sữa,cô đã khăng khăng chẳng đếm xỉa gì đến các lễ nghi tập-tục;

thế nhưng cô vẫn có ý-thức tự chế để khỏi làm thương tổn đến danh dự của gia đình .Thân phụ bà là Đại tá Peter von Hahn ,thuộc dòng dõi Rottenstern Hahns ,đã từng tham gia trận thánh chiến ở Mack-lenburg.Vì mồ côi mẹ(1 bà mẹ văn tài tót chúng)từ khi mới lên 11 tuổi nên Helena đã sống đổi con gái của mình bên cạnh ông bà ngoại Fadeyev trong 1 lâu đài cổ rộng thênh thang ở Saratov ,Lâu đài này là tổ ấm của 1 đại gia đình với nhiều gia nhân ;ông ngoại Fadeyev của bà là Thống đốc tỉnh Saratov.

Helena có bản chất thấm nhuần 1 năng khiếu thông linh bẩm-sinh ,mạnh mẽ đến nỗi nó quả thật là đặc tính nổi bật của bà.Bà đã tỏ ra có khả năng giao tiếp với các nhân vật thuộc các thế giới tinh anh ,vô hình và giao tiếp với cả vong linh của"người chết". Năng khiếu tự nhiên này lại còn được bồi dưỡng và phát triển trong suốt cuộc đời bà .Việc học hành của bà chịu ảnh hưởng của địa-vị ngoài đời của gia đình bà cũng như là các yếu tố văn hóa đang thịnh hành lúc bấy giờ .Do đó ,bà là 1 nhà ngữ-học đại tài và 1 nhạc-sĩ trác tuyệt ;bà còn được kế thừa 1 tinh thần khoa học của bà ngoại học vấn uyên bác ;bà lại còn được thừa hưởng văn tài mà dòng họ bà dưỡng như ai cũng có .Năm 1849 ,khi mới hở hở 18 cái xuân xanh(khi vừa tròn đôi chín),Helena được gả cho 1 ông sồn sồn (trung niên)tên là Nikifor V. Blavatsky ,Phó Thống Đốc tỉnh Erivan . Việc ép duyên bà cũng có nhiều lý do ,nhưng ngay từ đầu ,bà đã công khai bày tỏ sự ghê tởm hủ-tục này .Sau ba tháng ngậm đắng nuốt cay ,bà bỏ chồng trốn về nhà ,gia đình bà lại tống cổ bà về nhà cha. E rằng sẽ bị cưỡng bách nối lại mối duyên thừa với tướng Blavatsky, dọc đường ,bà đã cao chạy xa bay và bắt đầu cuộc đời lang bạt , phiêu lưu . Thân phụ bà vẫn liên lạc với bà và gửi tiền trợ cấp cho con gái .

Năm 1851 ,Helena(nay là bà Blavatsky tức H.P.B.)lần đầu tiên gặp vị sư phụ bằng xương bằng thịt ;Ngài là bậc huynh-trưởng, bậc Chơn Tiên đã luôn luôn hộ trì ,bảo vệ bà tránh khỏi những tai nạn hiểm nghèo ,khi bà tung tăng chạy nhảy ,nghịch tinh nghịch quái trong thời niên thiếu .Từ đó trở đi,bà là đệ-tử thục thụ của Ngài ,sốt sắng hưởng ứng mọi ẩn ngôn và chỉ thị của Ngài.Ngài hướng dẫn bà học cách kiểm soát và điều động các thần lực mà bà bị khống chế vì có bản chất khác thường .Ngài hướng dẫn bà trải qua muôn ngàn kinh nghiệm phi thường trong lãnh-vực "pháp-thuật" và huyền-bí học .Bà học cách chuyển các thông điệp từ sư phụ tới cho người nhận ,chẳng quản mọi hiểm nguy và ngộ nhận giăng mắc giữa đường. Theo gót lãng du của bà trong thời kỳ tập sự này cũng chính là chứng kiến bà hoạt-động trên khắp thế giới .Bà đã có thời sống ở vùng Hi-Mã-Lạp-Sơn ,tu học trong các đạo-viện còn bảo tồn các giáo

huấn của 1 vài đạo sư thông thái nhất thời quá-khứ.Bà đã nghiên-cứu sinh hoạt và các định-luật của nội giới và các qui-luật mà ta phải tuân theo để nhập vào nội giới .Để lưu lại chứng cớ của giai đoạn nghiên cứu huyền-bí-học này,bà đã để lại cho hậu thế 1 bản dịch tuyệt diệu các công lý thiêng liêng ,đó là tác phẩm "Tiếng Nói Vô Thinh".

Năm 1873,HP.Blavatsky đi Mỹ để thi hành công tác mà bà đã được huấn luyện . Kẻ nào mà nhát gan một chút thì chắc chẳng dám liều mạng như vậy. Vốn chỉ là một phụ nữ người Nga vô danh tiểu tốt,bà đã lao đầu vào phong-trào Thần-linh-học;lúc bấy giờ,nóđang làm cả nước Mỹ và (trong 1 chừng mực nào đó)nhiều nước khác xôn-xao.Các khoa học gia đều băn khoăn đi tìm ý nghĩa của các hiện tượng nhiệm-mầu và thấy khó lòng băng qua được mớ bòng bong các điều trá ngụy để tìm ra chân lý.H.P.B. đã ra sức giải thích cho họ theo 2 cách:(1) Bằng cách đích thân hiển lộng thần thông ;(2)bằng cách tuyên bố rằng có 1 minh triết cổ truyền bàn về các định- luật thâm sâu của sự sống ;chỉ những kẻ nào có thể sử dụng nó 1 cách an toàn và từ thiện thì mới nghiên cứu và giữ gìn nó được .Các Đấng ở địa vị cao cả được gọi là các "Chân-Sư",mặc dù các Ngài còn có nhiều tôn danh khác nhau như là Chơn Tiên(Adepts),Đế-Quân(Chohans), Huynh Trưởng(Elder Brethren),Quần Tiên Hội(the Occult Hierarchy)v. v..

Để bổ chứng cho các lời tuyên bố của mình ,H.P.B.đã viết bộ "Nữ Thần Isis lộ diện" năm 1877 và "Giáo Lý Bí Truyền" năm 1888, cả hai đều do các Chơn Sư"truyền dạy" cho bà.Trong bộ "Nữ Thần Isis lộ diện",bà đã dũng cảm biện minh cho chứng cớ mà bà đã thu thập được từ các Thánh Kinh và các tài liệu khác,đương đầu với Chính Thống giáo,chủ nghĩa duy-vật khoa học ,tín ngưỡng mù quáng, chủ nghĩa hoài nghi và sự vô minh .Thiên hạ đã đối xử với bà một cách thật là xấc xược,nhưng nền tư tưởng của thế giới đã có những chuyển biến sáng sủa hơn.

Khi H.P.B. được "phái" tới Mỹ ,1 trong các nhiệm vụ quan - trọng nhất của bà là thành lập một Hội (khi mới thành lập,nóđược gọi là Hội Thông Thiên Học),"để sưu-tầm và phổ biến sự hiểu biết về các định luật chi phối vũ-trụ" (1).

(1)〔 "Điều lệ sơ khởi",chương 11. 〕

Hội kêu gọi sự "hợp tác huynh-đệ của những người có thể nhận-thức được tầm quan trọng của lãnh vực hoạt động của Hội và có cảm tình với các mục tiêu phấn đấu của Hội"(2).

(2) 〔 " Tiền đề" 〕

Sự "hợp tác huynh đệ"này đã trở thành Mục tiêu đầu tiên trong 3 mục tiêu hoạt động của Hội. Trong nhiều năm,các mục-tiêu

này đã được phác họa như sau:

1) Tạo ra 1 nhân tố Huynh Đệ Đại-Đồng giữa nhân-quần ,không phân biệt chủng tộc ,tín ngưỡng ,giới tính,giai cấp hoặc màu da.

2) Khuyến khích việc nghiên cứu tôn-giáo đối chiếu,Triết - học và Khoa-học.

3) Điều nghiên các định luật bí ẩn trong Thiên nhiên và các quyền năng tiềm tàng nơi con người.

Bà Blavatsky được chỉ thị phải lôi kéo Đại tá Henry Steel Olcott cộng tác với bà để thành lập Hội Thông Thiên Học.Ông là 1 người được công chúng Mỹ rất trọng vọng và biết tiếng .Cũng như H.P.B. ,ông đã hy sinh hết mọi chuyện để xúc tiến sứ mạng mà các Chân sư đã giao phó cho họ .

Năm 1879 ,hai ông bà đi Ấn Độ và tại đây ,họ đã đặt những nền móng kiên cố đầu tiên cho công tác của mình .Hội bành -trướng nhanh chóng từ xứ này sang xứ khác .Việc tuyên bố phụng sự nhân-loại,có 1 diễn đàn cởi mở ,có 1 triết lý minh bạch và hợp lý ,có 1 sự dẫn dắt tinh thần đầy đủ hứng cảm ,đã khiến cho Hội thu hút và thuyết phục được nhiều thiện nam,tín nữ ủng hộ mình .H.P.B. được các Chân Sư trao cho trách nhiệm phổ biến Giáo Lý Bí Truyền (tức Thông Thiên Học)trên cương vị là Đạo sư tối cao ;còn Đại-tá Olcott được ủy nhiệm tổ chức Hội ,ông đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Đương nhiên là cả hai vị tiên-phong này đều bị chống đối và hiểu lầm, nhất là H.P.B. .Nhưng bà đã được chuẩn bị để chịu bất cứ sự hy-sinh nào .Bà đã từng viết trong lời nói đầu của bộ " Giáo Lý Bí Truyền" là :"Bà đã quá quen với việc bị lăng mạ ,bà bị vu khống như cơm bữa và chỉ mỉm cười âm thầm khinh- bỉ khi nghe thiên hạ nói xấu mình".

Thời kỳ rực rỡ và hữu hiệu nhất trong cuộc đời của H.P.B.có lẽ là thời kỳ ở Anh trong khoảng 1887-1891 . Các hậu quả của bản Phúc trình láo lếu của Hội Khảo cứu Tâm Linh (vào năm 1885) về các hiện tượng nhiệm mầu của bà ,phối hợp với sự đả-kích của phái đoàn truyền giáo Thiên Chúa ở Ấn Độ ,đã phần nào lắng dịu. Ngoài việc không ngừng viết lách ,biên tập sách vở và trả lời thư tín , bà còn huấn luyện và dạy dỗ các môn sinh ,nhằm tiến hành công tác mà bà đã lập nên .Để thực hiện mục đích đó,được ông Hội Trưởng (Đại tá Olcott) chính thức phê chuẩn ,bà đã tổ chức Trường Bí Giáo của Hội Thông Thiên Học .Vào khoảng năm 1890 ,bà đã dìu dắt hơn 1000 hội viên thuộc nhiều xứ khác nhau.

Bản thân tựa đề của bộ " Giáo Lý Bí Truyền" cũng đủ nói lên nội dung của nó rồi . Nó không hề trình bày toàn bộ " Giáo Lý Bí Truyền" ,mà chỉ trình bày 1 tuyển tập các giáo điều cơ bản" .

1) Nó vạch rõ rằng nhờ vào việc so sánh đối chiếu Vũ-trụ khai tịch luận của cổ nhân,ta có thể tri giác được các phổ-hữu chân-thực.

2) Nó cung cấp cho ta manh mối để tìm ra lịch sử chủng-tộc chân chính của nhân loại.

3) Nó vén được bức màn ẩn dụ và biểu tượng ký nhằm bộc lộ ~~chân~~ chân lý nhiệm màu.

4) Nó trình bày các'bí mật'khoa-học của vũ-trụ để cho trí năng náo nức, trực giác và các tri giác tinh thần lĩnh-hội được.Chừng nào mà còn chưa được người ta nhận thức ra thì chúng vẫn còn là các bí mật .

H.P.B. qua đời ngày 8-5-1891 và để lại cho hậu thế 1 di-sản vĩ-đại bao gồm một số tư-tưởng tuyệt vời nhất đã từng được trình bày cho thế gian .Bà đã mở được các cánh cửa bí nhiệm cứ im ỉm khép lại từ bao lâu nay ,bà lại một lần nữa tiết-lộ thêm chân lý về con người và vũ-trụ ,bà đã chứng tỏ rằng Quần Tiên Hội vẫn hiện diện trên trần thế ,trông chừng và dẫn dắt thế giới .Bà được muôn ngàn người trọng vọng vì bà đã và đang là một ngọn hải đăng soi đường dẫn lối đến các đỉnh cao mà mọi người đều phải leo lên.

Adyar , 1938 Josephine Ransom

I- Ọ GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN ĐÃ ĐƯỢC VIẾT RA NHƯ THẾ NÀO ?

Năm 1879 .Bà H.P.Blavatsky đã "đề cập tới tác phẩm mới của mình" lần đầu tiên vào ngày 23 tháng 5 năm 1879 .(1)

(1)["Hồi ký" của Đại tá Olcott]

Đại tá Olcott "đã góp ý với H.P.B. bằng phần dàn bài bao gồm các ý-tưởng thô thiển để gợi ý cho một kẻ không hề có ý-định viết sách"(2).

(2) [Như trên ,ngày 24 tháng 5]

Ngày 25 tháng 5 ,ông "đã giúp H.P.B. viết lời nói đầu của tác phẩm mới"(3) ;và ngày thứ tư,mùng 4 tháng 6 ,ông "đã giúp H.P. B. hoàn tất lời nói đầu ..."(4)

(3) [Như trên .]

(4) [Như trên. Xem thêm "Hồi ký" của Đại tá Olcott ,II , trang 90]

Nhiều năm trôi qua mà công tác vẫn "dậm chân tại chỗ" vì

H.P.B. và Đại tá Olcott cứ mải lo thành lập Hội Thông Thiên Học , hoạt-động riêng ở Ấn Độ ,biên-tập tạp chí"Thông-thiên-học-giả"và trả lời 1 chồng thư dày cộm.

Năm 1884. Phụ trương số tháng giêng của tạp chí "Thông Thiên học giả" có đăng 1 bài quảng cáo bộ "Giáo Lý Bí Truyền", hậu thân của bộ "Nữ thần Isis lộ diện". Theo bài quảng cáo thì "Từ khắp hang cùng ngõ hẻm của Ấn-Độ ,thiên hạ đều yêu cầu áp dụng ngay 1 kế hoạch nào đó để cho vấn đề bao hàm trong bộ "Nữ thần Isis lộ diện"có thể được phổ biến tới tay độc giả với 1 giá vừa túi tiền của những người không thể mua 1 tác phẩm đắt như vậy ngay một lúc. Mặt khác,khi thấy giáo lý đã được phác-họa 1 cách quá mù mờ,nhiều người đã đòi phải được minh-giải thêm. Tất nhiên,vì hiểu lầm giáo lý,,họ đã giả sử sai lầm là nó mâu thuẫn với các điều thiên- khải sau này (các điều thiên-khải này đã từng nhiều lần bị ngộ nhận hoàn toàn). Do đó,theo khuyến dụ của các thân hữu,tác giả xin đề nghị xuất bản tác phẩm này mỗi tháng 1 tập với 1 hình-thức hoàn-hảo và minh bạch hơn.Ta sẽ giữ lại tất cả những phần quan trọng trong bộ "Nữ Thần Isis"cần thiết để quán-triệt các đề tài huyền bí học và các đề tài triết học khác; nhưng ta sẽ sắp xếp lại bản văn để tập hợp lại một cách khắng khít hết mức các tài liệu liên quan đến bất cứ một đề tài đã định nào ... Nay chúng tôi sẽ trình bày nhiều tài liệu bổ sung về các đề tài huyền bí học .Khi tác - phẩm được xuất bản lần đầu tiên ,chúng tôi không tiện trình bày các tài liệu này,nhưng trong 8 năm qua,chúng tôi đã dọn đường cho việc trình bày ấy ,nhất là khi chúng tôi xuất bản quyển "Thế-giới huyền bí"(The Occult World), "Phật giáo nội môn"(Esoteric Buddh-ism) và các tác phẩm Thông Thiên Học khác .Chúng tôi cũng thấy nhiều ẩn ngôn minh giải cho nhiều giáo lý đến nay vẫn còn bị hiểu lầm , có trong các tác phẩm nêu trên... Theo dự trù thì mỗi tập sẽ gồm 77 trang giấy Royal 8VO (tức là nhiều hơn mỗi tập thứ 24 của nguyên tác 25 trang)...phải được hoàn thành trong khoảng hai năm". Tập I phải được"phát hành vào ngày 15 tháng 3".

Đầu năm nay,Bà Blavatsky đã viết thư báo cho ông A.P.Sinnett biết rằng mặc dù ông đã trình bày cho thế gian các điều vụn vặt của huyền bí học chân chính trong "Phật giáo nội môn" (năm 1883), thế nhưng,chúng chỉ là những mẩu "đầu thừa đuôi thẹo" không thể được coi là toàn thể . Mặc dù đau ốm,nay,bà lại"thức khuya viết lại toàn bộ "Nữ Thần Isis lộ diện", với tựa đề mới là "Giáo Lý Bí Truyền" và biến 2 quyển của nguyên bản thành ra 3 hoặc 4 quyển mới; Subba Row giúp tôi bằng cách viết hầu hết các giảng lý và chú giải." (1)

(1) ["Thư của H.P.B. gửi cho A.P.Sinnett" do A.T.Barker biên tập,trang 64 ,ấn bản 1925.]

Bài quảng cáo kế tiếp đăng trên trang 68 ,Phụ trưởng sốtháng 4 của Tạp chí"Thông Thiên học giả" như sau :"Giáo Lý Bí Truyền" , hậu thân của Nữ Thần Isis lộ diện".Được H.P.Blavatsky (Bí thư hướng dẫn giáo lý hàm thụ của Hội Thông Thiên Học) chỉnh đốn lại nội dung,thêm thắt nhiều điều quan trọng,nhiều chú thích và giảng lý .Phụ lực với bà Blavatsky là T.Subba Row Garu,cử nhân văn-khoa, cử nhân luật khoa ,Hội viên Hội Thông Thiên Học,Cố vấn của Hội Thông Thiên Học...".Tập 1 "được phát hành vào 15 tháng 6 ". Lời quảng cáo được lặp lại,nhưng trong số tháng 6 ,trang 92,thời hạn phát hành được dời lại đến ngày 15 tháng 8 ,rồi tới 15 tháng 9, và sau đó người ta không còn thấy quảng cáo gì nữa.

Bác sĩ A.Keightley cho biết lần đầu tiếng ông nghe tin về bộ "Giáo Lý Bí Truyền" là khi đọc bài quảng cáo đăng trong tạpchí "Thông Thiên Học giả" . Năm 1884,tôi được biết Bà Blavatsky đang đảm nhiệm việc viết một tác phẩm ... có tựa đề là "Giáo Lý Bí - Truyền",bà đã tham khảo ý kiến nhiều người về kết cấu của pho sách và mọi điều còn đang trong vòng tranh cải của Triết học Ấn-Độ đã được đệ trình cho T.Subba Row ,ông cũng đã gợi ý khá nhiều về kết cấu của nó .Sau đó,tôi thấy ông đã làm như vậy ,vạch ra một phác họa rất sơ sài,nhưng chả ai nghe theo ông" (2) .

(2)/ "Hồi ký về H.P.Blavatsky và bộ "Giáo Lý Bí Truyền" của Nữ Bá tước C.Wachtmeister và những người khác,trang 96(ấn bản 1893)/

Khi đi Âu châu,H.P.B. mang theo bản thảo và làm việc bất cứ khi nào bà rảnh rỗi .Từ Ba Lê,trong khoảng tháng 4 đến tháng 6, bà đã viết thư cho ông Sinnett là "một trong những lý do khiến Mohini M. Chatterji đến đây là để trợ lực tôi về phần chữ Bắc Phạn của bộ " Giáo Lý Bí Truyền"... Xin cảm ơn ông vì đã có ý định viết lời nói đầu cho bộ Giáo Lý Bí Truyền; tôi không nhờ ông làm điều đó, các Chơn sư và Mohini ở đây ,cùng với Subba Row ở kia ,cũng quá đủ để giúp tôi hoàn thành nhiệm vụ rồi.Nếu ông cho rằng"không thể thực hiện được kế hoạch như đã loan báo", thì tôi thật lấy làm tiếc cho linh tính trực giác của ông .Vì Chơn Sư có ý kiến khác ông,nên tôi sẽ thử tuân theo lệnh và khuyến cáo của Ngài hơn là nghe theo lời ông ...Ông thật là vớ vẩn khi bảo rằng tôi "có khôn hồn thì nên ra lệnh trả lại tiền đặt mua sách và rút lại lời loan báo.Tôi đâu có ưa gì cái chuyện viết lại pho sách khốn kiếp đó ...Nhưng dù muốn hay không ,đó vẫn là bổn phận của tôi. Sư phụ ra lệnh và muốn nó được viết lại,thế là tôi quyết tâm viết lại nó.Nếu có người nào phụ giúp tôi trong công việc'chán mớ đời'này thì càng tốt ,còn nếu chẳng ai thèm giúp thì cũng có chết chóc gì đâu . Dù sao đi nữa ,biết đâu ơn trên dun dủi lại chẳng giúp cho tôi viết

ra 1 tác phẩm tuyệt vời . Tôi cũng không đồng ý với quan-điểm của ông cho rằng "thật là điên rồ mà thử viết 1 pho sách gồm nhiều tập xuất bản hằng tháng một khi mà sư phụ đã ra lệnh như vậy...Dù sao đi nữa,tôi cũng đã hoàn thành 1 chương bàn về "chư Thần(Gods) và Pitris,chư Thiên(Devas) và chư Quỷ(Daimonia),các Tinh-linh(Elemen-tairies and Elementals) và các loài ma quái khác (other like spo-oks)".Tôi đã tìm ra và theo 1 phương pháp dễ ợt ,thế là tôi sẽ viết lại hết chương này đến chương khác ,hết tạp này đến tập khác, 1 cách'ngon lành'.Việc ông gợi ý rằng nó không được"chỉ đơn-thuần giống như 1 bản in lại của bộ "Nữ Thần Isis"đã không có kết quả gì vì người ta cứ việc loan báo theo ý của riêng mình. Vì nó chỉ hứa hẹn trình bày nội dung của bộ "Nữ Thần Isis" cho vừa với trình độ của mọi người,giải thích và chứng tỏ rằng "các điều thiên- khải sau này"(nghĩa là quyển "Phật giáo nội môn" và các bài đăng trên tạp chí "Thông Thiên học giả")đều không mâu thuẫn với giáo-lý đại cương —mặc dầu giáo lý trong "Nữ Thần Isis" thật là mơ hồ—,trình bày tất cả những điều quan-trọng của "NữThần Isis" trong "Giáo Lý Bí Truyền",tập hợp lại tất cả tài liệu liên quan tới bất kỳ chủ-đề đã định nào thay vì để cho chúng rải rác trong khắp 2 quyểnnhư hiện nay ,nên tất nhiên là tôi bắt buộc phải trình bày "nguyên vẹn' bộ "Nữ Thần Isis",có điều là tôi sẽ quảng diễn nó và bổ sung thêm nhiều tài liệu. Nếu tôi không in lại nhiều trang của bộ "Nữ Thần Isis" thì nó sẽ biến thành bộ "Osiris" hoặc"Horus" (muốn gọi là gì thì gọi) chứ chẳng bao giờ được như lời hứa hẹn ban đầu trong "Bị chú của nhà xuất bản".(1)

(1) ["Thư của H.P.Blavatsky gửi cho A.P.Sinnett",trang 87-89]

Cũng như bất cứ người nào khácmà H.P.B. cho rằng có thể trông cậy được ,ông W.Q.Judge (lúc bấy giờ cũng có mặt ở Ba Lê vào tháng 3 và tháng 4) cũng bị lôi kéo vào làm việc. Tại căn nhà ở miền quê của ông bà Bá tước d'Adhémar ,H.P.B. nhờ ông "đọc đi đọc lại bộ "Nữ Thần Isis lộ diện" để ghi chú bên lề những chủ đề nào phải được bàn tới ...chúng sẽ rất có ích cho bà" (2) .

(2)["Hồi ký" ,trang 102]

Việc thu thập tài liệu cho pho sách vẫn tiếp tục .

Năm 1885. Ngày 9 tháng giêng ,Đại tá Olcott ghi vào "Nhật ký" đoạn sau đây :"Chân sư M.(3) đã phác họa kế hoạch về bộ "Giáo -Lý Bí Truyền" cho H.P.B. Thật là tuyệt vời .

(3) [Trong "Nhật ký" chỉ để bí danh của Ngài thôi.]

Đêm qua ,Oakley và tôi đã thử làm ,nhưng kế hoạch này coi bộ hay hơn nhiều".(4)

(4) [Oakley là ông A.J.Cooper Oakley.Xem thêm "Hồi ký của Đại tá Olcott" quyển III ,trang 199-200]

Âm mưu của Coulomb đã khiến cho H.P.B. phải rời Adyar đi Âu Châu vào tháng 3 .Bà đã đem theo các bản thảo quí giá ."Khi chuẩn bị xuống tàu ,Subba Row bảo tôi viết bộ "Giáo Lý Bí Truyền"và mỗi tuần gởi cho ông ta những gì mà tôi đã viết được qua trung gian của ông .Tôi đã hứa với ông ta điều đó và tôi quyết giữ lời...ông ta sắp viết các chú thích và giảng lý ,thế rồi Hội Thông ThiênHọc sẽ xuất bản pho sách này (1)".

(1) ["Tạp chí"Thông Thiên học giả" tháng 3 năm 1925 ,trang 784]

Cũng chính trong năm ấy,Chơn sư K.H. đã viết :(2)"Khi 'đâu vào đấy'cả rồi ,bộ "Giáo Lý Bí Truyền" sẽ là tác phẩm chung của M.,U-pasika và [Chính Ngài] (3).

(2) ["Thánh Thư của các Chân sư minh triết"(quyển II).C.Jina-rajadasa sao lại và chú thích ;trang 126 (ấn bản 1925).]

(3) ["Sư phụ và Chân sư K.H.(người Kashmir) cứ thay phiên nhau đọc cho tôi viết" (Thư của H.P.B. gửi cho H.S.O. ngày 6 tháng 1 năm 1886)]

Sau khi làm việc thui thủi một mình trong vài tháng ở Wurzburg ,Nữ Bá tước Constance Wachtmeister được"phái tới" để trợ-lực H.P.Blavatsky .H.P.B. cho bà biết rằng khi hoàn thành ,tác-phẩm sẽ gồm có 4 quyển ,nó sẽ trình bày cho thế giới nhiều nội-môn bí giáo hết mức trong giai-đoạn tiến hóa hiện nay của nhân loại . H.P.B. cho rằng "mãi đến thế kỷ tới thì thiên hạ mới bắt đầu hiểu được tác phẩm này và thảo luận về nó một cách thông minh"(4) .

(4) [" Hồi ký" ,trang 23 .]

Nữ Bá tước "được giao phó cho nhiệm vụ sao lại bản thảo của H.P.B. cho thật minh bạch"(5).

(5) [Như trên ,trang 24 ."Bà ta sao lại hết" (Thư của H.P.B. gởi cho H.S.O. ngày 6 tháng 1 năm 1886]

Bà mô tả là H.P.B. đã bị bản phúc trình của Hội Khảo cứu Tâm Linh làm thương tổn sâu sắc vô cùng .Nó đã ảnh hưởng ghê gớm đến công việc của bà ,khiến bà phải viết đi viết lại 1 trang tới 12 lần vì bà không tài nào viết được nó cho đúng ,do đầu óc của bà cứ quay cuồng ,bối rối.(6)

(6) [Như trên ,trang 33]

Bà Bá tước thuật lại rằng tình cảnh làm cho bà quan-tâm và ngạc nhiên nhất là "thư viện lưu động"của H.P.B. thật là nghèonàn. Song le,các bản thảo của bà lại đầy dẫy những điều tham khảo,trích dẫn ,ám chỉ, bắt nguồn từ 1 lô sách hiếm có và bí hiểm bàn về đủ thứ đề tài". Một vài tác phẩm hoặc tài liệu này chỉ có ở Toà Thánh Vatican hoặc Viện Bảo Tàng Anh Quốc mà thôi ."Thế nhưng ,bà chỉ

cần chúng để kiểm nghiệm lại thôi".Nhờ vào các thần hữu,Bà Bá tước có thể nghiệm lại các đoạn mà H.P.B. đã thấy trong tinh-tú quang, với tựa đề của quyển sách ,chương sách,trang sách và các con số đều đúng y hệt —có một lần trong một bản thảo ở Tòa Thánh Vatican(1).

(1) [Như trên,trang 35. Xem tạp chí"Lucifer",trang 355(ấn bản 1888)]

Thiên hạ đã nhiều lần xin bà dạy dỗ như bà đã dạy Đại tá Ol-cott và ông Judge,nhưng bà cho rằng nếu phải đảm đương việc giáo huấn thì mình sẽ phải dẹp bộ "Giáo Lý Bí Truyền" qua 1 bên(2).

(2) [Như trên ,trang 41]

Người ta cám dỗ bà bằng cách đề nghị trả tiền nhuận bút thật hậu hĩ nếu bà chịu viết về bất cứ đề tài gì mà bà thích cho các tờ báo Nga.Bà đã từ chối ,vì "để viết 1 tác phẩm như bộ "Giáo Lý Bí Truyền", tôi phải hướng tư tưởng của mình tập trung hết theo chiều ấy" (3).

(3) [Như trên trang 48]

"Hết ngày này qua ngày khác,bà cứ ngồi đó viết liên tục hàng giờ ..."(4)

(4) [Như trên trang 55]

H.P.B. đã cho Đại tá Olcott biết rằng bà sẵn lòng gởi 3 chương đã hoàn tất cho Subba Row, nhờ ông ta xem lại, sửa chữa ,thêm bớt... Nhưng ông phải xem lại phần nhập đề .Sinnett lúc nào cũng sốt sắng nhận làm ,nhưng tôi không thể chấp thuận chỉ vì muốn có được một thứ Anh ngữ tao nhã hơn và những cao kiến về một thứ bố cục văn chương cứng nhắc chứ không phải về bố cục siêu hình..."(5)

(5) [Thư của H.P.B. gởi cho H.S.O. ,25-11-1885]

Năm 1886 .Trong bức thơ đề ngày 6 tháng 1 năm 1886 (6) gởi cho Đại tá Olcott ,hiển nhiên là H.P.B. đã bỏ ý định cho rằng tác phẩm mới sẽ là 1 bản hiệu đính của bộ "Nữ Thần Isis lộ diện".

(6)[In trong Tạp Chí Thông Thiên Học gia ,tháng 8-1931 , trang 664-8]

Đại tá đã gởi cho bà một Lời nói đầu nào đó dành cho 1 bộ "Nữ Thần Isis" đã hiệu đính ;nhưng bà đã đốt phứt nó đi và khuyên ông muốn trích ở hai quyển "Nữ Thần Isis" ra cái gì thì cứ trích, rồi xuất bản nó thành từng tập để gây quỹ cho Hội .Điều này chắc-chắn là cũng làm nguôi ngoai được những người nào đã đặt mua và đang nghển cổ ra ngóng bộ "Giáo Lý Bí Truyền" xuất bản mỗi tháng 1 tập .Về phần mình,bà phải gấp rút viết ra bộ "Giáo Lý Bí Truyền" vì nó sẽ'biện minh' cho bà.Bà sẽ nhờ bộ "Giáo Lý Bí Truyền" này chứng minh giùm các Chân sư có thực hay không", để trả đũa việc Hội Khảo Cứu Tâm Linh đã "chụp mũ" bà là bịp bợm (công chúng hẳn vẫn còn nhớ rõ điều này mồn một). Bà lại đốc thúc Đại tá Olcott

cầu viện Subba Row về tất cả mọi điều liên quan tới Nhất-nguyên-luận (Advaitism) và huyền bí học của tôn giáo cổ Aryan.Bà muốn ông ta giúp thêm các câu trích dẫn xưa và có ý nghĩa huyền bí . Bộ "Giáo Lý Bí Truyền" phải thông thái ,huyền bí và minh bạch hơn gấp bội .Bà bảo bà sẽ gởi cho ông ta 2, 3 chương ,bằng không thì bà sẽ bắt đầu xuất bản ngay.

Ngày 3 tháng 3,H.P.B. viết thư cho ông Sinnett bảo rằng "về phần bộ "Giáo Lý Bí Truyền",cứ mỗi sáng là lại có 1 điều triển - khai và một bối cảnh mới". Tôi lại sống 2 cuộc đời.Sư phụ thấy tôi khó lòng nhìn vào tinh tú quang 1 cách hữu thức để chép bộ "Giáo-Lý Bí Truyền",vì thế... Sư phụ khiến cho tôi thấy những gì cần - thiết như thể tôi đang nằm mơ .Tôi thấy các cuộn giấy vừa dài vừa rộng có ghi các sự vật bên trên ,thế là tôi bèn nhớ lại chúng.Như vậy tôi đã được cho xem tất cả các Tộc trưởng từ Adam tới Noah — song song với chủ Thánh hiền ; còn ở giữa lá ý nghĩa của các biểu tượng —tức là các hiện thân.Chẳng hạn như Seth và Bhrigu tiêu-biểu cho giống dân phụ thứ nhất của giống dân chính ,nghĩa là giống dân phụ biết nói tiếng người đầu tiên của giống dân thứ ba (xét về mặt nhân chủng học)và đồng thời cũng có nghĩa là thời gian của năm dương lịch vào lúc bấy giờ ,kỳ gian của giống dân của y và nhiều điều khác nữa (xét về mặt thiên văn học —y được 912 tuổi). Cuối cùng là Enoch ,có nghĩa là năm dương lịch khi kỳ gian hiện x nay của ta đã ổn định ,365 ngày (y về chầu trời khi được 365 tuổi) v.v... Điều này thật là cực kỳ phức tạp ,nhưng tôi hy vọng là sẽ giải thích nó minh bạch 1 cách thỏa đáng . Tôi vừa mới hoàn tất 1 chương nhập đề phong phú (hoặc lời tựa — ông muốn gọi nó là gì thì gọi)để chứng minh cho độc giả thấy rằng theo thực chất của bản vănthì mỗi Tiết đều bắt đầu với 1 trang dịch từ Thiền Định Chân Kinh (Book of Dzyan) và quyển kinh Bí truyền (Secret Book) của Đức "Phật Di Lặc"("Maitreya Buddha")...đều không phải là chuyện bịa đặt hoang đường . Tôi được lệnh phải làm như vậy,để phác họa đại-khái về những gì đã biết trong lịch sử và văn chương ,trong các chuyện cổ-tích ,chuyện dân gian và thánh truyện —trong vòng 500 năm trước và 500 năm sau kỷ nguyên Thiên Chúa — bàn về pháp-thuật, sự tồn tại của 1 Giáo Lý Bí Truyền đại đồng thế giới quen thuộc với các triết gia và các điểm đạo đồ ở khắp nơi ,thậm chí với cả nhiều Đức Cha của Giáo hội nữa (chẳng hạn như Clement ở Alexandria;Origen v.v...,chính họ đã được điểm đạo).Tôi cũng được lệnh phải mô tả các Bí Pháp và 1 vài nghi thức :tôi có thể bảo đảm với ông rằng hầu hết các điều phi thường được trình bày hiện nay ,toàn bộ câu chuyện về cuộc Thập giá hình v.v... (người ta đã chứng tỏ là nó dựa vào 1 nghi thức xưa như trái đất — sự hành hình trên bàn quay của

Ứng viên --),các điều khổ não,việc xuống địa-ngục v.v...đều thuộc giống dân Aryan.Toàn bộ câu chuyện mà đến nay chẳng Đông - phương học giả nào buồn ngó ngàng tới ,lại có mặt trong các Thánh kinh ngoại môn,trong Thánh kinh Puranas và Brâmanas ,rồi lại được nội môn bí giáo giải thích và bổ sung ...Tôi có đủ tài liệu để viết ra tới 20 quyển giống như là "Nữ Thần Isis",nhưng tôi lại thiếu văn tài để biên tập các tài liệu đó .Được rồi,chẳng mấy chốc ông sẽ thấy Lời tựa này ,đó là phần khái-lược về các Bí pháp sẽ được trình bày trong bản văn bao gồm 300 trang giấy khổ 34(cm)X 43(cm)" (1).

(1) ["Thư của H.P.B. gửi cho A.P.S." trang 194-195.]

" Các bức tranh,toàn cảnh,bối cảnh và diễn biến tiến Đại Hồng Thủy cùng với tất cả các điều đó " (2) .

(2) [Như trên,trang 244]

Ngày 12 tháng 3 ,trong bức thư viết từ Wurzburg gởi cho ông Sinnett ,nữ Bá tước Wachtmeister cho biết rằng:" Tôi đã đâm ra lẫn lộn các"đoạn kinh" và phần"giảng lý" đến nỗi mà tôi thật chẳng biết làm sao bây giờ .Thế là bà Blavatsky bèn viết các "Đoạn kinh" bằng mực đỏ ,còn phần "Giảng lý" được viết bằng mực đen;nhờ vậy, nay chúng trở nên dễ hiểu hơn và người ta không còn lẫn lộn các ý tưởng nữa..."(3).

(3) [Như trên ,trang 294]

H.P.B. quyết định năm nay bà sẽ nghỉ hè ở Ostend.Bà mang theo bản thảo của bộ "Giáo Lý Bí Truyền". Dọc đường ,bà cũng bị trì hoãn nhưng rốt cuộc bà đã đến nơi ngày 8 tháng 7 và tìm được chỗ trú thuận lợi ;bà an cư ở đó để rồi sẽ gặp lại nữ Bá tước trong vài tháng nữa . Ngày 14 tháng 7 ,bà viết thư báo cho Đại tá Olcott biết rằng bà đang gởi các bản thảo ,ông không được giữ chúng lâu hơn 1 tháng ,việc phát hành từng tập phải bắt đầu mùa thu năm ấy, và người ta sẽ chỉ phải trả tiền trước những gì đang có trong tay của nhà xuất bản . Nhà xuất bản Redway (1) ở Anh và nhà xuất bản Bouton (đã từng xuất bản bộ "Nữ Thần Isis")(2) ở Mỹ phải đồng thời phát hành nó .

(1) [Nhà xuất bản George Redway ,Luân Đôn]

(2) [Ông Judge đã khuyên H.P.B. hãn bảo vệ bộ "Giáo Lý Bí-Truyền ở Mỹ,điều này có thể thực hiện được vì bà đã là 1 công dân Mỹ (Bà đã nhập tịch Mỹ năm 1879)"Thư của H.P.B. gửi cho A.P.S., trang 244)]

Bà sẽ gởi cho ông phần Lời nói đầu dành cho quí độc-giả và chương 1 của chính bộ "Giáo Lý Bí Truyền". "Quyển sách nhập- môn" dày tới hơn 600 trang giấy khổ 43(cm)x34(cm),bà cũng lặp lại điều

mà bà đã thông báo cho ông Sinnett biết về bản chất của nội dung bản thảo này.Bà sẽ gửi đi nếu Subba Row phê chuẩn và bình giảng chương I ,nó gồm có'7 Đoạn kinh trích ra từ Thiền Định Chân Kinh.." Bà không thể gởi ngay bản này đi vì bà không có bản sao của nó và chả có ai chịu sao chép giùm bà .

Nhưng hiển nhiên là Nữ Bá tước đã quay về đúng lúc để sao chép phần lớn nếu không muốn nói là tất cả những gì mà H.P.B. đã hoàn-thành.Trong bức thư gửi cho ông Sinnett ngày 21 tháng 9 (1) và bức thư gửi cho Đại tá Olcott ngày 23 tháng 9 (2) ,H.P.B. đều cho biết rằng bà đã gửi quyển I của bộ "Giáo Lý Bí Truyền"cho Adyar và nay đang viết về phần cổ đại.

(1) ["Thư của H.P.B. gởi cho A.P.S.,trang 221]

(2)[Tạp chí "Thông thiên học giả",số tháng 3 năm 1909,trang 588. "Dư âm của dĩ vãng"]

Bà dặn ông là "trong quyển I,phần Nhập môn,có 7 Tiết (hay Chương) và 27 phụ lục ,mỗi Tiết từ 1 đến 6 đều có kèm theo nhiều phụ lục v.v... Tất cả các điều này sẽ hợp thành ít ra là 1 cuốn ,song,đó không phải là Giáo Lý Bí Truyền mà chỉ là lời nói đầu của nó .Phần này cần thiết lắm ,bằng không,nếu thiên hạ bắt đầu đọc quyển sách bàn về phần cổ đại ,họ sẽ phát khùng vì những trang có tính cách quá siêu hình ...".Bà cho phép ông được tự do bố cục trong 1 chừng mực nào đó ,nhưng xin ông đừng để cho nó nhảy trang hoặc cắt xén bản thảo..."Nên nhớ rằng đây là tác phẩm lớn cuối - cùng của tôi và tôi không thể viết lại nếu nó bị mất ,vì tôi còn phải bảo toàn mạng sống của mình cũng như sinh hoạt của Hội (nó còn quí giá hơn nữa)...". " Hầu hết tác phẩm đều do "Ông già quân tử"và sư phụ truyền dạy cho tôi "(3).

(3) ["Ông già quân tử" là Chân sư Jupiter ,Thánh hiền Agastya, (Thư của H.P.B. gởi cho H.S.O.,ngày 21 tháng 10 năm 1886)]

Đại tá Olcott đã nhận được bản thảo này ngày 10 tháng 12(4).

(4) ["Nhật ký "]

Trong bài diễn văn đọc tại Đại hội thường niên ,ông cho biết (5) :"Bản thảo của quyển I đã được gởi tới cho tôi và đang được xem lại ...".

(5) ["Phúc trình tổng quát",năm 1886,trang 8.]

Ông còn nói thêm rằng chẳng bao lâu nữa ,Quyển I tức quyển nhập đề này sẽ được xuất bản ở Luân Đôn và Nữu ước .Nhưng Subba Row không chịu làm gì khác hơn là đọc nó ,vì nó có nhiều lỗi đến nỗi mà ông phải viết lại nó hoàn toàn(6).

(6) ['Hồi ký của Đại tá Olcott",quyển III ,trang 385.]

Bản thảo năm 1886 là 1 tài liệu lý thú vô cùng .Nó do nữ Bá-Tước Wachtmeister và nhiều người khác chép lại ;theo đề nghị, 1 x vài Đoạn kinh đã được viết bằng mực đỏ .Nó mở đầu với Tiết "Cùng quí độc giả".Đoạn 1 bắt đầu như sau :"sai lầm lăn tuồn tuột xuống dốc ,còn chân lý bò ì ạch lên đồi" (1).

(1) [Trang XVII ,ấn bản 1888 ;trang 1,ấn bản 1893.Muốn coi đoạn in lại của phần này trong bản thảo thời xưa ,xin xem Tạp-chí "Thông Thiên học giả",số tháng 8 năm 1931 ,trang 601-607]

Tiết nhập đề của tác phẩm đã được ~~xuất~~ trình bày diễn 1 cách đáng kể .Trong đó có bao gồm phần mở đầu như sau :"Quyển I của bộ "Nữ Thần Isis" bắt đầu với 1 lời trích dẫn từ 1 cổ thư"(2) và các cổ thư khác.

(2) [Trang xlii ,ấn bản 1888,trang 25,ấn bản 1893]

Tiết II ,bàn về Pháp thuật chánh đạo và Ma thuật ,lý thuyết và thực hành" được xuất bản (có hiệu đính và bổ sung) trong Quyển III ,ấn bản 1893 ,chủ yếu là y hệt như vậy (hầu như giống từng chữ một). Tiết III ,bàn về Đại số siêu việt và các chữ được"thiên - khải"trong các Danh xưng bí nhiệm ,chính là Tiết X của quyển III với phần tiết 1 "Toán học và hình học ,các chìa khóa để giải các bài toán đại đồng thế giới". Trong khi đó,phần tiết 2 trong bản - thảo đã biến thành Tiết XI "Hình lục giác với tâm điểm v.v.."trong quyển III .Trong bản thảo,nó bắt đầu như sau :"Luận chứng về đức-tính nơi các danh xưng (Baalshem),Molitor cho rằng ",v.v... Tiết IV với phần tiết 1 "Bậc Chơn tiên ở Tyana là ai ?"(nó bắt đầu như sau :" Giống như hầu hết các anh hùng thời thượng cổ...")ở trang 130 của quyển III.Phần tiết 2" Giáo hội La mã khiếp sợ việc công bố tiểu sử xác thực của Apollonius" bị bỏ dở trong bản thảo,ngừng lại ở câu "tức Alexander Srverus..." trang 136 quyển III.

Tiết V,"Kabeiri tức chủ thần linh bí nhiệm —theo giáo lý cổ truyền" được trình bày nơi trang 315 ,Quyển III ,dưới tựa đề "Biểu tượng ký về Mặt Trời và các Tinh tú" và cũng bắt đầu giống như vậy với đoạn trích dẫn theo Hermes. Trong phụ lục I bàn về "Sự tái lập,phát triển và lịch sử của Tục thờ cúng Thiên thần tinh tú trong giáo hội La mã",H.P.B. bắt đầu bằng cách bảo rằng "nó được soạn thảo theo nhiều nguồn tài liệu trong văn khố của Toà Thánh Vatican"v.v...Nó bắt đầu như sau " Vào giữa thế kỷ 13 sau Công nguyên ,Tổng giám mục Adalbert ở Magdeburg...".Phụ lục này được in từ trang 355 đến trang 365 trong tạp chí"Lucifer" ,số tháng 7 năm 1888 .H.P.B. đã tán rộng nó và thêm nhiều chú thích .

Chúng tôi đã trình bày với độc giả đầy đủ chứng cớ để nhận-thức được rằng Quyển III ,xuất bản năm 1897 ,chính là tài liệu xác thực của H.P.B.

Nhân dịp lễ kỷ niệm bách niên sinh-nhật của H.P.B.(năm 1931), nhà xuất bản Thông Thiên Học ở Adyar dự tính lần đầu tiên xuất-bản cái bản thảo sơ khởi của quyển I bộ "Giáo Lý Bí Truyền"mà H. P.B. đã hoàn thành năm 1886 ,rồi gởi cho Đại tá Olcott để xin Sub -ba Row phê chuẩn.Người ta đã bỏ kế hoạch này vì rất khó chuẩn bị bản thảo để đem in và sửa nó từng trang một để cho nó càng gần giống với nguyên bản càng tốt ,vì bản thảo thật là vô phương pháp khi sử dụng các dấu ngoặc kép và gạch nối v.v...và vì rất khó đoán được xem liệu dấu phẩy có nghĩa là dấu gạch hay không,hoặc ngược lại...(1)

(1) [Tạp chí "Thông Thiên Học giả",tháng 7 năm 1931,trang 429. Còn 1 loạt bài nữa được đăng trong tạp chí "Thông Thiên học giả", LIV(1),năm 1932-1933,trang 27,140,265,397,538,623.]

Phần thứ 2 của bản thảo 1886 có tựa đề:"Giáo Lý Bí Truyền",R Phần I,Thời Cổ sơ.Chương I.Thoáng nhìn vào thời kỳ vô tận.Sự tiến hóa của vũ-trụ theo 7 giai đoạn.

Tiết I có nhan đề là "Tài liệu có từ thời tiền sử" và mở đầu như sau:"Trước mặt tác giả là một pho tài liệu rất cổ,viết trên lá buông đã được tẩm một thứ dược chất đặc biệt để giữ cho đốt không cháy ,thấm nước không ướt và không thể hư hoại trải qua thời gian ".Rồi nó tiếp tục giới thiệu ngay vòng tròn với 1 điểm ở tâm ,nhưng không đề cập tới đĩa trắng vô nhiễm .Sau 24 trang , người ta trình bày Đoạn Kinh đầu tiên và hứa hẹn là sau mỗi chương sẽ có kèm theo 1 phụ lục Ngữ giải.Các chú thích của mỗi Đoạn Kinh đều được trình bày dưới dạng chú thích cuối trang ,chứ không xen kẽ trong bản văn như trong ấn bản 1888.Phần Giảng Lý của ĐoạnKinh này mở đầu như sau:" Giáo Lý Bí Truyền kiến nghị 3 định đề cơ bản". Ta sẽ thấy câu này ở trang 14 ,phần lời nói đầu của ấn bản 1888 , và trang 42 của ấn bản 1893 .Rồi tới phần đã biến thành các giảng lý trong quyển sách đã xuất bản ,còn tất cả các chú thích về mỗi Đoạn Kinh đều được trình bày liên tục,chứ không phải là theo từng đoạn kinh một.

Trong bản thảo,tổng cộng chỉ có 19 trang của Quyển II.Chúng có tựa đề là "Niên đại ký,những chu kỳ,Nhân chủng học cổ thời"; một phần là mô hình thô sơ của "Những lời giải thích mở đầu của quyển sách được xuất bản ,và 1 phần là sự biểu thị ngắn gọn về đường lối của giáo lý về Niên đại học và những giống dân mà quyển sách phải đề cập tới (2).

(2) [Xem tạp chí Thông Thiên Học giả tháng 3 năm 1925,trang 781-3 ,C.Jinarajadasa viện dẫn nội dung của bản thảo trong đó]

Khi Đại tá Olcott nhận được bản thảo ,ông tuyên bố rằng :

"Chỉ cần đọc vội vàng cũng đủ thỏa mãn được những phê bình gia xuất sắc hơn chính tôi ;bản thảo đó sẽ là 1 trong những sự góp phần quan-trọng nhất đã từng được dâng hiến cho nền học vấn triết lý và khoa học uyên bác ,một đài danh vọng của 1 tác giả trí-thức và 1 vinh dự của Thư viện Adyar,mà bà là một trong những sáng lập vien" (1).

(1) /Tạp chí Thông Thiên Học giả tháng 1 năm 1887,bản phụ trưởng ,trang XLVII /

Trong bài diễn văn thường niên,ông nói tác phẩm này phải được khai triển thành chừng 5 quyển,quyển thứ nhất chẳng bao lâu nữa sẽ được phát hành tại Luân Đôn và Nữu Ước (2).

(2) /Phúc trình tổng quát 1886,trang 8 /

Ngày 4 tháng 1 năm 1887 ,khi viết thư cho Đại tá Olcott,H. P.B. nói rằng bà lấy làm sung sướng vì ông thích phần Lời nói đầu nhưng đó chỉ là một quyển sách mở đầu và giáo lý xác thực phải tiếp theo sau.Bà đề cập đến 1 thanh niên người Anh tên là E.D.Faw -cett,y đã giúp bà tại Wurz-burg và tại Ostend và về sau tại Anh ,đặc biệt là về những phần trong quyển II nói về giả thuyết tiến hóa". Y gợi ý,sửa chữa và viết ,và nhiều trang bản thảo của y đã được H.P.B.gộp chung vào tác phẩm của bà". Y cung cấp nhiều đoạn văn trích từ các tác phẩm khoa học cũng như nhiều điều xác nhận cho giáo lý huyền môn phát xuất từ những tài liệu tham khảo tương tự "(3).

(3) /Hồi niệm ,trang 94-97,99 /

H.P.B. lại yêu cầu ông Subba Row nên xem bản thảo này và để cho ông muốn làm gì thì làm - "Tôi để cho ông ta toàn quyền hành-động .Tôi tin rằng ông ta hiểu biết sâu rộng hơn tôi,vì tôi cóthể không hiểu rõ nhiều điều về cả Chơn sư lẫn Bậc Tiến Bối.Các Ngài chỉ ban cho tôi những sự kiện và ít khi đọc cho tôi viết liên-tục ...Tôi biết rằng,những sự kiện của tôi đều hoàn toàn mới mẻ...(4)

(4) /Phỏng theo tạp chí Thông Thiên học giả tháng 8 năm 1931, trang 683 /

Vào tháng giêng,bà viết thư cho ông Sinnett biết là bà đã gửi phần giáo lý cổ truyền cho ông trước khi nó đã thực sự sẵn-sàng ,vì "bà đang viết nó lại,coi đi coi lại,xóa bỏ và thêm vào những lời chú giải do thẩm quyền của tôi" (5).

(5) /Những bức thư của H.P.B.gửi cho A.P.S. trang 226-227/

Nó đã được đệ trình cho giáo sư W.Crookes. Sau đó,H.P.B.viết thư cho ông Sinnett biết là bộ Giáo Lý Bí Truyền sẽ càng ngày càng phát triển (6).

(6) /Như trên,trang 224 /

Ở Ostend,vì phải tiếp tục nhẫn nại chịu mệt nhọc nên H.P.B. ngã bệnh gần chết và bà "nghĩ rằng cuối cùng Chân sư sẽ để cho bà được tự do".Bà "rất lo ngại về bộ Giáo Lý Bí Truyền" và bảo nữ Bá Tước phải "giữ hết sức cẩn thận những bản thảo của bà và giaotất cả lại cho Đại tá Olcott với lời dặn dò đem chúng ra in" (1).

(1) [Hồi niệm ,trang 73]

Nhưng 1 lần nữa,H.P?B. lại được chữa khỏi"một cách kỳ-diệu." Bà nói :"Chân sư đã ở đây; Ngài cho tôi được chọn lựa ,hoặc là tôi có thể chết và được tự do nếu tôi muốn ,hoặc là tôi có thể sống và viết cho xong bộ Giáo Lý Bí Truyền... Khi nghĩ đến các môn sinh mà tôi đã được phép dạy họ 1 ít điều và khi nghĩ đến Hội Thông - Thiên học (nói chung)mà tôi đã hiến dâng cả máu huyết trong tim , tôi đã chấp nhận hy sinh..."(2).

(2) [Như trên ,trang 75]

Bác sĩ Keightley gặp H.P.B. đang sống tại Ostend ,làm việc quần quật.Ông nói:"Tôi được trao cho 1 phần của bản thảo này với lời yêu cầu sửa lại ,loại bỏ,sửa tiếng Anh,thực sự là cứ việc coi như bản thảo của riêng tôi ...Bấy giờ ,bản thảo này được tách ra làm nhiều tiết ,giống như phần bao gồm dưới tựa đề "Biểu-tượng -ký" và "Những phụ lục" trong những quyển được xuất bản .Cái mà tôi thấy là một đống bản thảo được sắp xếp lung tung ,nhiều thứ phải nhờ nữ Bá tước Wachtmeister kiên nhẫn chép lại một cách cẩn-mẫn . Lúc ấy,người ta cho rằng ,chỉ cần giữ lại 1 bản sao tại Châu Âu ,trong khi các bản kia sẽ được gửi đi Ấn Độ nhờ nhiều cộng tác viên bản xứ sửa chữa. Một phần lớn công t ác đã được tiến hành sau này ,nhưng có 1 vài nguyên nhân làm trở ngại việc cộng tác.

"Cái làm cho tôi sửng sốt nhất trong phần mà tôi có thể đọc ...là 1 số lớn những đoạn văn trích dẫn của nhiều tác giả khác nh nhau . Tôi biết rằng không có thư viện nào để tham khảo và tôi thấy H.P.B. tổng cộng không có tới 30 quyển sách ,mà nhiều cuốn thuộc loại tự điển và nhiều tác phẩm khác gồm từ 2 quyển trở lên. Vào lúc đó,tôi không thấy những đoạn Thánh kinh của quyển Thiền-Định Chơn Kinh ,mặc dù nhiều bài vấn đáp bí giáo cũng có ở trong bản thảo "(3).

(3) [Như trên trang 96-97]

Vào mùa xuân,nhiều Hội viên người Anh của Hội Thông-Thiên-Học thúc giục H.P.B. đến Luân Đôn,ở đó,bà có thể được chăm sóc kỹ lưỡng hơn. Bà dọn đi với tất cả những bản thảo của mình vào ngày mùng 1 tháng 5 . Suốt mùa hè,cả hai chú cháu nhà Keightley cứ đọc đi đọc lại,chép và sửa chữa lại một chồng bản thảo cao ba bộ Anh. Sau một vài tháng ở Norwood ,H.P.B. đến ở tại số 17 đường Lansdow -ne vào tháng 9.Bà trao cho hai thanh niên có tài và tận tụy là

Bác sĩ A.Keightley và cháu của ông là Bertram Keightley đống bản-thảo để sắp xếp và đưa ra những đề nghị ,vì lúc này không có chương trình nào và không có gì liên tục. Sau hết,họ cũng được dặn là bộ sách phải được chia ra làm 4 quyển bàn về : 1) Sự tiến hóa của vũ trụ ; 2) Sự tiến hóa của con người; 3) Cuộc đời của một vài nhà huyền bí học đại tài ; 4) Huyền bí học thực tiễn ;và mỗi quyểnnày nên được chia làm 3 phần : 1- Những đoạn Thánh Kinh và Giảng lý ; 2- Biểu tượng ký ; 3- Khoa học . Điều này đã được H.P.B. chuẩn y một cách đúng lúc .

Bước kế tiếp là đọc bản thảo lại 1 lần nữa và sắp xếp lại một cách tổng quát tài liệu thuộc về những mục có đầu đề là Vũ-trụ khởi nguyên luận và Nhân chủng học ,chúng phải tạo thành hai quyển đầu của bộ sách này .Khi điều này đã được hoàn thành và H.P.B. đã góp ý một cách thỏa đáng , đã tán thành những gì được hoàn tất ,thì toàn bộ bản thảo được sắp đặt như vậy ,sẽ được những kẻ chuyên nghiệp đánh máy ra ,rồi được đọc lại ,sửa lại,so sánh với bản thảo chính và tất cả những đoạn văn trích dẫn bằng tiếng Hy-Lạp ,Hy bá lai và Bắc Phạn do chúng tôi thêm vào. Lúc bấy giờ , dường như là toàn thể giảng lý về những Đoạn Thánh Kinh của tác-phẩm này không có tới hơn 20 trang sách,vì H.P.B. đã không theo sát bản văn khi viết bài. Vì vậy,chúng tôi đã phỏng vấn bà 1 cách nghiêm trang và đề nghị bà nên viết một bài bình luận đặc-biệt (trong những lời mở đầu ,bà đã hứa với độc giả như vậy)". Giải-pháp cho vấn đề này là : "Mỗi câu kinh của Đoạn Thánh Kinh được viết (hay được cắt rời khỏi bản sao đánh máy và dán lên đầu của 1 tờ giấy) rồi được ghim ở đấy ,có viết tất cả những câu hỏi mà chúng tôi có đủ thời gian để trù liệu cho câu Kinh này...H.P.B. nghĩ ra một số lớn những câu hỏi ,bà để cho chúng tôi viết những lời giải thích đầy đủ hơn hoặc các ý tưởng riêng của chúng tôi ...Về điều mà quí độc giả trông mong ,bà nói; chính bà viết nhiều hơn,sáp - nhập 1 số ít tài liệu (1) mà bà đã viết về câu kinh đặc biệt này và tác phẩm được soạn ra như thế.

(1) [Hồi niệm,trang 92-93 (Xem thêm Tạp chí Thông Thiên học-giả ,tháng 9 -1931 ,trang 708("Những hồi niệm về H.P.B. của Bert-ram Keightley)]

Bertram Keightley viết :"Về các hiện tượng nhiễm mầu liên-quan tới bộ Giáo Lý Bí Truyền,tôi chỉ có rất ít điều để nói mà thôi". Những câu văn trích lục với những điều tham khảo đầy đủ , từ những quyển sách không bao giờ có trong nhà - những đoạn trích lục chỉ được kiểm chứng lại sau nhiều giờ tìm kiếm ,đôi khi phải đến Viện Bảo Tàng Anh quốc ,vì sách rất hiếm — thế mà tôi đã thấy và kiểm chứng được khá nhiều. Trong khi kiểm chứng những đoạn này

,đôi khi tôi thấy 1 sự kiện lạ kỳ ,đó là việc những điều tham khảo về các con số bị đảo ngược lại ,nghĩa là trang 321 thay vì 123 , nó minh họa cho sự đảo ngược của đồ vật khi người ta thấy trong tinh tú quang" (1).

(1) [Như trên trang 94]

Trong tạp chí Thông thiên học giả(2),Đại tá Olcott viết :"Thật là hoan hỷ khi biết rằng "Giáo Lý Bí Truyền" đang phát triển đều-đều.

(2) [Tạp chí Thông Thiên học giả tháng 10-1887,trang 62]

Ông Sinnett viết rằng ta đã hoàn thành được một số tài liệu nhiều bằng 1 quyển sách của bộ Nữ Thần Isis... Dù cho vị Giám đốc nhà phát hành đã đề nghị trả lại tiền cho tất cả những người đã đặt cọc mua sách (chừng 3 000 Ấn-kim)từ bao lâu rồi,cũng rất hiếm người chịu làm như vậy ..." Trong bài diễn văn thường niên vào th' tháng chạp,Đại tá Olcott có nói rằng H.P.B. đã gởi cho ông "bản - thảo của 4 chớ không phải của 5 quyển của bộ Giáo Lý Bí Truyền để xem lại,và mong rằng quyển thứnhất sẽ được xuất bản ở Luân Đôn trong vòng mùa xuân năm tới" (3).

(3) [Phúc trình tổng quát 1887,trang 9]

Vào đầu năm 1888 ,H.P.B. lại đề nghị gởi bản thảo cho ông Subba Row ,nhưng kết quả cũng chẳng hơn gì .Vào tháng 2,bà cho Đại tá Olcott biết là Tookaram Tatya đã viết thư cho biết rằngông Subba Row sẵn sàng đọc giúp và sửa chữa nếu "bộ" Giáo Lý Bí Truyền miễn là tôi đừng đề cập tới các vị Chân sư ! ...Phải chăng ông ta có ý nói rằng tôi phải phủ nhận các vị Chân sư ,hoặc là tôi chưa hiểu rõ các Ngài và xuyên tạc những chuyện đã được truyền thụ cho tôi ... Chính tôi đã chứng minh sự tồn tại của các vị Chân sư cho thế gian và Hội Thông Thiên Học.Tôi làm như vậy vì các Ngài đã phái tôi thực hiện công tác như là 1 cuộc khảo nghiệm mới mẻ trong thế kỷ thứ XIX này ,và tôi sẽ làm hết sức mình..."(4).

(4) [Trích từ 1 bức thư còn lưu lại văn khố đề ngày 24 tháng 2 năm 1888]

Thiên hạ đã bắt đầu biết rằng ông Subba Row cứ khăng khăng không chịu giúp một tay.Một nhóm hội viên ở Mỹ ,do ông Judge đứng đầu,viết thư cho H.P.B. nói rằng họ có nghe đồn bà được yêu cầu rút lại việc phát hành bộ Giáo Lý Bí Truyền ,vì lý do một vài học giả Ấn Độ có thể phản đối và họ sẽ đả-kích hay chế giễu nó . Họ yêu cầu H.P.B. đừng thèm để ý ,mà hãy xuất bản bộ Giáo Lý Bí truyền càng sớm càng tốt (5).

(5) ["Thánh đạo" tháng 2 -1888,trang 354-355]

Ngoại trừ thông lệ theo nhận xét trên , một nhóm hội viên

người Ấn ,do N.D. Khandalavala và Tookaram Tatya đứng đầu,lại nói rằngnếu H.P.B. ở Ấn Độ thì bộ sách đã ra đời từ lâu rồi. Họ nghĩ là H.P.B. không được cho biết thích đáng về những đề nghị khiến cho bộ sách chính xác hơn khi ám chỉ đến nền văn chương Ấn-Độ;một vài cảm tình viên có thể thu xếp để cho tác phẩm này được xem lại một cách dễ dàng (1).

(1) [Thánh đạo ,tháng 6 -1888 ,trang 97-98]

Từ Luân Đôn,Bertram Keightley viết thư cho biết rằng việc phát hành bộ Giáo Lý Bí Truyền đã khởi sự ;ngay khi qui mô và phí tổn của tác phẩm đã được tính toán 1 cách dứt khoát ,giá cả dành cho những người đặt cọc mua sách sẽ được ấn định và 1 thông báo được gửi đi ,cho người ta có quyền lựa chọn ,hoặc lấy sách hoặc rút lại tiền,nó đã được gửi vào ngân hàng từ khi họ trả tiền.Bộ "Giáo- Lý Bí Truyền là 1 đề tài rộng rải ,gồm nhiều phương-diện khác nhau đến nỗi mà việc soạn thảo nó thật là 1 công việc nặng nhọc và không thể ấn định trước số quyển và cỡ sách cần thiết"(2)...

(2) [Tạp chí Thông Thiên học giả tháng 5-1888,bản Phụ trương trang XXXVII]

H.P.B. đã viết "Khi toàn bộ bản thảo tác phẩm này chưa rời khỏi bàn viết tôi" và bộ Giáo Lý Bí Truyền còn chưa được mọi người biết đến 1 cách hoàn toàn,thì nó đã bị tố giác là 1 sản phẩm do trí óc tôi chế ra ,không hơn không kém.Sau đây là những lời tăng-bốc về tác phẩm xxxchưa xuất bản này được đăng trong tạp chí Điện Báo Buổi Chiều (ở Mỹ)phát hành ngày 30-6-1888 :"Trong số những cuốn sách đặcxxx hấp dẫn để ta đọc trong tháng 7 ,có cuốn sách mới về Thông Thiên Học của bà Blavatsky ...(!) Bộ Giáo Lý Bí Truyền ... Những việc bà có thể chỉ rõ sự dốt nát của người Bà La môn ...(!?) <u>không hề chứng tỏ rằng những gì bà nói là đúng sự thực</u>...(3).

(3) [Giáo Lý Bí Truyền ,quyển II ,ấn bản 1888,trang 441 ,ấn bản 1893 ,trang 460,chú thích cuối trang]

Khi Đại tá Olcott sang nước Anh vào tháng 8 ,ông nhận được 1 bức thư trong buồng tàu ,Chân sư K.H.nói trong đó là :"Ta cũng đã ghi nhận được những tư tưởng của con về bộ Giáo Lý Bí Truyền .Những gì mà bà không chú thích là trích từ những tác phẩm khoa học và những quyển sách khác ,thì chúng tôi cam kết là mình đã đưa ra và gợi ý cho bà .Mỗi sự lầm lỗi và ý niệm sai lạc trong nhiều tác-phẩm của những Thông Thiên học giả khác mà bà đã sửa chữa và giải thích là <u>do ta chữa lại hoặc do lời chỉ dạy của ta</u> . Đó là 1 bộ sách có giá trị hơn bộ sách trước ,là 1 quyển tóm lược về những chân lý huyền bí ,khiến nó được xem là một nguồn thông tri và chỉ giáo dành cho những môn sinh chân chính trong nhiều năm tới"(4).

(4) [Được in trong "Những bức thư của các vị Chân sư Minh-triết",do C.Jinarajadasa biên soạn,trang 54(1919)]

Khi đến Luân Đôn,Đại Tá Olcott thấy H.P.B. đang làm việc tại bàn giấy của bà từ sáng đến tối ,chuẩn bị"bản sao" và chữa những bản in thử của bộ Giáo Lý Bí Truyền .Cả hai quyển phải được xuất bản trong tháng ấy (tháng 8) .Tụ họp chung quanh bà là những Thông Thiên học giả tận tụy ,họ đã tạm ứng 1 500 Anh-kim để dành cho việc xuất bản bộ sách Giáo Lý Bí Truyền và nhiều loại sách khác.Ngay đến bộ Giáo Lý Bí Truyền cũng có chừng 6 Thông Thiên học giả chăm lo việc biên tập,họ đã giúp tôi sắp xếp tài liệu ,chữa lại tiếng Anh viết sai và chuẩn bị đem in .Nhưng từ đầu chí cuối,không ai tự cho mình là tác giả của giáo lý căn bản ,những phần kết luận về triết-học và giáo lý .Tôi đã chẳng chế ra điều gì ,nó chỉ được đưa ra theo như tôi đã được chỉ dạy "(1).

(1) [H.P.B. trong "Những cuốn sách của tôi",tạp chí Lucifer tháng 5 -1891 ,trang 246]

Trong thời gian này,H.P.B. bận làm việc lu bù và mất sức , "Càng ngày bà càng phải thúc khuya dậy sớm .Những ước tính của nhà in được xem xét lại .Vài yêu cầu về khuôn khổ và lề của trang sách cũng như bề dày và phẩm chất của giấy là những điểm đặc biệt đối với H.P.B. ... Khi những điều này đã được quyết định xong ,cuốn sách bắt đầu được đem in ...Nó đã qua tay ba hay bốn người khác ngoài H.P.B. nơi bản vỗ lần đầu để sửa ,hai bản xếp chữ in cũng như hai bản vỗ lại .Bà là người sửa bài nghiêm khắc nhất và chịu trách nhiệm đọc lại bản thảo ,với những kết quả kinh khủng trong mục sửa của bản tổng kê chữ in .Rồi đến việc viết phần đề tựa và sau cùng cuốn sách được xuất bản "(2),"một kho tàng Minh Triết huyền bí vô song" (3).

(2) [Hồi niệm ,trang 94]

(3) [Tạp chí Thông Thiên học giả,tháng 11-1888,trang 69]

"H.P.B. thật sung sướng trong ngày ấy" (4).

(4) [Hồi niệm,trang 85]

Bà viết trong phần mở đầu ,Quyển I:"Đối với những người xét đoán tôi trong quá khứ và tương lai...tôi không có gì để nói..Nhưng đối với đại chúng và quí độc giả của bộ Giáo Lý Bí Truyền,tôi có thể lặp lại điều mà tôi đã bày tỏ từ lâu rồi và bây giờ tôi xin mượn lời của văn hào Montaigne :"Thưa quí vị,tôi đã chỉ tạo ra được một bó hoa gồm những bông hoa chọn lọc và tôi chẳng đóng góp được gì hơn là sợi dây để buộc chúng lại" (5).

(5) [Ấn bản 1888,trang XLV-XLVI;ấn bản 189" trang 29]

Vào tháng 10 ,bộ Giáo Lý Bí Truyền mà thiên hạ cứ nghền cổ ra ngóng ,được xuất bản cùng 1 lượt ở Luân Đôn và Nữu ước...ấn bản tại Anh đầu tiên gồm 500 cuốn đã tuyệt bản trước ngày phát hành và ấn bản thứ nhì đang được chuẩn bị"(6).

(6) [Tạp chí Thông thiên học giả ,tháng 12 -1888,bản phụ-trương

trang XXXa. Xem thêm chú giải trên những ấn bản ,trang 36]

Ấn bản này được xuất bản trước cuối năm .

Trọn ấn bản này được nhà in H.P.B. (Ấn quán của Hội Thông Thiên Học)thực hiện;ấn bản tại Anh được đăng ký tại Viện các nhà xuất-bản ,trong khi ấn bản đồng thời tại Mỹ được H.P.B. đăng ký (theo điều luật quốc hội năm 1888) tại văn phòng của vị quản thủ thư-viện Quốc Hội tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn".

Bộ Giáo Lý Bí Truyền không được báo chí quan-tâm nhiều,nhưng vẫn liên tục có lời yêu cầu giới thiệu .Tạp chí Ngôi Sao Luân Đôn nhận xét "thật là kỳ diệu","xét vì quyển sách có 1 đặc tính huyền bí và khó hiểu hơn bất kỳ quyển sách nào trước đó" (1).

(1) [Trích trong tạp chí Lucifer tháng 12-1888,trang 346]

Trong bài đề tựa,H.P.B. đã xin lỗi về sự chậm trễ trong kỳ xuất bản cuốn sách này ,lý do là vì bà kém sức khỏe và qui mô lớn lao của công tác .Bà viết:" Ngay cả hai cuốn nay được phát hành cũng chưa hoàn tất được kế hoạch và cũng không bàn rốt ráo được những đề tài được đề cập đến trong bộ sách ...Nếu những quyển sách này được đón tiếp một cách đáng khích lệ thì ta sẽ không cần dè dặt mà dốc toàn lực ra hoàn tất việc tiến hành kế hoạch .Quyển thứ ba đã sẵn sàng rồi ,quyển thứ 4 cũng gần như vậy"(2).

(2) [Quyển I,trang VII. Trong ấn bản 1893,câu chót này bị in sót ,trang XIX,muốn tham khảo thêm quyển III,xin xem thêm trang 369 ấn bản 1888 và trang 386,ấn bản 1893]

" Phải nói thêm là khi lần đầu tiên loan báo việc tiến hành công tác,người ta không hề dự định như vậy".Rồi H.P.B. đề cập tới ý định ban đầu nhằm làm cho tác phẩm này là một bản tu chính của bộ 'Nữ Thần Isis lộ diện', nhưng vì có sự khác nhau trong phương-pháp soạn thảo cần thiết nên "Những quyển sách này chứa tổng cộng không đầy 20 trang sách trích từ "Nữ Thần Isis lộ diện".

Khi đề cập đến những quyển sách sẽ còn được xuất bản,bà nói: "Trong quyển III của bộ sách này (quyển sách đã nói và quyển thứ 4 hầu như đã sẵn sàng) người ta sẽ trình bày 1 tiểu sử ngắn gọn của tất cả các vị Đại Chân sư được biết từ xưa và hiện nay,theo thứ tự niên đại ,cũng như 1 tổng quan về những bí pháp ,sự ra đời, sự suy vi và rốt cuộc sự diệt vong của chúng - tại Âu châu.Điều đó không thể hiện diện trong quyển sách này .Quyển IV sẽ hầu như hoàn toàn chú trọng vào Giáo Lý huyền môn" (3).

(3) [Quyển II,trang 437,ấn bản 1888]

Khi đề cập đến những sự suy lý sai lầm của các Đông phương học giả ,liên quan tới những vị Thiền Định Phật và những phần tương

ứng của các Ngài trên cõi trần,những vị Phật tại thế(Manushi-Buddha), H.P.B. nói rằng " Giáo Lý thực sự được ám chỉ ở 1 quyển sách sau này (Xem "Sự bí mật về Đức Phật")và sẽ được giải thích 1 cách đầy đủ hơn ở đúng chỗ" (1). Điều này chắc chắn là để cập tới "Sự bí mật của Đức Phật" (2). Có thể đó là cái mà bà có ý nói tới vào năm 1886, "Bí mật tam phân được tiết lộ" (3).

(1) [Quyển I trang 52,ấn bản 1888,xem quyển III,1893,tr.376]

(2) [Quyển III,trang 359]

(3) [Hồi niệm,trang 68]

Năm 1888,những lời kết luận của bà về bộ Giáo Lý Bí Truyền là "ta đã bắt đầu thực hiện việc đốn ngã và nhổ tận gốc những cây độc hại giết người của sự dị đoan ,thành kiến và của sự vô minh kiêu-ngạo,để cho 2 quyển sách này hình thành cho sinh viên việc bắt đầu thích nghi với quyển III và IV. Cho đến khi đống rác rưởi từ bao thời đại đã bị quét sạch khỏi trí óc của những Thông thiên học giả mà những quyển sách này được hiến dâng cho ,thì người ta không thể hiểu được giáo lý thực tiễn hơn chứa đựng trong quyển thứ III.Như vậy,tùy theo quyển I và II có được những Thông thiên học giả và những nhà thần bí học hoàn toàn tiếp nhận hay không mà hai quyển sách này sẽ có được phát hành hay không,dù chúng hầu như đã đầy đủ rồi" (4).

(4) [Quyển II,trang 797-798,ấn bản 1888]

Việc so sánh những sự trình bày này với những sự kiện đã chứng minh là chúng trùng hợp với nhau ,nghĩa là,trang 1-432 của quyển III phác họa về lịch sử của 1 vài vị Đại Chân sư trên thế-gian ,còn trang 432-594 trình bày huyền bí học thực tiễn mà H.P.B. đã dạy cho các môn đồ của bà ,và thoạt tiên chỉ được lưu hành nội bộ trong 1 số đông môn sinh ...Những bài vở này ... nay đã được công bố cho quần chúng và như vậy là di sản văn chương của H.P.B. đã được công bố hết "(5).

(5) [G.R.S. Mead trong tạp chí 'Lucifer' tháng 7-1897 trang 353]

Năm 1890,H.P.B. viết trong tạp chí Lucifer (6)cho rằng nhu-cầu về "kiến thức bí mật" đã trở nên lớn đến nỗi mà khó lòng đáp-ứng nhu cầu được ."Ngay cả bộ Giáo Lý Bí Truyền ,quyển sách khó hiểu nhất của chúng ta -mặc dầu giá tiền của nó rất kinh khủng,1 cuộc âm mưu chống đối im lặng và 1 vài tờ báo hằng ngày tung ra lời khinh bỉ thô lỗ- cũng đã tỏ ra thành công về mặt tài chánh".

(6) [Tháng 3 ,1890,trang 7]

Vào cuối năm 1891,ấn bản thứ II của bộ Giáo Lý Bí Truyền đã tuyệt bản . Ông G.R.S. Mead và bà Annie Besant chịu trách nhiệm

xuất bản 1 ấn bản mới .Ông Mead đã làm bí thư cho H.P.B.trong một vài năm nên ông tự cho là mình đã ấn hành (theo 1 thể thức nào đó) hầu hết những tài liệu mà H.P.B. đã viết ra bằng tiếng Anh(1).

(1) /G.R.S. Mead trong tạp chí"Lucifer"tháng 7-1897,trang 354/

Ông là người cai quản,lo lắng cho ấn bản mới ,ông dùng tài uyên bác thưởng thặng và sự hiểu biết về những nguyện vọng của H. P.B. để sửa lại những lầm lẫn về văn phạm và nhiều điều khác trong tác phẩm. Một "Bố cáo quan-trọng" được xuất bản trong những tập kỷ-yếu Thông Thiên học như sau :"Một ấn bản tu chính của bộ Giáo-Lý Bí Truyền". Ấn bản lần thứ 2 của kiệt tác của H.P.B. tuyệt bản,ấn bản thứ 3 phải được đến tay mọi người ngay .Người ta cố gắng xem lại ấn bản mới một cách kỹ lưỡng và ban biên tập thành thật yêu - cầu tất cả các môn sinh Thông thiên học nào đã đọc bố cáo này hãy gởi cho chúng tôi bảng đính chính càng đầy đủ càng tốt. Sự kiểm - chứng những đoạn tham khảo ,trích văn,sai chính tả,những lỗi về lập bảng mục lục ,chỉ dẫn những đoạn tối nghĩa v.v...sẽ được đón nhận 1 cách hết sức ân cần .Điều quan trọng là bảng đính chính của phần đầu quyển I nên được gởi đi tức khắc.

Annie Besant. G.R.S.Mead"(2)

(2) /Xem tạp chí The Vahan ,tháng chạp 1891;tạp chí Thông-Thiên học giả ,Bản Phụ Trưởng tháng 12 ,trang XXXII và tạp-chí "Thánh Đạo" tháng 12-1891,trang 296 /

Năm 1895. " Ấn bản tu chính là 1 công tác lao tâm lao lực nhất,những vị chủ biên phải hết sức cố gắng để kiểm soát lại mỗi đoạn trích văn và chữa lại nhiều sự sai lầm về hình thức trong những bản phát hành trước .Những sự sai lầm về nội dung thì các vị chủ biên không có quyền sửa lại ..."(3).

(3) /G.R.S.Mead trong tạp chí Lucifer,tháng 7-1897,tr 353/

Bảng mục lục dành cho ấn bản lần thứ 1 và lần thứ 2 không đầy đủ lắm. Ông A.J.Faulding đã dốc hết thì giờ vào việc soạn ra 1 bảng mới và phong phú hơn ,nó được đóng riêng ra 1 quyển ;"Về công việc quá nặng nhọc này,chúng tôi và tất cả các môn sinh phải chịu ơn ông..."(4).

(4) /Đề tựa của ấn bản tu chính (kỳ III),1893 /

Từ đó,bảng mục lục này luôn luôn tỏ ra là đắc ý hơn hết. Một vài điều bổ túc được thêm vào ấn bản Adyar,trong đó,1 bảng mục lục của tất cả các quyển sách được phối hợp lại thành một bảng duy nhất .

Năm 1896. Dĩ nhiên là có những đoạn bản thảo của H.P.B. bị bỏ sót. Những đoạn này có trong tay bà Besant và sắp sửa được đem

xuất bản.Suốt trong thời gian chuẩn bị này,người ta thấy một số ít bản thảo dường như không phải là thành phần của bộ Giáo Lý Bí Truyền .Những bản thảo này được xuất bản trong tạp chí "Lucifer": 1- Các vị "thần linh"('spirits")thuộc đủ loại khác nhau (1); 2- Phật giáo,Thiên Chúa giáo và tục sùng bái sinh-thục-khí(Phallicism) (2); 3- Những đoạn linh tinh :sự tôn sùng hình tượng;những vị Hóa Thân(Avataras);những sự điểm đạo; Về Những Chu Kỳ và Những Điều Ngụy Biện Hiện Đại(Modern Fallacies)(3).

(1) [Tháng 6-1896,trang 273]
(2) [Tháng 7-1896,trang 361]
(3) [Tháng 8-1896,trang 449 và kế tiếp]

Năm 1897.Đúng vào ngày 14 tháng 6 và cùng 1 lúc ,quyển thứ 3 được bán tại Chicago và Luân Đôn. Quyển này được hoan nghênh một cách nồng nhiệt và bán rất chạy ...(4).

(4) [Xem tạp chí Thông thiên học giả tháng 9-1897,tr.766]

Khi ông Jinarajadasa lục lọi trong văn khố và góp nhặt tài liệu rải rác để gộp chung lại với nhau,ông tìm thấy một trangsách độc nhất của 1 bản thảo viết tay khác của H.P.B. gồm giảng lý và chú giải về Đoạn Thánh Kinh I. Một bản mô phỏng của trang sáchnày được in trong tạp chí Thông thiên học giả (5).

(5) [Tháng 8-1931,tr.560,được mô phỏng lại trong đó]

Bà Besant nói về việc soạn thảo bộ Giáo Lý Bí Truyền như sau: "H.P.B. đã viết viết lại,chữa lại ngay cả khi những bản in thử sau cùng đã sẵn sàng được in ra ...Những sự thay đổi tiếng,sự thiếu sót chữ và sự sắp xếp lại tài liệu của H.P.B. đã làm cho các môn-sinh hết sức say mê .Một lập luận điên rồ về ấn bản thứ 2 của bộ Giáo Lý Bí Truyền(1893) (6) (do nhà xuất bản Thông thiên học Luân Đôn xuất bản sau khi H.P.B. từ trần)vừa được đề xướng ở Mỹ,cho rằng H.P.B. không hề muốn như thế vậy.

(6) [Xem chú thích và ấn bản trên,trang 36]

Người ta ám chỉ rằng H.P.B. bị "biên tập"do 1 nhóm người có trách nhiệm về ấn bản lần thứ 2 .Những di cảo được bà để lại cho những người gìn giữ các bản thảo đã in và chưa xuất bản (tất cả đều là những môn đồ thân tín của bà),họ đã sống chung với bà trong nhiều năm và họ chỉ sửa đổi những điều mà chẳng khác nào do chính bà ra lệnh ,chủ yếu là sửa những lỗi về ngôn từ và văn phạm , và sắp đặt tài liệu cho quyển III"(7).

(7) [Tạp chí Thông thiên học giả ,tháng 3-1922,trang 534]

Để tỏ ra công bình với ông Mead và bà Besant,...với sự hiểu biết của cá nhân tôi,tôi muốn bày tỏ là ,những lời tố- cáo

thường được nhắc lại cho rằng họ,hoặc là một trong hai người, đã thực hiện những thay đổi không chính đáng về ấn bản tu chính kỳ 3 của bộ Giáo Lý Bí Truyền,làm lộn xộn bản thảo của quyển thứ ba và hủy bỏ quyển thứ tư,thì hoàn toàn sai lầm,hoàn toàn vô căn cứ ... vì tôi đã từng ở Hội quán Luân Đôn trong 4 năm để trông nom nhà in và in bản tu chính bộ Giáo Lý Bí Truyền,nên tự nhiên là tôi có nhiều cơ hội để hiểu biết sự việc...

"Bản in đầu tiên của bộ Giáo Lý Bí Truyền được chia làm 2 "ấn bản",do đó nó vẫn như nhau ,ngoại trừ dòng chữ "ấn bản kỳ hai"ở trang sách để tựa. Bản in được thực hiện bằng cách in nổi,nhưng các khuôn bản in đúc vẫn được chế tạo trong trường hợp người ta cần 1 bản in khác . Tuy nhiên,khi đến giờ khởi sự,chúng tôi thấy những khuôn đúc lại bị hỏng vì sự rủi ro và tôi là một trongnhững người khoái chí về sự thiệt hại đó,vì có dịp xem lại tác phẩm , công việc nặng nhọc này được ông Mead và bà Besant gánh vác... vì bà Besant chỉ có thể dành ra một ít thì giờ ngoài những hoạt-động khác về Thông Thiên học,nên công việc xem lại bài hầu như do ông Mead làm hết ,ông được nhiều nhân viên trong ban biên tập phụ giúp kiểm soát lại những đoạn văn trích và tham khảo ...

"Trong khi xem lại ấn bản đầu tiên của bộ Giáo Lý Bí Truyền, ông đã làm lại công tác mà ông đã làm với các bản thảo của H.P.B. trước kia ,chỉ có thế mà thôi. Đó là vì hiển nhiên là đối với bất kỳ người nào đã quen với những chi tiết về lối viết vănvà kỹthuật của việc phát hành sách,thì bản thảo của bộ Giáo Lý Bí Truyền chưa được chuẩn bị đúng đắn dành cho nhà in và việc đọc lại bản in thử cũng không được làm 1 cách cẩn thận,đến nỗi mà những lỗi về văn-phạm còn rành rành (vì tác giả không chú ý)vẫn được để nguyên như vậy .Ông Mead hay bà Besant không thay đổi gì,ngoại trừ những điều đã được sửa đổi trong bản thảo chính trước khi cho in.

Nhờ thông thái và tận tâm trong khi xem xét lại,ông Mead đáng được hưởng lòng tri ân của tất cả những độc giả biết xét đoán của bộ Giáo Lý Bí Truyền,(bà Besant cũng vậy,vì bà đã gánh vác phần công việc ~~của bàx~~ nặng nhọc của bà).

Khi tôi hoàn tất việc in quyển I và II,thì bà Besant đã đặt bản thảo quyển III trong tay tôi...H.P.B. đã phải viết lại một vài trang sách nhiều lần với những sự bôi xóa và thay đổi ,mà cũng không có điều gì biểu thị bản chép nào là bản tu chính sau cùng ; bà Besant phải quyết định là mình cố gắng làm được đến đâu hay đến đó . "Vì nó có ít đề tài hơn nhiều so với các quyển sách khác nên bà Besant bảo tôi rằng bà có thể thêm vào đó những giáo huấn của Trường Bí Giáo Thông Thiên học, vì H.P.B. đã bảo là bà có thể

làm như vậy.Ta sẽ nhận thấy là những giáo huấn này đề cập đến các vấn đề bao hàm trong quyển IV,mà ta chỉ tìm thấy một vài trang , chỉ đủ để ghi nhận H.P.B. đã ngừng viết ở chỗ nào .Tôi có khuynh-hướng tin rằng bà có ý định đem những giáo huấn này vào quyển IV và bà đã nghĩ như vậy khi viết,1 cách quá lạc quan,là hai quyển sau cùng đã hầu như hoàn chỉnh rồi. Một chồng bản thảo to cũng được tìm thấy sau khi H.P.B. chết,nhưng đó chỉ là bản thảo cũ của quyển I và II được nhà in trả lại..."(1).

(1) [James Mogan Pryse trong Tạp chí Thông Thiên học giả Gia-Nã Đại ,tháng 9-1926,trang 140-1,ông Pryse trông nom công ty xuất bản Thông Thiên học ,nó đã xuất bản bộ Giáo Lý Bí Truyền và nhiều tác phẩm Thông Thiên học khác]

Trong tạp chí "Lucifer",bà Besant viết(2):"Giá trị của bộ Giáo Lý Bí Truyền không nằm trong những tài liệu riêng biệt ,mà ở trong việc kiến tạo chúng thành 1 toàn thể kết hợp ,cũng như giá-trị của 1 đồ án kiến trúc vẫn không bị sút kém vì toà nhà được làm bằng nhiều viên gạch do nhiều bàn tay khác tạo ra ...H.P.B. rất cẩu thả về phương pháp viết văn ,bà sử dụng bất cứ đoạn văn trích nào chứng minh những lý luận của bà,xuất phát từ bất kỳ nguồn gốc nào, ở cõi trần hay cõi trung giới,bà không chú ý bao nhiêu đến việc sử dụng những dấu ngoặc kép . Thử hỏi khi biên tập ấn bản vừa qua của bộ Giáo Lý Bí Truyền ,khuyết điểm này có làm ông Mead và tôi chịu rất nhiều cực khổ chăng ?...Hỡi các bạn của tôi ở khắp bốn biển năm châu,vốn đã học ở H.P.B.những chân lý thâm sâu biến đời sống tinh thần thành 1 thực tại,ta hãy đứng vững để bênh vực bà , đừng đòi hỏi sự hoàn toàn của bà ,đừng yêu cầu chấp nhận bà là 1 'người có thẩm quyền'- nhưng hãy khẳng định sự thực về sự hiểu biết của bà ,mối liên hệ của bà với các vị Chân sư ,sự hy sinh vinh diệu của cuộc đời bà,sự phụng sự vô giá mà bà đã thực hiện vì chính nghĩa tinh thần của nhân loại .Khi tất cả những sự đả kích này đã bị lãng quên đi ,những danh vị bất tử này sẽ còn mãi mãi cho hậu thế tri ân".

Adyar ,1938 Do Josephine Ransom biên soạn

(2) [Tháng 5 -1895 ,trang 179-181]

BỊ CHÚ VỀ CÁC ẤN BẢN (Note on Editions)

Các ấn bản của bộ G.L.B.T.có 1 vài điều không được"trước sau như một".Theo tập quán hiện nay,kỳ phát hành thứ 2 là 1 kỳ ấn loát thứ 2,chứ không phải là 1 ấn bản kỳ 2(nếu trong văn bản không có gì thay đổi thì không thể gọi là 1 ấn bản mới).Tuy nhiên,trong tạp -chí"Thông Thiên học giả" tháng Chạp năm 1888,nó lại được quảng cáo

là "Ấn bản kỳ 2";hơn nữa,dòng chữ "Ấn bản kỳ 2"lại còn được in trên trang tựa đề của kỳ xuất bản thứ nhì đó.Như thế,bà Besant có lẽ thật là chí lý khi gọi ấn bản 1893 là ấn bản kỳ 2 ,mặc dù người ta thường gọi nó là ấn bản kỳ 3 từ lâu rồi .Nói cho đúng thì dường như ấn bản kỳ 3 ắt phải là ấn bản 1897 ,khi quyển III được bổ sung. Các "kỳ in lại"trong khoảng từ năm 1902 đến năm 1928 có thể được coi như là các"kỳ ấn loát".

Bây giờ mà cố gắng làm cho tất cả đều nhất quán với nhau thì chỉ tổ khiến cho độc giả càng lẫn lộn thêm nữa .Vì ta không thể sửa lại những ấn bản đã qua ,nên tốt hơn là cứ để mặc xác nó như vậy ,rồi giải thích thêm cho những người nào quan tâm đến vấn -đề này. Xem thêm trang sau.

LỜI GIỚI THIỆU

HÃY NGHE MỘT CÁCH LỊCH SỰ,HÃY PHÊ PHÁN MỘT CÁCH DỄ THƯƠNG

Shakespeare (Henry đệ V,Lời mở đầu)

Từ lúc văn chương Thông Thiên học xuất hiện tại Anh,người ta đâm ra có thói quen gọi giáo lý Thông Thiên học là "Phật-giáo Bí Truyền". Một câu tục ngữ xưa dựa vào kinh nghiệm hằng ngày , nói:" Sai lầm lăn tuồn tuột xuống dốc,trong khi chân lý bò lê-ạch lên đồi".

Những sự thực hiển nhiên cũ kỹ thường là khôn ngoan nhất. Trí óc con người khó lòng có thể hoàn toàn thoát khỏi thiên kiến, những ý tưởng quyết đoán về một vấn đề thường được tạo ra trước khi ta khảo sát tỉ mỉ về mọi khía cạnh của nó . Điều này nhằm nói tới hai lỗi lầm phổ biến : a) Giới hạn Thông thiên học vào Phật-giáo ; b)Lầm lộn những lời dạy về triết lý tôn giáo do Đức Phật Cồ Đàm thuyết giảng ,với những giáo lý được phác họa một cách rộng rải trong quyển Phật Giáo Bí Truyền (1).

(1) [Của ông Sinnett ,1883]

Người ta khó lòng có thể tưởng tượng ra được bất cứ điều gì sai lầm hơn điều này .Nó khiến cho các đối phương của chúng ta có thể tìm thấy 1 khí giới hữu hiệu chống lại Thông Thiên học,vì một học giả lỗi lạc về tiếng Pali (Nam Phạn)đã trình bày 1 cách rất sắc sảo là quyển sách nêu trên "không có tính cách bí truyền,cũng chẳng thuộc về Phật giáo". Những chân lý bí truyền được trình-bày trong tác phẩm của ông Sinnett ,không còn có tính cách bí truyền nữa từ khi nó được đưa ra cho công chúng ;quyển sách chứa đựng giáo pháp của Đức Phật cũng vậy;bây giờ có nhiều điều nữa đã được giải thích và bổ túc trong những quyển sách này ,còn cuốn trênchỉ

là một vài giáo điều rút ra từ 1 giáo lý đến nay vẫn còn bí - ẩn. Ngay cả quyển sách này,mặc dù đã đưa ra nhiều giáo lý căn bản rút ra từ Giáo Lý Bí Truyền của Đông Phương,vẫn chỉ vén được một góc nhỏ của bức màn che giấu . Đó là vì không một người nào ,cũng như không một vị Chân Sư còn sống nào đại tài nhất ,có thể được phép, hoặc có thể ,—cho dù y muốn — trình bày cho một thế gian nhạo-báng và ngỡ vực ,cái giáo lý đã được giấu kín 1 cách hữu hiệu trải qua nhiều thời đại và giai đoạn xa xưa.

Cuốn "Phật Giáo Bí Truyền" là một kiệt tác với 1 tựa đề rất bất lợi ,dù nó không có ý nghĩa gì hơn tựa đề của bộ "Giáo Lý Bí Truyền" này. Nó tỏ ra bất lợi vì mọi người luôn luôn có thói quen phê phán mọi vật theo bề ngoài hơn là ý nghĩa của chúng và vì sự sai lầm hiện nay đã trở thành phổ thông đến nỗi mà ngay cả hầu-hết những hội viên của Hội Thông Thiên học cũng đã trở thành nạn nhân của những vụ hiểu lầm như vậy. Tuy nhiên,thoạt tiên, những người Bà La Môn và nhiều người khác đã nổi lên chống đối tựa- đề đó ; công tâm mà nói,tôi phải thêm là "Phật Giáo Bí Truyền"được trình bày như là 1 cuốn sách đầy đủ và tôi hoàn toàn không hiểu tác giả có ý gì khi đọc từng chữ "Budh -ism".

Sự sai lầm này phải được qui trách nhiệm cho những người nào đã đem vấn đề này ra trước công chúng lần đầu tiên mà lại ~~không~~ quên không vạch ra sự dị-biệt giữa"Buddhism" — hệ thống tôn giáo về đạo đức do Đức Giáo Chủ Cồ Đàm thuyết giảng theo danh hiệu của Ngài là Phật(Buddha),"Đấng Giác Ngộ" — và "Budh -ism" do chữ Budha ,Minh Triết,hay sự tri thức(Vidya),quan năng tri thức,do ngữ căn Bắc Phạn (Sanskrit) là Budh,hiểu biết.Chúng ta, những Thông thiên học giả ở Ấn Độ ,mới chính là những người phạm tội thực sự ,mặc dù có dạo,chúng ta đã làm hết sức mình để sửa lại lỗi lầm (1).

(1) [Xem tạp chí Thông Thiên Học giả tháng 6-1884]

Muốn tránh việc gọi lộn tên đáng tiếc này thì cũng dễ thôi, chỉ cần sửa đổi cách đánh vần chữ này bằng cách nhất trí đọc và viết "Budhism" thay vì "Buddhism". Chữ sau chót cũng không được đánh vần và đọc lên 1 cách đúng đắn ,vì trong tiếng Anh,nó phải được đọc là Buddha-ism ;và những tín đồ là Buddha -ists .

Sự giải thích này rất cần khi khởi sự 1 công tác như công-tác hiện nay . Tôn giáo Minh triết là di sản của tất cả các nước trên khắp thế giới ,mặc dầu quyển "Phật Giáo Bí Truyền" có ghi : " Cách đây hai năm (nghĩa là năm 1883) ,tôi cũng như bất kỳ một người Âu Châu nào khác sống ở đây ,không hề biết được phần vỏ lòng của môn khoa học lần đầu tiên được hình thành ...".Sự lờ-

là ắt đã tạo ra sự sai lầm này . Tác giả cũng biết tất cả những gì được "tiết lộ" trong quyển "Phật Giáo Bí Truyền"hoặc nhiều hơn nữa ,nhiều năm trước khi bà nhận nhiệm vụ (1880) truyền thụ một phần nhỏ bộ Giáo Lý Bí Truyền cho hai nhà quí tộc Âu Châu ,mà một người là tác giả cuốn "Phật Giáo Bí Truyền".Chắc chắn,tác giả ấy (mặc dù bà thì chưa chắc)có đặc quyền được sinh ra và được giáo dục ở Âu Châu .Và chăng,một phần đáng kể triết lý do ông Sinnett thuyết - giảng,đã được dạy tại Mỹ ,ngay cả trước khi quyển "Nữ Thần Isis lộ diện" được xuất bản,cho 2 người Âu Châu và bạn đồng môn của tôi là Đại tá Olcott .Trong số 3 vị Đạo sư của ông Olcott ,người thứ nhất là 1 người Hung-ga-ri được điểm đạo,người thứ hai là 1 người Ai cập,và người thứ ba là 1 người Ấn Độ . Vì được phép,Đại tá Olcott đã đưa ra một vài giáo lý này với nhiều đường lối khác nhau; nếu hai người kia không trình bày giáo lý,đó chỉ vì họ chưa được phép ,vì họ chưa đến phiên hoạt động công khai.Nhưng đối với những người kia thì lại có; sự xuất hiện của nhiều cuốn sách hay ho của ông Sinnett là 1 chứng cớ hiển nhiên của sự kiện này. Và chăng ,phải nhớ rằng không một cuốn sách Thông Thiên học nào đạt thêm được giá trị dựa vào uy quyền giả tạo.

Adi hay Adi Budha, Đấng Duy Nhất,hay Đấng Đầu Tiên và Minh-Triết Vô Thượng; là 1 ngôn từ do Đức Aryasanga sử dụng trong những bộ luận bí ẩn của Ngài và ngày nay thì tất cả các Phật giáo đồ thần bí Bắc Tông đều dùng. Đó là1ngôn từ Bắc Phạn và 1 danh-xưng do những người Aryan (Ấn Âu) sơ khai nhất dành cho Đấng Thượng-Đế huyền vi; tiếng Brahma không có trong kinh Phệ Đà (Veda) và trong những quyển kinh buổi sơ khai . Nó có nghĩa là Minh Triết Tuyệt Đối và Adibhuta được Fitzedward Hall dịch là "Nguyên nhân bản sơ của vạn vật". Những nguyên đại của 1 thời gian dài vô hạn đã phải trôi qua trước khi tôn danh Buddha được nhân tính hóa (tạm gọi như vậy) để cho ngôn từ này có thể được áp dụng cho thế nhân, cuối cùng , nó sẽ được dành riêng cho những người có đức tính và tri thức vô song khiến Ngài nhận được tôn danh là "Đức Phật Minh Triết bất-di dịch". Bodha có nghĩa là sở năng thiên phú của trí thức hoặc kiến thức thiêng liêng ; Buddha , sự hoạch đắc tri-thức do những sự cố gắng và công đức của bản thân; trong khi Buddhi là quan - năng của sự tri thức ,vận hà mà xuyên qua đó tri thức thiêng-liêng đến với Chân ngã,sự phân biện giữa điều thiện và điều ác ,cũng như là tâm thức thiêng liêng và linh hồn cao siêu ,nó chính là hiện t thể của Atma . Khi "trực giác" ('Buddhi') hấp thụ ngã thức của chúng ta (ngã thức bị hủy diệt) với tất cả những Vikara của nó , Đức Quán Thế Âm(Avalokiteshvara)trở thành biểu lộ đối với chúng ta và Niết Bàn (Nirvana) ,hay giải thoát(Mukti) sẽ được đạt tới".

Mukti giống như Nirvana ,nghĩa là giải thoát được những xiềng xích của Mayahay Ảo-tưởng. Bodhi cũng là danh hiệu của 1 trạng thái đặc biệt của sự xuất thần, gọi là Đại-Định(Samadhi),khi mà con người tiến tới tột đỉnh của tri thức tinh-thần.

Trong thời đại của chúng ta ,thật là khờ dại và mù quáng mà oán ghét Phật-giáo một cách không hợp thời và vì giận cá chém thớt mà phủ nhận luôn Giáo Lý Bí Truyền của Phật Giáo (đó cũng là giáo-lý của những người Bà la môn) chỉ vì cái danh hiệu ấy gợi lên cho họ (trên cương vị là tín đồ Độc thần giáo) những giáo lý độc hại. Ngu muội là 1 danh từ đúng đắn dùng trong trường hợp này .Đó là vì trong thời đại của Duy vật chủ nghĩa phi lý và tục tằn này,chỉ có giáo lý bí truyền mới được trù liệu để chống lại những cuộc tấn - công liên miên trên mọi điều mà con người coi như là đáng quí và thiêng liêng nhất cho đời sống tinh thần nội tâm của mình. Nhà tr triết học chân chính ,môn sinh minh triết bí truyền ,đều hoàn - toàn quên mất phàm ngã ,những tín ngưỡng độc đoán và những tôn-giáo chuyên biệt . Và chăng,Giáo Lý Bí Truyền dung hoà tất cả các tôn giáo ,lột trần những lớp vỏ bên ngoài do con người dựng nên và chỉ rõ rằng nguồn gốc của mỗi tôn giáo cũng đều giống như nguồn gốc của mọi tôn giáo lớn khác . Nó chứng tỏ sự cần thiết của một nguyên lý tuyệt đối Thiêng Liêng trong vũ trụ. Nó phủ nhận Thượng Đế không khác gì phủ nhận Mặt Trời. Giáo Lý Bí Truyền không bao giờ chối bỏ Thượng Đế trong vũ trụ,và Thượng Đế trên cương vị là Thực-Thể Tuyệt Đối và Trừu Tượng. Nó chỉ bác bỏ sự nhìn nhận bất cứ vị thần linh nào của cái gọi là những tôn giáo độc thần ,những vị thần do con người sáng tạo giống như hình ảnh của riêng mình —một bức hoạt họa phạm thượng và tồi tệ của cái Bất khả tri luận Đời Đời . Hơn nữa,chúng tôi có ý trình bày cho độc giả 1 số tài liệu bao hàm tất cả các giáo lý bí truyền của khắp thế giới ,từ lúc bắt đầu có loài người chúng ta . Phật giáo huyền môn đã chỉ chiếm trong đó 1 vị thế chính thống ,không hơn không kém . Thật vậy, những đoạn bí ẩn trong quyển Thánh Kinh Dan hay Janna (Dhyâna)(1) gồm những giáo lý siêu hình của Đức Cồ Đàm (Gautamà)- những giáo lý này chỉ có vẻ quan trọng đối với người nào chưa biết các giáo lý của Tôn giáo Minh triết cổ thời —chẳng qua chỉ là 1 đoạn rất ngắn của trọn quyển sách.

(1) [Dan ,theo lối phát âm của tiếng Tân Trung Quốc và Tây-Tạng là Ch'an ,là ngôn từ tổng quát dành cho các trường bí giáo và văn chương của các trường này . Trong những kinh sách cổ,tiếng Jan -na được định nghĩa là " tự tu sửa nhờ sự tham thiền và sự tri--thức" một sự tái sinh bên trong . Từ đó mới có Dzyan ,Djan (xét về cách phát âm),Thiền Định Chân Kinh(Book of Dzyan).Xem Edkins"Phật-giáo Trung Quốc",tr.129,chú thích]

Nhà cải cách Ấn Độ này giới hạn giáo lý công truyền của Ngài trong phạm vi của tôn giáo minh triết về luân lý và sinh lý học thuần túy của luân lý và con người mà thôi.

Về những điều "không thấy được và vô hình",những sự bí mật về hữu thể ở bên ngoài cõi trần của chúng ta ,Đức Thầy vĩ-đại này hoàn toàn không đề cập tới trong những bài thuyết pháp của Ngài dành cho công chúng ,mà Ngài chỉ nói những chân lý bí ẩn cho một số môn đồ chọn lọc của Ngài,những vị La hán(Arhats).Chữ La-hán được Ngài điểm đạo ở thạch động danh tiếng Saptaparna(Thất - Diệp)(Sattapani của Kinh Mahâvansa)ở gần núi Baibhar (gọi là Web -hara trong bản thảo tiếng Pali).Động này ở trong vùng Rajagri -ha ,cố đô của vương quốc Magadha (Ma kiệt đề) và cũng là động Cheta của Đức Fa-hian (Pháp Hiển)mà 1 vài nhà khảo cổ nghi ngờ thật đúng .(1)

(1) [Chúng tôi tin rằng ông Beglor, 1 vị Chánh kỹ sư ở Bồ Đề Đạo Tràng(Buddha Gaya)và là 1 nhà khảo cổ lỗi lạc ,là người đầu tiên đã tìm ra điều này]

Thời gian và sự tưởng tượng của con người đã mau chóng biến đổi sự thuần khiết và triết lý của những giáo lý này một khi mà chúng đã được di chuyển từ Đoàn thể La hán bí mật và cao cả này đến 1 nơi chưa sẵn sàng với những nhận thức siêu hình bằng Ấn Độ (trong lúc tiến hành công việc cải đạo), nghĩa là một khi chúng được di chuyển qua Trung Quốc ,Nhật Bản,Thái Lan và Miến Điện .

Muốn biết sự thanh khiết nguyên thủy của những điều tiết-lộ quan trọng này được bàn tới như thế nào ,ta có thể nghiên cứu cái gọi là các trường phái Phật giáo "bí truyền" thuở xưa dưới 1 hình thức mới ,chẳng những tại Trung Quốc và các nước Phật giáo khác nói chung ,mà còn trong khá nhiều trường phái ở Tây Tạng ,ở chúng đã được các vị Lạt-ma (Lamas)chưa được điểm đạo và các nhà cải cách Mông Cổ chăm sóc.

Vì vậy,yêu cầu độc giả phải ghi nhớ sự dị biệt rất quan - trọng giữa Phật giáo <u>chính thống</u>—nghĩa là giáo lý công truyền của Đức Phật Cồ Đàm <u>và Phật Giáo Bí Truyền</u> . Tuy nhiên,giáo lý bí truyền của Ngài không hề khác với giáo lý của những đạo sĩ Bà la môn được điểm đạo cùng thời với Ngài . Đức Phật là 1 cậu bé thuộc dòng Âu Ấn (Aryan), 1 người Ấn Độ chính tông, 1 người thuộc giai cấp vương tộc và là đệ tử của "Đấng được cải tử hoàn sinh" (những người Bà la môn được điểm đạo) hay là Dvija. Vì thế ,giáo lý của Ngài không thể khác với giáo lý của họ ,vì toàn bộ cuộc cải cách của Phật giáo chỉ cốt đưa ra 1 phần giáo lý đã được giữ bí-mật đối với những người ở ngoài đoàn thể "huyền ảo" của những vị

được điểm đạo trong Thánh điện và những nhà tu khổ hạnh. Vì phải giữ lời hứa ,nên Đức Phật không thể dạy tất cả những gì mà Ngài đã đã thụ huấn,dù Ngài đã dạy một thứ triết lý được dựng trên nền tảng của sự hiểu biết thực sự bí truyền ,Ngài chỉ đưa ra cho thế-gian cái thể vật chất bên ngoài và giữ lại phần hồn dành cho những môn đồ ưu-tú của Ngài . Nhiều học giả Trung-Quốc trong số những Đông Phương học giả đã từng nghe nói tới "Tâm pháp". Dường như không có 1 người nào hiểu được ý nghĩa chân chính và sự quan trọng của giáo lý này.

Giáo lý này được giữ 1 cách bí mật — có thể là 1 cách hết sức bí mật —bên trong Thánh điện. Sự bí mật vốn che giấu giáo-điều và nguyện vọng chủ yếu của nó —Nirvana(Niết Bàn) đã thử thách và kích thích sự tò mò của những học giả nào đã có nghiên cứu về điều này đến nỗi mà khi không thể giải quyết được nó 1 cách hợp lý và 1 cách thỏa đáng bằng cách mở được cái gút Gordian(tức là giải-quyết 1 vấn đề hóc búa),họ cắt đứt luôn cái gút bằng cách tuyên bố rằng Nirvana có nghĩa là sự tiêu diệt tuyệt đối.

Vào khoảng cuối phần tư đầu tiên của thế kỷ này (thế kỷ XIX), 1 loại văn chương riêng biệt xuất hiện trên thế giới ,khuynh hướng của nó ngày càng được minh xác rõ rệt. Vốn được căn cứ trên cái gọi là những cuộc khảo cứu thông thái của các nhà ngữ học Bắc Phạn và những nhà Đông phương học nói chung ,nó được coi là có tính cách khoa học . Ấn Độ giáo ,Ai cập giáo và những tôn giáo xưa khác,những chuyện thần thoại ,những biểu tượng đã được khiến cho tạo ra bất cứ điều gì mà các nhà biểu tượng học muốn tạo ra ,và như vậy ,hình-dáng thô thiển bên ngoài thường được trình bày thay cho ý nghĩa bên trong . Những tác phẩm đáng chú ý nhất là nhờ có những suy diễn và suy lý khéo léo ,circule vicioso(vòng luẩn quẩn)— các tiền đề trong thuyết tam đoạn luận của hơn 1 học giả Bắc và Nam Phạn đã thường được thay thế bởi các kết luận đã biết trước —với những bài nghị luận về lòng tôn sùng tính dục và sinh thực khí hơn là biểu-tượng học xác thực (bài này mâu thuẫn với bài kia),xuất hiện rất nhanh và rất liên tục,tràn ngập khắp các thư viện.

Đây có thể là lý do thực sự ,tại sao sự phác họa 1 vài chân-lý căn bản rút ra từ giáo lý bí truyền của những thời đại cổ sơ , bây giờ mới được phép ra đời ,sau hàng ngàn năm được giấu kín trong sự im lặng và bí mật thâm sâu nhất . Tôi đã cố ý nói "một vài chân lý" bởi vì cái phải được giữ lại không nói ra được ,không thể được bao hàm trong hàng trăm cuốn sách như thế ,nó cũng không thể được truyền thụ cho thế hệ hiện nay của môn phái Sadduceesx. Nhưng ngay cả một vài điều được đưa ra cũng còn hơn là hoàn toàn im lặng về các chân

lý tối quan trọng .Ngày nay,trong khi điên cuồng chạy đua về phía cái huyền vi mà nhà vật lý học sẵn sàng nhầm với cái bất khả tri, bất cứ khi nào vấn đề rắc rối không còn ở trong tầm nhận thức của y ,thiên hạ đang nhanh chóng tiến trên cõi vật chất,cõi đối nghịch với cõi tinh-thần .Bây giờ ,nó đã trở thành 1 đấu trường rộng lớn, 1 thung lũng thật sự của mối bất hoà và sự xung đột triền miên, 1 bãi tha ma,nơi chôn vùi những nguyện vọng cao cả và thiêng liêng nhất của Thần Hồn chúng ta. Cứ mỗi thế hệ mới thì linh hồn này càng tê liệt và càng suy nhược . "Những người mất đức tin dễ thương và những người truy lạc hoàn toàn" trong Hội,mà ông Greeley đã nói tới,không ưa gì sự hồi sinh của những nền khoa học đã chết từ thời quá khứ mà chỉ có 1 số ít môn sinh đủng đỉnh mới được phép học một vài chân lý có thể được đưa ra lúc này ,và bây giờ , nhiều hơn 10 năm về trước ,khi quyển "Nữ thần Isis lộ diện" xuất hiện,hoặc ngay cả khi những quyển sách sau này cố gắng giải thích những sự bí mật của khoa học bí truyền,đã được phổ biến.

Một trong những sự phản đối quan trọng nhất và có lẽ là nghiêm chỉnh nhất đối với sự chính xác và xác tín của trọn bộ sách này sẽ là những đoạn Thánh Kinh(Stanzas) đầu tiên.Những sự trình-bày trong cuốn sách có thể được kiểm chứng như thế nào ? Thực vậy, dù 1 phần lớn những tác phẩm Bắc Phạn ,Trung Quốc và Mông Cổ được trích dẫn trong quyển sách này đã được 1 vài nhà Đông phương học biết tới ,song tác phẩm chủ yếu (những Đoạn Thánh Kinh được trích ra từ quyển sách này) lại không thuộc quyền sở hữu của những thư viện ở Âu Châu . Cuốn Thiền Định Chân Kinh là tác phẩm mà những nhà ngôn ngữ học của chúng ta hoàn toàn không biết gì ,thậm chí họ cũng chưa bao giờ nghe nói đến tên của cuốn sách này .Dĩ nhiên đó là 1 trở ngại lớn đối với người nào theonhững phương pháp khảo-sát do khoa học chính thức qui định ,nhưng đối với môn sinh huyền bí học chân chính,thì điều này cũng chẳng ăn thua gì .Song bộ phận chính của những giáo lý được đưa ra ,lại rải rác trong hàng trăm ngàn bản thảo Bắc Phạn,vài đoạn đã được dịch — thường thường các bản dịch này đều bị xuyên tạc —những đoạn khác còn đang chờ đến lượt mình . Vì thế ,mọi học giả đều có cơ hội kiểm chứng những phát biểu được viết ra trong đó và kiểm soát lại hầu hết các đoạn văn trích. Một vài sự kiện mới ,chỉ mới đối với các nhà Đông phương học trần tục mà thôi, và những đoạn văn trích từ những giảng lý sẽ khó lòng truy nguyên được. Cho đến nay,nhiều giáo lý cũng được truyền khẩu ,thế nhưng,dù sao đi nữa,những giáo lý này cũng được nói 1 cách bóng gió trong vô số sách vở của nền văn học thánh điện thuộc Bà la môn,Trung Quốc và Tây Tạng.

Dù sao đi nữa,dù tác giả có bị chỉ trích 1 cách ác ý đi nữa,

song có 1 điều rất chắc chắn ,Những môn sinh của nhiều trường bí-giáo —trường của những người bên kia dãy Hy mã lạp sơn, những chi nhánh của trường này có thể được tìm thấy ở Trung Quốc ,Nhật Bản, Tây Tạng ,ngay cả ở Syria ,cũng như ở Nam Mỹ —tự cho là có sở-hữu bản thảo cũng như là ấn bản của toàn bộ Kinh sách thiêng liêng và thuộc về triết lý;thực vậy,tất cả những quyển sách này đã từng được viết bằng nhiều thứ ngôn ngữ hoặc chữ,từ những chữ tượng hình, cho đến mẫu tự của nhà ngôn ngữ học Cadmud và thứ ngôn ngữ thần-linh (Devanagari)(từ khi mới bắt đầu có thuật viết lách).

Từ khi thư viện Alexandria (1) bị phá hủy, người ta không ngớt tuyên bố rằng mọi tác phẩm có 1 đặc tính có thể dẫn kẻ phàm-phu tục tử đến sự khám phá và sự hiểu biết tối hậu về 1 vài sự bí mật của khoa học huyền bí ,do những sự cố gắng phối hợp của những hội viên của các Đoàn thể Huynh Đệ này ,đã được tận tâm tìm kiếm. Và chăng,các thức giả còn thêm rằng,họ đã có lần tìm thấy tất cả những quyển sách bị thiêu hủy ,ngoại trừ ba bản sao của mỗi một trong những quyển kinh này đã được gìn giữ và lưu trữ một cách an toàn . Ở Ấn Độ,bản chót của những bản thảo quí giá này được giữ an toàn và giấu kín trong thời trị vì của hoàng đế Akbar.

(1) [Xem quyển"Nữ thần Isis lộ diện" quyển II trang 27]

Giáo sư Max Muller chỉ rõ rằng ,không sự lo lót và hăm dọa nào của Hoàng đế Akbar đối với những người Bà la môn,có thể cưỡng đoạt được nguyên tác của Thánh Kinh Phệ Đà(Vedas),tuy nhiên,ông khoe là những nhà Đông Phương học Âu Châu có nguyên bản này(2).

(2) [Quyển "Tôn giáo học nhập môn",trang 23]

Việc Âu Châu có được trọn bộ Kinh là 1 điều cực kỳ đáng ngờ vực và trong tương lai có thể xảy ra những điều bất ngờ khó chịu dành cho những nhà Đông Phương học.

Và chăng,người ta khẳng định rằng mỗi quyển Thánh Kinh thuộc loại này (văn bản của quyển Kinh không được hoàn toàn che giấu bằng biểu tượng học hoặc nó có đề cập trực tiếp đến những điều bí mật xa xưa) trước tiên được chép lại 1 cách cẩn thận bằng những chữ ám hiệu ,như thể thách đố nhà cổ tự khéo léo và tài giỏi nhất, rồi bị hủy bỏ đến bản chép cuối cùng. Trong thời Hoàng-đế Akbar trị vì,vài vị cận thần cuồng tín không ưa sự tò mò tội lỗi của Đức Vua đối với những tôn giáo của người ngoại đạo,nên chính họ đã giúp những người Bà la môn giấu kín những bản thảo này .Chẳng hạn như Badaoni,ông đã công khai ghê tởm sự say mê những tôn-giáo ngẫu tượng của Akbar.

Trong quyển Muntakhâb at Tawarikh, Badaoni viết :

" Vì họ(những tu sĩ Shramana (Sa môn) và những người Bà-la -

môn)đã vượt xa những người có học thức khác nhờ những bộ luận về đạo đức,về vật lý học và những môn khoa học tôn giáo và đạt được một trình độ cao về sự hiểu biết vị lai,về quyền năng thiêngliêng và sự hoàn thiện của con người,nên họ đã đem lại những bằng chứng dựa trên lý luận và chứng cớ... họ đã ghi sâu những giáo lý củahọ vào tâm khảm một cách không gì lay chuyển nổi...đến nỗi mà không một người nào ... bây giờ có thể nghi ngờ về Đức Vua của mình cho dù những ngọn núi có bị sụp đổ thành tro bụi,hay những tầng trời có bị xé tan ra làm hai... Đức vua y thích tìm hiểu những môn phái của những người ngoại đạo này ,họ thật là không biết cơ man nào mà kể ,họ có không biết bao nhiêu là những quyển kinh thiên khải(1).

(1) [Cuốn "Ain i Akbari do tiến sĩ Blochmann dịch,do Max Mul-ler trích ra trong tác phẩm đã dẫn (op.cit.)]

Quyển kinh này được giữ gìn bí mật và không được phổ-biến cho mãi đến thời trị vì của Hoàng-đế Jahangir .

Và chăng ,trong tất cả những đạo-viện rộng lớn và sangtrọng, có những căn hầm dưới đất và những tàng thư thạch động khoéttrong đá ,bất cứ khi nào những ẩn địa (Gonpa)(2) và những Thánh-điện(La-khang)(3) được dựng trên các ngọn núi.

(2) [Nơi ẩn dật]
(3) [Thánh điện]

Ở bên kia miền Tây Tsaydam,trong những con đường xuyên sơn quanh hiu của đèo Kuen-lun (4) có rất nhiều chỗ chôn giấu như vậy.

(4) [Rặng núi Karakoran,ở miền Tây của Tây Tạng]

Dài theo đỉnh núi Altyn-Tagh (đến nay,không có dấu chân nào của người Âu đã dẫm lên đây),có 1 ngôi làng bị giấu kíntrong một khe núi thật sâu ...Có 1 chòm nhà nhỏ,1 xóm nhà hơn là 1 đạo viện ,trong đó có 1 ngôi đền tối tàn và 1 vị Lạt ma già nua ẩn cư gần đó để giữ gìn đền.Những người đi hành hương nói rằng nhữngngôi hầm và những căn phòng ở dưới đất có chứa 1 số sách chọn lọc , 1 số kinh sách (theo sự ước tính)lớn đến nỗi mà ngay cả Viện Bảo-Tàng Anh-Quốc cũng không đủ chỗ chứa.

Cũng theo truyền thuyết đó,những vùng hoang vu của miền đất Taria khô cằn —một hoang địa thực sự ở trung tâm Turkestan -- ngày xưacó nhiều đô thị phồn vinh và thịnh vượng .Hiện nay,chỉcòn 1 vài ốc đảo cây cối sum sê làm giảm bớt sự cô tịch hãi hùng của nó.Một ốc đảo trải ra trên lăng tẩm của một thành phố rộng lớn đã bị 1 vùng đất đầy cát của sa mạc che lấp và chôn vùi ,mà những người Mông Cổ và tín đồ Phật giáo thường lui tới,lại không của ai cả .

Truyền thuyết cũng nói rằng có những hang động dưới đất rộng mênh mông,những hành lang rộng có đầy ngói và cột trụ .Đó có thể là 1 tin đồn vô căn cứ,nhưng cũng có thể là 1 sự kiện có thực.

Rất có thể tất cả những điều này sẽ làm cho người ta mỉm cười ngờ vực ?. Nhưng trước khi độc giả bác bỏ sự trung thực của những bản phúc trình này ,xin y hãy ngừng lại và suy gẫm những sự kiện nổi tiếng sau đây.Những cuộc khảo sát tập thể của các nhà Đông phương học và đặc biệt là những công trình khó nhọc của những sinh viên ngữ học đối chiếu và khoa tôn giáo trong những năm gần đây,đã khiến cho họ biết chắc rằng có vô số bản thảo cũng như các ấn phẩm được biết là đã hiện hữu,mà hiện nay không còn được tìm thấy nữa.Những tác phẩm này đã biến mất không còn để lại một chút vết tích mỏng manh nào phía sau chúng .Nếu đó là những tác phẩm không quan trọng thì có thể là chúng đã bị để cho tiêu luôn theo dòng tự nhiên của thời gian và tên sách sẽ bị xóa nhoà trong ký-ức của con người .Nhưng đây lại không phải như thế ,vì hiện nay , ta biết chắc là hầu hết bản thảo đều chứa đựng những chìa khóa thực sự dành cho những tác phẩm hiện còn lại và bây giờ hoàn toàn không thể hiểu được đối với phần lớn độc giả ,nếu họ không có những cuốn sách có chua thêm phần bình luận và phần giải thích này.

Thí dụ như những quyển kinh của Lão-Tử',bậc tiền bối của Đức Khổng Tử . Nghe đâu,Ngài đã viết được 930 quyển kinh về Đạo-Đức-học và tôn giáo ,và 70 quyển về pháp-thuật,tất cả là 1 000 quyển. Tuy nhiên,tác phẩm vĩ-đại nhất của Ngài chính là Đạo Đức kinh,tâm pháp của Ngài và quyển Thánh kinh của Lão-giáo(như giáo sư Stanis-las Julien đã vạch rõ) chỉ có khoảng 5 000 chữ (Đạo Đức Kinh, tr. xxvii),không đủ dành cho 12 trường sách. Song giáo sư Max Muller nhận thấy rằng "tác phẩm này thật khó hiểu nếu không có lời bình-luận,đến nỗi mà ông Julien ,khi có ý định dịch tác phẩm này,đã ph phải tham khảo ý kiến hơn 60 nhà bình luận (bản bình luận xưa nhất là vào đầu năm 163 trước Thiên Chúa,và như chúng ta thấy,không xưa hơn). Trong suốt 4 thế kỷ rưỡi,trước "bản xưa nhất" này của những nhà bình luận ,có quá đủ thời gian để giấu kín giáo lý chân truyền của Đức Lão Tử' đối với mọi người,ngoại trừ những tu sĩ được điểm đạo của Ngài. Hiện giờ,trong số những người Nhật- Bản, có những đạo sĩ và những môn đồ thông thái nhất của Lão-Tử ; họ đã cười nhạo về những lỗi lầm và những giả thuyết của những học - giả Âu Châu,Trung Quốc ,và truyền thuyết quả quyết rằng những bài bình luận mà những nhà Trung Quốc học Tây Phương của chúng ta đã có được ,không phải là những bản kinh chép lại thực sự huyền bí , mà chỉ là những bức màn cố ý che đậy,còn những bài bình luận xác-thực ,cũng như hầu hết tác phẩm này,thì con mắt phàm tục đã từ lâu

rồi không còn thấy được nữa.

Chúng ta hãy đọc những kinh sách của Đức Khổng-Tử:

" Nếu quay sang Trung Quốc,chúng ta sẽ nhận thấy rằng Khổng-giáo được dựng trên Tứ Thư và Ngũ Kinh —bản thân của những quyển kinh này cũng đã rất vĩ đại ,thế mà,bao quanh chúng lại còn có vô số lời bình luận,nếu không có những Lời bình luận này thì những học giả trí thức nhất cũng không dám thăm dò độ sâu của Giáo-điều thiêng liêng của Ngài (1).

(1) [Max Muller,tác phẩm đã dẫn ,trang 114]

Nhưng họ đã không thăm dò giáo lý này ,nên mới có lời than - phiền của các tín đồ Khổng Giáo ;vào năm 1881,tại Ba-Lê, 1 hội - viên rất thông thái của Hội Khổng Giáo đã phiền trách như vậy.

Nếu những học giả của chúng ta quay sang nền văn học cổ - truyền của những tôn giáo của người Semite,những Kinh thánh của người Can-Đê,chị cả và cũng là nữ huấn sư,nếu không phải là nguồn gốc của Thánh kinh Moise,nền tảng và khởi điểm của Thiên Chúa giáo, thì những học giả này sẽ tìm thấy gì ?Cứ ghi mãi kỷ niệm của những tôn giáo xưa của thành Babylon,cứ ghi lại cái chu kỳ dài nhất của những cuộc quan sát thiên văn học của những vị pháp sư Can Đê ,cứ chứng minh truyền thuyết của nền văn học huyền bí huy hoàng của họ ,bây giờ thì còn lại gì ? Chỉ có 1 vài bản kinh rời rạc mà nghe nói là của Berosus.

Tuy nhiên,những tác phẩm này gần như cũng không có giá-trị, ngay cả với vai trò là 1 manh mối về đặc tính của cái đã biến mất, vì những tác phẩm này đã qua tay của Đức Giám Mục Caesarea —ông tự coi mình là người kiểm soát và ấn hành các bản Kinh thánh của các tôn giáo của những người khác — và cho đến ngày nay,chắcchắn là chúng còn ghi dấu thủ bút đáng tin cậy và thật thà của ông.Bởi vì,đâu là lịch sử của các bộ luận nói về tôn giáo vĩ đại ở Babylon?

Bộ luận này được Berosus,một mục sư của đền thờ Belus,viết bằng tiếng Hy Lạp cho Đại Đế Alexander,nó được rút ra từ những bản kinh nói về Chiêm-tinh-học và niên-đại-học do những mục-sư của đền này gìn giữ,những bản kinh này bao gồm 1 thời kỳ 200 000 năm ,và bây giờ đã bị thất lạc . Vào thế kỷ thứ I trước Thiên-Chúa ,Alexander Polyhistor đã soạn được 1 loạt trích lục từ bản kinh này ,nhưng rồi chúng cũng bị thất lạc.Eusebius (270-340 sau T.C.) đã dùng những đoạn trích này để viết cuốn niên sử của mình.Những điểm tương đồng giữa những kinh sách của người Do Thái và Can-Đê đã khiến cho kinh sách Can Đê trở thành 1 điều rất nguy hiểm cho Eusebius trong vai trò của người bảo vệ tín ngưỡng mới ,nó đã

chấp nhận những quyển kinh Do thái và 1 Niên đại ký phi lý (1) .

(1) [Chỉ ngày nay mới được tìm thấy và được chứng minh ,nhờvào những điều khám phá của Georges Smith (xem cuốn "Sáng Thế-Ký Can-Đề") và vì nhà ngụy tạo Armenie này mà tất cả các "nước văn-minh" đã bị lầm lạc trên 1 500 năm khi chấp nhận những điều dẫn xuấtcủa Do Thái là sự tiết lộ Thiêng liêng trực tiếp]

Hiện nay,có 1 điều chắc chắn là Eusebius đã không dung tha những bảng niên biểu đối chiếu Ai cập của sử gia Manetho —đến nỗi nhà khảo cổ Bunsen(2) phải tố cáo ông là kẻ cắt xén lịch-sử một cách nhẫn tâm nhất,và ông Socrate, 1 sử gia của thế kỷ thứ V, và ông Syncellus, 1 phụ tá giáo trưởng ở Constantinople vào đầu thế kỷ thứ VII, đã tố cáo ông là kẻ bịa đặt liều lĩnh và vô vọng nhất. Như vậy,liệu ông có khoan dung cho những bản kinh Can-Đề này , chúng đã hăm dọa tôn giáo ,vốn đã được chấp nhận 1 cách quá vội-vàng chăng ?

(2) [" Vị trí của Ai cập trong lịch sử",I,trang 200]

Ngoại trừ những bản kinh rời rạc đáng ngờ hơn hết này , toàn bộ nền văn học thiêng liêng của Can-Đề cũng đã hoàn toànbiến khuất mắt của những người phàm tục như Châu Atlantis đã thất tung. Một vài sự kiện được ghi trong lịch sử của Berosus đã được đưa ra sau này,nó có thể soi sáng thêm về nguồn gốc thực sự của những vị Thiên Thần sa đọa được nhân cách hóa như là Bel và con Rồng(Dragon).

Bây giờ,chúng ta quay sang mẫu văn chương xưa nhất của người Âu Ấn (Aryan) là kinh Phệ Đà (Rig Veda) ; nếu chịu theo dõi một cách nghiêm nhặt những dữ kiện do các nhà Đông phương học cung cấp ,thì môn sinh huyền bí học sẽ thấy rằng ,dù Rig Veda chỉ chứa đựng khoảng 10 580 câu thơ hay 1 028 thánh ca, song bất-chấp kinh Brahmanas và 1 số lớn lời chú giải và bình luận,cho đến ngày naycũng không ai hiểu được nó một cách đúng đắn. Tại sao vậy ?Bởi vì hiển nhiên Brahmanas ,"những đoạn luận uyên thâm và xưa nhất" về các câu thánh ca đầu tiên ,cũng cần phải có 1 chìa khóa , mà những nhà Đông phương học còn chưa kiếm ra được.

Lại nữa,những học giả đã nói gì về văn chương Phật-giáo ? Họ có đủ những kinh sách này không ? Chắc chắn là không . Mặc dù có 325 quyển kinh Kanjur va Tanjur của các tín đồ Phật giáo Bắc Tông ,mà chúng tôi được biết là mỗi quyển "cân nặng từ 4 đến 5 cân Anh(viết tắt là lb.,bằng 453.60g - LDG) ,chứ thật ra thiên-hạ không biết gì về Lạt-ma-giáo . Tuy nhiên,giáo điều thiêng liêng được nói trong kinh Saddharmalankara (Diệu Pháp Lăng già) chứa đựng 29 368 000 chữ hoặc là (nếu không kể những lời bình luận và chú giải) bằng 5 hay 6 lần tổng số tiết mục chứa đựng trong quyển

Thánh Kinh Thiên Chúa giáo(Bible) mà (như giáo sư Max Muller đã trình bày)theo số liệu lạc quan hơn hết ,cũng chỉ có 3 567 180 chữ mà thôi. (1)

(1) /Cuốn "Những Huyền Thoại và Lý Thuyết của Phật-Giáo"của Spencer Hardy,trang 66./

Thế mà bất chấp 325 quyển kinh này (thực sự là có 333 quyển, kinh Kanjur gồm có 108 quyển,và kinh Tanjur có 225 quyển),"để biện minh cho giáo lý của nhiều trường phái của mình ,những dịch giả đã xen vào những câu kinh này những lời bình luận riêng của họ, thay vì cung cấp cho chúng ta những bản dịch đúng đắn"(2).

(2) /E.Schlagintweit, cuốn "Phật Giáo Tây Tạng",trang 77/

Hơn nữa,theo 1 truyền thuyết được các trường phái Phật-giáo Nam và Bắc Tông gìn giữ,giáo điều thiêng liêng của Phật giáo gồm có nguyên gốc là 80 000 hay 84 000 bài kinh ngắn, nhưng hầu hết đã bị thất truyền, đến nỗi mà chỉ còn 6 000 bài " —vị giáo sư này đã đã nói với các thính giả của ông như vậy đó . Theo thói thường, đối với người Âu Châu ,thế là thất truyền. Nhưng đối với tín đồ Phật giáo và người Bà la môn,ai có thể hoàn toàn cả quyết rằng những bài kinh này cũng đã bị thất truyền.

Xét vì những dòng viết về Đức Phật và Chánh Pháp(Diệu Pháp) đều được tôn sùng bởi các tín đồ Phật giáo, việc mất gần 76 000 bài kinh ngắn dường như thật là kỳ lạ. Nếu ngược lại, thì người nào quen thuộc với tiến trình tự nhiên của những biến cố, sẽ tán thành lập luận cho rằng ,trong số 76 000 bài kinh ngắn này , 5000 hay 6 000 bài có thể đã bị tiêu hủy trong những thời đàn áp tín-ngưỡng tại Ấn Độ ,và những cuộc di cư rời khỏi nơi này. Nhưng có 1 điều chắc chắn hơn hết là những vị La hán Phật giáo bắt đầu cuộc di cư tôn giáo của họ vào khoảng năm 300 trước công nguyên(3),tới Trung Quốc vào năm 61 của kỷ nguyên Thiên Chúa (4) để truyền bá tín ngưỡng ra bên kia vùng Kashmir và Hy mã lạp sơn, khi Đức Kashyapa (Ca Diếp)được Minh Trị Thiên Hoàng mời tới đây để cho bậc "Thiên tử" làm quen với các giáo điều của Phật giáo, dường như thật là kỳ lạ khi nghe những nhà Đông phương học nói về sự thất-truyền đó như thể nó có thể thực sự xảy ra.

(3) /Lassen(Ind.Althertumskunde)II trang 1072) chỉ rõ là 1 tu viện Phật giáo được dựng lên tại núi Kailas vào năm 137 trước T. Chúa và Tướng Cunningham nói rằng còn có thể xưa hơn nữa/

(4) / Cuốn "Phật giáo Trung Quốc",trang 87 của giáo-sĩ J. Ed-kins /

Dường như họ không một lúc nào nhìn nhận rằng tác phẩm này có thể bị thất truyền đối với Tây phương và chính họ,hoặc nhìn -

nhận rằng dân tộc Châu Á có 1 lòng dũng cảm vô song để gìn giữ những bản kinh thiêng liêng nhất của mình ,không cho người nước ngoài đụng tới, vì vậy,họ từ chối đưa kinh này cho những dân-tộc" "vô cùng cao siêu" đối với họ , e rằng chúng có thể bị lợi dụng,báng bổ.

Khi xét những sự hối tiếc và thú nhận của hầu hết những nhà Đông phương học,(1)công chúng có thể cảm thấy hoàn toàn bảo đảm rằng :

a) Những môn sinh nghiên cứu về những tôn giáo cổ truyền , thực sự có rất ít dữ kiện để dựng trên đó những kết luận sau cùng như họ thường thực hiện đối với những tín ngưỡng cũ, và

b) Việc không có dữ kiện đó không hề ngăn ngừa họ độc đoán hóa tín điều.

(1) [Xem "Những bài diễn thuyết" của Max Muller chẳng hạn]

Người ta sẽ nghĩ rằng nhờ vào vô số kinh sách về thần phổ học và bí pháp của người Ai cập,được bảo tồn nơi nền văn học cổ - điển và 1 số tác giả thời xưa ,ít ra thì những nghi lễ và giáo - điều của vị vua Pharaon Ai cập phải được hiểu rõ; ít nhất cũng là được hiểu rõ hơn những môn triết lý và thuyết Phiếm thần quá bí-nhiệm của Ấn Độ (trước khi bắt đầu thế kỷ này,người Âu Châu hầu như không hề nghĩ đến tôn giáo và ngôn ngữ của người Ấn Độ).Cho đến giờ phút này,dọc theo dòng sông Nile và khắp nơi trên đất nước này ,ở đây,hằng năm,hằng ngày,người ta đã khai quật lên nhiều di tích mới mẻ ,nói lên 1 cách hùng hồn lịch sử đặc thù của nó. Song cũng không chắc như vậy . Nhà ngữ học uyên thâm ở Viện Đại học Oxford cũng thành thật thú nhận rằng :

" Chúng ta thấy Kim tự tháp còn đứng vững ,và những di tích đổ nát của các đền đài và những mê lộ ,những tấm vách tường có chạm khắc những chữ tượng hình với những hình ảnh kỳ lạ của các vị nam nữ thần . Chúng ta cũng có cả những bản kinh rời rạc của cái gọi là những bản kinh thánh của người Ai Cập trên những cuộn giấy chỉ thảo ,dường như nó không bị thời gian tàn phá . Tuy nhiên,mặc dù trong những bản kinh cổ xưa của dân tộc bí mật ,có nhiều điều đã được giải ra,song động lực chính của Ai-cập giáo và mục đích nguyên thủy của sự tôn sùng nghi lễ của nó còn lâu mới được hoàn toàn tiết lộ cho chúng ta (2).

(2) [Sách đã dẫn ,trang 118]

Ở đây,những tài liệu bí mật và chữ tượng hình này vẫn còn, nhưng những chìa khóa giải chúng đã mất.

Thật vậy,những nhà Ai Cập học lỗi lạc nhất của chúng ta biết rất ít về những nghi lễ tang chế của người Ai Cập và dấu hiệu bên

ngoài của sự khác nhau về đàn ông hay đàn bà trên các xác ướp đến nỗi nó dẫn đến những sự lầm lạc hết sức buồn cười. Cách đây chỉ 1 hay 2 năm ,một trong những sự sai lầm này xảy ra tại Boulaq,Cairo.Nhờ 1 chữ ghi trên 1 lá bùa đeo xung quanh cổ của 1.xác ướp., người ta mới biết đó là xác của Sesotris, một vị Đại Đế của AiCập, chứ không phải xác ướp của vợ 1 vị Pharaon tầm thường.

Tuy nhiên,khi thấy rằng có 1 sự liên quan tự nhiên giữa ngôn ngữ và tôn giáo "và" có 1 tôn giáo chung của người Ấn Âu(Ary-an) trước khi có sự phân ly của dân tộc Ấn Âu ; 1 tôn giáo chung của người Semite trước khi có sự phân ly của dân tộc Semite; 1 tôn giáo chung của người Turanian trước khi có sự phân ly của người Trung Quốc và những bộ tộc khác thuộc lớp người Turanian"; thật vậy, khi đã chỉ tìm thấy "có 3 trung tâm tôn giáo xưa" và "Ba Trung tâm ngôn ngữ" , và dù vị giáo sư này hoàn toàn không biết gì về nguồn gốc của những tôn giáo và ngôn ngữ nguyên thủy của họ — ông cũng không ngần ngại tuyên bố rằng :" Người ta đã có được một nền tảng lịch sử thực sự dành cho 1 bài khảo luận khoa học bàn về các tôn giáo chính trên thế giới".

Một "bài khảo luận khoa học" bàn về một vấn đề không hề bảo đảm cho "căn bản lịch sử" của nó . Vì thiếu dữ kiện như thế , nên không 1 nhà ngữ học nào ,ngay cả trong số những người lỗi lạc nhất ,đã có đủ bằng chứng biện minh khi đưa ra những kết luận của riêng họ về những sự kiện lịch sử. Chắc hẳn nhà Đông phương học lỗi lạc này đã hoàn toàn cho mọi người thỏa mãn rằng ,theo những qui tắc phát âm của định luật Grimm, thì Đức Odin và Đức Phật là hai nhân vật hoàn toàn khác nhau ,điều này đã được ông chứng minh một cách khoa học . Tuy vậy,khi ông có cơ hội nói 1 mạch rằng Đức Odin được tôn sùng như là vị Thượng Đế tối cao trong suốt thời kỳ dài trước thời đại của Thánh kinh Phệ Đà và của Homer'(1), thì về điều này, ông không có 1 tí gì"căn bản lịch sử" mà chỉ bắt lịch sử và sự - kiện tuân theo những kết luận của riêng ông ; theo quan điểm của những học giả Đông phương thì nó có thể là rất "khoa học",nhưng nó còn quá xa sự thực.

(1) [Sách đã dẫn ,trang 318]

Những quan điểm mâu thuẫn của các nhà Đông phương học và các nhà ngữ học lỗi lạc khác nhau (từ Martin Haug cho đến chính giáo-sư Max Muller) về vấn đề Niên đại học trong trường hợp Thánh kinh Phệ Đà,là 1 bằng chứng hiển nhiên rằng phát biểu này không có nền tảng "lịch sử", "bằng chứng bên trong" thường chỉ là một ngọn đèn ma ,thay vì là một ngọn hải đăng an toàn để hướng dẫn người ta . Khoa thần thoại học đối chiếu hiện đại cũng chẳng có lý luận nào vững chắc hơn để chứng tỏ sự sai lầm của những tác giả trí thức

trong thế kỷ vừa qua cứ năng nặc yêu cầu phải có được"những bản kinh rời rạc của sự tiết lộ đầu tiên được ban cho những thủy-tổ của toàn nhân loại ...được giữ gìn tại các Thánh điện của người Hy lạp và Ý đại lợi ". Vì đó là cái mà tất cả các vị được điểm-đạo ở Đông phương và những vị học giả đôi khi đã công bố cho mọi người đều biết . Trong khi một vị Đại Đức người Tích Lan đã quả-quyết với tác giả rằng mọi người đều thừa biết rằng những bản kinh ngắn quan trọng nhất thuộc về giáo điều thiêng liêng của Phậtgiáo được cất giữ nhiều nơi và nhiều vùng bất khả xâm phạm đối với các vị học giả người Âu Châu,thì cố Đại-Đức Svami Dayanand Saravasti, nhà Phạn ngữ học xuất chúng nhất đương thời tại Ấn Độ,cũng quả - quyết với 1 vài hội viên của Hội Thông thiên học sự kiện tương-tự đối với những kinh sách xưa của người Bà la môn.

Một nhà hiền triết thông thái đã cười phá lên khi người ta bảo ông rằng ,trong những bài diễn thuyết của mình,giáo sư Max Muller đã tuyên bố trước quí thính giả là "cái thuyết cho rằng có 1 sự tiết lộ đầu tiên siêu nhiên được ban cho các thủy tổ củanhân loại ,hiện nay chẳng được hậu thuẫn bao nhiêu".Câu trả lời của ông thật là gợi ý x. " Nếu ông 'Moksh Mooler'(ông đọc tên người ta như thế đấy)là 1 người Bà la môn ,và đến gặp tôi ,thì tôi có thể dẫn ông ta đến 1 cái động bí mật (1 cái hầm kín đáo),gần Okhee Math trong Hy mã lạp sơn ,ở đây,chẳng bao lâu,ông sẽ tìm thấy được là cái băng qua Kalapani (vùng biển đen)từ Ấn Độ đến Âu Châu chỉ là những mảnh sao chép bị vứt bỏ của 1 vài đoạn kinh được trích ra từ những quyển Thánh kinh của chúng tôi. Đã có 1 sự tiết lộ đầu-tiên "và nó vẫn còn;trên thế gian này,nó sẽ không bị thất truyền mà sẽ tái xuất hiện dù Mlechchhas (1)tất nhiên sẽ phải chờ đợi".

(1) [Những người nước ngoài]

Khi hỏi thêm về điểm này,thì ông không nói gì thêm nữa. Việc này xảy ra tại Meerut vào năm 1880.

Vào thế kỷ vừa qua, tại Calcutta,những người Bà la môn chắc chắn là thật độc ác khi lừa gạt Đại tá Wilford và ông William Jones, nhưng cũng đáng đời thôi,không có một người nào đáng chê - trách trong việc này hơn là phái bộ truyền giáo và chính Đại tá Wilford. Theo sự thổ lộ của chính ông William Jones (2),thì Đại-tá Wilford thật ngu ngốc khi chủ trương rằng "Những người Ấn Độ bây giờ cũng gần giống như những người Thiên Chúa giáo, vì Đấng Brahma,Vishnu và Mahesha của họ cũng không khác gì Thượng Đế Ba-Ngôi của người Thiên Chúa giáo"(3).

(2) [Cuốn "Những cuộc khảo sát về Á Châu", I,trang 272]

(3) [Xem Max Muller ,sách đã dẫn ,trang 288 và tiếp theo . Điều này liên quan tới sự ngụy tạo khéo léo bằng những tờ lá buông

được ghép vào những bản thảo cũ của Kinh Purana,và được viết rất đúng bằng tiếng Bắc Phạn cổ truyền về tất cả những điều mà các vị học giả ở Ấn Độ đã nghe Đại tá Wilford nói về Adam và Abraham, Noah và ba đứa con v.v...]

Đó là bài học rất hay,nó làm cho các học giả Đông phương phải cẩn thận gấp đôi,nhưng có lẽ nó cũng làm cho một vài người quá hồ thẹn , và do sự phản ứng, nó làm cho quả lắc của những kết luận tiên định đã đưa về hướng khác quá nhiều . Đó là vì để đáp lại yêu cầu của Đại tá Wilford,"Mức cung đầu tiên phát xuất từ thị trường Bà la môn" hiện nay đã tạo ra một nhu cầu và dục vọng hiển nhiên nơi các nhà Đông phương học khiến họ đã tuyên bố hầu hết bản thảo Bắc Phạn tối cổ là hiện đại đến nỗi mà phái bộ truyền giáo Thiên Chúa có dịp hoàn toàn biện minh cho mình. Việc họ làm như thế với đầy đủ trí lực lộ rõ nơi những toan tính mới đây để chứng tỏ rằng câu chuyện kinh Purana nói về Đức Krishna là do những người Bà la môn đạo văn trong Thánh Kinh Thiên Chúa giáo ! Nhưng những sự kiện mà vị giáo sư ở Oxford kể lại trong những bài diễn thuyết của ông,liên quan tới những câu kinh thoán nhập(thêm thắt vào) lừng danh hiện nay,vì quyền lợi và sau này làm buồn phiền Đại tá Wilford ,không hề can dự vào những kết luận mà bất-cứ người nào nghiên cứu Giáo Lý Bí Truyền cũng đều phải đi tới 1 cách không thể tránh được . Vì,nếu kết quả cho thấy rằng Tân ước kinh cũng như Cựu ước kinh đã không hề vay mượn bất cứ điều gì của tôn giáo xưa hơn của người Bà la môn và Phật giáo,thì không được suy ra là người Do Thái hoàn toàn không vay mượn của những kinh sách Can Đề những điều mà họ đã biết ,những cuốn kinh Can-Đề sau này đã bị ông Eusebius cắt xén đi bớt . Về phần những người Can Đề,,chắc chắn là những điều học hỏi đầu tiên của họ phát xuất từ những người Bà la môn , vì ông Rawlinson chỉ rõ ảnh hưởng của Kinh Phệ Đà thật là không thể phủ nhận được trong môn thần-thoại-học cổ xưa của thành phố Babylon ;và từ lâu,Đại tá Vans Kennedy đã tuyên bố 1 cách chính xác rằng thành phố Babylon có nguồn gốc là thủ phủ của nền học thức Bắc Phạn và Bà la môn. Nhưng tất cả những bằng chứng như thế không còn có giá trị nữa khi có sự xuất hiện của thuyết mới nhất do giáo sư Max Muller đưa ra . Mọi người đều biết đó là gì . Qui tắc về những luật phát âm bây giờ đã trở thành một dung môi chung dành cho mọi sự đồng nhất hóa và sự "liên- hệ" giữa những vị thần linh của nhiều nước trên thế giới. Vì vậy,dù Đức Mẹ của thần Thủy Tinh (Mercury)(Budha, Đức Thot-Hermes v.v..) là Maia ,Đức Từ Mẫu của Đức Phật Cồ Đàm ,cũng là Maya , và Đức Mẹ của Chúa Jesus,cũng là Maya (Ảo tưởng,vì Mary là Mare,Biển cả,Đại ảo mộng ,nói 1 cách tượng trưng)— tuy nhiên,ba chữ này không

liên quan với nhau ,cũng không thể có bất cứ sự liên quan nào,vì nhà ngữ học Bopp đã "đặt ra những qui tắc về những luật phát âm".

Khi cố gắng góp nhặt chung lại với nhau nhiều cuộn giấy lịch sử chưa được viết ra,những nhà Đông phương học chúng ta đã tiến một bước liều lĩnh khi họ phủ nhận một cách tiên nghiệm các điều gì không ăn khớp với những kết luận đặc thù của họ.

Như vậy,trong khi càng ngày người ta càng khám phá ra những nền nghệ thuật và khoa học vĩ đại đã có từ lâu lắm rồi,thì tuy nhiên,ngay cả sự hiểu biết về cách viết chữ của một vài nước xưa nhất cũng không được công nhận và người ta tin là họ còn dã man thay vì có văn hóa. Tuy nhiên,những vết tích của một nền văn minh rộng lớn ,ngay cả ở vùng Trung Á ,vẫn còn được tìm thấy.Một điều không thể phủ nhận được là nền văn minh này thuộc về thời tiền sử . Có thể nào 1 nền văn minh mà lại không có hình thứcvăn học ,niên sử hay sao ? Chỉ nội lưỡng tri cũng đủ bổ túc chonhững cái khoen bị đứt đoạn về lịch sử của những nước bị tiêu diệt . Toàn thể vùng cao nguyên Tây Tạng bị vây quanh bởi những bức tường núi non liên tục và hùng vĩ từ thượng lưu của dòng sông Khuan Khé xuống đến đồi Karakoram ,đã làm chứng cho 1 nền văn minh trong suốt cả ngàn năm ,và có nhiều sự bí mật kỳ lạ để kể cho nhân loại. Những phần đất của miền Đông và miền Trung của những vùng này — lànhững vùng Nan Shan và vùng Altyn Tagh —xưa kia đã có nhiều thành phố có thể tranh đua với thành Babylon ,toàn bộ một địa-kỷ đã trải qua trên vùng đất này từ khi những thành phố này không còn nữa; những gò cát chuồi và lớp đất nay đã khô cằn của những vùng đồng bằng bao la tại trung tâm châu lưu vực sông Tarim còn làm chứng điều này . Khách du lịch chỉ mới hồi hợt biết được các vùng đất biên thùy này. Ở bên trong những vùng cao nguyên đầy cát này có nước và những ốc đảo phát triển ở đó ,song ở đấy,không có 1 dấu chân mạo hiểm nào của người Âu Châu đã từng đặt lên hoặc dẫm lên vùng đất hiện nay không đáng tin cậy này . Trong số các ốc đảo đầy cây cỏ này ,có một vài cái hoàn toàn bất khả xâmphạm đối với du khách phàm tục bên xứ. Những trận bão cát "có thể thổi tung cát lên và quét sạch toàn thể những đồng bằng", song chúng không có khả năng phá hủy những gì ở ngoài tầm của chúng . Những tàng thư cổ viện dưới đất được bảo vệ bằng cách xây dựng ở sâu trong lòng đất ;và vì đường vào hầm được giấu kín nên chẳng lo bất cứ người nào tìm ra chúng ,ngay cả khi nhiều đoàn quân xâm lăng những vùng đất cát bỏ hoang này ,nơi mà :

" Người ta không thấy có một ao nước,một bụi cây,một ngôi nhà và 1 dãy núi tạo nên 1 bình phong lồi lõm,chung quanh những bãi sa mạc nóng bỏng ,khô khan...

Những người ta không cần đưa độc giả đi qua bãi sa-mạc,khi những bằng chứng tưởng tự của nền văn minh cổ kính được tìm thấy trong những vùng tương đối có dân cư của nước này . Thí dụ như ốc đảo Cherchen ở một nơi khoảng 4 000 bộ Anh trên mức nước của dòng sông Cherchen Darya,bây giờ được bao quanh từ phía bởi những di tích đổ nát của những thành phố và đô thị cổ sơ. Ở đây có lối 3 000 người tượng trưng cho tàn tích của chừng 100 giống dân và 100 nước không còn nữa ,tên của những giống dân này ,ngày naycác nhà dân tộc học của chúng ta cũng không biết . Một nhà nhân loại học cũng cảm thấy hết sức bối rối khi phải sắp loại,phân loại và phân loại thêm nữa những giống dân này ,hơn thế,chính con cháu của tất cả các giống dân và bộ lạc trước thời hồng thủy này như thể từ mặt trăng rơi xuống vì họ biết rất ít về tổ tiên của chính mình . Khi mà có người hỏi về nguồn gốc của họ ,họ sẽ trả lời rằng họ cũng không biết tổ tiên của mình từ đâu tới,nhưng họ nghe nói là những người đầu tiên (hay xưa nhất),được cai trị bởi những vị thần cao cả của những vùng sa mạc này . Điều này có thể bịcoi như là vô minh và mê tín ,tuy nhiên,theo quan điểm của Giáo Lý Bí Truyền ,câu giải đáp này có thể được căn cứ vào truyền thuyết của thời sơ khai.Chỉ có 1 mình bộ lạc Khorasan tự cho là có nguồn gốc nơi những người mà ngày nay được biết như là người Áp-ga-nít -tăng(Afghanistan),có trước thời của Đại Đế Alexander rất lâu và vận dụng kho tàng huyền thoại để bổ chứng điều đó. Một du khách người Nga,Đại tá Prjevalsky (bây giờ là 1 vị tướng lãnh)đã tìm thấy những di tích đổ nát của hai đô-thị ở rất gần ốc đảo Cher - chen,theo truyền thuyết địa phương, đô thị xưa nhất đã bị 1 anh-hùng khổng lồ phá hủy cách đây lối 3 000 năm ,còn thành phố kia bị người Mông Cổ hủy diệt vào thế kỷ thứ X của công nguyên.

"Do có những trận cát chuồi và gió sa mạc,bây giờ địa điểm của hai đô thị này tràn ngập những di tích kỳ lạ và tạp hợp ,như là những đồ sứ,đồ sành ,những nồi niêu vụn nát và những bộ xương người . Những người bản xứ thường tìm thấy những đồng tiền vàng, tiền đồng ,những thoi bạc đã được nấu chảy ,kim cương và ngọc - thạch và điều đáng chú ý nhất là những mảnh kính bể...những cái hòm bằng 1 thứ gỗ không hư mục trong đó người ta tìm thấy những xác ướp được gìn giữ 1 cách tốt đẹp ... Tất cả các xác ướp đàn ông đều rất cao lớn ,là những người đàn ông cường tráng ,có mái tóc dài ,dợn sóng . Người ta cũng tìm thấy 1 hầm mộ có 12 xác chết đang ngồi trong đó. Một lần khác,trong 1 cái hòm riêng biệt ,chúng tôi đã tìm thấy 1 thiếu nữ. Đôi mắt của người con gái này được bịt lại bằng những đĩa tròn bằng vàng và 1 cái kiềng vàng gắn chặt hai bên hàm,chạy dài từ dưới cằm lên tận đỉnh đầu. Nàng mặc

y phục bằng len chật ních ,những ngôi sao bằng vàng gắn trênngực nàng ,còn đôi chân nàng không có mang gì cả"(1).

(1) /Trích trong bài diễn thuyết của N.M.Prjevalsky/

Về điều này ,vị du khách danh tiếng có thêm rằng ,suốt dọc theo dòng sông Cherchen Darya ,ông có nghe nói đến huyền thoạivề 23 thành phố bị những trận cát chuồi của sa mạc chôn vùi cáchđây nhiều thời đại rồi. Cũng truyền thuyết nàyhiện còn ở vùng Lob - nor và ốc đảo Keriya .

Những vết tích của 1 nền văn minh như thế và những truyền thuyết tương tự khiến cho chúng ta có quyền tin vào một nền kiến thức huyền thoại khác nữa ,được những người dân có học thức và giáo dục đầy đủ của Ấn Độ và Mông Cổ bảo đảm,họ nói về những thư viện khổng lồ được khai quật lên từ dưới cát cùng với nhiều di tích khác nhau của nền học vấn Pháp thuật cổ truyền,chúng đều đã được chôn giấu 1 cách an toàn.

Tóm lại,Giáo Lý Bí Truyềnlà 1 tôn giáo được phổ biếnkhắp nơi trong thế giới xa xưa vào thời tiền sử . Những bằng chứngcủa sự truyền bá giáo lý này ,những tài liệu xác thực về lịch sử của nó ,một loạt tài liệu đầy đủ ,đã chứng minh đặc tính và sự hiện-diện của nó ở khắp nơi ,cùng với giáo lý của tất cả các vị Đại-Chân sư cho đến nay vẫn còn trong các tàng thư cổ viện của Huyền môn giáo đoàn(Occult Fraternity).

Phát biểu này còn đáng tin cậy hơn nữa nếu những sự kiện sau đây được nghiên cứu kỹ : truyền thuyết nói rằng hàng ngàn mảnh da thuộc xưa có chữ viết,được cứu thoát khi thư viện Alex-andria bị hủy diệt; hàng ngàn quyển kinh Bắc Phạn ở Ấn Độ bị biến mất dưới triều đại Akbar ; tại Trung Quốc và Nhật Bản thì có một truyền thuyết phổ thông nói rằng ,hàng ngàn quyển kinh gồm những tác phẩm thật xưa ,có những lời Bình luận (chỉ có nó mới giúp người ta hiểu được kinh sách) từ lâu rồi không còn ở trong tay của kẻ phàm phu tục tử ; sự biến mất của nền văn học vô - cùng thiêng liêng và huyền bí của thành phố Babylon; sự thất truyền của những chìa khóa mà chỉ có nó mới giải được hàng ngàn câu đố bí-ẩn của những kinh sách viết bằng chữ tượng hình của người Ai-Cập; truyền thuyết tại Ấn Độ nói rằng những lời bình luận thực sự bí mật (chỉ có nó mới làm người ta hiểu được kinh Phệ Đà -Vedas-) , dù cặp mắt của người phàm tục không còn thấy được chúng nữa,nhưng (đối với người được điểm đạo) chúng vẫn còn được giấu kín trong những hang động và hầm mộ bí mật ,còn về những kinh sách bí mật của Phật giáo thì các tín đồ Phật giáo đều tin tưởng giống như vậy .

Những nhà huyền bí học xác nhận rằng tất cả những tài liệu này hiện nay vẫn còn được bảo vệ khỏi sự cướp đoạt của người Tây phương ,để rồi ,trong một thời kỳ sáng sủa hơn ,những tài liệu này sẽ tái xuất hiện như cố Đại Đức Svami Dayanand Sarasvati đã nói "những người Mlechchha (những người vô gia cư,tứ cố vô thân, man rợ ,những người ở ngoài lãnh vực của nền văn minh Âu Ấn) sẽ phải chờ đợi".

Hiện nay,những tài liệu này đã bị"thất truyền" đối với kẻ phàm tục ,không do lỗi của những người được điểm đạo,cũng không vì chủ trương của họ bị lòng ích kỷ sai khiến ,hoặc do bất cứ dục vọng nào để độc chiếm cái kiến thức làm sống động cao siêu .Có những đoạn kinh trích ra từ giáo lý bí truyền mà trong vô số thời đại qua vẫn còn được giấu kín không cho con mắt xoi mói của kẻ phàm tục thấy được. Những đó là việc truyền thụ vô số sự bí mật quan trọng ghê gớm như vậy cho kẻ chưa được chuẩn bị ,thật cũng giống như người ta giao cho 1 đứa trẻ cầm cây đèn đang cháy đi vào kho thuốc súng .

Sự giải đáp 1 câu hỏi thường thường xuất lộ trong trí của các môn sinh khi họ gặp những phát biểu như thế,có thể được phác họa một cách rõ rệt ở đây.

Họ nói rằng ,chúng tôi có thể hiểu được nhu cầu giấu kín những điều bí mật như chất Vril,hoặc là sức mạnh phá vỡ đá do J.W.Keeley của bang Philadelphia tìm ra ,nhưng chúng tôi không thể hiểu được làm thế nào mà bất kỳ điều nguy hiểm gì lại có thể xảy ra do sự tiết lộ một thứ giáo lý thuộc về triết học thuần túy, thí dụ như là sự tiến hóa của những dãy hành tinh.

Sự nguy hiểm của những giáo lý nói về dãy hành tinh hay bảy giống dân ,là ở chỗ nó ngay tức khắc đưa ra 1 manh mối về bản - chất thất phân của con người ,vì mỗi khí thể có liên quan đến 1 cõi , 1 hành tinh và 1 giống dân ,và trên mỗi cõi, những khí thể của con người có liên quan đến những quyền năng huyền bí thất - phân ,những quyền năng của những cõi cao hơn thật là phi thường. Vì vậy,bất cứ phép chia làm 7 nào cũng ngay tức khắc đưa ra một manh mối cho những quyền năng thần bí phi thường ,sự lạm dụng các quyền năng này sẽ gây ra vô số tội ác đối với nhân loại;có thể , nó không phải là manh mối dành cho thế hệ hiện tại — đặc biệt đối với người Tây phương vốn là những người mù quáng,duy vật,vô minh và không tin vào Huyền môn — tuy nhiên,trong những thế hệ đầu của kỷ nguyên Thiên Chúa ,đó là 1 manh mối có 1 giá trị thực sự ~~đối~~ đối với những người hoàn toàn tin tưởng vào chân lý của huyền bí học ,và đang đi vào 1 chu kỳ thoái hóa biến họ thành

những kẻ lạm dụng những quyền năng huyền bí và pháp thuật tồi tệ nhất .

Đúng là những tài liệu này đã được giấu kín ,nhưng chính kiến thức và sự tồn tại thực sự của nó lại không bao giờ bị các vị Đạo trưởng trong Thánh điện biến thành 1 điều bí mật ,trong đó những pháp thuật huyền bí luôn luôn được biến thành 1 sự khuyến-khích các đức tính và một giới luật. Đó là những kiến thức rất xưa,cứ được tiết lộ hoài bởi các vị Đại Chân sư ,từ Đức Pythagoras và Plato cho đến những môn đồ của phái Tân Platon .Nó là tôn giáo của người Nararenas,nó đã tồi tệ hơn do sách lược nhiều thế kỷ.

Và chăng,có 1 sự kiện nổi tiếng — 1 sự kiện rất kỳ diệu đã được minh chứng cho tác giả bởi 1 giáo sĩ quí tộc giúp việc tại Toà Đại Sứ Nga trong nhiều năm—là có rất nhiều tài liệu trong những thư viện Hoàng gia St Petersburg chỉ rõ rằng ,hơn 1 nhà thần bí học Nga đã du lịch sang Tây Tạng xuyên qua rặng núi Ural để mưu tìm kiến thức và sự điểm đạo trong những hầm mộ chưa ai biết ở vùng Trung Á ,ngay trong những ngày gần đây ,nghĩa là vào cuối thế kỷ vừa qua và bắt đầu thế kỷ hiện tại (thế kỷ XIX),khi Hội Tam Điểm và những Hội kín về thần bí học mọc lên 1 cách tự-do tại Nga. Nhiều năm sau đó,hơn một người đã trở lại,mang theo nhiều tài liệu đến nỗi y chưa hề thu được chúng ở bất cứ nơi nào tại Âu Châu . Nhiều trường hợp có thể được kể ra và nhiều tên tuổi trứ danh có thể được đưa ra ,nhưng e rằng sự công bố như thế có thể làm phiền lụy đến những thân nhân còn sống của những vị được điểm đạo đã quá cố vừa nêu .Nếu bất cứ người nào xem xét niên-sử và lịch sử của Hội Tam Điểm trong tàng thư cổ viện của thủ đô xứ Nga, y sẽ tin chắc vào sự kiện đã được trình bày ở trên .

Đó là bằng chứng của điều đã được xác định nhiều lần trước, bép xép 1 cách đáng tiếc vô cùng x. Những lời tố cáo độc hại về sự cố ý bịa đặt ra ,sự lừa gạt có mục đích ,được tuôn xối xả lên đầu kẻ đã khẳng định một sự thật dù ít ai biết tới,thay vì có lợi cho nhân loại,lại đã chỉ tạo ra nghiệp quả xấu cho những kẻ vu-khống . Nhưng bất chấp hậu quả ,sự thật không còn bị phủ nhận nữa, và ngày nay người ta đã làm điều ác.

Thiên hạ cứ hỏi Thông thiên học có phải là một tôn giáo mới không ? Tuyệt nhiên không,nó không phải là một"tôn giáo",nó cũng không phải là một thứ triết lý "mới" vì,như đã được khẳng - định,nó đã có từ khi con người biết suy nghĩ rồi x. Những giáo - điều của nó không phải ngày nay mới được công bố lần đầu, mà đã được thận trọng đưa ra do một vị được điểm đạo người Âu Châu giảng dạy —đặc biệt là do Đức Ragon đã quá cố.

Hơn 1Đại học giả đã khẳng định là ,chưa bao giờ có 1 nhà sáng lập tôn giáo,dù là người Ấn Âu (Aryan),người Semit hoặc là người Turanian,đã phát minh ra được một tôn giáo mới,hay đã tiết lộ một chân lý mới.. Những nhà sáng lập này toàn là những người truyền bá chứ không phải những vị thầy chính gốc. Họ chỉ là tác-giả của những hình thức và những diễn giải mới lạ, trong khi các chân lý vốn là nền tảng của những giáo huấn của họ ,lại đã có từ khi có nhân loại. Như vậy,lúc khởi thủy ,trong số những chân -lý đã được tiết lộ bằng truyền khẩu cho con người,được gìn giữ và còn mãi trong Mật điện(Adyta) của những Thánh điện nhờ vào sự điềm đạo,trong khi có những bí pháp và do sự chuyển đạt cá- nhân, họ đã sưu tập được một hay nhiều sự thực vĩ đại như thế —những hiện thực chỉ được thấy bằng mắt của nhà hiền triết và tiên -tri chân chính —và tiết lộ chúng cho quần chúng.Như thế, mỗi nước luận phiên tiếp nhận 1 vài chân lý đã nói ,dưới bức màn checủa biểu tượng học đặc biệt và của từng địa phương; khi thời gian trôi qua,nó sẽ phát triển thành ra lối phụng thờ có ít hay nhiều triết lý,một đền thần của Hy lạp (Pantheon) được ngụy trang một cách thần bí . Vì vậy,chính Đức Khổng Tử, một nhà lập pháp rất xưa về niên-đại-học lịch sử, dù Ngài là một nhà hiền triết rất hiện đại trong lịch sử thế giới,cũng đã được tiến sĩ Legge(1) chứng tỏ rằng Ngài dứt khoát là "một nhà truyền thông"('a trans -mitter') chứ không phải là một nhà sáng lập".

(1) [Lun-Yu (ch.I a),"Văn chương Trung Quốc" của Schott , trang 7 ,do Max Muller trích dẫn]

Chính Đức Khổng Tử đã nói rằng "Tôi chỉ lưu truyền,chứ tôi không lập ra điều gì mới cả.Tôi tin tưởng ở người xưa và vì vậy,tôi kính mến họ"(2).(Thực ra là :Tôi chỉ là một nhà truyền thông chứ không phải là 1 người sáng lập ,tin tưởng và kính mến người xưa).

(2) ["Cuộc đời và giáo lý của Đức Khổng Tử" của ông J.Legge, q. I trang 95]

Tác giả cũng kính mến họ vậy,cho nên tác giả cũng tin tưởng ở các bậc tiền bối này và những người nay đang thừa hưởng Minh-triết của các Ngài .Và vì tin tưởng cả hai,nên bây giờ tác giả cũng truyền thông cái mà tác giả nhận được và chính mình đã học được cho tất cả những ai sẽ tiếp nhận minh triết này. Về phần những ai có thể bác bỏ lời minh chứng của tác giả — đại đa số — bà sẽ không có ác ý đối với họ ,vì họ sẽ đúng trong đường lối của họ khi chối bỏ ,cũng như bà đúng trong đường lối của bà khi xác-định,vì cả hai bên nhìn chân lý theo 2 quan điểm hoàn toàn khác nhau. Theo những qui tắc của nhà học giả phê phán,nhà Đông phương học phải bác bỏ một cách tiên nghiệm bất cứ bằng chứng nào mà

chính y không thể hoàn toàn kiểm chứng được. Và làm thế nào mà 1 học giả tây phương lại có thể chấp nhận được khi chỉ mới nghe đồn điều mà họ chưa biết ?

Thực vậy, điều được đưa ra trong những quyển sách này được sưu tập từ giáo lý truyền khẩu, cũng như từ những giáo lý được viết ra. Cơ sở đầu tiên của những giáo lý bí truyền này được căn cứ trên những Đoạn Thánh Kinh vốn là những bản kinh sách của 1 dân tộc chưa được nhân-chủng-học biết tới. Nghe đâu, giáo lý này được viết ra bằng 1 thứ tiếng không có trong bảng danh-mục các ngôn ngữ và thổ ngữ mà khoa ngữ học đã biết được; thứ ngôn ngữ nói đây phát xuất từ 1 nguồn gốc mà khoa học đã phủ nhận, nghĩa là, huyền bí học ; sau cùng nó đã được hiến cho đời qua một sự trung gian, vốn luôn luôn bị hoài nghi bởi tất cả những người nào ghét những chân lý bị hất hủi, hoặc chỉ bênh vực 1 điều gì mà họ đặc biệt ưa thích . Vì vậy, sự phủ nhận những giáo lý này có thể được trông đợi và phải được trông đợi trước. Không 1 người nào tự gọi mình là "học giả", trong bất cứ bộ môn nào của nền khoa học chính xác, sẽ tự cho phép mình cứu xét những giáo lý này một cách nghiêm chỉnh . Trong thế kỷ này (thế kỷ XIX), chúng sẽ bị chế diễu và phủ nhận một cách tiên nghiệm, nhưng chỉ trong thế kỷ này mà thôi.

Đó là vì trong thế kỷ XX của kỷ nguyên chúng ta, những học giả sẽ bắt đầu nhận thấy rằng giáo lý bí truyền không hề do ai phát minh ra, cũng không do người nào phóng đại, nhưng ngược lại, nó chỉ được phác họa; và sau hết, giáo lý này đã có trước kinh Phệ Đà (Vedas). Đây không phải là cao vọng tiên tri, mà chỉ là 1 sự phát biểu căn cứ trên sự hiểu biết các sự kiện . Mỗi thế- kỷ đều có một toan tính để chỉ cho mọi người thấy rằng Huyền bí học không phải là một điều mê tín hão huyền. Mỗi khi mà cánh cửa này được phép hé mở 1 chút, thì cứ mỗi thế kỷ mới, nó sẽ được mở rộng hơn. Thời gian để chín mùi đối với 1 sự hiểu biết nghiêm chỉnh hơn mức cho đến bây giờ đã được phép tiết lộ, dù đến nay còn rất giới hạn. Cách đây 50 năm, kinh Phệ Đà đã chẳng bị chế diễu, phủ-nhận và bị gọi là "một sự lừa bịp hiện đại" đấy ư ? (1)

(1) [Được viết vào năm 1887 hay 1888]

Có một lúc nào đó, Lemprière và nhiều học giả khác đã chẳng công bố rằng tiếng Bắc Phạn (Sanskrit) chỉ là một thổ ngữ xuất - phát từ tiếng Hy lạp đấy ư ? Theo giáo sư Max Muller, vào khoảng năm 1820, những quyển Thánh kinh của người Bà la môn, của các thuật sĩ và của các tín đồ Phật giáo "đều bị ngờ vực vì người ta chưa biết tới, không có một học giả nào đã dịch được một dòng của

kinh Phệ Đà ... kinh Zend -Avesta hay ...Tam Tạng của Phật giáo đồ ,thế mà hiện nay,kinh Phệ Đà lại được chứng tỏ là quyển kinh cổ truyền nhất ,việc gìn giữ nó hầu như là 1 phép lạ "(1).

(1) [Bài diễn thuyết nói về kinh Phệ Đà]

Người ta cũng sẽ nói như vậy về Giáo Lý cổ Truyền Huyền-bí ,khi mà sự hiện hữu và những kinh sách của nó có những bằng - chứng không thể phủ nhận được . Nhưng cũng phải mất nhiều thế-kỷ nữa thì giáo lý này mới được đưa ra nhiều hơn . Khi nói đến chìa khóa để giải những bí mật của các cung Hoàng -đạo (đối với mọi người nó đã bị gần như là thất truyền),cách đây lối 10 năm,tác giả đã nhận xét trong cuốn "Nữ Thần Isis lộ diện"rằng ; Cái chìa khóa đã nói phải được xoay 7 lần trước khi toàn bộ hệ thống được tiết lộ. Chúng tôi sẽ đưa chìa khóa này ra nhưng chỉ có một lần xoay mà thôi ,để cho kẻ phàm phu thoáng thấy được một chút bí mật . Hữu phúc thay cho kẻ nào đã hiểu biết được tất cả !" (2)

(2) [Cuốn "Nữ THần Isis lộ diện",II ,trang 461]

Ta cũng có thể nói như vậy về toàn thể Hệ thống bí-truyền, một vòng xoay của chìa khóa và không hơn nữa ,đã được đưa ra trong quyển "Nữ THần Isis lộ diện" . Trong những quyển sách này, ta sẽ giải thích nhiều hơn . Hồi đó, tác giả biết rất ít tiếng x Anh ,thứ ngôn ngữ được dùng để viết ra tác phẩm này ,và sự tiết-lộ nhiều điều mà nay được nói một cách tự do ,trước kia đã bị ngăn cấm . Trong thế kỷ XX ,một đệ tử nào đó có học nhiều và có đủ tư cách hơn có thể được các vị Chân sư minh triết phái đến để đưa ra những bằng chứng sau cùng và không thể phủ nhận được rằng có một nền khoa học gọi là môn giáo lý bí truyền (Gupta Vidya), và giống như những nguồn gốc bí mật xa xưa của dòng sông Nile , nguồn gốc của tất cả các tôn giáo và triết học mà ngày nay mọi người đều biết ,đã bị quên lãng và thất truyền trong nhiều thời đại qua ,nhưng cuối cùng vẫn được tìm thấy lại.

Một tác phẩm như quyển sách này ,phải không được mở đầu bằng 1 lời nói đầu đơn giản ,mà đúng hơn là phải được mở đầu bằng một quyển sách — 1 quyển sách sẽ đưa ra những sự kiện ,chứ không phải chỉ có những sự khảo luận ,vì Giáo Lý Bí Truyền không phải là một bộ đại-luận, hoặc một loạt lý thuyết mơ hồ ,mà chứa đựng tất cả những gì có thể được đưa ra cho thế gian vào thế kỷ này.

Thật là vô ích khi công bố trong những trang sách này ,ngay cả những phần trong Giáo Lý Bí Truyền nay đã không còn bị hạn chế x nữa ,trừ phi tính xác thực ,hay ít ra sự khả hữu tồn tại của những giáo lý như thế đã được xác định trước . Những phát biểu như thế

(mà ta sẽ thực hiện bây giờ),phải được chứng minh là có nhiều nhân vật có thẩm quyền, chẳng hạn như những nhà triết học xưa, những tác giả cổ điển và ngay cả các vị Linh-mục có kiến-thức trong Giáo hội, một vài người biết được giáo lý này vì họ đã nghiên cứu chúng ,đã thấy và đã đọc những tác phẩm viết về giáo-lý này ,thậm chí, một vài người đã được điểm đạo cá-thể vào những bí pháp cổ -truyền,trong khi thi hành các bí pháp này ,thì giáo lý huyền môn đã được trình bày 1 cách ẩn dụ . Tác giả sẽ phải đưa ra một số tên tuổi lịch sử và đáng tin cậy,cũng viện dẫn những tác giả trứ danh xưa và nay ,với sài hiểu biết ,sự phán đoán khôn ngoan và sự chân thực đã được công nhận ,cũng như kể tên một vài người lừng danh thông thạo về nghệ thuật và khoa học huyền bí , cùng với những bí pháp của những khoa vừa kể ,khi chúng được tiết lộ , đúng hơn là được trình bày 1 phần trước công chúng dưới hình thức kỳ lạ cổ truyền.

Việc này được thực hiện như thế nào ? Cách thức tốt nhất để đạt 1 mục đích như thế là gì ? — đây là 1 câu hỏi được lặp đi lặp lại . Để làm sáng tỏ kế hoạch của chúng ta , 1 minh họa có thể được thử nghiệm . Khi 1 nhà du lịch xuất phát từ một xứ đã được thám hiểm kỹ lưỡng , bắt thần đến biên giới của một vùng đất xa lạ (terra incognita), nó được bao quanh và giấu kín bằng một hàng rào đá tảng kín mít và kinh khủng, y vẫn có thể không chịu nhìn nhận là đã tự làm hỏng hỏng kế hoạch thám hiểm của mình . Lối đi vào phía bên kia bị ngăn cấm ; nhưng nếu cá nhân y không thể đến thăm vùng bí mật này , y vẫn có thể tìm thấy một cách để xem xét nó từ một nơi gần nhất mà y có thể tới được . Nhờ sự hiểu biết những phong cảnh ở phía sau , nên y có thể đạt được 1 ý niệm tổng quát và gần đúng về quang cảnh bị che giấu ,nếu y chỉ cần chịu khó trèo lên đỉnh cao nhất của những chỗ cao trước mặt y . Một khi đã ở trên đó, y có thể ung dung ngắm nhìn phong cảnh , so sánh cái mà y thấy lờ mờ với cái mà y vừa bỏ lại phía dưới , bây giờ, nhờ những cố gắng bản thân ,y có thể bất chấp sa mù và những vách đá dốc đứng cao thấu tận mây xanh .

Trong 2 quyển sách này, một điều nhận xét đầu tiên như vậy không thể được cống hiến cho người nào chỉ muốn đạt được 1 sự hiểu biết chính xác hơn về những sự bí mật của những thời kỳ tiền cổ đã được đưa ra trong những kinh điển . Nhưng nếu độc giả kiên nhẫn liếc sơ qua hiện trạng của những tín ngưỡng ở Âu Châu , so-sánh và đối chiếu điều này với cái mà họ biết trong lịch sử của những thời đại xưa ngay trước hoặc sau kỷ nguyên Thiên-Chúa , thì bấy giờ ,y sẽ tìm thấy tất cả những điều này ở trong 1 quyển

vị lai của tác phẩm này (1) .

(1) [Những chữ này trong ấn bản 1888 viết là :"trong quyển iii của tác phẩm này]

Một bảng tổng kết ngắn gọn trong quyển sách đó sẽ viết về tất cả những vị Chân sư chính mà lịch sử đã biết rõ và người ta sẽ mô tả sự duy tàn của những bí pháp,sau đó thì bản chất thực sự của cuộc điểm đạo và nền khoa học huyền linh cũng bắt đầu biếnmất và sau cùng ,bị loại ra ngoài ký ức của con người một cách có hệ thống . Từ lúc đó,giáo lý này trở nên huyền bí học và môn pháp-thuật rất thường được ngụy trang dưới danh hiệu khả kính song thường gây lầm lẫn là nền triết học của Hermes. Cũng như trong những thế kỷ trước công nguyên , Huyền bí học chân chính đã thịnh hành trong tất cả các nhà thần bí học ,cũng vậy, pháp thuật hay đúng hơn là ma thuật với những thuật huyền bí ,cũng nối tiếp sự khởi đầu của Thiên Chúa giáo .

Trong những thế kỷ đầu tiên này, dầu lớn lao và sốt sắngđến đâu đi nữa, những cố gắng cuồng nhiệt nhằm xóa sạch mọi dấu vết lao tâm mệt trí của bọn ngoại đạo , đã thất bại , nhưng, từ đó , trong những thời kỳ trước Thiên Chúa ,,cũng tinh thần này của kẻ hung ác tối tăm ,cuồng tín và cố chấp,đã làm bại hoại mọi trang sách sáng ngời chân lý một cách có hệ thống . Trong những tài liệu bấp bênh , ngay cả lịch sử cũng đã bảo tồn được đủ di tích để soi sáng 1 cách vô tư cho toàn thể . Vậy thì , xin độc giả ,hãy dừng lại một chút với tác giả nơi điểm quan sát đã được chọn lựa . Y sẽ được yêu cầu hết sức chú ý vào khoảng 1 000 năm của những thời kỳ trước và sau Thiên Chúa ,được chia ra bởi năm thứ nhất khi Thiên Chúa giáng sinh . Biến cố này — dù có tính cách đúng với lịch sử hay không — tuy nhiên cũng được dùng như là 1 dấu - hiệu đầu tiên để dựng lên nhiều thành lũy khác nhau ,chống lại bất cứ sự có thể trở lại nào của, hoặc ngay cả sự thoáng nhìn vào , những tôn giáo thù hận của quá khứ ; căm hờn và sợ hãi vì nó chiếu 1 ánh sáng chói lọi vào sự thuyết minh cố tình úp úp , mờ mờ và mới lạ của cái mà bây giờ ta biết như là'Tân ước giáo".

Dù đã nỗ lực hết sức, các vị Linh mục Thiên Chúa giáo thuở xưa cũng hoàn toàn thất bại ,khi họ tìm cách xóa nhoà Giáo Lý Bí Truyền trong ký ức của nhân loại . Chân lý không bao giờ có thể bị diệt vong ; do đó ,họ cũng thất bại khi muốn quét sạch hoàn - toàn những vết tích của nền minh triết cổ truyền này ra khỏi mặt trái đất, cũng như khi họ muốn xiềng xích và bịt miệng người nào đã làm chứng cho nó . Nếu người ta nghĩ đến hàng ngàn ,có thể là hàng triệu bản thảo kinh sách bị thiêu hủy ,nghĩ đến những lậu-

đài với những hình khắc và những hình vẽ bằng biểu tượng rất bép xép đã bị nghiền nát ra thành tro bụi ,nghĩ đến những nhà ẩn-sĩ và những nhà khổ tu thời xưa đi lang thang khắp nơi trong những thành phố đổ nát của miền thượng và hạ Ai-cập,trong sa-mạc và nơi đồi núi ,dưới thung lũng và trên cao nguyên, tìm kiếm để phá hủy một tháp bia và thạch trụ ,cuộn giấy hay mảnh da thuộc mà họ có thể tìm thấy ,nếu những cái này có mang biểu tượng chữ TAU hoặc bất cứ ký hiệu nào khác được thừ tín ngưỡng mới vay mượn và chiếm hữu —bấy giờ, y sẽ thấy 1 cách rõ ràng làm thế nào mà chỉ còn lại rất ít những văn khố của thời quá khứ . Thật vậy, tinh thần quỷ quái của sự cuồng tín của Thiên Chúa giáo nguyên-thủy và thời Trung cổ cũng như của Hồi giáo ,ngay từ đầu , đã thích ở trong bóng tối và sự vô minh ;và cả hai đã tạo ra ...

> .... mặt trời giống như máu ,trái đất như 1 nấm mồ, Nấm mồ như 1 địa ngục ,và chính địa ngục như một nơi u ám mù mịt !

Cả hai tín ngưỡng này đã thu được tân tín đồ bằng bạo lực; cả hai đã dựng nhà thờ trên những lễ tế thần với đồng vật hy - sinh nhân loại cao ngất trời . Ở trên ngưỡng cửa của thế kỷ thứ I của công nguyên, những tiếng đe dọa ghê gớm " NGHIỆP QUẢ CỦA NƯỚC DO THÁI (Israel)" đã chói sáng một cách nguy kịch . Trên những ngưỡng cửa của thế kỷ chúng ta (thế kỷ XIX),những nhà tiên tri tưởng lai có thể nhận ra được nhiều tiếng khác ,nó sẽ vạch rõ nghiệp quả dành cho việc ngụy tạo lịch sử 1 cách khéo léo,dành cho những biến cố bị làm cho bại hoại 1 cach có mục đích và dành cho những đặc tính trọng đại bị hậu thế phỉ báng ,bị xé ra từng mảnh ,khiến cho không ai còn nhận ra được nữa ,giữa 2 chiếc xe của Đức Jagannatha (Đức Chưởng Quản thế gian) là sự cuồng tín và chủ nghĩa Duy Vật ; cái thì chấp nhận quá nhiều ,cái thì phủ nhận tất cả . Nhà hiền triết là người giữ được đức trung dung quí báu , y tin ở luật công bình trường cửu đối với mọi vật .

Faizi Diwan đã nói , "bằng chứng của những lời nói phi-thường của 1 nhà tự do tư tưởng theo cả ngàn môn phái" :

Trong cuộc họp của ngày phục sinh ,khi mà những lỗi lầm quá khứ đều được tha thứ, những tội lỗi tại Thánh điện Ka'bah cũng sẽ được tha thứ vì ích lợi cho những mớ rác rưởi trong những ngôi nhà thờ Thiên Chúa giáo".

Về điều này,giáo sư Max Muller đã trả lời :

Những tội lỗi của người Hồi giáo cũng vô giá trị như mớ rác rưởi của Thiên Chúa giáo ; vào ngày phục sinh,cả người Hồi-giáo lẫn người Thiên Chúa giáo sẽ thấy sự rỗng tuếch của những

giáo lý của họ . Trên trần thế ,con người đã đánh nhau vì tôngiáo, nhưng trên cõi thiên đàng ,họ sẽ tìm thấy rằng chỉ có 1 tôn-giáo thực sự —sự tôn sùng TINH THẦN CỦA THƯỢNG ĐẾ (1).

(1) [Sách đã dẫn trang 257]

Nói cách khác , "KHÔNG CÓ TÔN GIÁO (HAY DIỆU PHÁP)NÀO CAO HƠN CHÂN LÝ"—Satyat Nasti Paro Dhamah —câu châm ngôn của vị Đại-vương (Maharaja) của thành phố Benares (2),được Hội Thông Thiên h. học chọn làm tiêu ngữ .

(2) [Bây giờ đọc là Varanasi]

Như đã nói trong lời đề tựa,Giáo Lý Bí Truyền không phải là 1 bảng thuyết minh của quyển "Nữ Thần Isis lộ diện" như đãđịnh từ lúc đầu. Đúng hơn,nó là 1 bộ sách giải thích quyển "Nữ Thần I-sis "; dù hoàn toàn độc lập với tác phẩm trước ,nó cũng vẫn là một hệ luận cần thiết cho tác phẩm đó. Ngày ấy,cũng còn có nhiều điều ở trong cuốn Nữ Thần Isis mà những Thông Thiên học giả chưa hiểu mấy. Bây giờ, Giáo Lý Bí Truyền sẽ làm sáng tỏ nhiều vấn-đề còn chưa được giải quyết trong cuốn sách đầu tiên này,nhất là , trong những trường mở đầu mà người ta chưa bao giờ hiểu rõ.

Vì chỉ quan tâm tới những thứ triết lý trong vòng những thời đại lịch sử và khoa biểu tượng học nói về những nước bị suy vi , nên chỉ một thoáng nhìn vào toàn cảnh của huyền bí học đã được trình bày trong hai quyển của bộ Nữ Thần Isis. Trong tácphẩm này ,người ta trình bày từng chi tiết về vũ-trụ khởi-nguyên-luận và sự tiến hóa của 4 giống dân chính có trước giống dân thứ 5 của chúng ta và bây giờ ,2 cuốn sách đồ sộ sẽ giải thích cái chỉ được trình bày trên trang thứ nhất của quyển "Nữ Thần Isis lộ diện" mà thôi, và nói một vài câu bóng gió rải rác đó đây trong khắp bộ sách ấy . Cũng không thể thử đưa ra bảng mục lục rộng rãi củacác bộ môn khoa học cổ truyền trong quyển sách này ,trước khi chúng ta sắp đặt những vấn đề cực kỳ quan trọng như là sự tiến hóa của vũ-trụ và của các hành-tinh và sự phát triển dần dần của giống người bí mật và những giống dân có trước nhân loại thủy tổ của chúng ta. Vì vậy,sự thử nghiệm hiện nay để làm sáng tỏ một vài môn bí-pháp của Giáo Lý Bí Truyền ,thực sự không liên quan gì tới tác phẩm trước . Tác giả xin mạn phép minh họa điều đã được nói ra bằng 1 ví dụ .

Quyển I của bộ "Nữ Thần Isis "(Sách đã dẫn,I ,trang 1)khởi sự bằng đoạn tham khảo "từ 1 quyển cổ thư" :

... quá cũ đến nỗi mà những nhà khảo cổ học hiện đại của chúng ta có thể suy gẫm về những trang sách của tác phẩm này trong một thời gian vô hạn mà vẫn không hoàn toàn đồng ý với nhau về bản chất của vật liệu cấu tạo nên tác phẩm đã được viết ra này. Tác -

dân của Châu Atlantis bị sụp đổ vậy ,đến phiên họ lại thừa hưởng thứ tiếng này từ các nhà hiền triết của giống dân chính thứ ba, những vị Manushis,các Ngài học tiếng này trực tiếp nơi các vị thiên thần (Devas) của các giống dân chính thứ nhì và thứ nhất. Sự minh họa được trình bày trong cuốn "Nữ Thần Isis" liên-quan tới sự tiến hóa của các giống dân này,giống dân chính thứ tư và giống dân chính thứ năm trong chu kỳ khai nguyên hay cuộc tuần-hoàn do Đức Vaivasvata chưởng quản : mỗi cuộc tuần hoàn gồm có những tiểu chu-kỳ (Yugas) của 7 giai đoạn tiến hóa của nhân-loại; hiện nay 4 giai đoạn đã qua rồi trong chu kỳ sống của chúng ta , điểm giữa của giai đoạn thứ 5 cũng gần được đạt tới . Sự minh họa này được xem như là tượng trưng và bao gồm từ lúc khởi thủy ,như mọi người đều có thể hiểu rõ .Quyển cổ thư này đã diễn tả sự tiến hóa của vũ-trụ và giải thích nguồn gốc của mọi vật trên trần thế ,gồm cả con người hữu hình ;sau khi đưa ra lịch sử thực sự của các giống dân ,từ giống dân thứ nhất cho đến chính giống dân thứ 5 của chúng ta ,nó không trình bày thêm gì nữa. Nó dừng lại đột ngột vào lúc bắt đầu chu kỳ Mạt pháp(Kâli Yuga),cách đây đúng 4 989 năm,khi Đức Krishna từ trần. Ngài chính là 1 vị Thần thái-dương sáng ngời ,một vị anh hùng và nhà cải cách đương thời.

Nhưng còn 1 quyển kinh khác nữa. Không sở hữu chủ nào coi nó là xưa vô cùng ,vì nó chỉ mới xuất hiện cách đây khoảng 5 000 năm ,nghĩa là vào lúc có chu kỳ Mạt pháp. Trong vòng 9 năm nữa, chu kỳ thứ nhất của khoảng 5 000 năm đầu tiên ,khởi đầu bằng đại chu kỳ Mạt pháp,sẽ chấm dứt (1).

(1) [H.P.B. đã viết trong tạp chí Vahan,tháng chạp 1890, trang 2... "Nếu bạn thực sự muốn phụng sự chính nghĩa cao quí này, ngay bây giờ ,bạn phải thực hiện như thế : vì một vài năm nữa , những cố gắng của bạn và chúng tôi sẽ không có kết quả gì...Chúng ta đang ở giữa bóng tối Ai Cập của Kali Yuga ,Hắc ám thời đại ; 5 000 năm đầu tiên của chu kỳ đó đang chuẩn bị chấm dứt trên thế gian vào giữa năm 1897 và năm 1898,đó là chu kỳ ảm đạm nhất thứ nhất của nó. Trước thời đại này,nếu chúng ta không đặt nền Hội Thông Thiên học ở bên phía an toàn của trào lưu tinh thần ,thì nó sẽ bị lôi cuốn vào vực sâu của sự suy tàn một cách hết thuốc chữa và những lượn sóng vô tình của sự lãng quên sẽ vây bủa trên đầu vận số của nó . Thế là một hiệp hội duy nhất có những mục tiêu , những qui luật ,những mục đích nguyên thủy đáp ứng được từng chi tiết (nếu hoàn thành)với những tư tưởng căn bản thâm sâu và giấc mơ đẹp nhất "TÌNH HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG CỦA CON NGƯỜI" của mọi vị Đại Huấn sư cải cách ,sẽ bị tiêu diệt một cách ô nhục (Xem phần bổ-túc trang 340)]

Bấy giờ,lời tiên tri cuối cùng chứa đựng trong cuốn sách này — quyển thứ nhất của tài liệu tiên đoán về Hắc ám thời đại— sẽ được hoàn tất.Chúng ta sẽ không phải chờ đợi lâu ,nhiều người trong chúng ta sẽ thấy được buổi bình minh của chu kỳ mới này , vào cuối thời đại mới này ,giữa các giống dân ,không ít món nợ sẽ được thanh toán dứt khoát . Quyển II nói về những sự tiên tri, hầu như đã sẵn sàng ,nó đã được chuẩn bị từ thời Đức Shankarachâ -rya ,người nối nghiệp cao cả của Đức Phật.

Người ta cần phải chú ý 1 điểm quan trọng hơn,nó đứng đầu trong một loạt những bằng chứng được đưa ra nói về sự hiện - hữu của một thứ Minh triết toàn diện duy nhất đầu tiên (ít ra làdành cho các sinh viên huyền môn và tín đồ Do thái bí giáo,Thiên chúa). Ít ra,giáo lý này cũng được nhiều vị Linh mục trong giáo hội biết một phần. Dựa vào những cơ sở thuần túy lịch sử ,người ta đã khẳng định rằng Origen,Synesius cũng như Clemens Alexandrinus , đều được điểm đạo vào những bí pháp trước khi họ thêm vào môn-phái Tân Platon của trường dạy đạo ở Alexandria những giáo điều của phái Ngộ Đạo (Gnostics) được che giấu dưới chiêu bài của Thiên Chúa giáo. Hơn nữa,một vài giáo lý của những trường Bí giáo,dù k không phải là tất cả ,cũng được Tòa Thánh Vatican giữ gìn và từ đó ,đã trở nên thành phần của những Bí pháp,dưới dạng những sự bổ túc xuyên tạc của giáo hội La Tinh cho chương trình của Thiên chúa giáo nguyên thủy. Đó là giáo điều độc đoán duy vật hóa hiện nay về sự Thụ Thai Trinh Nguyên. Điều này giải thích cho sự đàn-áp mà Giáo hội Cổ Đốc La Mã phát khởi chống lại huyền bí học , Hội Tam Điểm (Masonry) và thần bí học phi chính thống nói chung.

Thời của Constantine Đại Đế là khúc quanh sau cùng trong lịch sử ,là giai đoạn tranh đấu quyết liệt trong thế giới Tây - phương ,nó chấm dứt nơi sự bóp nghẹt những tôn giáo xưa để ưu-đãi tôn giáo mới được dựng trên những xác chết của chúng . Từ đó,viễn ảnh của quá khứ xa xôi ,vượt quá trận Đại Hồng thủy và Vườn Địa-Đàng ,bắt đầu khép kín một cách chặt chẽ và không thương xót bằng mọi cách (hay hoặc dở) để cho cái nhìn xoi mói của hậu thế không thấy được . Mọi lối thoát đều bị bế tắc ,mọi tài liệu có thể được tìm ra ,cũng bị phá hoại. Tuy nhiên,ngay cả trong số những kinh sách đã bị cắt xén như thế ,vẫn còn có tài liệu quả quyết với chúng ta rằng ,trong chúng có mọi bằng chứng thiết yếu về sự tồn tại thực sự của một thứ giáo lý Nguyên Ủy. Những bản kinh rời-rạc vẫn còn tồn tại sau những cuộc đại biến về địa chất và chính trị để kể lại nội vụ ,và những phần tồn tại của số kinh sách này đã chứng minh rằng Minh triết bí truyền bây giờ đã từng là nguồn gốc duy nhất ,một dòng suối chảy mãi,nuôi tất cả những dòng

suối nhỏ —tức là những tôn giáo sau này của tất cả các nước trên thế giới —từ đầu đến cuối . Giai đoạn này bắt đầu từ Đức Phật và Đức Pythagoras,và chấm dứt ở môn phái Tân Platon và phái Ngộ-Đạo,là tụ điểm duy nhất còn lại trong lịch sử ,nơi hội tụ lần chót của những tia sáng rực rỡ xuất phát từ những nguyên đại của thời quá khứ mà không 1 bàn tay nào của những người cuồng tín và ngu tín làm cho tối tăm được.

Điều này giải thích cho nhu cầu khiến tác giả đã luôn - luôn khổ nhọc để giải thích những sự kiện đã được đưa ra từ quá khứ xa xưa bằng những bằng cớ được góp nhặt từ thời kỳ hữu sử , bất chấp cả việc 1 lần nữa tác giả có nguy cơ bị tố cáo là thiếu phương pháp và hệ thống. Tác giả đã không có một phương tiện nào khác ở trong tay. Mọi người phải được làm quen với những cố gắng của nhiều vị Chân sư của thế gian,của những nhà thơ ,nhà văn cổ-điển được điểm đạo của mọi thời đại,phải giữ gìn ít ra là sự hiểu biết về sự tồn tại của một nền triết lý như thế ,nếu không phải là những tín điều đích thực của nó trong các văn khố của nhân-loại. Những điểm đạo đồ năm 1888 hẳn thực sự là còn chưa ai hiểu được ,thậm chí còn dường như là một chuyện hoang đường không thể có được ,họ không giống những điểm đạo đồ được chứng minh là đã tồn tại trong mọi thời đại lịch sử khác. Điều này chỉ có thể thực hiện được bằng cách liệt kê chương và câu thơ mà ta có thể tìm thấy sự đề cập đến những đức tính quan trọng nhất của các bậc siêu nhân,họ đã có mặt trong một hàng dài vô tận của các vị Chân sư nổi tiếng trong nhiều lãnh vực nghệ thuật trước và sau trận Đại Hồng Thủy . Như vậy,dựa vào thần quyền bán truyền thuyết và bán lịch sử ,người ta chỉ có thể chứng minh rằng kiến thức huyền môn và những quyền năng mà nó ban phát cho con người ,không phải hoàn toàn là những chuyện hoang đường ,mà xưa như trái đất vậy.

Vì vậy,tôi chẳng có gì nói với những người phán đoán tôi trong quá khứ và tương lai —dù họ là những phê bình gia đứng đắn về văn chương hay các giáo sĩ Hồi giáo tru tréo trong văn chương, họ phê phán 1 cuốn sách theo sự được hay không được hâm mộ của tên tuổi của tác giả,và ít khi chịu liếc mắt nhìn vào nội dung của cuốn sách,họ giống như những con vi khuẩn gây chết người,bám chặt trên những chỗ yếu nhất trên cơ thể con người . Tôi cũng sẽ chẳng hạ mình quan tâm tới những kẻ phỉ báng điên rồ — may thay chỉ có 1 số rất ít — họ hy vọng lôi cuốn được sự chú ý của mọi người bằng cách làm mất uy tín những nhà văn mà tên tuổi được biết nhiều hơn tên tuổi của chính họ,cứ sủa sùi bọt mép khi chỉ thấy những hình bóng của họ mà thôi. Thoạt tiên,trong nhiều năm qua ,họ cứ lải nhải cho rằng những giáo lý được đem ra dạy trong

tạp chí Thông thiên học giả ,và đạt tột đỉnh trong ~~k~~ cuốn Phật-Giáo Bí Truyền ,đều do chính tác giả chế ra tất cả;cuối cùng,họ lại quay sang tố cáo quyển Nữ Thần Isis lộ diện và những thứ khác là 1 sự đạo văn của nhà thuật sĩ Eliphas Levis (!) của Paracelus (!) và (thật hết chỗ nói) của Phật giáo và đạo Bà la môn (!!!). Cũng như Renan đã bị tố cáo là ăn cắp kinh Phúc âm để viết cuốn "Cuộc Đời của Đức Chúa Jesus" và giáo sư Max Muller đã đạo văn những môn triết lý của người Bà la môn và Đức Phật Cồ Đàm để viết ra cuốn "Những Kinh Sách Của Đông Phương" hay " Những Mẩu Chuyện Linh Tinh ". Nhưng đối với đại chúng nói chung và vài độc giả của Giáo Lý Bí Truyền nói riêng ,tôi có thể lặp lại điều mà tôi đã trình bày từ lâu và bây giờ tôi xin mượn lời của văn hào Montaig -ne :

"Thưa quí vị ,ở đây tôi đã chỉ làm ra được một bó hoa với những bông hoa mà tôi đã hái được và không mang lại gì của riêng tôi,ngoại trừ sợi dây buộc những bông hoa này".

Nếu bạn muốn,bạn cứ việc tháo "sợi dây"buộc những bông hoa này và cắt nó ra từng đoạn .Còn về phần bó hoa Sự Kiện ,bạn sẽ ~~k~~ không bao giờ có thể tiêu diệt được . Bạn chỉ có thể lờ những sự thực này đi và không có gì hơn nữa.

Chúng tôi có thể chấm dứt bằng một lời tạm biệt dành cho quyển sách đầu tiên này . Trong 1 phần nhập đề nhằm giới thiệu những chủ yếu là nói về Vũ Trụ Khởi nguyên luận,một vài vấn đề đưa ra có thể bị coi là không phải chỗ ,nhưng việc xét thêm những vấn đề đã được đưa ra ,đã đưa tôi tới việc đả động tới chúng. Tất nhiên,mỗi độc giả sẽ phê phán những lời phát biểu này theo quan điểm của sự hiểu biết ,kinh nghiệm và lường tri riêng của mình ,căn cứ sự xét đoán của mình vào những điều mà y đã học hỏi được . Sự kiện này,tác giả bắt buộc ~~tác giả~~ phải thường xuyên ghi nhớ ;cũng vì thế,trong cuốn sách đầu tiên này mới có những sự tham khảo thường xuyên về những đề tài (mà nói một cách chính-xác) thuộc về một phần sau này của sách,song không thể im lặng bỏ qua được , e rằng độc giả sẽ xem quyển sách này như 1 câu chuyện thần tiên —một chuyện hoang đường của một bộ óc hiện đại nào đó.

Như vậy,Quá Khứ sẽ giúp người ta nhận thức được Hiện Tại, và Hiện Tại giúp người ta đánh giá quá khứ một cách chính xác hơn. Những sự sai lầm hôm nay phải được giải thích và xóa bỏ , tuy-nhiên,rất có thể —thậm chí,trong trường hợp này,chắc chắn là— một lần nữa ,bằng chứng của lịch sử và của những thời đại dài đằng đẵng cũng sẽ không thể ảnh hưởng được bất cứ ai ,ngoại trừ

người nào có trực giác rất mạnh — nghĩa là rất ít. Nhưng trong trường hợp này,cũng như trong tất cả các trường hợp tương tự,kẻ trung thực có thể tự an ủi bằng cách trình bày cho kẻ hoài nghi Sadducee hiện đại bằng chứng bằng chứng toán học về sự cuồng tín và ngoan cố không gì lay chuyển nổi của y. Ở một nơi nào đó trong những văn khố của Hàn Lâm Viện nước Pháp ,vẫn còn có định luật xác suất trứ danh do một vài nhà toán học lập ra bằng một phương pháp đại số để giúp ích cho những kẻ hoài nghi . Vấn đề như sau :

Đối với một sự kiện,nếu có hai người cùng đưa ra bằng - chứng ,mỗi người đưa ra xác suất của sự kiện chỉ bằng 5/6 , thì xác suất của sự kiện này sẽ tăng lên tới 35/36 ,nghĩa là tính - chất xác thực của kết quả sẽ có tỷ lệ đối với sự không chính- xác của kết quả là 35 lần so với một lần . Nếu có ba bằng chứng như thế cùng hợp chung lại ,thì xác suất sẽ trở thành 215/216 , nếu có 10 người cùng thỏa hiệp đưa ra những bằng chứng của kết quả mà mỗi người có 1/2 xác suất , thì tỷ số hóa ra là 1023/1024 v.v... . Nhà huyền bí học có thể bằng lòng với sự xác thực như thế ,và họ không còn phải để ý tới gì nữa.

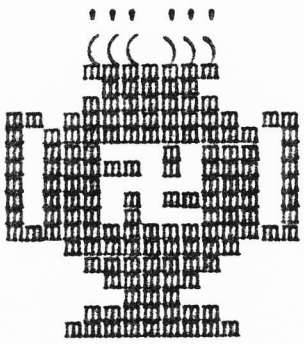

LỜI NÓI ĐẦU VỀ QUYỂN THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH
MỘT PHO SÁCH CỔ TỪ THỜI TIỀN - SỬ

Trước mặt tác giả là một pho tài liệu rất cổ ,viết trên lá buông,đã được tẩm một thứ dược chất đặc biệt để giữ cho đốt không cháy,thấm nước không ướt và không thể hư hoại trải qua thời-gian. Trên trang đầu là một đồ hình,gồm có một vòng tròn sơn trắng , trên một bối cảnh đen sậm. Trên trang kế đó ,cũng có 1 vòng tròn tương tự,nhưng có thêm một điểm trung tâm . Người học đạo biết rằng đồ hình thứ nhất là biểu tượng của vũ trụ trong thời-gian vô cùng ,trước khi năng lượng còn đang đắm chìm trong giấc ngủ triền miên ,lại thức tỉnh để mở màn cho những cuộc sáng tạo tương-lai. Trong đồ hình thứ nhì,ở giữa vòng tròn tượng trưng cho Không-gian và Thời-gian vô cùng trong Chu-Kỳ Hỗn-Nguyên(Pralaya), có 1 điểm trung tâm ám chỉ lúc bình minh chớm nở của 1 cuộc sáng tạo mới. Đó là trung tâm điểm của Vũ-Trụ Noãn (Mundane Egg),cái mầm mống tiềm ẩn và sống động ,nó sẽ trở thành một vũ trụ vô biên và xuất hiện từng chu kỳ . Cái vòng tròn là biểu tượng của sự đồng nhất thiêng liêng,vừa là nguyên nhân,vừa là cứu cánh của vạn vật. Chu vi của nó (1 biểu tượng đương nhiên là hạn hẹp vì sự giới hạn của tầm trí con người),chỉ định một sự hiện diện trừu tượng,vô hình ,bất khả tư nghị và cái bình diện của nó ám chỉ cái Đại-Ngã của vũ-trụ, tuy rằng cả hai đều là một. Chỉ có cái mặt của vòng tròn là sắc trắng ,ở giữa 1 bối cảnh chung quanh toàn màu đen , điều ấy chỉ rằng đó là môi trường duy nhất của sự hiểu biết và kiến thức mà con người có thể đạt tới ,tuy nó vẫn còn lu -mờ và chưa rõ rệt . Cái môi trường đó chính là nơi bắt đầu xuất-hiện những diễn biến của một chu kỳ Khai Nguyên (Manvantara) sau một giai đoạn tiềm ẩn,nghỉ ngơi của Tư Tưởng Thiêng Liêng(Divine Thought)(1) tức Đại Ngã hay Đại Hồn của Vũ trụ,trong đó có hàm-súc cơ tiến hóa vĩ đại cho 1 vũ-trụ tương lai.

(1) Thiết tưởng cũng chẳng cần nhắc độc giả nhớ rằng,giống như từ ngữ Toàn Linh Trí (Universal Mind),ta không được coi từ-ngữ Tư Tưởng Thiêng Liêng như là chỉ lờ mờ phác họa 1 tiến trình suy tư tương tự với tiến trình mà con người biểu lộ. Theo Von Ha-rtmann ,"Vô thức" đạt tới cơ sáng tạo vĩ đại (hay đúng hơn là cơ tiến hóa)"nhờ vào một minh triết bất khả tư nghị"(theo lối nói của phái Phệ Đàn Đà,đó chính là Minh Triết Tuyệt đối). Chỉ những kẻ nào nhận ra được sự chênh lệch 1 trời 1 vực giữa trực giác và các tiến trình suy tư trễ nải theo phép tam đoạn luận ,mới lờ mờ hình dung được cái Minh triết tuyệt đối vốn siêu việt cả các ý-niệm về Thời Gian và Không Gian. Thần trí (theo như ta biết) có

thể phân giải thành ra các trạng thái thần thức,có kỳ gian,cường độ ,tính phức tạp... rất biến thiên;xét cho cùng ,tất cả đều dựa vào cảm giác,thế mà cảm giác lại là Mão huyễn. Và lại,theo định-đề ,cảm giác tất nhiên là hữu hạn . Thượng Đế nhân hình của thuyết hữu thần chính thống cũng tri giác ,suy tư và xúc động ; Ngài cũng ăn năn hối hận và "nổi trận lôi đình". Nhưng ý niệm về các tâm trạng như vậy rõ rệt là bao hàm định đề bất khả tư nghị về tính ngoại tại của các kích thích ,chưa kể việc không thể gán tính chất thường trụ cho một Đấng có các cảm xúc dao động theo các biến cố diễn ra trong các thế giới mà Ngài chưởng quản. Như vậy,các quan điểm cho rằng một Thượng Đế nhân hình có tính cách thường trụ và vô hạn ,thật là phi-tâm-lý và (tệ hơn nữa) phi-triết-lý 7

Đó là x Sự Sống Duy Nhất ,trường cửu,vô hình,nhưng hiện-diện khắp nơi ,vô thủy vô chung ,nhưng biểu lộ đều đặn từng chu kỳ . Ở khoảng giữa những chu kỳ biểu lộ đó ,ngự trí bí mật sâu-thẳm của Vô Ngã. Sự Sống Duy Nhất đó tuy vô thức nhưng cũng là tâm thức tuyệt đối,tuy bất khả tri,nhưng là Chân Như Tự Tại, một bí hiểm đối với giác quan ,nhưng một Kiên Khốn đối với lý trí . Cái đặc tính tuyệt đối duy nhất của nó ,sự vận chuyển vô cùng vô tận ,được giới huyền môn mệnh danh là Đại Khí Vận(1),tức là sự vận chuyển trường kỳ của vũ-trụ trong cõi không gian hằng hữu và vô biên . Vật gì không có sự vận động,không thể là thiêng liêng. Tuy nhiên,trên thực tế, thì không có gì là tuyệt đối bất động trong lòng Đại Ngã.

(1) 7 Trong "Cratylus",Plato đã tỏ ra là 1 Điểm đạo đồ khi bảo rằng "Theos" có từ nguyên là Theein (di chuyển,vận hành), ấy là vì các nhà thiên văn học đầu tiên quan sát chuyển động của các thiên thể ,đã gọi các hành tinh là Theoi (chư thiên).Sau này, từ ngữ trên đã đẻ ra một từ ngữ mới "alêtheia"(linh khí của Thượng-Đế)7

Hầu như 5 thế kỷ trước Công Nguyên,Leucippus (Sư phụ x của Democritus) đã chủ trương rằng không gian bao giờ cũng đầy - dẫy các nguyên tử không ngừng chuyển động ; đến đúng lúc khi mà chúng tụ tập lại ,các nguyên tử này sẽ tạo ra chuyển động quay, tạo ra các chuyển động biến tế do chúng cọ đụng vào nhau .Epi-curus và Lucretius cũng dạy như vậy; tuy nhiên,ngoài chuyển x động biến tế của các nguyên tử ra,họ còn trình bày thêm ý niệm "ái lực" (affinity) - đó thật là một giáo lý huyền linh.

Kể từ khi bắt đầu có loài người, kể từ lúc xuất hiện đầu x tiên của những bậc kiến tạo nên quả địa cầu có người ở,Thượng-Đế đã được nhìn nhận và quan niệm dưới khía cạnh triết lý duy nhất,

đó là sự vận hành của vũ-trụ ,cái Khí-Vận Sáng Tạo trong Thiên-Nhiên . Khoa Huyền Môn định nghĩa tóm tắt Sự Sống Duy Nhất nhưlà :"Thượng Đế là 1 Ngọn Lửa Thiêng thái cổ ,sống động và những vật chứng minh trường cửu cho sự Hiện Diện vô hình ấy là Ánh Sáng , Nhiệt Lực và Âm thấp" ,bộ ba Tam Nguyên này vừa bao gồm vừa là nguyên nhân của mọi hiện tượng trong Thiên Nhiên (1).

(1) [Các nhà duy danh (nominalist),cố cãi lý với Berkeley rằng "không thể ... hình dung được ý niệm trừu tượng về cácchuyển động(" Các nguyên lý của kiến thức nhân loại" ,Phần dẫn nhập , trang 10)có thể chất vấn như sau : "Cái vật thể tạo ra chuyển-động ấy là cái gì vậy ?","Nó có phải là 1 bản chất không ?","Vậy là bạn tin vào 1 Thượng Đế nhân hình hay sao ?"v.v... Điều nàysẽ được giải đáp sau ,trong khi chờ đợi,ta cứ việc chủ trương thuyết Duy Niệm chống lại các quan điểm duy vật về thuyết Duy thực và thuyết Duy Danh của Roscelini . Edward Clodd ,một trong những kẻ nhiệt thành ủng hộ nó nhất ,đã cho rằng :"Liệu khoa học có tiết-lộ điều gì lung lạc hoặc đối nghịch với những lý thuyết cổ-truyền bao hàm tinh hoa của mọi tôn giáo quá khứ,hiện tại và tương- lai (hành vi quang minh chính đại,mở lòng từ bi ,sùng kính Thượng-Đế) chăng ? Ta sẽ đồng ý ngay nếu từ ngữ Thượng Đế không hàm ý là thuyết thần nhân đồng hình thô thiển (nó vẫn là phần căn cốt của thần học hiện hành),mà lại là quan niệm biểu tượng về cái vốn là Sự Sống và Chuyển Động của vũ-trụ . Nếu biết được trình tự vật - chất của nó, thì ta cũng sẽ biết được thời gian quá khứ,hiện-tại và vị lai khi các hiện tượng lần lượt tiếp diễn . Nếu biết được trình tự đạo đức của nó thì ta sẽ biết được những gì đã,đang và sẽ diễn ra trong thần thức con người . (Xem "Khoa học và Xúc cảm" 1 bài thuyết pháp được giảng dạy tại Tiểu giáo đường South Place, Finsbury ,Luân Đôn,vào ngày 27-12-1885]

Sự vận chuyển nội tại của vũ-trụ vốn trường cửu và bấttận, còn sự vận chuyển ngoại tại ,hữu hình của vũ-trụ vốn hữu hạn và định kỳ . Trong trạng thái trừu tượng vĩnh cửu ,nó luôn luôn tự tại . Trong trạng thái biểu lộ , nó vốn hữu hạn trên cả 2 chiều xuôi ngược ,vãng phản, cả hai chiều này đều là những đối tượng tất yếu của những cuộc tái tạo liên tiếp. Thái cực,trên ý niệm , là một Thực Thể,không dính dấp gì đến những liên hệ nhân quả của thế giới hiện tượng .Chỉ khi nào đề cập đến linh hồn của vũ- trụ nội tại,tức vũ-trụ lý tưởng còn trong Tư Tưởng Thiêng Liêng bất biến ,ta mới có thể nói rằng :"Nó không bao giờ có lúc khởi thủy và cũng không bao giờ có lúc k cáo chung".Còn nói về phần sắc-tướng hay tổ chức cơ cấu của vũ-trụ ,tuy người ta không thể nói rằng trong dĩ vãng đã từng có 1 cuộc tạo dựng đầu tiên,hoặctrong

tương lai sẽ có 1 cuộc tạo dựng cuối cùng ,nhưng ở vào mỗi chukỳ Khai nguyên mới(Manvantara),cơ cấu tổ chức của vũ trụ có thểcoi như 1 cơ cấu mới mẻ nhất và cũng độc đáo nhất vì mỗi lần như vậy, nó lại tiến hóa trên 1 cõi cao hơn .

Cách đây mấy năm,tác giả có viết trong bộ "Nữ THần Isis lộ diện" :(1)

(1) [Trong khi trích dẫn,H.P.B. đã sửa đổi nhiều từ ngữ trong nguyên bản của tác phẩm "Nữ Thần Isis lộ diện";chúng tôi đã theo sát tất cả các điều này .Xem chú thích cuối trang 57,Quyển III , ấn bản 1897 và quyển V,ấn bản 1938 hiện nay]

"Giáo lý huyền môn cũng như Phật giáo và Bà la môn giáo và kinh Kabalah ,dạy rằng cái Nguyên lý Duy nhất vô biên và bất-khả tri vẫn hằng có từ thuở vô cùng và trong những chu kỳ xuất hiện đều đặn và liên tiếp,nó vẫn hằng có hoặc trong trạng thái chủ - động hay thụ động . Trong Bà la môn giáo,những trạng thái này được gọi bằng những danh từ thi vị là "Ngày" và "Đêm" của Brahma.

Các triết gia thuộc trường phái Phật giáo xưa nhất nay vẫn còn tồn tại ở Nepal (Svabhavikas) chỉ suy lý về trạng thái chủ-động của'Bản Thể'này. Họ gọi 'Bản Thể' đó là Svabhavat và coi như thật là điên rồ khi lý luận về huyền năng trừu tượng và bất -khả tri trong trạng thái thụ động . Vì thế,họ bị cả các nhà thần học Thiên Chúa giáo lẫn những khoa học gia hiện đại gọi họ là bọn Vô thần ,vì 2 nhóm người này đều chẳng hiểu mô tê gì về triết -lý thâm thúy của họ . Các nhà thần học Thiên Chúa giáo sẽ chẳng chấp nhận vị Thượng Đế nào khác hơn là các huyền năng nhân-cách-hóa thứ yếu đã tạo ra vũ-trụ hữu hình ,để rồi biến thành Thượng- Đế nhân hình của các tín đồ Thiên Chúa giáo (Jehovah nam tính) nổi trận lôi đình). Đến lượt khoa học duy lý lại ca ngợi các Phật-tử và các triết gia Svabhâvikas ,coi họ như là các nhà theo thuyết thực nghiệm của thời cổ sơ .Nếu ta xét 1 quan niệm phiến diệncủa triết thuyết thực nghiệm ,thì các nhà duy vật có thể là chí lý theo đường lối riêng của họ . Các Phật tử chủ trương rằng không có Đấng Sáng Tạo ,mà chỉ có hằng hà sa số các huyền năng sángtạo. Tập thể các huyền năng này tạo thành bản chất vĩnh cửu duy nhất, bản thể của cái không dò (vì thế không phải là đối tượng suy -lý của bất cứ triết gia chân chính nào). Socrates luôn luôn không chịu luận chứng về bí nhiệm của hiện tồn vũ-trụ,thế nhưng chả ai dám nghĩ đến việc tố cáo ông là vô thần ,ngoại trừ những kẻ chỉ lăm le chực hại ông .

Giáo Lý Bí Truyền dạy rằng khi bắt đầu một chu kỳ khai - nguyên,nguồn thần lực của Thượng Đế tăng trưởng từ ngoài vào

trong và từ trong ra ngoài ,tuân theo 1 định luật trường cửu và bất biến . Khi đó, cái vũ trụ hiện tượng hay vũ-trụ hữu hình mới xuất hiện như kết quả tối hậu của 1 tràng dài những vũ trụ lực được tuần tự vận chuyển . Cũng y như thế, khi bắt đầu giai đoạn nghỉ ngơi, Thần lực Thượng Đế co rút lại và công trình sáng tạo trước đó tan rã lần lần . Vũ trụ hữu hình trở nên phân tán , vật chất của nó tiêu tan và "bóng tối dày đặc" lạnh lùng và cô liêu, lại một lần nữa ngự trị khắp cả không gian . Nếu dùng 1 ẩn dụ trong các tác phẩm bí nhiệm (nó sẽ trình bày ý niệm này một cách minh bạch hơn nữa) thì có thể nói là khi "bản thể bất khả tri" thở ra,thế giới được tạo ra; còn khi nó hít vào,thế giới sẽ biến mất. Sự kiện này đã từng tiếp diễn từ thuở vô cùng và cái vũ trụ hiện tại của chúng ta chỉ là 1 giai đoạn trong 1 loạt những chu kỳ nối tiếp nhau đến vô cùng tận ,nó không có lúc bắt đầu vàcũng sẽ không bao giờ dứt !

(Nữ Thần Isis lộ diện,II ,trang 264-265)

Đoạn trên sẽ được giải thích đến mức tối đa trong quyển sách này. Tuy rằng nó không có gì mới lạ đối với các nhà Đông phương học , trên phương diện nội môn,nó có thể chứa đựng nhiều điều mà học giả phương Tây hoàn toàn mù tịt chưa biết gì cả.

Đồ hình thứ nhất là một vòng tròn ◯ ,đồ hình thứ nhì trong khoa biểu tượng cổ là 1 vòng tròn với 1 điểm trung tâm ⊙ ám chỉ sự phân hóa đầu tiên trong những biểu lộ từng chu kỳ của vũ trụ vô giới tính và vô hạn,"Aditi trong CÁI ĐỐ" (1),điểm trong vòng tròn ,tức là Không gian tiềm tàng bên trong Không gian trừu tượng .

(1) 〔 Rig Veda 〕

Ở giai đoạn thứ ba,điểm trung tâm trở thành một đường - kính ⊖ , tượng trưng tính chất Mẫu Nghi thiêng liêng vô nhiễm bên trong lý tuyệt đối Vô cực Đại Đồng bao trùm vạn vật . Khi có một đường dọc chạy xuyên qua đường kính trên ⊕ ,đó là cáihình thập tự giá ,ám chỉ lúc bắt đầu nguồn gốc sự sống của con người, khi nhân loại tiến đến giai đoạn Giống dân thứ ba. Khi cái vòng tròn biến mất ,chỉ còn cái Thập tự giá + , đó là dấu hiệu chỉ rằng con người đã đi sâu vào vật chất và giống dân thứ tư bắt đầu. Thập tự giá trong cái vòng tròn tượng trưng cho thuyết Phiếm thần (Thuyết cho rằng Trời tức là tất cả vũ-trụ,vạn vật và tất cả vũ trụ tức là Trời) thuần khiết, không có vòng tròn,nó là biểu tượng Khí Dưỡng hay Năng Lực Sáng Tạo . Tuy nó còn có nhiều nghĩa khác nữa ,nó cũng đồng nghĩa với biểu tượng TAU trong cái vòng tròn ⊕ hoặc với biểu tượng "Cái búa của thần Thor"hay vòng tròn bao quanh hình chữ Vạn 卐 .

Đồ hình thứ ba,vòng tròn có đường kính ở giữa , ám chỉ sự biểu lộ đầu tiên của mãnh lực Thiên nhiên, mãnh lực này hãy còn thụ động, tiêu cực vì là thuộc âm . Tri giác đầu tiên của con người về sự sinh sản có tính cách âm,vì con người hiểu biết mẹ y nhiều hơn cha. Vì thế,các nữ thần thiêng liêng hơn các nam thần. Do đó,Thiên Nhiên có tính cách âm và (trong 1 chừng mực nào đó) thuộc về ngoại cảnh hữu hình , còn Nguyên Khí Tinh thần (vốnlàm cho nó sinh sôi nảy nở)lại ẩn tàng (1).

(1) ⌐Các nhà toán học Tây phương và 1 vài tín đồ Do-Thái bí giáo Mỹ cho ta biết rằng trong Thánh kinh Kabalah, "trị số của danh xưng Jehovah chính là trị số của đường kính của một vòng tròn". Nếu thêm vào điều này sự kiện "Jehovah là Sephiroth thứ 3, Binah, 1 từ ngữ âm tính",thì ta sẽ có chìa khóa để giải bí-nhiệm. Nhờ vào 1 vài phép biến đổi Do thái bí giáo,danh xưng này (vốn bán thử bán hùng trong các chương đầu tiên của Sáng Thế Ký)biến ra hoàn toàn dương tính, duy Cain và sùng bái sinh-thực-khí.Việc chọn một thần linh trong đám chư thần ngoại đạo,biến nó thành 1 Thần linh quốc gia chuyên biệt, tôn xưng nó là " Độc Sinh Thần", "Vô Thượng Thần", rồi tuyên bố tục sùng bái này có tính cách độc thần,không hề biến nó ra thành nguyên khí duy nhất có "Tính cách Đơn Nhất không thể biến phân,thay đổi hoặc tạo ra ", nhất là trong trường hợp một dâm thần như Jehovah (nay y đã " lộ tẩy"ra như thế đấy)⌐.

Nếu thêm vào 1 đường dọc là thành hình chữ TAU (⊤) đó là biểu tượng của giống dân thứ ba cho đến ngày Sa Đọa tượng - trưng của nó ,tức là khi xảy ra sự phân chia nam nữ bằng phương pháp tiến hóa tự nhiên). Khi đồ hình ấy trở thành ⊕ , 1 vòng tròn phân làm 2 bằng đường kính dọc tượng trưng cho sự phân chia nam nữ , hay sự biến đổi đời sống sinh lý . Qua giống dân thứ 5, nó trở thành ♀ ,biểu tượng của sự sống của người Ai - Cập,về sau đổi thành dấu hiệu của Vệ Nữ hay Kim Tinh, ♀ . Kế đó , là hình chữ Vạn (Svastika, cũng gọi là cái búa của Thần Thor) tách rời ra khỏi vòng tròn và trở nên biểu tượng của Khí Dương hay Năng Lực Sáng Tạo.

Biểu tượng Nội Môn Bí Truyền của Chu Kỳ Mạt Pháp (Kali - Yuga) là hình ngôi sao 5 góc lộn ngược ⛧ dấu hiệu phù thủy trong nhân gian với 2 cái sừng nhọn đưa lên trên ,một biểu hiệu mà các nhà huyền học đều biết rằng của phái Tả Đạo Bàng Môn và được dùng trong ma thuật tế lễ.

Chúng tôi hy vọng rằng,khi bộ sách này ra đời,thì những ý niệm sai lầm của người đời về Phiếm thần giáo sẽ thay đổi. Nếu

Parabramâ (Thái Cực Thượng Đế)của Bà la môn giáo có thể được coi như 1 tiêu biểu điển hình cho những vị thần Vô danh và tiềm ẩn qua những tôn giáo khác, người ta sẽ thấy rằng cái Nguyên Lý Tối Cao đó là cái kiểu mẫu do đó mà các vị thần linh khác đều rập theo. Parabramâ không phải là Thượng Đế ,vì không phải là một vị thần-linh . Kinh Upanishad giải thích rằng :"Parabramâ là cái tối thượng và cũng không tối thượng .Nó tối thượng khi nó là Nhân ,nhưng không tối thượng khi nó là Quả. Trên vị thế một chân lý độc nhất vô nhị , Parabramâ chỉ là cái Vũ Trụ Thái Cực hay Không Gian Vô Cực,hiểu theo ý nghĩa tâm linh cao cả nhất. Braman vốn là cái căn nguyên rốt ráo cùng tột,bất biến,thuần khiết,tự do,không hư hoại. " Tồn tại chơn thật duy nhất,Paramarthika",và Chaitanya (Trí-Tuệ, Thần thức) tuyệt đối,nên không thể là 1 chủ thể tri giác,"vì Cái Ấy không hề có đối tượng tri giác". Ngọn lửa có thể được gọi là Bản thể của lửa được không ? Bản thể này là "Sự Sống và Ánh Sáng của vũ trụ ,lửa và ngọn lửa vô hình là sự hủy diệt,sự chết và điều ác"."Lửa và Ngọn Lửa hủy hoại hình hài của 1 vị La hán,bản-thể của chúng khiến cho Ngài bất tử "(2).

(2) [Bodhimur]

Shankarachârya dạy :" Giống như ánh quang huy của mặt trời hay nhiệt trong lửa,sự hiểu biết về Tinh Thần tuyệt đối chẳng có gì khác hơn là chính Bản thể tuyệt đối". Đó là tinh thần của Linh Hỏa" chứ không phải là bản thân Linh hỏa; do đó,các thuộc-tính của Lửa,Nhiệt hay Ngọn Lửa ,không phải là các thuộc tính của Tinh Thần, mà là các thuộc tính của cái mà Tinh Thần là nguyên nhân vô thức".Câu trên chẳng lẽ lại không phải là chủ điểm xác-thực của triết lý Hoa Hồng Thập Tự sau này hay sao ? Tóm lại , Thái Cực Thượng Đế là tập thể Càn Khôn vô cùng vô tận,"Cái ĐÓ" và "CÁI NÀY" mà ta không thể áp dụng các tập hợp phân bố được(3).

(3) [Xem Vedantâ Sâra của Thiếu tá G.A.Jacob ;xem thêm"Châm ngôn của Shândilya",bản dịch của Cowel,trang 42]

" Thoạt đầu, CÁI NÀY là ĐỘC NGÃ" (4).

(4) [Aitareya Upanishad "]

Đức Shankarachârya đã giải thích là CÁI NÀY ám chỉ vũtrụ (Jagat),các thế giới"lúc ban sơ" ,nghĩa là trước khi sinh hóa ra Hiện tượng giới.

Do đó,khi các tín đồ Phiếm Thần lập lại Áo Nghĩa Thư(Upanishads) cũng như Giáo Lý Bí Truyền,nó nêu rõ là "CÁI NÀY" không thể sáng tạo ,họ không hề chối bỏ một Đấng Sáng Tạo (hay đúng hơn là một tập thể các Đấng Sáng Tạo) họ chỉ không chịu (điều này thật là chí lý) gán sự sáng tạo và nhất là sự tạo lập(1 điều gì

hữu hạn) cho 1 Nguyên Lý Vô cực . Đối với họ,Thái Cực Thượng Đế là 1 nguyên nhân thụ động (vì tuyệt đối),1 Mukta (Bậc giải thoát) vô điều kiện. Người ta chỉ không chịu nhìn nhận rằng Ngài đãtoàn -tri và toàn năng,vì đó vẫn còn là các thuộc tính phản ánh trong tri giác của con người ; cũng vì Thái Cực Thượng Đế (vốn là Tổng Thể Vô Thượng,Tinh Thần và Linh hồn hằng vô hình của vũ-trụ , có tính cách thường trụ và vĩnh cửu) không thể có các thuộc tính , nên lẽ dĩ nhiên là từ ngữ "Tính Tuyệt đối" phải không hề dính - dáng gì đến bất cứ ý niệm nào về cái hữu hạn và có điều kiện.Và nếu tín đồ phái Phệ Đàn Đà giả định là các thuộc tính chỉ thuộc về phân thân của nó,rồi gọi đó là Huyền Thiên Thượng Đế cộng với Hão Huyền và Avidya (có nghĩa là"bất khả tri" hơn là "vô minh"), thì ta cũng khó lòng thấy được quan niệm này có bất cứ yếu-tố vô thần nào (1).

(1) ⌐ Tuy nhiên,các Đông phương học giả theo Thiên Chúa giáo đầy thành kiến và khá cuồng tín,lại muốn chứng tỏ rằng điều này hoàn toàn là thuyết vô thần. Để chứng tỏ điều này ,ta cứ việc so sánh "Vedânta sâm" của Thiếu tá Jacob. Thế nhưng cổ nhân(chẳng - hạn như Lucretius trong tác phẩm "De Rerum Natura",II,646-647)đã lặp lại tư tưởng đó như sau (phỏng dịch) :"Chư Thiên có bản chất bất tử và thanh tịnh" ⌋.

Vì trong 1 vũ trụ giả sử là vô biên không thể có 2 Đấng Vô Cực hay Tuyệt đối,nên ta khó lòng có thể quan niệm Đấng Tự Sinh, Tự Tại này là đang tự lực sáng tạo. Đối với tri giác của cácsinh linh hữu hạn,CÁI ĐÓ là Phi Hiện Tồn,nghĩa là Bản Thể Duy Nhất.Ấy là vì Tổng Thể này có hàm súc 1 phân thân đồng thời và đồng vĩnh (hay là bức xạ cố hữu),khi tuần hoàn biến thành Brahmâ(mãnh lực thứ hùng),nó phát triển thành ra vũ trụ biểu lộ.

" Nârâyana di chuyển trên Nước Không Gian trừu tượng",trở thành Nước của vật chất ,nước này do "người đó" làm dấy động. 'Người đó' nay biến thành Đức Thượng Đế hiện thân .

Những người Bà la môn chính thống giáo —những người kịch-liệt chống với phái Phiếm thần và những người Advaitas (Nhất - Nguyên luận) mà họ cho là vô thần — bắt buộc phải nhìn nhận rằng mỗi khi Đấng Hóa Sinh tận số là Ngài "chết". Nhưng chữ "chết" ở đây có nghĩa khác hơn là chữ "chết" của ta hiểu. Họ hiểu'chết'là sự "ngơi nghỉ từng hồi"(periodical rest).

Những nhà huyền môn đồng ý với các triết lý gia Phệ đàn đà (Vedântin philosophers) về điểm nói trên.

Các nhà huyền học không thể chấp nhận trên căn bản triết lý cái ý niệm cho rằng Đấng Tuyệt Đối tạo ra cái Trứng Vàng(Kim-

Noãn) rồi chui vào trong đó để biến thành Brahmâ,Đấng Sáng Tạo , rồi vị này về sau tạo ra các thần minh và vũ trụ sắc tướng hữu-hình. Họ nói rằng cái Nguyên Lý tuyệt đối không thể chuyển biến thành vạn hữu ,bởi vì vạn hữu ngụ ý phải là <u>từ một cái gì đó</u> để phát triển ,tăng trưởng đến vô hạn định ,xuyên qua thời gian.Còn cái Nguyên Lý Duy Nhất thì giống như Không gian vốn không thểcảm nhận biết được. Nếu người ta có thể đặt giả thuyết rằng cái Tuyệt Đối,Trường Cửu Vô Biên ,thay vì là một Thực Thể hằng thường và Vĩnh Cửu ,lại trở thành 1 vũ trụ đa diện xuyên qua sự biểu lộ từng chu kỳ,thì sự đại đồng Duy Nhất kia sẽ không còn nữa. Ông Locke cho rằng "Không gian thuần túy không thể chống kháng và vận hành được ". Ông lầm to,bởi vì không gian không phải là chỗ trống không vô tận,nó cũng phải là sự'tràn đầy' bị hạn định ,mà nó là cả hai: trên cảnh giới trừu tượng tuyệt đối ,đó là Thượng Đế bất khả tư nghị . Ngài là sự trống rỗng đối với trí hữu hạn của con người (1).

(1) ⌐ Lẽ ra thì chính tôn danh của 2 thần linh chính yếu (Brahmâ và Vishnu)cũng đã phải gợi ra ý nghĩa nội môn của chúng từ lâu rồi .Một số người cho rằng Brahman hay Brahm có từ nguyên là Brih (phát triển), tăng trưởng) (xem tạp chí Calcutta ,quyển LXVI ,trang 14),còn Visnu có từ nguyên là Vish (thấm nhuần,thấm-nhập vào bản chất của bản thể;như thế Brahmâ -Vishnu chính là Không Gian vô cực,trong đó chư Thiên ,chư Thánh hiền và chư Bàn-Cổ ,cũng như vạn hữu trong thế giới này ,chỉ là các Mãnh Lực ⌐

Còn trên cõi giới đầy ảo tưởng thì đó là Cái Chứa Đựng tuyệt đối của vạn vật hữu hình và vô hình . Do đó,cái đơn vị duy nhất ấy là tuyệt đối .Vốn không có sự dị biệt giữa giáo điều Gia Tô :Nơi Ngài,chúng ta sống và cử động và có cái thân xác củachúng ta" ,với giáo điều Bà la môn "Vũ trụ sinh hoạt do Brahman,xuất - xứ từ Brahman và sẽ trở về Brahman" bởi vì Brahman,cái không biểu lộ ,là cái vũ trụ trừu tượng không sắc tướng ,còn Brahmâ,Đấng Biểu lộ ,là Thượng Đế gồm đủ cả hai phương diện Âm và Dương(2).

(2) ⌐ Xem bài tường thuật của Đức Brahm Bàn Cổ về việc Brahmâ phân thân thành ra nam nữ (nữ là Vâch,Ngài tạo ra Virâg)và so - sánh điều này với nội môn bí giáo trong các chương II,III và IV của "Sáng Thế Ký " ⌐

Theo Tông Đồ được điểm đạo và Bậc Hiền triết thì Thượng-Đế vừa là không gian hữu hình ,vừa là không gian vô hình.

Theo ngôn ngữ bí giáo,thì không gian được gọi là "Cha và Mẹ trường tồn có 7 lớp da".(Tức là Đức Thượng Đế Vĩnh Cửu ,hiện thân trong 7 cõi Trời). Từ cõi nguyên thủy (nghĩa là trong trạng

thái bất biến hóa) đến cõi biến hóa,có 7 lớp .Sách Bí giáo căn bản viết bằng tiếng Senzar có câu hỏi này :"Cái điều trước kia đã có,bây giờ đang có,sau này vẫn có ,...dù có vũ trụ hay không, dù có các vị thần minh hay không ,điều đó là gì vậy ?"

Và câu trả lời là :

- Điều đó là vũ trụ.

Người ta không chối bỏ Đức Thượng Đế Duy Nhất ,huyền bí , trường tồn,toàn diện ,nhưng người ta chối bỏ vị Thượng Đế do tín điều của con người tạo ra . Vị Thượng Đế đó bị"nhân cách hóa" do sự tự đắc ,sự bất tài của con người tạo ra với những tài liệu và kiến thức có sẵn trong đầu óc hẹp hòi . Đã vậy,con người còn bắt đồng loại chấp nhận điều đó như là 1 sự tiết lộ trực tiếp của Không Gian duy nhất và huyền vi (1).

(1) Vào cuối thế kỷ này,huyền bí học thật là "tùm lum tà la". Trong số nhiều tác phẩm mới được xuất bản gần đây ,chúng tôi xin đặc biệt giới thiệu với các môn sinh huyền bí học lý thuyết (họ ắt không dám phiêu lưu ra ngoài phạm vi cảnh giới nhân loại chuyên biệt của ta) tác phẩm "Các khía cạnh mới của tôn giáo và sự sống" của Henry Pratt ,bác sĩ y khoa,hội viên Hội Thông Thiên học. Nó bao hàm toàn là giáo lý nội môn và triết học,tuy nhiên , trong các chương cuối,triết lý đã bị hạn chế khá nhiều bởi cái có vẻ là tinh thần duy thực nghiệm có điều kiện. Tuy nhiên,phần trình bày không gian là "Nguyên nhân bản sơ bất khả tri" thật đáng trích dẫn.

"Cái điều bất khả tri này,vốn được coi như và đồng-nhất-hóa với hiện thân bản sơ của nhất nguyên đơn thuần,lại vô hình,vô ảnh (dĩ nhiên là trên đơn vị không gian trừu tượng)và vì thế nên nó thật là bất khả tư nghị . Tính chất bất khả tư nghị này đã khiến người ta giả sử 1 cách sai lầm rằng nó chỉ là hư không , dung tích. Nhưng ngay cả khi chỉ coi không gian là hư không tuyệt đối ,ta cũng phải thừa nhận rằng hoặc là nó tự sinh tự tại ,vô - biên và vĩnh cửu ,hoặc là nó đã có 1 nguyên nhân bản sơ ở bên ngoài ,đằng sau và vượt quá nó.

Thế nhưng,nếu ta có thể tìm ra và xác định được một nguyên nhân như vậy,thì điều này cũng chỉ đưa đến việc gán thêm các thuộc tính khác cho không gian ,nghĩa là chỉ giúp ta tiến thêm 1 bước nữa trong công cuộc truy nguyên thiên vạn gian nan,mà chẳng hề soi sáng thêm cho vấn đề nguyên nhân bản sơ (Sách đã dẫn,tr. 4-5).

Đây chính là công tác của những kẻ tin tưởng vào một Đấng Sáng tạo nhân hình ,một Thượng Đế ngoại vũ-trụ thay vì một Thượng Đế nội vũ trụ . Nhiều đề tài,có thể nói là hầu hết, của bác sĩ

Pratt chính là các ý niệm và lý thuyết cổ truyền của Do thái bí-giáo được ông trình bày dưới 1 hình thức hoàn toàn mới lạ (thật-vậy ,đó là các khía cạnh của Thiên Nhiên huyền bí). Tuy nhiên, cũng như Nguyên Nhân bản sơ bất khả tri ,việc coi không gian như là 1 Nhất Nguyên Bản thể (nguồn sống)lại là giáo điều xưa cũ nhất của Huyền linh học,nó có nguồn gốc cả ngàn năm xưa hơn Hậu-thiên-khí Bản sơ của người Hy Lạp và La Tinh."Thần lực và vật chất ,được coi như các Mãnh Lực của không gian ,bất khả phân ly, và tiết lộ những gì bất khả tri" cũng y như vậy. Trong triết học Aryan,ta thấy chúng đều được nhân cách hóa thành ra Vishvakarman, Indra, Vishnu v.v... Thế mà,trong tác phẩm nêu trên,chúng vẫn được trình bày với ý nghĩa triết học thật thâm thúy dưới nhiều khía cạnh khác thường 7.

Nhà Người Huyền bí học chấp nhận sự tiết lộ này như 1 sự phát sinh nơi các Đấng thiêng liêng còn hữu hạn,nơi các Đấng hữu hình chứ không phải phát sinh nơi Đấng Duy Nhất vô hình. Nó phát - xuất từ những Đấng gọi là "Con Người Nguyên thủy" ,các vị Thiền-Định Phật(Dhyani-Buddha) hay Thiền Định Đế Quân (Dhyan Chohan) các vị Sáng tạo hay "Rishi-Prajâpati" của người Hindou,các thần-lực sáng tạo của Thượng Đế của người Do Thái (Elohim hay là Con Thượng Đế) các vị hành tinh quân của mọi quốc gia.Các vị này đều là các vị Thượng Đế đối với con người .

Nhà huyền bí học cũng coi Adi Shakti là phát sinh từ Mula prakriti,là căn nguyên vĩnh cửu của'CÁI ĐÓ' . Nó cũng là cái khía cạnh "Nữ Tính" của căn nguyên sáng tạo (Brahmâ),dưới dạng Tiên-thiên khí của linh hồn vũ trụ ,với vai trò triết học là Hão huyền và tạo ra Hão huyền của con người . Những quan điểm này không làm cho y nghi ngờ sự tồn tại của nó chừng nào mà nó còn tồn tại,nghĩa là trong 1 chu kỳ khai nguyên. Nó cũng không cần được y áp dụng Tiên thiên khí (1 tia của Mulaprakriti (2)) vào các mục đích thực tiễn,liên hệ (chẳng khác nào linh hồn thế giới này)tới mọi hiện-tượng thiên nhiên mà khoa học đã biết và chưa biết.

(2) Mûlaprakriti gồm 2 chữ "Mûla" nghĩa là cội rễ và "Pra-kriti" nghĩa là bản tánh .Mûlaprakriti nghĩa là chất khí đầu tiên chưa biểu lộ ,nhà luyện kim đan phương Tây gọi nó là "Đất của Adam!" Trái với thế giới vật chất biểu lộ ,từ ngữ Mûlaprakriti được các tín đồ phái Phệ Đàn Đà áp dụng cho Thái Cực Thượng Đế . Cũng như vạn vật trong vũ trụ,vật chất có tính lưỡng phân trong siêu hình học tôn giáo và thất phân trong giáo lý nội môn . Trên cương vị là Mûlaprakriti ,nó còn chưa biến phân và vĩnh cửu ,trên cương vị là Vyakta (đã biểu lộ) ,nó bèn biến phân và bị khống chế (theo Shveta

Shvatara Upanishad,I,8 và Devi Bhâgavata Purâna). Đề cập tớiHỗn nguyên khí(Mûlaprakriti),tác giả của 4 bài thuyết trình về Chí-Tôn-Ca đã cho rằng :" Theo quan điểm của Thiền đạo, Thái Cực Thượng Đế dường như là Hỗng nguyên khí... Dĩ nhiên,Hỗn nguyên khí này có tính cách vật chất đối với nó cũng như bất kỳ vật thể nào có tính cách vật chất đối với ta ... Thái Cực Thượng Đế là một thực tại tuyệt đối và không bị khống chế ,còn Hỗng nguyên khí là 1 loại bức màn che trên đó (Tạp chí 'Thông Thiên học giả",VIII ,tháng 2, 3,4 năm 1887) (xem trang 14, 'Triết lý Chí Tôn ca" ấn bản Adyar lần thứ ba ,năm 1931,gồm các bài thuyết trình này xuất bản thành sách). 7 .

Những tôn giáo cổ nhất là Ấn Độ Giáo ,tôn giáo ở Ba- Tư và Ai Cập ,rồi đến tôn giáo Chaldée là sản phẩm của mấy tôn giáo trên ,nay đã mất tích ,nó đã thoái hóa thành tôn giáo Sabéisme (theo những nhà khảo cổ). Tôn giáo Do thái —trong phạm vi bí - giáo —theo con đường của khoa pháp thuật thành Babylone. Còn trong phạm vi công truyền thì tôn giáo Do thái có tính cách thần thoại,ngụ ngôn như trong quyển Genesis và Pentateuch (Genesis : Sáng Thế Ký ,Pentateuch :5 quyển đầu của Cựu Ước kinh).

Khi được thuyết minh dưới ánh sáng của kinh Zohar,bốn chương đầu của Sáng Thế Ký là 1 phần có ý nghĩa triết học thâm thúy của Vũ trụ khởi nguyên luận . Khi được ngụy trang dưới dạng biểu tượng ,chúng là 1 câu chuyện ru em, 1 cái gai hiểm ác đâm bên hông luận lý và khoa học ,quả báo nhãn tiền . Các giáo sĩ Do Thái—vốn thừa biết ngụ ý của Ngũ Kinh Cựu ước — đã trả thù một cách hiểm ác khi để cho chúng đóng vai trò Phận Nhập đề của Thiên Chúa giáo. Đó là 1 sự âm thầm chống lại bọn cướp bóc ,nay, người Do thái chắc chắn là đã "chơi gác" được những kẻ thù truyền kiếp của mình . Để thủngthẳng rồi chúng ta sẽ giải thích các tín điều ngoại môn nêu trên dưới ánh sáng của giáo lý đại đồng thế giới.

Cuốn Bản Kinh huyền môn (Occult Catechism) có những đoạn sau đây :

- Cái gì luôn luôn hiện diện ?
- Đó là Không gian, là Anupadaka trường cửu.
- Cái gì đã luôn luôn hiện diện ?
- Chính là mầm trong rễ .
- Cái gì luôn luôn đến và luôn luôn đi không ngừng không nghỉ ?
- Đó là Hơi Thở Vĩ Đại .

(Hơi Thở Vĩ Đại là Khí Thiêng của Thượng Đế xạ vào vật chất và rút đi).

- Vậy phải có Ba Thực Thể Trường Tồn chăng ?
- Không phải. Ba Thực Thể chỉ là Một .Cái gì luôn luôn có

là Một .Cái gì luôn luôn đã có là Một.Cái gì luôn luôn hiện diện và luôn luôn biến đổi là Một và đó là Không Gian.

Hỡi người đệ tử,hãy giải nghĩa đi!

- Thực thể duy nhất là 1 vòng tròn không có chu vi, vì Nó không ở đâu cả và hiện diện khắp nơi.

Thực thể Duy Nhất (the One) là cõi vô biên của hình tròn . Nó chỉ biểu lộ bằng 1 đường kính trong những thời kỳ hoạt -động của thế giới hữu hình mà thôi . Thực thể Duy nhất là cái chấm(.) bất khả phân chia ,mà người ta không thể tìm thấy ở nơi nào ,chỉ tìm thấy trong thời kỳ hoạt động ấy mà thôi . Đó là những đường thẳng đứng và ngang . Đường thẳng đứng là Cha,đường ngang là Mẹ.

Thực ra,đỉnh và đáy của Cha,2 cực của Mẹ,chẳng đi đến đâu, vì Thực Thể Duy Nhất ở là vòng tròn cũng như là các vòng tròn bên trong vòng tròn này.Ánh Sáng ở trong Bóng tối và Bóng tối ở trong ánh sáng :"Linh khí vĩnh cửu" .Nó tiến từ ngoài vào trong khi nó ở khắp nơi và lan từ trong ra ngoài khi nó chẳng ở đâu cả (nghĩa là Mâyâ (1),một trong các trung tâm (2).Nó bành trướng và co rút (thở ra và hít vào).

(1) ⌐Vốn coi mọi vật hữu hạn là Mâya (tức hão huyền của vô - minh),Nội Môn Bí Giáo ắt cũng phải quan niệm như vậy về mọihành-tinh vẫ vật thể nội vũ trụ,xét vì nó có tổ chức (cho nên mới hữu hạn). Do đó,mệnh đề đầu tiên của câu "nó tiến từ ngoài vào trong" ám chỉ buổi ban sơ của chu kỳ Khai nguyên(tức sự tái tiến hóa vĩ đại sau 1 trong các chu kỳ tan rã hoàn toàn của mọi hợp thể trong Thiên Nhiên(từ 1 hành tinh tới một phân tử) thành ra bản-thể , hoặc yếu tố cùng cực).Còn mệnh đề thứ nhì nhằm nói tới chu kỳ Khai nguyên từng phần hay cục bộ ,đó có thể là chu kỳ Khai Nguyên của một Thái dương hệ hoặc thậm chí của một hành tinh.⌐

(2) ⌐ Ở đây,ta có ý nói tới 1 trung tâm năng lượng hoặc 1 tiêu điểm vũ trụ . Khi cái gọi là "sự sáng tạo" hoặc sự tạo lập 1 hành tinh đã được hoàn thành bởi các loại lực mà các nhà huyền bí học gọi là Sự Sống và khoa học gọi là"năng lượng" ,thì bấy-giờ tiến trình sẽ tiếp diễn từ trong ra ngoài ;người ta bảo rằng mọi nguyên tử đều hàm súc năng lượng sáng tạo của linh khí. Sau một chu kỳ Hỗn nguyên tuyệt đối,khi vật liệu tiền thiên(pre-exis -ting material)chỉ gồm có một Hành Duy Nhất (One Element) vàLinh -Khí ở khắp nơi ,Linh khí(the Breath) sẽ tác dụng từ ngoài vào trong . Trong khi đó,sau 1 chu kỳ Hỗn nguyên thứ yếu,khi vạn vật vẫn ở nguyên trạng —1 tình trạng đông lạnh(tạm gọi như vậy) giống như mặt trăng —thì lúc chu kỳ Khai Nguyên bắt đầu ló dạng, các hành tinh sẽ bắt đầu phục sinh từ trong ra ngoài ⌐

Khi Hơi thở Đức Thượng Đế bành trướng ,thì Mẹ lan rộng và được rải rác khắp nơi . Khi Nó co rút thì Mẹ thu mình và tụ tập lại .

Hơi thở ra và hít vào làm nảy sinh những chu kỳ Khai-Nguyên và những Chu Kỳ Hỗn Nguyên ,tức Manvantara và Pralaya. Mầm mống thì vô hình và nóng bỏng .

Cảnh giới của vòng tròn là Cội Rễ. Cội Rễ thì mát (nói bóng). Nhưng trong chu kỳ hoạt động và tiến hóa,thì áo Mẹ lạnh và chói sáng.

Hơi thở nóng là Cha,nó ngấu nghiến hậu duệ của nguyên tố đa diện (dị trạng)và chỉ để lại các yếu tố đơn diện (thuần trạng). Hơi thở mát là Mẹ.

Mẹ hoài thai,sinh sản và đón tiếp các con khi chúng quay trở về lòng Mẹ để Mẹ tái tạo chúng lúc Bình minh tới .

(Bình minh của 1 Ngày của Brahma hay là của 1 Đại kiếp— là Thời Kỳ hoạt động Manvantara —).

Để độc giả hiểu rõ hơn,ta phải tuyên bố rằng :

" Khoa học huyền bí nhìn nhận 7 Nguyên Tố Càn Khôn : 4 nguyên tố hoàn toàn vật chất và nguyên tố thứ 5 (dĩ thái)bán-vật-chất . Vào cuối cuộc tuần hoàn thứ 4 của chúng ta,chất dĩ thái này sẽ trở nên hữu hình trong không khí ,rồi nó sẽ ngự trị trên cácchất khác trong suốt cuộc Tuần hoàn thứ 5. Hai nguyên tố còn lại,hoàn toàn vượt khỏi tầm hiểu biết của con người. Tuy nhiên,chúng nó sẽ hiện ra trong Giống dân chánh thứ sáu và thứ 7 của cuộc Tuần-hoàn thứ 4 này . Chúng nó sẽ tuần tự được người ta biết đến trong cuộc Tuần hoàn thứ 6 và thứ 7 (1).

(1) Trong các chu kỳ tiến hóa của các ý niệm ,kỳ diệuthay ta lại thấy phép suy lý hiện đại phản ánh biết bao nhiêu là tư-tưởng cổ truyền . Khi viết 1 đoạn nào đó trong "Các nguyên lý bản sơ" (trang 482),liệu ông Herbert Spencer có đọc và nghiên-cứu các triết gia Cổ Ấn Độ chăng ? Hay là chính 1 tia chớp loé độc lập của tri giác nội tâm đã khiến ông phát biểu"nửa nạc nửa mỡ"như xảy sau :"Chuyển động cũng như là vật chất vốn bất tăng, bất giảm (?) ,hình như là khi sự biến thiên của sự phân bố vật-chất mà chuyển động tạo ra đã đạt tới 1 giới hạn theo bất cứ hướng di chuyển (?) nào,thì chuyển động bất hoại như vậy cầnphải được phân bố ngược lại . Xét theo bề ngoài,các lực hút và đẩy cộng tồn của vũ trụ (ta đã thấy là chúng cần có tiết điệu nhịp-nhàng trong mọi biến thiên nhỏ nhặt khắp vũ trụ) cũng cần phải có tiết điệu nhịp nhàng trong toàn bộ các biến thiên (nay,chúng tạo ra 1 vô lượng thời trong đó các hấp lực ưu thắng ,gây ra tình trạng vũ trụ qui tâm ,và rồi 1 vô lượng thời trong đó các

~~hấp~~ lực ưu thắng gây ra tình trạng vũ trụ ly tâm) ,đó là các kỳ nguyên luân chuyển tiến hóa chán rồi lại qui nguyên _/.

Bảy nguyên tố này với vô số nguyên tố phụ ,nhiều hơn là cái số mà khoa học đã biết . Chúng nó chỉ là những biến-thể có giới-hạn và những trạng thái của 1 Nguyên tố Duy nhất. Nguyên-tố Duy Nhất này không phải là Dĩ thái (1),cũng không phải là chất Akasha mà là nguồn gốc của Dĩ thái và Akasha.

(2) _/ Cho dù vật lý học có trình bày quan điểm của mình về vấn đề này ra sao đi chăng nữa,Huyền bí học cũng đã giảng dạy từ biết bao lâu nay rằng xét về mặt vũ trụ ,Tiên thiên khí (Dĩ-thái là dạng thô trược nhất của nó),Nguyên khí vũ trụ thứ 5 (nó tương ứng với và sinh ra tâm trí của con người) là 1 chất quang huy , nguội ngắt ,thấu nhiệt,mềm dẻo,có bản chất hồng trần sáng tạo , tương hệ trong các khía cạnh và phần tử thô trược nhất ,có các nguyên khí thượng đẳng bất di dịch . Trong trạng thái sáng tạo , nó được gọi là Phó Căn(Sub-Root); khi phối hợp với nhiệt quang-huy,nó "làm phục sinh các thế giới đã bị diệt vong". Trong trạng thái thượng đẳng,đó là Linh hồn vũ trụ ,trong trạng thái hạ đẳng, đó là Đấng Hủy Diệt _/.

Nguyên tố thứ 5 này (vốn đã được khoa học hiện nay nhìn nhận) không phải là chất dĩ thái giả tưởng của Sir Isaac Newton, mặc dù ông đã dùng danh từ dĩ thái mà gọi nguyên tố đó, có - lẽ trong lúc đó, trong trí ông liên kết nguyên tố "ether" với"Aether". Aether đồng nghĩa với Akasha, là "Cha Mẹ" sinh hóa ra hình tướng vạn vật. Nói theo trực giác của ông Newton thì :

" Thiên nhiên là 1 Hóa công làm việc một cách liên hoàn.Tỷ như chất đặc,thiên nhiên làm cho lỏng ,chất hơi làm thành chất đặc ,rồi chất đặc làm thành chất hơi ;còn chất nặng trược làm thành chất thanh nhẹ ,và chất thanh nhẹ ,làm thành chất nặng - trược .(Giả thuyết ,1675) . Như thế thì có lẽ vạn vật đều do ether phát sinh ra .

Chúng tôi xin nhắc để quí độc giả lưu ý rằng những Đoạn - Kinh trong quyển Thiển thư này chỉ nói về phần Khai-tịch-luận, thuộc hệ thống hành tinh của chúng ta hiện nay sau một chu kỳ hỗn nguyên thái dương hệ(Solar pralaya) . Còn những phần bí giáo liên quan đến sự tiến hóa của toàn thể vũ trụ thì không thể tiết lộ , vì rất khó hiểu, dầu cho đối với những khối óc thông minh , siêu việt nhất của thời đại này và dường như chỉ có 1 thiểu số rất ít những bậc đã điểm đạo ở những quả vị cao siêu nhất mới được phép luận bàn về vấn đề này . Hơn nữa,các vị Chân sư đã từng công khai cho biết rằng thậm chí không có một vị nào trong các Đấng Thiên

Đinh Đế Quân cao cả nhất đã thấu triệt được những lẽ huyền vi bí nhiệm bên ngoài ranh giới phân cách hàng tỉ Thái dương hệ với "Ngôi Mặt Trời Trung ương". Bởi vậy,những giáo lý trong sách này chỉ dạy về cái vũ trụ hữu hình của chúng ta hiện nay, sau một kỳ "Đêm của Brahma".

Trước khi quí độc giả bắt đầu nghiên cứu những đoạn văn trong quyển Thiền Định Chân Kinh làm nền tảng cho quyển sách này, có điều thiết yếu là quí vị cần phải biết qua 1 vài quan niệm căn bản làm nòng cốt cho toàn bộ triết thuyết hệ được trình bày sau đây. Những quan điểm căn bản này chỉ có ít thôi, nhưng rất cần thiết để giúp cho độc giả có thể hiểu rõ tất cả những gì được trình bày trong sách này.

Giáo Lý Bí Truyền đưa ra ba điều căn bản :

I- <u>Chân Như Tuyệt Đối</u>

Có một nguyên lý bất biến,trường cửu,vô biên,thấm nhuần vạn vật,không thể đo lường và bất khả tư nghị,vì nó vượt ra khỏi tầm nhận xét của phàm trí con người ,không có ngôn ngữ,văn tự nào của trần gian có thể diễn tả nổi.Mândukya dạy là "bất khả tư nghị" (1).

(1) [Trong bản thảo 1886 là "bất khả xác định"(indefinable),"bất khả thuyết"("unpronounceable)]

Để cho dễ hiểu hơn,độc giả hãy đặt giả thuyết rằng có 1 chân lý tuyệt đối làm hậu thuẫn đàng sau mọi vật biểu lộ có hình hài ,sắc tướng. Cái nguyên nhân trường cửu và vô biên này là cái nguồn gốc tối hậu ,cùng tột của mọi vật hằng có trong quá-khứ,hiện tại và tương lai. Lẽ tất nhiên,cái nguyên lý này phải hoàn toàn vô tính chất và không có liên hệ gì đến cái sắc tướng biểu lộ và hữu hạn . Nó là cái "Tự Tại" vô tướng và hoàn toàn bất khả tư nghị. Cái tính Tự Tại này được khoa Bí Giáo Nội Môn tượng trưng dưới 2 khía cạnh . Một mặt là Không Gian Trừu Tượng Tuyệt-Đối ,mặt khác là sự Vận chuyển Trừu Tượng tuyệt đối.

Trong Giáo Lý Bí Truyền, Sự Sống này(Be-ness) được tượng-trưng bằng hai phương diện .Ở 1 phương diện,Nó là Không Gian Trừu Tượng Tuyệt đối. Nó chỉ sự chủ quan. Nó là điều duy nhất mà trí con người hiểu không được. Ở một mặt khác,Nó là sự Vận Hành Tuyệt Đối,trừu tượng ,tượng trưng cho cái Tâm Thức vô hạn định?.

Cái trạng thái thứ hai của Sự Sống tượng trưng bằng danh từ Hơi Thở Vĩ Đại. Vậy cái ý định căn bản đầu tiên của Giáo Lý Bí Truyền là cái Sự Sống Tuyệt đối siêu hình đó được trí khôn hữu hạn của con người tượng trưng bằng "Ba Ngôi Trời"(theological Trinity).

Ông Herbert Spencer giải thêm rằng :

Ông xác nhận cái bản chất của "Căn Nguyên Đầu Tiên"(1) là do căn nguyên Trường Tồn,Bất Khả tri mà phát sinh ra.

(1) ⌐ Đầu tiên đây có nghĩa là"sinh ra trước nhất ",là hạng nhất trong không gian,trong thời gian và trong hàng ngũ,nghĩa là cái gì có giới hạn và đã nhất định . Hễ đầu tiên thì không thể tuyệt đối vì đó là một sự biểu lộ. Do đó,Huyền bí học Đông phương gọi Tổng Thể Trừu Tượng là "Nguyên Nhân Bản sơ Duy nhất",Cội - Nguồn Bản sơ và chỉ dùng từ ngữ "Nguyên nhân Bản lai" để chỉ Thiên đạo (theo nghĩa mà Plato gán cho từ ngữ này) ⌋

Có thể nó chính là căn nguyên của tâm thức trong chúng ta. Ông còn xác nhận rằng : cái Thực thể vô tử thấm nhuần Càn Khôn là chính cái Thực thể thuần khiết của tư tưởng. Bước tiến này của ông đưa đến rất gần Giáo lý Huyền Môn của đạo Vedan -tine (2) ⌐

(2) ⌐ Xem 4 bài thuyết trình tuyệt diệu của T. Subba Row bàn về "Chí Tôn Ca" đăng trong tạp chí Thông Thiên học giả 1887. (Xem thêm "Triết lý của Chí Tôn Ca",trang 11-14 ⌋

Thái Cực Thượng Đế,Chân Như Tuyệt Đối,Độc Nhất Vô Nhị,là cái trường sở thiên diễn của Tâm thức Tuyệt Đối ,nghĩa là cái Tinh Hoa hoàn toàn ngoài vòng liên hệ với mọi hình thức sinh-hoạt hữu hạn. Nhưng một khi chúng ta phát khởi ý niệm trong tư tưởng từ cái lý vô vi tuyệt đối này thì chúng ta đã bước vào cõi giới nhị nguyên tương đối ,gồm những đối tượng mâu thuẫn nhau như Tinh Thần và Vật Chất,Chủ Thể và Khách Thể.

Tuy nhiên,Tinh Thần và Vật Chất không được coi như những thực thể riêng biệt độc lập , mà như 2 phương diện hay khía cạnh khác nhau của Lý Tuyệt đối(Parabrahma), nó còn làm nền tảng cho mọi sự sinh tồn hữu hạn,dù là chủ thể hay khách thể.

Nếu ta nhận xét cái Tam Nguyên siêu hình này như cái nguồn gốc từ đó phát sinh ra mọi biểu lộ dưới thế gian, thì cái Đại-Khí Vận (Đại Hô Hấp)khoác lấy tính cách của Ý Niệm thiêng liêng(Pre-Cosmic Ideation). Nó là chỗ phát nguyên của Năng-Lực và của mọi tâm thức cá biệt và phát xuất ra cái trí thông minh điều khiển, hướng dẫn trong cơ tiến hóa vĩ đại của vũ trụ càn khôn. Một mặt khác,Hỗn Nguyên khí(Mulaprakriti) là cái khía cạnh của lý tuyệt-đối , nó làm nguyên liệu căn bản tạo dựng nên tất cả những cõi - giới sắc tướng ngoại tại trong thiênnhiên.

Cũng như Ý niệm thiêng liêng là căn nguyên của mọi tâm-thức cá biệt,thì Tiên Thiên khí là căn bản vật chất nguyên thủy trong mọi giai tầng biểu lộ phân hóa của vật chất trong cõi hậu thiên.

Bởi vậy,sự mâu thuẫn của 2 khía cạnh trên của Lý tuyệt - Đối hiển nhiên là cần thiết cho sự hiện tồn của "vũ trụ ngoại-tại" .Nếu không có Tiên thiên khí, thì Ý Niệm thiêng liêng không thể biểu lộ như 1 tâm thức cá biệt ,bởi vì tâm thức chỉ có thể phát triển như 1 tự ngã riêng biệt "Tôi là Tôi" xuyên qua 1 thể cấu tạo bằng vật chất. Cái tự ngã này là cái căn bản vật chất cần thiết để trụ vào đó 1 tia sáng của Đại Ngã,ở vào 1 giai tầng phức tạp nhất định . Một mặt khác,nếu không có Ý Niệm thiêng liêng thì Tiên Thiên khí rốt cuộc cũng vẫn là một thực thể trừu tượng, vô vi và không thể phát sinh ra tâm thức.

Như vậy,vũ trụ ngoại tại thấm nhuần cái Lý Nhị nguyên , vốn là cái Tinh hoa rốt ráo của "sự biểu lộ";cũng như những đối-tượng mâu thuẫn Chủ Thể và Khách Thể ,Tinh Thần và Vật chất,chỉ là các khía cạnh của cái Nhất nguyên bao gồm tổng hợp cả hai mặt, thì trong vũ trụ biểu lộ ,cũng có 1 "cái gì đó" nó kết hợp,nối liền Tinh thần và Vật chất,Chủ thể và Khách Thể.

"Cái gì đó" ,mà hiện thời bên Tây phương không biết gì cả, các nhà huyền môn gọi là Fohat. Nó là "Cái cầu thông thường" do đó những"ý-niệm" hiện hữu trong "Tư Tưởng thiêng liêng" được phản ánh vào Tiên Thiên khí dưới hình thức những"định luật thiên nhiên". Như thế,Fohat là cái năng lực cực động của Thiên Ý Hồng-Nguyên; nếu xét theo khía cạnh khác ,nó là cái trí thông minh , cái quyền năng điều khiển ,dìu dắt mọi hình thức sinh hoạt biểu lộ,"cái Tư tưởng thiêng liêng"được chuyển đạt và thể hiện do các Đấng Thiên Định Đế Quân (1) là những vị kiến tạo nên thế giới hữu hình .

(1) [Thần học Thiên chúa giáo gọi các Ngài là Tổng Thiên thần,Seraphs v.v...]

Như vậy,do bởi Tinh thần hay Ý Niệm thiêng liêng mới có tâm thức,do bởi Tiên thiên khí mới có sự cấu tạo nên các thể làm những khí cụ vật chất để nhờ đó tâm thức thiêng liêng trở thành cá biệt và đạt tới tâm thức phản ánh hay bản ngã. Còn Fohat,qua nhiều hình thái biểu lộ khác nhau,là cái khoen bí mật nối liền Tinh thần và Vật chất ,cái động cơ tiếp diễn và truyền sinh khí làm thức động mỗi hột nguyên tử .

Bảng toát yếu sau đây sẽ giúp cho độc giả có 1 ý niệm rõ hơn :

a) Chân như tuyệt đối(2) Parabrahma của Ấn giáo ,hay vô-cực ,vừa là Đại Ngã, vừa là Vô ngã (theo lối nói của Hegel).

(2) [Trong ấn bản 1893 và trong bản thảo 1886 là:Tuyệt-Đối Tính]

b) Thượng Đế Ngôi I, Thượng Đế Vô Vi, không biểu lộ, là Đệ Nhất Nguyên nhân, sau đó mới có Thượng Đế biểu lộ (Vô Cực sinh Thái Cực) Đó là cái căn nguyên thứ nhất, cái nguyên nhân vô-ý-thức của những người Âu Châu tin theo thuyết Phiếm Thần.

c) Thượng Đế Ngôi Hai, Tinh Thần và Vật Chất, Purusha và Pra-kriti, là 2 đối tượng âm dương (Thái Cực sinh Lưỡng Nghi).

d) Thượng Đế Ngôi Ba, Ý Niệm Thiêng Liêng, Mahat hay Đại Trí Tuệ, Đại Hồn của vũ trụ. Cái thực thể của Vật Chất trong vũ trụ, cái căn bản của mọi tác động khôn ngoan của Thiên Nhiên, trong Thiên Nhiên. Người ta cũng gọi cái đó là Đại Bồ Đề (Mahat Buddhi).

Thực Tại Duy Nhất với hai trạng thái trong Vũ Trụ hữu hạn. (conditioned Universe) (1).

(1) [Không được lẫn lộn Ba Ngôi Thượng Đế nội tâm này với Ba Ngôi Thượng Đế ngoại cảnh biểu lộ, khi Thượng Đế Nội Tâm Ngôi Ba biến thành Thượng Đế Sáng Tạo Ngoại cảnh Ngôi I; Toàn Linh Trí làm cho vạn vật thấm nhuần Đức Thông Tuệ. Xem Tâm Thức Học của Annie Besant, Thiết "Căn Nguyên"—Ban biên tập]

II- ĐỊNH LUẬT CHU KỲ

Kế đó, Giáo Lý Bí Truyền khẳng định rằng toàn thể vũ trụ, vô-biên trong không gian và vô cùng trong thời gian, là cái sân trường biểu lộ của vô số vũ trụ luôn luôn xuất hiện và tan biến theo từng chu kỳ. Tính cách trường cửu của điểm Chơn thần (2) chỉ ngắn ngủi như cái chớp mắt của Tự Hữu Tự Tại.

(2) [Chơn Thần (Monad) (Lưỡng vị Nhất thể) trong chu kỳ lâm phàm được gọi là Hành giả (Pilgrim). Đó là nguyên khí Duy Nhất có tính cách bất tử và vĩnh cửu của con người, nó là 1 phần bất khả phân ly của Tổng thể viên mãn (Tinh thần vũ trụ), tổng thể này xạ ra nó, hấp thụ nó vào lúc kết liễu chu kỳ. Khi ta bảo rằng nó từ Tinh thần duy nhất xạ ra, ta đã phải tạm thời dùng 1 lối diễn đạt vụng về và thiếu chính xác, vì Anh ngữ không có những từ ngữ diễn đạt thỏa đáng. Các tín đồ phái Phệ Đàn đà gọi nó là Sûtrâtma (Hồn Dây, Linh tuyến) nhưng họ giải thích hơi khác với các nhà huyền-bí học. Tuy nhiên, ta xin dành cho các tín đồ phái Phệ Đàn đà giải thích xem hai bên khác nhau như thế nào]

Sự xuất hiện và biến tan của các bầu thế giới cũng ví như nước lớn, nước ròng (Xem phần II, "Ngày và Đêm" của Brahma).

Giáo điều này diễn tả sự phổ cập tuyệt đối của định luật chu kỳ trong vũ trụ, biểu hiện nơi mực nước lên xuống của thủy-triều, mà khoa học Vật lý đã quan sát và ghi nhận trên tất cả mọi lãnh vực trong cõi Thiên nhiên.

Sự nối tiếp nhau giữa ngày và đêm ,Sinh và Tử,Thức và Ngủ là 1 sự kiện thông thường và phổ cập khắp nơi ,không đâu là không có. Người ta rất dễ nhận thấy rằng đó là một trong những định - luật căn bản tuyệt đối của vũ trụ.

III- ĐỊNH LUẬT TIẾN HÓA

Sau nữa,Giáo Lý Bí Truyền dạy rằng ,tất cả mọi Linh hồn đều đồng chung một tính chất với Đại Ngã hay Đại Hồn của vũ trụ và Bất Khả Tri . Mỗi Linh hồn là 1 điểm Linh quang xuất phát từ Đại Ngã ,phải dự một cuộc hành hướng ,trải qua một chu kỳ nhập thế , theo định luật Nhân quả và Luân hồi . Nói cách khác, không một Chơn Linh nào có thể có một cuộc sống ý thức và riêng rẽ ,độc - lập ,trước khi điểm Linh Quang (Chơn Thần) xuất phát từ Đại-Ngã đã :

a) Trải qua sự sống trong mỗi hình thể thuộc về hiện tượng giới của chu kỳ liên hệ ,và :

b) Sở đắc được cá tính riêng biệt ,trước hết do sự thúc - đẩy tự nhiên ,rồi kế đó, do những cố gắng tự bản thân (trong phạm vi Nhân quả), và như vậy,cứ vượt lên ,xuyên qua tất cả những trình độ của Trí Tuệ ,từ trình độ thấp kém nhất lên tới Thượng-Trí , từ loài khoáng vật và thảo mộc ,cho đến quả vị cao cả nhất của 1 Thiên Sứ hay Đại Thiên Thần (Dhyani Buddha). Khoa huyền - môn không chấp nhận rằng con người do sự ngẫu nhiên mà được những đặc ân hay có những tài năng thiên phú đặc biệt ,trừ phi y đạt được những ân điển đặc thù đó do bởi sự cố gắng tự bản thân ,trải qua 1 loạt dài gồm nhiều kiếp sinh tử luân hồi . Bởi đó,Ấn giáo nói rằng Vũ trụ là Brahman (Đại Ngã) và Brahma (Phạm Thiên), vì Đại Ngã tiềm ẩn trong mỗi nguyên tử của vũ trụ ,còn 6 loại nguyên khí (Principle) trong thiên nhiên là những khía cạnh phân hóa dị biệt của cái ~~khí~~ nguyên khí thứ 7 và Duy nhất ,cái Chân tướng độc nhất vô nhị trong vũ trụ càn khôn . Cũng bởi đó mà mọi sự biến dịch đổi thay về Tinh thần ,Tâm Linh và Thể chất trên cõi giới sắc tướng biểu lộ của nguyên khí thứ 6 (Brahmâ là thể của Brahman) được coi như những ảo ảnh hay ảo giác . Đó là vì cái gốc rễ của mỗi nguyên tử nói riêng và của mỗi hình thể nói chung vốn là nguyên khí thứ 7 hay Chân Như Độc Nhất Vô nhị ,nhưng trong hình tướng biểu lộ nhất thời của nó ,nó không hơn gì một ảo - tưởng thoáng qua của giác quan chúng ta (1).

(1) ⌐ Xem quyển II , phần 3 ,Tiết 14 "Chư Thần Linh,Chơn - thần và Nguyên tử ⌙

Trong sự tuyệt đối của nó,cái Nguyên Khí độc nhất và vô-nhị dưới 2 trạng thái Parabrahman (Đại Ngã Vô cực) và Mulaprak-

riti (Hỗng nguyênkhí) vốn không phân biệt âm dương ,không lệ-thuộc ngoại giới và trường cửu bất biến . Sự biểu lộ từng chu-kỳ của nó (Manvantara) cũng là nhất nguyên hữu hạn trong hiệntượng và bao gồm lưỡng tính Âm Dương . Đến khi phân hóa ,tất cả những biểu lộ của nó cũng bao gồm lưỡng tính để trở nên những nguyên-lý Âm Dương trong những khía cạnh thấp kém hơn.

Sau chu kỳ Hỗn nguyên (Pralaya), đầu là đại hay tiểu chu-kỳ (tiểu chu kỳ vẫn giữ nguyên trạng (1) của các thế giới).,vật

(1) Trong các Đại Chu kỳ Hỗn nguyên vũ-trụ (hoặc thậm-chí cả các chu kỳ hỗn nguyên thái dương hệ nữa),phần vẫn còn nguyên trạng không phải là các cơ thể vật chất ,lại càng không phải là các nguyên khí tâm linh , mà là các "hình ảnh" dĩ thái hoặc tiền thiên khí . Nhưng trong các tiểu chu kỳ hỗn nguyên,một khi "Màn Đêm" buông xuống,các hành tinh vẫn còn nguyên vẹn,mặc dù đã chết ngắc, chẳng khác nào một con thú không lồ ,bị chônvùi dưới lớp băng ở cực ,vẫn còn y nguyên trong hàng bao nhiêu thời-đại

đầu tiên thức tỉnh để bắt đầu cuộc sống mới/là Akasha , cái tinh thần và linh hồn của chất dĩ thái ,tức cái bình diện trên mặt cái vòng tròn . Không gian được gọi là Mẹ trước chu kỳ sinh hoạt biểu lộ của vũ trụ và được gọi là Phụ Mẫu ở giai đoạn đầu của sự thức tỉnh (Chu kỳ Sáng tạo).

Trong Kinh Cabale bí giáo Do thái, nó cũng là "Cha-Mẹ-Con". Nhưng trong giáo lý Đông phương ,"Cha Mẹ-Con là cái Nguyên thể thứ 7 của vũ trụ hữu hình hay là "Atma -Buddhi -Manas". Tam vị nhất thể này phân hóa và chia làm 7 Nguyên thể của vũ trụ và 7 Nguyên thể của con người ;theo kinh bí giáo Cabale Do thái Tây-phương của các nhà thần bí Thiên chúa giáo,thì đó là Tam vị nhứt tthể (Triad) hay là Thượng Đế Ba Ngôi (Trinity) và đối với các nhà thần bí và triết gia Đông phương, đó chính là Jehovah bán thủ bán hùng ,Jah-Havah . Đó là điều dị biệt giữa Thượng Đế Ba Ngôi của bí giáo và của Thiên chúa giáo.

Các nhà thần bí và các triết gia,những người Phiếm -thần Đông Phương và Tây Phương ,tổng hợp "Tam vị nhất thể" này trong 1 quan niệm trừu tượng thiêng liêng và thuần khiết. Những người theo Chính Thống giáo Thiên Chúa lại gán cho Tam vị Nhất thể này hình dáng con người . Hiranyagarba ,Hari và Shankara — vốn là 3 Thực thể của Tinh thần tuyệt đối ,Tối cao mà Địa cầu dùng nó để chào mừng Vishnu khi Ngài hóa thân lần thứ nhất — là những đặc tính trừu tượng ,triệt để siêu hình của sự sáng tạo ,sự bảo tồn và sự hủy diệt và là 3 Thực thể thiêng liêng của cái gì bất diệt

đối với những vật đã được sáng tạo (hay là Achyuta(bất biến), một danh hiệu của Đức Vishnu). Còn những người Thiên chúa giáo chính thống thì chia vị Thượng Đế sáng tạo của họ ra làm"ba vị" (1) và không thừa nhận một vị Thượng Đế nào cao hơn ba vị ấy.

(1) [Ba vị ấy là Đức Chúa Cha,Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần]

Trong huyền bí học,Thượng Đế được tượng trưng bằng hình tam giác trừu tượng . Còn đối với những người Chính Thống giáo , thì Ngài được tượng trưng bằng hình lập phương hoàn bị.Những triết gia Đông phương cho Thượng Đế Sáng Tạo hay toàn thể THẦN-minh sáng tạo Bhrântidarshanatah (là hình dáng,là ảo ảnh) vì những vẻ bề ngoài sai lạc nên bị coi là những hình hài vật chất, và người ta giải nghĩa rằng :những vị thần minh đó sanh ra do cái quan niệm ảo tưởng của linh hồn ích kỷ đầy cá tính riêng tư (nguyên khí thấp thứ 5). Điều này được trình bày một cách nên thơ trong bản dịch mới của kinh Vishnou Purâna do ông Wilson dịch . Nói 1 cách tổng quát thì Brahma có vẻ giống vật chất được tiến-hóa và không tiến hóa (Mulaprakriti). Nó cũng có dáng vẻ của Tinh Thần và Thời Gian. Ôi ! Tinh thần hai lần sanh —là vẻ chánh yếu của Brahma tối cao (2).

(2) [Spencer cũng như Schopenhauer và Von Hatmann,ông chỉ phản ảnh một khía cạnh của các triết gia nội môn thời xưa,và vì thế đã dẫn độc giả tới bến bờ quạnh hiu đầy sự tuyệt vọng bất-khả-tri — đã kính cẩn phát biểu 1 đại bí nhiệm như sau :" Cái vốn bất tăng bất giảm ,nhưng thiên hình vạn trạng trong vũ trụ biểu lộ trước mắt ta , là 1 huyền năng bất khả tri mà ta bắt buộc phải thừa nhận là vô biên và vô thủy vô chung". Chỉ có thần học "điếc không sợ súng" — chứ khoa học và triết học thì đừng hòng— mới dám thăm dò vô cực và vén màn bí mật của cái Bất khả tri và Thăm thẳm khôn dò]

Nguyên thể kế tiếp có 2 khía cạnh hay trạng thái :

a) Prakpriti là vật chất biến hóa

b) Thời gian là vật chất trinh nguyên.

Thần phổ học Orpheus cũng trình bày thời gian (Kronos)như là một thần linh hoặc tác nhân hậu thiên.

Khi vũ trụ được thức tỉnh trong giai đoạn này,người ta biểu tượng vũ trụ đang thức bằng 1 vòng tròn toàn bích với cái chấm ở giữa . Dấu hiệu này rất phổ biến . Dấu hiệu này cũng có trong kinh bí giáo Do thái nữa. Tuy nhiên,kinh ấy ở Tây phương— nay bị lọt vào tay những kẻ nhà thần bí Thiên Chúa giáo — lại

không có dấu hiệu này ,tuy trong kinh Zohar có nói đến nó. Những tín đồ ly khai này bắt đầu bằng đoạn chót và lấy hình này tượng trưng cho vũ trụ tiền sinh (Cronosprégénétique)và gọi là "Sự hợp nhất của Hoa Hồng với Thập tự giá" ,đó là sự bí mật vĩ-đại của sinh lý huyền bí ,cho nên mới có danh từ "Rosicrucian"(Hoa Hồng Thập tự).

Như đã thấy,các nhà thần bí tân thời cũng chưa bao giờ hiểu được một trong những biểu tượng quan trọng nhất của mônphái Rosicrucian.Biểu tượng này là con Chàng Bè tự xé ngực ra để nuôi 7 đứa con của nó . Đó là tín ngưỡng thật sự của chư huynh Rose - Croix — là sản phẩm trực tiếp của Giáo Lý Bí Truyền Đông phương.

Người ta gọi Brahman (trung tính) là Kalahamsa (theo sự giải thích của các học giả Tây phương khảo cứu văn hóa Đông phương) . Danh từ Kalahamsa có nghĩa là con Thiên nga trường tồn.

Đối với Brahma,người ta cũng tượng trưng như vậy để chỉ Thượng Đế sáng tạo. Nơi đây,ta sửa một lỗi lầm trọng đại .Chính Brahman(neutre,trung lập)mà người ta phải nói là Hamsa-Vâhana,là Đấng cỡi Thiên nga ,chớ không phải là Brahmâ. Đấng Sáng Tạo mới thật là Kâlahamsa ,còn Brahman (trung lập) là Hamsa và Ahamsa (điều này sẽ được giải nghĩa trong phần bình luận). Phải hiểu rằng những danh từ Brahmâ và Parabrahman được dùng nơi đây không phải vì chúng là những danh từ bí giáo ,mà vì các sinh viên Tây-phương quen thuộc với chúng hơn.Cả hai danh từ này đều hoàn toàn tương đương với ~~với~~ các danh từ có một ,ba và bảy nguyên âm tượng trưng cho Đại thể duy nhất,"Đấng Duy Nhất Tuyệt Đối". Đó là những quan niệm căn bản của giáo lý huyền môn.

Chúng tôi thiết tưởng không cần phải dài dòng để bênh-vực,chứng minh sự thật đương nhiên của những giáo điều nàyvà cũng không cần trình giải bằng cách nào những chân lý ấy được chứa-đựng (tuy rằng thường là ẩn giấu dưới 1 hình thức che đậy rất phỉnh lừa) trong mỗi hệ thống tư tưởng hay triết thuyết xứng - đáng với cái tên gọi này.

Một khi độc giả đã thấu triệt được những chân lý ấy và nhận thức rõ cái tia sáng mà chúng rọi vào mỗi vấn đề bí hiểm của đời người ,quí vị sẽ không còn đòi hỏi thêm 1 sự minh chứng nào nữa, bởi vì chừng đó,sự thật sẽ hiện ra trước mắt quí vị 1 cách hiển-nhiên như vầng thái dương ở giữa nền trời. Bởi vậy,chúng tôi xin nói qua đề tài các đoạn Kinh trình bày trong sách này.

Lịch trình tiến hóa của vũ trụ ,như trình giải trong quyển Thiên Định Chân Kinh,có thể nói là cái công thức toán học trừu - tượng của Cơ Tiến Hóa . Bởi đó,độc giả không nên mong đợi tìm thấy

ở đây một sự trình giải tường tận tất cả những giai đoạn chuyển biến xảy ra kể từ khi bắt đầu cuộc tiến hóa của vũ trụ cho đến tình trạng của ta hiện thời .Đưa ra 1 sự trình giải như thế là 1 việc không thể làm được ,cũng như không thể hiểu được đối với 1 số đông người . Những người này thậm chí cũng không thể hiểu tính chất của cõi giới kế cận cõi giới hồng trần là cõi mà tâm-thức của họ tạm thời bị giới hạn .

Bởi vậy,những Đoạn Kinh chỉ trình bày 1 công thức trừu tượng có thể áp dụng cho tất cả mọi giai tầng tiến hóa :từ cuộc tiến hóa của quả địa cầu nhỏ bé của chúng ta ,đến sự tiến hóa của dãy hành tinh mà thành phần gồm luôn địa cầu ,đến Thái-dương -hệ gồm cả dãy hành tinh nói trên ,và cứ như thế trong 1 giai - tầng càng cao lên mãi cho đến khi tâm trí mệt mỏi không còn theo dõi được nữa.

Bảy Đoạn Kinh trình bày trong sách này là 7 phần của cái công thức trừu tượng nói trên . Bảy đoạn ấy diễn tả 7 giai đoạn của Cơ Tiến hóa mà kinh Puranas gọi là "7 cuộc sáng tạo" và Thánh kinh Thiên Chúa giáo gọi là " 7 ngày sáng thế".

Đoạn Kinh thứ nhất diễn tả trạng thái của Chân Như Tuyệt Đối trong chu kỳ Hỗn nguyên , trước khi có sự thức tỉnh và động tác biểu lộ đầu tiên của chu kỳ sáng tạo mới.

Trạng thái đó chỉ có thể ngụ ý bằng lời nói ẩn dụ , chứ không thể diễn tả được bằng ngôn ngữ thông thường. Nó cũng không thể diễn đạt được bằng lối tượng trưng ,trừ phi bằng những danh - từ tiêu cực ,lý do vì đó là trạng thái tuyệt đối nên nó không có những đặc tính riêng để có thể diễn tả bằng những danh từ xác-thực.Do đó, người ta chỉ có thể gợi ý để hiểu trạng thái đó bằng những danh từ tiêu cực ,đối tượng của những đặc tính trừu tượng nhất mà người ta có thể cảm nhận ,tức là hiểu bằng trực giác mà thôi,chứ không thể nào có được quan niệm rõ ràng ,cụ thể về vấn đề này.

Giai đoạn sáng thế diễn tả trong Đoạn Kinh thứ 2 gần giống như giai đoạn diễn tả trong Đoạn Kinh thứ nhất,đến nỗi , muốn trình giải sự khác nhau đó phải cần đến 1 quyển sách dày . Bởi đó,độc giả hãy sử dụng đến mức tối đa những linh năng trực giác của mình để lãnh hội được ý nghĩa của những câu bóng bẩy,ẩn dụ trình bày trong Đoạn này.

Thật vậy,ta nên nhớ rằng ,sự học hỏi những Đoạn Kinh trong Thiền Định Chân Kinh cần sử dụng những năng khiếu tâm linh hơn là sự hiểu biết thông thường bằng cái trí phàm.

Đoạn Kinh thứ Ba diễn tả sự thức tỉnh của vũ trụ để bắt đầu 1 chu kỳ hoạt động sau 1 chu kỳ Hỗn nguyên . Nó diễn tả sự xuất hiện của những điểm Nhất Nguyên Chơn Thần ,từ trạng thái k hỗn hợp với Thái Cực tuyệt đối ,giai đoạn sơ khai nhất và caoxt tột nhất trong việc tạo dựng nên các bầu "Thế giới". Danh từ Nhất nguyên (Monad) là 1 danh từ có thể áp dụng cho cả 1 Thái-dương-hệ cực lớn hay 1 hột nguyên tử cực nhỏ.

Đoạn Kinh thứ Tư trình bày sự phân hóa cái Nguyên Chủng của vũ trụ thành các cấp đẳng quyền năng thiêng liêng theo qui-mô con số 7 . Những cấp đẳng này là những biểu lộ tích cực của Năng lực Tối Cao Duy Nhất . Đó là những Đấng phác họa kiểu mẫu các hình thể sắc tướng của vạn vật ,những Đấng Sáng Tạo nên vũ-trụ càn khôn ,điều đất,hướng dẫn sự sinh hoạt của mọi loài,điều chỉnh và giám sát cơ tiến hóa . Các Ngài là những Đấng thể hiện sự biểu lộ của 1 định luật tuyệt đốitrong Thiên cơ mà chúng ta được biết dưới mệnh danh là "Định Luật Thiên Nhiên".

Danh từ Huyền Môn gọi các Ngài là những vị Thiền Định Đế Quân(Dhyanchohans),tuy rằng các Ngài chia ra nhiều nhóm khác nhau và mỗi nhóm có 1 danh hiệu riêng.

Giai đoạn tiến hóa này được thần thoại Ấn Độ gọi là cuộc sáng tạo của các Đấng Thần Minh.

Đoạn Kinh thứ Năm diễn tả phương thức tạo lập vũ-trụ.Trước tiên là vật chất nguyên thủy,kế đó là "Con trốt lửa xoáy" tức giai đoạn đầu thành hình một khối tinh vân (Nebula). Khối tinh-vân cô đọng dần dần ,và sau khi đã trải qua nhiều cuộc biến đổi, mới trở thà h 1 thái dương hệ , 1 dãy hành tinh hay 1 hành tinh đơn độc tùy trường hợp.

Đoạn Kinh thứ Sáu diễn tả những giai đoạn kế tiếp trong việc tạo dựng nên 1 bầu"thế giới", diễn trình tiến hóa của 1 bầu thế giới cho đến cuộc tuần hoàn thứ 4 ,tức là cuộc tuần hoàn của chúng ta hiện nay.

Đoạn Kinh thứ Bảy tiếp tục diễn tả lịch trình giáng lâm của Nguồn sống Thiêng liêng xuống các cõi hạ giới cho đến việc xuất hiện của loài người trên Địa cầu và kết thúc quyển nhất của bộ Giáo Lý nhiệm mầu .

Quyển nhì diễn tả lịch trình tiến hóa của con người kể từ lúc bắt đầu xuất hiện trên Địa cầu trong cuộc tuần hoàn hiện tại cho đến ngày nay .

Những Đoạn Kinh trong sách này được diễn ra từ quyển Thiền Định Chân Kinh viết bằng cổ tự Senzar là 1 thứ chữ rất xưa

từ hồi tiền sử . Thỉnh thoảng tác giả có trích lục những bản-dịch Trung Hoa ,Tây Tạng và Phạn Ngữphiên dịch từ 1 nguyên văn cổ tự Senzar và đây là lần đầu tiên mà những lời chú giải và bình luận quyển Thiền Thư này được viết bằng Anh ngữ . Tưởng không cần phải nói rằng chỉ có 1 phần của 7 Đoạn Kinh được trích ra trong sách này, vì phần lớn các Đoạn Kinh rất khó hiểu đối với tất cả mọi người trừ ra 1 số ít những nhà huyền môn thượng-thặng . Cũng như không cần phải nói với độc giả rằng không hơn gì phần đông người thế tục ,tác giả,hay nói đúng hơn là người ghi chép khiêm tốn này,cũng không hiểu được những đoạn Kinh bí-hiểm đó . Để cho sự khảo cứu được dễ dàng hơn và để tránh việc sử dụng quá nhiều lời chú thích ,tác giả nghĩ rằng tốt hơn nên dùng những danh từ Phạn ngữ và Tây Tạng trong những trường hợp không thể tránh khỏi ,hơn là đưa ra nguyên văn (bằng cổ tự).Vả-lại,những danh từ ấy đều là những chữ đồng nghĩa đã được giới huyền môn chấp nhận ,còn nguyên văn chỉ được dùng khi 1 vị Chân sư dạy các đệ-tử . Vì vậy,khi dịch Kinh ra Anh văn,nếu chỉ dùng danh từ và những tiếng chuyên môn giống như trong bản kinh viết bằng tiếng Tây Tạng và Senzar thì đoạn kinh I sẽ như vầy :

"Tho-as trong Zhi-gyu ngủ yên trong bảy Korlos Aosmanas Zhiba. Tất cả Ny-ug lồng ,Konch-hog không; Thyan-Kam không;Lha-Chohan không; Tenbrel Chungnyi không ; Dharmakâya ngừng lại ; Tgenchang không biến dịch ; Barnang và Ssa trong Ngovonyidi;chỉ có Tho-og Yinsin trong đêm của Sun-chan và Yong-grub (Paranish-pana) v.v...

Như thế thì chẳng ai mà hiểu nổi !

Vì sách này được viết ra để dạy đạo cho các sinh viên huyền môn chứ không phải cho các nhà ngôn ngữ học nên chúng tôi đã cố gắng tránh dùng những danh từ ngoại ngữ mỗi khi có thể.

Chỉ có những từ ngữ không thể dịch được ,không thể hiểu được trừ phi được giải thích ý nghĩa ,mới được giữ lại , nhưng tất cả các từ ngữ này đều được trình bày dưới dạng tiếng Bắc-phạn. Thiết tưởng khỏi cần phải nhắc độc giả nhớ rằng những danh từ Bắc Phạn dùng nơi đây hầu hết đều là những danh từ mới phát triển và liên quan đến giống dân chính thứ 5 . Người At lăng không hề nói tiếng Bắc phạn mà nay ta biết ,hầu hết các từ ngữ triết học được dùng trong các triết hệ ở Ấn Độ sau thời Mahâbha→rata đều không có trong kinh Phệ Đà ; trong các đoạn kinh nguyên thủy ,ta cũng chẳng thấy chúng mà chỉ thấy các từ ngữ tương đương . Nếu không phải là người Thông thiên học thì quí độc giả có thể xem những gì được viết ra sau đây như 1 truyện thần tiên hoang đường ,tùy ý thích, hoặc khá hơn ,như 1 trong những triết hệ chưa được

chứng minh của các triết gia mơ mộng ,hoặc tệ nhất như 1 giả - thuyết mới nữa cộng thêm vào những giả thuyết khoa học của quá- khứ ,hiện tại và tương lai ,trong số đó ,có 1 vài giả thuyết đã chết và 1 số khác còn đang thoi thóp.

Dầu sao,nó cũng không tệ hơn nhiều giả thuyết khoa học , nhưng chắc chắn là hữuly hơn và có căn bản triết học vững vàng hơn. Ngoài phần giải nghĩa và bình luận cần thiết,và phong phú, có những điều ghi chú để tham khảo ở mỗi trang sách và được đánh dấu theo lối thông thường . Còn những câu kinh được bình - luận thì được đánh dấu bằng những mẫu tự .

Trong những chương nói về " Biểu tượng học",có thêm tài- liệu khác ,các chương này chứa đầy những điều nên biết ,hơn là những lời nghị luận .

PHẦN I

SỰ TIẾN HÓA CỦA VŨ TRỤ.

BẢY ĐOẠN THÁNH KINH ĐƯỢC PHIÊN DỊCH VỚI NHỮNG LỜI BÌNH LUẬN TỪ CUỐN

THIÊN ĐỊNH CHÂN KINH

Thuở đó ,không có gì cả .
Trên cao không có bầu trời sáng chói,
Cũng không có vòm trời bao la giống cái mái nhà phủ lên
Cái gì bao phủ lên tất cả ? trên.
Cái gì che chở ? Cái gì che đậy ?
Có phải là vực sâu không đáy chứa đầy nước không ?
Thời đó không có gì chết và cũng không có gì bất tử.
Không có ranh giới giữa ngày và đêm.
Đấng Duy Nhất Độc Tôn vốn không có hơi thở,đã tự sức mà
Thuở đó,ngoại trừ CÁI ĐÓ thì không có gì khác. / thở ra.
Chỉ có sự Tối Tăm,và thoạt đầu,mọi sự đều bị che lấp
trong bóng tối thâm sâu —một đại dương không ánh sáng.
Cái mầm sống đang nằm yên ,ẩn mình trong vỏ cứng, bỗng
nảy nở thành thiên nhiên nhờ sức nóng nồng nhiệt.

Ai biết điều bí mật ? Ai tuyên bố điều đó ở đây ?
Do tự đâu,do tự đâu mà sự sáng tạo muôn mặt này được phát
Mãi về sau,các vị Thượng Đế mới thành hình / sinh?
Ai biết sự sáng tạo vĩ đại này do tự đâu mà phát sinh ?
Trọn vẹn sự tạo tác vĩ đại này đã từ đâu đến ?
Đại ý chí của vũ trụ đã sáng tạo hay đã câm lặng ?
Đấng Tiên Tri Tối Cao ngự trên từng trời cao nhất biết
điều đó — hoặc có khi Ngài cũng không biết.

Nhìn vào vĩnh cửu ,
Trước khi nền tảng của Địa cầu được thành hình ,
Đã có Ngài rồi.
Và khi ngọn lửa dưới đất tàn phá ,ngục tù giam hãm nó và
đốt cháy cái khuôn,
Thì Ngài vẫn bất biến như xưa,
Không thay đổi khi thời gian sẽ bị tiêu diệt.
Ôi!tư tưởng vô cùng tận!Nền Vĩnh Cửu Thiêng Liêng.

Thánh Kinh Rig Veda.
(Colebrooke)

/Ự TIẾN HÓA CỦA VŨ TRỤ
TRONG
BẢY ĐOẠN THÁNH KINH TRÍCH DỊCH TRONG CUỐN
THIỀN ĐỊNH CHÂN KINH
(The Book of Dzyan)

ĐOẠN THÁNH KINH I (Stanza I)

1- Vị Phụ Mẫu Trường Tồn cuộn mình trong những chiếc Áo Ngàn Đời Vô hình ,một lần nữa lại ngủ trong Bảy Đại Kiếp Trường Tồn.

2- Không có Thời gian,vì Thời gian ngủ yên trong Trung Tâm Vô Cùng Tận của sự Tồn tại.

3- Không có Toàn Linh Trí (Universal Mind) vì không có Ah-hi (1) để chứa đựng Toàn Linh Trí ấy.

(1) /Ah-hi :những linh hồn người và những thần lực phát sinh từ Thượng Đế Ngôi II/

4- Không có Bảy con đường dẫn đến Chí Phước . Không có những Nguyên Nhân vĩ đại của sự Khốn Khó vì không ai phát sinh ra chúng và chúng bị trói buộc.

5- Chỉ có Bóng Tối tràn đầy trên Đại Thể Vô Biên Giới ,vì Cha,Mẹ và Con đã được hợp nhất thêm một lần nữa và Con chưa thức tỉnh để bánh xe mới mẻ xoay chuyển và để lại tiếp tục cuộc Hành Hướng trên đó.

6- Bảy Đấng Tối Cao và Bảy Chân Lý không còn nữa và Vũ Trụ, Đứa Con của Lẽ Tất Nhiên ,đắm mình trong Paranishpanna (2) để rồi sẽ được phóng ra bởi cái gì vừa có thực thể ,vừa là hư vô. Thuở đó,không có gì cả.

(2) /Paranishpanna : trạng thái tuyệt đối của hư vô/

7- Không có những căn nguyên của Sự Sống .Cái Hữu Hình thuở trước và cái vô hình thuở đó đều nghỉ ngơi trong cõi Hư Vô Trường Tồn — tức là Thực Thể Duy nhất.

8- Đơn độc một mình ,Hình hài Duy nhất của Sự Sống lan tràn vô biên giới,vô cùng tận,vô thủy,trong giấc ngủ không mộng mị và Đời Sống vô tri thức đập nhịp trong Không Gian vũ trụ trong suốt thời kỳ của Sự Hiện Diện của Đại Thể mà con Mắt giác ngộ của Dangma (3) cảm thấy được.

(3) /Dangma : Linh hồn đã tinh luyện,trở nên trong sạch, đã được điểm đạo Tối cao/

9- Những Dangma thì ở đâu khi Linh hồn (Alaya) của Vũ-trụ ở Paramartha (1) và khi bánh xe lớn là cảnh Đại Niết Bàam(Anupadaka).

(1) [Paramartha] : chân lý tối cao hằng kiểm soát lường tri thấp kém]

ĐOẠN THÁNH KINH II(Stanza II)

1- Các vị Tạo Tác ,các Người Con chói sáng của buổi Bình Minh của Đại Kiếp,thuở đó thì ở đâu ? ...Ở trong sự Tối tăm Huyền-bí, trong Ah-hi Paranishpanna .Các vị Sáng Tạo ra Hình hài tự cõi vô hình — Nguồn cội của Thế gian —Devamatri(2) và Svabhavat(3) nghỉ ngơi trong cõi Chí Phước của Hư vô.

(2) [Devamatri : thần lực tối cao của Thượng Đế mà các Thiên thần là những Hóa thân]

(3) [Svabhavat :là chất Akasha,Tiến thiến khí,nền tảng của mọi thế giới hữu hình]

2- Thuở đó , sự im lặng ở đâu ? Những lỗ tai để cảm thấy sự im lặng ở đâu ? Không,thuở đó không có sự im lặng cũng không có âm thanh ,không có gì hết,ngoại trừ Hơi thở Trường Tồn Không Ngừng Nghỉ ,nó cũng không tự tri được .

3- Giờ khắc chưa điểm .Tia sáng chưa chiếu vào mầm sống , Matripadma (4) chưa phồng lên .

(4) [Matripadma : Đức Mẹ .(Matri là Mẹ,Padma là bông sen, bông hoa thiêng liêng mà cũng là danh hiệu Đức Mẹ Laksmi]

4- Trái tim của Ngài chưa mở ra để Tia Sáng Duy nhất chiếu vào rồi sa xuống phía dưới ,giống như số Ba sa vào số Bốn,trong lòng của ảo tưởng. (5)

5- Từ màng lưới ánh sáng ,Bảy chưa được sinh ra .Chỉ có Sự Tối Tăm là Cha và Mẹ,Svabhavat; và Svabhavat còn ở trong sự Tối Tăm .

(5) [Bảy đây là Bảy người Con]

6- Hai Cái Đó là Mầm Mống và Mầm Mống là Một. Vũ trụ hãy còn được ẩn kín trong tư tưởng và trong lòng Thượng Đế.

ĐOẠN THÁNH KINH 3

1- Lần rung động cuối cùng của Đại Kiếp Trường Tồn Thứ Bảy rùng mình xuyên qua Nơi Vô Cùng Tận.Mẹ nở ra ,lan tràn từ trong ra ngoài ,giống như nụ Bông Sen.

2- Lần rung động cứ lan mãi,nó xòe cánh nhanh lẹ và chạm vào toàn thể vũ trụ cùng cái Mầm Mống đang ở trong cõi Tối Tăm,Sự Tối Tăm này thở hơi trên những dòng nước đang ngủ của Đời Sống.

3- Bóng Tối phóng ra Ánh Sáng ,Ánh sáng chiếu 1 Tia sáng đơn độc vào những làn nước trong Lòng Mẹthẳm sâu. Tia sáng làm cho cái Trứng Trinh nguyên rùng mình và làm cho cái Mầm Mống không trưởng tồn rụng xuống và đông đặc lại thành Trứng Càn Khôn.

4- Ba rớt vào Bốn.Cái Tinh hoa chói sáng trở thành Bảy ở phía trong và Bảy ở phía ngoài .Cái Trứng chói sáng mà bản thể là Ba đông đặc lại và sắc trắng như sữa lan tràn đi giống như sữa đặc ở khắp mọi cõi thâm sâu của Mẹ, Rễ nó lớn lên trong những cõi Thâm sâu của Đại Dưỡng Sự Sống.

5- Cội Rễ vẫn còn .Ánh sáng vẫn còn,những nhóm sữa đặc vẫn còn và Oeaohoo vẫn là Một .(1)

(1) ⌜Oeaohoo :Thượng Đế vô hình và Tối cao⌝

6- Trong mỗi giọt nước của Đại Dưỡng Bất Tử đều có nguồn cội của Sự Sống và Đại Dưỡng là Ánh Sáng chói chang ,Ánh Sáng này là Lửa ,Sức Nóng và sự Luân chuyển. Bóng tối biến đi và không còn nữa; nó biến vào cái Tinh Hoa của chính nó ,vào hình thể của Lửa và Nước, của Cha và Mẹ.

7- Hỡi người đệ tử ,hãy nhìn người con sáng chói của Cha và Mẹ ,Sự Vinh quang huy hoàng vô song —Vũ trụ chói sáng ,con của Vũ trụ Tối Tăm ,đã vươn mình ra khỏi chốn thâm sâu của những làn Nước Tối Tăm vĩ đại . Đó là Đức Oeaohoo ,Đấng Trẻ Trung hơn ... . Ngài lóe ánh sáng như Mặt Trời ,Ngài là Con Rồng Minh triết thiêng liêng chói lòa ; Eka (2) là Chatur và Chatur lại gắn liền với Tri, sự phối hợp này phát sinh ra Sapta trong đó Bảy trở thành Tridasha , những Đám Đông và Vô số .Hãy nhìn Ngài nâng nhắc tấm màn che và trải nó ra từ Đông sang Tây . Ngài che kín phía Trên và để hở phía Dưới để mọi người nhìn thấy như là 1 ảo tưởng vĩ đại . Ngài đánh dấu vị trí của những Đấng chói sáng và xoay trở phía Trên thành 1 biển Lửa vô Bờ bến và làm cho sự Duy nhất Hữu Hình trở thành những Dòng Nước Vĩ Đại.

(2) ⌜Eka là một,Chatur là bốn,Tri là ba,Sapta là bảy;Tridas-ha : tri(ba) xdasha(mười) = ba chục hay một đám đông⌝

8- Mầm mống nằm nơi đâu ? và bây giờ Bóng Tối ở đâu ? Hỡi người đệ tử ,Hỏn của ngọn lửa đang cháy trong cái Đèn của người ở đâu ? Mầm mống là Cái Đó và Cái Đó là Ánh Sáng ,Người Con màu Trắng Sáng chói của người Cha Ẩn tàng và Tối Tăm .

9- Ánh Sáng là Ngọn Lửa Lạnh và Ngọn Lửa là Lửa ,rồi Lửa sinh ra sức nóng ,Sức nóng sinh ra Nước ,nước của Đời sống trong nơi Đức Mẹ Cao Cả .

10- Cha và Mẹ dệt một Màng lưới ,phần trên của Màng Lưới thì gắn vào Tinh Thần,Ánh sáng của Bóng Tối Duy Nhất,đầu dưới được gắn vào mối tối tăm,tức là Vật Chất ; Màng Lưới này là Vũ-trụ, do hai Thực chất hợp nhất thành một là Svabhavat mà được dệt thành .

11- Nó nở ra khi Hơi thở của Lửa thổi lên nó ; khi hơi thở của Mẹ chạm vào nó thì nó co rút lại. Rồi những Người Con chia lìa nhau mà đi rải rác khắp nơi ,để rồi lại trở về lòng Mẹ khi Ngày Vĩ Đại chấm dứt để lại được hợp nhất với Mẹ . Khi nó nguội lạnh đi thì nó sáng chói . Những người con của Mẹ nở rộng ra và co rút lại xuyên qua Bản thể và Trái Tim của chúng;chúng thâu gồm cả sự vô cùng tận .

12- Lúc đó,Svabhavat gởi Fohat đi để làm cho các nguyên tử rắn cứng lại . Mỗi cái là một thành phần của màng lưới.Giống như một tấm gương,mỗi nguyên tử phản chiếu " Đấng Tự Tồn" rồi khi đến lượt nó , nó trở thành một thế giới.

ĐOẠN THÁNH KINH 4

1- Hỡi những người Con của Trái Đất,hãy lắng nghe các vị giáo chủ của các người — các Ngài là những Người Con của Lửa hay là các Hỏa Đức Tinh Quân .Hãy biết rằng không có gì là đầu tiên,cũng không có gì là cuối cùng vì tất cả là số Một Duy Nhất phát sinh tự Hư vô .

2- Các người hãy học những điều mà chúng ta —giòng giống của Số Bảy Căn Bản,do ngọn Lửa căn bản sinh ra — đã học được của Tổ Tiên chúng ta ...

3- Từ cái vẻ Huy Hoàng của Ánh Sáng—nó như một tia sáng của Bóng Tối Ngàn Đời —những Thần lực được thức tỉnh vươn ra ngoài không gian ; Số Một phát sinh từ cái Trứng ,số Sáu và số Năm — Hai lần số Bảy, Tổng Số . Và đó lã những chất Tinh Hoa , những ngọn Lửa ,những nguyên tố,những vị Tạo Tác,những số,những gì vô hình ,những gì hữu hình ,và Thần lực hay là Người Thiêng-Liêng ,Số Kết Chung . Từ Người Thiêng Liêng xạ ra Hình Hài,Tia-Sáng ,Linh Thú và các Sứ Giả của các Linh Phụ bên trong số Bốn Huyền Diệu.

4- Ấy là Đạo Binh của Huyền Thanh,Linh Mẫu của Số Bảy.Các Tia Lửa của Số Bảy tùy thuộc vào và tối tổ của Cái Thứ Nhất,Thứ Nhì,Thứ Ba,Thứ Tư,Thứ Năm,Thứ Sáu và cái Thứ Bảy trong Bảy Cái. Đó là các Bầu,các Tam Giác,các Khối Lập Phương,các Đường Gạch và các Mẫu Khung(Modellers);chính đó là Nidana Hằng Cửu(1) là Oi-Ha-Hou (hay Oeaohoo).

(1) [Nidana : Nguồn cội của Căn Bản Tối Cao]

5- Oi-Ha-Hou là Bóng Tối, là vô Biên Giới, và Hư Vô, Adi-Nidana Sva-bhavat (2) là ◯ :

I-Adi -Sanat là một con số, vì nó là Đơn Nhứt .

II-Tiếng Nói của Thánh Ngữ(3), Svabhavat, các Con Số, vì Ngài là Một và Chín .

III-" Bốn Vô Hình"("Formless Square").

Và cả Ba được đặt vào Vòng Trống Hư Không ◯ , gọi là Tứ Linh Diệu, Số Mười là Vũ Trụ Mông Lung Siêu Hình(Arupa Universe). Rồi đến Các Con xuất hiện, Bảy Chiến sĩ, Số Một, Người Thứ Tám bị bỏ lại và Hơi Thở của Ngài tạo ra Ánh Sáng.

(2) [Adi Nidana Svabhavat : chất Tiên thiên khí, nguồn cội đầu tiên của vạn vật]

(3) [Trong kỳ xuất bản năm 1888, được gọi là Đấng Cao cả(Lord)]

6- ..... Rồi đến số Bảy thứ nhì, đó là các vị Nam Tào Bắc Đẩu (Lipika) do số Ba sinh ra. Người Con bị Từ Bỏ là Một. Các"Con Mặt Nhựt " thì nhiều vô số .

ĐOẠN THÁNH KINH 2

1- Bảy Nguyên Thủy là Bảy Hơi Thở đầu tiên của Rồng Minh Triết lại đến lượt tạo ra Cơn Lốc Lửa từ LƯỡng Khí Vận Thánh thiện Xoay W Vòng.

2- Chúng biến nó thành Sứ Giả để phát huy Ý Chí của mình. Dzyu trở thành Fohat(Vô cực điện): Vị Con mẫn tiệp của các Con Thiêng, các Vị Con ấy là các vị Nam Tào Bắc Đẩu đang luân chuyển. Ngựa Fohat làm chân của Tư Tưởng . Như sấm sét, y xuyên qua đám mây lửa ; vượt qua Ba, Năm và Bảy Bước của Bảy cảnh giới cao và Bảy cảnh giới thấp. Cất cao tiếng gọi Vạn Điểm hợp quần với nhau.

3- Ngài là vị lãnh đạo và hướng dẫn tinh thần của chúng. Lúc khởi công, Ngài tách các Đốm Lửa của Cảnh Giới Thấp đang phiêu bạt, rung động vì vui trong trú sở sáng ngời và tạo thành Mầm Mống của các Luân Xa. Đặt chúng vào Sáu Hướng Không Gian và Một đứng giữa, gọi là Bánh Xe Trung ương.

4- Fohat vạch ra những đường xoắn ốc để nối liền Sáu với Bảy —nơi Tột Đỉnh. Đội Binh Con của Ánh sáng trấn ở mỗi góc ; các vị Li-pika đứng ở Bánh Xe Trung ương . Các Ngài phán :" Việc đã hoàn hảo". Thế giới thiêng liêng đầu tiên đã sẵn sàng, Cái Thứ Nhất rồi Cái Thứ Hai (2).

(2) [Trong bản thảo viết tay 1886, là: "Cái thứ nhất là cái thứ 2". Trong ấn bản 1888 , là : "Cái thứ nhất bây giờ là cái thứ nhì"]

Rồi "cõi Vô sắc tướng thiêng liêng" tự phản chiếu trong Cảnh Giới U minh (1), Lớp Áo đầu tiên của Cảnh Đại Niết Bàn.

(1) [Cảnh giới U minh là Chaya -Loka hay Kama-Loka, nơi thấp nhất trong Trung giới, chỗ ở của những linh hồn mới chết, lòng còn đầy dục vọng]

5- Fohat tiến tới 5 bước, tạo ra 1 bánh xe có cánh ở mỗi góc của hình vuông cho Bốn Đấng Thiêng Liêng ...và các đội Thiên Binh của các Ngài.

6- Các vị Nam Tào Bắc Đẩu vạch vòng tròn quanh Tam giác, đó là cái Thứ Nhất, vẽ 1 vòng tròn quanh Khối Lập phương, đó là cái Thứ Hai rồi đặt hình ngôi sao Năm góc trong cái Trứng. Đó là Vòng đai "Không thể vượt qua" đối với những người đi lên đi xuống; đối với những ai trong Đại kiếp này đang tiến đến Ngày Vĩ Đại "Được Hợp Nhất với Thượng Đế". Cái vô hình và cái hữu hình được thành-lập theo cách đó: từ Một Ánh Sáng, Bảy Ánh Sáng; từ mỗi số Bảy, 7 lần Bảy Ánh Sáng. Các bánh xe giám sát vòng đai.

ĐOẠN THÁNH KINH 6

1- Nhờ Uy lực của Đức Mẹ Từ bi và Minh triết, Đức Quán Âm— "Tam Thể" của Quán Thế Âm, ngụ nơi Kwan Yiu Tien —Fohat, Hỏi Thở của Con Cháu các Ngài, Con Trai của các Con Trai đã khiến cho Hình Hài Ảo tưởng của Sien Tchan cùng Bảy Nguyên tố được thành hình tự Vực thẳm ở cõi thấp.

2- Đức Duy Nhất Nhanh Lẹ và Sáng Chói phát sinh Bảy Trung Tâm Biến Thể mà không gì có thể chiến thắng được cho đến Ngày Vĩ Đại "Được Hợp Nhất với Thượng Đế" và đặt vũ trụ lên trên những nền móng trường tồn đó, lấy những Mầm Mống cơ bản mà vây quanh đến Sien Chan.

3- Trong Bảy cái, Cái Đầu tiên được biểu lộ ra, Sáu cái khác được giấu kín, Hai cái được biểu lộ ra, Năm cái được giấu kín; Ba cái được biểu lộ ra, Bốn cái được giấu kín; Bốn cái được thành hình, Ba cái được giấu kín; Bốn và Một Tsan lộ ra, Hai và Một Nửa bị giấu kín, Sáu cái sẽ được lộ ra; một cái bị dẹp qua 1 bên. Sau cùng Bảy bánh xe nhỏ xoay tròn; cái này sinh ra cái kia.

4- Ngài xây dựng chúng như các bánh xe trước, đặt chúng vào những Trung Tâm bất tử.

Fohat đã xây dựng chúng theo cách nào? Ngài gom góp bụi lửa Ngài tạo nên những quả cầu Lửa, đi xuyên qua chúng, xung quanh chúng, truyền sự sống vào chúng, làm cho chúng xoay chuyển, cái xoay phía này, cái xoay phía khác. Khi chúng lạnh nguội, làm chúng

nóng lên. Khi chúng khô khan,làm chúng ẩm ướt. Khi chúng sáng làm người ,Ngài quạt và làm mát lại .Fohat tác động như thế đó từ hoàng hôn này đến hoàng hôn khác sUốt Bảy Đại Kiếp Trường Tồn.

5- Tới Đại Kiếp thứ Tư,các Con nhận lệnh phải tạo ra Hình-ảnh của họ .Một phần ba từ chối ,Hai phần còn lại vâng lời.

Lời nguyền rủa phát ra.Họ phải ra đời trong cái Thứ Tư(1), sẽ đau khổ và gieo rắc sự đau khổ. Đó là trận chiến thứ nhất.

(1) [Hành Tinh thứ Tư]

6- Những bánh xe trước xoay tròn ,lên,xuống . Trứng của Mẹ tràn đầy khắp nơi .Có những trận chiến giữa Sáng Tạo và Hủy Diệt, có những trận chiến để giành Không Gian .Hạt giống hiện ra ,lai-sinh không ngừng.

7- Hỡi đệ tử,hãy tính toán đi nếu người muốn biết đúng tuổi của bánh xe nhỏ của người.Cái Căm thứ Tư của bánh xe là Mẹ chúng ta .Hãy tiến tới "Quả" thứ tư của Con Đường Hiểu Biết Thứ Tư dẫn đến Niết Bàn rồi người sẽ hiểu vì người sẽ trông thấy...

ĐOẠN THÁNH KINH 7

1- Người hãy nhìn thuở ban đầu của Đời sống hữu thức,vô - sắc tướng.

Trước hết,Đấng Cao Cả,Đấng Duy Nhất phát sinh từ Tinh Thần Mẹ ;rồi đến Đấng Tinh Thần; Thể Ba ,Thể Bốn phát sinh từ Một và Thể Năm ,từ Thể Năm ấy phát sinh ra Ba,Năm và Bảy . Đó chính là Ba ,Bốn giáng lâm ; các Con Phát sinh từ Trí của của Đấng Cao Cả thứ nhất ,là Bảy chiếu sáng. Hỡi đệ tử,các Ngài chính là người , là ta ,là nó ; các Ngài trông chừng người và mẹ người,Bhumi (2).

(2) [Bhumi là Trái Đất]

2- Tia sáng Duy Nhất sinh ra nhiều Tia nhỏ khác . Sự sống có trước hình hài và sự sống tồn tại sau khi nguyên tử cuối cùng biến mất.Tia sáng Sự Sống Duy Nhất ,xuyên thấu vô số tia khác , giống như sợi chỉ xuyên qua chuỗi hạt (3).

(3) [Trong nguyên bản tiếng Anh,ấn bản 1962 viết là"Beads", trong bản thảo viết tay 1886,là chữ "Pearls" và trong ấn bản 1888 là chữ "Jewels"]

3- Khi R Một biến thành Hai ,thì bội số Ba hiện ra và Ba là Một , hỡi đệ tử ,đó là sợi chỉ của chúng ta ,trái Tim của Cây Người ,gọi là Saptaparna.(4)

(4) [Saptaparna :con người ,tượng trưng cho 7 thể]

4- Đó là cội Rễ Bất tử ,là Lửa có Ba ngọn của Bốn Tim bấc . Các tim đèn này là những Tia Lửa phát sinh từ Lửa có Ba ngọn do Bảy phóng ra —ngọn Lửa của chúng —những Tia xxsáng hay nhoáng lửa của một Mặt Trăng được phản chiếu trên những làn sóng lăn - tăn của mọi sông ngòi trên Địa cầu.

5- Tia Lửa được nối liền với Ngọn lửa bằng sợi chỉ Fohat mảnh nhất . Nó chu du qua Bảy Thế giới Ảo tưởng . Nó ngừng lại ở Thế giới thứ nhất và là Kim, Thạch ;nó đi vào Thế giới Thứ Hai, và người hãy nhìn coi nó là thảo mộc; thảo mộc qua 7 vòng thay đổi , biến thành con Thú linh. Rồi những thuộc tính phối hợp lại, Manu,Con Người biết suy tưởng được tạo ra. Ai nắn tạo con người ? Chính là Bảy sự sống và Một sự Sống Nhứt nguyên. Ai bồi đắp cho con người ? Chính là Năm vị Lha. Ai kiện toàn thể chót của y ? Loài cá (Fish),Tội Lỗi (Sin) và Xác thân (Soma).

6- Từ Con Trường ,sợi chỉ giữa xxx Quán Tịnh Đại Đế(Silent Watcher) và Bóng của Ngài trở nên mạnh và sáng thêm mỗi khi có sự Thay đổi. Ánh triều-dương trở thành ánh sáng giữa trưa ...

7- Ngọn Lửa bảo với Tia Lửa :" Đây là Bánh Xe hiện tại của người" ." Người chính là ta, là hình và bóng của ta . Ở nơi bản thể người,ta đã tự khoác áo lên mình ,người là vận cụ của ta cho đến ngày "Hợp nhất với Thượng Đế" khi người sẽ trở thành chính ta và những kẻ khác ,chính người và ta". Lúc đó,sau khi đã khoác tấm áo đầu tiên ,các Đấng Kiến Tạo giáng lâm xuống Địa cầu sáng chói và cai trị loài người — họ chính là các Ngài vậy...

Đến đây,chấm dứt đoạn văn kể chuyện cổ xưa này, nó tối nghĩa , lộn xộn,gần như không sao hiểu nổi. Nay phải cố gắng chiếu ánh sáng vào cái vùng tối tăm này ,để tìm kiếm một ý-nghĩa cho đoạn văn bề ngoài dường như vô nghĩa này .

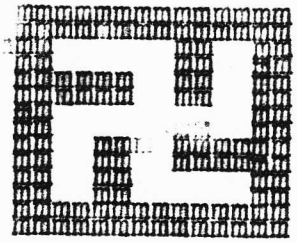

/\ HỮNG ĐOẠN THÁNH-KINH

THIỀN - ĐỊNH CHÂN - KINH

GIÁO LÝ BÍ TRUYỀN

PHẦN I

THỜI - KỲ THƯỢNG - CỔ

CHƯƠNG I

THOÁNG NHÌN VÀO VĨNH CỬU / SỰ TIẾN HÓA CỦA VŨ TRỤ TRONG BẢY GIAI ĐOẠN

ĐOẠN THÁNH KINH I (1)

Đức Mẹ Trường Tồn (Không Gian) cuộn mình trong những chiếc áo ngàn đời vô hình (vật chất tiền vấn trong vũ trụ) đã ngủ kr trong bảy Đại Kiếp Trường Tồn .Không có Thời gian vì thời gian x ngủ yên trong trung tâm vô cùng tận của sự Tồn Tại. Không có Toàn Linh Trí,vì thuở đó không có các vị Thiền Định Đế Quân để chứa - đựng và rồi biểu lộ trí đó. Không có bảy con Đường dẫn đến Chí - Phước (Sự Giải thoát(Moksha),hay Niết Bàn). Không có những nguyên nhân Vĩ đại của sự Khốn Khó (Nguyên do nguyên thủy(Nidana) và Ảo tưởng(Maya))vì không ai phát sinh ra chúng và bị chúng trói buộc. Chỉ có sự Tối Tăm tràn đầy lên Đại Thể Vô biên giới vì Cha,Mẹ và Con thêm một lần nữa chỉ là một và Con chưa thức tỉnh để bánh xe xoay chuyển . Không có Bảy Chân Lý cao cả và Bảy Bộ Thánh Kinhvà Vũ-trụ . Người Con của Lẽ Tất Nhiên đắm mình vào Paranishpanna (sự toàn thiện toàn mỹ tuyệt đối,Paranirwana(Đại Niết Bàn), nó là Jong-grub) để rồi được phóng ra bởi cái gì có thực thể mà vẫn là hư vô .

(1) /Những Đoạn Thánh Kinh nơi đây được in giống như trong bản thảo viết tay năm 1886. Người ta không sửa lại chính tả và dấu chấm câu/

Không có gì cả.Không có cả căn nguyên của Sự sống ,cái gì hữu hình thuở xưa và cái gì vô hình thuở nay ,nghỉ ngơi trong Hư Vô Trường Tồn —đó là Thực Thể Duy Nhất. Đơn độc,Hình hài duy nhất của sự sống lan tràn vô biên giới ,vô cùng tận,vô thủy,trong Giấc Ngủ không mộng mị và đời sống vô tri thức đập nhịp trong Không Gian vũ trụ trong suốt thời kỳ của sự Hiện Diện của ĐạiThể mà con mắt giác ngộ của Dangma cảm thấy được . Nhưng Dangma ở đâu khi Alaya của vũ trụ (linh hồn tuyệt đối)ở trong Paramartha (thực thể tuyệt đối). Bánh xe lớn là Anupadaka ("Bánh xe lớn" là

dãy hành tinh của chúng ta , " Anupadaka" là không phụ mẫu).

ĐOẠN THÁNH KINH II

Các vị Tạo Tác(1) ở đâu,những người Con chói sángcủa buổi Bình Minh của Đại Kiếp ? ở trong sự Tối Tăm Huyền Bí,ở nơi Parani shpanna(2) thuộc cảnh giới của các vị Dhyan Chohanhay cảnh - giới Thiền Định cõi Bồ đề (Dhyani Buddhic). Những vị sáng tạo ra Hình hài (Hữu Hình) tự cõi Hư vô (Vô hình),cội rễ của thế gian - Deva-Matri và Svabhavat,nghỉ ngơi trong cõi Chí Phước của Hư -Vô. Sự im lặng ở đâu ? Những lỗ tai để cảm thấy sự Im lặng ở đâu ? Không;thuở đó không có sự im lặng ,cũng không có âm thanh. Không có gì cả ,ngoại trừ Hơi Thở (sự chuyển động)không ngừng nghỉ , không tự tri (3) .Giờ khắc chưa điểm;Tia sáng chưa chiếu rọi vào Mầm Mống ;Matri Padma (Bông sen Mẹ) chưa phồng lên(4),trái tim Mẹ chưa mở ra để ánh sáng chiếu vào ,rồi rớt vào lòng ảo-tưởng . (5) Bảy(Người Con) chưa được sinh ra tự màng lưới ánh sáng . Chỉ có sự Tối Tăm là Cha và Mẹ ,Svabhavat ,và Svabhavat ở trong sự Tối Tăm. Hai cái đó là Mầm Mống và Mầm Mống là Một . Vũ trụ hãy còn ẩn trong tư tưởng và trong lòng Thượng Đế(6).

ĐOẠN THÁNH KINH III

Lần rung động cuối cùng của Đại Kiếp Trường Tồn rùng mình xuyên qua cõi Vô Cùng Tận ,Đức Mẹ nở ra ,lan tràn từ trong ra ngoài giống mầm hoa sen . Cánh nó lanh lẹ chạm vào vũ trụ cùng 1 lúc và chạm vào cái mầm mống ở trong cõi Tối Tăm,cõi Tối Tăm này thở hơi (chuyển động) trên những dòng nước đang ngủ yên của đời-sống. Sự Tối Tăm phóng ra ánh sáng ,và ánh sáng chiếu 1 Tia Sáng đơn độc vào những làn nước của Không Gian Mẹ . Tia Sáng làm cho "Cái Trứng Trinh Nguyên Trường Tồn" đơm bông kết trái (làm nó hồi sinh)(1)...Chất tinh hoa sáng chói trong Hiranya garbha (Trứng Vàng hay Kim Noãn) đông đặc lại và lan tràn khắp nơi thâm sâu(2) làm thành chất váng sữa trắng tinh trong khắp nơi thâm sâu của Mẹ;cái cội rễ nó lớn lên trong đại dưỡng của sự sống. Cội rễ vẫn còn,Ánh sáng vẫn còn ,những khóm sữa đặc vẫn còn ;và ba thứ vẫn là một ,vì trong mỗi giọt nước của đại dưỡng (chứa nước cam lồ) có nguồn cội của sự sống và giọt nước cũng ở trong cội rễ và tất cả đã nối liền bền trong ánh sáng chói chang ,ánh sáng này là Lửa và Sức Nóng và là sự luân chuyển ."Sự Tối Tăm"rút đi và không còn nữa ;nó biến đi trong cái Tinh Hoa của chính nó ,tinh hoa của Lửa và nước ,của Cha và Mẹ ...Hỡi người đệ tử,hãy nhìn coi người con chói chang của Cha và Mẹ ,cái vinh quang huy hoàng không gì so sánh kịp hiện ra từ những nơi thâm sâu của những Làn Nước.Đó là • • • khi người biết rằng (ai?) bây giờ là Quán Thế Âm(4),Ngài

chiếu sáng giống "Con Rồng Minh triết thiêng liêng" sáng chói(5) Eka —(một)trong đó có bảy và trong bảy thì có số đông.Người hãy nhìn Ngài làm việc trong các miền hiu quạnh của Biển Trời tràn-ngập các Tinh Tú làm cho Không gian biến thành 1 biển Lửa vô bờ bến và làm cho (Nguyên tố)duy nhất hữu hình biến thành những Làn Nước vĩ đại . Mầm Mống ở chỗ nào và sự Tối Tăm bây giờ ở chỗnào? Hỡi người đệ tử ,Hỏn Lửa hiện giờ đang làm cho đèn của ngườicháy thì ở đâu ?Mầm Mống là cái đó và cái đó là ánh sáng ,Người Con Chói Sáng và trứng trẻo của Người Cha ẩn tàng và tối tăm ,đã sử-dụng Kala-hansa (thiên nga đen hay ngỗng đen). Ánh sáng là Ngọn Lửa và ngọn Lửa là Lửa và lửa phát sinh ra sức nóng ,sức nóng phát sinh ra nước ,nước của Đời sống nơi Mẹ vĩ đại (Hỗn Mang) ; Cha Mẹ dệt nên 1 màng lưới ,đầu trên lưới được gắn chặt với Tinh Thần(Purusha) ánh sáng của sự Tối Tăm vĩ đại,và đầu dưới gắn vào Vật chất (Prakriti)và màng lưới này là vũ trụ ,được dệt bằng hai nguyên chất hợp nhất ,đó là Svabhavat.Khi Hơi thở của Lửa thổi k trên nó thì nó nở ra,các con cái nó (những nguyên tố)tan rã,tản-mát đi và trở lại nơi lòng mẹ để lại được hợp nhất với mẹ;khi nó mát và lại chói sáng thì các con nó nở dãn ra và co rút lạixuyên qua bản thể và trái tim riêng của chúng .... để thâu gồm cõi vô-cùng tận,Svabhavat phóng fohat ra ngoài và làm cho nguyên-tửcứng lại.Mỗi cái là một thành phần của màng lưới (vũ trụ).Phần chiếu "Đấng Tự sinh"(ánh sáng nguyên thủy)—giống 1 tấm gương ,khixế đến lượt nó mỗi cái trở thành một thế giới.

ĐOẠN THÁNH KINH IV

Hỡi những người con của Địa cầu ,hãy lắng nghe các vịgiáo chủ của các người,những người con của Lửa hay là các vị Hỏa Đức Tinh Quân(1).Các người hãy biết rằng không có cái đầu tiên mà cũng không có cái cuối cùng ,vì tất cả đều là Một phát sinh tự Hư vô . Hãy học những điều mà chúng ta — con cháu của Bảy Đấng Nguyên Thủy (2)các Ngài phát sinh tự ngọn Lửa nguyên thủy — đã học được của Tổ tiên chúng ta . Tự vẻ huy hoàng của ánh sáng-Tia Sáng của Bóng Tối ngàn đời — những thần lực được thức tỉnh trở lại (Dhyani-Chohans)được nảy sinh trong không gian(3).Một cái từ cái trứng ,sáu cái và năm cái ; rồi Một Cái,Ba Cái,Năm Cái và hai lần Bảy tổng số (4). Và đó là ;những chất tinh hoa ,những Ngọn-Lửa ,những Nguyên Tố ,những vị Tạo Tác ,những số,cái Vô hình(không hình dáng),cái hữu hình (với hình hài) và Thần lực hay Người Trời — Tổng số (5).Và tự nơi người Trời nảy sinh ra những hình hài ,những Tia Lửa ,những con vật linh thiêng (6) và những sự già

của các vị Tổ tiến thiêng liêng trong phạm vi của số bốn thánh-thiện. Đó là Đoàn Thiên binh của Thượng Đế (7)—Bảy Thể thiêng-liêng . Những Tia Lửa của số Bảy thì tùy thuộc vào và là tối tở của cái Thứ Nhất ,Thứ Nhì,Thứ Ba,Thứ Tư ,Thứ Năm ,Thứ Sáu vàThứ Bảy của Bảy cái .Các "Tia Lửa" này được gọi là các KHối Cầu,các hình Tam giác,các Khối Lập phương ,các Hàng Kẻ (8) và những Đẳng Đấp Hình ,và vì vậy mới có Nidana Trường tồn — Oi-Ha-Hou.(Adi Nidana Svabhavat) vì X ,số lượng bí mật — "Sự Tối Tăm",cái Vô biên giới hay "Hư vô".I. Adi-Sanat (9) Số,vì Ngài là Một.II . Tiếng nói của Thánh ngữ,Svabhavat(10)những số,vì Ngài là Một và Chín . III ."Hình vuông không Hình dáng" ("Vô sắc tướng").

Và ba cái trên đây được đặt trong cái ◯ (Vòng Tròn không Biên Giới)là số Bốn thiêng liêng và số Mười là vũ trụ vô hình-tướng (chủ quan vô hình tướng) (11) . Rồi đến những người"Con", Bảy Chiến sĩ,số Một,người thứ tám được bỏ qua ,(12) những Hơi-Thở của họ (13) là kẻ Tạo ra Ánh sáng(Bhâskara);rồi đến số bảy thứ nhĩ ,đó là các Đẳng Nam Tào Bắc Đẩu (14) phát sinh tự số Ba (Thánh ngữ, Âm thanh và Tinh Thần)(15). Đẳng bị chối bỏ(Mặt Trời là Một,các mặt trời nhỏ của mặt trời lớn thì vô số kể).

ĐOẠN THÁNH KINH V

Đến lượt số Bảy căn bản ,Bảy Hơi Thở đầu tiên của con Rồng Minh Triết lại phát ra luồng gió lốc đẩy lửa (1) từ những hơi - thở thánh thiện và xoay tròn của chúng . Họ làm Ngài trở thành vị sứ giả của Ký-chí hạ (2) Dzyu trở thành Fohat (3) Người con nhanh lẹ của các người con của Thượng Đế và những vị Nam Tào Bắc Đẩu chạy theo vòng tròn dưới sự khích động của những Tư tưởng hướng đạo của các Ngài . Ngài đi như sấm sét xuyên qua những đám mây tóe lửa (sương mù của vũ trụ) tiến ba,năm và bảy bước xuyên qua bảy cảnh giới cao và bảy cảnh giới thấp (những thánh ngữ (những thế giới ?) vị lai)(5). Ngài cất cao tiếng và kêu gọi vô số Tia Lửa (các nguyên tử) và hợp nhất chúng lại. Ngài là người lãnh đạo và là linh hồn hướng đạo của họ . Khi bắt đầu tác-động, Ngài phân chia những Tia Lửa nơi các cảnh thấp (các nguyên tử khoáng chất),chúng nổi lênh bềnh và vui vẻ rùng mình trong nơi trú sở chói sáng của chúng (các đám mây bằng chất hơi) và lấy những cái đó làm thành những Mầm Mống của các bánh xe (6). Ngài đặt chúng trong sáu hướng của không gian và một cái ở trung tâm — bánh xe trung ương (7) Fohat vạch ra những đường xoắn ốc để nối liền sáu cái : một đội thiên binh của các Con của Ánh sáng hay là các vị Quang Đức Tinh Quân trấn giữ ở mỗi góc và các vị

Nam Tào Bắc Đẩu — ở bánh xe Trung ương . Khi các Ngài (các vị Nam Tào Bắc Đẩu) nói —"Điều này hoàn hảo" — thì cái thế giới thiêng liêng đầu tiên sẵn sàng ,cái thứ nhất là cái thứ nhì (8) Rồi"cõi vô hình thiêng liêng "(cảnh giới không hình dáng); tự phản chiếu trong/hữu hình của cái Trí (Cảnh giới Trường tồn của hình hài),lớp áo đầu tiên của Thượng Đế (9) cõi Hồng trần của những người con do Trí sinh ra .Fohat tiến năm bước (đã hoànthành ba bước đầu tiên) và xây bốn bánh xe có cánh ở mỗi góc của hình vuông ,để cho bốn Đấng Thánh thiện và những đạo thiên binh của các Ngài (đám đông).Các vị Nam Tào Bắc đẩu vẽ hình tròn xung - quanh Hình tam giác ,dòng kẻ đầu tiên ,Khối Lập phương,dòng kẻ thứ nhì và hình sao năm cánh trong cái Trứng (vòng tròn). Đó là "vòng đai không thể vượt qua được" (11) đối với những ai đi lên và đi xuống ,cũng như đối với những ai trong Đại Kiếp đang tiến đến ngày "Được hợp nhất với Thượng Đế"(12). Cõi Vô hình và cõi hữu- hình (thế giới không hình dáng và thế giới của các hình hài) được thành lập như vậy: tự một ánh sáng,Bảy ánh sáng;tự mỗi cái trong bảy cái ,bảy lần ánh sáng . Các bánh xe "coi chừng vòng - đai ".

ĐOẠN THÁNH KINH VI

Nhờ uy lực của Đức Quan Âm,Đức Mẹ từ Bi và Minh triết sáng chói , "Tam thể" của Quán Thế Âm ,ngụ nơi Kwan-Yin-tien Fohat hởi thở của con cháu các Ngài ,"Người con của Mặt trời" đã khiến cho hình hài ảo tưởng của sien-tchen (một vũ trụ) thành hình tự nơi hỗn mang ở cảnh giới thấp do bảy nguyên tố làm thành : thoạt đầu ,một cái được biểu lộ ,sáu cái được giấu kín ;rồi năm cái được biểu lộ ,— năm cái được giấu kín ; rồi ba cái được biểu lộ,bốn cái được giấu kín ; bốn và một nửa được biểu lộ —hai và một nửa được giấu kín ;sáu cái sẽ được biểu lộ —một cái được dẹp qua 1 bên (1) .Sau chót ,bảy bánh xe xoay chuyển cái này phát sinh ra cái kia (2) Ngài xây dựng chúng giống như những bánh xe(thế-giới) cũ trước. Ngài xây dựng chúng theo cách nào ? Fohat gom góp bụi lại . Ngài lấy bụi đó tạo thành những quả cầu lửa và làm chúng xoay chuyển ,có cái theo lối này ,những cái khác theo lối ngược lại . Chúng lạnh,Ngài làm cho chúng nóng . Chúng khô khan,Ngài làm cho chúng ẩm ướt . Chúng chói sáng,Ngài quạt chúng và làm x cho chúng mát ,làm chúng hết bóng bảy .Fohat tác động như vậy từ buổi bình minh của Ngày cho đến buổi hoàng hôn của Đêm trong Bảy Đại Kiếp trường tồn (3)... Trong lúc cái thứ nhất khởi đầu,những người con nhận được lệnh phải sáng tạo ra hình ảnh của chính họ .

Một phần ba từ chối,hai(phần ba) vâng lời. Lời nguyền rủa được thốt ra . Họ sẽ phải ra đời trong cái(hành Tinh) thứ tư ,sẽ đau khổ và gieo rắc sự đau khổ ... Đó là trận chiến thứ nhất ...

Những bánh xe cũ trước đã xoay tròn đi lên và đi xuống trong một và một nửa Đại Kiếp Trường Tồn . Trứng của Mẹ tràn đầy toàn-thể (Vũ trụ) . Có những trận chiến giữa những vị Sáng Tạo và những kẻ nổi loạn và những trận chiến để tranh giành không gian,hạt giống hiện ra và lại hiện ra không ngừng (4) khi bánh xe của chúng ta nhận được sự khích động đầu tiên ...Hỡi vị Lạt ma(đệ tử ?) , người hãy tính toán đi nếu người muốn biết đúng tuổi của bánh xe nhỏ của người (5) Tia sáng thứ tư là Mẹ chúng ta(Địa cầu). Hãy đến với "Trái" thứ tư của con đường minh triết thứ tư,nó dẫn đến Niết Bàn và người sẽ hiểu vì người sẽ trông thấy (6).

ĐOẠN THÁNH KINH VII

... Người hãy nhìn ngắm thuở ban đầu của Đời sống vô hình và Nhạy cảm. Trước hết,Đấng Cao Cả tự Đấng Duy Nhất ,"Atman"(Tinh-Thần);rồi — "Atman - Buddhi"(Tinh Thần - Linh hồn)— cái này , ba,năm và bảy (1);rồi Bội số Ba,bội số Bốn và xuống thấp nữa; những người Con phát sinh từ Thể Trí của Đấng Cao Cả Thứ nhất (Prajapati)—Bảy vị Sáng chói (các Vị Tạo Tác)các Ngài chính là người,là ta ,là nó ,Hỡi người đệ tử ;các Ngài coi chừng người và mẹ người là Bhumi(Trái đất). Tia sáng Duy Nhất làm nảy nở các Tia sáng nhỏ hơn (3).Sự Sống có trước Hình Hài và còn tồn tại sau sự tiêu diệt của nguyên tử cuối cùng của Stula Sarira (hình hài ngoại giới,external body)(4) Tia Sáng của đời sống ,cái Duy nhất ,tác động xuyên qua vô số tia sáng khác ,giống như sợi chỉ xuyên qua nhiều hạt ngọc trai . Khi số một trở thành số hai,thì bội số Ba hiện ra (5)Ba cái là một (được liên kết thành một); hỡi người đệ tử,đó là sợi chỉ của chúng ta ;trái tim của Cây-người được gọi là Suptasarma(Saptaparna)(6). Đó là cội rễ bất-tử ,lửa có ba ngọn của bốn cái bấc đèn(7).Những bấc đèn là các đốm lửa,và sử dụng lửa có ba ngọn do số Bảy phóng ra ,ngọn lửa của các Ngài; các tia sáng và đốm lửa của 1 mặt trăng được phản chiếu trong những dòng nước chảy xiết của mọi con sông của Bhumi (Địa cầu)(9). Đốm lửa đính vào ngọn lửa nhờ sợi chỉ Fohat mảnh mai nhất . Nó chu du xuyên qua bảy và bảy cảnh giới của ảo tưởng .Nó ngừng lại ở loài thứ nhất và người hãy nhìn xem —một hành tinh ;bảy lần thay đổi nữa và nó trở thành 1 con vật? Từ những đặc tính phối hợp của những cái đã nói trên —Manu(con người) kẻ biết suy nghĩ được thành hình . Ai làm ra y ?"Đời Sống Duy Nhất";ai làm ra xác thân y ? nhiều đời sống (10)...Tự kẻ

nhất sinh(con người đầu tiên hay nguyên thủy) sợi chỉ giữa Quán Tịnh Đại Đế và cái Bóng của Ngài trở nên mạnh mẽ hơn và chói sáng hơn mỗi khi có sự thay đổi (luân hồi)(11) Ánh triều_d' dưỡng đổi thành ánh nắng huy hoàng giữa trưa...

Ngọn lửa nói với tia lửa rằng đây là bánh xe hiện tại của người . Người chính là ta ,là hình ảnh và cái bóng ta . Ở nơi bản thể người ,ta đã tự khoác áo lên mình và người là vận cụ của ta cho đến ngày " Được hợp nhất với Thượng Đế",khi người sẽ trở thành chính ta và những kẻ khác ,chính người và ta (12)...Lúc đó, những Đấng Tạo Tác ,sau khi đã khoác tấm áo đầu tiên ,giáng lâm xuống Trái đất mát lạnh và cai trị loài người (13) họ chính là các Ngài (14) ....

C U Ố N II

MÔN NIÊN ĐẠI HỌC TỐI CỔ,CÁC CHU KỲ ,MÔN NHÂN LOẠI HỌC

Facies totius Universi ,quamvis infinitis modis variet ,ma -net tamen semper eadem .

(Tuy luôn luôn thay đổi theo vô số đường lối ,bản chất của toàn thể vũ trụ luôn luôn vẫn bất biến).

SPINOZA

ĐOẠN THÁNH KINH

Cái(bánh xe)này cứ lăn hoài trong một nửa Đại Kiếp Trường Tồn,sinh ra con cháu ;trước hết là khoáng chất — các đá mềm về sau cứng lại ;rồi đến thảo mộc —những cây cứng rắn về sau mềm đi ; rồi những (côn trùng và loài vật)bé li ti <u>hữu hình</u> và <u>vô-hình</u> , chúng sinh sản ra và lan tràn ,mỗi con theo đường lối riêng và theo loại của nó. Khi chúng lớn quá và nhiều quá thì(Địa cầu) làm chúng rơi rụng khỏi lưng của nó — một lần,hai lần,nhiều lần.. Rồi cái được nảy sinh tự cái Trí ,cái hình hài không xương(Hình-hài của các Đấng truyền đời sống cho con người đầu tiên được nảy sinh tự cái trí ,có những xương mềm ... Con người được sinh ra cách nào ? Thoạt đầu là <u>Đấng Tự Tồn</u> ,rồi Đấng Tự Sinh(Self-born) — những người con của ý chí và Yoga ; rồi đến con người sinh ra tự mồ hôi ,họ hãy còn là một(bán thú bán hùng)khi họ nói—chúng ta hãy sinh ra những người con trai và con gái giống chúng ta , nhưng với hình hài đồng đặc (Massuhya)(1)....Rồi một biến thành hai.

(1) [Manushya]

(Cuốn III Bình luận những Thiền Định Chân Kinh)

(Trên đây là tất cả những gì được nói ra trong bản thảo viết tay của Những Đoạn Thánh Kinh trong cuốn II).

LỜI BÌNH LUẬN VỀ BẢY ĐOẠN THÁNH KINH VÀ NHỮNG DANH TỪ TRONG ĐÓ THEO SỐ THỨ TỰ TRONG NHỮNG ĐOẠN KINH VÀ CÂU KINH .

ĐOẠN THÁNH KINH I .

1- Vị "Phụ Mẫu" Trường tồn (Không gian)cuộn mình trong những chiếc áo ngàn đời vô hình, một lần nữa lại ngủ trong bảy Đại Kiếp Trường Tồn .

Vị "Phụ Mẫu " Không gian là nguồn cội của mọi sự ,nó Trường-Tồn ,luôn luôn hiện diện ,là Thượng Đế Bất Khả Tri ; những "Tấm Áo Vô Hình" của Ngài là Nguồn cội thần bí của mọi Vật chất và của Vũ Trụ. Không gian là thực thể trường tồn duy nhất mà ta có thể tưởng tượng 1 cách dễ dàng nhất ; trong trạng thái trừu - tượng của nó,nó không di chuyển,và dù trong nó có hay không có 1 vũ trụ hữu hình ,thì nó cũng không vì thế mà bị ảnh hưởng. Nó không có kích thước trong mọi chiều hướng và nó tự tồn . Tinh - thần là sự biến hóa đầu tiên của Cái Đó,Nguồn cội Vô thủy của cả Tinh thần lẫn vật chất . Như đã được truyền dạy trong Sách Bổn Bí giáo , nó không phải là "sự trống rỗng vô bờ bến" mà cũng không phải là " sự tràn đầy bị hạn định" nhưng nó là cả hai thứ đó. Xưa kia đã có nó và sau này sẽ mãi mãi có nó.

Vậy thì những "Tấm áo" có nghĩa là thực thể của Vật-chất trong vũ trụ ,Vật chất này còn trinh nguyên . Đó không phải là vật chất như ta thường biết ,nhưng là cái tinh hoa thiêng liêng của vật chất ,cũng trường tồn như không gian và còn hợp nhất với không gian trong ý nghĩa trừu tượng của nó . Thiên nhiên cội rễ cũng là nguồn cội của những đặc tính vô hình tế nhị của vật chất hữu hình . Có thể nói rằng đó linh hồn của Tinh thần Duy Nhất và Vô cùng Tận . Người Ấn Độ gọi nó là Mulaprakriti và nói rằng đó là Thực chất nguyên thủy ,Thực chất này là nền tảng của Upadhi hay vận cụ của mọi hiện tượng thuộc về vật chất,tâm linh hoặc trí não . Đó là nguồn cội của Tiên thiên khí.

"Bảy Đại Kiếp Trường Tồn" nghĩa là những thời gian rất lâu dài . Danh từ "Trường Tồn"(Eternity)theo quan niệm của Thần học Cổ Đốc ,thì vô nghĩa đối với người Á Châu ,ngoại trừ khi được áp dụng cho đời sống duy nhất ;danh từ Vô cùng tận(sempiternity),

nghĩa là chỉ trường tồn trong tương lai ,thì cũng thế ;sự dùng sai danh từ quả thật là tai hại(1).

(1) [Trong kinh Vishnu Purana,cuốn II,chương VIII,có nói : "Bất tử nghĩa là sống đến cuối Đại Kiếp" và dịch giả Wilson có ghi chú ở cuối trang :"Theo kinh Phệ Đà thì đó là tất cả những gì mà ta cần hiểu về sự bất tử(hay trường tồn)của các Thần minh: các Ngài chết vào đoạn chót khi vũ trụ tan rã hay Pralaya". Và triết lý Bí Truyền nói :"Các Ngài không chết,nhưng bị thu hút trở về "]

Những danh từ này không có và không thể có trong khoa siêu hình họccó tính cách triết lý và không được người ta biết đến tự xưa cho mãi đến khi có Giáo Hội Cổ Đốc . Bảy Đại Kiếp Trường Tồn nghĩa là bảy thời gian hay một thời gian dài bằng bảy thời gian của một Manvantara hay "Thời gian vĩ đại"(100 năm của Brahma)tổng cộng là 311 040 000 000 000 năm của ta ;mỗi năm của Brahma có 360 Ngày và 360 Đêm của Brahma (tính theo Chandrayana hay âm lịch); và một Ngày của Brahma thì có 4 320 000 000 năm của ta ,những đại kiếp trường tồn này thuộc về các phép tính toán bí ẩn nhất,trong đó mỗi con số phải là 7^x nếu muốn có tổng số đúng thực; mũ số x thay đổi tùy theo bản tính của mỗi chu kỳ trong cảnh giới chơn - như hay cảnh giới chủ quan ;và mỗi con số thì liên quan đến và tượng trưng cho các chu kỳ khác nhau — từ cái lớn nhất cho đến cái nhỏ nhất —trong cảnh giới mộng ảo hay cảnh giới khách quan , số đó dĩ nhiên phải là những bội số của bảy . Người ta không thể đưa ra cái chìa khóa để hiểu rõ điều này ,vì trong đó có sự bí - mật của phép tính toán bí giáo và điều này không có ý nghĩa gì đối với mục tiêu của phép tính toán thông thường .Kinh bí-giáo Do thái (Kabalah) nói :"Số Bảy là số vĩ đại của những sự bí mật Thiêng liêng" số mười là số của mọi kiến thức trần gian (số mười của môn phái Pythagoras); 1 000 là số 10 với mũ số 3 (10^3) ,và vì thế nên số 7 000 cũng có ý nghĩa tượng trưng . Trong Giáo Lý Bí Truyền , con số và số 4 chỉ tượng trưng cho dương tính trên cảnh giới trừu tượng cao nhất ; ở cảnh giới hồng trần thì số 3 có dương tính và số 4 có âm tính — tức là hàng kẻ đứng xx(|)và hàng kẻ nằm(—) trong giai đoạn thứ tư của biểu tượng học ,khi những biểu tượng trở thành những nét khắc của năng lực sinh sản trong cảnh hồng - trần .

2- <u>Không có Thời Gian,vì Thời Gian ngủ yên trong Trung - Tâm vô cùng tận của sự tồn tại.</u>

Thời gian chỉ là một ảo tưởng phát sinh do sự tiếp diễn của các trạng thái của lưỡng tri khi ta du hành xuyên qua sự trường

tồn ; và ở chỗ nào không có lưỡng tri để phát sinh ra ảo tưởng, thì ở đó không có thời gian ,thời gian "ngủ yên". Hiện tại chỉ là 1 dòng kẻ (hàng kẻ) toán học ngăn cách cái phần của sự Tồn-Tại Trường tồn mà ta gọi là tương lai với phần mà ta gọi là dĩ-vãng.Không một cái gì trên trái đất mà tồn tại thực sự được vì không có gì là bất biến cả — hay là cứ mãi giống lúc trước—trong một phần nghìn triệu của giây đồng hồ ;và nếu chúng ta cảm thấy sự hiện tồn của thời gian được gọi là hiện tại ,thì đó là vì cái tia mắt thoáng nhìn tức thời hay nhiều cái nhìn thoáng qua tiếp-nối nhau cùng với các đồ vật cảm nhận được nhờ giác quan —đã bị nhòe đi ,khi những đồ vật ấy đi từ cảnh giới của lý tưởng ,mà ta gọi là tương lai ,đến cảnh giới của ký ức ,mà ta gọi là dĩ-vãng. Cũng theo lối đó,chúngta có 1 cảm giác tồn tại khi một chớp - nhoáng điện hiện ra ,vì cảm giác được in lên võng mô (1) bị mờ đi và cứ tiếp diễn . Một người thực sự thì không phải chỉ là cái hình ảnh mà ta nhìn thấy trong một lúc đặc biệt nào đó ,nhưng là tổng số các trạng thái khác nhau và thay đổi từ khi người ấy hay vật ấy hiện ra trong hình hài vật chất cho đến khi tan biến khỏi trái đất.

(1) ⌜ Võng mô :màng mỏng lót trong con mắt ,do các thị-giác thần kinh dệt thành,để thu nhận hình ảnh bên ngoài ⌟

Chính những tổng số này tồn tại tự nơi Trường Tồn trong Tương lai và lần lần đi xuyên qua vật chất để tồn tại ở nơi trường tồn trong dĩ vãng . Không ai lại nói rằng , 1 thỏi kim khí được liệng xuống biển thì bắt đầu sống khi nó rời bỏ vùng không khí và không sống nữa khi nó rơi xuống nước và cả thanh sắt chỉ là cái khoanh ngang đã bị cắt trong một lúc nào đó,theo một đường đúng khít với cái bình diện nó vừa phân cách ,vừa nối liền vùng không khí với nước biển . Mà dù người hay đồ vật đó ,khi rời từ trạng-thái "sẽ tồn tại" đến trạng thái "đã tồn tại",nhảy vọt từ tương-lai mà đi vào dĩ vãng ,thì cũng đưa ra cho giác quan ta cảm nhận thấy một thanh ngang bị cắt của trọn vẹn thực thể của nó khi nó đi xuyên qua Thời gian và Không gian (như là vật chất),khi nó đi từ sự trường tồn này đến sự trường tồn khác : cả hai sự trường - tồn đó làm thành sự Tồn Tại,nó chứa đựng cái Thực thể hay đời - sống thực sự của mọi vật và giác quan của chúng ta chỉ có thể nhìn nhận sự kiện đó mà thôi .

3- <u>Không có Đại Trí của Vũ trụ</u> (Universal Mind),<u>vì không có Ah-Hi</u> (2) <u>để chứa đựng Đại trí ấy</u> (3).

(2) ⌜ Ah-Hi :các Đấng Thiêng Liêng(Celestial Beings)⌟

(3) ⌜ và do đó mà biểu lộ được nó ⌟

"Thể trí"('Mind") là một danh từ dùng để chỉ định tổng số các trạng thái của Lưỡng-tri(States of Consciousness)liên-quan đến tư tưởng, ý chí và cảm xúc. Khi ta ngủ say,thì các ý- nghĩ ngưng lại,không phát sinh ra ở cõi hồng trần nữa ,trí nhớ cũng ngưng lại, vì trong thời gian đó,Chơn Nhơn biểu lộ những ý-niệm và trí nhớ trên cảnh hồng trần đã tạm thời ngưng nghỉ,không tác động nữa. Một thực thể có thể trở thành một hiện tượng trên bất cứ cảnh giới nào của đời sống nếu được nhờ 1 căn bản hay vận-cụ thích hợp mà tự biểu lộ; và trong Đêm dài nghỉ ngơi mà người ta gọi là Pralaya ,khi mọi đời sống bị tan rã ,"Đại Trí của Vũ-Trụ" vẫn tồn tại,hoặc như 1 khả năng trường tồn để tác động trongcõi Trí ,hoặc như Tư tưởng tuyệt đối trừu tượng với 1 sự biểu lộ tương đối và cụ thể là cái Trí.Các vị Ah-Hi(Dhyan Chohan)(Thiền Định Đế Quân) là các đoàn thể gồm các Đấng thiêng liêng --các Thiên thần của Cơ đốc giáo ,các vị Elohim (1) và các Thiên sứ của người Do thái --các Ngài là vận cụ để biểu lộ tư tưởng và ý chí của vũ trụ hay của Thượng Đế.

(1) [Elohim: thần lực sáng tạo trong vũ trụ]

Các Ngài là những thần lực Khôn Sáng ,ban hành và áp-dụng những "định luật của Thiên nhiên",rồi đến lượt các Ngài,các Ngài cũng hành động theo đúng những định luật mà các Đấng Cao Cả hơn đã ban xuống một cách tương tự như trên; nhưng các Ngài không phải là"hiện thân' của những sức mạnh của Thiên Nhiên,như người ta đã tưởng lầm . Đẳng cấp các Đấng Thiêng liêng này — nhờ các Ngài nên Đại Trí của vũ trụ mới tác động được —quả thật là một đội quân — do đó mà lực lượng chiến đấu của mỗi quốc gia có thể tự biểu lộ, và gồm các quân-đoàn,sư đoàn,lữ-đoàn ,trung đoàn v.v.. mỗi đoàn thể có lối sống hay cá tính riêng của mình ,với sự tự - do hành động bị hạn định và với những trách nhiệm có giới hạn ; mỗi đoàn thể được đặt dưới một đoàn thể khác rộng lớn hơn;quyền lợi của đoàn thể nhỏ phụ thuộc vào quyền lợi của đoàn thể lớn và mỗi đoàn thể lại bao gồm nhiều đoàn thể khác nhỏ hơn.

4- <u>Không có Bảy Con Đường dẫn đến Chí Phước</u>(a)(2)<u>Không có những nguyên nhân vĩ đại của sự khốn khó</u> (3) <u>vì không ai phát sinh ra chúng và bị chúng trói buộc</u> (b).

(2) [Nirvana :Niết Bàn.Trung Hoa gọi là Nippang;Miến Điện gọi là Neibban; Ấn Độ gọi là Moksha]

(3) [Nidana(Nguyên nhân tối cao)và Maya(Ảo tưởng). Thập nhị nhân duyên,Tây Tạng gọi là Ten-brel chug-nyi,là những nguyên do chính của đời sống ,những phát sinh từ một chuỗi nhân liên tiếp]

(a) Có "Bảy con đường" hay "Đạo" để đi đến cõi Chí Phước của Vô sinh tức là thực thể ,đời sống và lưỡng tri Tuyệt Đối.Thuở đó không có chúng vì vũ trụ trống rỗng và chỉ có trong tư-tưởng của Thượng Đế mà thôi .

(b) Vì đó là ... Thập Nhị nhân duyênhay Nguồn cội của đời sống . Mỗi nguyên nhân là kết quả của nguyên nhân trước và lại là nhân của cái kết quả sau ;tổng số các nguyên nhân được căn-cứ trên Tứ Diệu Đế ,một giáo lý rất đặc biệt của phái Tiểu thừa (1).

(1) [Xin đọc tác phẩm "Der Buddhismus" trang 97 -128 của ông Wassilief]

Chúng thuộc về lý thuyết của dòng định luật tiếp nối nhau phát sinh ra công đức và tội lỗi ,và sau chót làm cho Luật Nhân-quả tác động triệt để . Đó là một hệ thống căn cứ trên cái triết lý cao siêu chủ trương rằng sự luân hồi là một điều đáng sợ,vì đời sống ở cõi hồng trần chỉ mang lại sự đau khổ khốn khó ,đau đớn cho con người ,chính sự chết cũng bất lực ,không giải thoát được con người ,vì sự chết chỉ là một cái cửa dẫn con người đến một kiếp sống khác trên trái đất sau 1 thời kỳ nghỉ ngơi ngắn ngủi ở ngưỡng cửa của nó ,tại Devachan ,cõi Thiên đường . Hệ thống Hi-nayana hay là Tiểu thừa thì rất cổ xưa ,còn Mahayana hay Đại-thừa thì mãi về sau mới có và chỉ phát sinh sau khi Đức Phật tịch diệt. Vậy mà,những giáo lý của Đại Thừa cũng cổ-xưa như những ngọn đồi đã có từ đời rất xa xưa ,không sao nhớ lại được ,và Tiểu thừa lẫn Đại thừa thực ra đều cùng dạy một giáo lý . Yana là vận cụ (tiếng Bắc Phạn gọi là Vahan),là 1 từ ngữ thần bí ;cả hai môn phái (Đại thừa và Tiểu thừa) đều nhấn mạnh rằng con người có thể tránh những đau khổ của sự tái sinh và tránh cả cái hạnh phúc giả tạo của cõi Devachan ,nhờ hoạch đắc được sự minh triết và hiểu-biết ; chỉ có Minh triết và Hiểu biết(Wisdom and Knowledge) là có thể làm tan những quả của ảo tưởng và vô minh.

Maya hay ảo tưởng là 1 nguyên tố có trong mọi vật hữu-hoại ,vì mọi vật hiện tồn chỉ có 1 thực thể tương đối ~~tương đối~~ chớ không tuyệt đối ;còn cái bề ngoài che giấu thực thể ,thay đổi tùy theo sức nhận xét và ~~xxx~~ hiểu biết của mỗi quan sát viên.Đối với con mắt chưa được huấn luyện của người bán khai thì 1 bức họa chỉ là những vết và những nét gạch ,màu sắc lộn xộn và vô nghĩa , còn con mắt của người trí thức thì nhận thấy ngay rằng đó là một mặt người hay là 1 phong cảnh . Không có gì trường tồn ngoại trừ Đời Sống tuyệt đối,duy nhất và ẩn tàng ,nó chứa đựng bên trong nguồn cội của mọi thực thể . Những đời sống trong mọi cảnh giới , cho đến các vị Thiền Định Đế Quân Cao Cả nhất ,thì cũng chỉ giống

như những hình bóng do 1 chiếc đèn thần chiếu rọi trên 1 màn ảnh không màu sắc . Tuy nhiên, 1 cách tương đối,mọi vật đều có thực thể ,vì kẻ nhận biết cũng là 1 cái bóng ,1 sự phản chiếu và do đó,những sự vật mà y nhận biết đều là có thật đối với y , cũng giống như chính bản thân y vậy . Dù các sự vật có thực thể đến đâu,thì ta cũng chỉ nên coi thực thể đó ,— trước và sau khi sự vật tồn tại — như là 1 tia chớp nhoáng xuyên qua cảnh hồngtrần vì chúng ta không thể nhận biết các đời sống ấy 1 cách trực tiếp khi ta còn có các dụng cụ giác quan,chúng chỉ có thể làm cho ta tri thức được đời sống vật chất mà thôi. Dù lưỡng tri ta hoạt - động trên cảnh giới nào ,thì trong thời gian đó,cả ta và những sự vật thuộc cảnh giới ấy là những thực thể duy nhất đối với ta. Nhưng khi ta tiến lên nấc thang tiến hóa,ta nhận thấy rằng trong những giai đoạn mà ta vừa trải qua ,chúng ta đã tưởng lầm những cái bóng là những thực thể,và sự tiến hóa của 1 Chơn nhơn là những sự thức tỉnh liên tiếp càng ngày càng cao,mỗi bước tiến lên lại mang theo cái ý niệm nghĩ rằng giờ đây ta mới đạt được 'chân lý';nhưng chỉ khi nào ta đạt được cái lưỡng tri tuyệt đối, và hợp nhất lưỡng tri của ta vào đó ,thì ta mới thoát khỏi những sự gạt gẫm của Ảo-tưởng.

5- <u>Chỉ có Bóng tối tràn đầy trên Đại Thể vô biên giới(a) vì Cha,Mẹ và Con đã được hợp nhất thêm 1 lần nữa và Con chưa thức tỉnh để Bánh Xe mới(1) xoay chuyển và để lại tiếp tục cuộc Hành hướng trên đó (b).</u>

(1) [Danh từ Bánh Xe là 1 từ tượng trưng cho 1 thế giới hay một bầu hành tinh ,điều này chứng tỏ cổ nhân đã biết rằng , Trái đất của chúng ta là một trái cầu xoay quanh ,chứ không phải là một hình vuông bất động như 1 số các ông Cố Đạo đã dạy ."Bánh Xe lớn" là trọn vẹn cái thời gian tồn tại của chu kỳ chúng ta , hay là Tối Đại Kiếp (Mahakalpa),nghĩa là trọn vẹn sự xoay chuyển của Dãy hành tinh riêng của chúng ta gồm 7 hành tinh hay 7 bầu , từ lúc bắt đầu cho đến lúc kết thúc ;các "Bánh xe nhỏ" có nghĩa là các Vòng tiến hóa ,cũng có 7 vòng tiến hóa.]

(a) "<u>Bóng Tối là Cha Mẹ,ánh sáng là con</u>" ,một câu cách-ngôn cổ xưa của phương Đông nói như vậy.Người ta không thể quan-niệm được ánh sáng ,trừ khi nó phát sinh từ 1 nguồn cội tức là duyên do của ánh sáng ;và trong trường hợp Ánh Sáng Nguyên thủy, vì người ta không sao biết được nguồn cội này,tuy lẽ phải và luận lý đòi hỏi muốn biết,nên chúng ta gọi nguồn cội ấy là"Bóng Tối", căn cứ trên 1 quan niệm thuộc lý trí . Còn nói về ánh sáng phụ-

thuộc được vay mượn ở chỗ khác,thì mặc dầu nguồn cội nó là gì , nó chỉ có 1 đặc tính ảo tưởng nhất thời mà thôi . Vì vậy,Bóng-Tối là cái Khuôn trường tồn(Eternal Matrix),trong đó những Nguồn -cội của ánh sáng hiện ra và biến đi . Không có gì được thêm vào bóng-tối để khiến nó biến thành ánh sáng ,và không có gì được thêm vào ánh sáng để khiến nó biến thành bóng tối ở cảnh giới này của chúng ta. Ánh sáng và bóng tối có thể đổi chỗ cho nhau ;và theo khoa-học thì ánh sáng chỉ là một trạng thái của bóng tối và ngược lại(1).

(1) [Và ngược lại,bóng tối là một trạng thái của ánh sáng]

Tuy nhiên,cả hai đều lầ những hiện tượng của một thực -thể duy nhất—đó là bóng tối tuyệt đối đối với đầu óc khoa học,nhưng lại là ánh sáng lờ mờ đối với con mắt của người thần bí bìnhthường; còn đối với con mắt thiêng liêng của người đã được điểm đạo, thì nó là ánh sáng tuyệt đối. Đến mức độ nào chúng ta có thể phânbiệt cái ánh sáng chiếu rọi trong bóng tối ? Điều này tùy thuộc năng-lực nhìn xa nhìn rộng của chúng ta . Cái ánh sáng đối với chúng ta lại là bóng tối đối với 1 số côn trùng và con mắt của người có thần nhãn nhìn thấy ánh sáng chói chang khi con mắt của người thường chỉ nhìn thấy bóng tối thôi. Khi toàn thể vũ trụ đắm mình trong giấc ngủ—trở về với nguyên tố căn bản duy nhất của nó—thì không có trung tâm sáng chói ,không có con mắt nào để nhìn thấy ánh sáng ,và dĩ nhiên là bóng tối tràn đầy trên đại thể vô biên-giới .

(b) "Cha Mẹ" là nguyên lý âm và dương của Thiên nhiên cội rễ, là những cực đối nhau,tự biểu lộ trong mọi vật ở mọi cảnh giới trong vũ trụ —hay là Tinh Thần và Thực chất ,nói như vậy để được rõ ràng hơn,và kết quả của điều này là vũ trụ hay "người Con". Họ được hợp nhất thêm một lần nữa trong thời kỳ Pralaya,trong Đêm của Brahma ,khi toàn thể vũ trụ hữu hình tan rã để trở lại với căn nguyên trường tồn chủ yếu và duy nhất,để lại hiện ra trong buổi Bình minh sau - theo từng chu kỳ. Karana (cái căn nguyên trường tồn) thì đơn độc một mình . Nói 1 cách rõ hơn thì Karana đứng đơn độc một mình trong những Đêm của Brahma . Vũ trụ hữu-hình thời trước đã tan rã trong cái căn nguyên trường tồn ,chủ-yếu và duy nhất của nó ,và người ta có thể nói rằng vũ trụ bị pha loãng trong không gian ,để rồi lại được biến hóa và kết tinh lại trong buổi bình minh của Đại kiếp sau,đó là sự khởi đầu của một ngày mới hay 1 sự hoạt động mới của Brahma;đó là dấu hiệu tượng-trưng của một vũ trụ . Nói theo lối bí giáo,thì Brahma là Cha-Mẹ-Con ,hay vừa là Tinh thần,Linh hồn,vừa là Hình thể;mỗi Ngôi là tượng trưng cho 1 đặc tính ,và mỗi đặc tính hay đức tính là 1 làn sóng có mức độ của Hơi thở Thượng Đế được biến hóa theo chu kỳ và

theo sự tiến hóa , 1 cách vô tâm. Theo ý nghĩa vật chất nơi vũ - trụ càn khôn ,thì đó là vũ trụ ,Dãy hành tinh và Địa cầu ; theo ý nghĩa thiêng liêng thuần khiết thì đó là Thượng Đế Huyền Vi , Chơn Linh hành tinh và Con người —người con của các "gài ,sinh-linh làm bằng Tinh Thần và Vật chất , 1 hiện tượng của Tinh thần và Vật chất ,khi y đầu thai theo chu kỳ trên địa cầu trong thời kỳ của các "Bánh xe" hay là trong những Đại kiếp.

6- <u>Bảy Đấng Tối Cao và 7 Chân lý không còn nữa (a) và Vũ-trụ ,Đứa Con của Lễ tất nhiên,đắm mình trong Paranishpanna(1)(b) để rồi sẽ được phóng ra bởi cái gì vừa có thực thể ,vừa là hư vô. Thuở đó,không có gì cả(c).</u>

(1) [Paranishpanna là Yong-Grub (tiếng Tây Tạng),đó là sự Toàn thiện,toàn mỹ tuyệt đối]

(a) Bảy Đấng Tối Cao là Bảy Đấng thiêng liêng sáng tạo,các vị Thiền Định Đế Quân(Dhyan Chohans) tương đương với các vị Elohim của Do thái giáo . Đó là đẳng cấp đại thiên thần ,trong đó có thánh Michael,Thánh Gabriel và các vị Thánh khác trong khoa siêu thần học Cổ đốc . Theo khoa thần học La tinh độc đoán thì chỉ riêng Thánh Michael là được trông coi mọi x mũi đất và vịnh xung quanh biển,nhưng theo giáo lý bí truyền thì các vị Dhyani trông coi liên tiếp một cuộc tuần hoàn (2)và những giống dân chính của dãy hành tinh chúng ta .

(2) [Một cuộc tuần hoàn(a round) là 1 chu kỳ gồm sự tiến hóa của 7 giống dân chính trên 1 hành tinh . Khi 1 cuộc tuần hoàn kết thúc,thì đời sống được chuyển sang một hành tinh khác. Bảy cuộc tuần hoàn làm thành 1 dãy hành tinh .]

Hơn thế nữa,người ta nói rằng các Ngài gởi các vị Bồ Tát xuống trần ,các vị Bồ Tát đó là các hóa thân của các vị Dhyani Bud-dha (Thiền Định Phật) trong mỗi vòng tiến hóa và trong mỗi giống dân chính . Trong số 7 chơn lý hay Thiên khải(Revelation),hay là những điều bí mật được tiết lộ ,chúng ta mới biết được có 4 điều, vì chúng ta đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ 4 ,và thế gian mới chỉ có được 4 vị Phật ,như ta đã thấy.Đây là vấn đề rất khó hiểu và sẽ được giảng giải rộng thêm sau này.

Những Phật tử và những người Ấn Độ nói :"Chỉ có 4 chân lý và 4 kinh Phệ Đà thôi". Cũng vì lý do tương tự mà ông Irenaeus nhấn mạnh về lẽ đương nhiên cần có 4 kinh Phúc âm . Và vì mỗi giống dân chánh mới,đứng đầu ở một cuộc tuần hoàn ,phải có những nhà tiên tri riêng cùng với những điều thiên khải riêng ,cho nên cuộc tuần hoàn sau sẽ đưa ra kinh Phúc âm thứ 5 và cuộc tuần hoàn kế tiếp sẽ

đưa ra kinh Phúc âm thứ 6 v.v....

(b) Paranispanna là sự toàn thiện toàn mỹ tuyệt đối mà mọi đời sống đạt được ,khi 1 thời gian hoạt động rất lâu hay TốiĐại kiếp (Mahamanvantara) được chấm dứt,nhưng đời sống ấy yến nghỉ nơi Paranishpanna suốt trong thời kỳ nghỉ ngơi kế tiếp. Theo tiếng Tây Tạng thì đó là "Yong Grub". Từ xưa cho đến thời kỳ của môn phái Yogacharya (pháp môn Dô ga Bí giáo),cái tính chất thực sự của Đại Niết Bàn được truyền dạy một cách công khai ,nhưng từ đạo đó trở đi ,giáo lý này trở thành hoàn toàn bí truyền,vì thế, nên mới có rất nhiều sự giảng giải mâu thuẫn về nó . Chỉ ai là người lý tưởng nhiệt thành mới hiểu được nó. Phải nhìn xét mọi vật theo khía cạnh lý tưởng nhất ,ngoại trừ cảnh Đại Niết Bàn, nếu ta muốn thông hiểu trạng thái đó và thấu đạt được rằng , do cách nào mà Vô Ngã , sự Trống Rỗng và Bóng Tối ,ba cái được nhập thành một để tự tồn một mình và trở nên toàn thiện,toàn mỹ. Tuy nhiên,nó chỉ tuyệt đối theo 1 ý nghĩa tương đối mà thôi,vì nó phải để dành chỗ cho 1 sự toàn thiện toàn mỹ tuyệt đối hơn ,theo 1 tiêu chuẩn thiện mỹ cao hơn trong một thời kỳ hoạt động kế - tiếp — cũng giống như 1 bông hoa hoàn toàn phải chết đi ,không còn là 1 bông hoa trọn vẹn nữa ;để biến thành 1 trái cây hoàn - toàn ,nếu ta có thể so sánh như thế được.

Giáo Lý Bí Truyền giảng giải về sự phát triển dần dần của mọi vật,từ các thế giới ,cho đến các nguyên tử;và người ta không thể quan niệm hay tưởng tượng được lúc khởi đầu hay khi kết thúc của sự phát-triển kỳ lạ này. Vũ trụ của chúng ta chỉ là mộttrong vô số vũ trụ khác ,tất cả đều là "Những Người Con của Lẽ Tất - Nhiên"("Son of Necessity") ,vì tất cả đều là những sợi dây nối-buộc trong cái xâu chuỗi vũ trụ càn khôn vĩ đại , mỗi vũ trụ là một hậu quả của vũ trụ trước và là nguyên nhân của vũ trụ sau.

Người ta miêu tả vũ trụ hiện ra và biến đi như là sự thở ra và hít vào của "Hơi Thở Vĩ Đại" trường tồn và vì là sự Luân-chuyển ,nên nó là một trong ba biểu tượng của tuyệt đối — còn Không gian trừu tượng và sự tồn tại là hai biểu tượng còn lại . Khi Hơi Thở vĩ đại được phóng ra ,người ta gọi nó là Hơi thở thiêng liêng và được coi như là Hơi Thở của Thượng Đế Bất Khả - Tri —Đời Sống Duy Nhất —Ngài phóng ra một tư tưởng và tư-tưởng này trở thành ngay một vũ trụ càn khôn ! .Và cũng giống như thế, Khi Hơi Thở Thiêng Liêng hít vào,vũ trụ tan biến đi trong lòng Mẹ vĩ đại lúc đó đang cuộn mình ngủ yên "trong những tấm áo ngàn đời vô hình".

(c) "Vừa có thực thể, vừa là hư vô" chỉ định chính cái Hởi Thở vĩ đại ấy mà chúng ta chỉ có thể nói đến như là Đời sống Tuyệt - Đối, nhưng không thể miêu tả cho trí tưởng tượng của ta biết được dưới 1 hình thức nào của sự sống để ta có thể phân biệt với trạng thái Vô sinh. Theo triết lý bí giáo thì ba thời kỳ : Hiện Tại, Dĩ vãng và Tương lai là một thời gian phức hợp và cả ba đều là một số phức hợp, chỉ liên quan đến cảnh giới hữu hình và không có hiệu lực trừu tượng trên cảnh giới của nguyên thể. Như các Thánh kinh đã nói : "Dĩ vãng là Hiện tại mà cũng là Tương lai nữa, tuy Tương lai chưa hiện hữu mà đã có thực thể rồi". Đúng với lời dạy của Phật giáo Tây Tạng, những tín điều của môn phái này đã thường được người ta biết đến từ khi nó rời bỏ những môn phái thuần túy bí truyền (1) để đi lạc lõng khắp nơi.

(1) [Xin đọc tác phẩm "Mani Kumbum" của tác giả Dzungarian "Cuốn Kinh có 10 000 quy điều". Xin tham khảo cả tác phẩm " Der Buddhismus" của tác giả Wassilief]

Nói tóm lại, những ý niệm của ta về sự tồn tại và thời gian đều tùy thuộc vào những cảm xúc của ta tùy theo những định-luật của sự liên tưởng. Tuy được buộc chặt khăng khít với kiến-thức tương đối của con người, những ý niệm này vẫn không sao có thực thể, ngoại trừ trong kinh nghiệm cá nhân và sẽ chết đi khi tiến hóa lên cao và làm tan rã ảo tưởng của Đời sống hữu hình. Vậy thì thời gian là gì, nếu không phải là sự liên tiếp tổng quát của những trạng thái của lưỡng tri ta. Một Chơn sư đã nói: " Ta bực mình vì phải dùng đến ba danh từ vụng về — Dĩ vãng, Hiện Tại và Tương lai — đó là những quan niệm đáng thương về các giai - đoạn khách quan của đại thể chủ quan, những danh từ này dường như không thích hợp để đạt mục tiêu, giống như 1 cái búa không thích hợp với việc chạm trổ tinh vi. Ta phải hoạch đắc chơn lý tối cao (Paramartha), nếu không thì ta sẽ dễ dàng sa vào cạm bẫy của Samvriti (sự sai lầm phù du và ảo tưởng)— đó là một ngạn ngữ có kí tính cách triết lý (2).

(2) [Nói một cách rõ hơn : Ta phải hoạch đắc sự tự tri để có thể hiểu được Samvriti hay "Căn nguyên của sự sai lầm". Paramartha là tiếng đồng nghĩa với Svasamvedana hay là "hình ảnh được phản chiếu tự tìm hiểu lấy mình". Có một sự dị biệt trong việc giải nghĩa chữ Paramartha giữa các môn phái Yogacharya và các môn phái Madhy amikas (Phật giáo Tây Tạng); tuy nhiên, cả hai bên không bên nào giải được cái ý nghĩa bí truyền thực sự và đúng thực của từ ngữ đó. (Theo sát nghĩa thì Sva là tự, samvedana -sam và ngữ căn vid nghĩa là biết, tóm lại đó là sự hiểu biết trọn vẹn về

cái Ngã). Xin coi câu kinh số 9 (shloka 9) ở cuối 7

7- Không có những căn nguyên của sự sống (a). Cái hữu-hình thuở trước và cái vô hình thuở đó đều nghỉ ngơi trong cõi hư- vô trường tồn tức là thực thể duy nhất (b).

(a) "Những căn nguyên của sự sống " không phải chỉ có nghĩa là những căn nguyên vật chất mà khoa học đã biết ,mà đó là những căn nguyên siêu hình ,căn nguyên chính đại là lòng ham sống ,một sản phẩm của Nhân Duyên và ảo tưởng . Lòng khao khát sống một đời sống nhạy cảm tự biểu lộ ở mọi vật ,từ một nguyên tử cho đến một mặt trời ,và đó là bóng dáng của tư tưởng của Thượng Đế được phóng vào đời sống hữu hình để thành một định luật muốn rằng phải có vũ trụ . Theo giáo lý bí truyền,cái căn nguyên thực sự của lòng khao khát đó vẫ của mọi đời sống thì luôn luôn được giấu - kín ,và khi nó tỏa ra lần đầu tiên ,thì đó là những sự trừu tượng triệt để mà trí con người không thể hiểu được. Dĩ nhiên, những điều trừu tượng này phải được coi như là căn nguyên của vũ trụ hữu hình mà giác quan và trí khôn nhận biết được và phải đứng ở phía sau những mãnh lực thứ yếu phụ thuộc của Thiên nhiên, những thần lực này đã được quần chúng của mọi thời đại nhân cách hóa , và thờ phượng như là những "Thượng Đế" và các "Thần minh". Không sao có thể quan niệm rằng một vật vô căn nguyên ,nếu ta rán tin như thế thì trí ta sẽ là một sự trống rỗng . Sự trống rỗng này là trạng thái tất nhiên của trí ta lúc sau chót ,khi ta cố- gắng đi ngược dòng mà tìm kiếm chuỗi dây nhân quả ,nhưng cả khoa- học lẫn tôn giáo cũng đã lanh lẹ nhảy vội ngay vào trạng thái trống-rỗng này ,vì cả hai đều không biết những điều trừu tượng siêu - hình đó là những căn nguyên duy nhất có thể quan niệm được ,phát sinh ra các hiện tượng vật chất . Những điều trừu tượng này càng ngày càng trở nên cụ thể khi chúng tiến gần tới cảnh giới đời - sống của chúng ta ,cho tới khi,sau chót ,chúng trở thành những hiện tượng ,dưới hình thể của những vũ trụ hữu hình ,do một phương pháp nó chuyển biến khoa siêu hình học thành vật lý học ,giống như khi hơi nước được cô đọng lại thành nước ,và nước đông đặc lại thành nước đá .

(b) Ýniệm về cái "Hư vô trường tồn" tức là "Thực thể Duy - nhất" dường như là một điều mâu thuẫn phi lý đối với ai không nhớ rằng chúng ta hạn định những ý niệm của ta về Sự Sống ,về Thực - thể ,nội trong cái lưỡng tri hiện hữu của ta ,khiến nó trở thành một danh từ đặc biệt ,thay vì là một danh từ chỉ định chủng loại. Nếu 1 hài nhi hãy còn ở trong bụng mẹ mà có thể suy nghĩ được như

ta thường quan niệm ,thì dĩ nhiên nó sẽ theo một đường lối tưởng tự mà hạn định cái ý niệm của nó về đời sống nội trong phạm - vi của đời sống nơi tử cung ,vì nó chỉ biết có mỗi một lối sống đó mà thôi ,nếu nó cố gắng diễn tả cái ý niệm về đời sống sau khi rời bụng mẹ (đó là một sự chết đối với đời sống trong tử cung)thì vì thiếu tài liệu để làm căn cứ ,và vì thiếu năng khiếu để hiểu các tài liệu đó ,dĩ nhiên,nó sẽ nói rằng đời sống ngoài bụng mẹ là "Hư vô mà cũng là đời sống thực sự ".

Trong trường hợp của chúng ta ,Đời sống Duy Nhất là Thực-thể của mọi Thực thể ,các thực thể này là nền tảng của mọi hiện-tượng ,như ta đã biết ,và chúng truyền lại cho những hiện tượng này 1 vẻ thực tại nhiều hay ít ,nhưng hiện giờ ta chưa có đủ giác quan và tri thức để nhìn nhận điều đó .Các nguyên tử nhỏ li ti của vàng được chứa rải rác trong 1 tấn quặng vàng ;mắt người thợ mỏ không thể nhìn thấy chúng được ,vậy mà không những y biết có vàng trong quặng ,y lại còn biết chính những nguyên tử vàng đó đã khiến cho khối quặng có giá trị ,và mối liên quan giữa vàng và quặng có thể hình dung được phần nào sự liên quan giữa thực thể và hiện tượng . Người thợ mỏ biết rằng ,khi được gạn lọc và rút ra ở quặng ra ,thì vàng sẽ đẹp như thế nào ,còn người thường thì không sao có thể quan niệm được cái thực tướng của sự vật ,nó không dính líu gì đến cái màn ảo tưởng che phủ và chôn vùi nó . Chỉ riêng người đã được điểm đạo có rất nhiều kiến thức của biết bao thế hệ tiền bối truyền lại,mới hướng'con mắt của Dangma'vào chất tinh hoa của sự vật ;ảo tưởng không sao có thể ảnh hưởng đến chất tinh hoa này.

[Dangma :Linh hồn đã được tinh luyện]

Chính ở nơi đây;những giáo lý của triết học bí truyền liên quan đến thập nhị nhân duyên (Nidanas) và Tứ diệu đế trở nên hết sức quan trọng ;nhưng đó là những giáo lý bí mật.

8- <u>Đơn độc một mình, Hình Hài Duy Nhất của Sự Sống (a) lan tràn vô biên giới ,vô cùng tận,vô thủy,trong giấc ngủ không mộng mị (b) và Đời Sống Vô tri thức đập nhịp trong Không Gian vũ trụ suốt trong thời gian Đại thể hiện diện mà con mắt giác ngộ của Dangma (1) cảm thấy được</u> .

(1) [Ở Ấn Độ,đó là'con mắt của Shiva',nhưng ở bên kia dãy núi vĩ đại Hy mã lạp sơn ,nói theo danh từ bí giáo thì đó là con mắt giác ngộ của Dangma". Dangma nghĩa là một linh hồn đã được tinh luyện ,một người đã trở thành một Đấng Jivanmoukta (Đấng đã giải thoát,LND) ,một vị Chơn Tiên tối cao hay một vị Mahatma .Con

"mắt giác ngộ " của Ngài là con mắt thiêng liêng nội tâm của kẻ có thần nhãn theo ý nghĩa thông thường ,nghĩa là quyền năng có thể nhìn xa ,mà là cái năng khiếu trực giác thiêng liêng khiến ta có thể biết một cách trực tiếp và chắc chắn. Năng khiếu nàycó liên quan mật thiết đến "Con Mắt thứ ba"; theo truyền thuyết thần thoại ,thì có một số giống dân có con mắt thứ ba đó _/

(a) Tư tưởng hiện thời có xu hướng quay về ý niệm cổ xưa, cho rằng những sự vật bề ngoài rất khác nhau ,lại có một nềntảng đồng nhất — sự đồng nhất phát sinh sự dị biệt.Các nhà sinh vật-học hiện đang tìm kiếm nguyên bình chất (protoplasm)đồng nhất của họ ,trong khi đó thì khoa học tìm kiếm cái mãnh lực nào ,khi được biến hóa,thì phát sinh ra điện lực ,từ lực,nhiệt độ v.v...

Giáo Lý Bí Truyền mang ý niệm này vào lãnh vực siêu hình học và giả định là có "Một Hình thức Duy nhất của đời sống",đó là nền tảng và căn nguyên của vạn vật . Nhưng có lẽ từ ngữ" Một Hình Thức Duy Nhất của Đời Sống" không được thích đáng. Danh từ Bắc Phạn là Prabhavapyaya , "nơi chốn (hay là cảnh giới)của căn-nguyên trong đó mọi vật được kết thúc" - như 1 lời bình luận đã nói . Đó không phải là "Mẹ của Thế gian" như ông Wilson (1)dịch ,vì như ông Fitzedward Hall đã chứng minh Jagad Yoni không phải thật là "Mẹ của Thế Gian" hay là "Cái Tử Cung chứa đựng Thế-Gian" ("Womb of the World")(2) ,mà là "Căn nguyên vật chất của Thế - Gian"("Material Cause of the World").

(1) _ Kinh Vishnu Purana, I, chương II,trang 20_/
(2) _ Như trên, I ,chương II,trang 21 _/

Các nhà bình luận Kinh Purana giải nghĩa đó là Karana,"Căn nguyên",nhưng Triết lý bí giáo thì lại giải nghĩa đó là cái Tinh thần lý tưởng của xxx căn nguyên ấy. Trong giai đoạn thứ yếu của nó thì đó là Svabhavat của triết gia Phật giáo ,Nhân và quả xx Trường Tồn ,hiện diện khắp nơi những trừu tượng ,đó là cái Tinh-hoa và Cội rễ mềm dẻo và tự tồn của vạn vật ,được quan niệm dưới 1 góc cạnh nhị nguyên ,giống như khi người theo môn phái Vedanta nhận xét về Parabrahman và Mulaprakriti vậy ,một thực thể duy - nhất có 2 khía cạnh.

Dường như thật là một sự kỳ lạ khi ta thấy các nhà học-giả uyên thâm nghiên cứu về khả năng của học thuyết Vedanta và nhất là của học thuyết Uttara Mimamsa ,lại cho rằng những học thuyết đó được phát sinh ra từ các giáo lý Phật giáo ,nhưng thực ra,sự thực trái ngược hẳn ;chính Phật giáo,giáo lý của Đức Phật Gautama đã được phát sinh và hoàn toàn xây dựng căn cứ trên các nguyên

lý của Giáo Lý Bí Truyền , ở nơi đây,người ta đang cố gắng phác-họa 1 phần nào giáo lý đó ,chính Thánh Kinh Upanishads cũng được căn cứ trên giáo lý bí truyền này (1).

(1) 〔 Vậy mà ,1 người rất có thẩm quyền ,Sir Monier Williams giáo sư dạy tiếng Bắc Phạn ở Oxford ,người miền Boden (miền Bắc à nước Anh) đã vừa chối bỏ sự kiện này . Trong khi đọc diễn văn thường niên trước học viện Victoria của nước Anh ngày 4-6-1888, ông đã nói với thính giả rằng :"Ngay lúc khởi đầu,Phật giáo đã chống với mọi thứ khổ tu đơn độc ... để hoạch đắc được nhữngkiến thức tối cao . Tôn giáo này không có 1 hệ thống giáo lý huyền-bí và bí truyền được giữ ngoài tầm tay của thế nhân"(! !) . Và rồi, ông lại nói :" Khi Đức Phật Gautama bắt đầu thuyết pháp thì rất ít người biết đến pháp môn yoga thấp kém và mới có . Và rồi,nhà diễn giả thông thái này lại tự mâu thuẫn với mình ngay ,ông nói với thính giả rằng ; "Nhờ tác phẩm Lalita Vistara ,chúng ta được biết rằng trong thời kỳ sinh tiền của Đức Gautama ,rất thường có nhiều việc tự hành xác ,hãm mình và khổ tu"(!!) . Nhưng dường như diễn giả hoàn toàn không biết rằng sự tự hành xác và hãm mình đó chính là pháp môn yoga thấp kém là Hatha yoga , nó vừa "ít được người ta biết đến",vừa "rất thường có" trong thời sinh tiền của Đức Gautama 〕

Theo những giáo lý của Shri Shankaracharya thì người ta không sao phủ nhận được lời tranh biện này của chúng tôi(2).

(2) 〔 Người ta còn cải rằng sáu Darshanas hay 6 Môn Phái Triết học có mang dấu vết và chịu ảnh hưởng Đức Phật ,vì các môn phái này được phát sinh tự Phật giáo hay tự giáo lý Hy lạp !(Xin đọc tác phẩm của các ông Weber,Max Muller v.v...). Chúng tôi thiết tưởng ông Colebrooke,"Người có thẩm quyền tối cao"về các vấn đề này đã giải quyết câu chuyện từ lâu ,khi chứng minh rằng: "trong trường hợp này những người Ấn Độ là những bậc thầy ,chớ không phải là học trò 〕

(b)"Giấc ngủ không mộng mị" là 1 trong 7 trạng thái của lưỡng tri theo bí giáo Đông phương. Trong mỗi thành phần này,mỗi thành phần khác nhau của cái trí lại tác động ,hay nói theo môn-phái Vedanta ,thì cá nhân nhận thức được mỗi cảnh giới khác nhau của bản thể mình. Trong trường hợp này,danh từ "Giấc "ngủ Không Mộng mị" được áp dụng một cách tượng trưng cho vũ trụ để diễn tả 1 trạng thái tương tự giống như trạng thái của lưỡng tri con người; khi y thức tỉnh,y không nhớ được trạng thái đó ,nên dường như đó là 1 sự trống rỗng ,giống như giấc ngủ của 1 người bị thôi miên ;khi trở lại trạng thái bình thường, y thấy trong lòng có 1 khoảng trống vô ý thức ,mặc dầu y đã nói năng,hành động như người

tỉnh táo .

9- Những Dangma ở đâu khi Linh Hồn (Alaya) của vũ-trụ(1) ở Paramartha (a)(2) và khi Bánh Xe lớn là cảnh Đại Niết Bàn (Anupa-daka)(b) ?

(1) [Linh hồn ,hay là Anima Mundi ,nền tảng của vạn vật]

(2) [Đời Sống hay Lưỡng tri tuyệt đối ,nó cũng là Hư-Vô Tuyệt Đối]

(a) Nơi đây,chúng ta đề cập đến đề tài của sự tranh luận theo triết lý kinh viện (3) trong hàng bao thế kỷ.

(3) [Triết học kinh viện chủ trương rằng phải phân tách lòng tín ngưỡng hay tôn giáo ra khỏi lý trí và khoa học.LDG]

Hơn mọi danh từ thần bí nào khác,hai danh từ "Alaya" và "Paramartha" đã là lý do để các môn phái chia rẽ nhau và chia cắt chân lý thành nhiều khía cạnh khác nhau . Alaya là Linh Hồn của thế gian hay là Anima Mundi — Đại Hồn của Emerson —theo giáolý bí truyền thì hồn này thay đổi bản chất tùy theo các chu kỳ .Tuy nó trường tồn và bất biến trong cái tinh hoa nội tâm của nó trên những cảnh giới cao siêu mà con người hay các vị thần minh trong vũ trụ (các vị Thiền Định Phật,Dhyani Buddhas) cũng không lên tới được ,Alaya vẫn thay đổi trong thời kỳ hoạt động ở những cảnh giới thấp bao gồm các cảnh giới của chúng ta . Trong thời giandó ,không những các vị Thiền Định Phật được hợp nhất với Alaya nơi Linh hồn và Tinh hoa ,nhưng cả con người giỏi về môn yoga (Tham-Thiền Thần bí :Mystic Meditation) "cũng có thể hợp nhất linh-hồn mình với Alaya" như Đức Arŋasanga của môn phái Yogacharya đã nói .

Đó không phải là Niết Bàn ,mà là 1 trạng thái gần với Niết Bàn . Do đó mà có sự bất đồng ý kiến . Trong khi môn phái Yogacharya của Đại thừa nói rằng Alaya (Nyingpo và Tsang,nói theo tiếng Tây Tạng) là hiện thân của sự trống rỗng ,nhưng Alaya cũng là nền tảng của mọi vật hữu hình và vô hình ,vẫn mặc dầu Alaya trường tồn và bất biến trong chất tinh hoa của nó,nó vẫn tự phản chiếu trong vạn vật trong vũ trụ "giống như mặt trăng soi trên mặt nước trong suốt và êm ả"; các môn phái khác tranh luận về lời tuyên bố này . Đối với danh từ Paramartha cũng vậy. Môn phái Yogacharya cho rằng danh từ này nghĩa là điều phải tùy thuộc vào các vật khác (paratantra),và môn phái Madhyamikas nói rằng Para-martha bị hạn định cho tới Paranishpanna hay là sự Toàn Thiện , Toàn Mỹ tuyệt đối ; nghĩa là trong khi trình bày hai chân lý đó, trong số 4 chân lý ,môn phái trên chủ trương rằng ở cõi hồngtrần dù sao cũng chỉ có Samvritysatya hay là Chân lý tưởng đối màthôi

và môn phái sau dạy rằng có Paramartha-satya,Chân lý Tuyệt Đối(1).

(1) ["Paramarthasatya" là tự tri thức,Svasamvedana hay là sự phản chiếu tự phân giải — do parama nghĩa là tối cao ,và art -ha nghĩa là thông hiểu .— satya nghĩa là thực thể chân như tuyệt đối ,là bản tính. Theo tiếng Tây Tạng thì Paramarthasatya là Kundzab-chi-denpa,"cái bề ngoài phát sinh ra ảo tưởng"(Samvri -ti —xin coi cuốn IV ,phần ngũ giải]

"Hỡi các vị Hành khất,không một vị La hán nào có thể hoạch đắc được sự toàn tri (kiến thức tối cao)trước khi được hợp nhất với Đại Niết Bàn (Paranirvana).Parikalpita và Paratantra là hai kẻ đại thù của vị ấy"(2).

(2) [Tác phẩm Aphorisms of the Bodhisattvas]

Parakalpita (theo tiếng Tây Tạng ,thì đó là Kun-tag) là sự sai lầm của những kẻ không đủ sức để nhận thức được sự trống-rỗng và tính cách mộng ảo của vạn vật ,họ tưởng có những sự vật, nhưng thực ra không có gì cả — thí dụ như Vô Ngã. Và Paratantra là bất cứ điều gì chỉ tồn tại nhờ vào 1 sự liên hệ phụ thuộc hay nguyên thủy ,khi căn nguyên của nó được đổi đi thì nó tan rã ngay thí dụ ngọn lửa của tim đèn. Nếu ta phá hủy hay tắt ngọn lửa đi, ánh sáng biến đi ngay.

Triết học bí truyền dạy rằng vạn vật đều sống động và thức tỉnh ,nhưng tất cả mọi đời sống và mọi lưỡng tri đều không giống đời sống và lưỡng tri con người,cũng không giống đời sống và lưỡng tri của loài vật nữa. Chúng ta coi đời sống như là một Hình Thức Sinh Hoạt Duy nhất được biểu lộ trong cái được gọi là vật chất ,hay trong cái mà ta gọi là Tinh Thần ,Linh hồn và Vật-chất trong con người —ta đã phân chia những cái đó một cách lầm lạc . Vật chất là vận cụ để linh hồn tự biểu lộ trong cảnh hồng-trần này ; và ở một cảnh giới cao hơn ,Linh hồn là 1 vận cụ để Tinh thần tự biểu lộ , và ba cái đó là một tam thể được liên kết với nhau nhờ đời sống thấm nhuần chúng ,cái ý niệm về Đời Sống Phổ quát là 1 trong những quan niệm cổ xưa ,nay lại quay về với trí óc con người trong thế kỷ này ,đó là vì trí óc con người đã được giải thoát ra khỏi khoa thần học Thượng Đế giống hình người (anthropomorphic theology). Quả thật,khoa học lấy làm mãn nguyện khi vạch hay nêu ra những giả thuyết về những dấu vết của Đời Sống Phổ Quát ,nhưng khoa học vẫn chưa đủ gan dạ để nói thí thầm "Ani -ma Mundi" !Ý niệm về "sự sống kết tinh"('crystalline life') hiện nay rất quen thuộc với khoa học đáng lẽ ra phải được khám phá từ nửa thế kỷ trước . Hiện nay,các nhà thảo mộc học đang nghiên cứu về dây thần kinh của các loại cây ,không phải vì họ tỷ dụ rằng cây

cối có thể cảm xúc và suy nghĩ như loại vật,nhưng vì họ nghĩ rằng phải có 1 sự cấu tạo nào đó có liên quan về cơ năng với đời sống thảo mộc,giống như các dây thần kinh có liên quan về cơ năng với đời sống của động vật,để giải nghĩa sự dinh dưỡng và phát triển của cây cối . Vì cứ dùng mãi những danh từ suông như "động lực", "năng lực" rất có thể rồi khoa học sẽ không hiểu được rằng những vật có chứa sự sống thì đều là những sinh vật ,dù chúng là nguyên tử hay hành tinh.

Độc giả có thể hỏi: Nhưng còn các trường Bí Giáo ở vòng trong thì tin tưởng như thế nào ? Các "Phật giáo đồ"Nội Môn có những giáo lý gì để nói về đề tài này ?Chúng tôi xin trả lời rằng đối với họ,danh từ Alaya có hai ,và có đến ba ý nghĩa . Trong hệ thống tư tưởng của môn phái Yogacharya thuộc Đại thừa ưa trầm tư mặc tưởng ,thì Alaya vừa là Đại Hồn của vũ trụ ,Anima Mundi ,vừa là Chơn ngã của 1 vị Chơn tiến cao cả . "Ai giỏi về pháp môn Yoga thì có thể lấy ý chí ,nhờ sự tham thiền mà làm cho Alaya(Linh hồn)của mình nhập một với cái thực thể của Đời sống". Đức Aryasanga ,người đối lập với Đức Nagarjuna(1) nói:"Alaya có 1 đời sống trường tồn và tuyệt đối".

(1) [Đức Arxasanga là một vị Chơn tiến ở thời kỳ tiền Cổ-Đòc và là vị sáng lập một trường Bí giáo Phật giáo ,mặc dù ông Csoma de Koros không biết vì lý do nào đã nói rằng Ngài sống vào thế kỷ thứ 7 sau Thiên Chúa . Có người khác cũng nói rằng Aryasanga đã sống trong những thế kỷ đầu tiên của Tây lịch kỷ nguyên , có lẽ nhà học giả Hung Ga Ri này đã lầm về hai vị đó]

Theo 1 ý nghĩa ,thì đó là Pradhana ,được giải nghĩa trong kinh Vishnu Purana như sau :"Các nhà hiền triết nổi tiếng nhất , thường trịnh trọng gọi cái căn nguyên chủa biến hóa là Pradhana, nền tảng nguyên thủy ,nó cũng là Prakriti tinh vi,nghĩa là trường tồn vừa có thực thể (hay bao gồm thực thể),vừa là hư vô (hay bao gồm hư vô),hay chỉ giản dị là sự diễn tiến mà thôi(2).

(2) [Kinh Vishnu Purana I,chương II,trang 20,những ghi chú ở cuối trang]

"Cái nguyên do lộ liễu đồng đều vừa là nhân vừa là quả,mà những ai thấu triệt những nguyên lý đầu tiên đều gọi là Pradhana và Prakriti ,là Đức Brahma bất khả tri đứng trên vạn vật"(3), nghĩa là Đức Brahma không thúc đẩy sự tiến hóa hoặc sáng tạo ra cái gì cả,Ngài chỉ phô bày nhiều khía cạnh khác nhau của sự tiến hóa ,một khía cạnh là Prakriti ,đó là 1 cục diện của Pradhana.

(3) [Kinh Vishnu Purana,do Wilson ,I,chương II,trang 21 ; trích ở đoạn kinh Vayu Purana]

Dù sao "Prakriti" cũng là 1 danh từ không xác đáng ,và danh-từ Alaya có ý nghĩa rõ hơn ,vì Prakriti không phải là "Đức Brahm ma bất khả tri". Các học giả và những ai không biết một chút gì về sự phổ quát của các giáo lý Huyền linh từ nơi nguồn cội của các giống dân ,đã chối bỏ ý niệm về sự "thiên khải căn bản",đã đều lầm lẫn khi họ giảng dạy rằng nếu người ta biết đến Anima Mundi ,Đời Sống Duy Nhất hay Đại Hồn Vũ trụ ,thì đó là nhờ ông Anaxagoras hay nhờ thời đại của ông ,triết gia này đã trình bày giáo lý một cách đơn giản để chống đối với những quan niệm quá duy vật của Democritus về sự tạo lập vũ trụ , Democritus căn cứ vào những nguyên tử được thu hút một cách mù quáng mà tạo nên lý thuyết công truyền của ông ta. Tuy nhiên, Anaxagoras ở Clazomenae cũng không phải là người sáng lập ra giáo lý đó,ông chỉ là người truyền giáo mà thôi, giống như Plato vậy . Cái mà ông gọi là Trí Khôn của Thế gian(Mundane Intelligence),Nous, cái nguyên lý theo ông nghĩ đã được hoàn toàn tách rời ,thoát khỏi vật chất và hăng tác động theo mục đích ,thì ở Ấn Độ từ bao thời đại,trước năm 500 trước Thiên Chúa ,đã được gọi là sự Chuyển Động(Motion),Đời Sống Duy Nhất hay Jivatma . Nhưng các triết gia Aryan không bao giờ gắn cái đặc tính hữu hạn là sự "Suy Nghĩ" (1)cho nguyên lý đó ; theo quan niệm của họ thì nguyên lý này có tính cách vô cùng tận ,vô hạn định .

(1) [Tôi muốn nói đó là sự tự tri có hạn định . Vì biết làm cách nào để Cái Tuyệt Đối có thể biết được sự tự tri có hạn-định ấy, nếu không lấy tư cách là một trạng thái đơn thuần mà thôi ? Cái trạng thái tương tự và cao nhất mà ta biết được,đó là lưỡng tri con người]

Dĩ nhiên,điều này dẫn ta đến"Tinh Thần tối cao"của ông Hegel và của những triết gia Đức theo thuyết Tiên nghiệm —đây là 1 sự mâu thuẫn có lẽ cần phải nói rõ ra .Các môn phái của ông Schelling và Fitht đã rất bất đồng ý kiến ngay từ quan niệm cổ - xưa và căn bản về nguyên lý tuyệt đối ,và đã chỉ phản chiếu một khía cạnh của ý niệm căn bản của môn phái Vedanta thôi. Ngay cả đến cái "Tinh thần tuyệt đối"(Absoluter Geist)được Von Hartmann trình bày trong triết lý bi quan "Vô tri thức" của ông ,có lẽ là một bước tiến của sự suy luận Âu châu ,tiến đến thật gần giáo-lý Advaita của Ấn Độ ,thật chỉ còn có chút xíu nữa thôi.

Theo Hegel,cái "Vô tri thức" không bao giờ đảm đương công việc vĩ đại và khó nhọc là làm cho vũ trụ tiến hóa, ngoại trừ với hy vọng sẽ đạt được 1 sự tự tri minh bạch . Về điều này,ta nên nhớ rằng khi dùng từ ngữ "Vô trí thức" để chỉ Tinh Thần ,

thấm nhuần cả Th iên Nhiên là một quan niệm triết lý cổ xưa nhất. Chất Arcaeus không phải do ông Paracelsus hay học trò của ông là Van Helmont khám phá ra,vì chất Archaeus ấy là "Dĩ thái cha"("Fa ther -Ether"),căn bản và nguyên cội hữu hình của vô số hiện tượng của đời sống -đã được ấn định nơi chỗ. Tất cả vô số những sự suy luận như thế chỉ là những biến thể của 1 đề tài duy nhất mà âm -thanh chính đại đã được vang lên trong sự tiết lộ căn bản này.

(b) Danh từ"Anupadaka",vô phụ mẫu,hay là vô tổ tiên ,là một danh từ thần bí có nhiều nghĩa trong triết học của chúng ta. Người ta thường dùng danh từ này để chỉ các Đấng Thiêng liêng,các Thiền Định Đế Quân hay Thiền-Định Phật .Một cách thần bí ,các Ngài tương đương với các vị Phật Sống (human Buddhas) và Bồ Tát, thường được gọi là Manushi Buddha ,các Ngài cũng được gọi là Anupadaka ,một khi trọn vẹn tự ngã (personality)được hợp nhất với thể Thứ sáu và Thứ bảy của các Ngài ,hay là Atma-Buddhi và các Ngài đã có "Linh hồn Kim cương"(Diamond-Souled)(các Đấng Vajrasattva(1) hay là Mahatma trọn vẹn). "Đấng Cao Cả ẩn tàng"(Sangbai Dag-po),"Đấng đã hợp nhất được với Tuyệt Đối" thì không thể có phụ mẫu được ,vì Ngài là Đấng Tự Tồn và được hợp nhất với cái Tinh Thần Thiêng liêng của vũ trụ (Svayambhu),(2) Svabhavat trong trạng-thái cao siêu-nhất.

(1) 〔 Vajrapâni hay Vajradhara nghĩa là kẻ giữ kim cương ;theo tiếng Tây Tạng thì đó là Dorje-sempa ,sempa nghĩa là linh hồn,cái tính chất cứng rắn của nó liên quan đến sự bất hư hoại từ nay trở đi .Lời giảng giải về Anupadaka trong tác phẩm Kâla Chakra ,lời giảng giải đầu tiên trong đoạn Gyut(Gyud)của Kinh kanjur thì bán bí truyền (bí truyền 1 nửa).Lời giảng giải này đã dẫn dắt các học-giả khảo cứu văn hóa Đông phương đến những suy luận sai lầm về các vị Thiền Định Phật (Dhyani Buddhas) và các hóa thân của các Ngài trên trái đất là các vị Phật Sống (Manushi Buddhas).Cái nguyên lý thực-sự sẽ được nói đến trong các sách sau 1 cách xa xôi và được giải -nghĩa đầy đủ hơn trong 1 vị trí dành riêng cho nó 〕

(2) 〔 Nơi đây xin trích lại một đoạn văn của ông Hegel ;ông này và ông Schelling ,trên thực tế ,đã chịu nhận cái quan niệm phiếm thần về các Đấng Hóa thân của Thượng Đế theo chu kỳ (những kiếp đặc -biệt của Tinh Thần Thế gian đầu thai vào nơi con người ,như đã được chứng kiến trong trường hợp của tất cả các nhân vật vào cả cải cách tôn giáo):"Cái tinh hoa của con người là Tinh Thần ...y chỉ cần lột bỏ cái tính cách hạn định của y đi và hàng phục sự tự tri thuần khiết là y hoạch đắc được chân lý ngay .Con người có bản-chất của Đức Christ chứa đựng nơi mình sự hợp nhất giữa Thượng-Đế với con người (sự đồng nhất của lưỡng tri cá nhân với Đại lưỡng-tri của vũ trụ như các môn phái Vedanta và một số các môn phái Advaita

đã thường truyền dạy) khi y chết và trong lịch-sử của y , y thường trình bày ra câu chuyện hay cái lai lịch thường tồn của Tinh-thần— 1 sự diễn tiến mà bất cứ người nào cũng phải hoàn thành để có thể tồn tại như là 1 Tinh Thần"—Tác phẩm "Philosophy of History"(Triết lý của lịch sử)bản dịch ra Anh-văn của ông Sibree,trang 340_7

Sự bí mật về đẳng cấp Anupadaka là 1 sự bí mật thâm sâu,chót đỉnh của nó là Đại Hồn và Tinh Thần thiêng liêng của Vũ-trụ,và cấp bậc thấp nhất của nó là các vị Phật Sống ,và mỗi con người có linh hồn cũng là 1 sự Anupadaka tiềm tàng .Vì vậy,khi nói đến vũ-trụ trong cái trạng thái vô hình ,trường tồn và tuyệt-đối của nó,trước khi nó được các vị tạo tác nhào nặn thành hình —người ta mới dùng đến từ ngữ này :"Bánh xe lớn (Vũ-trụ)là Anupadaka".

ĐOẠN THÁNH KINH 2

1....<u>Các Vị Tạo Tác,các Người Con chói sáng của buổi Bình - Minh của Đại Kiếp,thuở đó thì ở đâu ? (a).... ở trong sự tối tăm Huyền Bí ,trong Ah-Hi(1) Paranishpanna.Các vị Sáng Tạo ra Hình - hài(2) tự cõi vô hình(3)— nguồn cội của thế gian —Devamatri(4) và Svabhavat nghỉ ngơi trong cõi Chí phước của Hư vô.</u>

(1) _7 Cảnh giới của các vị Đế Quân và Thiền Định Phật _7

(2) _7 Rupa (hữu hình) _7

(3) _7 Arupa (vô hình) _7

(4) _7 "Mẹ của các vị thần minh", Aditi hay là Không gian trong vũ trụ . Trong Kinh Zohar,người ta gọi Ngài là Sephira ,Mẹ của các vị Sephiroth (các nguồn thần lực sáng tạo do Thượng Đế phát-sinh) và là Shekinah,là làn ánh sáng Tiên thiên khí đầu tiên,tấm màn mỏng vật chất đầu tiên che phủ lên Tuyệt Đối _7

(a) "Các Vị Tạo Tác","Các Người Con chói sáng của buổi Bình-Minh Đại Kiếp" là những Đấng Sáng Tạo thực sự ra vũ trụ,và trong giáo lý này ,Vũ trụ chỉ có nghĩa là hệ thống hành-tinh của chúng ta ;vì các Ngài là Kiến trúc sư của Hệ thống hành tinh này,chonên người ta cũng gọi các Ngài là "Những vị trông coi Bảy Bầu", theo giáo lý công truyền đó là bảy bầu hành tinh ,và theo giáo lý Bí truyền thì đó cũng là 7 Địa cầu (hay trái cầu) của dãy chúng ta. Trong câu mở đầu của Đoạn Thánh Kinh 1 ,khi đề cập đến "Bảy Đại Kiếp Trường Tồn" thì danh từ này được áp dụng cho 1 Mahakalpa hay "1 đời của Brahma"(311 040 000 000 000 năm ,LND) và cũng áp-dụng cho chu kỳ Hỗn nguyên trong thái dương hệ (Solar Pralaya) và cho sự hồi sinh kế tiếp của hệ thống hành tinh của chúng ta trên một cảnh giới cao hơn . Có nhiều thời kỳ U-minh khác nhau (sự tan rã

của một vật hữu hình) như sẽ được chứng minh sau này .

(b) Xin nhớ rằng Paranishpanna là Summun bonum(1) là Tuyệt-Đối, đồng nghĩa với Đại Niết Bàn (Paranirvana).

(1) ⌜ Điều Toàn thiện toàn mỹ ⌟

Không những đó là trạng thái rốt ráo,tuyệt đỉnh,đó còn là trạng thái chủ quan,không liên lạc với bất cứ vật gì ngoại- trừ Chân Lý Tuyệt Đối và Duy Nhất (Paramarthasatya)trên cảnh giới riêng biệt của nó. Đó là trạng thái khiến ta thưởng thức được 1 cách xác đáng cái ý nghĩa trọn vẹn của Hư vô (Non -Being) nó chính là Thực Thể Tuyệt Đối (Absolute Being)như đã được giải nghĩa ở đoạn trên.

Không sớm thì muộn,tất cả những gì <u>dường như</u> đang được tồn-tại ,sau sẽ thực sự được ở trong trạng thái Paranishpanna . Nhưng có 1 sự khác nhau rõ rệt giữa đời sống <u>Tri-thức</u> và <u>Vô tri-thức</u> . Trạng thái Paranishpanna mà không có Paramartha tức là cái lưỡng tri tự phân tích và hiểu lấy mình (Svasamvedana) thì không phải là trạng-thái Chí phước ,đó chỉ là sự tiêu diệt trong Bảy Đại Kiếp Trường tồn .Cũng giống như 1 cục sắt được đặt dưới ánh nắng gay - gắt của mặt trời thì sẽ bị nóng lên ,nhưng nó không cảm thấy hay thưởng thức được sức nóng giống như con người . Chỉ khi nào "có 1 cái trí sáng suốt,không bị phàm nhân làm cho tối tăm đi,và khi nào hiểu được công đức của vô số Đời sống đang tự hiến dâng cho Đại-Thể (toàn thể Vũ trụ nhạy cảm và sống động)" thì con người mới có bỏ được đời sống cá nhân để đắm mình vào hợp nhất với Tuyệt Đối(2) và tiếp tục hoàn toàn chiến thắng được Paramartha (3).

(2) ⌜ Do đó,Hư vô là "Thực thể Tuyệt-Đối" theo triết lý bí-truyền. Theo nguyên lý của triết lý này,cả đến Adi-Buddha(Sự Minh Triết đầu tiên hay cơ bản)nếu hữu hình thì cũng chỉ là ảo-tưởng, là Maya theo 1 ý nghĩa nào đó ,và tất cả các vị Thần minh ,kể cả Brahma đều phải chết khi 1 đời của Brahma (Age of Brahma) chấm-dứt . Điều trừu tượngđược gọi là Parabrahman -hoặc chúng ta gọi nó là Ain Soph ,hay bắt chước ông Herbert Spencer mà gọi nó là điều Bất Khả Tri(The Unknowable) —là Thực Tại Tuyệt Đối Duy Nhất. Đời sống độc nhất vô nhị là Advaita,"Vô nhị";mọi thứ còn lại đều là ảo-tưởng ; Triết lý Advaita dạy thế đó ⌟

(3) ⌜ Paramartha : chân lý ⌟

2- ..... <u>Thuở đó,sự Im Lặng ở đâu ? Những lỗ tai để cảm thấy sự Im Lặng thì ở đâu ? Không, thuở đó không có sự Im Lặng , cũng không có âm thanh (a) ;không có gì hết ngoại trừ Hơi Thở(4) Trường tồn không ngừng nghỉ ,nó không tự tri được (b).</u>

(4) ⌜ Sự di chuyển ⌟

(a) Cái ý niệm chủ trương rằng mọi vật có thể không còn tồn tại nữa mà vẫn có Thực thể ,là ý niệm căn bản của tâm lý học Đông phương. Dưới sự mâu thuẫn bề ngoài về danh từ này,có 1 sự thật trong Thiên nhiên,điều quan trọng là cần phải lấy cái trí mà thông hiểu nó chứ đừng dùng danh từ mà tranh luận về nó . Một thí dụ rất thông thường điển hình cho 1 sự mâu thuẫn tương tự là sự phối hợp của các hóa chất. Vấn đề tìm hiểu xem khinh khí và dưỡng khí có mất đi không ,khi chúng phối hợp với nhau để tạo ra nước là 1 vấn đề có thể mang ra thảo luận được ;có người nói rằng ,khi nước bị phân tích thì người ta lại tìm thấy khinh-khí và dưỡng khí ;vậy hai thứ khí này từ trước đến giờ vẫn còn đó; những người khác thì lại viện lẽ rằng vì hai thứ khí đó đã được biến đổi thành một chất hoàn toàn khác hẳn ,thì trong lúc này , chúng không còn là chúng nữa; nhưng không nhóm người nào có thể hiểu biết đôi chút về cái trạng thái đúng thật của 1 vật ,nó đã trở nên một cái gì khác mà vẫn tiếp tục là nó . Đối với dưỡng-khí và khinh khí ,thì sống dưới hình thức của nước là ở trong 1 trạng thái Hư vô ,người ta có thể nói như vậy ,trạng thái này là 1 "Thực Tại đích thật hơn "là khi chúng sống dưới hình thức của khí hơi, và điều này có thể tượng trưng phần nào cho cái trạng thái của vũ trụ khi nó ngủ hay không tồn tại nữa ,trong những đêm của Brahma, để rồi lại thức dậy và lại hiện ra ,khi buổi Bình Minh của Đại-Kiếp Mới lại làm cho vũ trụ hồi sinh.

(b) Từ ngữ "Hơi Thở" của Đời Sống Duy Nhất được nền Bí-giáo cổ xưa dùng để chỉ định cái khía cạnh thiêng liêng của sự tạo - lập vũ trụ ,nếu không thì người ta lại phải dùng 1 danh từ tương đương của cõi hồng trần - Sự Di chuyển.Cái nguyên tố trường tồn Duy nhất ,hay là cái vận cụ chứa đựng Nguyên tố ,là vũ trụ không có kích thước bất cứ theo chiều hướng nào ,cùng tồn tại với Thời gian Vô Tận, Vật chất căn bản (và vì vậy mà không thể hủy hoại được) và sự di chuyển—Tuyệt Đối "Sự Di chuyển không ngừng" , nó là"Hơi thở" của "Nguyên tố Duy Nhất". Như ta đã thấy, Hơi thở này không bao giờ có thể ngừng nghỉ , dù trong những thời kỳ U Minh Trường tồn cũng vậy .

Nhưng dù sao thì"Hơi thở" của Đời Sống Duy Nhất cũng không chỉ định cái Căn Nguyên duy nhất Vô Thủy hay là Đời Sống của Đại Thể (All-Be-ness) đối lập với Đại Thể (All-Being) tức là Brahma hay vũ trụ . Brahma,vị Thượng Đế có 4 mặt ,sau khi đã nhấc trái đất lên khỏi nước ,sau khi "đã hoàn thành sự sáng tạo", đã chỉ được coi như là 1 Dụng Cụ chứ không phải là Căng Nguyên Lý-tưởng như người ta đã nói rõ . Không 1 học giả nghiên cứu văn - khoa Đông phương nào đã có vẻ hoàn toàn thông hiểu cái ý nghĩa

thực sự của những câu thơ trong kinh Puranas khi đề cập đến sự "sáng tạo".

Trong kinh này,Brahma là căn nguyên của mọi tiềm lực , chúng sẽ phát sinh sau này để làm cái công việc"sáng tạo". Như trong kinh Puranas (1),đoạn văn dịch :"và ở Ngài có những tiềm lực sẽ được tạo ra sau khi chúng trở thành cái căn nguyên thiệt-thọ" ,có lẽ sẽ đúng hơn nếu được dịch như sau :"và ở Cái đó ,có những tiềm lực sau này chúng sẽ tạo ra vũ-trụ khi chúng trở thành căn nguyên thiệt thọ (trong cảnh hồng trần)".Ngoại trừ cái Căn Nguyên Lý Tưởng Duy Nhất (Vô Thủy) đó thì không còn căn nguyên nào khác liên quan đến vũ trụ nữa. "Mỗi vật đều được sáng tạo ra nhờ cái bản chất riêng (hay là cố hữu)của nó,xuyên qua tiềm lực nó ,nghĩa là tiềm lực của căn nguyên ấy - quý báu nhất trong các vị khổ tu". "Nếu,"trong môn phái Vedanta và Nyaya ,nimitta là căn nguyên thiệt thọ ,đối lập với Upadana ,căn nguyên hữu hình, (thì) trong môn phái Sankhya ,pradhana hàm súc nhiệm vụ của cả 2 danh từ trên "; trong Triết Lý Bí giáo,nó dung hoà 1 hệ thống-và cái vận cụ gần đúng thật nhất của triết lý này là hệ thống Vedan ta như các triết gia môn phái Advaita Vedanta đã trình bày —thì người ta chỉ có thể suy luận về cái upadana (căn nguyên hữu hình) mà thôi,chứ không thể suy luận về căn nguyên nào khác. Theo trí-óc những người Vaishnavas (Vishishtadvaitas)(2) thì người ta không thể suy luận 1 cách công khai về cái gì có thực tính,nó là lý tưởng ,đối lập với cái có hình hài —cũng như Parabrahma (3) đối xứng lập với Ishvara (4) vì lý tưởng này cũng chỉ là 1 danh-từ dùng sai chỗ khi nó chỉ định cái điều mà lý trí con người ,dù là lý trí của 1 vị Chân Tiên,cũng không thể thấu triệt được.

(1) [Do ông Wilson , I, chương II,điểm ghi chú ở cuối trang 66]

(2) [Đó là những người thờ Đức Visnu ,Thượng Đế Ngôi II trong Ấn Độ giáo . Họ là 1 chi nhánh của môn phái Vedanta. LND]

(3) [Tuyệt Đối ,Thượng Đế vô hình]

(4) [Thái Dương Thượng Đế (Hữu Hình)]

Muốn tự biết mình thì phải nhìn nhận rằng lưỡng-tri (consciousness) và tri giác(perception) đều là những năng khiếu bị hạn định khi tiếp xúc với bất cứ đề tài nào ,ngoại trừ với Pa-rabrahman . Do đó mà có câu "Hỡi Thờ Trường Tồn Không Tự Tri được". Sự vô cùng tận không thể không hiểu được sự Hữu-hạn. Cái gì Vô Biên giới thì không thể liên quan đến cái bị trói buộc và cái Bị hạn định . Trong những giáo lý của Huyền Bí học ,Tạo Hóa Huyền vi và Bất khả tri ,hay Đấng Tự Tồn ,là cái Tinh Hoa Thiêng

Liễng Tuyệt Đối .Và như thế khi đã là Lưỡng tri tuyệt đối và sự Di chuyển Tuyệt đối —theo giác quan hữu hạn của kẻ đã cho rằng đó là điều không thể miêu tả được — thì đó là sự Vô Tri Thức và Bất chuyển động .Lưỡng tri cụ thể không thể nhờ lưỡng tri trừu-tượng mà có được ;cũng giống như thế ,cái tính chất ẩm ướt không thể nhờ nước mà có —sự ẩm ướt là 1 đặc tính riêng biệt và nó là căn nguyên của sự ẩm ướt ở nơi các vật khác .Lưỡng tri thì bao - hàm những hạn định và những đặc tính ;phải có cái gì để biết và phải có cái gì để biết điều đó . Nhưng lưỡng tri Tuyệt đối thì chứa đựng cả kẻ biết ,những điều được người ta biết tới và sự hiểu biết;trong nó cả ba cái kà được hợp làm một . Không có người nào lại biết được hơn cái phần kiến thức mà y có thể sực nhớ ra, trong 1 lúc nào đó ,và ngôn ngữ thì thật là nghèo nàn đến nỗi chúng ta không có đủ danh từ để phân biệt cái kiến thức mà người ta không nghĩ đến 1 cách linh động với cái kiến thức mà người ta không thể nhớ lại được ."Quên" là tiếng đồng nghĩa với "không nhớ". Vậy ,thật là một việc khó khăn biết bao khi đi tìm những x tiếng để miêu tả ,để phân biệt những sự kiện siêu hình trừu-tượng và những sự di động ; cũng không nên quên rằng chúng ta đặt tên cho các đồ vật tùy theo những vẻ bề ngoài mà chúng phô trương ra. Chúng ta gọi sự "vô tri thức" là "Tri thức tuyệt đối",vì đối với chúng ta chắc phải là như thế ,cũng như khi ta gọi Tuyệt đối là "Sự Tối Tăm" vì đó là 1 điều thực không sao hiểu nổi đối với sự hiểu biết bị hạn định của chúng ta ;và chúng ta hoàn toàn nhìn-nhận rằng sự tri giác của mình về sự vật thật là không đúng chút nào . Một cách vô tâm ,chúng ta phân biệt được trong trí ta cái Lưỡng Tri Tuyệt Đối vô ý và sự vô tri thức ,bằng cách bí mật khoác lên cái Lưỡng Tri Tuyệt đối Vô ý ấy 1 đặc tính mơ hồ nào đó ,tương đương —ở trên 1 cảnh giới cao hơn cảnh giới mà tưtưởng ta có thể vươn tới được —với cái mà ta biết rằng đó là lưỡng-tri ta . Nhưng đây không phải là cái thứ lưỡng tri mà ta có thể điều khiển để phân biệt nó ra khỏi cái mà ta cho là sự vô tri thức.

3- <u>Giờ khắc chứa điểm ,Tia Sáng chứa chiếu vào Mầm Mống(a). Matripadma (1) chứa sung phồng lên (b) (2).</u>

(1) [Hoa sen Mẹ]

(2) [Đó là 1 từ ngữ không nên thở chút nào nhưng rất đúng]

(a) "Tia Sáng" của"Bóng Tối Ngàn Đời" khi được phóng ra thì thành 1 tia sáng huy hoàng hay là Đời sống ,và chiếu vào "Mầm - Mống" —cái chấm trong cái trứng của Thế gian (Mundane Egg)được tượng trưng bởi vật chất trong cái ý nghĩa trừu tượng của nó . Nhưng ta không nên hiểu danh từ "cái chấm" như là 1 điểm đặc-biệt

nào trong Không gian ,vì ở nơi trung tâm của mỗi nguyên tử đều có "Mầm Mống" và toàn thể các Mầm Mống nhỏ này làm thành Mầm Mống Lớn,hoặc là vì con mắt xác thịt của ta không thể nào nhìn thấy 1 nguyên tử ,nên toàn thể các nguyên tử này (nếu ta có thể dùng từ ngữ đó mà chỉ định điều gì vô biên giới và vô hạn định)làm thành cái thực thể của Vật chất Trường Tồn và Bất diệt.

(b) Một trong các hình tượng trưng cho cái Uy lực Sáng tạo Song Đôi trong Thiên Nhiên (vật chất và động lực ở cõi hồng trần) là "Padma",bông sen của Ấn Độ. Bông Sen là sản phẩm của sức nóng (lửa) và nước (hơi hoặc dĩ thái),trong mọi hệ thống triết lý và tôn giáo ,ngay cả trong Cổ Đốc giáo, lửa là tượng trưng cho Tinh Thần Thượng Đế (1) ,là nguyên lý gây giống ,có dương tính và hoạt động ,và dĩ thái hay linh hồn của vật chất ,ánh sáng của lửa là nguyên lý có âm tính và thụ động ,sinh ra mọi vật trong vũ-trụ.

(1) [Xin coi cuốn hai,phần hai,mục ba, Nguyên Chất cơ bản và Tư Tưởng của Thượng Đế]

Vì vậy, dĩ thái hay nước là Mẹ và lửa là Cha . Sir Williame Jones —và trước ông thì có môn thảo mộc học cổ xưa — đã chứng-minh rằng ;dù trước khi nảy mầm ,hạt sen cũng đã chứa đựng những cái lá hoàn toàn thành hình rồi với cái hình dáng nhỏ xíu của cái cây thiệt thọ mà sau này nó sẽ trở thành ;như vậy,thiên nhiên đã đưa ra cho ta thấy rằng những sản phẩm của nó đã được sáng tạo từ trước .... những hạt của các loại cây hiền hoa thường trổ hoa , thì thường chứa đựng 1 bào thai nhỏ của cây đã sẵn sàng thành hình rồi (2).

(2) [Xin đọc "The Heathen Religion"(Ngoại Giáo) của ông Gross,trang 195]

Điều này giải nghĩa câu "Matri Padma"(Hoa Sen Mẹ) chứa sừng phồng lên"—trong khoa biểu tượng học cổ xưa,hình hài thường bị hy sinh cho cái ý niệm bên trong hay ý niệm cội rễ.

Hơn nữa,Hoa sen hay Padma là 1 biểu tượng thích hợp và rất cổ xưa của Vũ trụ và của cả con người nữa . Những lý do thôngthường được đưa ra là ,trước hết,sự việc vừa kể trên:hạt sen chứa đựng bên trong 1 hình dáng nhỏ xíu nhưng hoàn hảo của cái cây tương-lai ,tượng trưng cho sự việc này :các nguyên hình thiêng liêng của vạn vật đã có sẵn trong thế giới vô hình trước khi vạn vật được thành hình trên trái đất. Sau nữa,cây sen mọc xuyên qua nước còn rễ thì ở trong bùn ,hoa nó lại nở trong vùng không khí ở trên. Như vậy hoa sen tượng trưng cho đời sống con người và cả đời sống của vũ trụ nữa ;vì Giáo Lý Bí Truyền dạy rằng những nguyên tố của con người và của vũ trụ thì đều giống nhau và cả hai đều cùng

phát triển về 1 chiều hướng . Rễ cây sen chôn vùi trong bùn là tượng trưng cho đời sống vật chất ;thân cây đi xuyên qua nước là tượng trưng cho cõi trung giới,và bông hoa nổi trên mặt nước và nở ra trên trời là tượng trưng cho đời sống tinh thần.

4- <u>Trái Tim của Ngài chưa mở ra để Tia Sáng Duy Nhất chiếu vào rồi rời xuống phía dưới giống như số Ba rời xuống số Bốn , trong lòng hỗ Tường.</u>

Nguyên Chất Cơ Bản chưa vượt ra khỏi trạng thái tiềm - ẩn tiến-vũ-trụ của nó để đi vào trong trạng thái biến hóa khách quan hay là để trở nên vật chất nguyên thủy không thấy được (invisible protyle) của khoa học (dưới con mắt của con người). Nhưng vì giờ khắc đã điểm ,nên nguyên chất này trở nên nhạy cảm và Fohat in Tư Tưởng của Thượng Đế lên đó — Thượng Đế hữu hình hay là cục-diện có dương tính của Anima Mundi ,Alaya (1) nên "Trái Tim" nó mở ra.

(1) [Alaya : Linh hồn của thế gian]

Nó biến hóa và Ba Ngôi (Cha ,Mẹ và Con)tiến hóa thành Bốn . Nơi đây có ẩn tàng cội rễ của sự huyền vi về Thượng Đế Ba Ngôi , và về việc Thụ Thai Không Nhiễm tội Tổ Tông. Tín điều đầu tiênvà căn bản của huyền bí học là sự Duy Nhất hay Đồng Nhất của vũ-trụ dưới ba khía cạnh . Điều này có thể dẫn ta đến một quan niệm về Thượng Đế vì Ngài là sự Duy Nhất Tuyệt Đối nên trí khôn hữu -hạn đến ngàn đời cũng không hiểu được Ngài.

" Nếu người muốn tin tưởng nơi uy lực hằng tác động trongrễ cây hoặc tưởng tượng đến cái rễ giấu mình dưới đất ,thì người phải nghĩ đến thân cây,lá cây và bông hoa . Người không thể tưởng tượng đến Uy lực này tách rời khỏi thân cây ,lá cây và bông hoa, người ta chỉ có thể hiểu biết đời sống qua cây Đại Thọ của Sự-Sống . . . "(2).

(2) [Tác phẩm "Precepts for yoga"(Giới luật của pháp môn Yo-ga]

Ý niệm về sự Duy Nhất Tuyệt Đối cần phải được chúng ta đập tan đi trong quan niệm của mình ,vì chúng ta phải cần có trước mắt 1 vật gì cụ thể để chứa đựng sự Duy Nhất đó. Vì đã là Tuyệt Đối thì Thượng Đế phải có mặt khắp nơi ;vậy nên không có 1 hạt nguyên tử nào mà lại không có Thượng Đế bên trong. Rễ cây , thân cây và những nhành lá là ba thứ khác nhau nhưng chúng đều làm thành một cây .Các nhà Bí giáo Do Thái nói rằng :"Thượng Đế là một ,vì Ngài vô cùng tận ,Ngài là Tam thể vì Ngài luôn luôntự biểu lộ ra ". Sự biểu lộ này có ba cục diện(aspects) ,vì như ông

Aristotle đã nói,mỗi hình hài của thiên nhiên muốn thành hình thì cần phải có ba nguyên lý :sự thiếu khuyết(privation),hình hài và vật chất (1).

(1) [Một người theo môn phái Vedanta của triết lý Vishisht -advaita (tôn thờ Đức Vishnu,Thượng Đế Ngôi Hai) sẽ nói rằng :tuy là Thực Thể độc lập duy nhất ,Parabrahman vẫn bất khả chia ly với Thượng Đế Ba Ngôi ;Ngài là Ba,"Parabrahman ,Chit(Lưỡng tri trừu tượng) và Achit (Vô lưỡng tri)" ;Chit và Achit là hai Thực Thể hỗ tương ,không thể tồn tại riêng rẽ ,hay nói 1 cách khác rõ hơn, Parabrahman là Nguyên chất(Substance) —bất biến,trường tồn và bất khả tri — và Chit(Atma) cùng Achit(Anatma) là những đặc tính của Parabrahman,cũng giống như hình thể và màu sắc là đặc tính của mọi vật. Hai cái này là lớp áo hay hình hài ,hay là những cục diện (Sharira)của Parabrahman. Nhưng một người Huyền bí học có thể tìm thấy rất nhiều điều để đưa ra ,ngõ hầu để chống lại với lời tuyên bố này ,và cả người theo môn phái Advaita Vedanta thì cũng làm như thế được]

Theo quan điểm của triết gia cao cả này thì sự thiếu khuyết nghĩa là những gì mà các nhà huyền bí học gọi là các Nguyên hình được in trong ánh sáng cõi trung giới —cảnh giới và cõi thấp nhất của Anima Mundi (Linh hồn thế gian). Sự hợp nhất của ba nguyên lý này tùy thuộc vào nguyên lý thứ tư —đó là Đời Sống hằng tỏa ra tự nơi tột đỉnh của tối cao để trở thành cái Tinh-hoa lan rộng phổ quát trên mọi cảnh giới hữu hình của Đời Sống và Tứ thể này (Cha ,Mẹ ,Con ,như một Hợp Nhất,và một Tứ thể dưới 1 hình thức biểu lộ sống động)đã là những yếu tố làm nảy sinh cái ý - niệm tối cổ về sự Thụ Thai Không Nhiễm Tội Tổ Tông ,hiện nay đã được kết tinh thành 1 tín điều của Giáo hội Cổ Đốc ,đoàn thể này đã đẩy xa ý niệm siêu hình nói trên ,xa đến 1 mức độ phi lý . Vì ta chỉ cần đọc Thánh Kinh Bí giáo Do Thái và nghiên cứu những phương pháp giải thích theo toán số của Kinh đó để tìm thấy cội rễ của tín điều này . Đó là một ý niệm hoàn toàn có tính cách kh thiên văn học ,toán học và triệt để siêu hình . Cái Nguyên- Tố có dưỡng tính nơi Thiên Nhiên (được tượng trưng bởi các vị Thần- minh có nam tính và những vị Logoi —Viraj hoặc Brahma,Horus hay Osiris v.v...) được phát minh xuyên qua chớ không phải tự một nguồn cội trinh nguyên mà "Mẹ" là tượng trưng ,vì cái Thực Thểcó dưỡng tính đó đã có "Mẹ" thì không thể có'Cha' được nữa; Thượng- Đế trừu tượng thì phi nam phi nữ , Ngài không phải là một Đấng mà là Thực Tại hay Đời Sống . Chúng ta hãy diễn ta tư tưởng này theo ngôn ngữ toán học của tác giả cuốn "The Source of Measures"

(Nguồn Cội của các sự Đo Lường). Khi đề cập đến sự "Đo Lường về Con Người"và cái giá trị của y theo toán số (Kinh Bí giáo Do - Thái),tác giả đã viết trong Genesis (Sáng Thế Ký) IV[1] rằng :"Đó là sự Đo Lường của Con người ngang bằng với Jehovah (Thượng Đế của Do Thái Giáo -LND) và sự đo lường ấy là tỷ dụ như thế này : 113 x 5 = 565 và giá trị 565 còn có thể được diễn tả cách khác: 56,5 x 10 = 565 . Nơi đây,số 113 của con người trở thành số nhân (factor) của 56,5 x 10 và nếu ta đọc cái công thức toán đố sau chót này theo Bí Giáo Do Thái thì đó là Jod,He,Vau,He hay là Je -hovah. Số 565 được diễn tả cho dài ra thành 56,5 x 10 là có dụng ý muốn chứng tỏ cái nguyên lý dương (Jod) do nguyên lý âm (Eva)phát sinh ;hay là sự phát sinh một nguyên tố dương tự một nguồn cội trinh nguyên ,hay nói 1 cách khác ,đó là sự thụ thai không nhiễm tội tổ tông hay sự thụ thai trinh nguyên . Theo lời những người có thẩn nhãn thì ,cũng giống như thế ,sự bí mật đã tác động lên cảnh giới thiêng liêng lại được tái lập trên trái đất ."Người Con" của Đức Nữ Đồng Trinh Trên Trời Không Nhiễm Tội Tổ Tông (hay là vật chất nguyên thủy vũ trụ chưa được biến hóa, Vật chất trong cái trạng thái vô cùng tận của nó) lại được sinh ra trên trái đất ,như là người con của bà Eva của địa cầu ,Trái Đất Mẹ của chúng ta ,và trở thành nhân loại như một đại thể trong dĩ vãng,hiện tại và tương lai — vì Jehovah hay Jod-Hé-Vau-Hé thì ái nam ái nữ ,có cả nam lẫn nữ tính . Trên thiên thượng thì Người Con là trọn vẹn cả Vũ Trụ Càn khôn;dưới thiên hạ thì Ngài là Nhân Loại . Tam thể hay Hình Tam giác trở thành khối Tetrak-tys (1) ,con số thiêng liêng của môn phái Pythagoras ,hình vuông hoàn hảo và khối lập phương 6 mặt trên trái đất . Macroprosopus (Bình diện lớn) bây giờ là Microprosopus (Bình diện nhỏ),hay là theo những người Bí Giáo Do Thái (Kabalists) thì Thượng Đế Vô-Hình khi giáng lâm xuống Adam Kadmon (Người Trời),cái vận - cụ xuyên qua đó Thượng Đế tự biểu lộ ,thì Ngài biến thành cái tên Thánh có bốn âm thanh(Tetragrammaton)(2).

(1) [Đó là 1 hình khối rất phức tạp nhưng đều đặn do các khối tứ diện đều nhau phối hợp làm thành]

(2) [Đó là Jod ,Hé,Vau ,Hé]

Bây giờ, Ngài ở "trong lòng Maya" ,Đại Ảo Tưởng,và giữa Ngài và Thực Tại thì có ánh sáng cõi Trung giới ,nó là kẻ thường gạt gẫm những giác quan bị hạn định của con người ,trừ phi kiến thức đi xuyên qua Paramarthasatya (3) mà tiến tới để cứu vớt.

(3) [Đó là Thực Thể Tuyệt Đối , Thượng Đế]

5- Từ màng lưới ánh sáng,Bảy (1) chủa được sinh ra . Chỉ có sự Tối Tăm là Cha và Mẹ ,Svabhavat :và Svabhavat thì ở trong sự Tối Tăm . . . .

(1) [Bảy Người Con]

Trong những Đoạn Thánh Kinh được đưa ra nơi đây ,Giáo Lý Bí Truyền nói nhiều đến ,nếu không phải là chỉ toàn nói đến Thái - dương hệ của chúng ta . Vì vậy, "Bảy Người Con" là các Đấng Sáng Tạo ra dãy hành tinh này .Giáo lý này sẽ được giảng giải đầy đủ hơn về sau (2) .

(2) [Xin coi phần 2,mục 12,Thần Thống của các vị Thượng Đế Sáng Tạo(The Theogony of the Creative Gods)]

Svabhavat,"Cái Tinh Hoa Mềm dẻo" ("Plastic Essence") tràn đầy trong vũ trụ là cội rễ của vạn vật . Có thể nói rằng Svabha -vat là danh từ Phật giáo chỉ định các cục diện cụ thể của cái thực thể trừu tượng mà triết lý Ấn Độ gọi là Mulaprakriti . Đó là hình hài của Đại Hồn(Soul) ,cũng như Dĩ thái là hình hài của Tiên thiên khí (Akasha) ,Tiên Thiên khí chỉ là cái nguyên lý khiến dĩ thái thành hình. Các nhà thần bí Trung Hoa đã coi Svab -havat là tiếng đồng nghĩa với "Thực Thể"("Being"). Trong bản d. dịch kinh Ekashloka-Shatra ra tiếng Trung Hoa của Đức Nagarjuna (Long Thọ của Trung Hoa) ,được gọi là bản kinh Yi-shu-lu-kia lun, người ta nói rằng "Thực Thể" (Being)hay Svabhavat [Theo chữ Trung Hoa thì là Yu (3)]có nghĩa là "Nguyên chất tự cung cấp nguyên chất cho mình" ,Ngài cũng giảng rằng nó còn có nghĩa là "không hành động và có hành động","cái bản thể không có bản thể riêng biệt ". Subhava ngữ căn của tiếng Svabhavat ,gồm hai phần: su:tốt đẹp và bhava :thực thể hay là trạng thái của thực thể.

(3) ["Yu" nghĩa là đời sống]

6- Hai Cái Đó là Mầm Mống ,và Mầm Mống là một. Vũ trụ hãy Còn Được Ẩn Kín trong Tư Tưởng và Trong Lòng Thượng Đế.

"Tư Tưởng của Thượng Đế"("Divine Thought")không ám chỉ một vị Thượng Đế hằng Suy Nghĩ;Vũ trụ ,không phải chỉ riêng trong dĩ vãng ,hiện tại và tương lai —ý niệm thời gian đó chỉ là một ý niệm bị hạn định của con người được diễn tả bằng tư-tưởng hữu-hạn ,Sat (một tiếng không thể dịch được)(4),Thực Thể Tuyệt Đối, với Dĩ vãng và Tương lai kết tinh thành một Hiện Tại trường tồn là cái tư tưởng tự phản chiếu vào 1 căn nguyên thứ yếu hay hữu-hình Brahman(trung lập) giống như cái Mysterium Magnum(Sự Bí Mật vĩ đại)của ông Paracelsus ,là một bí mật tuyệt đối với trí người.

(4) [Sat : Đời Sống Tối Cao và Trừu Tượng]

Đức Brahma vừa có nam lẫn nữ tính ,là bóng dáng của Brahman mang hình hài con người ,khi được phản chiếu ra ,thì được lòng tín-ngưỡng mù quáng chấp thuận ngay ,tuy cái trí óc trưởng thành của con người chối bỏ Ngài,không chấp thuận.(1)

(1) /Xem quyển 2,Phần 2,Tiết 3,Chất Liệu Nguyên Thủy và Tử Tường Thượng Đế/

Vì vậy nên đoạn đầu của tấn tuồng khai thiên lập địa ,hay trong lúc khởi đầu của sự tiến hóa trong vũ-trụ ,thì vũ-trụ , hay "Người Con"hãy còn ẩn mình trong"Tử Tường của Thượng Đế",Tử Tường này chửa đi vào "Lòng Thượng Đế". Xin hãy nhớ kỹ rằng ý-niệm này là cội rễ ,là nguồn cội của mọi lời ngụ ngôn nói về các "Người Con của Thượng Đế" do các vị nữ đồng trinh không nhiễm tội tổ tông sinh ra.

ĐOẠN THÁNH KINH 3

1- . . . . <u>Làn rung động cuối cùng của Đại Kiếp Trường Tồn thứ bảy rùng mình xuyên qua nơi vô cùng tận (a).Mẹ nở ra lan - tràn từ trong ra ngoài giống như nụ bông sen (b).</u>

(a) Việc sử dụng từ ngữ "Đại Kiếp Trường Tồn Thứ Bảy" có vẻ như phi lý ,vì vậy là đã chia cắt cái gì không thể chia cắt được song Triết Lý Bí Giáo đã chấp nhận sự sử dụng đó . Triết Lý Bí-Giáo chia cắt Sự Tồn Tại Vô Biên giới thành Thời Gian phổ quát, trường tồn,không bị hạn định (Kâla) và Thời Gian bị hạn định (Khandakala). Thời gian thứ nhất là sự trừu tượng hay là thực-thể của Thời gian vô cùng tận . Thời gian thứ nhì,hiện ra theo chu kỳ ,là hiện tượng của Thời Gian thứ nhất ;đó là hậu quả của Mahat ,Trí Khôn của Vũ Trụ ,bị những chu kỳ khai nguyên(Manvantara) hạn định . Theo một vài môn phái,Mahat là điều đầu tiên được phát sinh từ Pradhana(Nguyên chất chưa biến hóa hay là Mulaprakriti,Cội Rễ của Thiên Nhiên hiện ra theo chu kỳ),Pradhana này được gọi là Maya ,Ảo Tưởng. Về phương diện này ,tôi tưởng rằng Giáo Lý Nội Môn(Esoteric) chủ trương khác hẳn với những giáo lý Vedanta trong cả hai môn phái Advaita và Vishishtadvaita . Vì Giáo Lý Nội Môn nói rằng nếu Mulaprakriti —thực thể - được tự tồn,vô thủy ,nói tóm lại là vô phụ mẫu ,là Anupadaka,vì đã hợp nhất với Brahman ,thì Prakriti ,hiện tượng của Mulaprakriti ,hiện ra theo chu kỳ chỉ là cái bóng ma của Mulaprakriti mà thôi ; như vậy,Mahat,đứa con đầu tiên của Jnana (hay Gnosis, Triết học thần bí),Kiến thức ,Minh Triết hay là Thượng Đế hữu hình ,là một bóng ma được phản chiếu từ Nirguna Tuyệt-Đối

(Parabrahman) ,Thực Tại Duy Nhất "không có đặc tính và cá tính"; nhưng đối với một số người theo môn phái Vedanta thì Mahat là 1 sự biểu lộ của Prakriti hay Vật chất (Matter).

(b) Vì vậy,k "Làn Rung Động cuối cùng của Đại Kiếp Trường Tồn thứ bảy" đã "được xếp đặt từ trước" —không phải do một vị Thượng Đế đặc biệt nào ,nhưng đã phát sinh từ Định Luật trường-tồn và bất biến , do những định luật này mà có những thời kỳ Hoạt Động và Nghỉ Ngơi ,đã được gọi rất đúng và rất nên thơ là những Ngày và Đêm của Brahma . Mẹ nở "từ trong ra ngoài" ,cũng được gọi là"những dòng nước của Không Gian" ,"Cái tử cung của Vũ Trụ" v.v... ,nơi đây ,người ta không nói đến 1 sự lan tràn"từ trong ra ngoài" từ một trung tâm hay tiêu điểm nhỏ ,mà người ta muốn nói đến sự phát triển của sự chủ quan vô biên giới mà không nói đến kích thước ,giới hạn hay phẩm vị ."Cái Nguyên chất vô hình và vô thể ngàn đời (đối với chúng ta) hiện diện nơi trường tồn tự cách cảnh giới riêng biệt của nó ,theo từng chu kỳ ,nó phóng cái Hình Bóng của nó vào trong Lòng của Ảo Tưởng".Như thế,nghĩa là sự lan tràn này không phải là 1 sự mở rộng ra —vì trong sự lan tràn vô cùng tận không có sự nở rộng — mà là 1 sự thay đổi tình trạng . Nó nở rộng "giống như nụ Bông Sen",vì không những cây Sen tồn tại như một bào thai nhỏ xíu trong hạt sen(đó là 1 đặc tính thuộc về vật chất),nhưng cái nguyên hình của nó đã có mặt trong một hình hài lý tưởng nơi tinh tú quang ,từ buổi"Bình Minh" đến "Đêm Tối" trong suốt Đại Kiếp,giống như mọi vật khác, quả thật là vậy đó ,trong Vũ trụ hữu hình này ,từ con người cho đến con nhậy ,từ những cây không lồ cho đến cọng cỏ nhỏ li ti.

Khoa Học Bí Ẩn (Hidden Science) dạy rằng tất cả những điều đó chỉ là phản ảnh nhất thời ,là bóng dáng của cái cái ~~xgx~~ nguyên hình lý tưởng trường tồn trong Tư Tưởng của Thượng Đế ; một lần nữa xin nhớ rằng danh từ trường tồn(Eternity)& ở đây chỉ có nghĩa là một Vô lượng thời(Aeon) và chỉ trường tồn trong suốt một chu kỳ hoạt động lâu dài dường như vô tận nhưng vẫn có lúc chấm dứt ,mà chúng ta gọi là một ~~Đại Kiếp~~ Chu Kỳ Khai Nguyên(Manvantara) . Cái ý nghĩa bí truyền thật sự của chữ Manvantara của chữ Manu-antara là gì ? Dịch thật sát nghĩa thì như sau :"ở giữa hai vị Bàn Cổ" , trong một ngày của Brahma có 14 vị Bàn Cổ (Manus) và một Ngày của Brahma thì có 1 000 thời kỳ ,mỗi thời kỳ gồm 4 Đời (Ages) , 1 000 Đại Đời(Great Ages) hay là Mahayugas . Nay ta hãy phân tích danh từ hay danh hiệu "Manu".Các học giả khảo cứu văn hóa Đông Phương có ghi trong các tự điển của họ rằng danh từ "Manu" phát sinh từ ngữ căn "man" ,nghĩa là "suy nghĩ";do đó, họ

kết luận"Manu" là người "hằng suy nghĩ"("thinking man") . Nhưng theo bí giáo thì mỗi vị Bàn Cổ ,vì là một vị thần minh mang hình hài con người để làm việc trong chu kỳ đặc biệt(hay cuộc tuần - hoàn) của Ngài ,nên Ngài chỉ là hiện thân của "Tư Tưởng Thượng-Đế"(giống như Đức Pymander,nhà Luyện Kim),vì vậy mỗi vị Bàn -Cổ là một vị thần đặc biệt ,vị sáng tạo và xây dựng mọi vật trong suốt chu kỳ hoạt động của riêng Ngài hay là Chu Kỳ Khai Nguyên. Fohat khiến cho các vị Bàn cổ (hay là Dhyan Chohan) hằng đi đây đi đó phải chuyển động và khiến cho các nguyên hình lý tưởng bành trướng từ trong ra ngoài , như thế nghĩa là lần lần đi trở xuống và xuyên qua mọi cảnh giới ,từ cảnh giới của thực thể đến cảnh giới hữu hình thấp nhất ,để sau chót đơm bông kết trái trở thành sự khách quan trọn vẹn —tột đỉnh của ảo tưởng hay là vật chất thô trược nhất .

2 - Làn rung động cứ lan ra mãi ,nó xòe cánh nhanh lẹ và chạm (1) vào toàn thể vũ trụ cùng cái mầm mống đang ở trong cõi Tối tăm ,sự Tối Tăm này thở hởi(breathes)(2) trên những dòng nước đang ngủ của sự sống.

(1) ⌜ Cùng một lúc (simultaneously) ⌟

(2) ⌜ Di chuyển (moves) ⌟

Người ta cũng nói rằng cái Monas của môn phái Pythagoras thì ở tại nơi vắng lặng và"tối tăm" giống như "Mầm Mống". Ý-niệm về "Hởi thở" của sự Tối tăm di chuyển "những Dòng Nước đang chuyển động của Sự sống" nhắc ta nhớ lại chương đầu tiên của "Sáng Thế Ký" (Genesis) ;những dòng nước đang ngủ này là Vật chất căn bản với Tinh Thần ẩn tàng phía trên. Nguyên văn là Bra-hmanical Narayana (Đấng Di Chuyển trên những Dòng Nước).Ngài là hiện thân của Hởi thở trường tồn của Đại thể vô tri thức(hay là Parabrahman) theo các nhà Huyền bí học Đông Phương. Những Dòng Nước của sự sống hay là sự hỗn mang —cái nguyên lý có âm-tính trong biểu tượng học —là sự trống rỗng (đối với cái trí của chúng ta) trong đó có vật chất và tinh thần tiềm tàng . Điều này đã khiến cho ông Democritus bắt chước thầy của ông ta là Leucippus mà nói chắc rằng nguyên lý căn bản của mọi vật là các nguyên tử và sự trống rỗng ;trống rỗng đây có nghĩa là không gian ,chớ không có nghĩa là không gian rỗng tuếch ,vì "Thiên Nhiên rất ghê sợ sự rỗng không"("Nature abhors a vacuum") theo như các triết gia trong học phái Tiêu Dao (Peripatetics)và các triết gia thời cổ (3).

(3) ⌜ Peripatetics : học phái Tiêu Dao ,môn đệ của Aristo-te ,vừa giảng triết lý vừa đi du ngoạn chỗ này chỗ kia ⌟

Trong mọi vũ trụ luận,"Nước" cũng đóng một vai trò quan-trọng như thế . Đó là nền tảng và căn bản của đời sống hữu-hình. Các nhà khoa học,vì lầm lẫn danh từ với đồ vật ,nên hiểu rằng nước đây nghĩa là hợp chất hóa học do dưỡng khi và khinh - khí tạo thành , như vậy,họ đã gán 1 ý nghĩa đặc biệt cho 1 danh từ mà các nhà Huyền bí học dùng để chỉ chủng loại (generic sense) các nhà huyền bí học dùng danh từ này trong vũ trụ luận với một ý nghĩa siêu hình và thần bí . Băng(ice) không phải là nước, mà cũng không phải là hơi nước ,tuy rằng cả ba thứ này đều có thành phần hóa học giống nhau .

3- Bóng tối phóng ra ánh sáng ,và ánh sáng chiếu một tia sáng đơn độc vào trong những làn nước trong lòng Mẹ thâm sâu . Tia sáng phóng qua cái trứng trinh nguyên . Tia sáng làm cho cái trứng trinh nguyên rùng mình và làm cho cái mầm mống không trường tồn (1) rụng xuống và đông đặc lại thành cái trứng thế gian.

(1) [Không trường tồn vì nó hiện ra theo chu kỳ(periodical)]

"Tia sáng đơn độc khi rơi vào"lòng Mẹ thâm sâu" có thể được coi như là Tư Tưởng hay Trí Thông Tuệ của Thượng Đế thấm nhuần sự hỗn mang . Dù sao;đó cũng là điều xảy ra trên cảnh giới trừu tượng siêu hình hay trên cảnh giới mà trong đó điều thường được gọi là trừu tượng siêu hình lại là một sự thật . "Cái Trứng trinh nguyên" theo 1 ý nghĩa nào đó ,là trạng thái trừu tượng của trứng hay khả năng có thể phát triển nhờ sự thụ thai ,trứng này trường tồn và bất biến . Và cũng giống như cái trứng đã nhận được mầm-sống trước khi lọt ra khỏi bụng ,thì cái Mầm Mống không trường-tồn/và theo chu kỳ sau này trong môn biểu tượng học ,nó biến thành Vũ trụ noãn — khi lọt ra khỏi biểu tượng nói trên ,thì nó chứa đựng ở ngay bên trong "sự hứa hẹn và tiềm lực" của toàn thể vũ trụ . Tuy ý niệm này tự nó là 1 sự trừu tượng ,1 cách diễn tả theo biểu tượng ,nhưng nó chính là một biểu tượng thực sự ,vì nó gợi lên cái ý niệm vô cùng tận giống như 1 hình tròn vô tận. Nó khiến cho cái trí nhìn thấy quang cảnh của vũ trụ còn khôn hiện ra từ và ở trong Không Gian vô tận ,một vũ trụ mênh mông vĩ đại không bờ bến ,nếu không phải là vô tận trong sự biểu lộ hữu hình của nó . Biểu tượng của 1 cái trứng cũng diễn tả điều mà huyền bí học đã truyền dạy : hình hài đầu tiên của mọi vật hữu hình , từ hạt nguyên tử cho đến quả địa cầu ,từ con người cho đến thiên thần ,đều là một khối tròn —đối với mọi quốc gia ,khối tròn tượng trưng cho sự trường tồn và vô cùng tận —con rắn ngậm lấy đuôi của nó . Tuy nhiên,muốn hiểu rõ nghĩa, ta phải tưởng tượng đứng ở trung tâm khối tròn mà nhìn ra ngoài . Phạm vi của sự

nhìn ngắm hay của tư tưởng thì giống như một khối tròn với bán kính đi từ bản thể ta tới mọi chiều hướng và lan ra ngoài làm-thành không gian ,mở rộng những quang cảnh vô biên giới ở xung-quanh . Đó là vòng tròn tượng trưng của Pascal và các nhà bí - giáo Do thái,"trung tâm của vòng tròn thì ở khắp nơi còn giới - hạn của vòng tròn thì không ở nơi nào cả "—quan niệm này làthành phần của ý niệm liên quan đến sự tượng trưng này .

"Thế Giới Noãn" có lẽ là một trong những dấu hiệu phổthông ở khắp nơi ,rất gợi cảm theo cả ba chiều hướng tinh thần, sinh-lý và vũ trụ . Vì thế nên người ta thấy nó trên mọi thần thống trên thế gian(world theogony), nơi đó nó được hợp nhất với hình tượng của con rắn ,hình rắn này có khắp mọi nơi ,trong triết học cũng như trong biểu tượng học có tính cách tôn giáo ,đó là một tượng trưng cho sự trường tồn ,sự vô hạn định ,sự tái sinh , sự cải lão hoàn đồng cũng như là tượng trưng cho minh triết (1).

(1) [Xin coi Phần 2,Tiết 10,Sự thờ phụng Cây,Rắn và Cá - Sấu]

Sự bí mật của việc tự sinh và tiến -hóa xuyên qua uy lực sáng tạo của riêng nó đã nhắc lại diễn trình tiến hóa của vũ trụ,nhưng ở 1 mức độ nhỏ bé hơn ,trong cái trứng —cả haiđều phát sinh tự sức nóng và sự ẩm ướt dưới ảnh hưởng của tinh-thần sáng tạo vô hình chảy chan hoà — sự bí mật này hoàn toàn chứng-minh rằng việc chọn lựa biểu hiệu cái trứng này là đúng . "Cái Trứng Trinh Nguyên" là biểu hiệu nhỏ bé của nguyên hình của đại vũ trụ(macrocosmic prototype),"Mẹ Trinh nguyên" —Sự Hỗn Mang hay là vực sâu nguyên thủy . Đấng Sáng Tạo có nam tính (mặc dầu Ngài mang danh hiệu nào) được phóng ra từ vị nữ Đồng Trinh,cội Rễ Trinh Nguyên đã được Tia Sáng gieo mầm sống vào .Nếu giỏi về Thiên văn học và vạn vật học thì ai là người lại không nhìn thấy sự miêu tả gợi hình gợi cảm này ? Vũ trụ,vì là Thiên Nhiên thụ-nhận nên là 1 cái trứng đã được truyền mầm sống —mà vẫn trinh-nguyên ; vì một khi vũ trụ được coi là vô biên giới ,thì người-ta chỉ có thể dùng một khối tròn mà tượng trưng cho nó thôi.

Xung quanh cái Trứng Vàng(Kim Noãn) có bảy nguyên tố thiên nhiên (dĩ thái,lửa,không khí và nước),"bốn nguyên tố đã được người ta biết đến rồi,ba nguyên tố khác còn ở trong vòng bí mật ". Người ta có thể tìm thấy điều này trong kinh Vishnu Puranax ,trong đó các nguyên tố được dịch là"các lớp vỏ"("envelopes") và một nguyên tố bí mật - Ahamkara được kể thêm (2).

(2) [Xin đọc Vishnu Purana ,do ông Wilson ,I,trang 40]
Trong nguyên bản của kinh này thì không có Ahamkara ;người

ta chỉ thấy nói đến bảy nguyên tố mà không nói rõ ba nguyên- tố chót .

4- Số Ba(1) rớt vào số bốn (2) cái tinh hoa chói sáng trở thành bảy ở phía trong và bảy ở phía ngoài (a). Cái Trứng chói sáng (3) mà bản thể là ba(4) đông đặc lại và sắc trắng như sữa, lan tràn đi giống như sữa đặc ở khắp mọi cõi thâm sâu của Mẹ , cái Rễ này nở trong những cõi thâm sâu của đại dương của Sự- Sống (b).

Cần phải giải thích tại sao người ta dùng những hình hình học và thường hay ám chỉ đến số trong tất cả những Thánh K kinh cổ xưa ,như trong kinh Puranas, trong Tử Vong Chân Kinh của Ai Cập và ngay cả trong cuốn Thánh Kinh Cổ Đốc giáo(Bible).Trong cuốn Thiền Định Chân Kinh (Book of Dzyan) cũng như trong cuốn K kinh Bí Giáo Do Thái (Kabalah) ,có hai loại chữ số cần phải học: các con số ,chúng nhiều khi chỉ là những tấm màn che phủ và các Con số thiêng liêng ,giá trị của các số này đều được truyền dạy cho các nhà huyền bí học do sự điểm đạo. Những con số trên chỉ là những chữ tượng hình theo mặc ước ,những số dưới là các biểu hiện căn bản của vạn hữu.Như vậy là có nghĩa rằng những con số trên thì thuần túy thuộc về vật chất ,còn những con số dưới thì thuần có tính cách siêu hình ;hai loại số này liên quan với nhau giống như vật chất đối với Tinh thần —hai thái cực của một Nguyên Chất Duy Nhất(One Substance).

Như ông Balzac ,nhà huyền bí học vô tâm của nền vănchương Pháp đã nói trong một cuốn sách ,đối với cái trí cũng như đối với vật chất ,con số là "một nguyên động lực không sao hiểu nổi" ("an incomprehensible agent") . Có lẽ đối với kẻ phàm tục thì K như vậy, nhưng đối với người đã được điểm đạo thì không đúng như vậy đâu . Như nhà đại văn hào đã nói ,Con số là một Thực thể sống động và đồng thời là hơi thở phát sinh từ cái mà người được điểm đạo gọi là Thượng Đế ,mà chúng ta gọi là Đại Thể(the All) ,Hơi Thở Duy Nhất có thể xây dựng và xếp đặt nên Vũ trụ hữu - hình ,"trong đó không vật nào được thành hình nếu không nhờ Thượng Đế,đó là hiệu quả của con số ". Thật là hữu ích nếu chúng ta trích dịch đoạn văn sau đây của Balzac về vấn đề này :

" Những sự sáng tạo bé nhỏ nhất cũng như những sự sáng tạo vĩ đại nhất đã chẳng được phân biệt cái nọ với cái kia nhờ số - lượng ,phẩm chất,kích thước ,mãnh lực và đặc tính của chúng,tất cả đều do Con Số sản xuất ra hay sao ? Sự vô cùng tận của những con số là một sự kiện đã được chứng minh cho cái trí của chúng ta thấy ,nhưng không thể đưa ra những bằng chứng cụ thể được .

Nhà toán học sẽ nói với chúng ta rằng sự vô cùng tận của những con số thì có thật ,nhưng không thể chứng minh được . Thượng Đế là một con số di chuyển ,ta cảm thấy điều này ,nhưng không thể chứng minh nó được . Với tư cách là một đơn vị,Thượng Đế đứng đầu các con số ,nhưng Ngài không giống những Con Số một chútnào cả . . . Sự sinh tồn của các con số tùy thuộc vào Đơn vị,Đơn - vị này không có một con số nào cả ,mà lại sản xuất ra được tất cả mọi con số . Thế nào ? Quí vị bất lực không thể đo lường được sự trừu tượng đầu tiên mà Thượng Đế đưa ra cho quí vị hay là không thể giữ lấy nó được ,vậy mà quí vị hy vọng lấy những cách thức đo lường của quí vị mà áp dụng cho sự huyền vi của các "Khoa Học Bí truyền" phát sinh từ nơi Thượng Đế hay sao ?...Và quí vị sẽ nhận thấy gì nếu tôi nhận chìm quí vị trong những vực thẳm của sự Di chuyển ,cái Sức mạnh vốn sắp xếp,gây dựng nêncác con số ? Quí vị sẽ nghĩ gì nếu tôi nói thêm rằng Sự Di Chuyển và Con Số (1) là do Huyền Âm, Thiên đạo(the Word) mà được phát-sinh ra ,tiếng nói này là cái Lý Lẽ Tối Cao của vị Tiên Tri và các người có thần nhãn ,ngày xưa,các Ngài đã cảm thấy được hơi thở mãnh liệt của Thượng Đế ,một bằng cớ của sự kiện này là cuốn Kinh Khải Huyền (Apocalypse) ?(2).

(1) ⌜ Điều này đúng với Con Số ,nhưng không bao giờ đúng với sự Di chuyển . Theo Huyền bí học,chính sự Di chuyển đã sản xuất ra Thượng Đế ,Huyền Âm ,Thiên Đạo. ⌟

(2) ⌜ Đây là quyển chót của Kinh Tân ước ,nói về sự vinh-quang tối hậu của Cơ Đốc giáo ⌟

(b) "Chất Tinh Hoa chói sáng đông đặc lại và lan tràn trong các cõi thâm sâu của " của Không Gian .

Theo quan điểm thiên văn học ,điều này rất dễ giải thích, đó là Ngân Hà (Milky Way) ,vật liệu của thế gian hay là Vật-chất Nguyên Thủy ở trong hình thức đầu tiên của nó. Tuy nhiên , thật rất khó giải nghĩa được điều này với một ít chữ hay hàng chữ theo quan điểm của Khoa học huyền bí hay của Biểu Tượng học vì đây là chữ tượng hình(glyphs) phức tạp nhất . Nó chứa đựng hơn 12 biểu hiệu . Trước hết,nó chứa đựng trọn cả những đồ vật(3)bí mật của vạn thần miếu ,mỗi đồ vật này có 1 ý nghĩa huyền bí nhất định —có những đồ vật này là vì các vị Thần minh khuấy động đại dương để cho vật chất đông đặc lại ,nói theo thần thuyết Ấn Độ.

(3) ⌜ "Mười bốn báu vật" ,câu chuyện hay ngụ ngôn này được ghi trong Kinh Shatapatha Brahmana và các kinh sách khác .Khoa huyền bí Nhật Bổn của các nhà thần bí Phật giáo ,môn phái Yama-booshi có 7 báu vật . Về sau này chúng ta sẽ nói đến chúng ⌟

Ý nghĩa huyền bí nhất định —có những đồ vật này là vì các vị Thần minh khuấy động đại dưởng để cho vật chất đông đặc lạinói theo thần thuyết Ấn Độ . Ngoài Amrita,nước Cam lồ ,nó cho ta sự-sống và Trường sinh bất tử ,còn có Surabhi ,"con bò cái ban phát sự phong phú",được gọi là"nguồn sữa lỏng" và sữa đặc",cũng nhờcái "Biển sữa" ấy mà có . Vì thế nên ở đâu người ta cũng thờ - phụng bò cái và bò đực ,một con là khả năng sinh đẻ,một con là khả năng truyền giống trong Thiên Nhiên : các biểu hiệu này liên quan đến cả các vị thần của vũ trụ . Những đặc tính của "mười bốn báu vật" để được sử dụng theo những mục tiêu huyền bí chỉ được giảng dạy trong kỳ điểm đạo thứ tư ,nên không thể tiết lộ nơi đây được,nhưng ta có thể chú ý đến điều sau đây . Trong kinh Shatapatha Brahmana có ghi chú rằng "Đại dưởng sữa" được khuấy động để cho đông- đặc lại trong thời đại hoàng kim(Satya Yuga) ,thời đại đầu tiên tiếp-theo "trận Đại Hồng thủy". Nhưng vì cả hai cuốn Thánh Kinh Rig Ve -da và Manu —hai cuốn kinh này đều có trước trận Đại hồng thủy Vaivasvata ,trận hồng thủy của giống dân chánh thứ tư —đều không đề cập đến trận Hồng thủy nói trên ,nên rõ ràng đó không phải là trận Đại hồng thủy ,cũng không phải là trận Hồng thủy đã nhậnchìm châu Atlantis ,cũng không phải là trận Hồng thủy của cụ Tổ Noah thường được nói đến trong sách này ."Sự khuấy động sữa cho đông đặc lại " nói trên liên quan đến một thời đại có từ trước khi địa cầu thành hình và liên lạc trực tiếp với một thần thuyết phổthông khác ,đó là những thuyết khác nhau và đối chọi nhau mà tột đỉnh của chúng là Tín Điều Cơ Đốc Giáo về "Trận chiến tranh trên Trời" và "Sự Sa Đọa của các Thiên thần" (1).

(1) [Xin coi cuốn II và Kinh Khải Huyền(Revelation)(Điều được tiết lộ, XII]

Kinh Brahmanas mà các học giả khảo cứu văn hóa Đông Phương chê trách rằng đã chứa đựng những thuyết đối chọi nhau về những đề tài giống nhau thật ra là <u>những tác phẩm hết sức huyền bí</u> ,vì vậy nên được hữu ý sử dụng như là những tấm màn che phủ .Những kinh này mà được phép còn sót lại để cho đại chúng sử dụng và sở hữu ,chỉ vì đại chúng hoàn toàn không hiểu gì về những kinh đó cả. Nếu không thì những ấy đã biến mất đi ,không được lưu truyền như thuở xưa ,trong thời đại của Akbar.

5- <u>Cội Rễ vẫn còn,Ánh sáng vẫn còn,những Khóm sữa đặc vẫn còn vàOAeaohoo (a) vẫn là một(b)</u>.

(a) Trong những lời bình luận, Oeaohoo được dịch là "Cha Mẹ của các vị Trời Thần"("Father-Mother of the Gods")hay là số Sáu

trong số Một ,hay là Cội Rễ có Bảy Thể phát sinh ra vạn vật. Danh từ này có nghĩa này hay nghĩa khác ,đó là tùy theo người ta đọc nhấn mạnh vào một nguyên âm nào trong bảy nguyên âm của danh-từ ,bảy nguyên âm này cũng có thể được đọc lên như Một, ba hay bảy vần ,bằng cách thêm chữ e &ở phía sau chữ o . Danh từ thần - bí này được tiết lộ vì rằng nếu người ta không hoàn toàn hiểu thấu ba cách đọc nó thì nó không có hiệu lực gì cả.

(b) Khi viết "là Một", người ta đề cập đến sự bất khả chia lycủa vạn chúng sinh ,sự Duy Nhất này có thực thể ,dù ở trong trạng thái hoạt động hay thụ động . Theo một nghĩa , thì Oeaohoo là "Cội Rễ Nguyên Thủy của vạn vật";vì vậy,nên hợpnhất với Parabrahman ; theo một nghĩa khác ,đó là một danh từ để chỉ Đời Sống Duy Nhất hữu hình,sự Duy Nhất sống động và vĩnh cửu . Như trên đã giải nghĩa ,Cội Rễ có nghĩa là Kiến thức thuần túy (Sattva)(1) ,trường tồn (nitya) Thực tại vĩnh cửu và vô hạnđịnh hay là Sat (Satya) ,dù ta gọi nó là Parabrahman hay Mulaprak - riti ,vì cả hai chỉ là hai biểu tượng của Đấng Duy Nhất .

(1) Nguyên ủy của sự hiểu biết là Sattva mà Đức Shankara gọi là Antahkarana . Ngài nói :"Nó đã được tinh luyện nhờ những sự hy sinh và những tác-động tinh luyện khác . Trong kinh Katha ,trang 148 ,Đức Shankara dịch chữ Sattva là Bồ đề (Buddhi) --theo ý nghĩa thông thường của chữ đó "(Kinh Bhagavad Gita với kinh Sanatsugatiya và Anugita do ông Kashinath Trimbak Telang ,cao học văn chương dịch ,do ông Max Muller phát hành ,trang 193). Dù các môn phái khác nhau gán cho danh từ này ý nghĩa thế nào ,các sinh viên huyền bí học của môn phái Đức Vô Trước(Arya-sanga) dùng danh từ Sattva để chỉ Chơn thần nhị nguyên ,hay là Atma-Buddhi ,ở cảnh hồng trần này,Atma-Buddhi tương đương với Parabrahman ,còn ở cảnh giới cao hơn thì tương đương với Mulap-rakriti

Ánh sáng thì cũng vẫn là Tia sáng Thiêng Liêng Vô Sở Bất Tại đó, nó đã đi xuyên vào cái Trứng Thiêng liêng ,đang làmcho Trứng đó nảy mầm và thu hút vật chất của vũ trụ để khởi đầu các hệ thống biến hóa lâu dài."Những Khóm sữa đặc" là sự biến - hóa đầu tiên và dĩ nhiên cũng liên quan đến vật chất đó của vũ-trụ, nó có lẽ là nguồn cội của dải Ngân -Hà — vật chất mà ta biết . Theo sự tiết lộ của các vị Thiền Định Phật ,thì vật chất nàyrất tinh vi ,tế nhị,nhuyễn nhỏ trong chu kỳ ngủ yên của vũ trụ--vvật chất sáng chói và mát lạnh đó ,khi vũ trụ bắt đầu thức dậy và chuyển mình ,bỗng được tung rải khắp không gian ;khi người tatừ trái đất nhìn lên thì vật chất này giống như những chùm ,tảng ,

tựa như sữa loãng đông đặc lại. Đó là những hạt giống của những thế giới tương lai ,"nguyên liệu của tinh tú"("Star -stuff").

6- <u>Trong mỗi Giọt nước của Đại Dương Bất Tử (1), đều có Nguồn cội của Sự sống ,và Đại Dương là ánh sáng chói chang,Ánh-sáng này là lửa ,sức nóng và sự luân chuyển .Bóng tối biến đi, và không còn nữa ; nó biến vào cái tinh hoa của chính nó ,vào hình thể của lửa và nước ,của Cha và Mẹ</u>.

(1) [Amrita, Nước cam lồ]

Tinh hoa của Bóng Tối là Ánh Sáng Tuyệt Đối ,Bóng Tối được dùng làm biểu hiệu thích đáng và có tính cách tượng trưng cho cái trạng thái của vũ trụ trong Chu kỳ Hỗn nguyên(Pralaya) hoặc là thời hạn của sự Nghỉ Ngơi Tuyệt Đối hay là Hư Vô,đối với trí óc hữu hạn của chúng ta . "Lửa,Sức Nóng,và Sự Chuyển Động" được nói đến nơi đây ,dĩ nhiên không phải là lửa,sức nóng và chuyển-động của khoa học vật chất ,mà là những thực thể trừu tượng,căn bản hay là Linh hồn của chất Tinh Hoa phát sinh ra những sựbiểu hiện vật chất đó — đó là thực thể của sự vật ,như khoa họcngày nay đã nhìn nhận ; những dụng cụ của phòng thí nghiệm không thể hoàn toàn kiểm điểm được thực thể này ;trí óc con người cũng không thấu triệt được thực thể ấy ,mặc dầu trí đó khó lòng mà từ chối ,mà không kết luận rằng tất nhiên là phải có những chất tinh hoa căn bản của sự vật . Nơi đây,"Lửa và Nước hay Cha v à Mẹ"(2) có thể có nghĩa là Tia Sáng thiêng liêng và sự Hỗn-Mang.

(2) [Xin xem "Kwan Shi Yin"(Quan Thế Âm) . Người ta không thể tiết lộ danh từ đích thật của bản văn]

Một đoạn văn của Hermes nói :" Sự Hỗn Mang phát sinh từ sự hợp nhất với Tinh Thần,cái Tinh thần đang hoạch đắc được giác-quan ,sáng ngời lên vì khoái cảm và Protogonos(Ánh sáng Nguyên-Thủy) được phát sinh theo cách đó . Ông Damascius gọi nó là Dis trong môn Thần Phổ học(Theogony),"Đấng xếp đặt và điều-hoà vạn vật "(3) .

(3) [Tác phẩm "Ancient Fragments"(Những Đoạn Văn Cổ) của Cory ,trang 314. Xin coi những lời phụ chú trang 340]

Theo giáo lý của môn phái Hoa Hồng Thập Tự mà người phàm tục đã một lần sử dụng và giải nghĩa đúng đắn ,tuy chỉ đúng đắn một phần nào thôi,thì "Thực Thể của Ánh Sáng và Bóng Tối giống-hệt nhau ,chính trí óc con người đã chia rẽ chúng ra ",và theo Robert Fludd thì "Bóng Tối đã chấp nhận sự chiếu sáng để tự biểu hiện"(4).

(4) [Tác phẩm :"On Rosenkranz" (Nói về Đức Rosenkranz)]

Theo giáo lý Huyền bí học Đông Phương thì Bóng Tối là thực tại duy nhất ,là căn bản và cội rễ của Ánh sáng ;không có Bóng Tối thì Ánh Sáng không bao giờ có thể tự biểu lộ hay tồn tại được . Ánh sáng là vật chất và Bóng tối là Tinh thần Thuần túy. Tại nơi căn bản siêu hình và nguyên thủy của nó,Bóng Tối là Ánh sáng tuyệt đối và chủ quan ,còn Ánh sáng có vẻ dường như huy - hoàng ,lộng lẫy,nhưng thật ra chỉ là một đám bóng tối mà thôi, vì nó không bao giờ trường tồn cả ,mà chỉ là một Ảo tưởng hay Maya .

Ngay cả trong tác phẩm Sáng Thế Ký(Genesis)(1) thường làm cho ta rối trí và làm cho khoa học mệt nhoài ,ánh sáng được tạo ra từ bóng tối —"và bóng tối bao phủ lên trên vực thẳm"—chớ không phải trái ngược lại (2).

(1) ⌜ I,2,3 ⌟

(2) ⌜Không phải vực thẳm bao phủ lên bóng tối ⌟

"Trong nó (trong bóng tối) có sự sống và sự sống là ánhsáng của con người"(3).

(3) ⌜ Phúc âm,Thánh John (Jean) I , 4 ⌟

Một ngày kia mắt con người sẽ được mở ra và lúc đó họ sẽ hiểu nhiều hơn là họ hiểu bây giờ về câu thở trong Kinh Phúc-âm của Thánh John nói rằng :"Và ánh sáng chiếu trong bóng tối , và bóng tối không hiểu ánh sáng". Họ sẽ thấy rằng chữ"bóng tối"không chỉ định cái nhãn quan tinh thần của con người ,nhưng thực ra nó chỉ định "Bóng Tối",sự Tuyệt Đối,vốn không hiểu biết (không thể nhận biết)được cái ánh sáng nhất thời ,mặc dù ánh sáng này cao cả bao nhiêu đối với con mắt người đời .Demon est Deus inversus. (Ma quỷ là mặt trái của Trời). Bây giờ ,Giáo hội Cổ Đốc gọi Ma-quỷ là Bóng Tối .Còn trong Thánh kinh Cổ Đốc (Bible) ,trong Thánh kinh của Thánh Job (4) ,Ma quỷ được gọi là "Con Trai của Thượng Đế"(Son of God),ngôi sao mai chói sáng,Lucifer(5).

(4) ⌜I, 6 ⌟

(5) ⌜ Isaiah ,XIV , 12 ⌟

Có trọn vẹn cả một triết lý được xây dựng như là tín điều , giải nghĩa tại sao vị Đại Thiên thần phát sinh từ những vực - thẳm của sự Hỗn Mang lại được gọi là Lux(Ánh Sáng)5Lucifer), "Người Con chói rạng của Buổi sáng" hay là buổi Bình Minh của Chu Kỳ Khai Nguyên .Giáo Hội Cổ Đốc đã biến hóa vị Đại thiên-thần này thành Lucifer hay Chúa Quỷ vì vị Đại thiên thần này cao cả hơn và nhiều tuổi hơn Đức Jehovah,vì vạy,người ta hy sinh vị Đại Thiên thần này đi,để cho tín điều mới mẻ được chiến thắng(6).

(6) ⌜ Xin xem cuốn 3 và 4 ⌟

7- Hỡi người Đệ tử(1),hãy nhìn người Con Sáng Chói của Cha và Mẹ ,sự Vinh Quang Huy Hoàng Vô song —vũ trụ chói sáng ,Con của Vũ Trụ tối tăm ,đã vươn mình ra khỏi :chốn thâm sâu của những Làn nước Tối Tăm vĩ đại.Đó là Đức Oeaohoo ,trẻ tuổi hơn Đức ... (2) (a) . Ngài sáng lòe như mặt trời ,Ngài là Con Hồng Minh-triết Thiêng Liêng chói loà ,Eka (3) là Chatur và Chatur lại gắn liền với TRI và sự phối hợp này phát sinh ra SAPTA,trong đó số Bảy trở thành Tridasha (4) ,những Đám Đông và vô số (b).Hãy nhìn Ngài nhấc tấm màn che và trải nó ra từ Đông sang Tây . Ngài che kín phía trên và để hở phía dưới để mọi người nhìn thấy như là một ảo Tưởng vĩ đại . Ngài đánh dấu vị trí của những Đấng Chói sáng (5) và xoay trở phía trên (6) thành 1 biển lửa vô bờ bến (c) và làm cho sự Duy Nhất hữu hình (7) trở thành những dòng nước vĩ-đại .

(1) [Người đệ tử,Lanoo,là một sinh viên ,một người đệ-tử khảo học về Bí giáo thực hành (pratical Esotericism]

(2) ["Giờ đây,Người biết Ngài là Đức Quán Thế Âm (Kwan - Shai-Yin)" —Lời Bình luận .]

(3) [Eka là Một,Chatur là Bốn ,Tri là Ba và Sapta là Bảy]

(4) [Tridasha hay Ba mươi ,ba lần mười ,ám chỉ những vị thần minh Phệ Đà ,tính cho chẵn ba chục ,hay nói đúng hơn thì là 33 —một con số thiêng liêng,đó là 12 vị Adityas(thần minh coi 12 tháng trong một năm),8 vị Vasus(thần minh coi 8 hướng), 11 vị Rudras (thần minh có nhiệm vụ phá hủy những hình hài không thích hợp) và hai vị Ashvins —(thần minh điều khiển cái xe chói sáng của buổi bình minh),tượng trưng cho Minh Triết thiêng-liêng được mang truyền dạy cho con người) —tức là hai người con sinh-đôi của Mặt Trời và Bầu trời(Sun and Sky) .Đó là con số cội rễ của vạn thần miếu Ấn Độ gồm có 33 crores (mỗi crore là 10 triệu) hay hay 330 triệu thần minh và nữ thần minh]

(5) [Các tinh tú (stars)]

(6) [Tức là không gian]

(7) [Nguyên tố (Element)]

(a) "Không Gian chói sáng ,Con của Không gian tối tăm ,thì tương đương với Tia Sáng được phóng xuống những vực thẳm vĩ đại của vũ trụ. Khi buổi bình minh mới mẻ bắt đầu chuyển mình ,từ những vực thẳm đó ,Tia sáng này lại nhô ra ,được biến hóa đi và trở thành "Đức Oeaohoo ,Đấng Trẻ Tuổi hơn"("Sự Sống Mới Mẻ") để trở thành mầm mống của vạn vật khi chu kỳ của Đời sống được chấm dứt . Ngài là "Con Người vô hình chứa đựng nơi mình cái ý Niệm của Thượng Đế ", Đấng phát sinh ra sự sống và ánh sáng ,nói theo

từ ngữ của ông Philo Judaeus .Người ta gọi Ngài là " Con Rồng Minh triết chói loà",vì trước hết,theo người Hy-Lạp,Ngài chính là Thiên Đạo(Logos),là Huyền Âm(Verbum)của Tư Tưởng của Thượng-Đế,và sau nữa,vì trong Triết Lý Bí giáo , sự biểu hiện đầu tiên này là sự tổng hợp hay phối hợp của Minh Triết Phổ biến,nên Đức Oeaohoo,"Người Con của Mặt Trời",chúa đựng nơi mình Bảy ĐẳngCấp Thần Minh sáng tạo(các Đấng Sephiroth) và vì vậy nên Ngài là tinh hoa của sự Minh Triết được biểu lộ ra."Ai đã đắm mình trong ánh sáng của Đức Oeaohoo thì sẽ không bao giờ bị tấm màn ảo - Tưởng lừa gạt ".

Đức "Kwan-Shai-Yin"(Quán Thế Âm)thì tương đương và giống - hệt với Đức Avalokiteshvara,và vì vậy nên Ngài là một vị thần ái nam ái nữ giống như Tứ Linh Tự(Tetragrammaton) và mọi vị Thượng Đế hữu hình thời cổ. Chỉ có một vài giáo phái ở Trung-Hoa đã nhân cách hóa Ngài và gán cho Ngài những đặc tính của nữ -phái(1);khi mang hình hài của phái nữ,Ngài thành Đức Quan- Âm Kwan-Yin),vị nữ Bồ Tát Từ Bi(the Goddess of Mercy),được mệnh - danh là "Quán Thế Âm"("Tiếng Nói Thiêng-Liêng")("Divine Voice")(2).

(1) [Không 1 biểu tượng có tính cách tôn giáo nào có thể thoát khỏi cảnh đồi trụy và cả sự chế giễu trong thế hệ chính-trị và khoa học này của chúng ta .Tại miền Nam Ấn Độ,tác - giả đã được trông thấy 1 cuộc lễ Puja (lễ nghi thờ phụng đặc biệt của Ấn Độ) đã được người bản xứ biến đổi thành 1 cuộc dâng lễ trước một pho tượng của Đức Jesus mặc áo đàn bà ,đeo 1 cái vòng nơi mũi. Khi chúng tôi hỏi về ý nghĩa của sự hóa trang đó , thì người ta trả lời rằng đó là Đức Jesus hợp nhất ,và vị tu sĩ đã cho phép làm như thế ,vì các bổn đạo mới và sốt sắng không có tiền để mua hai pho tượng hay là"thánh tượng",1 người đã mục - kích việc này nói như vậy ,đó là 1 người Ấn Độ không phải là Tân tín đồ Cơ Đốc.Đối với 1 người Cơ Đốc trung thành với tín-điều thì sự việc này có vẻ như phạm thượng ,nhưng 1 người Thông Thiên học hay 1 người Huyền bí học ắt phải công nhận rằng các Tân tín đồ Ấn Độ theo Cơ Đốc giáo này là hữu lý.Quả thật làtheo giáo lý Cơ Đốc Bí truyền thì Đức Christ phi nam phi nữ , nhưng trong khoa Thần họ c công truyền thì Ngài có nam tính và nữtính]

(2) [Triết Lý Bí truyền,"Minh Triết" tức Mẹ của Đấng đầu - tiên do Thượng Đế sinh ra (theo 1 ý nghĩa thì đó là Aditi,Vị Thánh Mẫu bao la,Không Gian vô cùng tận với tám người con trai của Ngài),là Đức Thánh Linh (Holy Ghost)và Đấng Sáng Tạo ra Vạn vật ,giống như trong những hệ thống giáo lý cổ xưa .Đức Chúa Cha là 1 sự bịa đặt mãi về sau này mới có . Ở khắp mọi nơi,Đức Thượng Đế hữu hình đầu tiên là Đấng có nữ tính,Mẹ của 7 vị Hành Tinh Thượng Đế]

Đức Quán Thế Âm là vị Bồ Tát hộ trì xứ Tây Tạng và đảo Pu To ở Trung Hoa ,tại những nơi đó,cả hai vị Bồ Tát đều có một số tu viện (1).

(1) [Xin đọc Chinese Buddhism (Phật Giáo Trung Hoa) của Đức Cha Joseph Edkins,ông luôn luôn đưa ra những sự việc đúng thật, mặc dù những kết luận của ông thường rất hay sai lầm. Xin đọc cuốn 2 ,Phần 2 ,tiết 15 của bộ sách này nói về Đức Quán Thế Âm, và Đức Quan Âm]

Tất cả các vị thần cao cả hơn ở thời cổ đều là"Những Người Con Trai của Mẹ" trước khi trở thành"Những Người Con Trai của Cha".Giống như thần Jupiter hay Zeus,Người con của Kronos - Saturn,"Thời gian vô cùng tận"(Kala) ,các vị Thượng Đế hữu-hình khi mới được tạo tác ra thì đều ái nam ái nữ. Người ta nói rằng Thần Zeus là "một vị Trinh Nữ xinh đẹp" và thần Vệ-Nữ(Venus)lại có râu ở cằm . Thoạt đầu thần Apollo(Thần Mặt Trời)thì ái nam , ái nữ cũng giống như Đức Brahma-Vach trong kinh Manu và Puranas. Đức Osiris (2) có thể đổi thành Đức Isis(3) ,còn Đức Horus(4)thì ái nam ái nữ .

(2)[Osiris :Thượng Đế hữu hình có nam tính trong Ai cập giáo]
(3) [Isis : Đức Mẹ trong Ai cập giáo]
(4) [Horus :Vị thần Thái dương (Mặt Trời)của Ai cập giáo]

Sau chót,theo tác phẩm Kinh Khải Huyền(Revelation)(Điều được tiết lộ)của Thánh John(Jean) thì Thượng Đế hữu hình-hiện nay đang được kết hợp với Đức Jesus —là ái nam ái nữ,vì người ta miêu tả rằng Ngài có bộ ngực của phụ nữ. Đức Thượng Đế cao cả Jehovah thì cũng thế. Nhưng trong Giáo Lý Nội Môn,có hai vị Avalokiteshvara : Thượng Đế Ngôi Một và Thượng Đế Ngôi Hai .

(b) "Con Rồng Minh Triết" là số Một ,là Eka(tiếng BắcPhạn) hay là Saka .Thật là lạ lùng khi ta thấy rằng danh hiệu của Đức Jehovah trong tiếng Hy Bá lai đáng lẽ ra cũng phải là Số Một , Echad. Các vị tu sĩ Do Thái nói :"danh hiệu của Ngài là Echad". Vậy thì các nhà ngôn ngữ học phải quyết định coi chữ nào do chữ kia mà được phát sinh ra trong phạm vi ngữ học và biểu tượng - học;chắc chắn chữ Bắc Phạn "Eka" không do chữ"Echad" mà có. "Số Một" và "Con Rồng" là những từ ngữ mà cổ nhân thường dùng để chỉ những vị Thượng Đế hữu hình của họ. Theo ý nghĩa bí truyền(với tư cách là Elohim ,Đấng Thượng Đế Sáng tạo),Đức Jehovah cũng là Con Rắn hay Con Rồng mà Eva đã quyến rũ ;và Rồng là một biểu-tượng cũ của Tinh tú quang (Nguyên lý căn bản),"Ánh sáng này là sự Minh Triết của trạng thái Hỗn Mang". Triết lý tối cổ không nhìn nhận điều Thiện và điều Ác như là 1 quyền lực căn bản và độc lập,mà lại khởi đầu từ Đại Thể Tuyệt Đối (Sự Toàn Thiện Toàn

Mỹ trường tồn ở khắp nơi);Triết lý tối cổ tìm kiếm dấu vết của cả điều thiện lẫn điều ác trong các triều lưu tiến hóa tự nhiên, đi từ ánh sáng thuần túy ,nó từ từ đông đặc lại thành hình- thể và từ đó trở thành vật chất hay Điều ác.Về sau,các ông Cố ĐạoCổ Đốc ngu dốt thời xưa đã làm đổi trụy cái ý niệm cao cả ,có giá-trị về khoa học và triết học của biểu tượng này thành điều mê - tín dị đoan phi lý ,được gọi là "Ma quỷ".Các ông Cố Đạo nàymượn hình thức "Ma quỷ" đó của những tín đồ Bái Hỏa giáo gần đây ; những người Bái Hỏa giáo này coi những vị Thiên thần Ấn độ (Hin -du Devas) như là Ma quỷ hay Điều ác ,và do hai sự biến đổi , tiếng Evil (Điều ác) bỗng trở thành D'Evil (Ma quỷ)(Diabolos,Di -able,Diavolo ,Teufel)(1).

(1) ⌜ Diabolos : chữ Hy Lạp
Diable : chữ Pháp
Diavolo : chữ Ý
Teufel : chữ Đức
tất cả đều có nghĩa là Ma quỷ ⌟

Những người ngoại đạo(2) bao giờ cũng có 1 sự phân biệtcó tính cách triết lý về những biểu tượng của họ.

(2) ⌜ Tức là không phải tín đồ Cổ Đốc giáo ⌟

Biểu tượng cổ xưa của con rắn tượng trưng cho sự MinhTriết Thiêng liêng và sự Toàn Thiện Toàn Mỹ và luôn luôn bênh vực thuyết phục sinh và bất tử . Vì vậy nên Đức Hermes mới gọi Con Rắn là con vật linh thiêng nhất trong vạn vật ,Đức Mới-se(Moses) được điểm đạo trong nền Minh Triết của Đức Hermes cũng chủ - trương như thế trong tác phẩm Sáng Thế Ký(Vũ Trụ Luận);Con Rắn thần bí trong Cổ Đốc giáo với 7 nguyên âm trên đầu tượng- trưng cho 7 đẳng cấp thần minh hay những Đấng Sáng Tạo ra các hành - tinh .Cũng do đó nên mới có Con Rắn Ấn Độ tên là Shesha hay Anan -ta ,"Đấng Vô Cùng"("the Infinite") ,một danh hiệu của Đức Vish-nu và cũng là cái Hiện thể (Vehicle)đầu tiên của Ngài trên những Làn Nước nguyên thủy . Tuy nhiên,cũng giống như các vị Thượng - Đế hữu hình và các đẳng cấp thần minh uy dũng ,ta cần phải phân biệt những"con Rắn"này,Shesha hay Ananta ,"giường nằm của Đức Vishnu"("Couch of Vishnu"),là 1 sự trừu tượng có ý nghĩa tượng-trưng ,biểu hiệu của thời gian vô cùng tận trong Không gian , chứa đựng Mầm Mống ,và mỗi chu kỳ lại biểu lộ ra ngoài sự đơm bông kết trái của Mầm Mống đó ,tức là Vũ Trụ hữu hình ;còn Con Rắn của phái Ngộ Đạo cũng chứa đựng ba biểu tượng ấy trong bảy nguyên âm ,đó là Thánh danh Oeaohoo của Giáo Lý Tối Cổ với một, ba hay bảy vần , nghĩa là Thượng Đế Ngôi I vô hình ,Thượng- Đế

Ngôi II hữu hình ,hình tam giác được cụ thể hóa thành Tứ Thể hay là Tứ Linh Tự (Tetragrammaton) và những Tia sáng của Ngài trong cõi hồng trần.

Tuy nhiên,họ luôn luôn phân biệt con Rắn thiện với con Rắn ác (Tinh tú quang theo các tín đồ Do Thái Bí giáo)(the Astral Light of the Kabalists),phân biệt giữa con Rắn thiện ,hiện - thân của Minh Triết Thiêng Liêng trong lãnh vực Tinh Thần ,và con Rắn ác ,Điều ác trong cõi Vật chất.Vì cái Tinh tú quang hay là Dĩ thái —nếu ta dùng danh từ của những người ngoại đạo thời xưa —thì chính là Tinh-thần —Vật-Chất ,còn danh từ Tinh-tú - quang này là một danh từ rất mới mẻ . Khởi đầu từ cảnh giới thuần túy tinh thần ,khi càng xuống thấp thì chất này càng trở nên nặng trược cho tới khi nó trở thành ảo tưởng(Maya) hay là con rắn quyến rũ và lừa gạt của cảnh giới hồng trần chúng ta.

Đức Jesus công nhận con rắn có nghĩa là sự Minh Triếtvà giáo lý của Ngài có chứa đựng ý niệm đó :"Các ngươi hãy khôn ngoan như loài rắn"."Vào lúc khởi đầu,trước khi Mẹ được biếnđổi thành Cha Mẹ,Con Rồng Lửa chuyển động một mình trong những cõi Không Gian vô cùng tận"(1) .

(1) [Trích trong tác phẩm "Book of Sarparajni"]

Kinh Aitareya Brahmana gọi địa cầu là Sarparajni,"Hoàng-Hậu Rắn"("Serpent Queen") và "Mẹ của vạn vật biết chuyển động"(2).

(2) [Xin coi Kinh Das Kanshitaki Brahmana(Bắc Phạn) do B.Lindner ,Tiến sĩ chuyên khoa,phát hành,trang 132 (năm 1887)và kinh Rig Veda Brahmanas ,do A.Berriedale Keith dịch ,trang 511, lời ghi chú cuối trang số 2 (năm 1920).]

Trước khi địa cầu của chúng ta có hình như quả trứng(và cả vũ trụ cũng thế),"thì một vệt dài đầy bụi của vũ trụ(hay là bụi lửa)di chuyển và vặn mình giống như con rắn trong Không Gian". Mỗi quốc gia đều tượng trưng cho"Thần Lực của Thượng Đế dichuyển trong sự Hỗn Mang bằng hình dáng 1 con rắn lửa phun lửa và phun ánh sáng trên những làn nước nguyên thủy ,mãi cho đến khi nó ấp ủ xong vật chất của vũ trụ và khiến vật chất này thành hìnhcuộn tròn của 1 con rắn miệng ngậm lấy đuôi —hình này không những tượng trưng cho sự trường tồn vĩnh cửu ,mà còn tượng trưng cho hình khối tròn của mọi vật thể được thành hình trong lòng vũ trụ phát sinh từ đám sương mù đầy lửa ấy . Vũ trụ,và cả trái đất , lẫn con người, thường theo chu kỳ mà tự lột những lớp da cũ và khoác lên mình những lớp da mới ,sau 1 thời kỳ nghỉ ngơi,giống như con rắn vậy .Chắc chắn con rắn không phải là 1 hình ảnh kém duyên dáng xinh đẹp hay là một hình thù gì gớm ghiếc hơn nếu

đem so sánh nó với con sâu và con nhộng phát sinh ra con bướm ; người Hy Lạp lấy con bướm làm biểu hiệu cho Psyche ,linh hồn xx con người !Đối với người Ai Cập cũng như đối với người phái Ngộ Đạo ,"Con Rồng" cũng là biểu hiệu của Thượng Đế. Theo cuốn sách của Hermes,Đức Pymander,vị Thượng Đế hữu hình thiêng liêng nhất và cổ xưa của Lục địa Tây Phương ,hiện ra với Đức Hermes dưới hình dáng 1 con Rồng Lửa đầy "Ánh sáng,Lửa và Ngọn Lửa".Đức Pymander ,hiện thân của Tư Tưởng của Thượng Đế",nói rằng :

"Ánh sáng chính là Ta,Ta là Nous (Cái Trí hay Manu),Ta là Thượng Đế của người ,và Ta còn nhiều tuổi hơn cái bản chất của con người đã thoát khỏi bóng tối (sự U-Minh hay Thượng Đế ẩn - tàng). Ta là mầm mống của Tư Tưởng ,là Tiếng Nói Sáng Ngời , là Con của Thượng Đế . Vậy nên chính Thánh Thể của Đức Chúa Tể hằng trông thấy và nghe thấy ở bản thân người . Tư tưởng(Mahat) chính là Thượng Đế ,là Đức Chúa Cha (1).Đại dương trên trời(celestial Ocean),biển Dĩ thái ... là Hơi Thở của Cha,là nguyên tố phát sinh ra sự sống ,là Mẹ,là Đức Thánh Linh ,vì các vị này không bị chia rẽ và sự hợp nhất của các Ngài làm thành đời sống (2) .

(1) [Chữ Thượng Đế,Đức Chúa Cha đây chính có nghĩa là cái nguyên khí cao nhất ,cái thể thứ bảy nơi con người và nơi vũ trụ. Đó cũng là Thượng Đế hữu hình (Logos) của người Hy Lạp, và Đức Avalokiteshvara của các Phật tử Bí giáo]

(2) [Xin coi tác phẩm "The Divine Pymander"(Đức Pymander Thánh thiện) do bác sĩ Everard dịch (năm 1650) và do ông Hargrave Jennings tái phát hành (năm 1884) trang 8-9]

Nơi đây,chúng ta tìm thấy tiếng vang đúng thật của Giáo Lý Bí Truyền tối cổ như đang được giải nghĩa ở bộ sách này. Tuy nhiên ,Giáo Lý Bí Truyền không đặt Đức Chúa Cha lên trên tột - đỉnh của sự tiến hóa của sự sống ,vì Ngài chỉ đứng ở hàng thứ ba và chính là "Con của Mẹ" ,nhưng Ngài là "Hơi Thở Trường- Tồn và Không Ngừng Nghỉ của Đại Thể Vũ Trụ Càn Khôn".Kinh Sankhya Sara (3) nói : Mahat(Sự Hiểu Biết,Toàn Linh Trí,Tư Tưởng v.v..) hiện ra như là Vishnu (4) trước khi biểu lộ thành Brahma(5) và Shiva(6).

(3) [Do ông Fitzedward Hall cho in ra trong tập Bibliotheca Indica (Mục lục của thư viện) trang 16]

(4) [Vishnu :Thượng Đế Ngôi Hai với thiên chức giữ gìn vũ-trụ]

(5) [Brahma:Thượng Đế Ngôi I ,sáng tạo ra vũ trụ]

(6) [Shiva:Thượng Đế Ngôi Ba,có thiên trách tiêu diệt các hình hài không thích hợp]

Vì vậy,Mahat có nhiều vẻ,giống y như Thượng Đế có nhiều vẻ . Trong sự sáng tạo nguyên sơ,người ta gọi Mahat là Đức Ngài (the Lord),theo ý nghĩa đó,Mahat là sự Hiểu Biết ngự trị khắp nơi hay là Tư Tưởng của Thượng Đế ;nhưng"Mahat đó được phát sinh ngay ra lúc đầu tiên ,về sau này bị người ta gọi là sự ích-kỷ , khi nó được sinh ra như là cái Tôi (sự cảm biết được cái bảnngã của mình ,nghĩa là sự sáng tạo lần thứ hai"(1).

(1) [Tác phẩm Anugita,chương XXVI trang 333,bản dịch của K. T.Telang]

Và dịch giả là một người Bà La môn có tài và thông thái , chớ chẳng phải là 1 người Âu Châu khảo cứu văn hóa Đông Phương) giải nghĩa điều này trong 1 lời ghi chú cuối trang :"Nghĩa là khi Mahat phát triển thành sự tự ý thức (tự cảm biết được cái bản thể của mình),thành cái Tôi,thì nó được mệnh danh là sự ích kỷ—nói theo lối Bí giáo của chúng ta thì điều đó có nghĩa là khi Mahat được biến đổi thành Manas ,cái Trí của con người(hay là cho đến cái Trí của các vị thần hữu hạn) và trở thành trạng-thái của cái Tôi(Aham-ship).Tại sao người ta lại gọi nó là "Mahat của sự sáng tạo lần thứ hai(hay là sự sáng tạo lần thứ chín ,sự Sáng Tạo ra các Đấng Kaumara trong Kinh Vishnu Purana)điều này sẽ được giải thích trong cuốn 2 của bộ sách này .

(c) Vì vậy,"Biển Lửa" là siêu tinh tú quang (Super -Astral Light)(nghĩa là nguyên thủy) , sự chiếu sáng đầu tiên phát sinh từ Hỗn Nguyên Khí(Root Mulaprakriti) ,cái Thực chất chưa bị biến hóa của vũ trụ ,sau này trở thành Vật chất cõi trung giới(Astral Matter) . Người ta cũng gọi nó là con Rắn Lửa ,như đã miêu tả ở trên . Nếu học giả nhớ kỹ trong trí rằng chỉ có một Nguyên Tố Duy Nhất Phổ Biến Khắp Nơi ,vô cùng tận ,vô sinh,bất tử và tất cả các vật khác —như ở trong cái thế giới hữu hình và phù du này—chỉ là vô số những trạng thái biến hóa khác nhau và những sự biến - hình (nay được gọi là những sự tương giao) của Nguyên Tố Duy-Nhất đó ,từ đại vũ trụ xuống cho đến tiểu vũ trụ ,từ các vị siêu nhân cho tới con người và đến các loài thấp hơn nữa),nói tóm lại toàn thể đời sống hữu hình —như vậy,sự khó khăn đầu tiên và chánh đại sẽ mất đi và ta có thể thấu triệt được khoa vũ-trụ -luận huyền bí (2) .

(2) [Vì vậy,trong khoa thần-phổ(theogony)Ai cập,và Ấn độ có một vị Thượng Đế ẩn tàng ,Đấng Duy Nhất và một vị Trời sáng tạo ái nam ái nữ ;Đức Shu là vị Trời Sáng Tạo ,và Đức Osiris dưới cái thánh thể sơ khai đầu tiên của Ngài là vị Trời mà danh hiệu chưa được người ta biết đến . Xin đọc tác phẩm Abydos của Mariette , II 63 và III, 413,414 ,số 1,122]

Tất cả những người Do Thái bí giáo và người Huyền-bíhọc Đông Phương và Tây Phương đều nhìn nhận rằng (a) "Cha Mẹ"chính là Hậu Thiên Khí Nguyên thủy(Primordial Aether),hay Tiên Thiên Khí(Akasha)(Tinh tú quang);và (b) trước khi"người Con" tiến hóa trong phạm vi vũ trụ ,Người Con này là Vô Cực Điện(Fohat)—thì Hậu thiên khí nguyên thủy được thuần nhất ,vì đó là điện vũ-trụ. "Fohat tung Bảy anh em rải rác khắp nơi và làm cho họ cứng rắn lại "(1) ,câu này có nghĩa là vị thần minh điện lực nguyên-thủy —các nhà huyền bí học Đông phương nhấn mạnh rằng Điện Lực là 1 Thực Thể Thông Linh(Entity) —phát sinh ra điện và làm cho đời-sống nảy sinh ,và phân chia vật liệu nguyên thủy hay là vật-chất tiền sinh ~~(pregenetic matter)~~(pregenetic matter) thành những nguyên tử ,chúng là nguồn cội của mọi đời sống và tâm thức. Có 1 nguyên tố độc nhất và phổ biến trong mọi hình hài và đời sống được gọi là Od,Ob và Aour (2) hoạt động và thụ động ,âm và dương , giống như ngày và đêm :đó là ánh sáng đầu tiên trong sự Khai thiên , Lập địa (tác phẩm Kabalah của Eliphas Levi)— Ánh sáng đầu tiên của vị Thượng Đế sáng tạo (Elohim) nguyên thủy,của Tổ Adam, Con Người Nguyên Thủy"ái nam ái nữ" hay nói theo khoa học thì đó là Điện Lực và Đời Sống .

(1) ⌜ Thiền Định Chân Kinh (Book of Dzyan) ⌟

(2) ⌜ Od là ánh sáng thuần khiết ban phát cho ta sự sống hay là dòng từ lực ; Ob là sự giả của sự chết mà những người phù thủy sử dụng ,là dòng tà khí gồm ghiếc ; Aour là sự tổng hợp của hai thứ trên ,chính là Tinh tú quang .Xin hỏi các nhà ngôn-ngữ học có thể nói tại sao Od —1 danh từ mà ông Reichenbach ~~xx~~ dùng để chỉ dòng sinh khí (vital fluid)—lại cũng là 1 tiếng Tây Tạng có nghĩa là ánh sáng ,sự sáng chói,sự chiếu sáng ? Chữ này cũng có nghĩa là "Bầu Trời" theo 1 ý nghĩa huyền bí .Vậy thì ngữ căn của chữ đó là gì ? Tiên thiên khí không phải hoàn toàn là dĩ thái ,Tiên thiên khí còn cao hơn Dĩ thái ,như sau này sẽ chứng minh ⌟

Cổ nhân lấy con Rắn tượng trưng cho điều đó vì "Fohat kêu rít lên khi nó trườn mình bò khắp đó đây" theo con đường ngoằn-ngoèo . Để chỉ nó ,Giáo Lý Bí Truyền Do Thái (Kabalah) dùng chữ Hi Bá lai "Teth" tượng trưng cho con rắn ,nó đóng 1 vai trò quan hệ trong các Bí pháp (Mysteries).Cái giá trị phổ biến của nó là số chín ,vì đó là chữ cái thứ 9 trong bản mẫu tự và là cái của số 9 trong số 50 cái cửa lớn hay cổng lớn dẫn dắt đến những sự bí mật ẩn tàng của đời sống . Đó chính là cái nguyên tố nhiệm - mầu ;trong triết lý của môn phái Đức Hermes (Khoa luyện kim),

thì nguyên tố đó chỉ "Đời sống đó được truyền vào trong vật chất nguyên thủy ",cái tinh hoa tạo nên vạn vật ,tinh thần ấn định hình hài vạn vật . Nhưng có hai tác động luyện kim bí mật ,1 tác động tinh thần , 1 tác động vật chất tương liên và được hợp nhất mãi mãi. Đức Hermes nói :

Nhà ngươi phải phân chia đất ra khỏi lửa ,chất thanh bai, tế nhị ra khỏi chất đặc ... cái chất sẽ từ trái đất bốc lên tới trời ,rồi lại từ trời mà trở xuống đất . Nó(ánh sáng tế nhị) là động lực mạnh mẽ của mọi động lực ,vì nó chiếm đoạt mọi vật tế nhị và thấm nhuần mọi vật cứng đặc .Thế giới được thành hình như vậy đó.

Không phải chỉ có ông Zeno,vị sáng lập ra môn phái Khắc-Kỷ (Stoicism) dạy rằng vũ trụ có tiến hóa và cái nguyên chất đầu tiên của vũ trụ được biến đổi từ trạng thái lửa đến trạng - thái không khí ,rồi đến trạng thái nước v. v. . . Ông Heraclitus E - phesus chủ trương rằng cái nguyên lý Duy nhất ẩn tàng trong mọi hiện tượng trong Thiên nhiên là lửa . Trí khôn khiến cho Vũ-trụ chuyển động là Lửa ,và Lửa là trí khôn ,và trong khi ông Anaxi-menes cũng nói như thế về không khí và ông Thales Miletus (600 năm trước Thiên Chúa) cũng nói vậy khi đề cập đến nước,thì Triết Giáo Nội Môn hoà giải tất cả các triết gia đó bằng cách chứng - minh rằng tuy mỗi triết gia đều hữu lý ,nhưng không ông nào có 1 hệ thống tư tưởng đầy đủ cả .

8- Mầm Mống ở đâu ? Và bây giờ Bóng Tối ở đâu ? Hỡi người đệ tử ,Hồn của Ngọn Lửa đang cháy trong cái đèn của người thì ở đâu ? Mầm Mống là Cái đó và Cái Đó là ánh sáng,Người Con Màu trắng sáng chói của người Cha ẩn tàng và tối tăm.

Câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất ,được câu hỏi thứ hai nhắc nhở giùm ,là câu trả lời của ông thầy nói với học trò ,câu nói giản dị này chứa đựng một trong những chân lý thiết yếu nhất của triết học huyền bí (occult philosophy) .Câu này chỉ rõ rằng có những vật mà giác quan hồng trần của ta không nhận thấy được , những vật này thật là quan trọng hơn,thiết thực hơn và trường - tồn hơn những vật được giác quan nhìn nhận và chú ý tới . Trước khi người đệ tử có thể hy vọng hiểu được vấn đề siêu hình cao tuyệt vời ở trong câu hỏi thứ nhất ,thì y phải có thể trả lời câu hỏi thứ hai ,và chính câu trả lời cho câu hỏi thứ hai sẽ nhắc nhở cho y có thể trả lời câu hỏi thứ nhất cho trúng cách.

Trong Lời Bình luận viết bằng tiếng Bắc Phạn liên quan đến đoạn Thánh kinh này,có nhiều danh từ được dùng để chỉ cái Nguyên-

lý ẩn tàng và không được tiết lộ đó . Trong những tác phẩm viết tay cổ xưa nhấtcủa văn chương Ấn độ ,vị Thượng Đế trừu- tượng, không được tiết lộ này thì không có danh hiệu .Người ta thường gọi Ngài là"Cái Đó"("That") (theo tiếng Bắc Phạn là Tad) và người ta gán cho Ngài đủ mọi danh từ đã có ,đang có và sẽ có , hay bất cứ danh từ nào mà trí óc loài người có thể đặt ra.

Trong số những danh từ đó,dĩ nhiên là chỉ được tiết lộ trong Triết học Nội Môn(Esoteric Philosophy) ,thí dụ như"Sự Tối Tăm thâm sâu thăm thẳm không đáy","Luồng Gió Lốc" v. v. . ,Ngài cũng được gọi là"Đấng của Kâlahansa"("It of the Kalahansa"),"Ka -la -ham-sa" và cả "Kâli Hamsa"(Con Thiên Nga Đen) . Nơi đây , chữ "m" và chữ "n" có thể đổi chỗ cho nhau và cả hai chữ này đều được đọc như vần Pháp văn an hay am theo giọng mũi. Giống như trong Thánh Kinh Hi bá lai và cả Thánh Kinh Bắc Phạn,nhiều danh hiệu thiêng liêng huyền bí khi được đọc lên cho lỗ tai kẻ phàm tục nghe thì cũng không có ý nghĩa gì hơn những tiếng tầm-thường ,hủ lậu,vì những danh hiệu thiêng liêng này được giấu - kín theo lối hoán tự (anagram)(1) hay lối khác .Chữ Hamsa hay Hansa chính là ở trong trường hợp giống như thế.

(1) ⌐ Hoán tự : cách đổi vị trí 1 chữ trong 1 tiếng để làm thay đổi ý nghĩa và giấu kín nghĩa chính của chữ đó ,thí dụ chữ "signe"(dấu hiệu) đổi thành "singe"(con khỉ) LND ⌙

Hamsa có giá trị tương đương với "A-ham-sa"— ba tiếng này có nghĩa là "Tôi là Ngài" ("I am He") ;còn nếu tiếng đó được chia cắt theo 1 lối khác thì sẽ thành "So-ham",nghĩa là "Ngài là Tôi"("He (is) I") —Soham có giá trị tương đương với Sah , nghĩa là "Ngài"("he") và aham,nghĩa là Tôi hoặc "Tôi là Ngài". Đối với người hiểu biết thì chỉ riêng một chữ này cũng chứa đựng ngôn ngữ của sự minh triết ,sự bí mật cao cả và cái giáo lý chủ trương rằng bản chất con người giống hệt với bản chất Thượng Đế. Vì vậy mới có biểu tượng (glyph) và chuyện ngụ ngôn về Kalahansa (hay Hamsa) và mới có danh hiệu gán cho Brahman(trung lập),và về sau gán cho Đức Brahma có nam tính ;vì vậy mới có biểu tượng về Hamsa -Vahana (Đấng dùng Hamsa làm vận cụ). Cũng vẫn tiếng đó có thể đọc thành "Kalahamsa" hay "Tôi là Tôi" trong sự trường-tồn của thời gian ,tương đương với câu "Ta là Linh Ngã"("I am that I am") trong Thánh Kinh Cổ đốc hay có lẽ trong Thánh Kinh của Bái Hỏa giáo thì đúng hơn .Trong Kinh Bí giáo Do Thái(Kabal ah) cũng có giáo lý nói trên ,bằng cớ là đoạn văn sau đây được trích ra từ 1 cuốn sách viết tay ,không xuất bản ,của ông S.Lid-dell Mc Gregor Mathers ,một người Bí giáo Do thái uyên thâm :

"Ba đại danh từ Hua,Ateh,Ani —Ngài,Nhà Ngươi ,Ta(Tôi) được dùng để tượng trưng cho những ý niệm về Thượng Đế Tuyệt-Đối Tối Cao (Macroprosopus) và Thượng Đế hữu hình(Microprosopus) trong Kinh Bí giáo Hy Bá lai. Hua nghĩa là Ngài,kẻ đó,được dùng để chỉ Thượng Đế Tối cao được che kín và ẩn tàng ;Ateh ,Nhàngươi được dùng để chỉ Thượng Đế hữu hình ;và Ani,Ta ,được dùng đểchỉ Thượng Đế hữu hình khi Ngài nói (Xin đọc "Lesser Holy Assembly (Hội Nghị Tiểu Thánh),trang 204 và kế tiếp (1)) . Ta nên ghi nhớ rằng mỗi danh hiệu đó có ba chữ ,trong đó chữ Aleph א, A, là chữ chót của tiếng Hua và là chữ đầu của tiếng Atah và Ani ;chữ Ale-ph này dường như sợi dây nối liền những tiếng đó lại với nhau; nhưng chữ א là tượng trưng của sự Duy Nhất và do đó là tượng-trưng cho ý niệm bất biến chủ trương rằng Thượng Đế tác động qua mọi tiếng ấy. Nhưng ở đàng sau chữ א trong danh hiệu Hua có những chữ ו và ה , tượng trưng cho số sáu và số năm ,Âm và Dương, Ngôi Sao 6 cánh và Ngôi sao 5 cánh . Và những con số của ba tiếng này là 12, 406 và 61 ;những số này được thu gọn trong ba số căn bản là 3 ,10 và 7 theo như kinh bí truyền Do Tháivới 9 căn phòng ,nó là 1 hình thức để giải nghĩa qui luật Temura.

(1) 〔 Xem"Additional Notes" (Những lời ghi chú thêm)trang 340 ở bản Anh văn 〕

Thật là vô ích nếu ta cố gắng giải thích trọn vẹn cả sựbí mật này . Những người duy vật và những nhà khoa học kim thời sẽ không bao giờ hiểu nó cả ,vì muốn hiểu rõ ràng sự bí mật này , trước hết ,ta phải chấp nhận 1 thuyết giả định chủ trương rằng, trong Thiên Nhiên có 1 Thượng Đế trường tồn vô sở bất tại,có mặt khắp nơi ;thứ nhì ,phải hiểu sâu xa sự bí mật của điện lực trong bản chất thực thụ của nó ,phải tin tưởng rằng ở cảnh giới hồng-trần,con người là cái biểu tượng có bảy thể của Đơn vị Cao cả và Duy Nhất tức là Thượng Đế ,Ngài chính là cái dấu hiệu có bảy nguyên âm ,là Hơi Thở được kết tinh thành Thánh Ngữ(Word) (2).

(2) 〔 Một lần nữa,điều này lại giống giáo lý của ông Fichte và các người Phiếm Thần Đức quốc. Ông Fichte tôn thờ Đức Jesus như là vị Đại giáo chủ đã truyền dạy rằng Tinh thần con người và Tinh Thần Thượng Đế hay cái Nguyên lý phổ biến chỉ là Một (Giáo-Lý Nhất Nguyên luận) .Giáo lý này rất cao siêu ,chỉ nhìn nhận Thượng Đế Tuyệt Đối vô hình và coi mọi vật như là ảo tưởng nhất thời . Thật khó lòng mà tìm thấy trong khoa siêu hình học Tây - phương 1 sự suy luận nào chưa hề được Triết lý cổ truyền Đông-phương ghi nhận từ trước. Từ ông Kant cho đến Herbert Spencer , tất cả khoa siêu hình học Tây phương chỉ là những tiếng vang bị

biến thành nhiều hay ít của các giáo lý đại cương Nhị Nguyên-luận (giáo lý này chủ trương bản chất con người dị biệt với Thượng Đế) Nhất nguyên luận,Phệ Đàn Đà (môn phái Vedanta nghiên cứu về bản thể Thượng Đế) 7

Ai tin tưởng tất cả những điều này cũng phải tin tưởng vào vô số những sự phối hợp giữa bảy bầu hành tinh đó trong Huyền bí học và trong Bí giáo Do thái với 12 dấu hiệu của vòng Hoàng đạo và —giống như chúng tôi—phải biết rằng mỗi bầu hành tinh và mỗi chòm sao đều có 1 ảnh hưởng"đặc biệt hoặc thiện hoặc ác tùy theo vị hành tinh quân(planetary spirit)chưởng quản bầu hành tinh hay chòm sao đó" Ngài có thể có ảnh hưởng đến người và vật có tính cách hoà hợp với Ngài ,đồng thanh đồng khí với Ngài" theo lời ông Ely Star (1 nhà huyền bí học người Pháp)đã nói". Vì những lý do đó và vì ít người tin tưởng vào những điều đã kể trên ,cho nên,trong cả hai trường hợp ,hiện nay người ta chỉ có thể tiết lộ rằng cái biểu tượng của Hamsa (dù nó có nghĩa là Tôi,là Ngài,là Con Ngỗng hay con Thiên Nga) là 1 biểu tượng quan trọng có nghĩa tỷ dụ mà Minh triết thiêng liêng ,sự Minh-triết trong cõi U minh ngoài tầm hiểu biết của con người. Như mọi người Ấn Độ đều biết ,theo ý nghĩa công truyền,Hansa là 1 con chim kỳ diệu ,theo sự tích ngụ ngôn ,khi người ta trộn sữa với nước cho nó uống thì nó lọc sữa ra khỏi nước ,nó uống sữa và để nước lại ;như vậy chứng tỏ rằng nó có sự minh triết bẩm-sinh vì sữa là biểu hiệu của tinh thần và nước là biểu hiệu của vật chất .

Tích ngụ ngôn này rất cổ xưa và có từ thời đại tối cổ ; điều này được chứng tỏ trong Kinh Bhagavata Purana,trong đó , người ta nói đến 1 giai cấp được mệnh danh là Hamsa hay Hansa, đó là"giai cấp duy nhất"tuyệt luân ,khi trong dĩ vãng xa xôi mờ mịt đã bị lãng quên ,giữa những người Ấn độ ,chỉ có 1 kinh Phệ-đà duy nhất ,một giai cấp duy nhất". Cũng có 1 rặng núi trong Hy mã lạp sơn được miêu tả trong kinh sách cổ xưa rằng rặng núi này đứng ở phía Bắc núi Tu Di (Meru) có tên là Hamsa và có liên quan đến những đoạn văn nói về những bí pháp của các tôn giáo và các sự điểm đạo . Trong những kinh sách công truyền và bản-dịch của những người khảo cứu văn hóa Đông phương ,thật là 1 điều hoàn toàn sai lầm khi nói rằng Kalahansa (con Thiên Nga của thời gian,tức là Thượng Đế Tuyệt Đối Vô hình. LND)là vận cụ của Brahma Prajapati (sự tổng hợp của mọi thần lực sáng tạo trong vũ trụ. LND). Những người này gọi Brahman trung lập là Kala - Hansa và gọi Đức Brahman có nam tính là Hansa -Vahana (Đấng cưỡi Thiên Nga) vì quả thật vận cụ của Ngài là con Thiên nga hay Ngỗng.

[Xin so sánh với cuốn "Dictionary of Hindu Mythology"(Tự-điển thần thoại học Ấn độ) của ông Dowson ,trang 57]

Đó là 1 lời chú giải hoàn toàn công truyền . Theo bí giáo và theo luận lý ,nếu Brahman,Đấng Vô cùng ,là đúng như tất cả những gì mà các nhà khảo cứu văn hóa Đông phương đã miêu tả và đúng với kinh sách Vedanta ,nghĩa là Ngài là 1 vị Thượng Đế trừu tượng không hề có 1 đặc tính nào của con người ,và cùng 1 lúc , người ta lại cứ chủ trương gọi Ngài là Kalahansa — vậy thì làm sao Ngài có thể trở thành vận cụ của Brahman ,vị Thượng Đế hữu-hình ,hữu hạn ? Sự thật thì hoàn toàn trái ngược thế. " Con Thiên nga hay con ngỗng "(Hamsa) là biểu hiệu của Thượng Đế nhất thời hoặc có nam tính ;Đức Brahma — hiện thân của Tia sáng căn-bản ,được sử dụng như là vận cụ của Tia sáng thiêng liêng ,nếu không thì Tia sáng này không thể tự biểu lộ trong vũ trụ — nói theo lối phản ngữ thì Ngài được phát sinh chính từ cõi U minh — dù sao,đối với trí óc loài người của chúng ta thì là như vậy đó. Vậy thì Đức Brahma là Kalahansa (Con Thiên Nga của thời gian)và Tia sáng là Hansa Vahana (Đấng cưỡi Thiên Nga) .

Cái biểu tượng lạ lùng được lựa chọn như vậy thật cũng hết sức gợi hình ,ý nghĩa thần bí thực sự là cái ý niệm về 1 cái khuôn tạo hóa được hình dung bởi những làn nước nguyên thủy của cõi thâm sâu hay là sự mở ra để thâu nhận và do đó để phát ra cái Tia sáng Duy nhất ấy (Đức Thượng Đế hữu hình) tự nơi Ngài có chứa đựng Bảy Tia sáng sáng tạo hay là bảy Uy lực (các vị Thượng Đế hữu hình hay các vị Tạo Tác). Vì vậy nên môn phái Hoa Hồng - Thập Tự mới lựa chọn giống chim lội dưới nước —hoặc con Thiên-nga hoặc con bồ nông (1)với bảy con chim con để làm thành 1 biểu tượng mà tôn giáo của mỗi xứ đều chấp thuận và sửa đổi lại.

(1) [Dù giống chim này là Thiên nga,ngỗng hay bồ nông thì đó là điều không quan hệ ,vì nó vẫn là giống chim sống dưới nước; giống như tinh thần,nó bơi lội trên những dòng nước và do đó xuất phát từ những dòng nước mà sinh ra những sinh vật khác . Đó chính là ý nghĩa thực sự của cái biểu tượng của cấp bậc thứ mười tám của môn phái Hoa Hồng Thập tự ,tuy rằng sau này nó được thi vị hóa thành tình mẫu tử của con chim bồ nông tự xé ngực ra mà lấy máu nuôi bảy con nhỏ dại]

Ainsoph ,Đấng Tuyệt đối được gọi là "Linh hồn chói lửa của chim bồ nông" trong sổ mục Thánh thư(Book of numbers(2).

(2) [Cái lý do tại sao Đức Môi-se cấm ăn chim bồ nông và Thiên nga (Kinh Tái lập giáo pháp(Deuteronomy) xiv,16,17) cho rằng hai thứ chim này là ô trược ,và chỉ cho phép ăn "loài châu

châu trở trụi...ăn bọ dừa và cào cào cùng các con đồng loại " (Kinh Giáo Pháp Levi ,xi ,22) ,là 1 lý do hoàn toàn có tính-cách sinh lý và liên quan đến môn biểu tượng học thần bí ,ta chẳng nên hiểu chữ này cũng như bất cứ chữ nào khác theo nghĩa ~~xxxxxxxx~~ đen;vì cũng giống như tất cả các chữ khác ,đây là một chữ bí truyền và nó có thể có nghĩa là "thánh thiện" hoặc"không thánh thiện". Đó là 1 tấm màn che rất gợi hình liên quan đến 1 vài điều mê tín dị đoan — thí dụ như dân Nga không bao giờ ăn thịt chim bồ câu ,không phải vì nó ô trược mà vì người ta đã tin rằng Đức Thánh Linh đã hiện ra dưới hình thức 1 con chim bồ câu. Xin đọc cuốn 2,phần 2 ,Tiết 5 nói về Thượng Đế ẩn tàng , những biểu tượng và dấu vết của Ngài]

Trong mỗi Đại Kiếp,Ngài lại hiện ra như là Đức Narayana hay Svayambhuva ,Đấng Tự tồn (the Self-Existent) ,Ngài đi vào trong Vũ trụ noãn ,rồi về sau, khi thời kỳ ấp trứng kết liễu , Ngài từ trong trứng đó mà đi ra và thành Đức Brahma hay Prajapati ,Đấng sinh ra vũ trụ vị lai ,rồi Ngài lại ngự trị ở nơi đó. Ngài là Purusha (Tinh Thần) ,nhưng Ngài cũng là Prakriti (Vật-chất) nữa . Vì thế cho nên Prajapati chỉ trở thành Đức Brahma sau khi tự phân chia thành hai nửa -Brahma Vach (có nữ tính)và Brahma -Viraj (có nam tính).

9- <u>Ánh sáng là ngọn lửa lạnh ,và ngọn lửa là lửa,rồi lửa sinh ra sức nóng ,sức nóng sinh ra nước —nước của đời sống trong nơi Đức Mẹ cao cả (1)</u> .

(1) [Sự Hỗn Mang (Chaos)]

Phải nhớ rằng những danh từ'ánh sáng',ngọn lửa' và'lửa' đã được dịch giả dử dụng theo ngữ vựng của các"triết gia tôn sùng lửa " cổ xưa (2) để khiến cho những danh từ và biểu tượng được dùng trong bản văn chính được sáng nghĩa hơn.

(2) [Đây không phải là những nhà luyện kim đan thời Trung cổ ,mà là những nhà pháp thuật và những người tôn sùng lửa ,họ đã cho các người thuộc môn phái Hoa hồng Thập tự hay các triết-gia thờ lửa ,những người kế nghiệp những vị có phép thần thông, mượn tất cả những ý niệm của họ có liên quan tới lửa, 1 nguyên-tố thiêng liêng và thần bí]

Nếu không thì 1 độc giả người Âu sẽ không sao hiểu nổi những danh từ và biểu tượng đó . Tuy nhiên,đối với 1 sinh viên huyền bí học ,thì những danh từ trên cũng đủ rõ ràng rồi.

Tất cả những tiếng "Ánh sáng", "Ngọn lửa" và "Lửa","Sức nóng","Nước" và "Nước của Đời sống",trong cảnh giới này của

chúng ta ,thì đều là con cháu của Điện lực,hay là những sự tương quan với điện lực,nói theo lối của một nhà vật lý học hiện- đại. Điện lực là 1 tiếng đầy uy lực và là 1 biểu tượng còn nhiều uy-lực hơn . Đó là Đấng Thiêng Liêng phát sinh ra các con cháu cũng thiêng liêng không kém : Ngài sinh ra lửa— Lửa là Đấng Tạo Tác, Đấng gìn giữ và Đấng Phá hủy ,Ngài sinh ra ánh sáng — tinh hoa của các vị Tổ tiên thiêng liêng của chúng ta ; Ngài sinh ra ngọn Lửa — linh hồn của sự vật. Điện lực là Đời Sống trên 1 mức độ cao ; ở 1 mức độ thấp, nó là Chất Lỏng của cõi trung giới(Astral Fluid) ,là cái lò của nhà luyện kim đan ; đó là Thượng Đế và Ma quỉ, Điều Lành và Điều dữ . . .

Nay tại sao trong các đoạn Thánh Kinh người ta lại gọi Ánh sáng là "Ngọn lửa lạnh" ? Vì (như nhà huyền bí học đã truyền dạy) ,trong cái trật tự của sự tiến hóa trong vũ trụ ,năng lượng hằng làm cho vật chất sống động sau khi được kết lại thành các nguyên tử ,thì ở cảnh giới của chúng ta đây,nó được phát sinh do sức nóng của vũ trụ ; và trước thời kỳ đó,vũ trụ không hiện tồn dưới hình thức vật chất bị tan rã . Lời Bình Luận nói rằng Vật Chất Căn Bản Nguyên Thủy trường tồn và cùng tuổi với Không Gian thì <u>Vô thủy vô chung ,không nóng không lạnh ,nhưng có 1 bản chất riêng và đặc biệt</u>". Sự nóng và sự lạnh là những đặc tính tương-đối và có liên quan đến phạm vi của các thế giới hữu hình ,những thế giới này đều do vật chất hữu hình mà có ,ở trong cái trạng - thái hoàn toàn ẩn tàng của nó thì vật chất này được gọi là " Vị Đồng Trinh Lạnh Lùng"("Cold Virgin") ; khi nó được thức tỉnh đối với đời sống thì nó được coi như là "Người Mẹ" . Những thầnthoại Tây phương cổ nói về vũ trụ ,kể rằng ,trước hết ,chỉ có đám sương mù lạnh lùng (người Cha) và đất bùn phì nhiêu(người Mẹ,Ilus hay Hyle) , con Rắn của thế gian(Vật chất) (1) từ đó mà bò ra.

(1) [Tác phẩm "Nữ Thần Isis lộ diện", q. I,trang 146]

Vì vậy,vật chất nguyên thủy chỉ là"1 sự chiếu sáng mát lạnh ,không màu sắc,không hình dáng,không mùi vị,không có 1 đặc-tính hay trạng thái nào cả" trước khi nó phát sinh thì cảnh giới muôn đời vô hình và được thức tỉnh khi Fohat thúc đẩy cho nó rung động lên để tác động . Những người con đầu tiên của nó cũng giống như vậy ; đó là "Bốn người Con trai Duy nhất và sau này trở thành bảy " — đó là những Đấng vì có những đặc tính và danh hiệu nên được các nhà huyền bí học cổ xưa của Đông phương gọi là bốn trong bảy "Trung tâm thần lực" chủ yếu hay nguyên tử,sau này được phát triển thành "những nguyên tố vĩ đại của vũ trụ",hiện nay được chia thành bảy mươi hay đôi chừng bảy mươi tiểu nguyên tố(sub-elements) mà khoa học đã biết ."Bốn đặc tính căn bản" của những

vị Thiền Định Đế Quân đầu tiên ,vì thiếu những danh từ thích-hợp hơn ,nên được gọi là Tiên Thiên khí,Dĩ thái,Nước và Lửa. Nói theo từ ngữ của huyền bí học thực hành thì những đặc tính này tương đương với những cách mà khoa học định nghĩa các chất hơi— để cho các nhà huyền bí học cũng như người phàm có một ý-niệm rõ ràng về điều này, những chất hơi này có thể được gọi là Siêu khinh khí(Parahydrogenic; para :đem lại thần lực của bên kia) ,Siêu dưỡng khí(Paraoxygenic) ,Dưỡng khí kiềm Khinh khí(Oxy-hydrogenic) và Xú dưỡng khí(Ozonic) và có lẽ cả Đạm khí nữa(Ni-trozonic) ; những lực hay những chất hơi sau chót này (theo huyền bí học thì giác quan không thể cảm thấy chúng được , tuy nhiên, chúng là một chất nguyên tử (atomic substance)) là những chất có hiệu lực nhất và hoạt động nhất khi chúng truyền năng-lượng cho cảnh giới thô trược hơn của vật chất đã được biến hóa. Những nguyên tố này vừa có dương điện vừa có âm điện . Chúng và những nguyên tố khác có lẽ là những sợi dây nối đang thiếu sót của môn hóa học . Đối với khoa luyện kim đan và những nhà huyền bí học thường sử dụng những quyền lực có tính cách hiện tượng , thì những chất này lại mang những tên khác. Những hiện tượng vĩ đại nhất được phát sinh vì người ta đã dùng lửa của cõi trung - giới để phối hợp ,tái hợp hoặc phân tán những "nguyên tố".

10-Cha và Mẹ dệt 1 mànglưới . Phía trên của màng lưới được gắn vào Tinh thần (1),Ánh sáng của Bóng Tối Duy nhất;đầu dưới thì gắn vào phía dưới tối tăm tức là Vật chất (2), và màng lưới này là vũ trụ do hai Thực chất hợp nhất làm một là Svabhav(mà được dệt thành.

(1) ⟨ Purusha ⟩
(2) ⟨ Prakriti ⟩

Trong kinh Mandukya Upanishad (I,I ,7) có viết:"Giống như con nhện buông lưới ra và thu lưới vào,giống như cỏ ở dưới đất mọc lên ,vũ trụ được phát sinh từ Đấng Duy Nhất bất hư hoại",tức là Đức Brahma ,vì "Mầm Mống của sự Tối Tăm bí mật"là nguyên liệu phát sinh ra mọi vật hằng tiến hóa và phát triển ,"cũng giống như nhện phát sinh ra lưới nhện ,nước phát sinh ra bọt nước vậy". Thật là rõ rệt và đúng thực nếu danh từ Brahma ,"Đấng Sáng Tạo", được phát sinh ra từ ngữ căn brik có nghĩa là tăng trưởng hay n nảy nở và biến thành vũ trụ được làm bằng bản chất của chính Ngài.

Ông Goethe đã diễn tả ý niệm này 1 cách nên thơ khi ông nói :

Như thế tôi đứa thoi trên cái khung cửi đang gào thét của thời gian

Và đệt cho Thượng Đế cái tấm áo mà người thấy Ngài đang mặc

11- Nó (1) nở ra khi Hơi Thở của Lửa (2) thổi lên nó;khi Hơi Thở của Mẹ(3) chạm vào nó thì nó co rút lại .Rồi những người Con (4) chia lìa nhau mà đi rải rác khắp nơi,để rồi lại trở về lòng Mẹ khi ngày vĩ đại chấm dứt để lại được hợp nhất với Mẹ.Khi nó (5) nguội lạnh đi thì nó sáng chói . Những người con của Mẹ nở rộng ra và co rút lại xuyên qua bản thể và trái tim chúng;chúng thâu gồm cả sự vô cùng tận.

(1) [Màng lưới]
(2) [Người Cha]
(3) [Cội rễ của vật chất]
(4) [Các nguyên tố với những uy lực hay Trí khôn sáng của chúng]
(5) [Màng lưới]

Vũ trụ nở rộng ra dưới "Hơi Thở của Lửa";câu nói này rất gợi hình dưới ánh sáng của thời kỳ "Đám sửng lửa" mà khoa học tân thời đã nói đến rất nhiều ,nhưng thật ra biết về nó rất ít.

Lời Bình luận giải nghĩa rằng :sức nóng quá khiến cho các nguyên tố phức hợp bị vỡ nát và biến hóa các thiên thể trở thành cái nguyên tố Nguyên thủy Duy Nhất của chúng .

"Một khi bị tan rã ra thành cái bản chất cấu tạo đầu tiên của nó ,khi bị 1 tiêu điểm hay trung tâm nhiệt độ (năng lượng) thu hút và đụng chạm tới — nhiều trung tâm như thế được chuyển chỗ đi đi lại lại trong không gian —thì 1 thiên thể dù sống hay chết cũng sẽ bị biến thành hơi và được giữ 'trong lòng Mẹ' cho đến khi Fohat gom góp 1 ít đám vật chất của vũ trụ (Tinh vân)và truyền cho nó 1 sự thúc đẩy ,sẽ khiến nó lại chuyển động ,phát-sinh ra sức nóng cần thiết và để cho nó tiếp tục sự phát triển mới mẻ của chính nó ".

"Cái màng lưới" —tức là vật chất cấu tạo nên thế gian ,các nguyên tử —khi nở rộng ra khi co rút lại ,như thế là diễn tả sự cử động nhịp nhàng ,vì đó là sự co rút và sự nở rộng đều đặn theo nhịp điệu của Đại Dương vô bờ bến và vô cùng tận ,của cái mà chúng ta có thể gọi là thực thể của vật chất ,do Svabhavat (tức là Akasha,Tiên thiên khí) phát sinh ;khiến cho những nguyên tử trong khắp thế gian rung động lên . Những sự việc này cũng khiến ta nghĩ đến 1 điều gì khác nữa.Nó chứng tỏ rằng cổ nhân đã biết rõ điều mà hiện giờ nhiều nhà khoa học và nhất là các nhà thiên-văn học không sao hiểu được —đó là nguyên do khiến cho vật-chất hay nguyên liệu của thế gian bốc cháy lần đầu tiên ,sự mâu thuẫn

của sự co rút vì lạnh mà lại phát sinh ra sức nóng được vànhiều sự bí mật khác nữa khó giải quyết của vũ trụ —vì không sao lầm lẫn được,sự việc này chứng tỏ cổ nhân biết rõ những hiện tượng như thế . Những Lời Bình Luận của bản thảo viết tay nói :"Trong mỗi nguyên tử có sức nóng bên trong và sức nóng bên ngoài " tác giả đã được đọc những Lời Bình luận này "Hơi Thở của Cha"(Tinh-Thần) và Hơi Thở (hay sức nóng) của Mẹ (Vật chất) "; những lời Bình luận này giảng giải rằng cái lý thuyết tân thời chủ trương rằng lửa của mặt trời sẽ bị tắt đi vì sức nóng bị tiêu hao do phóng xạ là 1 lý thuyết sai lầm . Lối ước đoán này sai lạc dù chính các nhà khoa học có chấp nhận nó . Vì như giáo sư Newcomb (1) đã nói rõ :"Khi tiêu hao sức nóng, 1 hình thể làm bằng chất hơi co rút lại và sự co rút này phát sinh ra một sức nóng lớn hơn sức nóng đầu tiên mà hình thể ấy đã mất đi để tạo ra sự co rút." Sự mâu thuẫn nghịch lý này làm nảy sinh ra những cuộc tranh luận dằng dai ,vì theo nó thì 1 hình thể khi bị lạnhcàng co rút vào bao nhiêu thì lại càng trở nên nóng bấy nhiêu .

(1) [Tác phẩm "Popular Astronomy"(Thiên văn học bình - dân) trang 507-508]

Người ta viện lẽ rằng sức nóng dư thừa do sự phóng -xạ bị mất đi và nếu ta ước đoán rằng nhiệt độ không bị giảm thấp cùng một tỷ lệ với sự co rút của vật chất dưới một áp lực luôn-luôn đồng đều thì tức là ta phủ nhận định luật Charles. Sự co rút làm cho sức nóng phát sinh ,điều này đúng thật ;nhưng sự co rút(vì lạnh) thì không thể phát sinh trọn vẹn 1 số nhiệt độ bất cứ lúc nào cũng tồn tại trong khối đó hay là cũng không thể giữ cho 1 hình thể có mãi 1 nhiệt độ đồng đều v.v... Giáo sư Winchell cố gắng giải quyết sự nghịch lý này —thật ra đây chỉ là sự nghịch lý bề ngoài mà thôi ,như ông J.Homer Lane (2) đã chứng-minh —khi gợi ý kiến :"Ngoài sức nóng ra phải có 1 cái gì khác!"

(2) ["American Journal of Science"(Tạp chí Khoa học Hoa Kỳ) tháng bảy năm 1870]

Ông đặt câu hỏi :"Có thể đó là các phân tử xô đẩy nhau không ? và sự xô đẩy này thay đổi theo 1 định luật nào đó liên-quan đến 1 khoảng cách xa (x3).

(3) [Tác phẩm "World -Life or Comparative Geology"(Đời sống của thế gian hay là môn địa chất học đối chiếu)do tác-giả Alexander Winchell ,Tiến sĩ Luật khoa ,trang 85 (1883)]

Nhưng dù sao thì điều này cũng chưa được ổn định trừ phi "cái sức nóng bên ngoài nào đó " được gọi là"sức nóng Vô căn - nguyên" là "Hơi Thở của lửa",cái thần lực sáng tạo ra mọi sự , cộng thêm với cái Trí thông Minh Tuyệt đối mà dường như khoa -

Vật lý học không muốn chấp nhận .

Tuy nhiên,có thể rằng khi ta đọc đoạn Thánh Kinh này,tuy cách hành văn của nó thật là cổ kính ,ta vẫn thấy nó có tính - cách khoa học hơn là chính nền khoa học tân thời bây giờ.

12- Lúc đó,Svabhavat gởi Fohat đi để làm cho các nguyên-tử rắn cứng lại . Mỗi cái(1) là một thành phần của Màng lưới(2). Giống như một tấm gương ,mỗi nguyên tử phản chiếu "Đấng Tự Tồn" (3) ,rồi đến lượt nó trở thành một Thế Giới (4).

(1) [Mỗi nguyên tử]
(2) [Vũ trụ]
(3) [Ánh sáng nguyên thủy]
(4) [Như thế có nghĩa Ngọn Lửa từ 1 nguồn lửa thì không sao tắt được ,và Ánh sáng của toàn thể vũ trụ có thể được châm từ 1 cái đèn nhỏ mà không làm cho ngọn lửa của đèn giảm bớt đi]

Fohat làm cho các nguyên tử cứng rắn lại ,nghĩa là khi truyền năng lượng vào chúng ,Fohat làm cho "các Nguyên tử" hay Vật chất Nguyên Thủy rải rác khắp nơi . "Ngài tự tung mình ra khắp nơi ,cùng một lúc ,Ngài cũng làm cho vật chất tung ra thành các nguyên tử".(Những Lời bình luận của bản thảo viết tay).

Chính xuyên qua Fohat mà những ý niệm của Toàn Linh Trí được in vào vật chất . Chúng ta có thể có 1 quan niệm lờ mờ về bản chất của Fohat nhờ danh từ "Điện lực của vũ trụ" mà có khi người ta dùng để chỉ Fohat ; nhưng trong trường hợp này , ngoài những đặc tính thông thường của điện ,ta còn phải kể thêm những đặc tính khác nữa kể cả trí khôn . Thật là thú vị khi ta nhận thấy rằng khoa học kim thời đã phải kết luận rằng mọi việc làm hay mọi sự hoạt động của óc đều có kèm theo những hiện tượng của điện(5).

(5) [Muốn biết nhiều chi tiết khác về Fohat ,xin coi Đoạn Thánh Kinh 5 và Những Lời Bình Luận]

ĐOẠN THÁNH KINH 4

1- . . . . Hỡi các con của trái đất, hãy nghe lời huấn thị của những bậc thầy là các con của Lửa (a). Hãy biết rằng không hề bao giờ có thủy có chung ,bởi vì tất cả đều là 1 số, xuất hiện từ cái không số (b).

(a) Những danh từ "Con của Lửa","Con của hào quang" v.v. . cần được giải thích vì chúng có liên hệ đến 1 điều bí hiểm lớn nhất mà không dễ gì diễn giải cho thật rõ ràng . Có 1 đoạn Thánh kinh Bhagavad Gita ,trong đó Krishna nói 1 cách bóng dáng và

huyền bí như thế này :

"Tôi sẽ nói lúc (điều kiện) . . . mà những nhà mộ đạo đi khỏi (cõi trần) và không bao giờ trở lại (tái sinh) . Lửa,ngọn lửa,ban ngày ,tuần trăng trước rằm (15 ngày may mắn) ,6 tháng mặt trời ở phía Bắc chí điểm ,quá cố . . . đó là lúc kẻ nào biết Brahman (Yogis) đến với Ngài . Còn lúc có khói,ban đêm ,tuần trăng từ rằm đến ba mươi (15 ngày không may) , 6 tháng mặt trời ở phía nam chí điểm (suy vong) thì lúc ấy là lúc người mộ đạo đi vào ánh sáng (cung) của mặt trăng hay tinh tú quang và trở về (tái sinh) sau này .Hai con đường này , một sáng,một tối,đều vĩnh cửu trong cõi đời này (hay là Đại Kalpa)(1).

(1) ⌜ Kalpa là trọn cả thời gian hoạt động hay nghỉ ngơi ; Maha kalpa hay là Đại Kiếp của Brahma (100 năm của Brahma) là 311 040 000 000 000 năm . Mỗi năm của Brahma có 360 ngày và 360 đêm . Mỗi ngày của Brahma là 4 320 000 000 năm ⌟

Trên 1 con đường ,con người đi không bao giờ trở lại ,còn trên con đường kia thì con người trở lại (2).

(2) ⌜ Rút trong quyển "Sacred Book of The East",chương 8, trang 80-81 ,bản dịch của Telang (Các Thánh Thư ở Phương Đông)⌟

Những danh từ "Lửa","Khói","Ngày","Đêm","thượng tuần" v.v.. đưa đến tận cùng của Thái âm lộ(Lunar path) đều không thể hiểu được nếu không có 1 kiến thức về huyền môn .Đó là tên những vị thần cai quản những quyền năng tâm linh trong vũ trụ .Chúng ta thường nghe nói về Huyền giai của "Ngọn Lửa"(3) ,của "Những Con của Lửa" v.v.... Đức Chankaracharya ,vốn là Tối Đại Sư HuyềnMôn ở Ấn độ ,nói rằng :"Lửa có nghĩa là vị thần minh cai quản thời-gian . Nhà thông thái dịch giả quyển Bhagavad Gita là ông Kashi-nath Trimbak Telang ,Cao học văn chương ,ở Bombay,thú nhận rằng "ông không có 1 ý niệm rõ rệt nào về ý nghĩa của những đoạn thơ này (4) . Đối với người nào biết giáo lý huyền môn thì không phải thế .

(3) ⌜ Xem quyển 3 và 4 ⌟

(4) ⌜ Sách đã dẫn ,trang 81,chú thích cuối trang ⌟

Ý nghĩa thần bí của những biểu tượng Thái dương và Thái âm đều có liên hệ đến những câu kinh nói trên . Những Đấng Pitris là những vị Nguyệt Tinh Quân và cũng là thủy tổ của loài người, bởi vì các vị ấy tạo nên thể chất con người . Các Đấng Agnishva-tta và các Đấng Kumaras (Bảy Vị Hiền Triết thần bí) là những vị Nhật Tinh Quân ,tuy rằng các Đấng Agnishvatta cũng là Nguyệt Tinh Quân ,và tất cả đều là những Đấng cấu tạo nên phần tâm-linh

nội tại của con người . Các Đấng ấy là "Những Đấng Con của Lửa", gọi như vậy vì các vị là những Đấng đầu tiên xuất hiện từ lửa nguyên thủy (trong Giáo Lý Bí Truyền gọi là các "Đại Trí"),Đấng Christ sẽ được phát lộ với các vị thiên thần của Ngài trong lửa đỏ phừng (1) .

(1) [Thánh thư Thessalonica , i,7,8]

Đấng Thánh Linh (Holy Ghost) xuống với những vị Tông Đồ của Chúa dưới hình thức "Ngọn Lửa"(2) .

(2) [Thánh truyện (Acts) ,ii,3]

Vishnu sẽ đến ;cỡi trên con ngựa trắng tên là Kalki ,như là một vị Hóa thân chót (Avatara) ở chính giữa lửa và ngọn lửa, và ông Soshios cũng sẽ xuống "trong cơn trốt lửa" cỡi ngựa trắng. Và tôi thấy trời mở ra ,rồi giữa đám lửa cháy phừng phừng hiện lên con ngựa trắng và có người cỡi nó ... người ấy là Thần Đạo của Trời (Word of God)(3) .

(3) [Khải Huyền(Apocalypse) ,xix 11 và 13]

Lửa là hậu thiên khí(Aether) trong trạng thái thuần khiết nhất ,bởi đó nó không được coi như vật chất mà như sự đồng nhất của hậu thiên khí (vị thần biểu lộ thứ nhì). Nhưng có 2 thứ lửa và giáo lý huyền môn phân biệt 2 thứ đó .Một là lửa Tiên thiên, vô hình vô sắc,hàm súc trong Mặt Trời Tâm Linh Trung ương ,được coi như gồm ba phương diện (tam thể) theo ý nghĩa siêu hình.Còn một là lửa hậu thiên của vũ trụ biểu lộ gồm bảy khía cạnh (thất phân) bàng bạc trong cả vũ trụ là Thái dương hệ . Thiên bình luận viết :" Lửa kiến thức đốt cháy mọi hành động trên địa hạt của ảo giác . Bởi đó,những ai đã đạt được sự hiểu biết và giải-thoát ,được gọi là "Lửa". Đề cập đến thất quan(seven senses) , được biểu tượng hóa như là các Hotris (Lễ sư) ,Narada đã dạy trong Anugita như sau :"Như vậy thất quan (vị giác,khứu giác,màu sắc,âm thanh ....)này là các nguyên nhân giải thoát";và dịch giả còn thêm rằng :"Chính chân ngã phải giải thoát khỏi thất quan ấy. Trong câu "Ta...thiếu các tính chất","Ta" phải có nghĩa là bản-ngã,chứ không phải là người Bà la môn đang nói(4).

(4) ["Các Thánh Thư ở Phương Đông"(Sacred Books of the East),bản dịch của Telang ,viii,trang 278]

(b) Câu nói "Tất cả là một số xuất hiện từ cái không số" cũng có liên hệ đến giáo điều đã được giải thích trong đoạn ba (Bình luận 4) . Cái tuyệt đối ,tất nhiên là không số ,nhưng trong ý nghĩa sau cùng ,nó cũng được áp dụng trong Không gian cũng như trong Thời gian .Nó có nghĩa là không những mỗi một sự tăng thêm thời gian là một phần của 1 khoảng lớn hơn ,chí đến thời gian

kéo dài đến vô tận mà phàm trí con người có thể quan niệm được, mà còn có nghĩa là không 1 vật biểu lộ nào có thể quan niệm được,trừ phi nó là 1 phần tử của 1 toàn thể rộng lớn hơn và cái toàn thể rốt ráo là vũ trụ biểu lộ xuất phát từ cái không biểu lộ hay Tuyệt đối,được gọi là Bất Tại(Non-Being)hay Không Số (No -Number) để phân biệt với Thực Tại(Being) hay "Một Số Duy Nhất" ("One Number).

2- Hãy biết rằng chúng ta,hậu duệ của Bảy Đấng Nguyên Thủy ,chúng ta sinh ra từ Lửa Nguyên Thủy ,đã học hỏi của Cha chúng ta . . .

Đề tài này đã được giải thích rõ rệt trong quyển thứ nhì và câu "Ngọn Lửa đầu tiên" tăng cường ý nghĩa cho câu đầu của đoạn Thánh kinh 4 .

Sự dị biệt giữa những Đấng Sáng Tạo Nguyên Thủy và Bảy Đấng Sáng Tạo kế tiếp là những vị trước xuất phát trực tiếp từ Tử Nguyên đầu tiên ,gọi là Tetraktys ,tức là Đấng Tự Tại (Self-Existent) One) —trường cửu trong Tinh hoa ,chứ không phải trong biểu lộ và khác với cái Một Đại Đồng —.Tiềm tàng trong chu- kỳ Hỗn nguyên và hoạt động trong chu kỳ Khai Nguyên. Các Đấng Nguyên Thủy xuất phát từ "Phụ Mẫu" còn Tứ nguyên biểu lộ và Bảy vị sau này chỉ xuất phát từ ngôi Mẹ mà thôi .Chính Ngôi Mẹ này là Đức Mẹ đồng trinh vô nhiễm ,mà cái bí mật của vũ trụ lướt qua ở trên chứ không thấm nhuần ,khi Mẹ xuất hiện từ trạng-thái Tiên thiên ,vô cực (Laya:trạng thái không phân hóa hay biểu- lộ) .Thật sự ,các Đấng chỉ là một ,nhưng những phương diện của các vị trên các cõi giới đều khác nhau.

Những Đấng Nguyên Thủy là các Đấng Cao Cả nhất trêngiai tầng sinh hoạt . Đó là những vị mà bên Thiên Chúa giáo gọi là các vị Đại Thiên Thần ,các Đấng không chịu sáng tạo (hoặc đúng hơn là phân thân) cũng như Michael trong Thiên Chúa giáo và "Đứa con út sinh ra từ trí" của Brahma (Vedhas).

3- Từ ánh sáng chói loà ,tia sáng của Bóng tối trường-cửu ,những năng lượng thức tỉnh (Dhyan Chohans)xuất hiện trong không gian ; số Một từ quả trứng ,số Sáu và số Năm (a).Kế đó là Ba,Một,Bốn,Một,Năm . Tổng cộng là hai lần Bảy(b) .Và đó là những tinh hoa,những ánh lửa,những nguyên tố ,những Đấng Sáng Tạo , những con số (c),vô sắc tướng,hữu sắc tướng ,tổng cộng là mãnh-lực hay con người thiêng liêng . Và từ con người thiêng liêng , sinh ra những hình thể,những điểm linh quang ,những vật thiêng, và những sứ giả của các vị Tinh quân (Pitris)bên trong Tứ nguyên

thiêng liêng(and the Messengers of the Sacred Fathers(Pitris) within the Holy Four) (1).

(1) [Trong số học huyền linh ,số 4 được tiêu biểu bằng Tứ linh diệu ,Hình vuông thiêng liêng và toàn bích ,là 1 con số linh thiêng đối với các nhà huyền học thuộc mọi quốc gia vàchủng tộc . Nó có cùng một ý nghĩa trong Bà la môn giáo ,Phật giáo,Do thái bí giáo và trong các hệ thống đếm số của Ai cập ,Chaldea và các nước khác]

(a) Câu này có liên hệ tới khoa thần số bí truyền(the Sacred Science of the Numerals);thực vậy,trong việc nghiên cứu huyền bí học,khoa này có tính cách thiêng liêng và quan trọng đến nỗi mà ngay cả trong 1 tác phẩm vĩ đại như tác phẩm này ,ta cũng chỉ mới có thể bàn lướt qua đề tài này . Điều bí mật của toàn thể vũ trụ được xây dựng trên những cấp đẳng thiêng liêng và con số chính xác của những Đấng ấy là những Đấng vốn vô hình vô ảnh (đối với chúng ta)trừ ra những trường hợp rất hiếm .Chẳng hạn như các Kumaras ,được gọi là Tứ thiêng ,tuy rằng thật sự có đến Bảy vị ,bởi vì các vị Sanaka,Sananda,Sanatana và Sanat-Ku-mara là những Đấng chính ,vì các Ngài xuất phát từ "Tứ Nguyên huyền bí". Để cho toàn bộ vấn đề này rõ hơn nữa,ta phải quay sang việc dùng các giáo điều quen thuộc hơn với một vài độc giả (nghĩa là các tín đồ Bà la môn) để minh họa.

Theo Đức Bàn Cổ,Hiranyagarbha là Brahma ,kẻ trượng-phu đầu tiên(the first male) ,do nguyên nhân khôn tả bản sơ tạo ra trong 1 "Trứng bằng vàng chói lọi như mặt trời"(the "Từ điển cổ điển Ấn độ") . Hiranyagarbha có nghĩa là Kim quang noãn hay đúng hơn là quang huy noãn . Ý nghĩa này chẳng ăn khớp gì với tôn-danh "trượng phu" . Chắc là ý nghĩa nội môn của câu này cũng đủ minh bạch rồi . Trong "Rig Veda" có dạy như sau ; " Cái Đó,Đấng Chúa tể Duy Nhất của vạn hữu ... Nguyên Khí Duy Nhất làm linh - động chư thiên và loài người" ,xuất lộ ngay từ đầu ,trong Kim quang Noãn (Hiranyagarbha) ;đó chính là vũ trụ noãn ,tức hình cầu tạo thành vũ trụ ta . Đấng này chắc hẳn là bán thử bán hùng ,bằng chứng là chuyện ẩn dụ Brahma phân thân làm hai và tự tạo ra mình là Virâj ở 1 trong các bán thân của mình (Vâch thử tính : the female Vâch). "Số Một xuất phát từ Trái Trứng,số 6 và số 5" hợp thành con số 1065 ,trị số của Đấng Bản sơ (về sau biến thành Brahma-Prajapati thử hùng) ,Ngài lần lượt tương ứng với số 7,14 và 21 . Cũng như các Đấng Sephiroth ,Prajapati chỉ gồm có 7 vị ,kể cả Sephira tổng hợp của Tam nguyên sản sinh ra các Ngài . Như vậy, từ Hiranyagarbha ,tức Prajapati ,Ba Ngôi(Ba

Ngôi Bản sơ của Kinh Phệ Đà),xạ ra 7 Đấng hay 10 Đấng khác(nếu ta phân tách Ba Ngôi Bản sơ vốn là Tam vị nhất thể);và lại,tất-cả đều được bao hàm trong "Đấng Tối Cao" duy nhất ,Parama ,được gọi là Guhya hay "Bí Nhiệm" và Sarvatman ,(Đại Hồn:"Super-Soul). "Bảy Đấng Hiện Tồn ẩn tàng trong Sarvatman cũng giống như tư - tưởng ẩn tàng trong ác". Các Đấng Sephiroth cũng vậy .Các Ngài gồm có 7 vị khi tính từ Tam nguyên thượng (Kether giữ địa-vị chóp bu) hoặc 10 vị khi xét về mặt ngoại môn. Trong Kinh Maha-bharata ,các Đấng Prajapati gồm có 21 vị ,tức là mười,sáu và năm (1065) ,ba lần bảy (1).

(1) [Trong kinh Kabalah,cũng chính những con số ấy,nghĩa là 1065,là một trị số của Jehavah,vì trị số của 3 chữ hợp thành danh xưng của Ngài — Jod , Vau và hai lần Hé —lần lượt 10 , 6 và 5 ,tức là 3 lần 7 hay 21 . Hermes dạy "Số 10 là Mẹ của Linh-hồn ,vì sự sống và ánh sáng được hợp nhất trong đó ". Ấy là vì số một sinh ra từ Tinh thần ,còn số 10 sinh ra từ vật chất(Hỗn-nguyên khí ,âm); đơn vị đã tạo thành số 10 ,số 10 đã tạo thành đơn vị".(Bí Quyết Thánh Thư :Book of the Keys).Theo giáo sĩ Do Thái Yogel ,nhờ vào Temura(phương pháp hoán tự của Kinh Kabalah) và sự hiểu biết về 1065 (21),ta có thể có được một khoa học đại đồng thế giới liên quan tới Vũ trụ và các bí nhiệm của nó .Các giáo sĩ Do Thái coi các số 10 , 6 và 5 là các con số linh thiêng nhất]

(b) Câu "Ba,Một ,Bốn,Một,Năm tổng cộng là hai lần bảy" hợp thành số 31415 ,tức thành phần các vị Thiền Định Đế Quân thuộc nhiều đẳng cấp khác nhau và cõi giới nội tại (2).

(2) [Ta có thể cho độc giả biết rằng ,nay,một tín đồ Do-thái bí giáo người Mỹ cũng tìm ra con số ấy đối với Elohim . Nó được dẫn Chaldea truyền thụ cho người Do Thái . Xem "Phép đo lường Cổ Do Thái" trong Tạp Chí Tam Điểm ,tháng 7 năm 1885,chi-bộ Mac Millan , số 141]

Khi được đặt trên biên chu của vòng giới hạn - cũng được gọi là Dhyanipasha ,"Sợi dây của Chư Thiên", "Sợi dây" ngăn cách Hiện tượng giới với Thực tượng giới (thế giới này không ở trong phạm vi tri thức ngoại cảnh của ta)- khi không được khuếch đại bằng cách hoán vị và bành trướng,con số này bao giờ cũng là 31415 . Khi xét theo hoán tự cũng như Thánh Kinh Do Thái Bí giáo nó đều là con số của vòng tròn và chữ Vạn huyền bí , lại là"hai lần bảy" . Ấy là vì cho dù ta đếm hai tập hợp chữ số này như thế nào đi chăng nữa , khi cộng từng chữ số lại với nhau , hoặc là từ phải qua trái ,hoặc là từ trái qua phải ,bao giờ chúng

cũng cử cho ta kết quả là 14 . Xét về mặt toán học ,chúng trình bày 1 công thức trị danh ,đó là tỷ số của đường kính đối với chu vi của 1 vòng tròn bằng 1/3,1415 tức là trị số của π (pi) — người ta gọi nó như vậy đó. Tập hợp các chữ số này phải có ý-nghĩa giống như vậy ,vì 1/3,14159 và 1/3,1415927 đều là kết quả của các phép tính toán bí nhiệm nhằm biểu diễn nhiều chu kỳ và kiếp khác nhau của "Đấng Bản Lai",tức là 311 040 000 000 000 được chia thành các phân số ,bằng 1 tiến trình mà nay ta không quan tâm đến ,nó cũng cho ta kết quả là 13415 . Ta có thể chứng tỏ là ông Ralston Skinner (tác giả của quyển "Nguồn gốc các kích thước") đã thuyết minh từ ngữ Hê-brơ "Alhim" theo các trị-số giống như vậy —bằng cách bỏ các số không và hoán vị - 13514 vì (a) là 1(một), (l)(chữ lờ) là 3 (30) , (h) là 5 , (i) là 1 (10) và (m) là 4 (40) ;và khi hoán tự, đó là 31415 (ông giải - thích như vậy đó).

Trong thế giới siêu hình ,vòng tròn với 1 điểm trung-tâm vốn không có số và được gọi là Anupadaka (không cha mẹ và không số) vì nó không thể tính toán được , còn trong thế giới biểu-lộ Vũ trụ noãn hay vòng tròn được đặt nằm trong những nhóm gọi là đường thẳng ,Tam giác, Ngũ giác,đường thẳng thứ nhì và khối vuông (hay là 13514) (1) . hình (square)

(1) [Trong ấn bản 1888 và bản thảo 1886 ,những điều này được trình bày là :đường thẳng,hình Tam giác,hình ngũ giác,đường thẳng thứ nhì và hình khối vuông (cube)]

Và khi điểm chấm đã vạch ra một đường thẳng và trở nên 1 đường kính tượng trưng cho ~~không~~ x Thượng Đế lưỡng tính,thì khi đó con số trở thành 31415 tức là 1 tam giác, 1 đường, 1 hình vuông (2) , 1 đường thứ nhì và 1 hình ngũ giác (3).

(2) [Trong ấn bản 1888 là khối vuông(cube)]

(3) [Trong ấn bản 1888 và bản thảo 1886 ,các điều này được trình bày là : 1 tam giác, 1 khối vuông, 1 đường thứ nhì và 1 hình ngũ giác]

"Khi Con tách rời khỏi Mẹ,nó trở nên Cha",đường kính tượng trưng thiên nhiên hay Âm nghi (feminine principle) . Bởi vậy,mới nói :"Trong thế giới Thực hữu(world of Being) ,ngoại tại,1 điểm chấm tạo nên 1 đường , cái khuôn đúc vô nhiễm(Virgin Matrix) của Vũ trụ (con số 0 tượng hình quả trứng) - và Mẹ đồng trinh sinh ra hình thể ,nó phối hợp mọi hình thể "; trong Ấn giáo,Prajapati được gọi là người nam đầu tiên có sinh sản và "chồng của Mẹ y"(4)

(4) [Ở Ai Cập,ta cũng thấy lối diễn đạt y như vậy.Mout có khi nghĩa là"Mẹ" và biểu thị tính cách mà người ta gán cho nàng

trong Tam nguyên (triad) của xứ này . Nàng vừa là Mẹ vừa là Vợ của Ammon , 1 trong các tôn danh chính yếu của vị thần linh vốn là "chồng của Mẹ mình".Người ta tôn xưng Nữ thần Mout hay Mût là "Mệnh phụ phu nhân"("Our Lady") ,"Nữ Hoàng Thiên giới", "Nữ-hoàng Địa cầu" ,như vậy nàng đã có chung tôn danh với các nữ - thần mẫu nghi khác như Isis, Hathor ,v.v... "(Maspero).7

Điều này là nguồn cội của tất cả những lời nói ẩn dụ sau này về những Đấng Con thiêng liêng được sinh ra do những Đấng Mẹ vô nhiễm . Một việc đáng kể chứng minh điều ấy là Anna , Mẹ của Đức Thánh mẫu đồng trinh Mary mà giáo hội Da Tô cho rằng đã sinh ra Đức Bà Mary trong sự vô nhiễm ,vốn là do tự căn Ana của xứ Chaldea có nghĩa là Trời hay Tinh quang (Anima Mundi). Bởi tự căn đó mà nữ thần Devi Durga của Ấn giáo ,"phu nhân" của thần Shiva , cũng được gọi là Annapûrna và Kanya (Đồng trinh); bí-danh là Uma- Kanya có nghĩa là ánh sáng vô nhiễm tức 1 trong vô số phương diện của chất tinh quang (astral light).

(c) Những cấp đẳng Thiên Thần của Ấn giáo ,mệnh danh là các vị Devas , Pitris, Rishis ; chư thiên Suras và Asuras ; Dai -tyas và Adityas ; Danavas và Gandharvas v.v. . . . đều có những danh từ đồng nghĩa trong giáo lý huyền môn . Nhiều vị trong số đó cũng có trong các đẳng cấp thiên thần của Da Tô giáo với những danh hiệu mới mẻ hơn và được gọi là Thrones,và Dominions ,Virtues và Principalities ,Cherubs ,Seraphs và Chư Quỷ (Demons) ,nhiều cư dân khác nhau của Tinh giới ,tất cả đều là các mô phỏng hiện đại của các nguyên kiểu cổ sơ . Khi được chuyển dịch và sắp đặt theo tiếng Hy lạp và La tinh,chính biểu tượng ký trong các danh xưng của họ cũng đủ để chứng tỏ điều này (ta sẽ chứng tỏ điều này trong nhiều trường hợp sắp tới).

(d) Những "Vật Thiêng"("Sacred Animals") đều được nói đến trong Thánh Kinh (Bible) cũng như trong kinh Kabalah và có ý - nghĩa sâu xa về nguồn gốc sự sống. Trong Sepher Yetrirekh ,có nêu rõ rằng "Thượng Đế ghi khắc lên Tử Linh Thánh Toà vinh diệu của Ngài,Auphanim (các Diệu Luân tức các bầu thế giới),Seraphim và các con thú linh thiêng ,trên cương vị các Thiên sứ;Ngài tạo ra chỗ ngự của mình từ Phong ,Thủy ,Hỏa,Dĩ thái.

Sau đây là bản dịch sát nghĩa của các tiết 9 và 10 :

" Mười con số mà không có cái gì ? Một : Tinh thần của Thượng Đế linh động ... Ai đã sống trong các chu kỳ vĩnh cửu ? Diệu âm ,Tinh thần và Huyền âm , đó là Thánh Thần (Holy Spirit). Hai : Khí (trong ấn bản 1888 là Tinh thần (Spirit) xuất phát từ

Tinh thần . Ngài đã thiết kế và đào luyện ra 22 chữ cơ sở (gồm 3 mẫu âm, 7 chữ kép và 12 chữ đơn) và Tinh thần duy nhất . Ba: Thủy xuất phát từ Tinh thần ;Ngài đã thiết kế và đào luyện ra cái khô cằn và trống rỗng ,bùn và đất . Ngài đã thiết kế chúng thành 1 luống hoa ,đẽo gọt chúng thành một bức tường và lát đá chúng thành một nền đường . Bốn : Lửa xuất phát từ nước . Ngài đã thiết kế và đào luyện ra thánh toà vinh diệu và các diệu luân(the wheels) ,seraphim và các con thú linh thiêng trên cường vị các Thiên sứ . Ngài dùng ba thứ trên để ~~xxxxxxx~~ dựng nên chỗ ngự của mình , Ngài tạo ra chư thiên thần và các ngọn lửa để phụng-sự mình !"

Nhóm từ "dựng nên chỗ ngự của mình" chứng tỏ rằng trong Kinh Kabalah cũng như ở Ấn độ ,người ta coi Thượng Đế là vũ trụ , chớ không phải thoạt kỳ thủy ,Ngài là Thượng Đế ngoại vũ trụ như hiện nay .

Như vậy,thế giới được tạo ra nhờ vào Ba Seraphim (Sepher, Saphar và Sipur) hoặc nhờ vào "con số, các con số và con số được đếm (numbered)". Đối với bí quyết thiên văn học, các "con thú linh thiêng này" biến thành các cung của Hoàng đới (Zodiac).

4- Đây là đạo binh của Diệu âm ,tức Thể Thất nguyên thiêng liêng . Những đốm lửa của số bảy chịu lệ thuộc và là tổ-tổ của thứ nhất ,thứ nhì,thứ ba,thứ tư,thứ năm ,thứ sáu và thứ bảy của số bảy (a). Những đốm lửa này được gọi là bầu trời,tam - giác ,khối vuông,đường thẳng và tạo thành kiểu mẫu ,bởi vì đó là Nidana trường cửu ,tức Oi-Ha-Hou (b) (1) .

(1) [Trong nội bộ các nhà huyền linh học Đông phương ở miền Bắc,từ ngữ này có nghĩa đen là 1 cơn gió lốc . Nhưng trong trường hợp này ,đó là 1 từ để chỉ chuyển động vũ trụ vĩnh viễn, không ngừng nghỉ ,hoặc đúng hơn là thần lực làm nó vận chuyển , thần lực này được mặc nhiên chấp nhận là Thượng Đế ,nhưng không bao giờ được định danh . Đó là Karana vĩnh cửu ,nguyên nhân hằng tác động .(Xem Chhandogya Upanishad ,chương I,tiết 13 ,V. 1-3 . Với 1 ngôn từ bí hiểm , 3 câu thơ đã trình bày đại cương về toàn bộ những gì được tóm tắt ở đây trong chương I)]

(a) Câu kinh này cũng phân tích sơ lược cấp đẳng các vị Thiên Định Đế Quân ,bên Ấn độ gọi là Thiên thần (Devas) (Gods) , hay là những quyền năng có ý thức thông tuệ trong thiên nhiên.Cấp đẳng này cũng phù hợp với sự phân loại của loài người ,vì toàn thể nhân loại thật ra là sự biểu lộ của cấp đẳng ấy ,tuy hãy còn bất-

toàn. "Đạo binh của Diệu âm" là 1 danh từ có liên hệ chặt chẽ với bí mật của Âm thanh và Ngôn ngữ ,hậu quả và hệ luận của Tư Tưởng Thiêng liêng là nguyên nhân . Ông P.Christian ,tác giả quyển"Lịch-sử pháp thuật" và"Người Da Đỏ làm ngói"(Histoire de la Magie and L'Homme Rouge des Tuileries) đã giải thích rõ ràng điều này : những lời mà con người thốt ra cũng như tên của người ta ,đều chỉ định một phần lớn số mạng của mình . Tại sao vậy ? Bởi vì :

"Khi tâm (tức là cái trí) tạo ra hay gợi lên 1 tư tưởng,thì tư tưởng ấy ghi sâu vết trong chất lưu động của cái vía ,nó tiếp nhận tư tưởng đó và trở nên thành 1 tấm kiếng chói lọi những biểu lộ tâm tình của con người .

Dấu vết chỉ rõ sự việc ,sự việc là đúc tính (ẩn tàng hay huyền bí) của dấu vết.

Nói lên 1 lời, tức là gợi lên 1 tư tưởng và làm cho nó hiện lên . Uy lực từ điển của lời nói con người là giai đoạn đầu tiên của sự biểu lộ trong Giới Huyền môn. Nói lên 1 danh - hiệu chẳng những để xác định 1 Thực thể ,mà còn để cho và buộc nó phải chịu tác dụng của 1 vài mãnh lực huyền bí (nhờ việc thốt rahuyền âm). Đối với tất cả chúng ta , sự vật là cái mà Huyền âm biểudiễn khi định danh chúng . Lời nói của mọi người là 1 lời ban phúc hoặc 1 lời nguyền rủa mà bản thân người ta không hề ý thức được.Đó là lý do tại sao hiện nay ta hoàn toàn mù tịt về những tính chất và thuộc tính của ý tưởng ,cũng như của vật chất ,lại thường làm hại ta.

Đúng vậy,danh hiệu (và ngôn từ) đều có tính cách lành hay dữ ;theo 1 ý nghĩa nào đó ,chúng có thể độc hại hay bổ dưỡng ,tùy theo những tác dụng ẩn tàng của Minh triết vô thượng đối với các phần tử của chúng ,nghĩa là các chữ hợp thành chúng , và các số tương hệ với các chữ này .

Điều này thuộc phần giáo lý nội môn mà tất cả các phái huyền môn phương Đông đều chấp nhận . Trong Phạn ngữ cũng như trong tất cả mọi thứ ngôn ngữ khác, mỗi chữ đều có 1 ý nghĩa thần bí và diệu dụng của nó : nó là 1 nguyên nhân và 1 hậu quả của 1 nguyên nhân trước đó ,và sự phối hợp những yếu tố này thường gây nên 1 ảnh hưởng kỳ lạ nhất . Đặc biệt là những nguyên âm (vowels) có chứa đựng những quyền năng thần diệu và mãnh liệt nhất .Người Bà la môn biết rõ cách đọc những chân ngôn hay thần chú (Mantras), kinh Phệ đà cùng các Thánh kinh khác .

"Đạo binh Diệu âm" là nguyên hình của "Đội Thiên sứ của Trời" , tức là " Huyền âm" trong kinh Sepher Yetzireh ;còn trong Giáo Lý Bí Truyền ,nó được gọi là "Số Duy Nhất phát xuất từ Không

Số" —Nguyên Lý vĩnh cửu Duy Nhất .Thần phổ học huyền bí khởi sự với số Một biểu lộ , bởi biểu lộ nên nó không vĩnh cửu ,nhưng tinh hoa của nó thì trường tồn —Nó là con số trong nhiều con số và các con số đã được kể ra.Những con số đã được kể ra đó là do Tiếng Nói mà ra ,nó cũng do Shatarupa"với trăm hình thể " tức là Thiên nhiên vậy . Chính số 10 ,hay là Thiên nhiên sanh hóa hay là Bà Mẹ (số ze -ro huyền bí hay là "o" sanh hóa luôn luôn bằng cách hiệp nhất với số"1" hay là Tinh thần của sự sống) sinh hóa ra trọn cả vũ trụ.

Trong quyển Anugita(1) ,người ta có nói về cuộc đàm thoại giữa người Bà la môn với vợ y về nguyên nhân của lời nói và về đặc tính huyền bí của nó .

(1) 7 vi , 15 . Anugita là một phần của Ashvamedha Parvan của bộ Mahabharata . Dịch giả quyển Chí Tôn Ca (do Max Muller biên tập) coi tác phẩm trên là tác phẩm nối tiếp "Chí Tôn Ca".Nó thoát thai từ 1 trong các Áo Nghĩa Thư (Upanishad) cổ nhất 7

Bà vợ hỏi nguyên nhân của lời nói này ,và cái nào có trước ? Lời nói hay Tư Tưởng ? Nhà Bà la môn trả lời rằng :"Chính hơi thở vô trở thành Ngài (Lord) ,rồi nó biến đổi cái trí đó (cái trí đó không hiểu lời nói) ra trạng thái của Apana ,và như thế nó mở trí. Đoạn y thuật 1 chuyện , 1 sự đàm thoại giữa lời nói và trí khôn . Cả hai đi đến nhà của Chơn ngã (nghĩa là Chơn nhơn ,theo Nilakant -ha và Prajapati ,theo nhà bình luận Arjuna Mishra),rồi nhờ Chơn- ngã phá nghi cho họ ,và nói rõ coi tiếng nói hay tư tưởng có trước & và cao siêu hơn ? Chơn ngã trả lời rằng :"Cái trí cao siêu hơn ". Nhưng tiếng nói trả lời lại Chơn ngã như vậy :"Thật ra tôi nhượng ý muốn của Ngài" , có ý muốn nói rằng :"Nhờ tiếng nói nên Ngài mới được toại lòng điều gì Ngài muốn ". Đoạn chơn ngã còn & thêm rằng :"Có hai cái trí ,trí bất động và trí di động . Ngài nói "cái trí bất động thuộc về ta ,còn cái trí di động là thuộc về địa hạt của người (nghĩa là của lời nói) trên cõi vật chất . Người là kẻ bề trên của cái trí đó ".

"Nhưng hỡi Đấng đẹp đẽ ơi ! Hỡi Ngài tự mình đến nói với tôi 1 cách hãnh diện theo như Ngài đã làm . Vậy hỡi Sarasvati ơi! Bà sẽ không bao giờ nói sau khi Bà thở ra &. (Sarasvati là vị nữ thần lời nói ,là hình thức hay trạng thái mới của Vach ,Bà cũng là thần của giáo lý bí truyền hay của sự minh triết huyền môn luôn luôn ở giữa Prana và Apana . Nhưng hỡi bà cao quí ơi ,Bà đi với khí Apana đù Bà bị cưỡng bách không có prana (hơi thở ra)Bà chạy đến Brahma và nói rằng :"Lạy Ngài đáng kính ơi ! Ngài khoái tỷ nhé ! " Đoạn Prana hiện lên 1 lần nữa ,nó nuôi lời nói và nhờ đó lời nói không bao giờ được thốt ra sau khi thở & ra

mạnh. Nó luôn luôn ồn ào hay im lặng . Vô thinh luôn luôn hơn lời nói ồn ào . . . Lời nói nhờ Prana mà sanh ra trong thân thể con người , rồi nó biến đổi ra Apana ,và về sau nó đồng hóa với những cơ quan vật chất của lời nói (Udana) ... rốt lại nó cư ngụ tại rún (Samana) ,lấy hình thức âm thanh với vai trò là nguyên nhân vật - chất của mọi ngôn từ (theo Arjuna Mishra) 2 . Đó là lối mà xưa kia lời nói đã thốt ra . Vì thế cái trí nổi bật lên bằng sự bất-động của nó ,còn thần lời nói nổi lên bằng sự linh hoạt của nó(1).

(1) [Anugita ,bản dịch của K.T.Telang "Các Thánh Thư ở phương Đông " ,trang 264-266]

Bài ngụ ngôn trên đây chỉ gốc rễ của luật huyền môn nói về sự im lặng khi đã biểu hiện vài điều bí mật và vô hình mà chỉ có trí tuệ tinh thần tri giác được thôi (trí tuệ tinh thần đây là giác quan thứ 6) chớ lời nói không thể nào tả được .

Theo Arjuna Mishra ,đoạn văn Anugita này giải nghĩa về việc điều hoà hơi thở trong khi hành Yoga . Tuy nhiên,cách hành Yoga này khi được dùng mà không hiểu,hoặc không hiểu trọn vẹn về hai giác quan trên (có 7 giác quan mà ta sẽ giải thích ở sau), thì lại thuộc về loại Yoga thấp .

Những vị đắc đạo La hán đều luôn luôn khuyến dạy đừng dùng môn Hatha Yoga . Các tư thế Hatha Yoga có hại cho sức khỏe và người ta không thể nhờ nó mà đoạt được môn Raja Yoga .Câu chuyện trên đây cũng dùng chỉ tại sao ,trong những hệ thống xưa của siêu hình học ,các sinh linh khôn ngoan hay là các Đấng Thông Tuệ (intelligences) đều liên quan chặt chẽ với mỗi giác quan hay với cơ năng vật chất hoặc trí tuệ . Giáo lý huyền môn quả quyết rằng trong con người và trong thiên nhiên đều có 7 giác quan cũng như 7 trạng thái tâm thức ,điều này đã được bổ chứng cũng trong tác phẩm đó ,chương vii, bàn về Pratyahara (sự điều phục và chế-ngự các giác quan ,còn Pranayama là sự điều phục và chế ngự các "sinh khí" hay hơi thở). Nhà Bà la môn nói về 7 thầy tu Tử Tế của Do thái giáo như vầy :" Cái mũi, con mắt, lưỡi,da ,tai là ngũ quan (hay nói cách khác : khứu giác,thị giác ,vị giác xúc,xúc-giác và thính giác là ngũ quan —còn cái trí và sự hiểu biết là 2 giác quan nữa . Tất cả là 7 giác quan ,chúng nó giống như 7 thầy tu Tử Tế Do thái đứng riêng ra từng người trong một khoảng hẹp mà không thấy nhau — trên cõi giác quan này — chỉ trừ cái trí thấy được mà thôi . Bởi vì cái trí nói :"Không có tôi cái mũi thở không được ,Không có tôi,con mắt không thấy được màu sắc . . . Tôi là chủ vĩnh cửu tất cả mọi yếu tố này (những giác quan) . Không có tôi ,

mấy giác quan này sẽ không biểu lộ ra được giống như ngôi nhà trống trải ,hoặc giả như lửa đã tắt .Không có tôi,mọi sinh linh (như củi nửa khô nửa ướt) ,không hiểu được đặc tính đồ vật cũng như đồ vật ,mặc dầu giác quan đang linh động " (1).

(1) 〔 Sách đã dẫn,chương VII,trang 267-268 . Điều này chứng tỏ rằng cũng như cả đám Hegel, Berkeleyx,Schopenhauer,Hartmann ,Herbert Spencer , xưa và nay (thậm chí cả các nhà vật tâm-luận (Hylo-Idealists) hiện đại nữa chứ),các nhà siêu hình học hiện đại chỉ là những kẻ sao chép lại quá khứ xa xưa ,không hơn không kém 〕

Điều này đành là nói về cái trí linh hoạt trên cõi cảm giác mà thôi (dục giới) . Cái trí tinh thần là thượng trí ,nó không biết gì về giác quan của con người ở cõi vật chất .Người xưa hiểu sự tương quan của những mãnh lực ,của tất cả các hiện tượng mà ta vừa mới khám phá ra ,liên hệ tới những quan năng và những tác động của cái trí và của cái xác cùng với tất cả những điều huyền - bí khác nữa . Đọc quyển sách quí Anugita nơi chương VII và VIII người ta sẽ thấy giáo lý triết học và huyền môn . Hãy đọc sự đối đápcủa các giác quan về sự cao thấp của chúng ,và ý kiến của chúng là nhờ Brahma ,Đấng hóa sinh muôn loài,làm trọng tài.Ngài nói :"Tất cả các người đều cao thượng nhất và không cao thượng nhất (hoặc cao-siêu hơn các đối tượng ,nhưng không hề độc lập với nhau — theo Ar-juna Mishra). Tất cả các người ai nấy đều có các đức tính của nhau .Tất cả các người đều cao thượng trong cõi riêng của các người và các người hỗ trợ nhau.Có 1 điều bất động là "Hơi thở vào của phép Yoga ",nó chínhlà hơi thở của Đấng Duy Nhất (đó là Chân-ngã mang nhiều hình thể " (2).

(2) 〔 Sách đã dẫn,chương viii ,trang 273-274 〕

Hơi thở này,tiếng nói này ,Chơn ngã hay hơi gió này đều là cái tổng hợp của 7 giác quan ; nói về thực thể thì chúng là những vị thần thấp ,còn nói về huyền môn ,thì chúng là Septenary (Thất-nguyên) và là Đạo binh Diệu âm.

(b) Kế đó vật chất nguyên thủy tự phân tán và hợp thành những nguyên tố qui định thành Tứ đại trong nguyên tố thứ 5 ,tức Dĩ thái , 1 biến thể của Akasha ,tức chất tinh quan (Anima Mundi) hay là Mẹ của vũ trụ.Tại sao và bằng cách nào có sự hình thành những "chấm,điểm,đường thẳng, tam giác ,khối vuông,vòng tròn " và sau cùng là những khối "bầu tròn "? Thiên bình luận nói rằng đó là luật thiên nhiên và vì Thiên nhiên tự biểu lộ theo những phương pháp kỳ hà . Còn 1 số định luật chi phối không những là vật chất

nguyên thủy màx còn cả vật chất biểu lộ trong cõi giới hiệntượng của chúng ta ,theo đó,thiên nhiên sắp xếp những hình thức kỳ- nà, kế đó là những nguyên tố hóa chất 1 cách vô cùng tinh vi theo các qui mô nhất định ,trong đó không hề có sự ngẫu nhiên hay tình cờ. Một định luật căn bản trong huyền môn là không bao giờ có sự ngừng nghỉ hay chấm dứt sự chuyển động trong thiên nhiên(1).

(1) [Nhờ quán triệt định luật này ,vị La hán có thể hiển lộng thần thông như làm tan rã vật chất ,dời một vật từ nơi này sang nơi khác]

Điều đó có vẻ như ngừng nghỉ chỉ là sự đổi thay hình-thức và đi đối với sự đổi thay hình thức là sự đổi thay chất liệu theo như khoa vật lý huyền linh dạy chúng ta ;và điều này dường như đã được đưa ra rất lâu trước khi khoa học khám phá ra luật bảo - tồn năng lượng trong cõi vật chất . Phần Cổ luận của đoạn Kinh 4 dạy(2)

"Mẹ là cá của sự sống cháy rực(fiery Fish of Life) .Nàng vung vải trứng cá thế là Linh khí (chuyển động) nung nóng và phấn kích nó . Các hạt (trứng cá) thu hút lẫn nhau lại ngay và tạc thành các cục ninh kết trong Đại dương (Không gian) . Các cục lớn liên-hiệp lại và đón nhận trứng cá mới — đó là các chấm,tam giác và khối vuông cháy rực ;chúng chín muồi và đến đúng lúc đã định , 1 số cục sẽ tách ra và có dạng hình cầu ; đó là tiến trình mà chúng chỉ thực hiện khi không có các yếu tố khác can dự vào . Sau đó , Định luật số • • • sẽ bắt đầu tác động . Chuyển động(Linh khí) biến thành cơn gió lốc và khiến cho chúng quay tròn (3).

(2) [Đây là phần Cổ luận có kèm theo phần ngữ giải hiện-đại của các đoạn kinh ,vì phần Cổ luận dưới dạng ngôn ngữ biểu - tượng thường khó hiểu chẳng kém gì chính các đoạn kinh]

(3) [Trong 1 tác phẩm bút chiến khoa học ("Sáng Thế Ký hiện đại (Modern Genesis) trang 48 ,khi phê phán lập trường của các nhà thiên văn học,giáo sĩ W.B.Slaughter đã hỏi : (Thật đáng tiếc là những kẻ ủng hộ thuyết tinh vân đã không tham dự rộng rãi vào cuộc thảo luận về nguồn gốc của chuyển động quay . Chẳng ai thèm trình bày căn bản lý luận của nó . Tiến trình làm nguội lạnh và co /tút khối vật chất đã truyền cho nó 1 chuyển động quay như thế nào ? (Winchel trích dẫn trong "Sinh hoạt thế giới" ,trang 94). Vấn đề này sẽ được bàn tỉ mỉ hơn trong phần phụ lục . Khoa học duy vật đứng hồng giải quyết được nó . Một giáo lý huyền linh dạy: "Chuyển động có tính cách vĩnh cửu trong thế giới tiên thiên và tuần hoàn trong thế giới hậu thiên . Chỉ khi nào nhiệt do ngọn lửa giáng xuống vật chất nguyên thủy đã làm chuyển vận các cấu tử của nó thì chuyển vận mới thành cơn gió lốc. Một giọt chất lỏng có

dạng hình cầu vì các nguyêntử của nó tự quay mình trong bản chất thực tượng ,cực vi và bất khả phân giải (ít ra thì cũng bất khả phân giải đối với Vật lý học) 7

5- .... Đó là Bóng Tối ,cái Vô biên hay Không số ,tức là Adi-Nidana Svabhavat,cái vòng tròn vô cực :

I. Adi-Sanat ,con số,vì nó là Một (a)

II. Tiếng nói của Diệu Âm ,Svabhavat ,những con số ,vì nó là Một và Chín (1).

III. "Hình vuông vô sắc"("Formless square") (2) (b).

(1) 7 Tức là 10 hay con số toàn vẹn để chỉ Đấng Tạo Hóa,là danh từ áp dụng cho toàn thể các Đấng Sáng Tạo hỗn hợp làm Một, chẳng hạn như "Elohim", Adam Kadmon hoặc Sephira (Vương miện) là tổng hợp bán thử bán hùng của mười Sephiroth ,các Ngài tượng trưng cho vũ trụ biểu lộ trong kinh Kabalah bình dân . Tuy nhiên,nối gót các nhà huyền linh học Đông phương ,các tín đồ Do thái bí giáo đã phân cách tam giác Sephiroth (tức Sephira,Chokmah và Binah) với phần còn lại ,gồm có 7 Sephiroth . Còn về phần Svabhavat ,các Đông phương học giả giải thích rằng từ ngữ này có nghĩa là vũ trụ chất mềm dẻo thấm nhuần khắp không gian (như vậy ,có lẽ họ chẳng quan tâm bao nhiêu tới Dĩ thái của khoa học). Nhưng các nhà huyền linh -học coi nó ~~là~~ như là đồng nhất với "Phụ Mẫu" trên cảnh giới huyền bí. 7

(2) 7 Arupa 7

Và ba cái trên đây gồm trong cái vòng tròn vô cực hợp-thành Tứ nguyên thần bí ,và Mười tức là cái vũ trụ vô sắc tướng(b). Kế đó là các Đấng "Con" ,bảy vị chiến sĩ ,cái Một,cái thứ tám bỏ ra ngoài và khí vận của nó tức là cái tạo ra ánh sáng (c)(3).

(3) 7 Bhaskara 7

(a) "Adi-Sanat" dịch sát nghĩa là "người Thái cổ",danh từ này đồng nhất hóa "Đấng Vô Lượng Thọ" của tín đồ Do thái Bí giáo và Đấng "Thánh Cổ" ("Holy Aged") (Sephira và Adam Kadmon) với Brahma, Đấng Sáng Tạo ,cũng được gọi là Sanat trong số nhiều tôn danh khác;

Svabhavat ,là cái tinh hoa thần bí ,gốc rễ của thiên nhiên hữu hình tức những "con số" khi biểu lộ trong thế giới hiện tượng; con số trong trạng thái nhất thể đại đồng ,trên cõi giới cao nhất. Đó là 1 danh từ của Phật giáo ,đồng nghĩa với Tứ nguyên Anima Mundi ,tức"thế giới kiểu mẫu" của huyền môn Kabalah,từ đó xuất hiện ra những "Thế giới sáng tạo",Hình thành và Vật chất và các điểm Linh quang - nhiều thế giới khác bao hàm trong ba thế giới nêu trên.

Tất cả các thế giới đều có các Đấng Chưởng quản ,đối với người Ấn Độ ,đó là các Đấng Thánh Hiền và các Pitris ;đối với tín đồ Do thái giáo và Thiên Chúa giáo ,đó là các Thiên Thần(Angels), đối với cổ nhân nói chung đó là chư Thần linh.

(b) Cái Vòng Tròn vô cực (số không) "○" ,chỉ trở nên 1 con số khi nào 1 trong 9 con số đi trước nó ,để biểu lộ giá trị và tiềm lực của nó . Nó là Diệu Âm hay Logos hợp nhất với tiếng nói và tinh thần (1) (biểu hiện và nguồn cội của tâm thức),tiêu biểu cho 9 con số và hợp với số không ;lại trở thành số 10 toàn vẹn chứa đựng bên trong toàn thể vũ trụ .

(1) ∠ Điều này ám chỉ Tư Tưởng Trừu Tượng và Tiếng Nói cụ thể ,tức là sự biểu lộ của nó ,hiệu quả của nguyên nhân. Trong Kinh thánh Kabalah ,Adam Kadmon(tức Tứ Linh tự) chính là Huyền Âm .Do đó cũng trong Kinh trên ,tam nguyên này tương đương với Tam giác vô - thượng Kether,Chokmah và Binah ; Binah là 1 mãnh lực âm ,đồng thời cũng là Jehovah dương ,trên cương vị kẻ chia xẻ bản chất của Chok -mah ,tức minh triết dương ∠

Tam nguyên(Triad) nằm trong vòng tròn hợp thành Tứ nguyên (Tetraktys) thiêng liêng ,hình vuông bốn góc trong vòng tròn là phù hiệu có mãnh lực lớn nhất trong tất cả các đồ hình của pháp môn huyền bí .

(c) "Cái Một bị gạt bỏ ra ngoài" là Ngôi Mặt trời của Thái dương hệ chúng ta . Ta có thể thấy lối thuyết minh ngoại môn trong các Thánh kinh Bắc phạn xưa nhất . Trong kinh Rig Veda ,Tiên thiên Huyền nữ ,Không gian vô biên — mà giáo sư Max Muller đã dịch là "Cái vô hạn hữu hình đối với mắt phàm (! !) ;cái bành- trướng vô tận vượt khỏi đất, trời,chín từng mây "— lại tương đương với "Không Gian Mẫu Nghi" , đồng thời với "U Minh".Nàng rất xứng- đáng được tôn là"Mẹ của Chư thiên" (Deva-Matri) vì tất cả các thiên thể thuộc thái dương hệ của ta (Mặt trời và các hành tinh) đều sinh ra từ khuôn viên vũ trụ của nàng. Nàng được mô tả 1 cách ẩn dụ như sau ↓ : "Tám đứa con đều đã sinh ra từ cơ thể của Tiên- Thiên Huyền Nữ ;nàng đến gần chư thiên cùng với Bảy đứa con ,nhưng lại từ bỏ đứa thứ 8 ,tức Martanda ,Mặt Trời chúng ta. Xét về mặt vũ trụ hay thiên văn ,7 đứa con (tên là Adityas) chính là 7 hành tinh ;việc mặt trời bị loại ra khỏi đám đó chứng tỏ rõ rệt rằng người Ấn độ có thể đã biết (và đích thực là đã biết) về 1 hành- tinh thứ 7 ,mà không gọi nó là Thiên vương tinh (Uranus) (1).

(1) ∠ Giáo Lý Bí Truyền dạy rằng Mặt Trời là 1 ngôi sao trung ương chứ không phải là một hành tinh . Thế nhưng cổ nhân đã biết tới và tôn thờ 7 vị Đại thần linh ,ngoại trừ Thái dương và

Địa cầu. Đâu là vị "Thần linh bí nhiệm" mà họ đã dẹp qua một bên? Dĩ nhiên,đó không phải là Thiên vương tinh ,hành tinh này mới chỉ được Herschel khám phá ra vào năm 1781 . Nhưng liệu người ta có thể đã biết tới nó với 1 danh xưng khác chăng ? Ragon cho rằng : "Nhờ vào các phép tính toán thiên văn ,huyền linh học đã khám phá ra rằng phải có 7 hành tinh ,điều này khiến cho cổ nhân phải đưa mặt trời vào âm giai của các hợp âm thiên giới và để cho nó chiếm vị trí bỏ trống . Như vậy, mỗi khi cảm thấy 1 tác dụng không thuộc về 1 trong 6 hành tinh đã biết ,họ bèn gán nó cho mặt trời... sai-lầm này dường như là quan trọng ,nhưng xét về các kết quả thực-tế, thì nó lại không hề như vậy ,nếu các nhà chiêm tinh học thay thế Thiên vương tinh bằng Mặt trời ... Mặt trời là 1 ngôi sao trung ương tương đối bất động ,chỉ quay chung quanh trục của mình ,điều chỉnh thời gian và kích thước ;người ta không thể xuyên tạc các chức - năng thực sự của nó ". (Tam Điểm Huyền linh: Maçonnerie Occulte, trang 447). Danh xưng các ngày trong tuần cũng sai lầm . Học giả nêu trên nói thêm :"Lẽ ra ngày Mặt trời (Chủ nhật) phải là ngày Thiên vương tinh " 7

Nhưng xét về mặt nội môn và thần học (tạm gọi như vậy) , theo ý nghĩa nguyên thủy nhất,Adityas là 8 và 12 Đại thần linh của chư thần linh Ấn độ .Một ngạn ngữ cổ truyền dạy :"Bảy Đấng này để cho thế nhân thấy được chỗ trú của mình ,nhưng chỉ xuất hiện trước các bậc La hán "; ở đây "chỗ trú" của các Ngài tượng trưng cho các hành tinh . "Cổ luận" trình bày và giải thích ẩn dụ sau đây : " Từ mẫu xây 8 căn nhà : 8 căn nhà dành cho 8 đứa con thiêng liêng;4 căn lớn và 4 căn nhỏ. Tám mặt trời chói lọi ,tùy theo tuổi tácvà công trạng. Bal-i-lu (Martanda) không thỏa mãn,mặc dù nhà của y lớn nhất. Y bắt đầu (làm) như các con voi không lỗ . Y hít (hút) sinh khí các huynh đệ mình vào trong bao tử,. Y ra sức ngấu nghiến chúng . Bốn căn nhà to ở xa,xa tận biên chu của cõi giới mình(hành tinh hệ) . Chúng không hề bị cướp đoạt (ảnh hưởng) và cười nhạo . Chúng bảo :"Đừng tưởng mày ngon ! Mày đừng hòng chạm được đến cọng lông chân của ông !". Nhưng mấy căn nhà nhỏ khóc ròng . Chúng bèn đi mách mẹ . Nàng đây Bal-i-lu đến tận trung tâm của cõi y ,y bị cấm cố ở đó . (Từ đó),y (chỉ) dài cổ ra ngóng và dọa dẫm . Y theo gót chúng và quay từ từ xung quanh mình ;chúng quay nhanh ra xa y; từ xa,y theo hướng mà anh em mình đi chuyển trên quỉ đạo bao quanh chỗ trú của mình .(1)

(1) 7 Theo thiên văn học,"Mặt trời luôn luôn quay trên trục của mình theo cùng hướng mà các hành tinh quay trên quỹ đạo của riêng chúng 7

Từ đó, y sống bằng mỡ hôi tiết ra từ cơ thể của Mẹ.x Y hít

đầy hơi thở của Mẹ rồi tống đi .Vì thế nàng cũng"cạch mặt"(từ) y luôn .

Như vậy đoạn trên đã chứng tỏ rằng "Đứa con bị từ bỏ" là mặt trời của ta ,còn các"Mặt trời con" ám chỉ không những là các hành tinh ,mà còn là các thiên thể nói chung . Surya (bản thân Ngài chỉ là 1 phản ánh của Mặt trời Tinh thần Trung ương) chính là nguyên kiểu của các thiên thể tiến hóa từ Ngài mà ra. Trong Kinh Phệ đà, Ngài được gọi là Loka-Chakshuh,"thế gian nhãn" và là một trong ba thần linh chính yếu . ~~Ngài vừa được gọi là~~ . Ngài vừa được gọi là Con của Dyaus ,vừa được gọi là Con của Tiên Thiên huyền-nữ , vì chẳng ai thèm phân biệt ý nghĩa nội môn của các tôn danh này.Do đó người ta mô tả rằng Ngài được kéo bởi 7 con ngựa ,hoặc bởi 1 con ngựa 7 đầu .Lối mô tả thứ nhất ám chỉ có 7 hành tinh ,lối mô - tả thứ hai ám chỉ chúng có cùng nguồn gốc chung là Hành vũ trụ duy-nhất ."Hành duy nhất" này được gọi một cách bóng bẩy là "Hỏa" . Kinh Phệ đà dạy rằng "Lửa chính là tất cả các chư thần linh"(1).

(1) Xem "Anugita" của Telang , ix,9 và Aitareya Brahmana của Haug,trang 1

Ý nghĩa của ẩn dụ thật là rõ ràng ,vì để giải thích nó,ta có cả phần Giảng lý Thiền Định Chân Kinh lẫn khoa học hiện đại , mặc dù hai bên ít ra cũng khác nhau một đặc điểm . Giáo lý huyền-môn bác bỏ giả thuyết về khối Tinh vân ,cho rằng 7 bầu hành- tinh lớn xuất phát và lớn dần từ khối lửa trung ương của Mặt trời vật-chất hữu hình . Sự cô đọng đầu tiên của vật chất nguyên thủy lẽ tất nhiên là xảy ra chung quanh 1 điểm trung ương ,là Ngôi Mặttrời chủ thể của nó ,còn mặt trời của chúng ta chỉ tự nó tách rời sớm hơn tất cả các hành tinh khác trong khi khối vật chất xoay vòng, co rút lại lần lần và như vậy ,nó chỉ là 1 thiên thể già dặn hơn và "anh cả" các hành tinh khác chứ không phải "cha đẻ" của các hành tinh này.

Tất cả 8 thần linh Adytyas đều được làm bằng chất lượng vĩnh cửu (vật chất của sao chổi(2) —Mẹ) tức"thế gian chất"(World stuff) ,chất này là cả nguyên khí vũ trụ thứ 5 lẫn nguyên khí vũ-trụ thứ 6 ,Upadhi (tức cơ sở) của Linh hồn vũ trụ chẳng khác nào Manas (3) là Upadhi của Tuệ giác (4) nơi con người(tiểu vũ trụ).

(2) Theo Huyền bí học ,tính chất sao chổi này khác hẳn với bất kỳ lý tính hoặc hóa tính nào mà khoa học hiện đại đã biết.Dưới dạng nguyên thủy ở bên ngoài các thái dương hệ ,nó có tính cách thuần trạng và chỉ biến phân hoàn toàn 1 khi nó băng qua biên giới của vùng trái đất ;bị ô nhiễm bởi bầu khí quyển của các hành tinh và vật chất đã phức hợp của chất liệu liên hành tinh ,nó chỉ có k

tính cách dị trạng trong thế giới biểu lộ của chúng ta]

(3) [Manas - Nguyên khí thần trí ,tức nhân hồn(Human soul)]

(4) [Buddhi - Linh hồn (the Divine Soul)]

Có một bài thơ bàn về các trận chiến tiền thiên(pregenetic battles) của các hành tinh đang tăng trưởng trước khi càn khôn rốt cuộc được tạo ra . Điều này giải thích vị trí dường như bị nhiễu loạn của các hệ thống hành tinh ,mặt phẳng của các vệ -tinh của một vài hành tinh (chẳng hạn như Hải vương tinh và Thiên vương tinh,nghe nói cổ nhân chẳng biết gì về điều này) bị nghiêng khiến cho chúng có vẻ đang chuyển động xin lùi . Các hành tinh này được gọi là Chiến sĩ ,kiến trúc sư và được giáo hội Thiên Chúa La Mã chấp nhận là thủ lãnh của các đạo quân Thiên giới ;như vậy,chúng cũng chứng tỏ truyền thuyết đó . Ta được bề trên dạy rằng sau khi đã từ không gian vũ trụ tiến hóa ra — trước khi rốt cuộc tạo ra các tinh vân sơ cấp và tiêu diệt các tinh vân hành tinh —MặtTrời đã thu hút vào tận trong khối vật chất của mình tất cả mọi sinh-lực vũ trụ mà y có thể hút được ,đe dọa sẽ "nuốt chửng các huynh-đệ" yếu ớt của mình ,trước khi luật hút và đẩy rốt cuộc được điều chỉnh . Sau đó ,y bắt đầu được cấp dưỡng nhờ vào "sự từ chối vàmỡ hôi của Mẹ" tức là nhờ vào các phần tử hậu thiên khí (Linh khícủa Linh hồn vũ trụ)— đến nay khoa học vẫn còn mù tịt về sự tồn tại và cấu tạo của chất này . Vì ông William Grove (5) - ông đã trình bày lý thuyết cho rằng thái dương hệ "đang biến đổi dần dần nhờ thêm vào hoặc bớt đi các bầu khí quyển hoặc chất liệu tinh vân" , và "mặt trời có thể làm cho chất hơi cô đọng lại khi nó du hành trong không gian và như thế có thể tạo ra nhiệt" —đã phát biểu 1 thuyết thuộc loại này ,nên ngay cả trong thời đại hiện nay, giáo-lý cổ truyền dường như cũng có đủ cơ sở khoa học (6).

(5) [Xem "Sự tương hệ của các Lực vật lý" trang 81,ấn-bản 1843 và "Diễn từ gửi Hội Anh Quốc",1866]

(6) [W.Mattieu Williams trong "Về sự bảo toàn năng lượng mặt trời" (Tạp chí Thiên nhiên,XXV,trang 440-444 ,9-3-1882) và tiến sĩ P.Martin Duncan trong 1 diễn từ trên cương vị Hội trưởng Hội Địa chất Luân Đôn vào tháng 5-1877 ,đã trình bày các ý tưởng tươngtự như vậy . Xem"Sinh hoạt thế giới" của Winchell trang 53 và tiếp theo]

Ông Mattieu Williams gợi ý rằng vật chất phân tán tức ête (ether) - vốn nhận các bức xạ nhiệt của vũ trụ - bị hút vào tận khối vật chất của mặt trời. Khi trục xuất chất ête đã bị cô đọng trước kia và đã mất nhiệt ra khỏi mặt trời,nó đâm ra bị nén lại và tỏa nhiệt . Đến lượt nó lại bị trục xuất dưới 1 trạng thái loãng

và nguội để rồi lại hấp thụ 1 lượng nhiệt mới (ông giả sử là ête đã hấp thụ nhiệt như thế này) rồi lại được các mặt trời trong vũ trụ tập trung và tán phân phối.

Khoa học không ngờ rằng điều này cũng gần giống với giáo lý huyền linh ,vì huyền bí học giải thích nó bằng "tử khí" mà Mar -tanda thải ra và việc nó được cấp dưỡng nhờ vào "mồ hôi và sự từ chối"của"Mẹ không gian". Những gì chỉ ảnh hưởng chút ít tới Hải-vương-tinh (1),Thổ tinh và Mộc tinh,lại giết chết những "căn nhà" tương đối nhỏ như Thủy tinh ,Kim tinh và Hỏa tinh . Vì trước cuối thế kỷ XVIII ,thiên hạ không hề biết tới Thiên vương tinh ,nênđến nay ,danh xưng của hành tinh thứ 4 mà ẩn dụ đề cập tới ,vẫn còn là 1 điều bí mật đối với chúng ta .

(1) /¯ Ta nói tới Hải vương tinh(Neptune) trên cương vị là người Âu Châu chứ không phải là nhà huyền bí học . Nhà huyền bí - học Đông phương chân chính sẽ khẳng định rằng trong khi có nhiều hành tinh vẫn còn chưa được khám phá ra trong thái dương hệ của ta , Hải vương tinh thực ra lại không thuộc về thái dương hệ, mặc dù nó có liên hệ 1 cách biểu kiến với mặt trời và mặt trời có ảnh hưởng đến nó . Theo họ, mối liên hệ này chỉ là hư ảo,hão huyền_/

"Hơi Thở" của tất cả "Bảy" (Hành tinh) được gọi là Bhaska -ra (tạo nên ánh sáng) bởi vì tất cả những hành tinh đều là những sao chổi và mặt trời vào lúc nguyên thủy . Chúng xuất hiện từ khối Hỗn Mang sơ khai để bước vào chu kỳ khai nguyên bằng cả cách kết nạp lẫn qui tụ mọi sự phân hóa đầu tiên của vật chất nguyên- thủy theo như Thiên bình luận đã diễn tả bằng câu văn thi vị :"Như vậy những con của ánh sáng khoác vào mình mảnh y phục của Bóng Tối". Chúng được gọi bằng ngôn từ ẩn dụ là những con ốc Trời ,vì có các Đấng Cao Cả vô hình (đối với mắt phàm chúng ta) cư ngụ một cách tiềm ẩn trong những hành tinh và di chuyển chúng 1 cách từ từ , chậm chạp như những con ốc trên đường vận hành của chúng trong không gian . Giáo điều nói về 1 nguồn gốc chung cho tất cả những thiên thể và hành tinh ,đã từng được các nhà thiên văn thời - cổ đưa ra trước Kepler ,Newton,Leibnitz,Herschel và Laplace . Nhiệt-lực (Khí vận) ,sức hấp dẫn và xô đẩy ,tức là ba yếu tố chính đại của sự vận chuyển ,là những điều kiện chi phối sự sinh trưởng và hủy diệt của tất cả những thiên thể ,hành tinh nói trên để rồitái sinh trở lại sau 1 "đêm của Brahma"; sau đó,vật chất trường - cửu tự thu hồi trở về trạng thái sơ khai không phân hóa của chu kỳhủy diệt . Nhà vật lý học hiện đại không thể biết gì về tính chất của những chất hơi tế vi ,khinh thanh nhất . Trước tiên là những trung tâm thần lực , những Điểm Lửa vô hình hay nguyên tử sơ khai phân-

hóa và kết hợp thành những nguyên tố và trở nên những ngôi định-tinh hay Mặt trời lần lần xuất hiện trong vũ trụ ngoại tại.

Trong cái cơ cấu thiên diễn biến hóa đó ,sự vận chuyển xoáy ốc tạo nên hình thể các tinh tú ,còn sự vận chuyển sơ khởi được điều hành và bảo tồn do những khí vận lực thường xuyên không hề ngừng nghỉ ,là những Đấng Thiên Định Đế Quân .

6-. . . . . <u>Kế đó,đệ nhị thất nguyên là những Đấng Lipi-ka được tạo nên bởi bộ ba(Diệu âm,Tiếng nói và Tinh thần).Đấng Con bị loại là Một ,nhưng Mặt trời con thì vô số.</u>

Các Đấng Lipika do tự căn Lipi(viết),dịch nghĩa là "những vị thủ bút" (1).

(1) [Đó là bốn Đấng Bất tử mà kinh"Atharva Veda" đã đề cập tới dưới danh hiệu "Các Đấng trấn giữ bốn phương trời"(Xem chương lxxvi , 1-4 và tiếp theo)]

Về phương diện thần bí đó là những Đấng Cao Cả có nhiệm vụ cai quản và điều hành luật nhân quả ,vì các Ngài là những vị ghi chép và giữ gìn những tài liệu được in dấu vết vào những ký ức vô hình (đối với chúng ta)của chất tinh quang trong vũ trụ.

Chất tinh quang này phản ánh 1 cách trung thực tất cả mọi hành động ,thậm chí mọi tư tưởng con người ,và tất cả mọi sự việc xảy ra trong quá khứ ,hiện tại và tương lai trong vũ-trụ . Nó được gọi là ký ức thiên nhiên hay Bí sử của cuộc sống (Điều này đã được trình bày trong "Nữ thần Isis lộ diện"). Đấng Lipika là Đấng phác họa kế hoạch tạo lập nên vũ trụ ngoại tại từ cái ý niệm trừu tượng của Tư Tưởng Thiêng liêng ,theo đó những Đấng Tạo tác tái tạo lại vũ trụ sau mỗi chu kỳ hỗn nguyên (Pralaya). Các Ngài có quả - vị tương đương với bảy Đấng Thiên thần hiện diện hay Bảy Đấng Tinh Quân của tín đồ Thiên Chúa giáo ;như vậy,các Ngài chính là các vị thở ký trực tiếp của Thiên ý vĩnh cửu (hay"Tư-Tưởng thiêng liêng", theo lối gọi của Plato). Ký ức thiên nhiên nói trên không phải là chuyện hoang đường và chúng ta cũng thấy có những ký ức giống như thế trong cõi phàm trần vật chất. Bác sĩ Draper có nói :

Một cái bóng hiện trên vách tường sẽ để lại trên tường 1 dấu vết trường cửu mà người ta có thể làm cho nó hiện ra rõ ràng bằng cách sử dụng những phương thức thích nghi . . . Những hình ảnh của bạn bè quen thuộc hay phong cảnh thiên nhiên mà ta đãnhìn thấy có thể biến mất trước mắt chúng ta ,nhưng chúng có thể tái-xuất hiện dưới 1 vài điều kiện đặc biệt . Một bóng ma ẩn tàng trên một mặt gương tráng bạc ,cho đến khi ta dùng thuật chiêu hồn(nec-romancy) khiến cho nó hiện ra trong thế giới hữu hình . Trên bức tường của những gian phòng kín đáo riêng biệt mà ta [illegible] tường

không ai có thể bước vào và chỉ có một mình ta ẩn trú trong đó thôi ,có in dấu vết của mọi hành động của ta và hình bóng của tất cả những gì mà ta làm trong ấy (1).

(1) ["Lịch sử cuộc xung đột giữa Khoa học và Tôn giáo" trang 132-133]

Các bác sĩ Jevons và Babbage tin rằng mọi tư tưởng đều làm cho các cấu tử của não bộ dời chỗ và di chuyển ,vung vải khắp vũ trụ .Họ cũng cho rằng "mỗi cấu tử của vật chất đang tồn tại phải ghi nhận được tất cả những gì đã diễn ra"(2) .

(2) ["Các nguyên lý khoa học", Q.II,trang 455]

Như vậy,giáo lý cổ truyền đã bắt đầu có thể xâm nhập vào trong lãnh vực suy lý của thế giới khoa học.

Bốn mười vị "Bồi thẩm"("Assessors") ,chuyên môn buộc tội linh hồn trước mặt Osiris ở vùng Amenti (Luyện ngục) ,cũng thuộc về đẳng cấp thần linh giống như Lipika ,và có thể được coi là tương đương nếu thiển hạ không hiểu một cách lờ mờ như vậy về ý-nghĩa nội môn của chư thần linh Ai cập . Ở Ấn độ Chitragupta(chuyên kế khai lý lịch của mọi linh hồn theo cuốn sổ tên là Agrasandhani), các vị bồi thẩm chuyên điều tra lý lịch theo Tâm của người chết , (nó biến thành 1 quyển sách mở ngỏ trước mặt Diêm Vương (Yama),Minos,Osiris hoặc Karma) đều là các mô phỏng và biến dạng của Lip-ika và các ký ảnh dĩ thái . Tuy nhiên, Lipika không phải là các thần linh liên quan tới sự chết ,mà là các thần linh liên quan tới sự sống đời đời bất diệt .

Vì các Đấng Lipika có liên hệ với vận mệnh của mỗi người và sự ra đời của mỗi đứa trẻ có cuộc sống đã được ghi dấu trong tinh tú quang —không phải là theo số mạng ,mà chỉ vì tương - lai cũng như quá khứ bao giờ cũng sống động trong hiện tại - nên , người ta cũng có thể bảo là các Ngài có 1 tác dụng đối với khoa tử vi đẩu số (horoscopy). Dù muốn hay không ,ta cũng phải thừa - nhận là điều trên có thực . Một trong các giáo sư chiêm tinh học hiện đại đã nhận xét như sau :

"Nay,khi thuật nhiếp ảnh đã tiết lộ cho ta tác dụng hóahọc của hệ thống tinh tú bằng cách ghi lên kính ảnh của dụng cụ quan-sát hàng tỉ ngôi sao và hành tinh (cho đến nay,các kính viễn vọng mạnh nhất vẫn không thể khám phá ra) thì ta cũng dễ dàng hiểuđược cách thức mà Thái dương hệ ta —vào lúc 1 đứa trẻ cất tiếng khóc oe oe chào đời — tác dụng vào não bộ của nó (vẫn còn trinh nguyên đối với bất kỳ ấn tượng nào) 1 cách nhất định tùy theo sự hiện-diện trên thiên đỉnh của 1 chòm sao Hoàng đới nào đó"(3).

(3) ["Tử vi đẩu số bí nhiệm" của Ely Star ,trang xi]

ĐOẠN THÁNH KINH 5

1- Thất nguyên Sơ khai, Bảy Hỏi Thở đầu tiên của Con Rồng Minh Triết ,tạo nên con trốt lửa từ những Khí vận Thiêng liêng theo vòng xoáy ốc của chúng .

Đây có lẽ là đoạn khó giải nhất của tất cả các đoạn Kinhtrong quyển Thiền Định Chân Kinh . Ngôn từ của nó chỉ có thể hiểu được đối với người nào đã hoàn toàn thấu triệt khoa biểu tượng của huyền môn Phương Đông và những cách nói ẩn dụ mập mờ của khoa ấy. Chắc có người sẽ hỏi :Các nhà huyền bí học có tin nơi tất cả các Đấng "Sáng Tạo","Lipika"và "Các Con của Ánh sáng" vừa kể trên như những Đấng Cao Cả có thật,hay đó chỉ là những hình ảnh hảo huyền do sự tưởng tượng mà thôi ?" Câu trả lời thật rõ rệt và dứt khoát là : "Một mặt vẫn có sự tượng hình những quyền năng thiêng liêng dưới hình ảnh nhân như (the imagery of personified Powers),nhưng chúng ta phải nhìn nhận sự hiện diện của những Thực Thể đó nếu chúng ta chấp nhận có 1 khía cạnh tâm linh của nhân loại bên trong cáinhân loại phàm trần hữu hình ,hữu hoại này .Bởi vì những cấp đẳng các "Đấng Con của Ánh sáng" và "Tinh Quân" xuất phát từ tia sáng biểu-lộ nguyên thủy của Đại Ngã vô cực và bất khả tri ,chính là nguồn-gốc của nhân loại tâm linh . Trừ phi chúng ta muốn tin nơi điều vô lý và phản triết học cho rằng có 1 linh hồn mới được sáng -tạo đặc biệt cho mỗi người vào lúc khai sinh kể từ thời ông Adam cho đến nay,thì chúng ta phải chấp nhận giáo lý huyền môn như đã trình bày ở trên.

Giáo lý huyền môn dạy rằng ,để trở thành một Đấng Thần - minh thiêng liêng và có ý thức hoàn toàn,chí đến Đấng Cao Cả nhất, những Đấng ấy đã phải có đi qua giai đoạ n tiến hóa của nhân loại. Khi chúng tôi nói "nhân loại",điều này không phải chỉ áp dụng cho nhân loại của địa cầu chúng ta mà thôi,mà còn chỉ những nhân vật đang sống trên mọi bầu thế giới ,tức là những sinh linh đã đạt tới mức quân bình giữa tinh thần và vật chất như chúng ta ngày nay,kể từ khi trào lưu tiến hóa đã vượt qua điểm trung bình ở khoảng giữa giống dân thứ 4 của cuộc tuần hoàn thứ 4 .Mỗi Thực Thể hay Chân - Linh phải tự định đoạt cho mình cái quyền trở nên siêu phàm,nhập-thánh qua kinh nghiệm bản thân ,triết gia Đức Hégel hẳn đã có hiểu biết hoặc cảm nhận bằng linh giác cái chân lý này khi ông ta nói rằng cái vô thức tạo nên vũ trụ ngoại tại chỉ là "với niềm hy vọng đạt tới ý thức tự ngã" riêng biệt ,nói khác đi,lá để trở nên Người ; đó cũng là ý nghĩa ẩn giấu của 1 câu trong kinh Purana , nói rằng Brahmâ luôn luôn bị "thúc đẩy bởi ý muốn sáng tạo".Điều

này cũng giải thích câu nói bí hiểm trong kinh Kabalah: "Hỡi thở trở nên khoáng chất, khoáng chất trở nên thảo mộc, thảo mộc trở nên cầm thú, cầm thú trở thành người, người trở thành Tiên Thánh (spirit), Tiên thánh thành Thượng Đế". Những Đấng Tinh Quân, các Đấng Thánh Triết (Rishis), các Đấng Kiến Tạo) v.v... đều là người -dù là với những hình thể sắc tướng nào —trong những bầu thế giới khác và trong những chu kỳ Khai Nguyên trước.

Chủ đề này thật là huyền bí đến nỗi khó giải thích nó một cách tỉ mỉ và theo mọi phương diện, vì toàn bộ bí nhiệm về sự sáng tạo tiến hóa đều được bao hàm trong đó. Chỉ 1, 2 câu kinh cũng khiến ta nhớ tới các câu tương tự trong kinh Kabalah và cú pháp của vua David (1).

(1) ["Thánh thi" Psalms, civ, 4]

Khi đề cập đến Thượng Đế, cả hai đều trình bày là Ngài biến gió thành sứ giả của mình và "biến các sứ giả của mình thành 1 ngọn lửa". Nhưng trong nội môn bí giáo, nó lại được dùng 1 cách bóng bẩy.

Con "trốt lửa" là 1 bụi lửa tiến thiên, nó chỉ tuân theo tư-tưởng chỉ đạo của "Lực lượng sáng tạo" giống như chất bụi sắt theo sát 1 khối đá nam châm. Tuy nhiên, bụi tiến thiên ấy còn là 1 cái gì khác hơn, vì mỗi hột nguyên tử trong vũ trụ có cái tiềm năng chứa đựng tâm thức riêng biệt và cũng như những điểm nhất nguyên Chơn Thần (Monad) của Leibnitz, tự nó là 1 vũ trụ riêng biệt. Nó là 1 nguyên tử và 1 thiên thần.

Về vấn đề này nên lưu ý rằng 1 trong các nhân vật ưu-tú của trường phái tiến hóa luận hiện đại, ông A.R. Wallace thực tế là đã chấp nhận toàn bộ vấn đề được bàn ở đây, khi ông bàn về sự thiếu thỏa đáng của "Sự chọn lọc tự nhiên" trên cương vị là nhân-tố duy nhất trong sự phát triển của con người vật chất. Ông cho rằng sự tiến hóa của con người được chỉ đạo và hộ trì bởi các Đấng Thông Tuệ Cao Cả vốn là 1 nhân tố thiết yếu trong cơ tiến-hóa vũ trụ. Nhưng 1 khi mà có nơi đã thừa nhận tác động của các Đấng Thông Tuệ này thì việc phát triển nó thêm nữa cũng hợp lý thôi. Ta không thể vạch ra đường lối bất di bất dịch.

2- Họ dùng nó làm sứ giả cho ý muốn của họ (a). Dzyu trở thành Fohat (b), Con của Những Đấng Con Thiêng Liêng, mà con của những vị này là những Đấng Lipika (2), chạy vòng quanh. Người đó là con tuấn mã và tư tưởng là những kỵ mã (3). Người đi mau như chớp xuyên qua những đám mây lửa (4), bước ba, năm và bảy bước dài xuyên qua bảy vùng trên và bảy vùng dưới (5). Người nâng cao giọng và kêu gọi vô số điểm lửa (nguyên tử) và kết hợp chúng lại với nhau (c).

(2) ⌜Ta không được quên sự dị biệt giữa các Đấng Kiến Tạo ,các Chơn Linh hành tinh và các Đấng Lipika(xem câu kinh 5 và 6 của phần giảng lý)⌝

(3) ⌜Nghĩa là y bị tư tưởng của họ chỉ đạo⌝

(4) ⌜Sương mù vũ trụ⌝

(5) ⌜Thế giới hiện tồn⌝

(a) Câu này có nghĩa là "Bảy Đấng Sở Nguyện" sử dụng Fohat làm cái thể của họ (Thể hay là chủ thể biểu lộ ,nó trở nên biểu tượng của quyền năng điều khiển nó). Bởi đó, Fohat được gọi là"sứ giả của ý chí" của các Ngài,tức là con trốt lửa.

(b)"Dzyu trở thành Fohat". Dzyu là chân tri hay Minh triết huyền môn nói về những chân lý trường cửu và những nguyên nhân sơ khởi cùng tột trở nên hầu như toàn lực khi nó được áp dụng theo đúng đường lối . Đối lập với nó là Dzyumi ,là cái chỉ nói về ảo - ảnh hư giả bề ngoài ,cũng như khoa học hiện đại. Trong trường-hợp này ,Dzyu là sự biểu lộ minh triết của các Đấng Thiền Định Phật .

Vì giả sử là độc giả chưa quen biết với đề tài "Thiền Định Phật",nên chúng tôi xin nói ngay rằng ,theo các nhà Đông-phương-học ,có năm vị Thiền Định Phật, mà những vị Phật của thế gian là những biểu lộ của các Ngài trong thế giới vật chất hữu hình . Tuy nhiên,theo ý nghĩa nội môn,,thì có bảy vị Thiền Định Phật ,trong số đó chỉ có năm vị giáng trần từ trước đến nay (6) còn hai vị sẽ xuất hiện trong những giống dân thứ 6 và 7 .

(6) ⌜Xem "Phật Giáo Nội Môn" của A.P. Sinnett,ấn bản lần thứ 5 ,có chú giải,trang 171-178⌝

Các Ngài là những Đấng kiểu mẫu trường cửu của những vị Phật xuất hiện trên Địa cầu,mỗi vị có một cốt cách,phong thái thần diệu đặc biệt .Thí dụ như Amitabha là Thiền Định Phật của Gautama Thích Ca Mâu Ni (Amitabha is the Dhyani-Buddha of Gautama Shakyamuni) , biểu lộ xuyên qua Đức Thích Ca mỗi khi Ngài hóa thân ở cõi hạ giới như Ngài đã xuất hiện ở Tây Tạng với danh hiệu là Tsong-kha-pa(7).

(7) ⌜Nhà đại cải cách Tây Tạng đầu tiên ,đã lập nên nhóm "Mũ vàng" Gelukpas(Tiếng Tây Tạng là Dge-lugs-pa).Ngài sinh năm 1355 sau công nguyên,ở miền Amdo ,và là hóa thân của A Di Đà Phật, tôn danh Thiêng Liêng của Phật Thích Ca .⌝

Cũng như Avalokiteshvara là vị Phật đầu tiên,Amitabha là Đấng chủ thể tâm linh của Gautama và được Phật Giáo Trung Hoa mệnh danh là Phật A Di Đà . Như Rhyas Davids đã nói rất đúng "Các Ngài là đối tượng huy hoàng trên cõi giới tâm linh ,không bị ô -

nhiễm bởi cuộc sống ô trọc của cõi trần". Mỗi vị Phật thế gian có sứ mạng cai quả sự sống tâm linh trên địa cầu trong cuộc tuần hoàn hiện tại. Các Ngài là những vị "Phật vô vi tự tại"("Buddhas of Co-ntemplation") và bất sinh bất diệt (Anupadaka),tức là tự sinh,tự hữu do nguồn gốc thiêng liêng.

Giáo lý ngoại môn dạy rằng mỗi vị Thiền Định Phật đều có khả năng tạo ra từ chính mình 1 phân thân thiêng liêng tức một Thiền Định Bồ Tát ;sau khi Đức Phật tại thế tịch diệt ,ThiềnĐịnh Bồ Tát phải tiến hành công tác của Đức Phật . Giáo lý trên dựavào sự kiện cho rằng do Đấng được "Tinh thần của Phật ứng linh"←Các Đông phương học giả tin rằng Ngài đã tạo ra năm Thiền Định Phật!-đã hoàn thành được cuộc điểm đạo cao nhất ;nên 1 ứng viên gần như biến thành 1 vị Bồ Tát mà Đấng điểm đạo cao cả đã tạo ra.

(c) Fohat,vì là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong khoa Vũ trụ khởi nguyên luận huyền môn,nên cần phải được diễn tả rõ ràng . Cũng như trong Vũ trụ khởi nguyên luận xưa nhất của Hy lạp(nó khác hẳn thần thoại học sau này),Eros là Ngôi thứ ba trong Ba Ngôi Bản sơ ,Chaos,Gaea, Eros —tương ứng với ba ngôicủa Do thái bí giáo,Ain-Soph ,Tổng Thể vô biên (vì Chaos là không-gian ,ngữ căn Xaivw,tức là mở rộng,trống rỗng) Shekinah và Đấng Vô Lượng Thọ ,tức Đấng Thánh linh —,cũng vậy,Fohat trong vũ trụ chưa biểu lộ ,tức trong trạng thái tiến thiên ,khác hẳn với Fohat trong cõi giới hiện tượng ,hay trạng thái hậu thiên. Trong hiện-tượng giới ,Fohat là quyền năng thần diệu ,là sinh khí hay điện-lực. Dưới ảnh hưởng của ý chí của Huyền âm sáng tạo(Creative Lo-gos) điện lực thần diệu ấy kết hợp tất cả mọi hình thể với nhau , rồi truyền vào đó cái sức thúc đẩy,cái động lực đầu tiên,lâu dần nó sẽ trở thành định luật. Nhưng trong vũ trụ tiến thiên,Fohat chỉ là cái nguyên lý trừu tượng của điện lực cũng ví như Eros trong thần thoại Hy lạp chỉ là nguyên lý trừu tượng của tình yêu, chưa biểu lộ thành tình yêu thực sự giữa nam và nữ,được tượng-trưng bằng Cupid có mọc 2 cánh. Trong trạng thái Tiến thiên,Fohat chưa có liên hệ gì với Vũ trụ,vì vũ trụ chưa xuất hiện và các Đấng thần minh hãy còn ngủ yên 1 cách tiềm ẩn trong lòng của Phụ-Mẫu (hay âm dương chưa định). Nó hãy còn là một ý niệm triết- lý trừu tượng . Tự nó, nó chưa sáng tạo gì được cả . Nó chỉ là cái tiềm năng sáng tạo, và bởi hành động của nó ,mà cái thực thể của mỗi hiện tượng tương lai mới tự biểu lộ và phát động mãnh lực sáng tạo. Khi "Đấng Con Thiêng Liêng" xuất hiện ,Fohat trở nên cái công lực thúc đẩy cái quyền năng chủ động, nó làm cho Một trở thành Hai và Ba trên cõi giới hiện tượng của vũ trụ biểu lộ. Rồi từ cái Ba,

phân hóa ra thiên hình vạn trạng (nhất sinh nhị, nhị sinh tam và tam sinh vạn vật), khi đó Fohat biến thành cái mãnh lực có kết-hợp những nguyên tử sơ khai và làm cho chúng phối hợp thành những nguyên tố vật chất.

Ta thấy một phản ánh của giáo lý cổ sơ này trong thần thoại Cổ Hy Lạp. Erebus và Nux sinh ra từ Chaos và —do tác động của Eros— đến lượt chúng lại sinh ra Aether và Hemera, ánh sáng của thượng giới và ánh sáng của hạ giới tức trần thế. Bóng tối sinh ra ánh sáng. Ta hãy thử so sánh với ý muốn sáng tạo của Brahma trong kinh Puranas và giáo lý dạy rằng Dục vọng (Pothos) là nguyên khí sáng tạo trong vũ trụ khởi nguyên luận Phoenicia của Sanchuniathon.

Fohat có liên hệ chặt chẽ với "Sự Sống Duy Nhất". Từ vô-cực sinh ra Thái cực, tức Thượng Đế toàn năng, vô biên, biểu lộ từng chu kỳ. Đó là Đại Ngã hay Toàn Linh Trí, Đại Hồn của vũ trụ xuất hiện và chia ly khỏi cái nguồn gốc ẩn vi tối cao được huyền-học Kabalah gọi là Thượng Đế hay Huyền âm sáng tạo và ấn giáo gọi là Brahma tứ diện. Trong cái cơ cấu toàn diện, xét theo quan điểm huyền môn về cái Tứ Tượng thiêng liêng biểu lộ, thì Thái cực tiêu biểu cho toàn thể cấp đẳng thượng tầng các Đấng Thiền Định Đế Quân sáng tạo.. Cùng một lúc với sự tiến hóa của Đại ngã thì cái Minh-triết ẩn vi của Phật A Di Đà, tức Đấng Tối Cao Duy Nhất và trường cửu tự biểu lộ dưới danh hiệu Avalokiteshvara (hay Ishwara biểu-lộ) tức Osiris của người Ai cập, tức Ahura-Mazda của Hỏa giáo; Thiên nhân của tôn phái Hermes, Huyền âm của môn phái Platon và Atman của phái Vedanta (1).

(1) [T. Subba Row dường như đồng nhất hóa Ngài với, và gọi Ngài là Thiên đạo (Xem các bài diễn văn bàn về Chí Tôn Ca trong Tạp Chí Nhà Thông Thiên học, quyển VIII; xem thêm "Triết Lý của Chí Tôn Ca" ấn bản Adyar lần thứ ba; 1931]

Do hành động của Minh triết Biểu lộ, hay Mahat, được tiêu-biểu nơi vô số trung tâm năng lượng tâm linh trong vũ trụ, sự phản ánh của Đại ngã, vốn là Thiên ý Hồng nguyên (Cosmic Ideation) và cái Trí lực đi song song với nó, trở thành Fohat ngoại tại của Phật giáo nội môn. Fohat đi cùng với bảy loại nguyên khí của chất Tinh quang (Akasha) tác động trên vật chất biểu lộ hay nguyên tố duy nhất như đã nói ở trên. Bằng cách phân tán vật chất ấy, thành những trung tâm năng lượng, Fohat làm vận chuyển định luật tiến hóa vũ trụ và định luật này tuân theo ý niệm thiêng liêng của Đại Ngã, tạo nên mọi trạng thái sinh hoạt thuộc mọi giai tầng trong thái dương hệ.

Thái dương hệ tạo dựng nên bởi những yếu tố trên, gồm có bảy

nguyên khí (principle) cũng như bất cứ vật gì nằm bên trong những trung tâm đó. Đó là giáo lý của khoa huyền môn Tây Tạng (bên kia dãy Hy Mã lạp sơn).Tuy nhiên,mỗi triết hệ đều có 1 phương - pháp riêng để phân loại những nguyên khí này.

Như thế,Fohat là cái quyền năng điện lực có tính cách kết-hợp tất cả mọi năng lượng vũ trụ trên những cõi vô hình cũng như hữu hình . Tác động của nó giống như tác động trên 1 qui mô vĩ đại của 1 mãnh lực sống động tạo nên bởi ý chí ,trong những hiện tượng mà chủ thể tác động trên khách thể và thúc đẩy cho nó hoạt động . Fohat không những là cái biểu tượng và cái bình chứa sống độngcủa mãnh lực đó,mà còn được các nhà huyền bí học coi như 1 thực-thể, vì những sức mạnh chịu sự tác động của nó thuộc mọi giai tầng vũ trụ ,địa cầu và con người và tạo ảnh hưởng thích nghi trên tất cả những giai tầng đó . Trên bình diện nhân gian,ảnh hưởng của nó được nhận thấy trong sức mạnh từ điện tạo ra bởi ý muốn mạnh mẽ của người truyền điện. Trên bình diện vũ trụ,nó hiện diện trong quyền năng xây dựng ,sáng tạo vạn vật,từ một hành tinh hệ đến một con đom đóm nhỏ hay 1 cái hoa dại . Đó là cái huyền năng sáng tạo thi hành kế hoạch của Thiên cơ . Kế hoạch này vốn được quan niệm sẵn trong ý niệm hay Tư Tưởng Thiêng Liêng ,về sự sinh trưởng của mỗi vật liên hệ. Trên khía cạnh siêu hình,nó là tư tưởng biểu -lộ ngoại tại của các Đấng thần minh ,sự thể hiện của Diệu âm ,trên 1 giai tầng thấp hơn,và sự giả thừa hành những ý niệm sáng tạo về vũ trụ và con người ,tức cái sức mạnh chủ động của sự sinh hoạt trong vũ trụ . Trên khía cạnh phú thuộc của nó,Fohat là tinh lực Mặt trời ,sinh lực điện khí (1) ,nguyên khí bảo tồn(thứ tư),có thể nói là cái linh hồn của thiên nhiên hay điện lực.

(1) Năm 1882 ,vị Hội Trưởng Hội Thông Thiên Học là Đại tá Olcott có nhiệm vụ minh xác trong 1 bài diễn thuyết của ông rằng điện khí là vật chất. Tuy nhiên,điều này đã được dạy trong Giáo-Lý huyền môn "Lực"("Force"),"Năng lượng"("Energy") có thể là những danh từ hay hơn dành cho nó ,x chừng nào mà khoa học của người Âu châu còn biết rất ít về bản chất thực sự của nó ;song nó là 1 thứ vật chất ,cũng như dĩ thái là vật chất ;vì nó cũng thuộc về nguyên tử ,dù khác xa chất dĩ thái(Ether). Dường như là phi-lý khi biện luận rằng vì khoa học chưa thể cân đo được một vật nên vật đó không thể gọi là vật chất được . Điện khí là thứ "phi vật-chất" theo ý nghĩa là những phần tử của nó không bị nhận thức và thực nghiệm ; tuy nhiên,như huyền bí học đã nói,nó có thể là thuộc về nguyên tử ;vì vậy,nó là vật chất. Nhưng ngay cả khi người ta giả sử rằng thực là phi khoa học khi dùng những ngôn từ như thế

để nói đến nó , một khi,theo khoa học ,điện khí được gọi là một nguồn năng lượng ,năng lượng đơn thuần và là 1 lực—liệu người ta có thể nghĩ đến lực và năng lượng này mà không có ý niệm v ật chất chăng ? Ông Maxwell , 1 nhà toán học,và cũng là 1 nhân vật có thẩm quyền nhất trong lãnh vực điện học và hiện tượng điện-lực cách đây nhiều năm,đã nói rằng điện khí là vật chất chứ không phải chỉ là 1 sự chuyển động. Nếu ta chấp nhận giả thuyết cho rằng những nguyên tố này được cấu tạo bởi những nguyên tử t h ì chúng ta cũng không thể kết luận rằng điện khí (dù là dương điện hay âm điện) cũng được phân chia thành những phần tử sơ thủy nhất định ,chúng tác động giống như những nguyên tử điện".(Bài diễn thuyết về Faraday của Helmholtz , 1881). Chúng tôi sẽ đi xa hơn điều này và xác nhận rằng điện chẳng những là vật chất mà nó cũng còn do 1 Thực thể sinh ra ,đó không phải là Trời ,cũngkhông phải là Ma quỷ ,mà là 1 trong vô số Thực thể chi phối và hướng - dẫn cõi thế gian của chúng ta theo định luật nhân-quả trường tồn_7

Ở Ấn Độ, Fohat có liên quan tới Vishnu (Thượng Đế Sáng-Tạo Ngôi Hai) và Surya (ngôi Mặt trời) trong đặc tính ban sơ của Thượng Đế đã nói trước;vì trong kinh Phệ đà(Rig Veda) Đức Vishnu không được coi như là 1 vị Thượng Đế cao hơn hết .Danh từ Vishnu có từ nguyên là Vish ,có nghĩa là"thấu nhập" và Fohat (Vô Cực - điện) được gọi là "Kẻ thấú nhập và là người Tạo Tác ,bởi vì nó làm ra hình dáng cho những nguyên tử bằng nguyên liệu thô sơ(1).

(2) 7 Người ta biết rõ là cát ,khi được đặt trên 1 tấm kim loại đang rung động ,thì gom lại thành một số hình vẽ điều-hoà khác nhau. Về kết quả này,khoa học có thể đưa ra 1 sự giải - thích đầy đủ không ? _7

Trong những đoạn Thánh thư của kinh Phệ đà ,Vishnu " cũng là một sự biểu lộ của năng lượng mặt trời "và nó được diễn - tả như là bước ba bước xuyên qua bảy cõi trong vũ trụ ;trong những thời gian sau này ,Thượng Đế của kinh Phệ đà cũng không giống Vi -shnu mấy . Vì vậy cả hai tiếng này đều có 1 nét đặc biệt giống nhau ,và cái này là bản sao của cái kia.

Ba và Bảy"bước dài" là nói về bảy bầu thế giới của huyền môn và bảy cõi của địa cầu . Mặc dù có nhiều người rắp ranh làm những nhà Đông phương học đã phản đối những quan niệm này ,nhưng bảy bầu thế giới hay là bảy bầu hành tinh của dãy hành tinhchúng ta cũng đã được các kinh sách công truyền của Ấn độ giáo nói đến 1 cách rõ ràng . Nhưng lạ làm sao tất cả những con số này lại có liên quan đến những con số trong khoa vũ trụ khởi nguyên luận khác và với những biểu tượng của khoa này ,ta có thể thấy như vậy

theo những sự so sánh do các sinh viên của các tôn giáo thời-cổ thực hiện."Ba bước dài của Đức Vishnu"(Đức Thượng Đế sáng- tạo Ngôi Hai)xuyên qua"bảy vùng của vũ trụ" ở trong kinh Phệ Đà (Rig Veda) đã được các nhà bình luận giải thích theo nhiều cách khác nhau ,chẳng hạn như có nghĩa là lửa,tia chớp và mặt trời (nói về mặt vũ trụ) được thực hiện trên trái đất ,bầu khí quyển và bầu trời, cũng như là "ba bước" của người lùn (hóa thân của Đức Vish -nu); dù theo ý nghĩa triết lý hơn —và nói về thiên văn học,thì ý nghĩa này cũng rất đúng—câu này cũng được nhà bình luận Phạn-ngữ Aurnavâbha giải thích như là vị trí thay đổi của mặt trời , lúc mặt trời mọc,lúc đứng bóng và lúc mặt trời lặn .Chỉ có triết lý bí truyền mới giải thích câu này 1 cách rõ ràng ,mặc dù kinh Zohar phát biểu câu này 1 cách thực là có triết lý và hàm súc . Trong đó,câu này được bày tỏ một cách rõ ràng rằng ,lúc khởithủy, những vị Elohim (Alhim) (những vị thần sáng tạo) được gọi là E-chad ,là "Đấng Duy Nhất" , hay là"Đức Thượng Đế ,Đơn Nguyên trong Đa Nguyên", là một ý niệm rất đơn giản trong quan niệm của Phiếm thần học —dĩ nhiên là quan niệm Phiếm thần học theo ý nghĩa triết lý . Rồi có một sự thay đổi xảy ra ,"Đức Thượng Đế có nam-nữ tính (Đức Jehovah) cũng chính là những vị thần sáng tạo"(Elo-him) , như vậy là thống nhất Đa nguyên và tiến 1 bước đầu tiên về phía thuyết Độc thần. Bây giờ ,đến câu hỏi này, "còn Đức Jeho -vah Elohim thì thế nào ?". Câu giải đáp là "Do Ba Bước" từ bên dưới. Ý nghĩa điều này thật rõ ràng . Những bước này là những biểu tượng của Tinh thần,của Linh hồn và của thể xác (của Con Người),được tượng trưng như là có liên quan và hỗ tương với nhau ; những bước này cũng tượng trưng cho cái vòng tròn biến thành ra Tinh thần ,Linh hồn của thế gian và thể xác của thế gian (hay là địa cầu). Khi bước ra ngoài vòng Tròn vô cùng mà không 1 người nào hiểu được ,Ain Soph (Cái Vô Biên) - trong môn phái Do Thái bí giáo là một tiếng đồng nghĩa với Parabrahman (Thái Cực Thượng Đế) với tiếng [illegible] Zeroana Akerna (thời gian vô hạn) của người Bái Hỏa giáo ,hay là với bất cứ 1 từ ngữ nào khác có nghĩa là"Bất khả tri" sẽ trở thành Đấng Duy Nhất (tức là Echad, Eka, Ahu);rồi nhờ sự tiến hóa ,vị này , (hay là cái này) biến thành"Đơn Nguyên trong Đa Nguyên" , những vị Thiền Định Phật , hay là những vị thần Sáng Tạo(Elohim) , hay thêm nữa là những Đấng Tạo hóa (Amshaspends) và bước thứ ba là Ngài tạo ra da thịt hay là "con người" . Và từ Con Người hay là Đức Jah-Hovah, "có nam nữ tính",thực thể thiêng liêng bên trong , 1 lần nữa lại trở thành những vị Sáng Tạo (Elohim) ở trên cõi siêu hình.

Những con số 3 , 5 và 7 là những con số đáng chú ý trong khoa Tam Điểm suy lý((speculative Masonry) như chúng tôi đã chỉ rõ trong bộ "Nữ Thần Isis lộ diện" . Một hội viên Tam điểm đã viết :

" Có 3 , 5 và 7 bước để chỉ rõ một cuộc đi dạo vòng quanh. Ba mặt của số 3, 3 ; 5,3 ; và 7 , 3 v.v. . . đôi khi có dạng của công thức này : $\frac{753}{2}$ = 376,5 và $\frac{7635}{2}$ = 3817,5 và tỷ số $\frac{20612}{6561}$ của bộ (feet : 0m3048) đối với đơn vị đo chiều dài cubit cho ta những số đo của Đại Kim Tự Tháp v.v. . . ".

(Cubit : trượng, bằng 0m4572)

Số ba, số năm và số bảy là những con số bí mật ,con số cuối và con số đầu được các Hội viên Tam điểm cũng như tín đồ Hỏa giáo (Parsis) vô cùng kính trọng —khắp nơi ,hình tam giác này được dùng làm biểu tượng cho Thượng Đế (1).

(1) [Xem cuốn Bách Khoa Tự điển của Hội Tam Điểm của Mackenzie và cuốn Hình Tam giác của Pythagoras của Oliver]

Dĩ nhiên là các vị Tiến sĩ thần học ,chẳng hạn như ông Cassel ,đã chỉ rõ là kinh Zohar vừa giải thích vừa ủng hộ thuyết Tam Nguyên Đồng Nhất (Trinity) của Thiên Chúa giáo (!) . Tuy nhiên, Tam Nguyên sau này lại phát sinh từ hình △ ,theo huyền bí học cổ truyền và khoa biểu tượng học của người ngoại đạo (Heathen). Nói về siêu hình học,ba bước dài này có liên quan đến sự nhập - thể của Tinh thần vào vật chất ,sự nhập thể của Thiên Đạo (Logos) giống như là Tia sáng rơi vào Tinh thần rồi rơi xuống Linh hồn và sau cùng rơi vào hình thể hữu hình của con người ,trong hình thể này nó trở thành sự sống .

Quan niệm của môn phái Do Thái Bí giáo cũng giống như thuyết bí truyền của thời cổ đại . Thuyết bí truyền này chung cho tất cả các giống dân, nó không chỉ thuộc giống dân chính thứ năm người Âu Ấn (Aryan) ,hay là thuộc bất cứ những giống dân phụ nào. Thuyết này không thuộc người Turanian ,người Ai cập,người Trung-Quốc ,người Chaldea (Can Đế) hay bất cứ giống dân phụ nào của giống dân chính thứ 5 ,mà thực sự nó thuộc giống dân chính thứ 3 và thứ 4 . Chúng ta thấy con cháu của các giống dân này ở trong Mầm Mống của giống dân chính thứ 5 tức là những người Cổ Âu Ấn . Đối với mọi nước, hình tròn cũng là biểu tượng của cái Huyền vi— tức là"Không gian vô biên" ,lớp áo trừu tượng luôn luôn hiện diện — đó là Đấng Thiêng Liêng Bất Khả Tri luận. Hình tròn tượng - trưng cho cõi thời gian vô hạn trong cõi trường cửu . Tiếng Zero

-ana K Akeras (hay là Zervana Ak ras) cũng có nghĩa là "Vòng tr tròn vô biên của thời gian bất khả tri",từ vòng tròn này ,Ánh - Sáng rực rỡ sinh ra.- Đó là Ngôi Mặt trời của vũ trụ hay là Orma -zd (1) - và vị này cũng giống như vị thần cao cả của Thời Gian vô cùng (Kronos) ,dưới dạng 1 cái vòng tròn ,trong hình dáng của vị thần gió (Aeolian) .Vòng tròn này,tiếng Can đề gọi là Sar và tiếng Hy lạp là Saros hay là chu kỳ . Vòng tròn này cũng là vị Th. Đế của người Babylon mà đường chân trời viên chu cũng là biểu tượng hữu hình của cái vô hình ,trong khi mặt trời là Hình tròn DuyNhất, từ vòng tròn này,những tinh cầu (orbs) của vũ trụ phát ra sinh ra. Mặt trời được xem như là người hướng đạo các tinh cầu .Zeroana chính là luân xa (Chakra) hay là vòng tròn của Đức Vishnu (Thượng Đế sáng tạo Ngôi Hai),theo định nghĩa của 1 nhà thần bí thì biểu - tượng thần bí này chính là"1 đường cong có bản chất sao cho về phần bất cứ thành phần nào của nó,nếu đường cong bị kéo dài theo 1 trong 2 hướng ,nó sẽ tiếp tục mãi và sau cùng nó gặp lại đầu mối kia của đường cong và tạo thành một hình duy nhất mà chúng ta gọi là vòng tròn" . Như vậy,không thể có 1 định nghĩa nào hay hơn dành cho biểu tượng tự nhiên và bản chất tự nhiên của Đấng Thiêng-Liêng nó có đường viên chu ở khắp nơi (tức là cái vô biên) ,do đó có tâm điểm cũng ở khắp nơi ; nói cách khác, ở mọi điểm của vũ trụ.

(1) Ormazd : Thiên Đạo ,"Đấng Sinh ra đầu tiên" và Ngôi Mặt Trời .

Như vậy,Thượng Đế Vô hình cũng là những vị Thiền Định Đế-Quân (Dhyan Chohans) hay là những bậc Thánh Tiên (Rishis) ,bảy vị đầu tiên và chín vị ,nếu không kể , và mười vị ,nếu kể cả đơn vị tổng hợp ,từ đó nó nhập vào con người.

Trở lại phần Bình luận thứ 4 của Đoạn Thánh Kinh 4 ,bây giờ độc giả sẽ hiểu tại sao ,trong khi bên kia dãy Hy Mã lạp sơn , Luân xa bao hàm △/□/ ✡ —tức là hình tam giác,đường thẳng thứ nhất, hình vuông (trong ấn bản 1888 là khối vuông),đường thẳng thứ nhì và hình năm góc với 1 điểm ở chính giữa ,như vậy,hoặc là hình ✡ hay là có 1 vài sự thay đổi khác nữa —Vòng tròn của môn phái Do thái bí giáo ,của những vị thần Elohim ,khi những chữ của tiếng này אלהים (Alhim hay là Elohim)cũng được đọc bằng số , cũng tiết lộ những con số trứ danh 13514 , hay(bằng cách hóan vị) là số 31415 — chữ π (pi) của môn thiên văn học ,hay là ý nghĩa bí-ẩn của các vị Thiền Định Phật ,của các vị Gebers,các vị Geburim , những vị Kabeiri và những vị Elohim ,tất cả đều có nghĩa là "những Người Vĩ Đại" ,"Những Người Không Lỗ","Những Người ở trên Trời" (Heavenly Men) và ở trên trần thế,họ là những người "Không Lỗ".

Đối với mọi nước, số bảy là 1 số Thiêng liêng/không nước nào bì kịp những người Hy bá lai quá duy vật khi áp dụng nó vào cách sử dụng về sinh lý học. Đối với họ, con số 7 này là con số sáng tạo tuyệt diệu, và con số 9 là nguyên nhân duy nhất có nam tính, hình thành những cây (aiz hay otz) được những môn đồ Do thái bí giáo chỉ rõ bằng những con số này Y Y (90, 70) hay là "Cây của vườn Địa Đàng", còn đối với giống dân chánh thứ tư, đó là "Cây gậy đôi lưỡng tính". Đó là biểu tượng của "Mật điện Thánh Thiện"("Holy of Holies"), tượng trưng cho con số 3 và 4 của sự tách ra nam nữ tính. Hầu như mỗi một trong 22 chữ của người Hy Bá lai đều chỉ là những biểu tượng tôn sùng sinh thực khí(phallic symbol) mà thôi. N hư người ta đã chỉ rõ ở trên , 1 trong hai chữ này, chữ ayin (cái không có gì cả) , là 1 chữ có nữ tính tiêu cực, được tượng - trưng bằng 1 con mắt ; còn chữ kia, là chữ tzâ thì có dương tính, được tượng trưng bằng 1 lưỡi câu hay là 1 cây lao . Trong khi đó, theo những người Ấn Độ, và nói chung là những người Âu Ấn, nó có nhiều ý nghĩa và gần như là hoàn toàn có liên quan đến những chân- lý thuộc về thiên-văn-học và siêu hình học thuần túy. Những vị Tiên - Thánh và những vị Thần Minh, Ma quỉ và những bậc anh hùng của họ đều có ý nghĩa lịch sử và đạo đức.

Tuy nhiên, một môn đồ Do Thái Bí giáo đã dạy chúng ta, trong một tác phẩm chưa được phát hành, ông đã đối chiếu kinh bí -pháp Kabalah, kinh Zohar với thuyết bí truyền của người Âu Ấn là:

"Những cách diễn đạt của người Hy Bá lai thì rõ ràng, ngắn gọn, không rườm rà và trung thực, vượt xa lối nói luộm thuộm của người Ấn Độ —như một bậc thánh thi đã nói, theo lối đối ngẫu "Miệng tôi nói chuyện với lưỡi tôi, tôi không biết rõ về những con số của bạn" (LXXI, 15). Chữ tượng hình của người Ấn Độ tỏ ra nhiều thiếu sót, vì đã pha trộn/tiếng nước ngoài như là thứ ngôn ngữ vay mượn của người Hy Lạp (những xảo ngôn của người Hy Lạp) và Hội Tam Điểm ; thứ tiếng độc âm thô thiển và nghèo nàn (một cách biểu kiến) của người Hy bá lai chứng tỏ rằng nó đã được truyền lại từ 1 thời xa xưa hơn cả bất cứ thứ ngôn ngữ nào khác và là nguồn gốc (! ?), hay là (so với bất cứ ngôn ngữ nào) gần gũi với nguồn gốc nguyên thủy cũ hơn ".

Điều này hoàn toàn sai lầm . Vị đạo hữu và thông tín viên thông thái của chúng ta đã phê phán 1 cách biểu kiến những hệ thống tín ngưỡng của người Ấn Độ, theo những bản dịch mới nhất về những cuốn kinh luận (Shâtras) và những kinh Puranas, chúng có thể bị các nhà Đông Phương học xuyên tạc ý nghĩa . Chúng ta phải quay xx sang những hệ thống triết lý của người Ấn độ, nhất là giáo lý nội môn của họ nếu chúng ta muốn so sánh . Chắc hẳn những biểu tượng

trong Ngũ Kinh Cựu ước (Pentateuch) cũng như trong Kinh Tân-ước (New Testament) đều xuất phát từ nguồn gốc tưởng tợ như vậy.Nhưng chắc chắn Đại Kim tự tháp Cheops mà những số đo đã hoàn toàn được giáo sư Piazzi Smyth tìm thấy ,được lập lại trong Thánh điện Solo-mon thần thoại và giả định ,cũng không xuất hiện sau những quyển kinh của Thánh Moise chứ ? Từ đó,nếu người ta tuyên bố là có một điểm nào đó thực sự giống nhau,thì ắt phải do việc sao chép tới tệ về phần người Do thái ,chứ không phải người Ai Cập . Những chữ tượng hình của người Do thái —cũng như thứ ngôn ngữ của họ,tiếng Hy bá lai—không có gì mới lạ . Những chữ tượng hình này được mượn từ tiếng Ai Cập,(Thánh Moses cũng tiếp thu từ Ai Cập minh triết của Ngài) từ tiếng địa phương của người Cổ giáo Ai cập(Coptic), (họ có lẽ là bà con của người Phoenician) và từ thứ tiếng của người Hyksos mà Thánh Josephus (1) đã chứng minh đó là tổ tiên giả định của những người này.

(1) 〔 Chống Apion(Against Apion) q.I,trang 25 〕

Đúng vậy ,nhưng những vị vua Du mục (Hysos) là ai ? V à người Ai Cập là ai ? Lịch sử hoàn toàn không biết gì về câu hỏi này ,các nhà sử học (2) cũng chỉ suy đoán và lý thuyết hóa theo những chỗ tận cùng của những tâm thức riêng mỗi người. Môn " Cổ-ngữ học Ai cập ,hay là tiếng Cổ Thổ ngữ Ai Cập (Coptic)thì xuất-phát từ miền Tây Châu Á và chứa đựng một vài tiếng gốc của người Semit, như vậy,chứng tỏ cùng 1 nguồn gốc nguyên ủy của hai giống dân Âu Ấn và Cổ Do Thái (Semit) " như sử gia Bunsen đã nói,ông đã xác định những biến cố vĩ đại tại Ai cập vào năm 9 000 trước Thiên Chúa .

(2) 〔 Xem cuốn "Nữ Thần Isis lộ diện" 〕 q.II,430-438 〔〕

Thuyết bí truyền cổ đại và tư tưởng của người Âu Ấn cho chúng ta thấy 1 nền triết học xuất chúng ,còn trong những kinh sách của người Hy bá lai ,chúng ta chỉ thấy 1 sự tinh xảo kỳ diệu nhất trong việc phát minh ra những sự xiển dương lòng tôn sùng sinh thực khí và khoa thần phồn học tính dục .

Người ta có thể tìm thấy trong các kinh sách công truyền của Ấn Độ là những người Âu Ấn không bao giờ dựa tôn giáo của họ trên những biểu tượng về sinh lý học như những người cổ Hy bá lai. Hầu như trong mỗi cuốn kinh Purana và mỗi cuốn thánh thi anh hùng ca ,người ta đều tìm thấy có sự giải thích khác nhau ;việc những bài tường thuật này chỉ là những tấm bình phong ,được chỉ cho thấy nói sự mâu thuẫn lẫn nhau của chúng . Tuy nhiên,nếu người tathuyết minh những bài này theo ý nghĩa bí truyền thì tất cả đều sẽ có 1 ý nghĩa tương tự . Như vậy,một bài tường thuật chỉ kể có bảy bầu

thế giới ,ngoại trừ những bầu thế giới phía dưới vốn cũng có bảy bầu ;14 bầu thế giới ở trên và dưới này không có đính dáng gì với sự xếp loại của Dãy hành tinh và thuộc về những bầu thế giới vô-hình bằng chất dĩ thái thuần túy . Những bầu thế giới này sẽ được đề cập đến ở 1 nơi khác. Đối với hiện tại ,chỉ cần nêu rõ rằng,các bầu thế giới này được cố ý đề cập tới như thể là chúng thuộc về dãy hành tinh của chúng ta .x" Một cách liệt kê khác cũng gọi bảy bầu thế giới là địa cầu,bầu trời,cõi thiên đàng ,cõi trung giới , cõi sinh ra (place of birth) ,cõi phúc lạc (mansion of the blest) và cõi chân lý (abode of truth) ; người ta đặt "Những Con của Bra-hma " ở trong cõi thứ 6 ,người ta cũng nói là cõi thứ 5 hay Jana-loka ,là nơi mà loài thú tái sinh sau khi đã bị hủy diệt bằng 1 trận hỏa tai toàn diện (1) .

(1) [Xem cuốn Tự điển cổ điển của Ấn Độ của Dowson]

Một vài giáo lý bí truyền thực sự nói về biểu tượng học sẽ được đưa ra trong những chương tiếp theo . Người nào được chuẩnbị sẽ hiểu rõ ý nghĩa bí ẩn này.

3- Nó là vị hướng dẫn và lãnh tụ của chúng . Khi nó bắt đầu công việc ,nó phân chia những nguyên tử khoáng chất đang rung động trong những đám mây và hợp chúng lại thành mầm của nhữngbánh xe (germs of wheels) . Nó đặt chúng trong 6 phương hướng của không gian và một ở giữa cái bánh xe trung ương.

Như đã giải thích,"bánh xe" là những trung tâm thần lực mà vật chất nguyên thủy của vũ trụ tỏa ra ở chung quanh và sau khiđã trải qua tất cả 6 giai đoạn củng cố ,đông đặc, nó trở nên khốixx cầu tròn và sau cùng trở thành những bầu thế giới . Một trong các tín điều căn bản của vũ trụ học nội môn ,là trong những Thiên - kiếp (Kalpa) ,thì sự vận động (Motion) vẫn thoi thóp và rung động xuyên qua mỗi nguyên tử trong những chu kỳ nghỉ ngơi ,lần đầutăng trưởng cái khuynh hướng chuyển động xoay vòng x kể từ lúc thức - tỉnh đầu tiên của vũ trụ cho đến một"Ngày mới"(của Phạn Thiên) . Thần linh trở nên 1 con trốt xoáy . Người ta có thể hỏi ,vì tác - giả không quên hỏi :"Ai dám quả quyết rằng có sự khác nhau trong sự chuyển động này ,vì toàn thể Thiên nhiên đã bị thu gọn về bản thể nguyên thủy và không một ai thấy được điều này —ngay cả đến một vị Thiền Định Đế Quân ,các Ngài đều đang nhập Niết Bàn ,cũn g không thấy-.Câu giải đáp của câu hỏi này là : Trong Thiên nhiên , mọi vật đều được xét đoán theo luật tương đồng . Dù các Đấng Thiêng Liêng Cao cả nhất (những vị thiên thần hay là những vị Thiền Định Phật (Dhyani Buddha)đều không thể thấu triệt những sự

bí mật ở rất xa ngoài hành tinh hệ của chúng ta và Càn khôn hữu-hình này ,song vào những thời đại cổ ,có những nhà đại tiên tri x và những nhà linh thị danh tiếng lại đủ sức nhận thức được sự bí-mật của Hỏi thở và sự chuyển động bằng cách hồi niệm ,khi mànhững hệ thống thế giới còn ở trong thời kỳ nghỉ ngơi và chìm sâu trong giấc ngủ có định kỳ .

Những bánh xe này cũng được gọi là những Pháp-luân(Rotae) —tức là bánh xe đang chuyển động của những tinh cầu trên trời, chúng dự phần vào việc tạo lập thế gian —khi nó có ý nghĩa được xem như cái nguyên lý làm chuyển động các ngôi sao và các hành - tinh ; vì trong kinh bí pháp Kabalah những bánh xe này được tượng trưng bằng những vị Auphanim,những vị thiên thần của các bầu hành tinh và của các ngôi sao ,mà chúng là những linh hồn làm linh - hoạt (1).

(1) ⌐ Xem cuốn Kinh Kabbalah Denudata ,phần nói về " Linh-hồn" ("De Anima", trang 113 ⌙

Định luật vận động xoay vòng(vortical movement) trong vật chất nguyên thủy là một trong những quan niệm cổ nhất của triết-học Hy Lạp ,mà những vị hiền giả đầu tiên trong lịch sử xứ ấy,hầu hết đều là những vị điểm đạo đồ trong các Bí pháp. Người Hy- Lạp học được điều ấy của người Ai cập,người Ai Cập học được của người Chaldea ,và những người này là môn đệ của người Bà la môn về đạo học bí truyền . Leucippus và Democritus đã từng dạy rằng chuyển động xoay vòng của những nguyên tử và các bầu thế giới vẫn có từ thuở vô cùng (2).

(2) ⌐ Giáo lý nói về sự quay tròn của trái đất xung quanh 1 trục do Hicetas(1 người thuộc môn phái Pythagoras) đã dạy , có thể là vào khoảng gần 500 năm trước Thiên chúa. Giáo lý này cũng được môn đệ của ông là Ecphantus và Heralides ,1 môn đệ của triết gia Plato ,dạy như thế. Vào khoảng năm 281 trước T.C.,với những giả thuyết phù hợp với những kết quả của sự quan sát ,triết gia Aristarchus of Samos đã chỉ cho chúng ta thấy sự bất động của mặt trời và sự xoay quanh trên quỹ đạo của trái đất . Vào năm 150 trước T.C. ,nhà triết học Seleucus of Seleucia ,Tigris,cũng đã dạy thuyết nhật tâm (thuyết này cũng đã được Đức Pythagoras dạy vào năm 500 trước T.C. - H.P.B.).Người ta cũng nói rằng nhà vật lý học Archimedes đã đề xướng thuyết nhật tâm ,khi ông viết 1 tác - phẩm có nhan đề là sa thạch (Psammites). Đức Aristotle cũng đã dạy 1 cách rõ ràng về việc trái đất có hình cầu ,ông đã đưa ra bằng chứng là hình dạng của cái bóng địa cầu lúc nguyệt thực(cuốn De Coelo của Aristotle ,phần II ,chương XIV).Ông Pliny cũng bảo-

về quan niệm này (cuốn Vạn vật học,II, 65) .Hơn 1000 năm qua ,dường như người ta không còn biết tới những quan niệm này nữa .." (cuốn Sự Sống của Thế giới (World Life)của Winchell ,tr.551-552_7

Các triết gia Hicetas ,Heraclides,Ecphantus ,Pythagoras và tất cả các môn đệ của họ ,đều dạy rằng trái đất xoay tròn ;và các triết gia Aryabhata ở Ấn Độ ,Aristarchus, Seleuchus và Archime - des đều đã ước tính sự xoay tròn của trái đất 1 cách khoa - h ọc giống như các nhà thiên văn học bây giờ đang làm; trong khi đó , triết gia Anaxagoras cũng đã biết rõ thuyết nói về những xoáy nguyên tố (Elemental vortices) và chính ông đã chủ trương thuyết này từ 5 000 năm trước Thiên Chúa hay là gần 2 000 năm trước khi các nhà vật lý học Galileo, Descartes,Swedengorg khám phá ra và cuối cùng là ông W.Thomson (1) có những hiệu chỉnh không quan trọng .Tất cả những sự hiểu biết như thế chỉ là một tiếng vangcủa các giáo lý cổ truyền (nếu cống tầm mà nói),1 sự thử giải thích điều này đang được thực hiện.

(1) _7 Quyển "Nói về những nguyên-tử xoáy tròn" (On Vortex Atoms) _7

Một câu hỏi mà người ta cần phải bàn riêng là ,trong vài thế kỷ vừa qua ,làm thế nào mà con người biết được những quan - niệm tương tự và những điều kết luận được dạy như là những sựthực hiển nhiên trong sự bí mật của những Mật điện(Adyta) cách đây khoảng 12 000 năm . Một vài người này biết được những sự bí - mật này nhờ những tiến bộ tự nhiên của môn vật lý học và do sự khảo - sát đơn phương .Một vài người khác như ông Copernicus ,Swedenborg và 1 vài người nữa ,mặc dù có kiến thức rộng rải ,cũng có được kiến thức do trực giác nhiều hơn do việc hoạch đắc những ý niệm được phát triển bằng 1 cuộc nghiên cứu theo cách thông thường(2).

(2) _7 Xem "Sự Bí Mật của Đức Phật",q.V,tiết 43 _7

Bằng chứng là Swedenborg ,ông cũng không thể biết bất - cứ điều gì về những quan niệm bí truyền của Phật giáo - đã có những nhận định đại cương gần gũi với giáo lý huyền môn (1 cách độc lập) tác phẩm tiểu luận của ông về Thuyết Xoáy tròn (Vortical Theory) đã chứng tỏ điều này. Trong bản dịch tác phẩm này, của ông Clisso -ld ,do giáo sư Winchell trích dẫn (3) ,chúng ta thấy ông tóm tắt như sau :

"Nguyên nhân đầu tiên là cái vô cùng hay vô hạn. Nguyên - nhân này phát sinh ra cái đầu tiên hữu hạn (Sự Sáng Tạo của Thiên Đạo (Logos) và của vũ trụ). Cái tạo ra 1 sự giới hạn thì giống với sự chuyển động (xem đoạn Thánh Kinh I ở trên). Giới hạn được

tạo ra là 1 điểm ,bản chất của điểm này là sự chuyển động, nhưng vì bản chất này không có những thành phần khác nhau ,nên nó không phải là chuyển động thực tế ,mà chỉ là một nỗ lực chuyển động(conatus) (Trong giáo lý chúng ta ,nó không phải là 1"nỗ lực"("conatus") mà là 1 sự biến đổi từ sự Rung Động Trường Cửu trong vũ trụ tiến triển cho đến sự chuyển động xoáy tròn trong thế giới hiện-tượng hay là hậu thiên .Từ cái đầu tiên này,không gian , hình ảnh và sự nối tiếp hay thời gian ,sự bành trướng được sản sinh ra.Như trong hình học, 1 điểm sinh ra 1 đường thẳng ,1 đường thẳng sinh ra 1 mặt phẳng và 1 mặt phẳng sinh ra một khối ,cũng vậy,ở đây,nỗ lực của điểm này là hướng về những đường thẳng ,những mặt phẳng, và những thể khối. Nói cách khác,vũ trụ được chứa đựng trong mầm-mống trong điểm đầu tiên của thiên nhiên.

(3) [Cũng trong quyển sách này,trang 567]

Sự chuyển động mà nỗ lực hướng về là chuyển động xoay tròn, vì hình tròn là hình hoàn hảo nhất trong tất cả các hình.."Hình . hoàn hảo nhất của sự chuyển động nếu trên phải là sự xoay tròn ~~ir~~ liên tục ,nghĩa là nó phải tiếp diễn từ trung tâm ra đến ngoại - biên và từ ngoại biên đi vào trung tâm " (4) .

(4) [Cuốn tóm lược về "Những nguyên lý của Thiên Nhiên " (Principia Rerum Naturalium)]

Đây chính là huyền bí học thuần túy và đơn giản .

"Sáu phương hướng của không gian" có nghĩa là hình tamgiác đối tượng trưng cho sự giao tiếp và hỗn hợp giữa Tinh thần và Vật chất,hữu sắc và vô sắc,mà những hình tam giác chính là 1 biểu - tượng . Hình tam giác đối này là ký hiệu của Đức Vishnu ,đó là ấn tín của vua Solomon và cũng là ấn tín hình tam giác đối của người Bà la môn (Shri-Antara hay là Shriyantra).

4- Fohat vạch những đường xoắn ốc để kết hợp cái thứ sáu vào cái thứ bảy . Vương miện (a) . Một đạo binh các Con của Ánh-sáng đứng ở mỗi góc và các Đấng Lipika ở bánh xe giữa (b). Các Vị Lipika nói : "Thế là tốt". Cõi trời đầu tiên đã sẵn sàng ,rồi đến cõi thứ nhì (5) . Rồi cõi "Vô sắc giới" (6) phản chiếu trong Chha-ya Loka(7) ,lớp áo đầu tiên của vị Vô phụ mẫu (c).

(5) [Nghĩa là cái đầu tiên bây giờ là Bầu Thế giới thứ 2]

(6) [Bầu vũ trụ vô hình của tư tưởng]

(7) [Thế giới Hình Bóng (Shadowy world) của Sắc Tướng đầu tiên hay là thế giới của Lý trí]

(a) Câu "vạch những đường xoáy ốc" ngụ ý về sự tiến hóa của

những nguyên khí trong con người và trong thiên nhiên ; 1 sự tiến hóa diễn ra 1 cách tuần tự như bất cứ vật gì khác trong trời đất. Nguyên khí thứ 6 trong con người,tức thể Bồ đề hay trực giác (Bud -dhi,the Divine Soul),tuy rằng vô cùng tế nhuyễn,nhưng vẫn còn là một thể kém khinh thanh hơn so với thể Ý Chí hay Tinh Thần(Atma), mà nó là cái vỏ bọc ngoài .Fohat ,trong năng lực của nó là Tình Bác ái Thiêng liêng (Eros) ,tức cái quyền năng từ điển thu hút của tình thương và lòng ưu ái ,có tác động kết hợp Tinh Thần thuần-túy (Tia sáng Chân như Tuyệt đối) với Linh hồn. Trong con người,cả 2 điều này hợp thành Chơn thần (Monad) và trong thiên nhiên,nó là mối liên kết đầu tiên giữa tiến thiên và hậu thiên . Câu "cái thứ nhất bây giờ là cái thứ nhì"(bầu thế giới) cũng có ý nghĩa tương tự.

(b) "Đạo binh" ở mỗi góc là cấp đẳng Thiên Định Đế Quân, có nhiệm vụ trông nom điều dắt sự tiến hóa ở mỗi khu vực liên hệ , từ lúc bắt đầu đến lúc chấm dứt 1 chu kỳ khai nguyên (Manvantara). Các Ngài là "Những Vị Giám Quan Bí Mật" ("Mystic Watchers") của những người Do Thái Cổ Đốc(Christian Kabalists) bí giáo và những nhà luyện kim đan ,còn về biểu tượng học cũng như vũ trụ khởi - nguyên luận,thì các vị này lại liên quan đến hệ thống số học của vũ trụ . Những con số này rất khó giải thích vì mỗi con số ám chỉ 1 số ý niệm khác nhau tùy theo nhóm thiên thần đặc biệt mà nó được dự tính tượng trưng cho . Trong việc nghiên cứu về biểu tượng học, cái gút mắc nằm ở đây ; rất nhiều học giả ,vì không thể cởi được cái gút này nên chỉ thích bắt chước ông Alexander giải quyết vấn-đề hóc búa bằng mưu trí và sức mạnh ;từ đó mới có những quan niệm và những giáo lý sai lầm như là kết quả trực tiếp.

(c) "Cái thứ nhất là cái thứ nhì" .Cái thứ nhất thật ra không thể đếm hay coi như thứ nhất vì nó là địa hạt của thực thể ở giai đoạn biểu lộ sơ khai : ngưỡng cửa đưa vào cõi Chân(sat) ,xuyên qua đó năng lực trực tiếp thoát ra từ Chân như (Thượng Đế vô vi) đến với chúng ta . Một lần nữa,ở đây ,ngôn từ Sat không thể dịch được(là Bản Thể (Be-ness)) ,cũng dẫn người ta tới 1 sự nhận thức lầm lạc ,vì cái hậu thiên không thể là Sat mà chỉ là một vật gì đó thuộc về hiện tượng ,không tồn tại mãi ,cũng như không trường-cửu . Nó vốn là một với sự Sống Duy Nhất ,"Độc Nhất Vô Nhị",nhưng trong trạng thái biểu lộ ,nó vẫn là 1 ảo ảnh (Mâyâ) như tất cả mọi vật khác . Cái "Cõi Chân" này("World of Truth") chỉ có thể diễn tả trong thiên bình luận như là "Một ngôi sao sáng rớt xuống từ trung tâm của vô cực ,ngọn đèn hy vọng với bảy cõi treo trên bảy tia sáng của nó". Thật vậy,vì những Tia sáng đó là bảy Ánh - áng mà những phản ảnh là những Chơn thần bất tử của con người ,

tửa Atma hay Tinh thần của mọi người trong nhân loại ,trước hết là ánh sáng đó có bảy cung vừa nói ,kế đó là :"Cõi thiêng liêng" vô số ánh sáng thấp lên từ ánh sáng nguyên thủy ,tức là những Bu -ddhi (Bồ đề) hay Linh hồn thiêng liêng không hình thể của cõi vô sắc giới cuối cùng ;toàn thể theo lối nói của Đoạn Kinh cổ.

Trong cổ thư (Catechism) có chép lời Chân sư hỏi đệ tử :

"Hỡi đệ tử,hãy ngẩng mặt lên nhìn xem ,con có thấy chăng 1 hay vô số ánh sáng chiếu trên nền trời tối đen của ban đêm ? "

"Bạch sư phụ,con cảm thấy 1 ngọn lửa,con thấy vô số điểm chói rạng trên đó".

" Con nói đúng và bây giờ con hãy nhìn chung quanhvà nhìn vào nội tâm con ,cái ánh sáng chiếu trong lòng con có khác gì cái ánh sáng đang chiếu trong lòng những kẻ khác chăng ?"

" Không khác gì cả ,tuy rằng nó bị nghiệp quả trói buộc như 1 kẻ tù phạm,và những chỗ bao bọc bên ngoài nó làm cho kẻ vô - minh nói rằng "Linh hồn anh và Linh hồn tôi" .

Sự duy nhất căn bản của "cái tinh hoa rốt ráo của mọi vật trong Thiên Nhiên ,từ ngôi sao cho đến nguyên tử khoáng chất , từ Đấng Thiên Định Đế Quân Tối cao ,đến con vi khuẩn nhỏ nhất , dù rằng áp dụng trên các cõi tâm linh ,trí tuệ hay vật chất — sự duy nhất này là định luật căn bản duy nhất trong khoa huyền-học .Một sáo ngữ huyền môn nói rằng :"Thượng Đế là sự nới rộng vô biên và vô cùng ",từ đó ,mới có (như ta nhận xét trước) danh-từ Brahma ,do ngữ căn Brih có nghĩa là bành trướng hay phátriển. (to expand or grow) (1).

(1) Trong Kinh Rig Veda,chúng ta thấy những danh từ Brahmanaspati và Brihaspati được dùng thay đổi với nhau ,tiếng này tương đương với tiếng kia .Xem thêm cuốn kinh Áo Nghĩa Thư Brihadaranyaka ; Brihaspati là 1 Đấng Thiêng Liêng được gọi là " Cha của các vị thần linh"("Father of the Gods")

Sự tôn sùng mặt trời và lửa ,lòng tôn sùng xưa nhất trên thế gian ,có nền tảng là một triết lý thâm sâu . Trong tất cả những nguyên tố mà khoa vật lý học đã biết ,Lửa là cái luôn luôn thoát khỏi sự phân tích xác định . Người ta xác nhận rằng không-khí là 1 thứ hỗn hợp chứa dưỡng khí và đạm khí . Chúng ta coi vũ trụ và trái đất như 1 khối vật chất kết hợp bằng những phân tử hóa học cố định . Chúng ta nói rằng có 10 chất thể căn bản đầu tiên(primitive ten earths) ,mỗi chất được người ta đặt cho 1 tên bằng tiếng Hy Lạp hay tiếng La Tinh . Về hóa học,chúng ta nói nước là 1 hợp chất của dưỡng khí và khinh khí ,nhưng còn Lửa là gì ? Người ta trang trọng trả lời rằng nó là kết quả của sự đốt

cháy.Nó là hơi nóng ,ánh sáng,sự chuyển động và nói chung là 1 sự hỗ tương của những lực vật lý và hóa học .Và định nghĩa khoa học này được bổ túc 1 cách triết lý bằng 1 định nghĩa về thần học trong cuốn từ điển Webater ,nó giải thích lửa như là "dụng cụ để trừng-phạt ,hay là trong 1 hiện trạng khác nữa ,đó là sự gia hình những người không biết ăn năn hối cải —nhân tiện xin nói "hiện trạng" này được giả sử là thuộc về tinh thần;nhưng than ôi! sự biểu hiện của lửa dường như là 1 bằng chứng xác nhận bản chất thuộc về vật-chất của nó .Tuy nhiên,khi đề cập tới ảo tưởng về những hiện-tượng được xem như là giản dị ,bởi vì những hiện tượng này đã quen thuộc , giáo sư Alexander Bain đã nói :

"Có nhiều sự kiện rất quen thuộc dường như có thể tự đứng vững mà không cần phải giải thích và cũng là phương tiện để giải-thích bất cứ cái gì có thể bị đồng hóa vào chúng. Như vậy,sự sôi và sự bốc hơi của 1 chất lỏng được giả sử như là 1 hiện tượng rất đơn giản không cần đòi hỏi sự giải thích và là phương tiện thỏa đáng để giải thích những hiện tượng hiếm hơn. Đối với 1 cái trí chưa được huấn luyện ,sự bốc hơi của nước là 1 điều hoàn toàn dễ hiểu;trong khi đó đối với 1 người có kiến thức về khoa vật lý học thì trạng thái lỏng này là 1 điều bất bình thường và không thể g giải thích được .Một điều rất khó hiểu đối với khoa học là khi người ta phải dùng 1 ngọn lửa để làm cho lửa cháy lên ;tuy nhiên, ít có người nào đã nghĩ như thế được (1).

(1) [Cuốn Luận Lý học(Logic),II ,trang 125 (1873)]

Giáo lý nội môn đã nói gì về lửa?" Ở trên Trời cũng như ở dưới thế gian,Lửa là 1 sự phản ánh hoàn hảo nhất và không thể ngụy tạo được của 1 ngọn lửa duy nhất.Nó là thủy và chung của mọi điều vật chất . Nó là cái"bản thể thiêng liêng".Vì vậy,chẳng những nhóm x người tôn sùng lửa ,những tín đồ của Hỏa thần giáo (Parsi)mà ngay đến những bộ lạc du mục đã man ở Mỹ châu - họ tự nhận là những đứa con của lửa - cũng có những tín ngưỡng hợp khoa học và những điều mê tín dị đoan xác thực hơn là tất cả những cuộc suy lý của những nhà vật lý học và những nhà thông thái hiện đại.Những người Thiên chúa giáo nào nói rằng :"Đức Chúa Trời là 1 ngọn lửa sinh động"và cũng nói về "những ngọn lửa"của ngày lễ Pentecost(Lễ Ngũ Tuần) và những bụi rậm cháy rực của Thánh Moses,thì cũng là một người tôn-sùng lửa như bất cứ một người 'ngoại đạo' nào khác.Trong số tất cả những nhà thuật sĩ,những tín đồ Do Thái bí giáo ,những tín đồ Hoa Hồng Thập Tự đều định nghĩa Lửa một cách đúng đắn nhất.Bạn hãy k kiếm 1 cây đèn dầu loại 6 xu (tiền Anh) và chỉ cần đổ dầu vào cây đèn này ,là bạn sẽ có thể dùng nó để đốt lên những cây đèn dầu khác(lamps) ,những cây đèn cầy (candles) và những ngọn lửa ở

khắp nơi trên thế gian ,mà ngọn lửa của bạn không giảm bớt gì cả. Nếu Thượng Đế là trường cửu và là 1 chất liệu vô biên không tăng không giảm ,thì giáo lý huyền môn không phải là vô lý khi nói rằng "Những cõi sắc tướng và vô sắc tướng được cấu tạo như sau : một ánh sáng thắp lên 7 ánh sáng ,mỗi cái trong bảy cái này phân hóa thêm làm bảy lần bảy" v.v. . .

5- Fohat bước năm bước dài (đã làm ba bước đầu tiên rồi) (a) và xây dựng một bánh xe có cánh ở mỗi góc của hình vuông cho bốn Đấng Cao cả . . . và những đạo binh của các Ngài (b).

(a) Như đã giải thích ở phần bình giải đoạn 4 ,những bước dài nói về những nguyên khí trong vũ trụ và trong con người,theo ngoại giáo gồm có ba (Tinh Thần,Linh hồn và Thể xác). Nhưng theo khoa nội môn bí truyền thì có bảy (ba thể thượng của tinh hoa và bốn thể hạ (thể xác ,sinh khí ,thể phách và thể vía). Ai đã có đọc quyển Phật Giáo nội môn (Esoteric Buddhism) của A.P.Sinnett có thể hiểu dễ dàng sự phân loại này. Có 2 chi phái huyền môn , 1 để truyền thụ cho những đệ tử nội môn chính thức và một để dạy đạo cho những đệ-tử ngoại môn còn ở ngoài thế tục.Môn phái trên tuyên dạy sự phân loại gồm 7 nguyên khí,còn môn phái sau dạy sự phân loại có 6 nguyên khí con người.

Theo quan điểm vũ trụ,Fohat "làm 5 bước dài",ngụ ý 5 cõi trên của tâm thức và nội tại ,còn bước thứ 6 và thứ 7 (từ trên đếm xuống) ngụ ý hai cõi thấp tức cõi trung giới và cõi trần.

(b) "Bốn bánh xe có cánh ở mỗi góc. . . cho bốn Đấng Cao-Cả và những đạo binh của các Ngài". . . Những Đấng này là"Tứ Đại Thiên Vương",chủ tế của các vị Thiền Định Đế Quân ,cai quản bốn phương hướng của vũ trụ . Các Ngài là những vị Đại Thiên Thần thống lãnh những thần lực của vũ trụ ở bốn phương Đông,Tây,Nam , Bắc. Mỗi thứ thần lực ấy đều có 1 tính chất huyền bí khác nhau. Những Đấng ấy cũng có liên hệ đến luật nhân quả ,vì luật này cũng cần có những vị trung gian làm khí cụ để thừa hành mệnh lệnh của nó . Thí dụ như là khoa học đã công khai thừa nhận rằng bốn loại gió có những ảnh hưởng tốt và xấu riêng biệt đối với sức khỏecủa nhân loại và những sinh vật khác x. Nhiều tai ương xảy đến với mọi người được triết lý huyền môn của giáo lý Cổ Đốc La Mã truy nguyên ra từ những vị "Sứ giả" vô hình từ phương Bắc và từ phương Tây ,họ đã tạo ra những trận dịch ,những cuộc chiến tranh và nhiều tai biến khác nữa . Thánh thư Ezekiel (chương iii,4) cũng đã nói " Sự vinh diệu của Thượng Đế xuất phát từ con đường ở phương Đông " ; trong khi đó các nhà hiền triết Jeremiah,Isaiah

và các bậc Thánh thi (Psalmist) ,đều quả quyết với các độc giả rằng ,tất cả những ảnh hưởng xấu dưới ánh mặt trời này ,đều xuất phát từ hướng Bắc và hướng Tây —khi áp dụng cho nước Do Thái , điều này có vẻ giống như 1 điều tiên tri không thể chối cãi được. Và cũng vì lý do này mà Thánh Ambrose (Kinh Amos ,iv) đã tuyên - bố 1 cách rõ ràng rằng "Chúng ta hãy nguyền rủa gió phương Bắc,và trong khi làm lễ rửa tội ,chúng ta hãy khởi sự quay về hướng Tây (hướng có ngôi sao mọc) ,để chối bỏ người nào đã ở đó,sau đó, chúng ta hãy quay về hướng Đông ".

Sự tín ngưỡng về Tứ Đại Thiên Vương (Four Maharajas)-tức là những vị giám quan của bốn phương Trời —thì rất phổ thông và hiện nay chính là tín ngưỡng của các tín đồ Thiên Chúa giáo , họ gọi những vị này theo Thánh Augustine ,là những vị "Kiết Thần" và những vị "Thánh Thần" và "Ma quỉ" (như những người ngoại đạo đã gọi). Nhưng trong trường hợp này ,giữa người ngoại đạo và người Thiên Chúa giáo có sự khác nhau như thế nào ? Ông Vossius , 1 học giả danh tiếng đã nói :

"Dù Thánh Augustine đã nói rằng mỗi sinh vật hữu hình trong thế gian này đều có 1 vị kiết thần trên cương vị là 1 vị- thần hộ mạng ở gần sinh vật này ,phải hiểu rằng đó không phải là những cá thể, nhưng hoàn toàn là các loại sinh vật ,thực vật,mỗi loại sinh vật có 1 vị thần đặc biệt theo bảo vệ nó. Ngài nhất trí với tất cả những nhà triết học về điều này ... Đối với chúng ta, những vị thần này chính là những vị thần linh hoàn toàn tách biệt với mọi vật . . . trong khi đó ,các nhà triết học (ngoại đạo)vẫn coi họ như các vị thần linh "(1).

(1) [Cuốn thần học (Theol.Cir.I ,vii]

Khi người ta nghiên cứu đến nghi lễ dành cho các"vị thần Ngôi sao" do Giáo hội Cơ Đốc La Mã dựng lên,thì các vị này giống một cách khả nghi như những"vị thần linh" ,nhưng các vị này không được người xưa kính trọng hay là tôn sùng (những người ngoại đạo hiện nay cũng vậy) hơn ngày nay tại La Mã ,những tín- đồ Thiên Chúa giáo Cơ Đốc rất văn minh tôn sùng các vị thần linh này .

Tiếp theo triết gia Plato ,Aristotle đã giải thích rằng , ngôn từ στοιχεία chỉ được hiểu nghĩa như có nghĩa là những nguyên khí vô hình được đặt ở trong bốn vùng rộng lớn của bầu thế giới vũ trụ của chúng ta ,để trông nom 4 vùng này. Vì vậy, những người Thiên Chúa giáo cũng như những người ngoại đạo ,đều không thờ - phụng và tôn sùng các Hành và những phương trời này (có tính cách tưởng tượng), mà chỉ tôn sùng những "vị thần" đã thống trị những

vùng riêng biệt như vừa nói . Đối với Giáo hội,có hai loại sinh-vật ở trên trời ,một là những vị Thiên thần và hai là những loài ma quỉ yêu tinh. Đối với những người Do Thái Bí giáo,và những nhà bí học,thì chỉ có 1 hạng duy nhất ,không nhà bí học cũng như nhà Do Thái bí giáo nào phân biệt "những vị giám hiệu của ánh sáng " và "những vị giám hiệu của bóng tối" hay là những Đấng tạo lập vũ trụ ; nơi những vị "giám hiệu của ánh sáng"("Rectors of Light") , Giáo hội La Mã đã tưởng tượng và tìm ra các Đấng Tạo Lập Vũ - trụ ngay khi một trong những vị này được gọi dưới 1 danh hiệu khác hơn danh hiệu mà người ta vừa nói. Không phải là những vị giám-hiệu hay là những vị Đại Thiên vương thưởng hay phạt ,với sự cho phép hay là không cho phép ,hoặc là có lệnh hay không có lệnh của 'Thượng Đế',mà chính những hành vi (hay là nhân quả(karma)) của con người ,mới hấp dẫn mọi loại ảnh hưởng xấu và độc ác của 1 cá-thể hay của 1 số đông (như là đôi khi xảy ra cho nhiều nước ở trên thế giới). Chúng ta tạo ra những nguyên nhân ,những nguyên-nhân này đánh thức những quyền năng tương ứng trong bầu thế- giới tinh tú ,những quyền năng này , 1 cách không thể cưỡng chế nổi và có từ tính ,bị hấp dẫn và có phản ứng đối với những người nào đã tạo ra nguyên nhân như thế ; dù là những người thực sự gây ra tội ác ,hay là những "nhà tư tưởng" chỉ mới ấp ủ ác ý . Vì tư tưởnglà vật chất (khoa học hiện đại đã dạy chúng ta như vậy) ; trong cuốn "Những Nguyên Lý của Khoa Học",các ông Jevons và Babbage đã nói với người ngoại đạo là "tất cả những gì đã xảy ra đều phải được ghi lại trong mỗi phần tử của vật chất biểu hiện ". Càng ngày,khoa học tân tiến càng bị dòng nước xoáy của huyền bí học lôi cuốn, sự lôi cuốn này rất rõ rệt ,mặc dù vô ý thức.

Dĩ nhiên ,"Tư tưởng là vật chất",không theo ý nghĩa như ông Moleschott, 1 nhà duy vật người Đức đã quả quyết với chúng ta rằng "tư tưởng là sự chuyển động của vật chất" — đó là 1 lời nói hết sức phi lý không ai bì kịp . Như thế,những trạng thái của tư tưởng và trạng thái của thể xác đã hoàn toàn được đối chiếu ngược nhau,nhưng điều này không có ảnh hưởng đến lập trường cho rằngmỗi tư tưởng ,ngoài phần đồng hành của thể xác (là sự biến đổi của não bộ ra) ra đều biểu hiện 1 trạng thái khách quan ,— dù đốivới chúng ta ,đó là cái khách quan siêu cảm giác —trên cõi trung-giới (1).

(1) [Xem cuốn Thế Giới Huyền Bí (The Occult World) ,trang 89 - 90]

Hai lý thuyết khoa học chủ yếu bàn về những sự liên- quan giữa tinh thần và vật chất là thuyết nhất nguyên và chủ -nghĩa duy vật. Ngoại trừ những quan niệm gần như là huyền bí của những

trường phái Phiếm-thần-học của người Đức,cả hai thuyết này bachàm toàn bộ lãnh vực của khoa tâm lý học tiêu cực .

Những quan niệm của những nhà tư tưởng khoa học hiện nay của chúng ta về những liên quan giữa tinh thần và vật chất,có thể được thu gọn về hai giả thuyết sau đây . Hai giả thuyết chứngminh rằng cả hai quan niệm trên đều loại bỏ việc có thể có 1 linh -hồn độc lập,linh hồn này hoạt động xuyên qua và phân biệt với bộ óc thể xác. Hai quan niệm này là :

1) Chủ Nghĩa Duy Vật(Materialism) thuyết này coi nhữnghiện tượng của tư tưởng như là đều do những biến đổi phân-tử trong não bộ sinh ra ;nghĩa là như là kết quả của 1 sự biến đổi chuyển-động thành ra tình cảm(!) . Có 1 lần,trường phái tục tằn này đã đi quá xa đến nỗi đồng nhất hóa tư tưởng với "một cách chuyển động dị kỳ' (! !) ,nhưng ngày nay,may mắn thay quan niệm này bị hầu hết các nhà khoa học xem như là phi lý.

2) Thuyết Đơn Nguyên(Monism) hay là chủ thuyết dạy về Bản thể độc nhất , là 1 hình thức tinh vi của khoa tâm lý học tiêu - cực ,mà 1 trong những người ủng hộ thuyết này là giáo sư Bain , cũng đã tài tình nói rằng đó là "chủ nghĩa duy vật dự phòng"("gua -rded materialism"). Chủ nghĩa này đã được một số rất lớn các nhà triết học tán thành,trong số này có các triết gia Lewes, Spen -cer,Ferrier và nhiều người khác ; nói chung,họ giả sử vật-chất là cái tương phản chính đối với những hiện tượng về tư tưởng và tâm thần ,xem chúng chỉ như là 2 khía cạnh ,hay 2 hiện trạng của 1 trong những trạng thái của cùng một bản chất . Họ nói rằng bản thân tư tưởng hoàn toàn tương phản với những hiện tượng vật- chất nhưng nó cũng phải được xem như "khía cạnh chủ quan của vận -động thần kinh" mà thôi —(các nhà thông thái của chúng ta muốn hiểu câu này ra sao thì hiểu).

Theo ông Clemens Alexandrinus, trong các đền thờ của Ai-Cập ,nơi thờ phượng được tách biệt (bởi 1 tấm vách ngăn rộng lớn) ra khỏi chỗ hội họp.Những đền thờ của người Do Thái cũng vậy. Tấm vách ngăn của cả hai nơi thờ phượng này được giăng qua 5 cây trụ (hình 5 góc),vừa tượng trưng cho 5 giác quan ,vừa tượng trưngcho 5 giống dân chánh (nói theo bí truyền) ,trong khi 4 màu sắc của tấm vách tượng trưng cho 4 phương trời,và 4 nguyên tố của địa cầu. Tất cả những điều này chỉ là 1 biểu tượng có ẩn ý .Chính nhờ bốn vị Phán Quan (Rulers) cao cả coi bốn phương trời và những nguyên-tố này mà 5 giác quan của chúng ta có thể biết được những chân-lý bí ẩn của thiên nhiên,như ông Clemens đã trình bày, hoàn t o à n không phải là chính những nguyên tố đã cung cấp cho người ngoại-

đạo Minh triết Thiêng Liêng hay là Minh triết của Trời (1).

(1) [Như vậy,câu này "Natura Elementorum obtinet revelationem Dei" (Sự tiết lộ của Trời được chứng minh bằng bản chất củacác nguyên tố) (cuốn Stromata của Clemens ,IV ;6) có thể được ápdụng cho cả hai hoặc không áp dụng cho cái nào cả .Tham khảo cuốn Zends ,II, 228 và cuốn De Iside et Osiride,do Layard so sánh trong tạp chí Hàn Lâm Viện Văn học,1854,q. XV]

Trong khi biểu tượng của người Ai Cập thuộc về tinh - thần, thì biểu tượng của người Do Thái lại hoàn toàn thuộc về vật chất, và thực vậy , người Do thái chỉ chú trọng đến những Hành mù quáng (the blind Elements) và những "phương trời" tưởng tượng(imaginary "points"). Vì ý nghĩa gì mà Thánh Moses lại dựng lên ngôi nhà thờ Do thái hình vuông trong những vùng hoang địa,nếu không phải làvì cùng cái ý nghĩa vũ trụ ấy ? "Con đã làm ra 1 tấm màn màu xanh , màu đỏ tía và màu đỏ tươi. . . những cây trụ rất đẹp để bằng danh mộc (shittim để treo màn lên. . . ở bốn góc có bốn cái khoen bằng đồng . . . những tấm bảng bằng danh mộc dành cho bốn hướng Bắc , Nam , Tây , Đông . . . của Thánh điện . . . có những tiểu thiên thần của tác phẩm tuyệt xảo"(2) .

(2) [Xem cuốn "Những cuộc Di Dân Do Thái"(Exodus), xxvi , 26-32]

Nhà thờ của người Do thái và cái cân hình vuông ,những tiểu thiên thần và tất cả những cái khác đều hoàn toàn giống nhưnhững cái có trong đền thờ của người Ai Cập . Nhà thờ Do Thái có hình vuông bốn góc , có 1 ý nghĩa mà cho đến ngày nay vẫn còn trongtín ngưỡng công truyền của người Trung Quốc và người Tây Tạng — bốn phương trời có ý nghĩa bốn cạnh của những Kim tự tháp ,những bia hình chóp và những kiến trúc có hình vuông như thế . Toàn thể sự việc này cũng đã được Josephus giải thích một cách cẩn thận . Ông tuyên bố rằng những cột trụ của nhà thờ người Do Thái cũng giống với cột trụ dựng lên tại thành Tyre dành cho tứ đại (four elements) những cột trụ này được đặt trên những bệ có bốn góc quay mặt hướng về bốn phương trời ; ông còn thêm rằng ,"những góc của các bệ này có bốn hình của Hoàng Đạo "(Zodiac) ở trên đó,những hình này cũng chỉ phương hướng tương tự (3) .

(3) [Cuốn "Những Cổ Vật" (Antiquities) của Josephus , I, VIII,chương xxii]

Những ý niệm này có thể còn để lại tàn tích trong những thạch động của các tín đồ Hỏa Thần giáo ,trong các đền thờ chạm - trổ trong đá ở Ấn Độ và tất cả những đền đài thiêng liêng hình

vuông của thời cổ còn tồn tại cho đến ngày nay . Chính ông Layard đã xác minh điều này, ông đã tìm thấy bốn phương trời và bốn nguyên tố đầu tiên ở trong tôn giáo của mọi nước trên thế giới , dưới hình dáng của những thạch bi (obelisks),chóp tháp hình vuông, những Kim tự tháp có bốn cạnh v.v. . . Về những nguyên tố này và những phương trời,thì Tứ Đại Thiên Vương là những vị thần điều-khiển và thống trị .

Nếu sinh viên huyền môn muốn biết nhiều hơn nữa về các vị này, y chỉ cần so sánh linh thị của Ezekiel (ch.1) với cái mà Phật Giáo Trung Quốc đã biết ,ngay cả trong giáo lý công truyền, và xét nghiệm lại hình dáng bên ngoài của những vị "Đại Vương " (của các thần linh) này. Theo ý kiến của Đức Giám Mục Joseph Edkins "mỗi một trong các vị này thống trị một trong bốn lục địa , (thế gian này đã được người Ấn Độ phân chia ra như thế). . .Mỗi vị thống lĩnh một đội binh thần linh để che chở cho nhân -loại, và để bảo vệ cho Phật giáo " (1).

(1) [Xem quyển "Phật Giáo Trung Quốc"(Chinese Buddhism , trang 216]

Ngoại trừ sự thiên vị đối với Phật Giáo ,bốn nhân vật ở trên trời này đúng là như vậy. Song những người Ấn Độ lại chia thế giới này ra làm bảy lục địa ,nói về công truyền cũng như bí truyền ; còn về bốn vị thần trông coi vũ trụ ,thì họ nói là có 8 vị ,có nhiệm vụ trông coi 8 hướng trên la bàn chứ không phải trên các lục địa .

"Bốn vị thần" chính là bốn vị thần bảo vệ nhân loại và cũng là vị thi hành nhân quả (karma) trên trần thế ,trong khi các vị thần cầm cân Nhân Quả (Lipika) lại lo lắng cho kiếp sau của nhân loại . Theo linh thị của Ezekiel ,thì trong lúc đó,các Ngài cũng là bốn sinh vật "giống như con người" ,mà các dịch giả Thánh Kinh Thiên Chúa giáo (Bible) gọi là những vị"tiểu thiên thần"(Cherubim) và những "Thiên Thần Tối cao"(Seraphim) v.v. . . ;còn các nhà bí học gọi những vị này là "những bầu hành tinh có đôi cánh", "những bánh xe bằng lửa"; và theo Phiếm Thần học Ấn Độ ,người ta lại còn dùng nhiều danh từ khác nữa . Tất cả những danh từ Gandharvas (các vị thần du ca) ,"những ca sĩ dễ thương"("Sweet Songsters") ,những vị Asuras (thần quỉ) ,riêng những vị Kinnaras(các vị thần nửa người nửa ngựa) và những vị Nagas (các Long thần)đều là những cách diễn tả có ngụ ý dành cho Tứ Đại Thiên Vương . Sera-phim là những con rắn lửa ở trên Trời mà chúng ta tìm thấy trong 1 đoạn kinh mô tả ngọn núi Tu Di (Meru) như là "Một số điều vinh

diệu được tn dưỡng sùng kính mà con người đầy tội lỗi không thể nào tới được. . . bởi vì những nơi đó được những Con Rắn canh - giữ". Những vị này được gọi là những Kẻ Báo Thù và "Những Bánh Xe Có Cánh"("Winged Wheel").

Nhiệm vụ và đặc tính của những vị này đã được giải thích, ta hãy thử xem các dịch giả Thánh Kinh Thiên Chúa giáo nói về những vị tiểu thiên thần (Cherubim) như thế nào. "Trong tiếng Hy bá lai,tiếng này có nghĩa là đầy đủ sự tri thức ; những vị thiên thần được gọi như thế ,do tri thức hoàn hảo của họ ,và vì vậy,họ được dùng để trừng phạt những người nào đụng chạm đến minh triết thiêng liêng".(Trong Sáng Thế Ký (Genesis) ,phụ dẫn iii,24, do Cruden diễn giải). Rất đúng ; và mặc dầu tin tức này còn mập mờ nó vẫn chỉ cho thấy rằng ,những vị tiểu thiên thần này (Cherub) được đặt giữ cổng vào vườn Địa Đàng ,sau khi có "Sự Sa ngã" của con người ,đã gợi ra cho các nhà diễn giải khả kính ý niệm về sự trừng phạt liên quan đến môn khoa học bí ẩn hay là Minh - Triết thiêng liêng —khoa học này cũng thường dẫn tới 1 sự "sa ngã" khác nữa mà theo sự phỏng đoán của con người ,đó là sự sa ngãcủa các vị thần linh hay là của "Đức Chúa Trời". Nhưng vì lão g i à hiền hậu Cruden không biểu gì về nhân quả (karma) nên người ta có thể tha thứ cho ông . Tuy nhiên,sự ngụ ý cũng thật là gợi ý . Khoảng cách từ núi Tu Di ,nơi trú ẩn của các vị thần linh , cho đến vườn Địa Đàng rất ngắn ,từ những Con Rắn của người Ấn Độgiáo cho đến những vị tiểu thiên thần của phái thờ rắn (Ophite Cheubim) — vị thần thứ ba trong số 7 vị thần này chính là con Rồng —thì sự ngăn cách lại còn nhỏ hơn nữa,vì cả hai đều canh giữ cửa vào lãnh địa của sự Tri Thức Huyền bí . Và chăng ,Ezekiel cũng đ ã diễn tả một cách rõ ràng bốn vị thiên thần trong Càn khôn này như sau :

"Tôi đã thấy và chứng kiến 1 luồng gió lốc . . . một . . . đám mây mù và 1 đốm lửa bao bọc lấy nó . . . cũng từ trong lòng của luồng gió lốc ,hình ảnh của 4 sinh vật xuất hiện. . . hình-dáng chúng giống như 1 con người . Mỗi sinh vật này có 4 mặt . . và 4 cánh . . .mặt có hình 1 con người (1)và mặt có hình 1 con sư tử . . .mặt có hình 1 con bò và . . mặt có hình 1 con ó. . . Bây giờ tôi thấy những sinh vật này giống như tôi thấy 1 bánh xe trên trái đất . . với 4 mặt . . cũng như nó là 1 bánh xe ở chính giữa của 1 bánh xe. . .vì linh hồn của sinh vật này cũng ở trong bánh xe này(Ezekiel,i).

(1) Ở đây,"Con Người" được thay thế cho "Con Rồng".Người ta so sánh những vị này giống như những vị thần của phái thờ Rắn (Ophitex Spirites). Những vị thiên thần được giáo hội Cơ Đốc

công nhận tương ứng với những "Mặt" này đối với những tín đồ thờ Rắn : Con Rồng với Thánh Raphael; Con Sư Tử với Thánh Michael,Bò Rừng hay Con Bò Nhà (Bull or Ox) với Thánh Uriel ,Con Ó với Thánh Gabriel.Bốn vị truyền giáo Phúc âm giao du thân mật với 4 vị này và các Ngài đã giới thiệu Kinh Phúc Âm 7

Có ba nhóm chính gồm các Đấng Sáng Tạo và cũng bấy nhiêu x nhóm gồm những vị Tinh quân và các Đấng Lipika ,mỗi nhóm lại chia ra làm 7 tiểu tổ . Ngay cả trong 1 tác phẩm vĩ đại như thế này , người ta cũng không thể nào khai triển việc khảo sát tỉ mỉ 3nhóm chính này vì nó sẽ cần 1 quyển sách phụ trội .Các Đấng Sáng- Tạo là những vị đại diện của những Đấng Tứ Đại Thiên Vương của những Thực thể do "Cái Trí Sinh ra" đầu tiên ,vì vậy,các Ngài cũng là đại diện của những vị Hóa công (Rishi- Prajapati) đầu tiên ,cũng như của các Đấng mà người Ai Cập gọi là bảy vị thần vĩ đại , mà thần Osiris là vị thần chủ yếu ; của các Đấng mà tín đồ Hỏa thần giáo gọi là "Bảy Đấng Tạo Lập vũ trụ("Amshaspends)" ,mà Đấng Ormazd (Thần Thái Dương) đứng đầu ; của "Bảy Vị thần linh của Thánh Dung"("Seven Spirits of the Face") ; của Bảy vị Thần sáng-Tạo (Sephiroth) độc lập với tam thể đầu tiên (first Triad)v.v.(1)

(1) 7 Ngoại trừ những người Do Thái Bí giáo,những người Do-Thái không có danh từ nào để gọi hướng Đông,Tây,Nam,Bắc, họ diễn tả tư tưởng này bằng những tiếng có nghĩa là phía trước,phía sau, bên phải và bên trái ,rất thường bị lầm lộn với những ngôn - ngữ công truyền ,vì vậy mà trong Thánh Kinh Thiên Chúa giáo (Bible), có những sự che giấu khiến người ta rất dễ bị lầm lẫn và rất khó thuyết minh . Thêm vào điều này là sự kiện trong số 47 dịch giả của vua James I để dịch Thánh Kinh của nước Anh,"chỉ có 3 người hiểu tiếng Hy bá lai ,và hai trong ba người này đã chết trướckhi Thánh thi được dịch ra"(Bách Khoa tự điển của Hội Tam Điểm Hoàng Gia) và người ta có thể hiểu dễ dàng bản dịch Thánh Kinh bằng tiếng Anh đáng tin đến mức nào . Trong tác phẩm này,người ta hay theo (chứ không phải luôn luôn) bản dịch của Cơ Đốc giáo La - Mã Douay 7

Các Ngài xây dựng hay nói đúng hơn là tái tạo mỗi Hành - tinh hệ sau mỗi chu kỳ hủy diệt hay Đêm của Phạm Thiên.Nhóm thứ hai của Đấng Sáng Tạo là những vị kiến trúc xây dựng đặc biệt của dãy hành tinh hiện tại ,còn nhóm thứ ba là những Đấng trưởng - thượng của nhân loại chúng ta tức các Đấng kiểu mẫu của TiểuThiên Địa trong vũ trụ càn khôn.

Các Đấng Tinh Quân(Planetary Spirits) là những Đấng chủ-tể của các vì tinh tú nói chung và các bầu hành tinh nói riêng .

Các Ngài cai quản vận mệnh của những người sinh ra dưới ảnhhưởng của những tinh tú đặt dưới sự điều khiển của các Ngài ;các nhóm thứ nhì và thứ ba cai quản những hành tinh hệ khác ,đều có những chức vụ tương tự và tất cả đều cai quản những ngành sinh hoạt khác nhau trong thiên nhiên. Trong Phiếm thần học công truyềncủa Ấn Độ giáo,các Ngài là những vị thần bảo vệ có nhiệm vụ cai quản tám hướng trên la bàn —tức là 4 phương chính và 4 phương trung-gian —và được gọi là những vị Lokapalas,là những vị"bảo vệ và trông nom thế gian" (trong vũ trụ hữu hình của chúng ta ,(ở phương Đông) thì có vị thần Indra (vị thần trông coi bầu trời),(ở phương Nam) thì có vị thần Yama (Thần chết) ,(ở phương Tây) thì có vị thần Varuna (Thủy Thần) ,và (ở phương Bắc) thì có vị thần Kuvera (Thổ Thần) là chủ tế ; dĩ nhiên,những con voi và người vợ của các vị thần này đều thuộc về hoang tưởng và sự diễn giảisau này ,dù tất cả những điều này đều có 1 ý nghĩa huyền bí.

Trong Đoạn Thánh Kinh 4,lời bình luận 6,các Đấng Lipika là những vị Tinh Quân của vũ trụ ,còn những Đấng Tạo Tác chỉ cai quản những bầu hành tinh trong hành tinh hệ hiện tại của chúngta mà thôi . Những vị trước thuộc về phần huyền bí nhất của vũ-trụ-học ,mà người ta không thể đưa ra đây được . Liệu những vị Chân-Sư (Adepts) —ngay cả những Đấng Cao Cả nhất — có biết được đẳng cấp của những vị thiên thần này 1 cách đầy đủ với ba cấpbậc ,hay chỉ biết 1 bậc thấp hơn liên quan đến những ký ảnh của thế-giới chúng ta ,là 1 điều mà tác giả cũng chưa được chuẩn bị để nói ra ,nên tác giả thiên nhiều hơn về giả thuyết sau . Chỉ có 1 điều được dạy về cấp bậc cao nhất của các vị này . Các Đấng Li-pika có liên hệ đến luật nhân quả ,các Ngài gìn giữ kho ký ức nghiệp quả của vũ trụ . Cây Trường Sinh(Tree of Life) là cái biểu tượng phổ thông dành cho Minh triết thiêng liêng và huyền bí vào Thượng Cổ thời đại , nó cũng có nghĩa là 1 Thánh Kinh hay là một tàng thư lưu ký. Từ đó mới có tiếng Lipika ,có nghĩa là những kẻ viết lách và biên chép ,những "Con Rồng" tượng trưng cho sự Minh Triết ,chúng gìn giữ những cây Tri Thức (Trees of Knowledge);cây "Táo Vàng" ở vườn Hesperides ,những "cây Tuổi Tốt " và loài thực-vật ở núi Tu Di (Meru) được các con Rắn bảo vệ . Món quà của Nữ-thần Juno dành cho thần Jupiter trong ngày hôn lễ là 1 cây có trái vàng ,nó còn có 1 hình thức nữa là món quà của bà Eve (Ê Và) dành cho ông Adam ,đó là Trái Táo hái từ cây Tri Thức.

6- Đấng Lipika bọc quanh hình tam giác ,thứ nhất là đường thẳng ,khối vuông bốn cạnh ,cái thứ nhì và khối năm cạnh bên trong vòng tròn (a) . Đó là cái vòng "cấm địa" không thể vượtqua

cho những kẻ xuống và lên,cũng như cho những kẻ ,trong một chu - kỳ ,đang tiến đến ngày Đại nhật "đến với chúng ta"(b).Những cõi sắc giới và vô sắc giới được tạo dựng như sau : từ 1 ánh sáng , sinh ra bảy ánh sáng ,từ mỗi cái trong bảy cái này sinh ra 7 lần 7 ánh sáng . Các bánh xe nhìn vòng tròn . . .

Đoạn kinh này tiếp tục với 1 bảng liệt kê tỉ mỉ những cấp đẳng các Đấng Thiên thần . Những nhóm Thiên thần có 10 vị do cái Trí sinh ra ,nhóm mười hai vị ,nhóm hai mươi mốt vị . . .v.v. . . đều có nguồn gốc từ nhóm 4 và 7 vị thần linh ,1 lần nữa ,tất cả đều được chia thành những nhóm phụ của nhóm Heptads,của nhóm En -neads ,của nhóm Dodecads (1) và tiếp tục mãi cho đến khi nào cái trí không còn đủ sức đếm cái số vô cùng của những nhóm thần-linh và những sinh vật ở trên trời , mỗi vị đều có 1 trách vụ rõ rệt trong việc cai quản vũ trụ hữu hình trong chu kỳ sinh hoạt.

(1) ⌐ Heptads : nhóm bảy;Enneads:nhóm 9 vị; Dodecads :nhóm 12 vị ⌋

(a) Ý nghĩa huyền bí của câu đầu trong Đoạn kinh là những Đấng gọi là Lipika hay các Đấng cầm cân nghiệp quả ,dựng một bức rào chướng ngại giữa linh hồn hữu ngã và chân linh vô ngã tức cái thực thể của nguồn gốc và linh hồn. Do đó mới có cái biểu - tượng . Các Ngài đặt cái thế giới vật chất biểu lộ bên trong"vòng cấm địa" không thể vượt qua : thế giới này là biểu tượng khách - thể của nhất nguyên phân hóa ra vạn hữu ,các cõi của ảo giác và nhất nguyên này là tổng hợp của những Đấng Sáng Tạo hay KiếnTrúc của vũ trụ hữu hình . Trong huyền bí học Hy bá lai ;danh hiệu này gồm cả hai tiếng Echath ,là "Số Một" thuộc về giống cái và tiếng Echad , 1 lần nữa cũng là "Số Một" nhưng thuộc về giống đực.Những nhà Độc thần học (Monotheists) đã và còn đang lợi dụng thuyết bí truyền thâm sâu của kinh bí pháp Kabalah ,họ đã áp dụng danhhiệu của Nguyên Thể Thiêng Liêng Duy Nhất ,cho sự biểu lộ của nó ,các vị thần sáng tạo (Jehovah). Những điều này hoàn toàn là độc đoán chống lại tất cả lý lẽ và lý luận (reason and logic) ,vì ngôn từ Elohim là 1 danh từ chỉ số nhiều ,giống như tiếng Chiim (sự sống) cũng chỉ số nhiều và thường kết hợp với nó .Trong Kinh Tạo Thiên Lập Địa (Sepher Yetzireh) cũng như trong nhiều cuốn kinh khác có câu này "Achath-Ruach-Elohim -Chiim",ý nghĩa hay hơn hết của câu này là Thượng Đế Sáng Tạo (Elohim) trên cương vị là có lưỡngtính ,nhưng yếu tố thuộc về nữ tính chiếm ưu thế nhất ,và câu nàyđược đọc như vầy :" Ngài là số Một, là Tinh Thần của Thượng Đế Sáng - Tạo (Elohim) của sự Sống". Như đã nói,tiếng Achath (hay là Echath) thuộc giống cái và tiếng Achad (hay là Echad) thuộc giống đực ,

nhưng cả hai đều có nghĩa là Số Một (One) .

Và chăng,trong các khoa Siêu Hình học huyền bí (Occult metaphysics),nói cho đúng thì có 2 số "Một" — Số "Một" thứ nhất chỉ cái Tuyệt Đối và Vô Cùng ở trên cõi không thể đạt tới ,ở trên cõi mà người ta không thể suy lý được ;còn số Một thứ nhì ở trên cõi của những Phân Thân (plane of Emanations). Con số trước không thể sinh ra,cũng không thể bị phân chia,vì nó trường cửu,tuyệtđối và bất di bất dịch ;nhưng con số thứ nhì có thể nói là phản ánh của số Một đầu tiên (vì nó chính là Thượng Đế Ba Ngôi (Logos)hay là Thượng Đế hữu hình (Ishvara) trong bầu vũ trụ ảo tưởng),cóthể biểu hiện . Nó tự sinh ra —giống như là Tam Thể Sáng Tạo (Sephi-rothal Triad) trên cao,từ đó 7 Đấng Sáng Tạo (Sephiroth) ở dưới thấp được sinh ra —tức là bảy cung hay bảy vị Thiên Định ĐếQuân; nói 1 cách khác,cái Đồng nhất trở thành cái dị biệt (Homogenous becomes the Heterogenous),cái Nguyên Hình chất (Protyle) phânhóa ra thành những nguyên tố . Nhưng nếu những nguyên tố này không trở về nguyên tố khởi thủy ,thì chúng không thể nào vượt ra khỏi Điểm Trung hòa (Laya) hay là điểm không(zero-point).Giáo điều siêu hình học này khó lòng có thể được diễn đạt hay hơn nhữngbài diễn thuyết của ông T.Subba Row về Thiên Đế Ca (Bhagavad Gita):

Hỗng Nguyên khí (Mūlaprakriti)(là tấm màn che Bản Thể Tối Thiêng Liêng (Parabrahman)) ,tác động như là năng lượng duynhất xuyên qua Thượng Đế Ba Ngôi (Logos) hay Thượng Đế hữu hình(Ish - vara). Bây giờ Bản Thể Tối Thiêng Liêng (Parabrahman). . . . .là nguyên thể duy nhất mà từ đó một trung tâm năng lượng bắt đầu biểu lộ ,cái mà hiện nay tôi sẽ gọi là Thượng Đế Ba Ngôi (Logos) . . . Ngài được gọi là Thượng Đế Ngôi Lời (Verbum) . . . như tín đồ Thiên Chúa giáo đã gọi vè đó là Đấng Thánh Thiện (Christos) thiêng liêng ở đời đời trong lòng Đức Chúa Cha .Bản Thể này cũng được tín đồ Phật giáo gọi là Quán Thế Âm (Avalokiteshvara). . . Trong bầu hết mọi giáo lý ,họ đã đào luyện ra sự biểu hiện của 1 trung tâm năng lượng Tinh thần bất sinh và trường cửu ,và trong thời gian của chu kỳ hỗn nguyên ,nó biểu hiện trong lòng của Bản Thể Tối Thiêng Liêng (Parabrahman) và khởi sự như 1 trung - tâm năng lượng của tâm thức vào lúc vũ trụ hoạt động . . .(1).

(1) ⌜ Tạp Chí Thông Thiên Học giả ,tháng 2-1887 ,trang 303. Cũng cần xem cuốn "Triết lý của Kinh Chí Tôn Ca" của Subba Row , 1912,trang 11 , 12 , 15 ⌟

Đó là vì như diễn giả đã nói trong lời mở đầu,Bản Thể Tối-Thiêng Liêng không phải là cái này, mà cũng không phải là cáikia, nó cũng không phải là tâm thức ,vì nó không liên quan đến vật -

chất hay bất cứ vật gì có điều kiện . Nó không phải là Chơn - Ngã (Ego) ,cũng không phải là Phi-Ngã (Non-Ego) ,cũng như không phải là Tiến Thể (Atma) ,mà thực sự ,nó là nguồn gốc duy nhất của tất cả những sự sáng tạo và những cách biểu hiện.

Vì vậy,trong sự ngụ ý này ,Đấng Lipika phân chia cõi giới Tinh Thần với cõi giới vật chất . Những kẻ "xuống và lên" , tứclà những Chơn thần đi đầu thai xuống hạ giới và những người cố gắng công phu tu luyện để tiến lên nhưng vẫn chưa đạt tới đích .Họchỉ có thể vượt qua vòng "cấm địa" vàb ngày "đến với chúng ta",là ngày mà con người ,khi đã tự giải thoát khỏi những trói buộc của vô minh và hoàn toàn nhận thức được sự đồng nhất của bản thể linh hồn (hay Chơn ngã) với Đại Ngã của vũ trụ ,bèn sáp nhập với Đại Ngã để không những hợp nhất làm một"với Chúng Ta" (tức những sinh vật biểu lộ trong vũ trụ gồm thành "một" sự sống Duy Nhất) mà còn trở thành chính cái sự sống ấy.

Theo quan điểm Thiên văn học, "vòng cấm địa" mà Đấng Lipi-ka vạch ra để bao bọc chung quanh hình tam giác ,cái Đệ nhất , khối vuông 4 góc ,cái thứ nhì và khối năm góc ,được nêu ra như trên để trình bày con số biểu tượng 3 L 4 1 5 ,tức hệ số Pi(π) luôn luôn được dùng đến trong toán học . Những hình hình học nêu trên tượng trưng cho những con số . Theo giáo lý triết học đại-cương ,vòng này ở ngoài khu vực của cái được gọi là tinh vân trong Thiên văn học . Nhưng đấy cũng là 1 quan niệm sai lầm như quan niệm về địa hình và sự diễn tả về 1 008 bầu thế giới của những thế giới và những bầu trời thuộc về nơi ở của những vị thần linh (Deva-loka) mà Kinh Purana và những kinh sách công truyền khác đã đưa ra . Dĩ nhiên , trong giáo lý bí truyền ,cũng như th theo những lời dạy của khoa học phàm tục ,có những thế giới cách xa ta vô cùng đến nỗi mà mặc dù chỉ mới vừa đạt đến những người Can-Đế hiện đại của chúng ,ánh sáng của thế giới gần nhất ,cóthể đã rời khỏi nguồn ánh sáng gốc trước ngày mà người ta tuyên bố "Hãy để cho ánh sáng xuất hiện"; nhưng những bầu thế giới này không phải là những bầu thế giới ở trên cõi của các vị thần linh ở trong vũ trụ của chúng ta .

Nhà hóa học đi đến điểm trung hoà (laya) hay điểm không của cõi vật chất ,mà y bàn tới ,rồi dừng ngang lại . Nhà vật- lý học hay nhà thiên văn học tính được đến hàng triệu triệu dặm Anh (Trong ấn bản 1888 ghi là Para-para-metaphysical) ở bên kia các Tinh vân ,nhưng rồi cũng ngừng ngang lại . Điểm trung hoà này cũng sẽ được nhà bí học được điểm đạo bán chánh thức trình bày như là vừa biểu hiện trên 1 vài cõi nào đó ,nếu không phải là cõi

trần thì cũng là cõi mà trí con người có thể nhận thức được.Nhưng 1 người được điểm đạo hoàn toàn biết rõ rằng vòng "Bất khả xâm phạm" này không phải là 1 vùng ,cũng không có khoảng cách nào có thể đo được ,nhưng biểu hiện trong tính tuyệt đối của Vô Cùng.

Đối với người được điểm đạo hoàn toàn ,cái "Vô cùng" này không có bề cao , không có bề rộng ,cũng không có bề dày ,nhưng tất cả chỉ là cái vực sâu không dò được ,từ "cái siêu hình vôhạn" xuống cho đến cái hữu hình . Khi dùng tiếng "xuống" này ,ngườita có ý nói cái vực thẳm chủ yếu —"ở khắp nơi" và không ở chỗ nào cả" —chứ không phải cái vực sâu của vật chất hữu hình .

Nếu 1 người nào chịu khó khảo sát 1 cách cẩn thận về các điều ngụ ý của nhân thần đồng hình thô kệch và thuộc về c ô n g truyền của những tôn giáo dân gian thì cái vòng tròn "bất -k h ả xâm phạm" vốn là hiện thân giáo lý của các tôn giáo này và được các vị cầm cân nhân quả canh giữ ,có thể được họ nhận thức ra 1 cách lờ mờ . Như vậy , ngay cả trong giáo lý của chi phái Phệ Đàn đà Phi Nhị nguyên (Vishishtadvaita),trên toàn thể nước Ấn độ ,đó là giáo lý nhân thần đồng hình kiên trì gắn bó nhất) , ta cũng thấy điều này,vì chúng ta có đọc đoạn nói về sự giải thoát của linh hồn ,sau khi nó đoạt được trạng thái giải thoát (Moksha)—1 trạng thái chân phúc ,có nghĩa là sự giải phóng được những ràng buộc trên thế gian này (Bandha) ,"hay là thân phận nô lệ của con người —linh hồn hưởng chân phúc ở 1 nơi được gọi là Paramapada (cõi cực lạc) ,nơi không thuộc về cõi vật chất ,nhưng được làm bằng nguyên thể rực sáng vô hình (Shuddhasattva hay Suddasatwa) tức là cái nguyên thể dùng để tạc ra thân thể của Thượng Đế hữu hình (Ishvara),tức là "Đấng Cao Cả" trên thế gian này .Khi người nào đã đạt được trạng thái siêu thoát rồi (Moksha),họ chính là những vị Mukta (những linh hồn được giải thoát)hay là những linh hồn thiêng liêng (Jivâtmas) tức là những Chơn Thần (Monads) , ở cõi đó họ không còn chịu ảnh hưởng của những đặc tính của vật - chất hay là những đặc tính của nhân quả nữa (karma). Nhưng nếu họ muốn ,vì mục đích phụng sự thế gian ,họ có thể hóa thân trên trần thế "(1).

(1) 7 Trong Giáo Lý chúng ta,những cuộc luân hồi tình-nguyện này được đề cập tới như là những vị hóa thân (Nirmanakaya ,tức là những nguyên khí thiêng liêng còn sống của con người 7

Con đường đưa tới cõi cực lạc (Paramapada) ,hay là con đường đưa tới cõi phi vật chất ,xuất phát từ thế gian này ,được gọi là con đường của thần linh (Devayana).Khi một người đạt được trạng-thái siêu thoát (Moksha) và thể xác của họ chết :

" . . . Điểm linh quang (Jiva hay là linh hồn)mang theo thể tinh anh (Sukshma Sharira) (1) đi từ trái tim của thể xác, xuyên qua trung quang tuyến (Sushumnâ) , 1 dây thần kinh nối liền quả tim với đỉnh đầu ,rồi đi ra khỏi bí huyệt ở đỉnh đầu (Brahmarand -ra). Điểm linh quang này (Jiva) vượt ra khỏi đỉnh đầu và theo những tia sáng đi vào vùng của mặt trời (Suryâmandala) . Rồi nó đi xuyên qua 1 nơi tối tăm trong vùng mặt trời để đi vào cõi Cực lạc (Paramapada) . . .Điểm linh quang này (Jiva) được điều khiển đúng đường . . . là nhờ Minh triết thiêng liêng hoạch đắc bằng pháp môn thiền định (Yoga) (2) . Như vậy điểm linh quang này tiến về cõi Cực lạc (Paramapada) nhờ sự hỗ trợ của những vị Adhivâhikas (những người mang chuyển đi : bearers in transit) mà người ta được biết dưới nhiều danh hiệu khác nữa là những vị Archi ,rồi những vị Ahas...những vị Aditya (con của Mẹ của các thần linh). . những vị Prajapatis ,v.v... Những vị Archis (v.v...) được đề cập ở đây ,là một vài linh hồn trong sạch v.v... "(3).

(1) ⌐ Sukshma Sharira là thể ảo mộng "giống như mơ"("dream-like") mà những vị Thiền ni (Dhyanis) bậc thấp thuộc Huyền - giai trên trời mặc vào ⌋

(2) ⌐ Chúng ta hãy so sánh giáo lý bí truyền (Esoteric tenet) với giáo lý của các tín đồ phái Ngộ Đạo (Gnostic) trong "Kiến thức Minh triết" (Pistis-Sophia) mà người ta luận rằng Sophia (Achamoth) được chỉ cho thấy là nó tan biến trong dòng nước của Hỗn Mang (Chaos) (Vật chất) ,trên đường hướng về ánh sáng thiêng liêng và trên Chánh đạo ,có Đấng Toàn Thiện (Christos)giải phóng và giúp đỡ nàng . Có điều đáng ghi chú là chữ "Christos" (Sự Hoàn thiện) theo phái Ngộ Đạo thì nó được giải thích là nguyên khí vô ngã (Impersonal Principle) ,Atman của vũ trụ ,và Tiến Thể (Atma) mà mỗi linh hồn con người đều có ,chứ không phải là Đấng Jesus ;mặc dù trong bản thảo cũ của những người Cổ giáo Ai Cập địa phương ,trong viện bảo tàng Anh Quốc ,chữ "Christos" lại được thay thế bằng chữ "Jesus" và nhiều ngôn từ khác nữa ⌋

(3) ⌐ Cuốn Giáo Lý vấn đáp về triết lý Phệ đàn đà Phi nhị nguyên (A Catechism of the Visishtadvaita Philosophy) của N. Bhashyacharya ,Hội viên Thông Thiên học ,một nguyên học giả của thư viện Adyar ,trang 50-51 (1890) ⌋

Không một Đấng nào ngoài các Đấng cầm cân nghiệp quả (Lipi ka) đã từng hoặc đã vượt qua vòng "cấm địa" từ nay cho đến ngày bắt đầu chu kỳ hủy diệt mới ,vì đó là biên giới cách biệt cái hữu hạn với cái vô cùng . Như vậy ,"những vị lên và xuống" nói trên là tập thể các Đấng mà ta gọi là thiên thần . Nhưng thực ra

các Ngài là những Đấng Cao cả ,ngự trên các cõi cao,rất cao trên giai tầng thượng đẳng đến nỗi chúng ta quan niệm toàn thể các Ngài như là hiện thân của Thượng Đế . Nhưng ,trên qui-mô những khả năng đặc biệt của mình ,loài kiến cũng phải thấy đám thế nhân chúng ta như vật . Vì tất cả chúng ta đã biết rằng con kiến này cũng có thể thấy ngón tay báo thù trong bàn tay của 1 đứa bé tinh nghịch là hiện thân của Thượng Đế có phàm tính ;trong một lúc nào đó,do 1 sự thúc đẩy của ác tâm,đứa bé này đã phá hỏng cái ổ kiến mà con kiến đã phí mất nhiều tuần lễ cực nhọc để xây dựng - theo niên biểu kỳ của loài sâu bọ thì đó là nhiều năm dài. Con kiến, vốn cũng có sự cảm xúc tinh vi về sự kiện đó,có thể bắt chước con người đổ lỗi cho Đấng Hóa công và tội ác đã đồng lõa tạo ra tai vạ oan uổng này và thấy trong tai họa này hậu quả tội lỗi của ông cha nó tạo ra . Ai biết và ai có thể xác nhận hay phủ - nhận ? Trong toàn thể thái dương hệ này ,trên cõi của nhân loại, sự từ chối chấp nhận bất cứ 1 sinh vật nào khác con người mà lại có lý luận và có trí tuệ ,chính là 1 sự kiêu ngạo trọng đại nhất trong thời đại của chúng ta . Khoa học chỉ có quyền xác nhận rằng không có những sinh vật có Trí khôn và về hình hiện sống trong những hoàn cảnh tương tự như chúng ta đang sống. Nó không thể phủ nhận thẳng thừng việc có thể có những thế giới ở trong những bầu thế giới ,trong những điều kiện hoàn toàn khác với những điều - kiện cấu tạo nên bản chất của bầu thế giới của chúng ta; nó cũng không thể nào phủ nhận việc có thể có một vài sự giao tiếp hữu-hạn giữa 1 vài bầu thế giới này với bầu thế giới riêng của chúng ta.

Emmanuel Kant,triết gia vĩ đại sinh trưởng tại Âu Châu,đã quả quyết với chúng ta rằng ,chắc chắn có 1 sự thông thương thực sự này .

"Tôi xin thú nhận tôi rất có khuynh hướng xác nhận s ự-hiện tồn của những sinh vật phi vật chất trong bầu thế giới này, và tôi cũng đặt linh hồn của riêng tôi vào hạng sinh vật này.Từ đó trở đi, tôi không biết ở đâu hay lúc nào ,tuy nhiên, người ta sẽ chứng tỏ rằng linh hồn con người trong đời sống này vẫn có 1 sự liên quan vật chất trong thế giới của các thần linh ,nó có sự tác động hỗ tương với các sinh vật này và nó cũng tiếp nhận ảnh-hưởng của những sinh vật này "(1).

(1) [Cuốn Traume eines Geisterseehers ,do C.C.Massey trích dẫn trong bài dẫn tựa nói về thần linh học của Von Hartmann]

Chúng ta được dạy rằng trong bầu thế giới cao nhất (của các bầu thế giới này) là chỗ ngự của bảy thứ bậc của các vị thần hoàn toàn thiêng liêng ;sáu hạng thấp hơn là trú sở của những giai

cấp thần linh mà con người có dịp thấy và nghe nói đến, các vị này cũng có tiếp xúc với con cháu của nhân loại trên địa cầu này ; 1 dòng dõi có liên hệ với các vị này ,mỗi khí thể trong con người có nguồn gốc trực tiếp nơi bản chất của những sinh vật vĩ đại này,họ đã lần lượt cung cấp cho ta những nguyên tố vô hình trong người chúng ta . Khoa học hữu hình cứ việc suy lý về cơnăng sinh lý của các sinh vật,và theo đuổi những cố gắng vô hiệu để thử phân giải những tình cảm (feeling) ,những cảm xúc (sensations) của tư tưởng và tinh thần chúng ta thành những tác dụng của phương tiện hữu cơ . Tuy nhiên, khoa học không thể nào tiến xa hơnnữa, vì tất cả mọi điều đó sẽ luôn luôn được hoàn tất t h e o hướng đã định sẵn . Ở trước bức tường cùng này ,khoa học chỉ tưởng tượng ra những khám phá vĩ đại về sinh lý học và tâm linh, mà nó còn truy nguyên ra trên bức tường này ,mọi sự khám phá ấy sẽ được chứng minh sau này là không hơn gì những mạng nhện do sự không tưởng và ảo tưởng của khoa học dệt thành . Chỉ có những mô của cơ thể khách quan của chúng ta mới bị khoa sinh lý học phân tích và khảo sát . Còn 6 khí thể (nguyên khí) cao hơn ,thì bàn tay của khoa học không bao giờ tìm ra được ,vì nó do ý lực hướng dẫn, mà ý lực này lại cố ý không biết tới và phủ nhận khoa học huyền bí. Tất cả những cuộc khảo sát của khoa sinh lý học hiện đại liên quan tới những vấn đề tâm lý học đều chứng minh rằng ,mỗi tư tưởng,mỗi sự cảm xúc và mỗi tình cảm đều có kèm theo sự phối hợp của những phân tử của 1 vài dây thần kinh (do bản - chất của sự vật). Những nhà khoa học thuộc loại Buchner,Vogt và nhiều nhà khoa học khác đã kết luận rằng ,tư tưởng là sự vận-chuyển của các phân tử ,kết luận này cần có kết quả là tâm -thức chủ quan của chúng ta được biến thành trừu tượng trọn vẹn.

Như vậy,Ngày Vĩ Đại "ở với chúng ta" là 1 câu mà cũng trạng độc nhất ở nơi việc dịch từng chữ . Ý nghĩa này không để gì tiết lộ cho công chúng ,vì họ chưa hiểu được giáo lý bí ẩn của huyền bí học ,hoặc đúng hơn là của minh triết bí truyền hay là của "Minh triết giáo"("Budhism") .Đối với giáo lý sau này, nó là 1 câu đặc biệt . Đối với người ngoại đạo thì nó cũng mập - mờ như 1 câu nói của người Ai Cập ,họ gọi nó là "Ngày đến với chúng ta" ,câu này cũng giống câu trước —dù tiếng"ở" trong ý nghĩa này có thể còn được thay thế bằng 2 ngôn từ khác nữa là "ở lại" hay là "ở lại với chúng ta" . Ngày Đại Nhật "Đến với chúng ta" , theo ý nghĩa ẩn dấu của huyền môn ,là thời kỳ yên nghỉ trongniềm phúc lạc vô biên gọi là Đại Niết Bàn (Paranirvana) ."Ngày đến với chúng ta" !chính là ngày mà thần Osiris (Thượng Đế sáng tạo Ngôi Một của Ai Cập) đã nói với thần thái dương :"Hãy lại đây ! Ta

đã thấy y gặp được thần thái dương trong Vương quốc của các thần linh (Amenti)"(1).

(1) [Thánh Tử ca (Le livre des Morts) của Paul Pierret, chương xvii , trang 61]

Ở đây, Thần Thái Dương tượng trưng cho Thượng Đế Ba Ngôi (Logos hay là Đấng Hoàn thiện -Christos —hay là thần Horus),như là nguyên thể có tính cách tổng hợp(the central Essence syntheti -cally) và như là 1 nguyên thể khuếch tán (diffused essence) của những thực thể được xạ ra , khác nhau về vật chất ,nhưng không khác nhau về tinh hoa của vật chất . Như 1 diễn giả của Chí Tôn-C a đã diễn tả :" Không được giả sử là Thượng Đế Ba Ngôi (Logos) chỉ là 1 trung tâm năng lượng duy nhất được Bản Thể Tối Thiêng-Liêng biểu lộ .Tuy nhiên, còn có 1 số trung tâm năng lượng khác nữa ,trong lòng Bản Thể Tối Thiêng Liêng ,con số trung tâm này thật là vô cùng ". Từ đó mới có những câu này "Ngày đến với chúng ta" và "Ngày ở với chúng ta" v. v... Cũng như hình vuông là biểu tượng của 4 động lực hay là 4 quyền năng Thiêng Liêng —tức là Tứ Linh Diệu(Tetraktys) —cũng vậy, vòng tròn chỉ biên cương ở bên trong vô cùng mà không có người nào ,cũng không có 1 vị thần (spirit) hay thần linh(deva) nào hay là vị Thiền Định Chơn Quân nào (Dhyan Chohan) có thể vượt qua được . Trong suốt chu kỳ tiến hóa, những vị thần linh của các Đấng "đi xuống đi lên" ,sẽ vượt qua "bầu thế giới được bao bọc bằng sắt",chỉ vào ngày mà các Ngài tiến tới ngưỡng cửa của cõi ~~Tối~~ Đại Niết Bàn. Nếu các Ngài đạt được cõi Đại Niết Bàn ,các Ngài sẽ nghỉ trong lòng của Bản Thể Tối Thiêng (Parabrahman) ,hay là của "Bóng Tối Vô Tri",đối với tất cả các Ngài ,bấy giờ,cái này sẽ trở thành ánh sáng ,trong thời kỳ của Đại Chu kỳ Hỗn nguyên (Mahapralaya) ,"Đêm Vĩ-Đại" nghĩa là 311 040 000 000 000 năm bị hấp thụ vào trong Bản - Thể Thiêng Liêng (Brahman) . Ngày "ở lại với chúng ta" là giai đoạn nghỉ ngơi này ,là cõi Đại Niết Bàn (Paranirvana) .Xét về các tín đồ Thiên Chúa giáo,,nó cũng tương ứng với Ngày Phán Xét cuối cùng mà trong tôn giáo này,người ta lại duy vật hóa một cách đáng buồn (2) .

(2) [Cũng cần xem giác lý khác nói về câu văn đặc biệt này, ngày "Đến với chúng ta",trong cuốn "Những tang lễ của người Ai Cập " của Vicomte de Rougé]

Cũng như,theo sự giải thích công truyền về nghi lễ của người Ai Cập ,linh hồn của mọi người quá vãng —từ 1 vị Đạo - Trưởng (Hierophant) xuống tới con bò thiêng Apis (Hóa thân của Osiris)—đều trở thành 1 vị thần Osiris ,sẽ được Osiris hóa ,

(tuy nhiên,Giáo Lý Bí Truyền dạy rằng sự Osiris hóa này chỉ là số mạng của mỗi Chơn thần (Monad) sau 3 000 chu kỳ của kiếpsống mà thôi),trường hợp hiện nay cũng vậy,Chơn thần sinh ra v ớ i bản thể (nature) và chính Nguyên thể (Essence) của "Số Bảy"(khí thể cao nhất của nó được đặt vào Nguyên Tố Thứ Bảy của Càn khôn) ,cũng phải thực hiện sự hồi chuyển bảy lần xuyên qua chu kỳ của sự sống và chu kỳ của sắc tướng ,từ cái cao nhất đến cái thấp nhất ; rồi 1 lần nữa từ con người cho đến Thượng Đế . Trước ngưỡng cửa của của Đại Niết Bàn ,Chơn thần lại nhận lấy Nguyên- thể đầu tiên và 1 lần nữa nó trở thành cái Tuyệt Đối.

ĐOẠN THÁNH KINH 6

1- <u>Do quyền năng của Đấng Đại Từ Bi và Minh triết(a), Từ Mẫu Quán Âm (Kwan Yin) —Tam Nguyên của Quán Thế Âm(Kwan-Shai - Yin) ,ngự tại cõi Quan Âm Thiền (b) ,Fohat,Khí vận của Con của Những người Con ,xuất hiện từ cõi Hỗn Mang ,giả tướng của vũ - trụ và Bảy nguyên tố</u> .

Đoạn Thánh Kinh này được dịch từ những tác phẩm của người Trung Quốc và những danh từ được đưa ra ở đây như là những tiếng tương đương với những ngôn từ gốc vẫn được giữ nguyên .Bằng thuật ngữ bí truyền này không thể được đưa ra ở đây vì nó chỉ làm cho độc giả rối trí thêm mà thôi . Giáo lý Bà la môn không có những danh từ tương đương như thế . Chữ Vâch(vị Thượng - Đế Sáng Tạo có nữ tính,về nhiều phương diện ,dường như gần giống với tiếng Quan Âm (Kwan-Yin) của người Trung Hoa ,nhưng ở Ấn Độ danh hiệu Vâch không được tôn sùng thường xuyên như tiếng Kwan-Yin bên Trung Hoa. Không có 1 hệ thống tôn giáo công truyền nào đã từng nhìn nhận một Đấng Hóa Công có nữ tính, và như vậy, từ lúc khởi sự có những tôn giáo trong dân gian,thì người đàn - bà đã bị đối xử và coi như thấp hèn hơn người đàn ông . Chỉ ở Trung Quốc và Ai Cập là Đức Từ Mẫu (Kwan -Yin) và Đức Mẹ Đồng Trinh(I-sis) được đặt ngang hàng với các vị nam thần . Thuyết bí truyền không cần biết tới cả hai nam nữ tính này . Đấng Thiêng-Liêng cao nhất thì vô giới tính và phi sắc tướng ,không có Cha cũng như không có Mẹ ,và những sinh vật được sáng tạo đầu tiên của Đấng Thiêng Liêng này ,ở trên trời cũng như ở dưới thế gian,dần dần trở thành có lưỡng tính và sau cùng tách ra làm 2 giới tính rõ rệt .

(a) "Đấng Từ Mẫu Đại từ bi và Minh Triết" được gọi là "Tam Nguyên"("Triple") của Quan Thế Âm ,bởi vì trong những liên hệ siêu hình và thần bí, Ngài là"Từ Mẫu,Hiền Phụ và Thánh Nữ

của Diệu Âm (Logos) ,cũng như theo sự diễn dịch về sau này ,thì Ngài trở nên Đấng Cha ,Đấng Con và Đấng Thánh Linh (nữ)—Shakti hay Tinh Lực tức là Tinh hoa của cả Ba Ngôi kể trên . Như vậy , trong thuyết bí truyền của người Phệ Đàn đà (Vedantin) ,chữ Dai -viprakriti (Ánh Sáng Nguyên Thủy),là ánh sáng biểu lộ xuyênqua Thượng Đế hữu hình (Ishvara) , tức Thượng Đế Ba Ngôi (Logos)(1) vừa là Mẹ vừa là con gái của Thượng Đế Ba Ngôi ,hay là Ngôi Lời (Verbum) của Bản Thể Tối Thiêng Liêng (Parabrahman) ,trong khi đó ,theo hệ thống thần phổ học ngụ ý và siêu hình của nội - môn bí giáo ở bên kia dãy Hi-mã-lạp-sơn ,nó là"Đức Mẹ" hay là 1 thứ vật chất lý tưởng trừu tượng ,Hỗn Nguyên Khí (Mulaprakriti),cội rễ của thiên nhiên ;còn đứng trên quan điểm siêu hình ,thì nó có liên quan tới Bản Thể đầu tiên (Adi-Bhuta) (2) ,Đức Quán Thế Âm (Avalokiteshvara),được sáng tạo trong lòng Thượng Đế Ba Ngôi.

Đứng trên quan điểm huyền môn và vũ trụ học thuần túy,thì nó là Fohat ,"Đứa Con của Đứa Con" ,năng lực lưỡng tính do "Ánh -Sáng của Thượng Đế Ba Ngôi" tạo ra ,nó biểu lộ trên cõi của bầu vũ-trụ khách quan này như 1 thứ điện khí bí ẩn ,cũng như là thứ điện khí sẽ được tiết lộ —đó chính là sự sống .

(1) [Tạp chí Thông Thiên học giả ,tháng 2-1887,tr.305 , cũng cần xem bài "Triết lý của kinh Thiên Đế Ca"(Bhagavad Gita) trang 16]

(2) [Trong ấn bản 1893 ghi là Adi -Budha ,Adi-Bhuta :cái khởi thủy,cái sinh ra đầu tiên ; Adhi-budha hay là Buddha :được trí thức lúc khởi thủy]

Đức T.Subba Row đã nói :

" Sự tiến hóa được bắt đầu là do năng lượng trí tuệ của Th. Đế Ba Ngôi (Logos) . . . chứ không . . . chỉ do những tiềm năng chứa trong Hỗn nguyên khí . . .Ánh Sáng này của Thượng Đế Ba - Ngôi là sợi dây liên kết . . . giữa vật chất khách quan và tư - tưởng chủ quan của Thượng Đế hữu hình (Ishvara hay là Logos) . Nhiều kinh sách Phật giáo gọi sợi dây này là Fohat. Nó là dụng cụ Duy Nhất mà Thượng Đế dùng để tạo ra tất cả " (3).

(3) [Cũng trong tạp chí Thông Thiên học giả ,trang 306 , cũng bài triết lý Thiên Đế Ca ,trang 18-19]

(b) Quán Âm Thiên(3Kwan-Yin-Tien") là cõi ngự trị của Đức Quán Âm hay Thiên Âm ,dịch sát nghĩa là"âm thanh của trời" ,âm-thanh này vốn đồng nghĩa với Ngôi Lời (Verbum) ;ngôn ngữ là sự biểu lộ của tư tưởng . Như vậy,tiếng này được truy nguyên như có sự hỗ tương và cùng có 1 nguồn gốc với tiếng Bath-Kol của người

Hy bá lai ,là "Con Cái của Tiếng Nói Thiêng liêng" ,hay là "Ngôi Lời(Verbum) hay là Thượng Đế Ba ngôi có nam nữ tính ,là "Con Người của Trời"("Heavenly Man") hay là vị Thủy tổ nhân loại (Adam Kadmon) ,Ngài đồng thời cũng là 1 vị thần sáng tạo (Sephira). Vâch (Thượng Đế có nữ tính) của người Ấn Độ chắc chắn là có trước Sephira và chính là nữ thần của ngôn ngữ hay nữ thần của Lời nói. Vì Vâch, -như đã được người ta diễn tả,chính là Con gái của Thượng Đế có nam tính (Brahma) và 1 thành phần nữ tính của Ngài , một người "do các vị thần linh sinh ra"— cùng với Quan - Âm (Thượng Đế có nữ tính) ,Isis (cũng có nghĩa là con gái, vợ và chị của thần Osiris) và nhiều vị nữ thần khác ,chính là Thượng Đế Ba Ngôi có nữ tính (female Logos) ,tạm gọi như vậy; đó là nữ thần của quyền năng tích cực trong Thiên nhiên,Lời nói, Tiếng Nói hay là Âm Thanh và Ngôn ngữ . Nếu Kwan-Yin là "Tiếng Nói Du dương",thì Vâch cũng có nghĩa là "con bò cái dễ thương" , nó tạo ra chất bổ dưỡng và nước (nguyên lý có nữ tính:the female principle) . . . chính nó ban cho chúng ta thức ăn và thức uống" , trên cương vị là Mẹ của Thiên Nhiên . Người đã hợp tác với những thủy tổ nhân loại (Prajapati) trong thời kỳ tạo thiên lập địa . Người vừa là đàn ông,vừa là đàn bà tùy ý (ad libitum) giống như bà Ê-Và với ông Adam . Và người là 1 dạng của Aditi (trạng thái trừu tượng của Bản Thể Tối Thiêng) — là khí thể cao hơn Aether — là 1 dạng của chất Tiên Thiên Khí (Akasha) ,là tổng hợp của tất cả những mãnh lực trong thiên nhiên. Vậy, Vâch và Kwan-Yin là 2 cái tiềm tàng kỳ diệu của âm thanh huyền bí trong Thiên-Nhiên và Ether —"Tiếng Nói" của nó phát khởi Sien-Chan (cõi chân phúc), hình dáng ảo tưởng của bầu vũ trụ ,từ Hỗn Mang và Bảy Nguyên Tố này .

Vì vậy,trong Kinh Bàn Cổ (Manu) ,Đức Thượng Đế Sáng Tạo có nam tính (Brahmâ)(cũng là Thượng Đế Ba ngôi) được chứng minh là phân chia thân thể của Ngài ra làm 2 phần nam và nữ và sáng - tạo trong phần nữ ,đó là Thượng Đế sáng tạo có nữ tính (Vâch) , Đức Thượng Đế có nam tính (Viraj) mà 1 lần nữa ,chính là Đức Thượng-Đế sáng tạo có nam tính (Brahma) . Một nhà bí học danh tiếng Phệ Đàn đã đã nói như sau về "vị nữ thần" này ,để giải thích lý do tại sao Đức Thượng Đế hữu hình (Ishvara) (hay là Thượng Đế sáng-tạo có nam nữ tính (Brahmâ) được gọi là Ngôi Lời (Verbum) hay là Thượng Đế Ba Ngôi (Logos) ,thực vậy, vì sao Ngài được gọi là Thượng Đế vô hiện (Sabda Brahman) :

" Lời giải thích mà tôi sắp sửa đưa ra cho bạn là 1 lời giải thích rất bí ẩn ; nhưng dù bí ẩn ,nó vẫn có ý nghĩa phi thường khi được người ta hiểu biết đúng đắn . Những nhà văn xưa của chúng

ta nói rằng Vâch có 4 loại . . . (xem kinh Phệ đà,(Rig Veda)và Áo Nghĩa Thư (Upanishad)) . Cái mà chúng ta muốn bày tỏ là Vai -khari Vâch . Mỗi loại của Tiếng Nói Bày Tỏ (Vaikhari Vâch) biểu hiện trong cái không có khởi thủy cũng không có cáo chung (Madhy ama) ,hơn nữa là ở trong âm thanh bị phân hóa (Pashyanti) và cuối cùng là ở trong hình dáng Vô cùng (Para form) (1).

(1) [Madhya được gọi là vật mà lúc khởi thủy và lúc cáo chung không ai biết được . "Para" có nghĩa là vô hạn . Những sự diễn tả này đều liên quan đến cái vô cùng và sự phân chia thời-gian]

Lý do vì sao tiếng Pranava (Lời nói Thiêng liêng) được gọi là Vâch như sau ::bốn khí thể của càn khôn vĩ đại ,tương ứng với bốn hình thức của Vâch . Bây giờ toàn thể thái dương hệ được sáng tạo đều biểu hiện trong hình thức tinh anh(Sukshma)ở trong ánh - sáng này hay là năng lượng của Thượng Đế Ba Ngôi (Logos) vì năng lượng này bị chiếm lấy và chuyển thành vật chất của vũ trụ . . . hình thức khach quan của toàn thể vũ trụ này chính là sự bày tỏ của Ngôi Lời (Vaikhari Vâch) ,ánh sáng của Thượng Đế Ba Ngôi là hình thức không có khởi thủy và cáo chung (Madhyama) và chính Th' Đế Ba Ngôi này là hình thức [illegible] của âm thanh bị phân hóa (Pashya nti) và Bản Thể Tối Thiêng Liêng chính là trạng thái vô cùng(Pa -ra) của Thượng Đế sáng tạo có nữ tính (Vâch). Chính nhờ ánhsáng của sự giải thích này mà chúng ta phải cố gắng tìm hiểu kết quả "vũ trụ được sáng tạo chính là Ngôi Lời biểu lộ như là vũ trụ" (2) mà nhiều nhà triết học đã trình bày ".

(2) [Cũng trong Tạp chí Thông Thiên học giả,trang 307]

2- <u>Cái sáng chói tạo nên bảy trung tâm Laya (a) ;không một ai còn lại đến ngày Đại Nhật ,yên nghỉ và đặt vũ trụ trên những nền tảng vĩnh cửu [illegible] đó , bao quanh vũ trụ với những mầm sơ khai (b)</u> .

(a) Bảy trung tâm Laya là 7 điểm số không (dùng danh từ số không theo ý nghĩa hóa học) để chỉ 1 điểm mà theo huyền môn , là nơi bắt đầu mọi giai tầng biểu lộ và phân hóa . Ngoài những trung tâm này ,triết học nội môn cho phép ta nhận thức những nét khái quát siêu hình của"7 người con" của sự sống và ánh - sáng tức là bảy Đấng Huyền Thiên của phái Hermetic và của tất cả những triết phái khác . Từ những trung tâm đó bắt đầu sự phân - hóa của nguyên tố cấu tạo nên thái dương hệ . Thông thường,người ta hỏi những quyền năng và chức năng của Vô cực điện (Fohat)

được định nghĩa chính xác như thế nào ,vì những tín ngưỡng dân-gian cho rằng Fohat dường như thực thi những quyền năng giốngnhư vị Thượng Đế nhân hình(Personal God) .Chắc chắn câu giải đáp này đã được đưa ra trong lời bình luận về đoạn Thánh Kinh 5 . Như đã trình bày rõ ràng trong những bài giảng lý quyền Bhagavad Gita , toàn thể vũ trụ đương nhiên phải có sẵn trong nguồn gốc tinh-lực duy nhất từ đó xuất phát điện lực Fohat . Dầu chúng ta đếm những khí thể trong vũ trụ hay con người là bảy ,hay chỉ có bốn ,những mãnh lực trong thiên nhiên vẫn là bảy .Cũng diễn tả ấy nói rằng :" Prajna hay là khả năng nhận thức ,cũng có 7 trạng thái khác nhau tương ứng với bảy trạng thái của vật chất ". Bởi vì,cũng như con người có 7 khí thể ,vật chất ngoại tại trong thái dương hệ có 7 trạng thái khác nhau . Fohat cũng vậy . Nó là Một và Bảy . Trong vũ trụ, nó vốn là cái thực thể ẩn vi của tất cả những mãnh lực biểu lộ như ánh sáng,nhiệt lực ,âm thanh ,mãnh lực hàn gắn , co rút v.v... và là tinh hoa của điện khí ,tức sinh khí của vũ-trụ . Như 1 thực thể trừu tượng ,nó được gọi là sự sống duynhất. Như 1 chân tướng hữu thể ngoại tại, nó được quan niệm như 1 giai tầng biểu lộ có 7 trình độ ,bắt đầu từ trình độ cao nhất với cái nguyên nhân cùng tột ,bất khả tri ,và kết thúc với vị thế của Đại trí tuệ vô sở bất tại và sự sống tiềm tàng trong mỗi nguyên tử vật chất . Như thế, trong khi khoa học nói về sự biến hóa của nó xuyên qua vật chất ,như 1 mãnh lực vô tri và vận động lực vô-thức ,khoa huyền môn nói về định luật sáng suốt,thông minh và sự sống có tri giác và nói thêm rằng Fohat là Tinh thần chủ động , điều khiển dìu dắt tất cả những cái ấy . Tuy nhiên ,đó không phải là Thượng Đế nhân hình gì cả ,mà chỉ là phân thân của tất cả các quyền năng khác ẩn sau Ngài mà các tín đồ Thiên Chúa giáo gọi là những "sứ giả" của Thượng Đế của họ ("Messengers" of their God) (thực sự đó chính là của những vị thần sáng tạo (Elohim) hoặc , đúng hơn, là của 1 trong 7 Đấng Sáng Tạo mà người ta gọi là những vị Elohim ,và chúng ta gọi là "Sứ giả của những Con đầu tiên của Sự Sống và Ánh sáng ".

(b) 'Những Mầm sơ khai" mà nó bao phủ vũ trụ từ cái Thiên -tính (cái tuyệt đối) là những nguyên tử của khoa học và điểm Nhất Nguyên (Monads) của Leibnitz.

3- <u>Trong bảy nguyên tố ,trước hết là 1 biểu lộ,sáu ẩn-giấu ,hai biểu lộ ,năm ẩn giấu ,ba biểu lộ ,bốn ẩn giấu ,bốn tạo ra ,ba ẩn giấu ,bốn và một phần tiết lộ ,hai và một nửa ẩn giấu sáu sẽ biểu lộ , một để qua một bên (a) . Sau cùng ,bảy bánh xe</u>

nhỏ quay vòng , cái nọ sinh ra cái kia (b) .

(a) Tuy rằng những đoạn kinh này nói về toàn thể vũ trụ sau một chu kỳ hỗn nguyên lâu dài (Maha-Pralaya) ,câu này cũng nói về sự tiến hóa và hình thành rốt ráo của 7 nguyên tố sơ khai trênĐịa cầu . Trong số này có 4 nguyên tố đã hoàn toàn biểu lộ ,còn cái thứ 5 là chất dĩ thái (Ether) chỉ biểu lộ có 1 phần ,vì chúng ta chỉ mới vừa vượt qua giai đoạn ở giữa cuộc tuần hoàn thứ 4 ,và do đó, nguyên tố thứ 5 chỉ biểu lộ hoàn toàn trong cuộc tuần hoàn 5. Còn bầu thế giới gồm luôn địa cầu thuở sơ khai cũng giống như những cái mầm ,biến hóa từ 1 nguyên tố duy nhất trong giai- đoạn thứ nhì ,nói theo khoa học là bụi vũ trụ ,hay Lửa sa mù ,nói theo huyền môn là Akasha, Jivatma ,Tinh quang hay Linh hồn của thế - giới. Những giai đoạn tiến hóa đầu tiên này đã qua và tiếp theo là giai đoạn kế đó . Không 1 bầu thế giới hay 1 thiên thể nào có thể được cấu tạo thành hình nếu những nguyên tố không đủ phân hóa đúng mức từ Ilus sơ khai (primeval Ilus) ,yên nghỉ trong Laya. Chữ sau này là chữ đồng nghĩa với Niết Bàn . Thật ra, đó là sự tan rã của tất cả mọi chất liệu sau 1 chu kỳ sinh hoạt và hoà hợp trở về trạng thái sơ khai nguyên thủy . Đó là cái bóng sáng nhưng vôhình thể của vật chất sơ khai ,lãnh vực của bất tại ,trong đó tiềmtàng những mãnh lực tích cực của vũ trụ trong thời kỳ yên nghỉ.

Hiện nay,khi nói đến những nguyên tố này, người ta đều trách các bậc tiền bối ,vì họ " đã giả sử rằng những nguyên tố này đơn giản và không thể phân tích được"(undecomposable). Bâygiờ vong linh của tổ tiên chúng ta trong thời tiền sử có thể trả lại lời khen ngợi cho các nhà vật lý học hiện đại,còn những cuộc khám phá mới về hóa học đã khiến cho giáo sư W.Crookes,Hội viên Hiệp Hội Hoàng gia (F.R2S.) ,nhìn nhận rằng khoa học cũng còn lâu lắm mới hiểu được bản chất cấu tạo của những phân tử đơn giản nhất. Chúng ta còn học ở ông này 1 điều khác nữa ĸ, đó là : 1 phân tử thực hoàn toàn đơn giản đồng nhất ,đối với môn hóa học, cũng còn là vùng đất bí ẩn (terra incognita) . Ông hỏi :"Chúng ta phải phân ranh giới ở đâu ? "Không lẽ không có cách nào để ra khỏi sự hoang mang này sao ? Chúng ta phải cứng rắn để cho chỉ có 60 hay 70 ứng viên qua được những cuộc khảo nghiệm sơ khởi ,hoặc là chúng t a phải mở rộng những cánh cửa khảo thí đến mức thu nhận toàn bộ số ứng viên hay sao ?" Rồi nhà hóa học danh tiếng này đưa ra những thí dụ đáng chú ý ,ông nói :

"Chúng ta hãy xét trường hợp chất ít -tri-um (yttrium).Chất này có trọng lượng nguyên tử nhất định ,về mọi phương diện,nó tác dụng như 1 nguyên tố , 1 đơn chất,thực vậy,đối với chất này,chúng

ta có thể thêm vào mà không thể lấy ra .Tuy nhiên,chất yttrium này được hóa giải thành những phần không hoàn toàn giống nhau(khi toàn thể chất này được giả sử như là đồng nhất và chịu 1 phương - pháp phân đoạn nào đó) và biểu hiện 1 sự phân cấp đặc tính .Hoặc là chúng ta hãy xét trường hợp chất didymium .Đây là 1 chất phát lộ tất cả những đặc tính của 1 nguyên tố đã được xác nhận . Người ta khó có thể tách chất này ra khỏi các chất khác có những đặc - tính gần giống chất này ,trong tiến trình quyết liệt này ,nó đã phải chịu 1 cuộc chế hóa rất cẩn thận và sự xem xét rất chặt chẽ. Nhưng rồi đến 1 nhà hóa học khác nữa ,ông này chế hóa cái chất có vẻ như đồng nhất này bằng 1 phương pháp phân đoạn đặc biệt ,ôngđã phân giải nó thành ra hai chất praseodymium và neodymium ,giữa 2 chất này có những sự dị biệt rõ rệt . Và chẳng ,hiện nay,chúng ta cũng không dám quả quyết rằng chất neodymium và praseodymium là những đơn chất. Trái lại,hai chất này cũng tỏ lộ triệu chứng của sự bể ra. Bây giờ, nếu 1 nguyên tố được giả sử (bằng 1 cuộc chế hóa thích đáng) là gồm có những phân tử dị biệt ,nếu chế hóa đúng cách thì chẳng lẽ những kết quả tương tự không thể đạt được nơi những nguyên tố khác (chúng ta được các bảo đảm chắc chắn như vậy) ,có thể nói tất cả những nguyên tố (dĩ nhiên đó là 1 tiến trình hàm ý có những sự thay đổi giữa mỗi loại phân tử cá biệt). Chúng- ta có thể hỏi tiến trình của sự phân loại(process of sorting-out) sẽ dừng lại nơi nào. Tự nhiên là trong những sự tách biệt liên - tục này ,chúng ta sẽ thấy những chất khác nhau dần dần tiến gần tới nhau 1 cách chặt chẽ "(1).

(1) [Diễn văn của Hội Trưởng trước Hội Hoàng Gia các nhà hóa học , tháng ba năm 1888]

Một lần nữa,sự bài bác chống lại các bậc tiền bối này là 1 phát biểu không thể đảm bảo được . Trong bất cứ trường hợp nào, những nhà triết học được điểm đạo cũng khó có thể bị buộc tội như vậy , vì chính họ đã chế ra những điều ngụ ý và những huyềnthoại về tín ngưỡng từ thời khởi thủy. Nếu họ không biết gì về sự dị - biệt của những nguyên tố ,thì họ đã không nhân-cách-hóa Lửa,Không khí, Nước ,Đất và Dĩ thái (Ether) ,các vị nam thần và nữ thần vũ trụ của họ đã chẳng bao giờ được thần thánh hóa với đám con trai và con gái , những nguyên tố được sinh ra <u>từ mỗi nguyên tố riêng- biệt và bên trong những nguyên tố này</u> . Ngay cả, theo lý thuyết , những hiện tượng huyền bí và khoa luyện kim đan đều là 1 sự lừa đ' đảo và 1 sự gài bẫy ,nếu các bậc tiền bối hoàn toàn không biết gì về các tiềm năng và những chức năng hỗ tương cùng với nhữngđặc tính của mọi nguyên tố kết hợp thành không khí ,nước ,đất, và cả lửa nữa —chất sau này ,cho đến ngày nay, còn là một vùng đất bí

ẩn (terra incognita) đối với khoa học tân tiến ,người ta bắt buộc phải gọi nó là sự chuyển động ,sự tiến hóa của ánh sáng và hơi nóng ,trạng thái của sự bốc cháy —nói 1 cách vắn tắt ,người ta chỉ định nghĩa nó theo những trạng thái bên ngoài mà không biết được bản chất của nó .

Những cái mà khoa học tiên tiến ,hầu như không nhận - thức được ,chính là : cho dù những nguyên tử hóa học đơn giản có thể bị phân hóa —mà triết học cổ truyền gọi là "những tay thợ tạo ra những thân quyến riêng biệt", những người cha, những người anh , những người chồng của mẹ các vị này ,và những người mẹ này chính- là những người con gái của những đứa con riêng của họ ,chẳng hạn như là Mẹ của các vị thần (Aditi và Daksha) — cho dù nhữngnguyên tố này đã bị phân hóa trong lúc khởi thủy ,song những nguyên tố n này lại không phải là những hợp chất mà khoa học biết như hiện - nay. Nước , không khí , cũng như là đất (nói chung là những chất giống như chất đặc) đều đã không biểu hiện trong hình thức hiện - tại ,tượng trưng cho ba trạng thái của vật chất mà khoa học đã biết ,vì tất cả những chất này ,và ngay cả lửa ,đều là những sản phẩm đã được tái hóa hợp nhờ bầu khí quyển của các bầu hành- tinh đã hình thành trọn vẹn ,sao cho trong những giai đoạn đầu - tiên của sự hình thành trái đất ,những chất này là 1 vật nào đó hoàn - toàn cá biệt ((sui generis) . Bây giờ ,khi những điều kiện và các định luật hiện đang thống trị Thái dương hệ chúng ta đã phát triển đầy đủ , và khi bầu khí quyển của trái đất chúng ta ,cũng như bầu khí quyển của mọi hành tinh khác đã biến thành lò luyện của chính mình (tạm gọi như vậy) ,khoa học huyền bí dạy rằng ,trong không gian có 1 sự hoán đổi liên tục để thay thế những phân tử ,hoặc đúng hơn là những nguyên tử có liên quan đến ,và như vậy,thay đổi những chất tương đương phối hợp trên mỗi hành tinh . Một vài nhà khoa học trong số những nhà vật lý học và hóa học danh tiếng,bắt đầu ngờ vực sự kiện này ,mà từ nhiều thời đại qua ,các nhà bí học cũng đã hiểu rõ . Kính quang phổ chỉ chứng minh sự đồng loại gần đúng về bản thể của trái đất và của các tinh tú (dựa vào bằng - chứng bên ngoài); người ta cũng không thể nào tiến xa hơn nữa , hoặc là chứng minh liệu có hay không việc nguyên tử này bị hấpdẫn về nguyên tử kia theo cùng 1 hướng ,và trong cùng những điều kiện giống nhau (về phương diện vật lý và hóa học), người ta đã giả sử điều này vẫn xảy ra trên hành tinh chúng ta . Thang nhiệt độ,từ mức độ cao nhất đến mức độ thấp nhất ;đều có thể được quan niệm đối với toàn thể vũ trụ ,và đều có thể được tưởng tượng ra là hoàn toàn giống nhau ,tuy nhiên, trên mỗi hành tinh,nó đều có các đặc tính khác nhau ,khác hơn cả đặc tính phân tán và tái phối-hợp;

như vậy ,khoa vật lý học không thể mơ tưởng và cũng không biết gì về những nguyên tử đang bước vào những hình thức mới của sự sống. Thí dụ ,trong cuốn "Năm năm hoạt động của Thông Thiên học"(Five years of Theosophy) có mô tả nguyên thể vật chất của sao chổi thì 'hoàn toàn khác với những đặc tính nào về hóa học hay là về vật-lý mà các nhà hóa học hay các nhà vật lý học danh tiếng nhất đã từng biết tới '.Trong suốt đoạn đường vượt nhanh qua bầu khí quyển của chúng ta ,ngay cả bản thể của thứ vật chất này cũng chịu 1 sựthay đổi nào đó .

Như vậy,chẳng những các nguyên tố của hành tinh chúng ta , mà ngay cả đến những nguyên tố của tất cả những hành tinh tỷ muội trong thái dương hệ này đều có những sự hóa hợp khác nhau 1 cách rộng lớn từ hành tinh này tới hành tinh kia ,cũng như nhữngnguyên tố của vũ trụ ở ngoài giới hạn của thái dương hệ chúng ta (1).

(1) [Một lần nữa,điều này đã được chính nhà khoa học ấy xác nhận trong bài diễn thuyết nêu trên khi trích dẫn nhà thông-thái Maxwell,ông đã nói rằng "những nguyên tố này không hoàn toàn đồng tính ".Ông viết : "Người ta khó lòng mà biết được cách chọn lựa và loại bỏ những biến thái trung gian ,vì (như chúng ta có lý do để tin tưởng) những phân tử bị loại bỏ này có thể đi về đâu , nếu khinh khí v.v... của những ngôi sao cố định được cấu tạo bằng những phân tử giống với những phân tử trên hành tinh chúng ta về mọi mặt . . . Trước hết ,chúng ta có thể tỏ ý nghi ngờ tình trạng giống nhau tuyệt đối của những phân tử ,vì đến nay,chúng ta không có cách nào để kết luận ,ngoại trừ cách sử dụng kính quang -phổ , trong khi người ta đã nhìn nhận rằng để so sánh và phân biệt một cách chính xác những quang phổ của hai vật thể ,chúng phải được khảo nghiệm dưới những trạng thái như nhau về nhiệt độ ,áp - suất và mọi điều kiện vật lý khác nữa. Trong quang phổ của mặt trời ,chắc chắn chúng ta đã thấy những tia sáng mà chúng ta không thể nhận ra được.]

Vì thế, những nguyên tố này không thể được dùng như là 1 tiêu chuẩn để so sánh với những nguyên tố trên những bầu thế giới khác . Thực vậy,mỗi thế giới có 1 thứ Vô cực điện (Fohat) riêng , nó hiện diện khắp nơi trong phạm vi hoạt động riêng biệt của nó. Nhưng có bao nhiêu bầu thế giới thì có bấy nhiêu thứ Fohat ,mỗi thứ có 1 quyền năng và mức độ biểu lộ khác nhau . Các vô cực điện cá-thể làm ra 1 thứ ~~điện năng~~ vô cực điện toàn diện và tổng-hợp— đó chính là hiện trạng thực thể của cái phi thực thể duy nhất , tuyệt đối , vốn là Bản Thể Tuyệt Đối (Be-ness) là Sat . Người ta nói rằng "vào mỗi chu kỳ khai nguyên"(Manvantara) có hàng triệu

và hàng tỷ bầu thế giới được tạo ra". Vì thế ,phải có rất nhiều thứ vô cực điện mà chúng ta xem như những mãnh lực có tri thức tinh khôn .Chắc chắn những bộ óc khoa học sẽ chán ngấy việc này . Tuy-nhiên,các nhà bí học có nhiều lý luận rất hay về điều này ,họ xem tất cả những mãnh lực của thiên nhiên như là những trạng thái xác-thực của vật chất ,dù là siêu cảm giác ,và như những vật có thể nhậnthức được đối với những sinh vật được ban cho những giác quan cần thiết .

Mỗi nguyên tử được chôn chặt trong trạng thái trinh nguyên và nguyên thủy trong lòng của Đức Mẹ trường cửu ,nó được sinh ra ở bên ngoài ngưỡng cửa lãnh địa của mẹ và bị sự phân hóa liên tục định đoạt ."Đức Mẹ ngủ yên,tuy nhiên,người thở không ngừng ". Mỗi hơi thở của người gởi vào cõi biểu lộ những sản phẩm hay biến đổi , chúng bị lượn sóng trào ra mang đi ,bị vô cực điện phân tán và chúng cũng bị tống về phía bầu khí quyển của hành tinh này hay bị đẩy ra ngoài bầu khí quyển của hành tinh kia .Một khi mà hơi thở được bầu khí quyển sau này giữ lại ,nguyên tử bị mất đi ; sự trinh nguyên nguyên thủy của hơi thở đã vĩnh viễn mất đi,trừ phi Định - mệnh biệt lập nó ,hướng dẫn nó về phía "dòng Lưu xuất"("current of Efflux")(1 ngôn từ về huyền môn có nghĩa là 1 tiến trình khác hẳn với tiến trình mà ngôn từ này thường ám chỉ), khi mà ,1 lần nữa, hơi thở này có thể bị đẩy tới ranh giới ,ở đó , nó đã bị hủy diệt trước kia và bay ,không phải vào không gian bên trên, mà là vào khoảng không bên dưới ,được đặt dưới 1 tình trạng quân bình vi-sai (differential equilibrum) và lấy làm thích thú mà được tái thấu-nhập . Nếu 1 nhà bí học luyện kim đan thực sự thông thái viết về "đời sống và những cuộc mạo hiểm của 1 nguyên tử",thì do đó,ông sẽ "lãnh đủ" sự khinh miệt quá mức của các nhà hóa học tiến tiến ,dù may ra về sau, sẽ có sự biết ơn của họ . Thực vậy , nếu 1 nhà hóa học mơ mộng như vậy ,bất ngờ có được trực giác và có 1 lúc nào đó bước ra khỏi lề thói thông thường của môn "khoa học chính xác"như những nhà luyện kim đan thời xưa đã thực hiện , thì y phải trả giá cho lòng can đảm của mình . Tuy nhiên , có thể như lời bình-luận đã nói,: "Hơi thở của Phụ Mẫu sinh ra hơi lạnh và sự chói-sáng , nó nhận lấy hơi nóng và sự hủy hoại , 1 lần nữa, nó trở nên nguội và được tinh luyện trong lòng trường cửu của không gian bên trong" . Con người hấp thụ không khí trong sạch lạnh lẽo ở tận trên đỉnh núi ,và họ đuổi ra ngoài thứ không khí ô nhiễm , nóng và biến thể . Vì vậy, bầu khí quyển ở trên cao của mỗi bầu hành-tinh chính là miệng của nó ,còn bầu khí quyển ở dưới thấp là buồng phổi ,con người của hành tinh chúng ta chỉ thở "những chất hơi thải ra của Từ Mẫu"; vì vậy, "như vậy, sẽ y phải chết". Ai có

thể thù-hình-hóa (allotropize) dưỡng khí trì độn thành ra mú-dưỡng-khí (ozone) ở 1 mức độ tác động của khoa luyện kim đan ,phân giải nó thành ra tinh hoa thuần túy của chất khí này (người ta có nhiều cách để thực hiện),thì do đó ,y sẽ tìm ra được 1 chất thay thế cho một loại "thuốc trường sinh"("Elixir of life") và điều chế chất này để dùng trong thực tế.

(b) Sự việc gọi là "Những bánh xe nhỏ,cái nọ sinh ra cái kia" diễn ra trên cõi thứ sáu kể từ trên đếm xuống và trên cõi hồng trần. Bảy bánh xe ám chỉ dãy hành tinh hiện tại . Ý nghĩa thông-thường của chữ bánh xe dùng để chỉ những bầu thế giới và những trung tâm thần lực, nhưng ở đây thì có nghĩa là dãy hành tinh gồm bảy bầu thế giới.

4- Nó tạo dựng chúng giống như những bánh xe cũ và đặt chúng trên những trung tâm bất diệt (a):

Fohat tạo tác chúng bằng cách nào ? Nó kết những bụi lửa thành những bầu lửa ,chạy xuyên qua và xung quanh những bầu lửa này và truyền sinh lực vào đó . Kế đó,nó làm cho những khối lửa chuyển động ; cái thì theo chiều xuôi ,cái thì theo chiều ngược . Chúng lạnh, nó làm cho chúng nóng lên .Chúng khô, nó làm cho chúng ướt . Chúng chói rạng , nó quạt và làm cho chúng nguội lại (b) . Đó là động tác của Fohat từ 1 hoàng hôn này đến 1 hoàng hôn khác suốt bảy thời kỳ vô tận .(311 040 000 000 000 năm theo sự tính-toán của Bà la môn giáo).

(a) Những thế giới được tạo tác giống như những bánh xe cũ ,có nghĩa là giống như những bầu thế giới đã từng xuất hiện trong những chu kỳ khai nguyên trước đây và đã tan rã trong chu kỳ hỗn nguyên, theo định luật thành hoại ,trụ ,không (the Law for the birth , growth and decay of ererything) cai quản vạn vật trong vũ trụ , từ ngôi mặt trời chí đến loại côn trùng nhỏ bé nhất. Đó là 1 công trình tiến hóa diễn ra thường xuyên và luôn luôn đổi mới nhưng còn cái Chất liệu Vật chất (Substance -Matter) và năng lực vẫn là một và không hề biến đổi . Nhưng định luật này hành động trên mỗi hành tinh qua những định luật nhỏ hơn và khác nhau.

Những"trung tâm Laya bất diệt" có 1 tầm quan trọng rất lớn và cần được hiểu rõ . Nếu chúng ta có 1 nhận thức rõ ràng về khoa vũ trụ học cổ truyền ,bây giờ, những lý thuyết này đã biến thành những lý thuyết của huyền bí học. Hiện tại, có 1 điều cần được trình bày . Các bầu thế giới được tạo tác không phải ở trên hay ở trong những trung tâm Laya ,vì điểm số không là 1 trạng thái chứ không phải là 1 điểm trong toán học.

(b) Nên nhớ rằng Fohat, mãnh lực táo tác của điện lực trong vũ trụ ,được diễn tả một cách bóng bẩy là "xuất hiện từ bộ óc của Từ Phụ và trong lòng Từ Mẫu" ,rồi kể từ đó tự biến thành một đực và 1 cái ,tức là lưỡng cực thành điện âm và điện dương. Nó có "7 đứa con" là anh em của nó ,và Fohat bị bắt buộc phải tái sinh nhiều lần liên tiếp ; mỗi khi có hai trong những đứa "con anh em" tiến sát đến quá gần nhau dù đó là sự hấp dẫn hay xung đột . Để tránh việc ấy , nó kết hợp những "đứa" có tính chất khác nhau và chia rẽ những đứa có tính chất giống nhau . Điều này tất nhiên ám chỉ định luật hấp dẫn hai vật có lưỡng cực khác nhau và xô đẩy hai vật có lưỡng cực giống nhau . Tuy nhiên ,bảy "người Con anh - em" tiêu biểu và nhân cách hóa bảy loại từ điện của vũ trụ mà những năng lượng biểu lộ gồm có điện khí,từ khí ,âm thanh,ánhsáng, nhiệt lực ,dẫn lực v;v... Khoa huyền môn định nghĩa tất cả những mãnh lực đó như những kết quả siêu thức trong những tác động tiềm ẩn và như những hiện tượng khách thể ngoại tại trong thế giới giác quan , cái trước cần có những giác quan siêu nhiên mới nhận thức được , còn cái sau chỉ cần giác quan thông thường. Tất cả, đều là những biểu lộ của những đặc tính tâm linh siêu thức thuộc về những nguyên nhân hữu thức và thực tại mà người ta không thể nào diễn tả bằng ngôn ngữ thông thường.

Độc giả nên nhớ rằng ,giáo lý huyền môn thường vẫn coi vũ trụ hiện tượng như 1 Đại ảo ảnh , một vật thể càng tiến gần đến với cái chất liệu bất khả tri chừng nào ,thì nó càng đến gần hơn với thực tại ,vì nó càng tách rời xa hơn khỏi thế giới hư ảo. Bởi vậy , tuy rằng người ta không thể biết được thành phần nguyên- tố vật chất cấu tạo nên những thể bên ngoài do những biểu lộ của chúng trên cõi tâm thức hạ giới này , nhưng theo quan điểm của nhà huyền môn ,chúng cũng có 1 cơ cấu ngoại tại rõ rệt ,nếu không là 1 cơ cấu vật chất trong vũ trụ tương đối thực thể siêu hình theo ý nghĩa đối nghịch với ý nghĩa cõi giới hiện tượng hữu hình . Nhà khoa học có thể gọi chúng là năng lực hay mãnh lực do vật chất tạo nên ,hoặc là những phương thức vận động tùy ý ,nhưng khoa huyền môn nhìn thấy trong những kết quả đó có những mãnh lực tác động và trong những nguyên nhân trực tiếp gây nên những kết quả đó ,có bàn tay vô hình của những Đấng Tạo Tác thông minh . Sự liên hệ chặt - chẽ giữa những mãnh lực thiên nhiên đó (dưới bàn tay dìu dắt của các Đấng Cao Cả) với các loại ngũ hành của vật chất thuần túy tạo nên những hiện tượng vật chất như ánh sáng ,nhiệt lực, từ-điện v.v. . . Lẽ tất nhiên,chúng ta sẽ không bao giờ đồng ý với các nhà Bản thể luận người Mỹ (1) mà gọi những năng lực kể trên là những "thực thể", vì như vậy , chẳng khác nào như ta gọi tiếng động gây

nên bởi những bánh xe đang chạy là 1 thực thể . Trong trường- hợp đó ta lầm tưởng và đồng hóa tiến động đó với người đánh xe b ê n ngoài và người chủ ngồi trong xe . Nhưng chắc chắn là chúng ta gán danh hiệu đó cho "người đánh xe" và cho những Đấng Thiên Định Đế Quân là những bậc đại trí thông minh điều khiển ,như đã nêu ở trên.

(1)(trang 241) [Xem Diễn Đàn Khoa Học (Scientific Arena) ,1 nguyệt san dành riêng cho giáo lý triết học hiện hành và ảnhhưởng của nó đối với tư tưởng tôn giáo hiện đại . Nữu Ước .Chủ biên : A. Wilford Hall ,Tiến Sĩ chuyên khoa,Tiến Sĩ Luật Khoa . Số tháng 7, 8 và 9 năm 1886]

Những mãnh lực thiên nhiên là những nguyên nhân phụ thuộc tác động ,tuy vô hình hay đúng hơn là không cảm nhận được ,và là kết quả của những nguyên nhân đầu tiên ẩn tàng đằng sau bức màn của mọi hiện tượng vật chất (terrestrial phenomena). Điện lực,ánh sáng,nhiệt lực v.v. . . đã được gọi 1 cách chính xác "Cái Bóng của Vật Chất Vận Chuyển"(Ghost or Shadows of Matter in Motion"), tức là những trạng thái siêu thức (supersensuous states) của vật chất mà chúng ta chỉ có thể nhận thức được những tác động hậuquả. Bây giờ ,hãy nói rộng hơn 1 chút .Cảm giác về ánh sáng có thể ví như tiếng động của những bánh xe đang chạy , đó chỉ là 1 tác dụng hiện tượng (phenomenal effect) ,vốn không có thật ngoài cảm quan của người nhận xét ,nguyên nhân của cảm giác ấy ví như người đánh xe ,1 trạng thái siêu thức của vật chất chuyển động ,một mãnh-lực thiên nhiên (a Nature -Force or Elemental). Nhưng ,đàng sau mãnh lực này, có tiềm ẩn những nguyên nhân thâm diệu cao xa hơn, cũng như người chủ xe điều khiển người bánh xe từ bên trong . Đó 1 à những Đấng Thông tuệ,sáng suốt ,từ tinh hoa của các Ngài phátxuất những trạng thái "Mẹ" ,tạo nên vô số tỷ Tinh Linh (Elementals or Psychic Nature -Spirits) thuộc về ngũ hành trong thiên nhiên,cũng như mỗi giọt nước chứa đựng vô số sinh vật vô cùng nhỏ bé(2).

(2) [Xem quyển 2,Tiết 14 nói về các Thần,Chơn Thần và các nguyên tử .]

Chính vô cực điện Fohat dìu dắt sự chuyển di những nguyên khí từ 1 hành tinh này đến 1 hành tinh khác ,từ 1 tinh tú này đến 1 tinh tú khác .Khi 1 hành tinh chết,các nguyên khí của nó chuyển di sang 1 trung tâm yên nghỉ (Laya) trong đó đã có sẵn năng lực tiềm ẩn hay mới thức tỉnh lại và bắt đầu hình thành 1 thiên - thể mới (new sideral body).

Một điều rất đáng chú ý là ,trong khi người ta tự thúnhận 1 cách thành thật là hoàn toàn không biết gì về bản chất thực -sự của ngay cả vật chất của cõi trần —bản chất nguyên thủy được coi như là 1 giấc mơ hơn là 1 thực tại đơn thuần —tuy nhiên, những

nhà vật lý học lại làm ra vẻ xét đoán thứ vật chất đó và tựcho là mình biết cái gì có thể và không thể thực hiện được ,theo những cách hóa hợp khác nhau . Những nhà khoa học chỉ mới biết được thứ vật chất này 1 cách hời hợt ,tuy nhiên,họ sẽ quyết đoán nó. Đ ó cũng chỉ là "một cách chuyển động" chứ không có gì khác ! Nhưng , cái lực có sẵn trong 1 hơi thở của con người còn sống ,khi người ta thổi 1 vết bụi ở trên bàn ,thì cũng ,một cách không thể nàophủ nhận được) là "một cách chuyển động". Người ta không thể chốicãi rằng đó không phải là 1 đặc tính của vật chất hay là những phân-tử của vết bụi đó; dù sự kích động này có được sinh ra một cách hữu thức hay là vô thức ,thì cái thực thể còn sống và có suy- t ư thở hít này vẫn phát sinh ra nó. Thật ra,việc phú cho vật chất(mà cho đến nay,người ta còn chưa biết hết) 1 đặc tính cố hữu đượcgọi là động lực ,có bản chất còn chưa được hiểu mấy ,còn tạo ra 1 sự khó khăn nghiêm trọng hơn cả việc chấp nhận sự can thiệp của các "Loài Tinh linh" trong mọi hiện tượng tự nhiên.

Nhà huyền bí học nói rằng không phải vật chất ,mà chỉ có tinh hoa của vật chất (Mulaprakriti) là bất diệt và trường cửu.Họ nói rằng tất cả những mãnh lực thiên nhiên như điện lực,từ-lực , ánh sáng ,nhiệt lực v.v. . . không phải là những phương tiện vận chuyển của những vi tử vật chất ,mà là những khía cạnh biểu lộ , phân hóa của Đại Khí vận hay sức chuyển động trong vũ trụ như đã giải thích trong những trang đầu của quyển sách này . Khi nóirằng Fohat tạo nên bảy trung tâm Laya ,điều ấy có nghĩa là vì mục đích sáng tạo, định luật lớn trong vũ trụ (hay Thượng Đế) thay đổi sự vận chuyển trường kỳ của nó trên bảy điểm vô hình trong phạm- vi khu vực sáng tạo nên vũ trụ ngoại tại . Đại khí vận xuyên qua không gian ,xoi bảy lỗ trong Laya làm cho chúng xoay vòng suốt chu kỳ khai nguyên . Chúng tôi đã nói rằng Laya là điều mà khoa-học gọi là điểm số không ,lãnh vực tiêu cực tuyệt đối ,hay Mãnh-Lực tuyệt đối duy nhất ,Thực Thể (Noumenon) của trạng thái thứ 7 của điều mà ta gọi 1 cách sai lầm là mãnh lực ,hay thực thể của chất liệu vũ trụ tiến thiến ,tự nó vốn là 1 vật không thể cảmnhận được hay tri thức được đối với giác quan hữu hạn ; nguồn gốc và căn bản của mọi trạng thái khách thể và chủ thể . Để hiểu rõ hơn, chúng ta hãy tưởng tượng 1 điểm trung hoà , 1 điều mơ tưởng của những kẻ muốn khám phá sự vận chuyển trường kỳ . Một điểm "trung-hoà" , hiểu trên 1 khía cạnh ,là điểm giới hạn của giác quan . Ta hãy tưởng tượng hai cõi giới vật chất kế cận nhau như đã đượchình -thành. Mỗi cõi tiếp xúc với 1 bộ giác quan tương hợp ,thíchnghi. Chúng ta phải nhìn nhận rằng giữa hai cõi vật chất ấy có 1 sự lưu thông diễn ra 1 cách liên tục ,nếu chúng ta theo dõi những nguyên

từ và nguyên tố của cõi thấp hơn trong sự biến đổi của nó từ dưới lên trên, những nguyên tử này sẽ biến chuyển đến 1 điểm từ đó, chúng vượt khỏi tầm mức và khả năng nhận thức của chúng ta ở cõi thấp hơn. Thật vậy, ở điểm đó ,vật chất cõi thấp hơn biến mấtkhỏi tầm nhận xét của giác quan chúng ta , hay nói khác đi, nó vượtlên cõi trên và trạng thái vật chất ở điểm giao liên đó chắc hẳn phải có những đặc tính mà người ta chưa phát hiện được . Như vậy, "bảy điểm trung hoà" đó là do Fohat tạo nên để khi "những nền - tảng chắc chắn đã xây đắp sẵn sàng cho cuộc tạo dựng sau này" thì nó thúc đẩy cho vật chất bắt đầu hoạt động và tiến hóa.

Trong trạng thái tiền sinh ,hay là trạng thái nguyên- sinh, Nguyên-tử Nguyên thủy (Anu) không thể nào gia tăng thêm ;vì vậy , nó được gọi là "Tổng Số Chung"("Sum Total") ,dĩ nhiên là nói theo nghĩa bóng ,vì Tổng số chung này là vô biên . Cái vốn là vực sâu trống không đối với các nhà vật lý học (họ chỉ biết cái thế -giới của những nguyên nhân và kết quả thấy được) thì đối với nhà bí- học lại chính là Không Gian vô biên của Thái Cực Thiêng liêng(Di -vine Plenum) . Trong số nhiều sự phản đối khác về giáo lý nó i rằng có 1 sự tiến hóa vô cùng và có 1 sự thoái hóa (hay là sự tái hóa nhập:reabsorption) của Càn Khôn(Kosmos) —theo giáo - lý bí truyền và Bà la môn giáo ,thì đó là 1 tiến trình không có khởi thủy hoặc cáo chung —nhà bí học được cho biết rằng nó không thể có được ,vì "theo mọi điều được công nhận của triết lý khoa- học tiến bộ ,Thiên nhiên tất phải kiệt quệ". Đối với khoa vũ trụ học huyền bí,nếu cái khuynh hướng "kiệt quệ" của thiên nhiên được xem như là 1 sự phản đối rất mãnh liệt ,thì làm sao tôi có thể yêu- cầu những nhà Duy thực chủ nghĩa ,những nhà tự do tư-tưởng và các nhà khoa học của bạn giải thích được sự tồ chứa những hệ- thống tinh tú hoạt động chung quanh chúng ta ? Những hệ thống này mãi mới chịu kiệt quệ ,thế thì tại sao Càn Khôn này không phải là một khối không lồ bất động ? Theo giả thuyết,người ta cũng chỉ t i n rằng mặt trăng là 1 hành tinh chết ,kiệt quệ và thiên văn học hầu như cũng không biết có nhiều hành tinh chết như thế (1).

(1) [Mặt trăng chỉ chết xét về những khí thể bên trong của nó —nghĩa là,nói về tâm linh và tinh thần ,mặc dầu sự xác - nhận này có thể là vô lý . Nói về vật lý ,nó chỉ là 1 thiên thể bán tê liệt mà thôi . Còn đối với huyền bí học ,mặt trăng được xem nhưlà "người Mẹ mất trí"("Insane Mother") ,là 1 thiên thể vĩ đại điên - loạn .]

Câu hỏi không thể có lời giải đáp. Nhưng ngoài việc nàyra, ta phải ghi nhận rằng ,ý niệm về 1 số "năng lượng khả biến" trong

hệ thống hành tinh bé nhỏ của chúng ta bị tàn lụi ,thì hoàn toàn đặt trên nền tảng của quan niệm sai lầm về "một ngôi mặt trời đỏ rực,cháy sáng trắng" ,phóng hơi nóng vào không gian 1 cách liên tục mà không có sự hồi phục. Về điểm này,chúng tôi xin trả lời rằng thiên nhiên kiệt quệ và biến mất khỏi cõi khách quan ,chỉ tái xuất hiện trong cõi chủ quan sau 1 thời gian ngơi nghỉ rồi lại đi lên . Sau mỗi chu kỳ hỗn nguyên ,Càn khôn(Kosmos) và bầu thiên thể của chúng ta chỉ ngừng hoạt động để tái xuất hiện trên 1 cõi hoàn hảo nhất .Thứ vật chất của những nhà triết học Đông-phương không phải là "thứ vật chất" và bầu thiên nhiên của những nhà siêu hình học Tây phương . Vì vật chất là gì ? Trên tất cả, ngoài cái mà nhà triết học Kant đã định nghĩa 1 cách rất chính - xác và rất tao nhã là "môn khoa học của những giới hạn đối với kiến thức của chúng ta " ,thì triết lý khoa học của chúng ta là gì ? Nhiều cuộc thử nghiệm của khoa học để buộc lại ,để kết hợp và để xác định tất cả những hiện tượng của đời sống hữu cơ bằng những biểu lộ đơn thuần có tính chất vật lý và hóa học đã đưa nó tới đâu ? Nói chung là chỉ tới những cuộc suy lý —trước khi các nhà khoa học được phép tìm ra những sự kiện có thực ,thì đó chỉ là những bọt xà bông bị nổ tung hết cái này đến cái kia . Tất cả điều này ắt đã tránh được và tiến trình kiến thức sẽ tiếp - diễn bằng những bước dài không lỗ ,nếu khoa học và triết học đừngchấp nhận những giả thuyết chỉ dựa vào sự hiểu biết phiến diện về vật chất của họ. Tác động của Thiên vương tinh và Hải vương tinh(Ura -nus và Neptune) —người ta nghĩ rằng những hành tinh này lần - lượt có bốn hộ tinh ,và 1 hộ tinh quay trên những quỹ đạo c ủ a chúng từ Đông ,trong khi tất cả những hành tinh khác thì lạiquay tròn từ Tây sang Đông — đó là 1 thí dụ rất hay để cho người ta thấy tất cả các cuộc suy lý tiên nghiệm (a priori) thật chẳng đáng tin cậy chút nào ,ngay cả khi mà những cuộc suy lý này dựa trên khoa giải tích toán học chính xác nhất. Giả thuyết nổitiếng nói về sự hình thành của thái dương hệ chúng ta từ những v à nh đai tinh vân ,do Kant và Laplace đề ra, cũng đặt nền tảng chủyếu trên sự kiện giả định rằng tất cả hành tinh đều xoay theo cùng 1 hướng như nhau . Trong thời đại của Laplace ,tin cậy vào những sự kiện được chứng minh bằng toán học này ,tính toán dựa vào thuyết xác suất ,ông đã đánh cuộc 3 tỷ ăn 1 rằng hành tinh kế - tiếp được tìm ra ,ắt cũng phải có trong hệ thống của mình đặc - điểm tương tự là sự vận chuyển về hướng Đông 2."Những cuộc thực- nghiệm và những sự quan sát thêm nữa đã đánh bại "những địnhluật bất di bất dịch của những môn toán học về khoa học .Đại đề,đến ngày nay ,quan niệm sai lầm này của Laplace vẫn thịnh hành ;nhưng

một vài nhà thiên văn học cuối cùng đã chứng minh (?) được rằng vì lầm lẫn nên người ta đã chấp nhận sự sai lầm của quyết đoán của Laplace ,hiện nay ,người ta đã thực hiện những bước để sửa lại sự xét lầm này ,mà không lôi cuốn sự chú ý của mọi người.Các giả thuyết có tính chất hoàn toàn hữu hình cũng còn gặp phải xáxx nhiều điều bất ngờ không vừa ý .Thế thì,liệu có thể có những sự tỉnh ngộ nào trong những vấn đề có liên quan đến 1 bầy thiênnhiên huyền bí siêu việt không ? Trong bất cứ trường hợp nào,huyền -bí học cũng dạy rằng cái gọi là "sự xoay tròn nghịch lại" chính là một sự kiện.

Nếu không trí óc xác thịt nào có thể đếm được những hột cát bao phủ bờ biển trong 1 vài dặm Anh hay là dò được cái bản-chất cơ bản và tinh hoa của những hạt cát này khi mà chúng có thể bị nhà tự nhiên học rờ được và thấy được trên bàn tay ,thì nhà duy vật làm thế nào có thể giới hạn được những định luật đ i ề u khiển những sự thay đổi về điều kiện và sự sống của những nguyên tử trong chất Hỗn Mang (Chaos) Nguyên thủy ,hoặc là họ làm thế nào để biết chắc bất cứ 1 điều gì về khả năng và những mãnh- lực của những nguyên tử và phân tử ,trước và sau khi chúng hìnhthành ra những bầu thế giới này ? Những phân tử trường cửu và bất biến này —chúng có vô số trong không gian nhiều hơn những hạt cát trên bờ đại dương —có thể khác nhau về sự cấu tạo của chúngtheo đường lối của những cõi của sự sống ,cũng như linh hồn bản thể thì khác với hiện thể của nó tức là cái xác .Chúng ta đã được dạy rằng , 7 cõi của sự sống và sự biểu hiện đều có mỗi loại nguyên tử khác nhau ;và mỗi cõi đều do những định luật riêng của sự tiến hóa và sự hóa nhập điều khiển . Không ai biết được (cho dù chỉ là gần đúng) những dữ kiện niên-đại-ký khởi thủy trong - khi thử quyết định tuổi của hành tinh chúng ta hay là nguồn gốc của thái dương hệ này , những nhà thiên văn học,những nhà đ ị a chất học và những nhà vật lý học ,mỗi người có 1 giả thuyết mới đang bị cuốn đi xa dần khỏi biên giới của sự thực và rơi vào vực thẳm không đáy của bản thể học suy lý (speculative ontology)(1).

(1) ⌐ Tuy nhiên ,những nhà bí học vốn có sự tin tưởng hoàn-hảo nhất về những kinh xách chính xác riêng của họ theo chiêm - tinh-học và toán học ,đã tính ra được tuổi của nhân loại và quyết đoán rằng ,con người(với hai giống tách rời ra) đã xuất hiện xxx trong cuộc tuần hoàn này được đúng 18 618 727 năm ,như giáo lý Bà la môn cũng như vài quyển lịch của người Ấn Độ đã công bố ⌋

Trong kế hoạch cấu tạo giữa những hệ thống phía bên kia mặt trời và những hành tinh hệ của mặt trời ,Định Luật Tương - đồng

không nhất thiết tác dụng tới những điều kiện giới hạn mà mọi vật hữu hình đều phải chịu trong cõi của đời sống chúng ta .Trong khoa học huyền bí ,Định luật tương đồng này là cái chìa khóa đầu tiên và quan trọng nhất đối với khoa vật lý vũ trụ ,nhưng nó cần phải được nghiên cứu từng chi tiết tỉ mỉ nhất và trước khi người ta hiểu được nó , nó cần phải được "xoay bảy lần" . Chỉ có triết lý huyền môn mới có thể dạy rõ điều này . Vậy,người ta làm thế nào để dựa cái chân lý và phi chân lý của sự đề xướng của nhà bí học , "trong sự kết hợp vô điều kiện thì vũ trụ là trường cửu, còn trong những sự biểu lộ có điều kiện thì vũ trụ lại hữu -hạn", vào điều bày tỏ phiến diện của vật lý học cho rằng "Thiên nhiên cần phải ngừng hoạt động " ? (1)

(1) [Những lời bình luận về những đoạn Thánh kinh này sẽ được tóm tắt sau]

MỘT VÀI SỰ THỰC VÀ NHỮNG SỰ GIẢI THÍCH
(Some facts and explanations)

Những câu kinh này kết thúc phần giáo lý trong đoạn 6 nói về vũ trụ Khai tịch luận sau chu kỳ Đại Hỗn nguyên .Cuối cùng , nó sẽ quét sạch ra khỏi không gian tất cả mọi vật biểu lộ ngoại-tại ,từ thần minh đến hạt nguyên tử ,cũng như những lá cây vàng úa . Từ câu này trở về sau, các Đoạn kinh chỉ nói đại cương về Thái dương hệ ,các dãy hành tinh và đặc biệt là lịch trình trái đất của chúng ta trong dãy địa cầu hiện tại .Tất cả những Đoạn và câu kinh tiếp theo trong quyển I này chỉ nói về sự tiến - hóa trên dãy địa cầu . Có 1 luận cứ kỳ lạ thuộc về trái đất này , nó chỉ kỳ lạ theo quan điểm khoa học mà chúng ta nên phổ truyền.

Tuy nhiên,trước khi trình cho độc giả những lý thuyết mới và hơi lạ,ta nên giải thích vài lời .Điều này tuyệt đối cầnthiết bởi vì những lý thuyết này chẳng những chống lại khoa học tân - tiến ,mà bởi vì chúng nó còn nghịch với vài điểm do các Thông - thiên học giả khác đã viết (2).Các vị này tự cho là căn cứ lập-luận của họ và những giải thích trên cùng 1 uy quyền với chúng - ta .

(2) [Trong"Phật Giáo Nội Môn" 1883 và "Con Người :Di-tích của 1 lịch sử đã chìm vào quên lãng" của hai đệ tử , 1885]

Điều này có thể khiến người ta nghĩ rằng :có mâu thuẫn ngay giữa những người cùng dạy 1 giáo lý ,trong khi,thật ra,sự dị biệt đó là do sự báo cáo cho các tác giả đầu tiên không được toàn vẹn ,nhân đó, họ kết luận sai,và truy cứu quá sớm , trong khi họ muốn đưa ra cho công chúng 1 hệ thống toàn hảo. Vì vậy,độc

giả nào đã là nhà Thông Thiên học ,đừng ngạc nhiên khi thấytrong những trang sách này sự sửa chữa vài luận cứ đã dạy trong nhiều sách Thông Thiên học ,và họ cũng đừng ngạc nhiên khi thấy sự giải thích nhiều điểm tối tăm bởi vì chúng tất nhiên là bất toàn . C ó nhiều vấn đề mà tác giả quyển "Esoteric Buddhism" (là quyển hay nhất và ít sai lầm nhất trong các quyển sách ấy) không giải thích. Lại nữa,chính tác giả quyển đó đã thêm vào nhiều ý niệm sai lầm , mà hiện nay ta phải trình bày nó dưới ánh sáng bí ẩn thực sự trong khuôn khổ khả năng của tác giả quyển này.

Nhân tiện,chúng ta hãy tạm ngưng trong 1 lúc sự học hỏi những đoạn kinh để duyệt xét lại vài điểm trong giáo lý huyền môn trước đây đã trình bày cho công chúng 1 cách không được chínnaxác lắm và có chỗ sai lầm .

VÀI QUAN NIỆM SAI LẦM TRƯỚC ĐÂY VỀ CÁC BẦU HÀNH TINH,

NHỮNG CUỘC TUẦN HOÀN VÀ VỀ CON NGƯỜI .

(A few early Theosophical misconceptions concerning planets , rounds and man)

Trong số 11 đoạn kinh không được đề cập đến trong quyển này ,có 1 đoạn diễn tả đầy đủ sự thành lập liên tiếp những d ã y hành tinh kể từ khi bắt đầu chu kỳ khai nguyên sau 1 chu kỳ hỗn-nguyên. Không cần phải nói những định luật tác động khi Thượng - Đế bắt đầu sáng tạo ,bởi vì :

a) Định luật vốn trường cửu và bất sinh bất diệt (Laws are eternal and uncreated).

b) Thượng Đế tức là Định luật và Định luật tức là Thượng- Đế (Deity is Law , and vice versa).

Hơn nữa, Định luật trường cửu duy nhất phát triển mọi vật trong Thiên nhiên theo qui mô của số 7 và vô số dãy hành tinh,mỗi dãy có 7 bầu thế giới ,được sắp đặt theo giai tầng thanh trọckhác nhau trên 4 cõi thấp nhất của vũ trụ biểu lộ ngoại tại ,còn 3 bầu trên thuộc về vũ trụ kiểu mẫu nội tại. Trong số 7 bầu này ,chỉ có 1 bầu thấp nhất và nặng trọc nhất ,là có thể cảm nhận và tri thức được bằng giác quan chúng ta ,còn 6 bầu kia thì ở ngoài tầm nhận-thức của giác quan và bởi vậy nên mắt phàm không thể nhìn thấy được. Mỗi dãy hành tinh đó là sản phẩm của 1 dãy thấp hơn và đã chết ,có thể nói là sự tái sinh của dãy này. Chúng tôi được biết trong số những hành tinh ,chỉ có 7 bầu là được coi như linhthiêng vì chúng được đặt dưới sự ngự trị của các Đấng Cao Cả thiênliêng,

chứ không phải vì cổ nhân không biết gì về những bầu khác (các hành tinh nêu ra trong các mật thư cổ xưa còn nhiều hơn trong các sách Thiên văn học hiện đại).Một bầu hành tinh đó,dầu đã được biết hay chưa được biết ,đều thuộc về thành phần 1 dãy hành tinh gồm có 7 bầu cũng như dãy địa cầu có 7 bầu thế giới mà địa cầu là một. Thí dụ,những thiên thể như Thủy Tinh,Kim Tinh, Hỏa-tinh ,Mộc Tinh ,Thổ Tinh hay Địa cầu đều hữu hình đối với chúng ta ,cũng như trái đất có lẽ là hữu hình đối với những nhân vật (nếu có) của những hành tinh khác,bởi vì tất cả đều thuộc về cõi hạ giới hồng trần ,còn những bầu thế giới thanh nhẹ hơn cùng chung 1 dãy với các hành tinh trên đều thuộc về những cõi giới khác ,hoàn toàn ngoài tầm nhận thức của giác quan phàm tục. Vị - trí của những bầu hành tinh ấy sẽ được trình bày sau ,bây giờchỉ cần thêm vài lời giải thích . Những bầu thế giới vô hình trùng-hợp 1 cách lạ lùng với điều gọi là những nguyên khí trong con người . Bảy bầu này tọa lạc trên 3 cõi vật chất và 1 cõi tâm-linh tương đương với 5 thể vật chất (Upadhi) và 1 thể tâm linh (Vahan) trong 7 nguyên khí con người. Để có 1 quan niệm rõ ràng hơn,nếu chúng ta thử tưởng tượng những nguyên khí của con người như được sắp đặt theo sơ đồ dưới đây , thì chúng ta sẽ có 1 sơ đồ kế bên chỉ sự trùng hợp với những bầu thế giới trong 1 dãy hành tinh.

Vì ở đây , chúng ta đang xét từ toàn thể đến đơn vị , thay vì dùng phép qui nạp của ông Aristote , nên các con số đều ngược chiều .

Người ta để tinh thần ở chỗ thứ nhất ,thay vì để ở cõi thứ bảy (như người ta thường làm) ,nhưng thật ra không nên làm như vậy .

Những nguyên khí của con người --như đã thường kể ra trong quyển "Esoteric Buddhism" ("Phật Giáo Nội Môn ") và các quyển khác là ;

1) Âtmâ
2) Buddhi (hay là Linh hồn Tinh thần : Spiritual Soul)
3) Manas (hay là Linh hồn con người : Human Soul)
4) Kâma Rûpa (hay là thể ham muốn và đam mê :Vehicle of Desires and Passions)
5) Prâna
6) Linga Sharira
7) Sthula Sharira .

Đồ - hình I

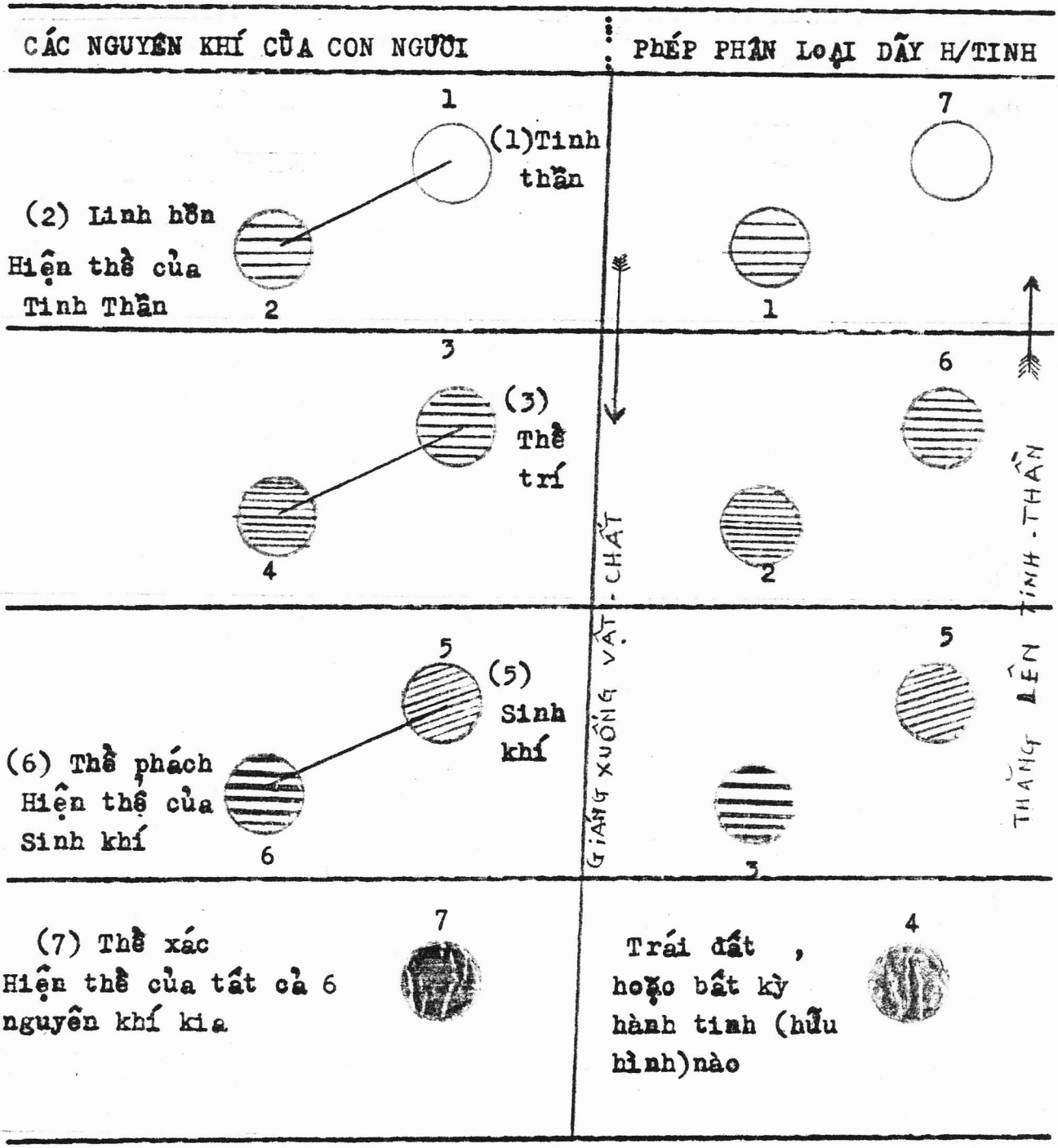

Đồ hình I

Những đường ngang nét đậm ở những ngăn dưới là những thể vật chất hay lớp vỏ (Upadhis) trong sơ đồ bên trái (nguyên - khí con người) và chỉ những cõi giới trong sơ đồ bên mặt (dãy hành-tinh). Lẽ tất nhiên, sơ đồ bên trái về nguyên khí con người không sắp đặt các nguyên khí hoàn toàn đúng theo trật tự nhưng nó chỉ sự tương hợp và giống nhau giữa hai đối tượng :con người và hệ-giới thiên thể mà độc giả nên lưu ý.

Như độc giả sẽ thấy ,đó là 1 trường hợp giáng xuống vật-chất ,sự điều chỉnh cả hai loại giác quan : thần bí và phàm trần

cùng sự hỗn hợp của cả hai hầu chuẩn bị cho sự tranh đấu để sinh-tồn, nó chờ đợi cả hai thực thể trong giai đoạn sắp đến .Chữ"Thực Thể" có thể coi như 1 danh từ lạ kỳ dùng để chỉ 1 bầu thế giới , nhưng các triết gia thời cổ từng coi quả địa cầu như 1 sinh -v ật khổng lồ ,đã tỏ ra khôn ngoan sáng suốt hơn các nhà địa chất học trong thế hệ hiện tại . Ông Pline gọi trái đất là người Mẹ và là người vú tốt ,Hành duy nhất không chống đối với con người .Ông Pli -ne đã nói 1 cách chân thật hơn ông Watts ,ông sau này tưởng thấy trái đất là 1 bàn đạp để đi đến trời.

Trái đất chỉ là 1 bàn đạp của con người trong khi con người trèo lên các khu vực cao hơn ;ấy là tiền phòng (vestibule) . . . dẫn tới những nơi trú ngụ vinh quang (glorious mansions), ở đây 1 đám đông luôn luôn lật đật trầy qua .

Những điều này chỉ rõ triết học huyền môn thích ứng 1 cách đáng khen biết chừng nào —với tất cả những gì trong thiên nhiên và những luận cứ của nó hữu lý hơn những quan sát ức thuyết của khoa vật lý biết bao .

Khi học xong điều này ,thì nhà thần bí học sẽ được chuẩn bị hay hơn để hiểu giáo lý huyền môn ,dù chắc chắn là mọi học-giả cần mẫn của khoa học tân tiến đều cho giáo lý này là 1 điều phi - lý . Nhà học giả huyền môn ,tuy nhiên,quả quyết rằng : lý thuyết mà chúng ta đang thảo luận lúc này có ý nghĩa triết lý và chắc - chắn hơn là lý thuyết kia . Ít ra là nó hợp lý hơn là lý thuyết mới đưa ra làm cho mặt trăng thành 1 miếng của trái đất bị tung ra ,khi trái đất còn là 1 bầu thế giới đang bị nóng chảy (1).

(1) Ông Samuel Laing,tác giả quyển "Modern Science and Modern Thought" (Khoa học và Tư Tưởng hiện đại) có nói rằng :

"Những kết quả Thiên văn đều là những lý luận căn cứ trên những luận cứ khả nghi cho đến đỗi trong vài trường hợp , chúng nó cho những số quá nhỏ ,không thể tin được ,như có 15 triệu năm để chỉ sự diễn tiến viên mãn của sự tạo lập một thái dương hệ — trong những trường hợp khác , các kết quả thiên văn này đưa đến 1 thời gian quá dài khiến cho chúng ta không thể tin được .Tỷ như khi người ta phỏng định rằng mặt trăng đã bị văng ra ,trong khi trái đất xoay tròn trong ba giờ ,trong khi sự trễ nhất hiện nay do sự quan sát là phải mất 600 triệu năm để làm cho nó xoay trong 23 giờ chứ không phải 24 giờ (trang 48 ,quyển Modern Science and Modern Thought).Và nếu các nhà vật lý học cứ những nặc suy lý như vậy ,thì tại sao người ta lại chế nhạo niên-đại-ký (chronology) của người Ấn Độ giáo ,cho rằng họ phóng đại ?

Có chỗ nói rằng những dãy hành tinh với những chu kỳ sinh hoạt hay sáng tạo mà những chu kỳ hủy diệt hay nghỉ ngơi ,sinh-hoạt trong không gian giống như con người sinh hoạt trên mặt đất ;chúng cũng sinh sôi nảy nở ,trở nên già cỗi và hư hoại,chỉ có những nguyên khí của chúng là còn sống sót trong những hậu - duệ do chúng sinh ra theo sự di truyền.

Muốn diễn tả toàn thể diễn trình của cơ tiến hóa đó với tất cả mọi chi tiết , quả là 1 việc khó khăn ,nhưng vài nétkhái quát có thể được nêu ra để trình bày cho độc giả một ý niệm tổng quát về vấn đề này . Khi 1 dãy hành tinh đã đi vào cuộc tuần hoàn cuối cùng ,thì bầu A ,trước khi tắt nghỉ ,phóng ra tất cả năng lượng của nó và các "khí-thể" vào 1 điểm trung hoà , có mãnh lực tiềm ẩn gọi là trung tâm Laya ,và bằng cách đó ,thức - thức động 1 cứ điểm mới của khí Tiên thiên làm cho nó hoạtđộng hoặc chuyển sinh khí vào đó . Hãy giả sử rằng sự diễn biến đó xảy ra trên dãy thái âm và tạm cho rằng mặt trăng già hơn trái đất rất nhiều . Ta hãy tưởng tượng 6 bầu thế giới bạn của Mặt trăng (hàng tỷ năm trước khi bầu thứ nhất của dãy Địa cầu xuất hiện) ở đúng vào vị trí giống như những bầu thế giới của dãy địa cầu đối với trái đất trong hiện tại . Bây giờ,ta có thể tưởng tượng dễ dàng rằng bầu A của dãy Thái âm di chuyển năng lượng của nó sang bầu A của dãy Địa cầu rồi tắt nghỉ ,rồi bầu B của nó cũng làm y như vậy với bầu B của dãy Địa cầu ,kế đó , đến bầu C của nó tạo nên bầu C của dãy Địa cầu ,rồi đến lượt Mặt trăng ,vệ tinh của trái đất ,chuyển tất cả năng lượng và sinh khi của nó sang bầu thấp nhất của dãy địa cầu ,tức bầu D là trái đất của chúng ta ,và sau khi đã chuyển di tất cả qua 1 trung tâm mới , nó trở nên 1 hành tinh chết và sự vận chuyển xoay vòng hầu như đã ngừng nghỉ từ khi địa cầu xuất hiện.Chắc-chắn rằng : mặt trăng là vệ tinh của trái đất ,nhưng điều này không bác bỏ lý thuyết cho rằng :mặt trăng cho trái đất tất cả, chỉ trừ cái xác chết của nó. Muốn cho lý thuyết của Darwin còn đứng vững , thì ta phải chế ra —ngoài giả thuyết mà chúng ta vừa nói tới, và ngày nay bị đảo lộn ,— những suy lý còn vạn - nan hơn . Người ta có nói rằng :mặt trăng đã nguội 6 lần nhanh hơn trái đất . Nếu trái đất bị 1 lớp vỏ cứng bao bên ngoài từ 14 triệu năm nay ,thì mặt trăng , từ thuở ấy đến nay ,chỉ già có 11 triệu và 2/3 triệu năm mà thôi (Xem "Sinh Hoạt Thế Giới"(World Life) của Winchell,trang 379 và tiếp theo) . . . Và nếu mặt trăng của chúng ta chỉ là 1 mảnh của trái đất ta văng ra thì tại sao không kết luận như vậy về mặt trăng của các bầu hành tinh

khác ? Những nhà thiên văn "không biết chi về điều đó" .Tại sao Venus (Kim Tinh) và Mercure(Thủy Tinh) không có vệ tinh ? Và nếu có những vệ tinh này thì chúng nó sẽ được tạo lập với chất gì ? Các nhà thiện văn không biết về điều ,bởi vì họ chỉ có 1 chìa - khóa — ấy là chìa khóa vật chất — để mở cửa bí ẩn của thiên nhiên ,còn nhà triết học huyền môn lại có 7 chìa khóa ; họ cắt nghĩa cái mà khoa học không biết được .Mercure và Venus không có vệ-tinh ,song chúng có "cha mẹ" như trái đất. Cả hai đều già hơnđịa cầu nhiều ,và trước khi địa cầu đi đến cuộc tuần hoàn thứ 7 ,thì mẹ nó là mặt trăng sẽ tan rã thành ra không khí nhẹ nhàng(thin air) ,như những mặt trăng của những hành tinh khác đã tan rã , hoặc không tan rã tùy trường hợp ,bởi vì có nhiều hành tinh có nhiều"mặt trăng" . Đó là 1 bí ẩn mà không một vị Oedipus n ào trong thiên văn giải đoán nổi .

Hiện nay, mặt trăng là những bụi nguội (cold residual quantity) , là 1 bóng mờ (shadow) sau khi đã di chuyển những năng lực sống (living powers) và những "nguyên khí"("principle") của nó qua 1 hình thể đổi mới khác . Hiện nay, nó bị bắt buộc phải theo sau trái đất trong nhiều thế kỷ ;nó hút trái đất và bị trái đất hút lại .Mặt trăng luôn luôn bị con mình là trái đất rút rỉa (vampirized) nên chống trả lại bằng cách đem thần lực xấu xa xuống và đầu độc nó bằng cái thuộc về thành phần huyền - môn của bản tánh ,bởi vì mặt trăng là 1 xác chết ,mà vẫn sống. Những mảnh vụn của xác thân đang tan rã của nó có đầy sự sống sinh động và phá hoại ,dù xác thân mà xưa kia chúng nó đã tạo ra thì không hồn và không có sự sống . Nhân đó, những bốc hơi(emana -tions) của nó vừa tốt vừa xấu ,đó là trường hợp mà ta cũng thấy trên trái đất ,tức là sự kiện cỏ và cây không mọc đầu tốt bằng mọc trên mã ; còn những bốc hơi của nghĩa địa và của thây ma rất độc . Giống như mọi ma hút máu, ma hiện hình ,mặt trăng là bạn của nhà phù thủy và thù nghịch với người khờ dại . Từ thời vô - thủy vô chung và thời cận đại ,các nhà phù thủy ở Thessalie và vài người Tantrikas hiện nay tại Bengal ,cùng tất cả huyền -môn, đều biết bản tính và tính chất của mặt trăng ; nhưng đó là một quyển sách đóng kín trước nhà vật lý học.

Đó là m ặt trăng được xét về mặt thiên văn , vật - lý và địa chất học . Còn về bản tính siêu hình và tinh thần thì nó vẫn còn là 1 sự bí mật huyền môn trong quyển sách này cũng như trong quyển sách nhan đề "Esoteric Buddhism" (Phật Giáo Nội-Môn) dù quyển đó có tuyên bố hơi liều lĩnh rằng :"Không có nhiều bí ẩn nữa trong câu đố về bầu thế giới thứ tám". Thật(trang 113

ấn bản lần thứ 5) . Thật ra, đó là 1 trong nhiều đề tài mà các vị chân sư rất dè dặt khi truyền đạt cho các vị đệ tử chưa được điểm đạo (cùng trang sách nói trên); và vì chúng nó chưa được phê chuẩn và chưa được phép đưa ra cho công chúng ,nên tốt hơn là nói ít nhất về điều đó.

Tuy nhiên,không đặt chân tới vùng đất cấm của"bầu hành tinh thứ 8 này", người ta nên trình bày 1 vài sự kiện bổ túc về phần những Chơn Thần cũ của dãy Nguyệt cầu này —tức là những vị " Tổ Phụ thuộc mặt trăng"—vì các vị này giữ 1 vai trò hướng dẫn trong khoa nhân chủng khởi nguyên học sắp tới .Điều này trực tiếp đem chúng ta tới vấn đề cấu tạo nhất nguyên của con người ,và vì mới đây đã có 1 vài cuộc thảo luận về cách phân loại hay nhất phải được chấp nhận cho sự phân chia thực thể tiểu vũ trụ này ,nên bây giờ, để dễ so sánh ,người ta đính kèm 2 hệ thống .Ông T.Subba Row , 1 học giả danh tiếng Phệ Đà có viết phụ thêm 1 mục nhỏ trong bảng sắp loại này . Ông thích sự phân chia của phái Pháp môn Thiền định trí tuệ (Raja yoga) của người Bà la môn ,và đứng trên 1 quan điểm siêu hình học ,thì ông hoàn toàn có lý . Nhưng đó chỉ là 1 vấn đề lựa chọn và thích nghi ,nên trong tác phẩm này,chúng ta chỉ trình bày sự phân loại cổ kính của "Trường Phái Bí Truyền dành cho các vị La hán" ("Arhat Esoteric School") bên kia Hy-mã-lạp sơn. Bảng kê sau đây và những lời giải thích được trích ra từ Tạp chí Thông Thiên học giả và trong cuốn "Năm năm hoạt động của Thông Thiên học"(trang 185-186) .

SỰ PHÂN CHIA THẤT NGUYÊN THEO NHỮNG HỆ THỐNG TRIẾT HỌC KHÁC NHAU CỦA ẤN-ĐỘ.

Trong một hình thức bảng phân loại về những nguyên khí trong con người ,chúng tôi xin đưa ra đây những sự sắp loại đã được các Đức Thầy Phật giáo và Phệ đàn đà chấp nhận :

Phật Giáo Bí Truyền (Esoteric Buddhism)	Phái Phệ Đàn Đà (Vedanta)	Phái Pháp môn Thiền Định Trí-tuệ Taraka
1.Sthula Sharira(Thể xác)	Annamayakosha(1)	Sthulopadhi (3)
2.Prana(Sinh khí) (2)	Pranamayakosha	
3.Vận cụ của sinh khí		
4.Cảm dục thể,thể vía		

5.Thể trí (Mind)	(a)Những ý chí và tình cảm ..	Manomayakosha (hạ trí)	Sukshmopadhi
	(b) Thượng trí (Vijnanam)	Vijnanamayakosha	
6.Spiritual Soul (4) (Linh hồn thiêng liêng)		Anandamayakosha	Kâranopadhi
7.Âtmâ (Tiên thể)		Âtmâ	Âtmâ

(1) [Kosha được dịch từng chữ là "lớp vỏ",lớp vỏ của mọi nguyên khí]

(2) [Sự sống]

(3) [Sthulopadhi :Thể xác,sinh lực,thể phách ,tam hạ thể Sthula-upadhi hay là cơ bản của những nguyên khí]

(4) [Thể Bồ đề (Buddhi)]

[Trang 254 : Vận cụ của sinh khí: The vehicle of Prana , Thể phách hay là Linga Sharira]

Từ bảng kê nêu trên,người ta thấy rằng ,nguyên khí thứ ba trong bảng sắp loại của Phật giáo không được đề cập đến 1 cách riêng biệt trong bảng phân chia của phái Phệ Đàn đà ,vì nó chỉ là hiện thể của sinh lực (vehicle of Prâna).Người ta cũng sẽthấy rằng nguyên khí thứ 4 được bao hàm trong thể thứ ba (Kosha - lớp vỏ);vì chính nguyên khí đó chỉ là hiện thể của quyền năng ý-chí vốn chỉ là năng lượng của cái trí. Chúng ta cũng phải ghi nhận rằng thể thượng trí (Vijnanamayakosha) được xem như là khác với thể hạ trí (Manomayakosha) ,vì sau khi chết , x có xảy ra sựphân chia giữa phần thấp của cái trí (phần này có 1 liên quan chặtchẽ với nguyên khí thứ 4 hơn là với nguyên khí thứ 6) và phần cao của thể trí (vốn gắn liền với nguyên khí thứ 6 thực sự),phần này là nền tảng cho Chơn ngã thiêng liêng cao cả nơi con người .

Ở đây,chúng ta cũng có thể chỉ cho độc giả thấy rằng trên thực tế , sự sắp loại được đề cập ở trong cột chót,thì liên quan tới pháp môn thiền định trí-tuệ (Râja yoga) ,phái tốt nhất, và đơn giản nhất. Dù trong con người có 7 nguyên khí ,nhưng chỉ có ba vận cụ (Upadhis ,cái cơ bản) riêng biệt nơi một trong các nguyên khí này , Tiên thể (Âtma) của con người có thể hoạt động 1 cách độc lập với phần còn lại . Một vị Chơn sư (Adept) có thể tách rời ba vận cụ (Upadhis) này ra mà không chết .Ngài khôngthể

nào tách rời 7 nguyên khí này ra mà không hủy diệt sự cấu tạocủa mình .

Bây giờ sinh viên sẽ được chuẩn bị kỹ hơn để thấy rằnggiữa ba vận cụ và Tiên Thể (Âtma) của phái pháp môn thiền định trítuệ và ba vận cụ (Upadhis) cùng với Tiên Thể của chúng ta và ba sự phân chia khác nữa ,thực sự cũng chỉ có sự khác nhau rất nhỏ mà thôi. Và chẳng ,vì mọi Chơn Sư ở tại Ấn độ ,bên này hay bên kia Hy-mã-lạp-sơn của môn phái Đức Patanjali ,Đức Võ Trước(Âryasanga) hay là của Đại thừa (Mahâyânâ) đều phải thờ thành một vị ThiềnSư (Râja Yogi) ,cho nên,trên nguyên tắc và lý thuyết ,Ngài phải chấp nhận sự bảng sắp loại của phái thiền định Târakâ , bất chấpbảng sắp loại mà các Ngài cần dùng cho những mục đích thực hành và cho mục đích huyền bí . Vì vậy ,người ta có nói đến ba vận cụ(Up -adhis) với ba trạng thái và Tiên Thể (Âtma) ,thành phần tổng hợp trường cửu và bất tử ,hoặc gọi chúng là "bảy nguyên khí" , thì cũng chẳng có gì là quan trọng .

Để giúp cho những người nào không thể đọc được ,hoặc không thể hiểu được giáo lý nói về các dãy gồm 7 bầu thế giới trong Càn Khôn Thái dương hệ này (Solar Kosmos) (nếu họ đã đọc những sách Thông thiên học);về các dãy hành tinh trong Thái dương hệ, giáo lý huyền môn được tóm tắt như sau :

1/ Mọi vật trong vũ trụ điều hình cũng như hữu hình đều được cấu tạo theo qui mô số 7 ,do đó, mỗi thiên thể, mỗi hành - tinh ,dù hữu hình hay vô hình ,đều có 6 bầu thế giới bạn đi kèm. Sự tiến hóa của vạn vật diễn ra trên bảy bầu thế giới hay thiên thể đó(Globes or bodies) ,qua 7 cuộc tuần hoàn hay 7 chu kỳ.

2/ Những bầu thế giới được cấu tạo bởi 1 phương pháp mà các nhà huyền học gọi là "sự tái sinh của những dãy hành tinh". Khi cuộc tuần hoàn thứ 7 và cuối cùng của 1 trong những dãy hành tinh đó đang tiếp diễn , thì bầu A tức bầu thứ nhất và cao nhất thay vì bước vào giai đoạn nghỉ ngơi như trong những cuộc tuần - hoàn trước đó, bắt đầu tắt nghỉ và những bầu khác cũng đều tuần- tự luân phiên nối gót theo sau. Chu kỳ hủy diệt của dãy hànhtinh đã bắt đầu và thời giờ của nó đã điểm . Mỗi bầu thế giới chuyển- di sinh khí và năng lượng của nó sang 1 hành tinh khác.(Xem đồ- hình 2).

3/ Quả địa cầu, trên vị thế 1 đại diện hữu hình của các bầu thế giới bạn , những "nguyen khí" vô hình và thanh cao hơn, phải sống ,cũng như những bầu thế giới trên trải qua 7 cuộc tuần hoàn . Trong ba cuộc tuần hoàn đầu tiên ,nó hình thành và cố -

ĐỒ HÌNH II

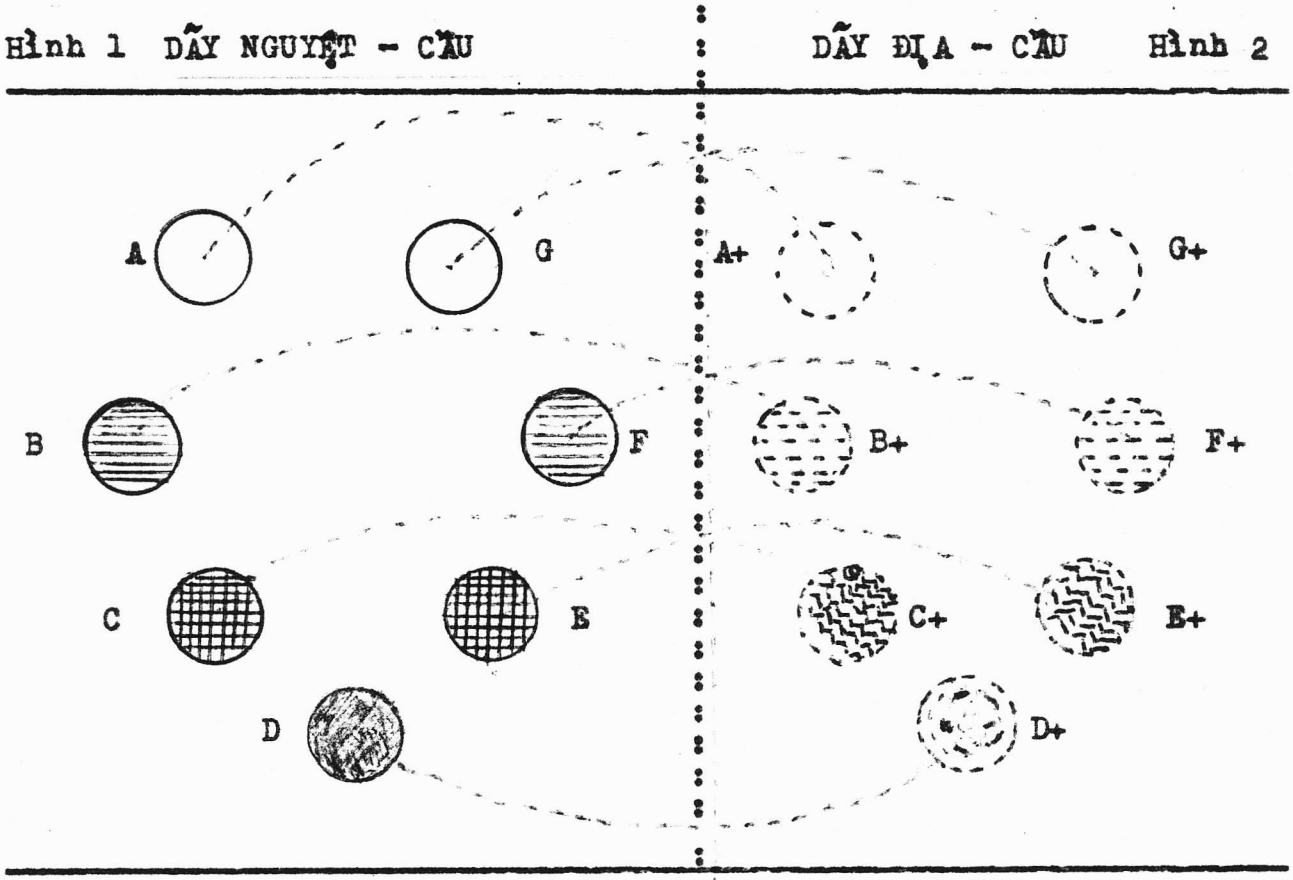

- động , trong cuộc tuần hoàn thứ 4 , nó được củng cố chắc chắn và trở nên cứng rắn . Trong ba cuộc tuần hoàn cuối cùng ,nó dần dần biến đổi ,trở về các hình thức mảnh mai, thanh nhẹ như lúc khởi thủy ,có thể nói là nó được thăng hoa vậy.

4/ Nhân loại trên địa cầu chỉ hoàn toàn phát triển trong cuộc tuần hoàn thứ 4 ,tức cuộc tuần hoàn hiện tại. Trước cuộc tuần hoàn thứ 4 này, nó cũng gọi là "nhân loại" chỉ vì thiếu một danh từ chính xác hơn . Cũng như con sâu biến thành nhộng và bướm, thì con người hay đúng hơn là sinh vật sẽ trở thành người , cũng trải qua mọi hình thể và mọi loài trong cuộc tuần hoàn thứ nhất, và trải qua tất cả những hình thể con người trong hai cuộc tuần-hoàn kế tiếp.

Đến quả địa cầu vào lúc khởi đầu cuộc tuần hoàn thứ 4 trong một loạt những tiểu chu kỳ sinh hoạt và những giống dân, con người là hình thể đầu tiên xuất hiện trên đó,sau hai loài khoáng thạch và thảo mộc ,thậm chí loài sau này cũng còn phải phát triển và tiếp tục sự tiến hóa của nó qua con người . Trong ba cuộc tuần hoàn tương lai ,nhân loại cũng như quả địa cầu mà họ sống trên đó ,sẽ dần dần biến đổi để trở lại hình thể sơ khai

nguyên thủy ,tức là cái pháp thân của 1 vị Thiền Định Đế-Quân . Con người sẽ trở thành 1 Đấng thần tiên bất diệt và qui nguyên trở về Thượng Đế ,cũng giống như mỗi Nguyên tử trong Vũ Trụ.

Bắt đầu từ cuộc tuần hoàn thứ 2 ,Cơ tiến hóa đã diễn ra trên 1 bình diện hoàn toàn khác hẳn . Chỉ có trong cuộc tuần hoàn thứ nhất mà Chơn thần mới trở nên 1 con người trong bầu A ,rồi lại trở về loài khoáng thạch ,thảo mộc và thú cầm trên những bầu B và C v;v... Sự biến dịch này hoàn toàn thay đổi kể từ cuộc tuần hoàn thứ hai. . .(Trích lục "Những bức thư của Chơn sư về nhiều vấn đề khác nhau". Xem quyển "Thư của Chơn Sư gởi ông A.P.Sinnett trang 177 -178).

5/ Mỗi tiểu chu kỳ sinh hoạt trên bầu D (Địa cầu) gồm có 7 giống dân . Những giống dân này bắt đầu với những hình - t h ể khinh thanh và kết thúc với những thể tâm linh ,sau khi đã trải qua 1 lịch trình tiến hóa song đôi về thể chất và tinh thần từ lúc bắt đầu cho đến khi chấm dứt 1 tiểu chu kỳ sinh hoạt trên trái đất , gọi tắt là 1 chu kỳ thế giới hay "Chu Kỳ Bầu"("Globe Round") .

Điều này được diễn tả rõ ràng trpng quyển "Phật Giáo Nội Môn" và không cần phải giải thích thêm nữa.

6/ Giống dân thứ nhất ,tức giống người đầu tiên trên địa cầu (bất luận về hình thể) là hậu duệ của những "Thiên Nhân"("Ce -lestial Men") mà triết học Ấn độ gọi rất đúng là những vị "Thái Âm Tinh Quân"("Lunar Ancestors") hay Pitris ,gồm có 7 đẳng -cấp hay thành phần . Vì tất cả các điều này sẽ được giải thích một cách đầy đủ trong những tiết mục sau này và trong những quyển 3 và 4 , nên ở đây, chúng tôi không cần phải nói rõ điều này.

Nhưng cả hai tác phẩm vừa được đề cập (cả hai đều luận về những đề tài thuộc giáo lý huyền môn) cần có những lời chú-thích riêng . Các giới Thông Thiên học cũng như bên ngoài , đều biết rất rõ cuốn Phật Giáo bí truyền ,vì ở đây,tác phẩm này cần được khai triển .Đó là 1 tác phẩm xuất sắc và đã thực hiện được 1 công trình tuyệt tác. Nhưng điều này cũng không sửa đổi được sự kiện cho rằng tác phẩm này đã chứa đựng 1 vài quan niệm sai lầm và nó đã đưa nhiều nhà Thông Thiên học cùng độc giả thế tục đến 1 sự nhận thức sai lạc về Giáo Lý Bí Truyền Đông Phương . Và chăng, tác phẩm này dường như có thể hơi quá duy vật .

Còn cuốn CON NGƯỜI(Con người,những mẩu chuyện về lịch-sử đã bị lãng quên) mới vừa xuất bản sau này ,đã thử trình bày giáo lý cổ truyền theo 1 quan điểm lý tưởng hơn , nó mô tả lại 1 vài

linh thị của tinh tú quang , nó cũng diễn tả từng phần một vài giáo lý được thu thập từ tư tưởng của 1 vị Chân sư ,nhưng rủi ro thay lại bị hiểu lầm . Tác phẩm này cũng nói về sự tiến hóa của các giống dân sơ khai của loài người trên trần thế và 1 vài trang có tính chất triết học rất hay . Nhưng đến nay, tác phẩm này chỉ là 1 truyện thú vị có chút ít thần bí .Tác phẩm này không đ ạ t được mục đích ,vì những điều kiện cần thiết cho 1 sự diễn tả chính xác những linh thị này còn chưa có. Do đó, độc giả cũng đừng lấy làm ngạc nhiên nếu những quyển sách của chúng tôi c ó nhiều điểm đặc biệt nói ngược lại những sự diễn tả đầu tiên này.

Trong hai cuốn sách này và trong những tác phẩm Thông Thiên học khác, do 1 số người mới tập viết (beginners) đơn phương soạn ra , có sự khác nhau rất quan trọng về vũ trụ học bí truyền nói chung và sự tiến hóa của Chơn thần con người nói riêng đến nỗi mà người ta không thể nào theo kịp tác phẩm này mà không cần có sự đề cập đặc biệt đến hai cuốn sách trước ,vì cả hai đã có một số độc giả hâm mộ — nhất là quyển Phật Giáo Bí truyền . Đã tới lúc để chúng ta giải thích 1 vài vấn đề theo chiều hướng này.Bây giờ, những sự sai lầm cần phải được sửa lại cho đúng bằng cách đối chiếu với giáo lý nguyên thủy . Nếu 1 trong hai tác phẩm đã nói này có 1 khunh hướng quá rõ rệt về khoa học duy vật ,thì cuốn kia lại có khuynh hướng quá duy tâm và đôi khi hoang tưởng.

Những quan niệm sai lầm đầu tiên này sinh ra từ p h ần giáo lý nói về những chu kỳ nghỉ ngơi và những chu kỳ bầu liên-tiếp trên những dãy hành tinh . Một là sự hoang mang về vấn- đề những bậc siêu nhân có trình độ tiến hóa của 1 người thuộc về cuộc tuần hoàn thứ 5 và chí đến cuộc tuần hoàn thứ 6 ,gọi tắt là siêu nhân bậc 5 và siêu nhân bậc 6 . Người nào biết rằng một cuộc tuần hoàn đã có trước và tiếp theo sau có 1 chu kỳ hỗn - nguyên dài ,tức là 1 giai đoạn tạm nghỉ ngơi ,nó tạo ra một vực thẳm không thể vượt qua giữa hai cuộc tuần hoàn cho đến lúc một chu kỳ của sự sống đổi mới lại đến , ắt không hiểu được cái lối "ngụy biện" nói về "người của cuộc tuần hoàn thứ 5 và thứ 6"trong cuộc tuần hoàn thứ 4 của chúng ta . Đức Phật Gautama được xemnhư một siêu nhân bậc 6 ,còn Platon và 1 vài nhà hiền triết khác được coi như những siêu nhân bậc 5 . Tại sao vậy ? Một vị Chân-sư dạy rằng thậm chí có những vị siêu nhân bậc 5 đang sống trên thế gian ngay trong hiện tại. Và tuy Chân sư được hiểu như là đã nói rằng nhân loại vẫn còn đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ 4 ,có chỗ Ngài lại dường như nói rằng nhân loại đang ở trong cuộc tuần hoàn thứ 5 . Để giải đáp sự thắc mắc đó , 1 vị Chân sư khác trả

lời : "Một vài giọt mưa không đủ làm 1 cơn mưa lớn ,tuy rằng nó báo hiệu 1 cơn mưa sắp đến". . . "Không,chúng ta không ở trong cuộc tuần hoàn thứ 5 , nhưng những siêu nhân bậc 5 đã xuất -hiện trên địa cầu vài ngàn năm nay ". Điều này còn khó hơn câu đố về con Nhân Sư (Sphinx) ! Các sinh viên huyền môn tha hồ nặn óc ra suy cứu 1 cách hoang tưởng nhất. Có 1 thời,các sinh viên nàycũng cố gắng qua mặt Oedipus và dung hào hai lối trình bày này .Và vì những vị Chân sư cũng giữ im lặng như chính con Nhân Sư bằng đá, nên chính các Ngài cũng bị tố cáo là "mâu thuẫn", "tiền hậu bất nhất" và "tương phản" . Nhưng các Ngài chỉ cho phép các cuộc suy cứu tiếp diễn với mục đích là <u>để dạy một bài học</u> mà những bộ óc Tây phương đang tha thiết cần tới với lòng kiêu căng và tự - phụ ,với thói quen duy vật hóa mọi quan niệm và từ ngữ siêu hình mà không nhìn nhận bất cứ giới hạn nào của ngụ ý và ẩn dụ của Đông-phương ,những nhà Đông Phương học đã làm xáo trộn triết lý công-truyền của Ấn độ ,và bây giờ ,những Thông Thiên học giả cũngđang làm rối loạn Giáo Lý Bí Truyền . Cho đến nay, rõ ràng là các Thông Thiên học giả đã hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa của từ ngữ " những người của cuộc tuần hoàn thứ năm và thứ sáu". Nhưng, đó chỉ là như sau : :"Mỗi cuộc tuần hoàn mang đến 1 sự phátriển mới lạ ,và hơn nữa, 1 sự hoàn toàn thay đổi trong toàn bộ cơ cấu thể chất ,tinh thần và tâm linh con người ; tất cả những nguyên-khí này đều tiến hóa trên 1 giai tầng càng lên cao mãi k h ô ng ngừng . Bởi vậy, những người như Khổng Tử và Platon chẳng hạn là những vị thuộc giai tầng tiến hóa cao hơn người thường về mọi phương diện trí-tuệ,tâm linh và tinh thần ,tuy là ở cuộc tuần - hoàn 4 ,nhưng đã có trình độ tiến hóa vượt bực ,mà nhân loại nói chung ,ở thời đại này chỉ có thể đạt tới trong cuộc tuần hoàn 5. Cũng y như thế ,Phật Gautama ,hiện thân của của Minh triết (Wis-dom incarnate) ,còn cao cả hơn những vị mệnh danh là siêu nhân bậc 5 vừa kể trên. Những vị như Phật Gautama và Sankaracharya được gọi theo danh từ ẩn dụ của huyền môn là siêu nhân bậc 6 .Do đó mới lại có minh triết bí ẩn của nhận xét mà có 1 lúc đã b ị coi là "có tính cách né tránh" ("evasive") —"một vài giọt mưa không đủ làm thành 1 mùa mưa <u>dù những giọt mưa này báo hiệu mùa mưa</u> .

Trong "Phật Giáo Nội Môn" ,tác giả đã nói rất đúng :"Khi mà những sự kiện phức tạp của 1 khoa học hoàn toàn mới lạ được trình bày lần đầu tiên cho những khối óc chưa được chuẩn bị ,thì không thể nào đưa giáo lý ấy ra với tất cả mọi đặc tính thích - nghi . . . và những khía cạnh lạ lùng . . .Chúng ta phải áp dụng những qui luật tổng quát trước đã ,rồi nhiên hậu mới nói đến các

trường hợp ngoại lệ . Nhất là trong sự học hỏi về khoa huyền môn, người ta thường áp dụng phương pháp cổ truyền nhằm mục đích giao một ấn tượng mới lạ vào trí nhớ bằng cách tạo nên sự ngạc -nhiên và hoang mang trước đã để rồi giải đáp sau.

Vì chính tác giả của nhận xét (như ông đã nói)"chỉ là một cái trí chưa được huấn luyện" trong huyền bí học ,những điều suy diễn và sự hiểu biết cùng những cuộc suy lý về thiên văn học hiện đại của ông còn nhiều hơn sự hiểu biết về giáo lý cổ truyền ,nên điều này tự nhiên đã dẫn ông tới việc phạm vào một vài lỗi lầm nhỏ nhặt hơn là lầm lẫn về bất cứ "một qui tắc rộng rải"nào. Bây giờ , 1 điều sai lầm như vậy sẽ được chúng ta để ý. Đó là 1 sai lầm vặt vảnh ,song người ta trù liệu rằng nó sẽ dẫn nhiều kẻ mới tập sự vào nhiều nhận thức sai lầm . Nhưng, cũng như k h ái niệm nhầm lẫn của những ấn bản lần trước đã được sửa lại t rong những lời chú giải của ấn bản lần thứ 5 ,cũng vậy , ấn bản lần thứ 6 có thể được tu chính và làm cho hoàn hảo hơn . Những sựlầm lẫn này có nhiều lý do :

1) Vì nhu cầu mà các vị chân sư cần đưa ra cái được xem như là "những câu trả lời tránh né"(evasive answers) ! ;những câu hỏi mà các Ngài phải nhất mực làm ngơ trong khi mặt khác,<u>các Ngài chỉ có thể giải đáp một phần</u> .

2) Mặc dù có lập trường này, lời thú nhận "có được nửa ổ bánh mì còn hơn là không có bánh mì" thường bị hiểu lầm và hầu - như không được đánh giá đúng mức . Kết quả là đôi khi ,những đệ tử Âu Tây còn ở "vòng ngoài" hay nói những điều vô căn cứ . Trong đó có lời tuyên bố sai lầm là hai bầu thế giới cao của dãy địa cầu là hai hành tinh quen thuộc của chúng ta ; "ngoài địa - cầu chỉ có hai bầu thế giới khác trong dãy của chúng ta là hữu-hình.. Đó là hai bầu Mars và Mercure (The Mahatma Letters to A.P.Sin - nett , trang 136) .

Đó là sự lầm lạc to lớn . Nguyên do câu trả lời của Chân sư đáp lại 1 câu hỏi mơ hồ và không rõ rệt của 1 vị đệ- tử. Người đệ tử hỏi :"Trong số những hành tinh mà khoa học đã biết , thì những hành tinh nào ngoài bầu Thủy Tinh ra thuộc về hệ thống hành tinh của ta ?"

Ở đây có sự lầm lẫn về danh từ . Khi dùng chữ hệ- t hống hành tinh ,nếu người kx hỏi muốn nói về dãy địa cầu hiện tại , thay vì hệ thống hành tinh trong Thái dương hệ thì lẽ tất -nhiên câu trả lời có thể bị hiểu lầm . Bởi vì, câu trả lời là : " Hỏa- tinh và 4 hành tinh khác mà khoa thiên văn không biết gì cả.Không

ai biết gì về những bầu A , B hay những bầu Y , Z , vì những bầu này không nhìn thấy được bằng những phương tiện vật chất cho dù tinh vi đến đâu ".(Thư của Chân Sư gởi Ông Sinnett ,trang 176) . Có điều này là rõ rệt :

a) Khoa thiên văn thực sự chưa biết gì về những hành-tinh dù là hành tinh cũ hay hành tinh mới khám phá vào thời hiện đại.

b) Không 1 hành tinh bạn nào từ bầu A đến bầu Z ,tức là những bầu cao nhất của bất cứ dãy hành tinh nào trong thái-dương -hệ ,có thể nhìn thấy được bằng mắt phàm . Còn Hỏa-Tinh,ThủyTinh và 4 hành tinh khác có liên hệ như thế nào với Địa cầu thì không bao giờ 1 vị Chân sư hay 1 nhà huyền môn nào muốn nhắc đến,đừng nói chi là giải thích tính chất của chúng ra sao.

Cũng trong bức thư trả lời ấy, Chân sư có nói rõ:" Nên hiểu rằng con đang đưa cho ta những câu hỏi thuộc về trình - độ điểm đạo cao tột . Ta chỉ có thể phác họa những nét khái quát , nhưng ta không có thẩm quyền đi sâu vào chi tiết ..."(Thư của Chân Sư gởi Ông Sinnett ,trang 177).

Những bản sao của tất cả các bức thư đã được gởi đi ,hoặc nhận được ,chỉ trừ 1 vài bức thư riêng -"mà trong số đó không có lời dạy bảo" ,Đức Thầy nói —được gởi cho tác giả . Từ lúc đầu , vì bà có bổn phận trả lời và giải thích 1 vài điểm không được đả động đến ,nên mặc dầu có nhiều lời giải thích trong những bảnsao này ,nhưng có lẽ vì tác giả còn dốt tiếng Anh và sợ nói nhiều , nên có thể tác giả đã làm lộn xộn những điều mà Ngài đã tiết-lộ. Trong mọi trường hợp hay trong bất cứ trường hợp nào ,tác giả xin nhận lãnh tất cả mọi điều chê trách về việc đó. Nhưng , tác giả không thể nào chấp nhận để cho các sinh viên giữ mãi những cảm nghĩ sai lầm ,hoặc để cho họ tin rằng lỗi này là do các hệ-phái bí truyền . Như vậy,cần nói rõ ràng là giả thuyết nêu trên không thể chấp nhận được ,dù có hay không có thêm bằng chứng của thiên văn học . Khoa vật lý có thể đưa ra những bằng chứng , tuy rằng rất mập mờ , nhưng chỉ liên quan tới những thiên thể v ậ t chất hữu hình của vũ trụ ngoại tại. Mars và Mercury ,Venus và Ju -piter cũng như mọi hành tinh khác đã hay chưa được khám phá , đều là những bầu đại diện cho những dãy hành tinh trên cõi hồng-trần . Như các bức thư của Chân sư gởi cho ông Sinnett c ó nói rõ :"Có vô số những dãy hành tinh trong chu kỳ khai nguyên là đất sống của những nhân vật thông minh ,trong và ngoài thái dương hệ . Nhưng Hỏa Tinh và Thủy Tinh không thuộc về dãy địa cầu của chúng ta . Hai bầu đó , cùng với những hành tinh khác đều là các đơn vị thất nguyên trong những dãy hành tinh của thái dương hệ ,

và tất cả đều là hữu hình ,cũng như những bầu khinh thanh trong các dãy liên hệ đều là vô hình .

Nếu người ta còn biện luận rằng ,trong những bức thư của Đức Thầy có 1 vài câu có lẽ để phỉnh lừa,thì câu trả lời củaNgài sẽ là : Amen , đó là sự thực. Tác giả cuốn Phật Giáo Bí Truyền , có lẽ cũng hiểu rõ điều này khi ông viết :"Những phương pháp giáo huấn cổ truyền . . . bằng cách tạo ra sự hỗng mang " ,tùy trường hợp ,những phương pháp này có thể thay phiên nhau . Dù thế nào đi nữa, nếu người ta nhấn mạnh rằng lẽ ra điều này nên được giải thích sớm hơn ,và bản chất thực sự của những hành tinh nên được đưa ra như là bây giờ ,thì câu trả lời sẽ là :"Vào lúc đó, người ta thấy không tiện làm như vậy ,vì nó sẽ mở đường cho 1 loạt câu hỏi bổ túc mà người ta sẽ không bao giờ trả lời được vì chúngcó tính chất bí truyền ,và như vậy ,chỉ tổ trở thành rắc rối. Ngay từ đầu , điều này đã được công bố ;từ đó người ta cứ luôn luôn quả quyết rằng :

1) Không có 1 Thông thiên học giả nào ,cũng như không có 1 vị đệ-tử (chela) đã được chấp nhận nào ,chớ đừng nói những môn sinh tại thế ,có thể trông mong là giáo lý bí truyền sẽ được giải thích cho y 1 cách tỉ mỉ và đầy đủ ,trước khi y tự thệnguyện trước Quần Tiên Hội (Brotherhood) và ít nhất là đã trải qua một lần điểm đạo ,vì không con số nào và số nào có thể được đưa ra cho công chúng ,vì những con số và số đó là chìa khóa của h ệ-phái bí truyền.

2) Cái được tiết lộ cũng chỉ là lớp lót bí truyền củacái được chứa đựng trong hầu hết các kinh sách công truyền của các tôn giáo trên thế gian — nhiều nhất là trong Kinh Brahmanas và Áo Nghĩa thư (Upanishads) của kinh Phệ Đà (Vedas) cũng như trong kinh Puranas . Nó chỉ là phần nhỏ của cái bây giờ được tiết - lộ một cách đầy đủ hơn nhiều trong những quyển sách này ; và ngay đến điều này vẫn còn rất thiếu sót và rời rạc.

Khi quyển sách này bắt đầu được viết ra ,tin chắc rằng lời tuyên bố kể trên về hai bầu Hỏa Tinh và Thủy Tinh là mộtđiều sai lầm, tác giả có viết thư yêu cầu các Chân sư giải thích , và thỉnh cầu các Ngài cho 1 bản chỉ giáo dứt khoát. Cả hai đều đúng như tác giả mong đợi ,và dưới đây là bản trích lục những v ă n è kiện ấy . Chân sư viết :

" Đúng là Hỏa Tinh hiện nay đang ở vào tình trạng hủy diệt ,còn Thủy Tinh thì vừa thoát ra khỏi tình trạng ấy .Venus đang ở vào cuộc tuần hoàn cuối cùng . Nếu cả hai Kim Tinh và ThủyTinh đều không có vệ tinh ,đó là vì những lý do ...(xem những lý - do

nầu ra ở đoạn phụ chú) và cũng bởi vì Hỏa tinh có hai vệ tinh.. mà nó không có quyền .... Phobos mà người ta tưởng là 1 vệ tinh nội tại ,không phải là 1 vệ tinh . . .Như vậy,con thấy đấy, các chú giải này do Laplace đã đưa ra từ lâu,bây giờ Faye lại không đồng ý (hãy đọc những bản tường trình ,quyển XC ; trang 569) . Như Faye đã nhận xét 1 cách chính xác ,hộ tinh Phobos chỉ xuất hiện trong 1 thời gian ngắn có định kỳ ,vì vậy,ý niệm gốc của thuyết này"phải có 1 vài khuyết điểm". . .Rồi Mars và Mercury đều là những dãy có 7 bầu thế giới ,hoàn toàn không có liên-hệ gì đến các bầu cao của dãy địa cầu ,cũng như con không có liên hệ gì với nguyên khí của 1 người bạn thân nhất ... Bacon có nói "Mục đích sự hiểu biết của 1 vài người là để thỏa mãn sự tò mò, ông thật rất đúng khi giả định sự thực hiển nhiên này ,cũng như trước ông ,người nào đã quen với sự thực này thì cũng đúng khi họ loại xx bỏ kiến thức ra khỏi Minh triết và truy nguyên các giới hạn tới cái mà người ta có 1 dạo đã đưa ra . . .Con hãy nhớ rằng :

" . . .kiến thức là sự nhồi sọ với tư tưởng của người khác ,còn minh triết chỉ đến với người biết lo chăm sóc những tư tưởng của mình . . .con hãy nhắc nhở những điều này luôn luôn để in sâu vào trí não của những sinh viên mà con muốn chia xẻ ít nhiều giáo lý huyền môn . . ."

Dưới đây là 1 đoạn trích lục ở 1 bức thư khác do Chân Sư trả lời những thắc mắc của 1 đệ-tử :

"Những điều dị nghị này căn cứ vào 1 lý lẽ vừa khoa học , vừa vô ích ,nói về việc nên dung hòa những lý thuyết huyền môn với những quan sát khoa học tân tiến .Chúng do 1 Thông thiên học giả trẻ tuổi viết ra với ý định khuyến cáo chống lại "Giáo - Lý Bí Truyền ,và có đề cập tới vấn đề hiện hữu . Y tuyên bố rằng , nếu quả thật có những bầu thế giới bạn"thì chúng sẽ ít vật chất hơn bầu thế giới chúng ta 1 chút" . Vậy tại sao ta không thấy chúng nó ?

Câu trả lời như sau :" Nếu người ta hiểu rõ hơn những lời dạy về tâm linh và tinh thần ,thì người ta hầu như cũng sẽ chẳng thể tưởng tượng ra được 1 điều tầm bậy tầm bạ như vậy. Nếu người ta không chịu khó dung hoà những điều gì không thể dung hoà được —xxxxx xx đó là các khoa học siêu hình và khoa học tâm linh(the metaphysical and spiritual sciences) với triết lý hữu hình hay tự nhiên(with physical or natural philosophy) ,danh từ "tự nhiên" (đối với các nhà khoa học) là đồng nghĩa với chất được tri giác

bởi những giác quan xác thịt của họ —thì không thể tiến hóa thực sự được .

Quả địa cầu chúng ta , như đã dạy từ lúc đầu ,ở chỗ cuối vòng cung đi xuống ,là nơi mà vật chất biểu lộ trạng thái nặng trọc nhất .Do đó,những bầu cùng dãy với trái đất tấtnhiên phải ở trên những cõi khác thanh cao hơn . Nói tóm lại, những bầu ấy không phải được cấu tạo bằng vật chất hồng trần như địa cầu , và như vậy , nó thuộc về trạng thái tâm thức khác hẳn.Địa cầu chúng ta cũng như những hành tinh hữu hình khác ,phù hợp , thích nghi với trạng thái của nhân loại sống trên đó .Trạngthái này giúp cho nhìn thấy bằng mắt những thiên thể cùng chung một cõi hạ giới và cùng chung vật chất hồng trần ,cũng như những nhân vật trên Hỏa Tinh ,Mộc Tinh và những hành tinh khác có thể nhìn thấy trái đất ;vì mặc dầu khác nhau về mức độ ,song các cõi tâm thức (planes of consciousness) của ta cũng thuộc về một loại và ở trên cùng 1 lớp vật chất đã biến phân . . .Ta có viết :"Tiểu chu kỳ hỗn nguyên (the minor Pralaya)chỉ có ở trong dãy hành tinh mà thôi. . . Trái đất thuộc về 1 trong những dãy hành tinh đó .Điều này chỉ rõ rằng ,những hành tinh khác cũng thuộc về những dãy liên hệ . . . Nếu y (người đặt câu hỏi) muốn nhìn thấy dù chỉ là cái bóng mờ của 1 bầu thế giới trên các cõi cao ,trước hết y phải dẹp tan bức màn u ám của chất thanh khí ,nó là cái chướng ngại giữa đôi mắt y với cõi kế cận".

Đó là lý do tại sao chúng ta không thể nhìn thấy những gì vượt ra ngoài cõi giới vật chất ,dù cho ta sử dụng những viễn vọng kính tinh vi nhất . Chỉ có những vị Tiến thánh là những vị có nhãn quan thần thông ,biết cách chuyển đi cả hai loại tâmthức thể chất và tâm linh lên cõi trên ,mới có thể nói về những vấn-đề ấy một cách chính xác .Các Chân sư đã nói rõ với chúng ta :

"Hãy sống đời sống tâm linh cần thiết cho sự hoạch đắc các kiến thức và quyền năng siêu nhiên ,rồi minh triết sẽ tự nhiên đến với con . Khi nào con có thể hoà hợp tâm thức của mình với 1 trong 7 âm giai của "tâm thức vũ trụ đại đồng" luôn luôn rung - động trong thời gian vô tận ,khi con đã thấu triệt "Diệu âm của các bầu thế giới"("Music of the Spheres") ,chừng đó con mới được hoàn toàn tự do để chia sớt sự hiểu biết của con với kẻ khác 1 cách an toàn . Trước khi đạt tới đó, con hãy thận trọng .Con chớ tiết lộ những chân lý trọng đại liên quan đến những giống dân tương lai cho thế hệ hiện tại của chúng ta .Chớ nên vén bức màn bí mật của thực tại và bất tại cho những kẻ không thể hiểu ý - nghĩa ẩn giấu của tiếng đàn thất huyền của thần Apollo ,cây đàn

của Thái dương chói rạng ,trong mỗi sợi dây của nó có ngụ tinh-thần ,linh hồn và thể vía của vũ trụ mà chỉ có vỏ ngoài ngày nay đã rơi vào tay của khoa học hiện đại . . . Chúng ta nói lại ,con hãy thận trọng và khôn ngoan ,và trên hết hãy cân nhắc những điều mà con dạy cho kẻ khác ,e rằng do những sự lầm lạc của họ mà họ sẽ làm cho những kẻ khác nữa sẽ đi sai đường . . . bởi vì đó là định mệnh của thế nhân mỗi khi họ gặp phải 1 chân lý hoàn toàn mới lạ mà họ chưa hề quen thuộc . . .Tốt hơn là hãy để cho những dãy hành tinh và những điều bí ẩn của vũ trụ cứ vẫn là một điều mộng ảo ,hoang đường đối với những kẻ tai phàm mắt tục,họ không bao giờ nhìn thấy và cũng không bao giờ tin rằng kẻ khác có thể nhìn thấy ".

Rất tiếc là trong chúng ta ,ít có người nào theo lời chỉ dạy khôn ngoan này .Và nhiều hạt trân châu vô giá ,nhiều m i nh triết bửu giám đã bị lọt vào tay kẻ nghịch ,y không thể hiểu được giá trị của chúng ,điều này làm chúng ta vô vàn đau xót.

Vị Chân sư trên có viết cho hai người đệ tử "vòng ngoài" như sau : Chúng ta hãy thử tưởng tượng rằng trái đất là 1 trong nhóm 7 hành tinh hay 7 bầu thế giới có người ở . . .(7 bầu thế - giới này là 7 hành tinh thiêng liêng của thời cổ và tất cả đều là thất nguyên tức là gồm thâu 7 bầu khác (vô hình) trong 1 dãy. Trào lưu sinh hoạt tiến tới bầu A hay cái sẽ trở thành bầu A , nhưng trước đó vẫn chỉ là chất bụi tiên thiên (1 trung tâm laya) . . . " v.v. . .

Trong việc trao đổi với Chân sư hồi buổi đầu ,những từ chuyên môn chưa có sẵn ,phải đặt ra để tạm dùng nên hay cósự lầm lẫn. Sự lầm lẫn đó là do bởi chưa có sự thống nhất danh từ,chẳng hạn chữ "vòng" thường trở thành "cuộc tuần hoàn" và "cuộc tuần-hoàn" trở thành "chu-kỳ sinh hoạt" và ngược lại . Trả lời thử 1 đệ-tử gọi 1 cuộc tuần hoàn là 1 "chu kỳ thế giới",Chân sư viết : "Ta e rằng điều này sẽ đưa đến 1 lầm lẫn khác nữa . Chúng ta đã thỏa thuận định nghĩa một cuộc tuần hoàn là thời kỳ tiến hóa của 1 điểm Chơn thần trải qua 7 bầu thế giới ,từ bầu A đến bầu G hay Z . Việc định nghĩa "chu kỳ thế giới" hay "chu kỳ bầu" như vậy là đúng . . .Như Sinnett đã đề nghị,ta hãy thỏa hiệp với nhau trước về việc thống nhất danh từ ;trước khi tiếp tục học hỏi..."

Mặc dù đã có việc thỏa thuận từ trước ,nhưng vì sự lầm-lẫn nói trên ,nên có nhiều điểm sai lầm đã xen vào những giáo lý đầu tiên . Thậm chí đến danh từ "Những Giống dân"("Races")thỉnh-thoảng cũng bị dùng lẫn lộn với những "Vòng"("Rounds") và "Ring")

và đưa đến những sai lầm tương tự trong quyển " Con Người : Vài chân lý đã bị lãng quên" (Man: Fragments of Forgotten Truth) .. Từ lúc đầu,Chân sư đã viết :"Ta không được phép tiết lộ cho con biết hết chân lý toàn diện hay một số những phần lẻ tẻ . . . .nên ta không thể làm thỏa mãn con được".

Đó là để trả lời câu hỏi :" Phải chăng con người phải trải qua 637 kiếp sống trên trái đất ? Đáp lại những câu hỏi về những con số chính xác ,Chân sư viết :"Hãy thử giải đáp bài toán đưa đến đáp số 777 kiếp đầu thai (trên Địa cầu). . .Tuy ta bị bắt buộc phải giữ kín những điều bí mật . . .nhưng nếu con tự lực cố gắng giải đáp bài toán bí hiểm này,ta sẽ có bổn phận nói rõ cho con biết " (Thư của Chơn Sư gởi cho A.P.Sinnett) . Những điều này không bao giờ được thực hiện khiến cho sự hoang mang và lầm lạc cứ mãi tái diễn.

Ngay cả Giáo lý về cấu tạo gồm 7 phần của những thiên-thể và đại vũ trụ — nhân đó mới có sự chia ra 7 phần của tiểu vũ trụ hay con người)—đến nay vẫn còn là những luận cứ huyền - môn thượng thặng . Thuở xưa, người ta chỉ tiết lộ nó vào lúc điểm đạo mà thôi ,nghĩa là lúc người ta cho biết số linh thánh của các chu kỳ . Bây giờ ta xin nói -như 1 tờ Tạp chí Thông - thiên -học (Lucifer ,tháng 5-1888) đã vạch rõ — rằng lúc ấy , người ta không dự định bộc lộ tất cả hệ thống vũ trụ luận và người ta cũng không nghĩ rằng điều này có thể làm được ,trong lúc đó , (là lúc phải trả lời vô số câu hỏi của tác giả quyển Esoteric Buddhism) thì chỉ giải bày vài chỗ mà thôi .

Trong những câu hỏi này ,có những câu liên quan tới các bài toán đố như sau : "Không một Chân Sư nào ,dù cao cả và độc lập đến đâu ,có quyền trả lời mấy câu hỏi đó và tiết lộ như thế cho đời biết những bí ẩn cổ kính nhất của các đền thờ và trường học đạo cũ kỹ . Do đó, ta chỉ tiết lộ vài giáo lý và chỉ n ó i tổng quát mà thôi ,còn những chi tiết luôn luôn được giấu nhẹm và mọi cố gắng để tìm hiểu thêm về điều đó đều 1 mực bị n é tránh.

Đó là điều hoàn toàn tự nhiên .Bốn Vidyas (rút trong 7 ngành hiểu biết mà người ta nói trong kinh Puranas) - nghĩa là Yajna Vidya (làm nhiều nghi lễ tôn giáo để đạt vài kết quả) ; Maha Vidya (sự hiểu biết vĩ đại ,hiện giờ bị bại hoại thành sự cúng kiến Tantrika); Guhya Vidya (là khoa thần chú và sự đúng nhịp của chúng hay ngâm những câu hát bí ẩn v.v... ; Atma Vidyâ hay là minh triết tinh thần và thiêng liêng thật sự —chỉ Atmâ Vidya này là có thể rọi 1 ánh sáng cuối cùng và tuyệt đối trên

các lời dạy về ba Vidyas trước kia . Không có Atmâ Vidya giúp đỡ thì mấy Vidyas kia chỉ là những khoa học ngoài mặt ,những độ lớn hình học ,nghĩa là có bề dài,bề ngang mà không có bề sâu . Chúng nó hơi giống với linh hồn ,tứ chi và cái trí của 1 người đang ngủ , có khả năng làm những cử động máy móc ,nằm chiếm bao lộn xộn ,cho chí vừa ngủ vừa đi ,có thể tạo ra nhiều hậu quả thấy được ;nhưng những hậu quả này sinh ra bởi lý do bản - năng chứ không có tính toán trước ,lại càng không do những thúc đẩy của tinh thần với tràn đầy ý thức . Người ta có thể giảng dạy nhiều về ba khoa Vidyas thứ nhất ,nhưng trừ phi chìa khóa của sự dạy dỗ này được khoa Atma Vidya cung ứng ,chúng sẽ vẫn giống như những thành phần của 1 quyển sách vụn nát , giống như cái bóng của các đại chân lý ,được lờ mờ trông thấy bởi các vị tinh thần nhất (the most spiritual) ,nhưng đã bị biến dạng do những kẻ muốn đóng đinh trên vách tường bất cứ 1 bóng nào.

Còn 1 điều khó xử cho cái trí của học giả nữa ,khi họ đứng trước 1 sự trình bày bất toàn của giáo lý tiến hóa về Chơn Thần . Muốn hiểu thấu giáo lý này ,thì phải quan sát chính sự diễn tiến này và diễn tiến của sự sinh hóa các bầu thế giới , dưới trạng thái siêu hình nhiều hơn trạng thái mà chúng ta gọi là"thống kê" (nghĩa là trạng thái chỉ trình bày những số và chữ số , việc sử dụng chúng ít khi được phép). Rủi thay, chỉ có ít người quan sát 1 cách siêu hình mấy giáo lý đó mà thôi. Ngay cả các tác giả phương Tây hảo hạng cũng viết về chính đề-tài đó trong cuốn sách của ông (trong lúc ông nói về sự tiến hóa của chơn thần) như đau : "Chúng ta hiện nay không lo về phần siêu-hình thuần lý như thế đó". (Esoteric Buddhism ,trang 73) .Nhưng lúc bấy giờ,vị Chân sư của ông đã nói :"Tại sao giảng 1 giáo-lý? Tại sao có tất cả việc làm cực nhọc ấy ? Và tại sao có việc làm ngược dòng đó ? Tại sao phương Tây ... lại học với phương Đông.. điều mà không bao giờ làm thỏa mãn được thị hiếu đặc biệt của nhà thẩm mỹ ? Và Ngài nhắc vị thư tín viên của Ngài lưu ý về những nỗi khó khăn to lớn mà các vị Chơn Tiên gặp phải mỗi lần các Ngài cố gắng giảng về siêu hình học cho khẩu khẩu cái trí của người Tây Phương ".

Và phải như thế mới được ,bởi vì nếu không có siêu - hình -học thì không một triết lý huyền linh nào có thể có được. Điều này cũng như người ta rán cắt nghĩa lòng hoài bão ,tình thương-yêu ,lòng bác ái và sự oán ghét (những việc mật thiết nhất,linh thánh nhất của linh hồn và trí óc con người sống) bằng cách miêu tả sự giải phẫu của ngực và óc của 1 xác chết .

Nay , ta hãy xét 2 giáo điều nêu trên nhưng rất ít khi được ám chỉ trong "Phật giáo Nội Môn" và bố túc chúng theo sự hiểu biết của ta .

GIẢI THÍCH THÊM VỀ NHỮNG BẦU THẾ - GIỚI VÀ NHỮNG ĐIỂM CHƠN - THẦN .

(Additional facts and explanations concerning the globes and the Monads)

Xin độc giả lưu ý hai điểm nêu ra trong quyển "Phật- Giáo Nội Môn" ,trong đó ,tác giả viết (trang 47) :

"... Những điểm Chơn thần không có hoàn tất sự sống trong loài kim thạch trên bầu A ,lại hoàn tất trên bầu B và tiếp theo. Chúng trải qua nhiều chu kỳ xuyên qua các bầu thế giới trong loài khoáng thạch ,rồi lại trải qua nhiều chu kỳ trong l o à i thảo mộc và nhiều chu kỳ trong loài động vật . Chúng tôi miễn đi sâu vào chi tiết nói về các con số " v.v...

Thật là khôn ngoan mà chọn như vậy ,xét vì những chữ số và những con số đã được duy trì 1 cách rất bí mật . Hiện nay, sự kín miệng này đã bị bỏ một phần , nhưng có thể vào lúc đó, những con số thực sự liên quan đến những cuộc tuần hoàn và các chu tuần tiến hóa xoáy trôn ốc hoặc nên được hoàn toàn tiết lộ hay là nên được giấu kín trọn vẹn . Ông Sinnett đã hiểu rõ sự khó khăn này , nên ông nói :

" Vì lý do mà người ngoài không thể đoán trước một cách dễ dàng ,nên những người có sở năng kiến thức huyền bí đặc biệt , miễn cưỡng đưa ra những sự kiện bằng số có liên quan đến khoa vũ trụ học ,mặc dầu đối với người chưa được điểm đạo thì h ọ khó lòng hiểu được tại sao những sự kiện này nên được giấu kín. (Phật Giáo Nội Môn , trang 140).

Rõ ràng là có những lý do như thế . Tuy nhiên, chính vì có sự kín đáo này ,nên một vài đệ tử Đông phương cũng như Tây-phương mới mắc phải những ý niệm lầm lộn. Việc chấp nhận những giáo điều đặc biệt đang xét này có những khó khăn dường như là rất quan trọng ,cũng chỉ vì không có bất cứ dữ kiện nào để cho người ta tiến hành công việc . Nhưng thế đấy ,vì như các Đ ứ c Thầy đã nhiều lần tuyên bố ,những con số thuộc những phép toán huyền bí không thể nào được đưa ra ngoài các nhóm đệ tử (che - las) đã thệ nguyện - cũng như không người nào có thể phạm vào những qui tắc dành cho vấn đề này được .

Để giải thích những điều này 1 cách rõ rệt hơn mà không đả động gì tới những hình thức toán học của giáo lý này ,một vài điểm tối nghĩa có thể được giải quyết và giáo lý đã được đưa ra có thể được khai triển .vì sự tiến hóa của các bầu hành-tinh và sự tiến hóa của các Chơn Thần đã hòà lẫn với nhau một cáchhết sức nhuần nhuyễn nên chúng ta sẽ hợp nhất hai thứ giáo lý này lại.

Nói về những điểm Chơn thần ,độc giả nên nhớ rằng triết học Đông Phương bác bỏ tín điều thần học của Tây Phương về việc có một linh hồn mới được sáng tạo cho mỗi hài nhi vừa mới sinh, vì đó là một tín điều phản triết học và không thể có trongthiên nhiên . Phải có một số giới hạn các điểm Chơn Thần tiến hóa và phát triển lần lần đến mức toàn thiện trải qua nhiều kiếp và nhiều cá tính kế tiếp nhau trong mỗi chu kỳ khai nguyên mới. Đó là một điều tuyệt đối cần thiết theo những giáo lý về luânhồi, nhân quả và sự tuần tự tiến hóa của Chơn Thần con người trên đường phản bổn hoàn nguyên để trở về nguồn cội là Thượng Đế.Như vậy ,tuy thành phần những điểm Chơn Thần trên những giai- tầng tiến hóa khác nhau gồm một tổng số nhiều vô lượng , nhưng số ấy vẫn có hạn , cũng như tất cảmọi vật khác trong vũ trụ phân- hóa và hữu hạn.

Như đã trình bày trong đồ hình số một , những nguyên - khí con người và các bầu thế giới trong dãy hành tinh có 1 sự liên hệ nhân quả trường kỳ và sự tương hợp song đôi hoàntoàn đi xuyên qua và nối liền nhau , tất cả mọi con đường tiến hóa. Vật này sinh ra vật kia ,dù các bầu thế giới hay con người cũng vậy. Nhưng chúng ta hãy bắt đầu từ chỗ khởi đầu.

Những nét khái quát về phương thức cấu tạo nên các dãy hành tinh nối tiếp nhau vừa được trình bày trên đây . Để ngăn - ngừa những quan niệm sai lầm về sau này ,chúng tôi xin đưa ra 1 vài chi tiết có thể làm sáng tỏ lịch sử của nhân loại trên dãy địa cầu hiện tại ,là hậu duệ của nhân loại trên dãy Thái âm.

Trong đồ hình II,sơ đồ bên mặt chỉ dãy Thái âm , gồm 7 bầu thế giới vào lúc bắt đầu cuộc tuần hoàn thứ 7 và cuối cùng, còn sơ đồ bên trái chỉ dãy địa cầu tương lại , nhưng chưa thành hình . Bảy bầu của mỗi dãy được chỉ định theo trật tự vận -hành bằng những chữ cái từ A tới G , những bầu của Địa cầu được ghi thêm chữ thập , biểu tượng của Địa cầu . Ta nên nhớ rằng những Chơn thần luân chuyển trên bất cứ dãy thất nguyên nào cũng đều chia ra làm 7 loại hay 7 thành phần , tùy theo những trình- độ tiến hóa ,phát triển tâm thức và công quả liên hệ của chúng .

Chúng ta hãy theo dõi trật tự xuất hiện của chúng trên bầu A trong cuộc tuần hoàn thứ nhất . Thời gian giữa những chu kỳ xuất hiện của những thành phần hay loại đó trên bất cứ bầu nào được điều chỉnh cách nào để khi loại 7 (là loại cuối cùng) xuất-hiện trên bầu A ,thì loại 1 ; tức loại đầu tiên ,đã vừa chuyển-qua loại B , và cứ như thế đi tuần tự khắp từng bước một vòng quanh khắp dãy.

Lại nữa , trong cuộc tuần hoàn 7 trên dãy Thái âm, khi loại 7 rời khỏi bầu A , thì bầu này , thay vì ngủ yên như trong những cuộc tuần hoàn trước, bắt đầu tắt nghỉ (tức là bước vào chu kỳ hủy diệt)(1) và khi nó tắt nghỉ , nó di chuyển dần dần, như đã nói ở trên , những nguyên khí hay sinh khí , năng lượng, v.v... của nó tuần tự từng thứ một ,sang một trung tâm Laya mới để bắt đầu cấu tạo nên bầu A của dãy Địa cầu .Một phương - thức tương tự diễn ra cho mọi bầu của dãy Thái âm ,tuần tự từng bầu 1, cái nọ sau cái kia ,mỗi bầu như thế tạo nên 1 bầu mới của dãy Địa cầu . Mặt Trăng là bầu thứ 4 của dãy Thái âm và nó cũng thuộc về vật chất hồng trần như trái đất . Những bầu A của dãy Thái âm không hoàn toàn "chết" trước khi những ChơnThần đầu tiên của loại 1 đã từ bầu G (hay Z) ,tức bầu cuối cùng của dãy Thái âm , bước vào Niết Bàn vẫn chờ đợi chúng ở khoảng giữa 2 dãy. Điều này cũng diễn ra tương tự đối với tất cả những bầu khác như đã nêu trên, mỗi bầu đó lại sinh sản ra 1 bầu tương - đương trên dãy Địa cầu.

(1) [Khoa huyền môn chia các chu kỳ Hỗn nguyên (Pralaya)ra làm nhiều loại . Có loại tiểu chu kỳ hỗn nguyên của mỗi b ầ u thế giới khi nhân loại và chúng sinh chuyển qua bầu kế tiếp . Như vậy là có 7 Tiểu chu kỳ hỗn nguyên trong mỗi cuộc tuần - hoàn . Kế đó là chu kỳ hỗn nguyên của dãy hành tinh khi 7 cuộc tuần hoàn đã chấm dứt . Chu kỳ hỗn nguyên của 1 hành tinh hệ khi toàn thể hành tinh hệ gồm 7 dãy đã mãn kỳ. Sau cùng là Đại chu-kỳ hỗn nguyên (Maha-Pralaya) kết thúc một thế hệ của Brahma , cũng gọi là Brahmâ-Pralaya]

Khi bầu A của dãy hành tinh mới đã sẵn sàng ,các Chơn - Thần loại 1 từ dãy Thái âm chuyển kiếp sang đó trong loài thấp nhất và cứ thế mà tiến lên liên tục . Điều này đưa đến kết quả là chỉ có Chơn Thần loại 1 đạt tới trình độ tiến hóa của loài người trong cuộc tuần hoàn 1 , bởi vì loại 2 trên mỗi bầu ,vì đến sau , nên không có đủ thì giờ đạt tới trình độ đó. Như vậy , những Chơn Thần loại 2 chỉ đạt tới trình độ nhânloại trong cuộc tuần hoàn 2 và cứ thế cho đến khoảng giữa cuộc tuần-

hoàn 4 . Nhưng đến điểm này (và trong cuộc tuần hoàn 4 , giai-đoạn tiến hóa của nhân loại sẽ được hoàn toàn phát triển)cánh-cửa đưa vào hàng ngũ nhân loại bị khép chặt , và từ đó trở đi, số Chơn thần con người ,tức là những Chơn Thần trong giai-đoạn tiến hóa của nhân loại , đã đầy đủ . Vì các Chơn Thần chưa đạt tới trình độ nhân loại vào điểm đó , trong khi nhân loại vẫn tiếp tục tiến hóa , sẽ không theo kịp và bị ở lại sau rất xa , đến nỗi chúng chỉ đạt tới trình độ nhân loại vào cuối cuộctuần hoàn 7 và cuối cùng . Bởi vậy , chúng sẽ không được thànhngười trong dãy này , mà sẽ gia nhập hàng ngũ nhân loại của một chu - kỳ khai nguyên tương lai và sẽ được trở nên người trên dãy hành tinh thanh cao hơn theo định luật thừa trừ . Chỉ có 1 trường-hợp ngoại lệ duy nhất , vì những lý do chánh đáng mà chúng tôi sẽ k trình bày sau . Những điều này sẽ giải thích sự khác nhau của các giống dân.

Do sự kiện trên , người ta thấy rõ có sự tương đồng chặt chẽ giữa những phương thức tác động của thiên nhiên trong vũ-trụ và trong con người. Con người sống trọn một kiếp sống của mình rồi chết . Những "nguyên khí cao"("higher principles") của y , tương đương với những Chơn Thần luân chuyển trong cơ tiến hóa của 1 dãy hành tinh , đi vào cõi thượng giới (Devachân),cõi này tương xứng với cõi Niết Bàn và những trạng thái yên nghỉ ở khOảng giữa hai dãy hành tinh . Những nguyên khí thấp hơn của con người tan rã kịp thời và lại được thiên nhiên sử dụng để tạo nên những nguyên khí mới . Sự tan rã và cấu tạo các bầu thế giới cũng diễn ra với những phương thức giống y như vậy. Như thế , cái lý tương đồng là phương châm chắc chắn nhất để giúpta hiểu rõ giáo lý huyền môn.

Đây là một trong "bảy sự bí mật của mặt trăng" và bây g giờ sự bí mật này đã được tiết lộ . Những người Nhật Bản gọi bảy bí mật này là Yama-booshis, những vị pháp sư của chi phái Lão Tử và những tu sĩ khổ hạnh ở tại Kyoto gọi bảy sự bí mật này là Dzenodoo —là "Bảy viên ngọc báu"; nếu có thể ,chỉ c ó những tín đồ Phật giáo khổ hạnh của Nhật Bản và Trung Quốc , cùng những vị được điểm đạo , thì mới kín đáo hơn những tín- đồ của Ấn độ giáo khi họ đưa ra môn khoa học huyền bí.

Những độc giả không được phép quên mất những Chơn Thần này và phải hiểu rõ bản chất của chúng (trong chừng mực được phép) mà không xâm phạm vào những điều bí mật cao siêu nhất , mà về bất cứ phương diện nào ,tác giả cũng không tự nhận là mình hiểu rõ rốt ráo .

Tập thể các chơn thần có thể chia làm ba loại chính :

1) Những Chơn Thần tiến hóa nhất, gọi là Thất âm tinh(the Lu-nar Gods or "Spirits") ,bên Ấn-Độ gọi là Pitris. Trong cuộc tuần hoàn 1 , những Chơn Thần này phải tiến hóa qua ba chu kỳ trong các loài khoáng vật ,thảo mộc và cầm thú ,trong những hình thể mảnh mai , tinh tế ,khinh thanh nhất để có thể đồng hóa và thích nghi với tính chất của dãy hành tinh mới sáng tạo. Đó là những Chơn Thần đầu tiên khoác lấy hình thể con người trên bầu A trong cuộc tuần hoàn 1 (nếu có thể gọi là hình thể trên một cõi giới khinh thanh hầu như còn ở trong trạng thái chủ thể chưa phân hóa rõ ràng) . Do đó , chính những Chơn Thần này hướng dẫn và tiêu biểu cho thành phần nhân loại trong những cuộc tuần hoàn 2 và 3 , và sau cùng phát triển hình thể tế nhuyễn của chúng vào lúc bắt đầu cuộc tuần hoàn 4 cho loại 2 ,tức là loại Chơn Thần đến sau chúng .

2) Những Chơn Thần đầu tiên đạt tới giai đoạn tiến hóa của nhân loại trong ba cuộc tuần hoàn rưỡi và trở thành người (không hẳn là người như chúng ta ngày nay , nhưng là những thực thể biết suy tư , có trí óc , tư tưởng).

3) Những Chơn Thần lạc hậu , chậm trễ ,không đạt tới trình độ của nhân loại trong cuộc tuần hoàn hiện tại vì lý do nghiệp-quả , trừ 1 trường hợp ngoại lệ sẽ nói sau .

** Chúng ta bắt buộc phải dùng tiếng không được đúng ở trên là tiếng "con người" và đây là 1 bằng chứng rõ ràng là bất cứ ngôn ngữ nào của người Âu Châu cũng không thích hợp mấy để diễn đạt những sự dị biệt tinh vi này.

Lẽ cố nhiên là những "Con người" này không giống với con người ngày nay , cả về hình dáng lẫn tính chất . Vậy thì, người ta có thể hỏi ,tại sao tất cả đều được gọi là "Con người" ? Bởi vì trong bất cứ thứ ngôn ngữ nào của Tây phương ,cũng đều không có 1 ngôn ngữ nào khác có thể truyền đạt cái ý niệm này một cách gần xác đáng . Tiếng "Con người" này ít nhất là để chỉ rằng các sinh vật này là những vị "Bàn cổ" (Manus) (1) ,lẫ những thực - thể biết suy tư ,mặc dù các thực thể này có hình dáng và trí khôn khác với chúng ta . Nhưng thực ra ,xét về mặt tinh thần và trí khôn , các sinh vật này là "những vị thần linh" hơn là "con người".

(1) 〔 Gốc tiếng Phạn là 'man', nghĩa là suy nghĩ,tưởng - tượng 〕.

Người ta thường gặp những khó khăn về ngôn ngữ khi diễn tả những giai đoạn mà Chơn thần phải trải qua . Dĩ nhiên,khi nói

về mặt siêu hình học ,thật là 1 điều phi lý khi nói rằng có "sự tiến hóa" của 1 Chơn thần ,hoặc nói rằng Chơn Thần trở thành "con người" . Nhưng bất cứ 1 sự cố gắng nào để duy trì được sự xác thực của ngôn ngữ siêu hình học khi người ta sử dụng 1 thứ tiếng như là tiếng Anh ,đều cần tối ít ra là b a quyển sách phụ trội của tác phẩm này , và khiến người ta phải lặp lại những kx tiếng này , nó thật là hết sức vô vị ?. Lẽ cố nhiên, một Chơn-Thần không thể nào hoặc là phát triển hay tiến hóa ,hay thậm - chí bị ảnh hưởng bởi những sự thay đổi của trạng thái mà n ó trải qua .

Chơn Thần không ở trong thế giới này ,cũng không ở trong cõi này và người ta chỉ có thể so sánh nó với một ngôi sao bất-diệt của ánh sáng và ngọn lửa thiêng liêng được phóng xuống địa cầu chúng ta , giống như 1 mảnh ván để cứu vớt những phàm nhân mà Chơn Thần hiện đang trú ẩn bên trong. Phàm nhân này phải giữ chặt lấy Chơn thần và như vậy, chia xẻ bản chất thiêng liêngđể được bất tử . Nếu để tự nhiên , Chơn Thần sẽ không bám chặt lấy ai , nhưng giống như 1 mảnh ván, nó bị dòng tiến hóa khôngngừng cuốn đi về 1 kỳ hóa sinh khác nữa.

Sự tiến hóa của hình thể hay thể xác bên ngoài bọc quanh thể vía là do những mãnh lực hồng trần tạo nên ,cũng như trường hợp những loài thấp hơn , nhưng còn sự tiến hóa của con người thật ở bên trong ,tức Chơn Nhơn , là thuần tâm linh . Bây giờ thì không còn phải là sự di chuyển của Chơn Thần vô ngã(im -personal Monad) xuyên qua nhiều hình thức vật chất khác nhau nữa (mà trạng thái cao nhất là có được bản năng và tâm thức ở trên 1 cõi hoàn toàn khác hẳn) như trong trường hợp tiến hóa của hình thể bên ngoài ,mà là 1 cuộc hành hương của linh - h ồn xuyên qua nhiều trạng thái khác nhau ,không những của vật -chất mà còn của tâm thức tự ngã và tự tri thức , hay qua trí thức từ trạng thái vô tri thức.

Chơn thần thoát ly từ trạng thái vô thức tâm linh vàtrí tuệ ,vượt qua hai cõi giới đầu tiên (là hai cõi quá gần với tuyệt đối để có thể giao tiếp với bất cứ vật gì ở 1 cõi thấp hơn) nó đi thẳng vào cõi trí tuệ . Nhưng không có cõi nào trong toàn thể vũ trụ ,với 1 môi trường hoạt động rộng lớn hơn cõi này, với những trình độ tính chất hầu như vô tận của nó về tri thức và vô thức . Cõi trí tuệ này cũng có 1 cõi thích nghi nhỏ bé hơn cho mỗi hình thể ,từ Chơn Thần khoáng thạch cho đến khi nó tiến-hóa dần dần trải qua thời gian để trở thành một Chơn Thần thiêng liêng ,siêu phàm. Nhưng lúc nào nó cũng vẫn là một Chơn Thần bản

nguyên duy nhất ,chỉ đổi khác trong những kiếp hóa thân xuyên những chu kỳ luôn luôn nối tiếp nhau , 1 là chu kỳ che ám tinh-thần một phần hay toàn diện , hai là chu kỳ tắt nghỉ một phần hoặc toàn diện về vật chất (hai đối tượng lưỡng cực) trongkhi nó tiến lên những cõi giới tâm linh trí tuệ , hay giáng xuống những hạ tầng sâu thẳm của cõi vật chất .

Chúng ta hãy trở lại quyển Phật Giáo Nội Môn . Đề - cập đến thời kỳ lâu dài diễn ra giữa thời đại khoáng chất trên bầu A và thời đại con người (man epoch) (ngôn từ "thời kỳ của con người " được dùng ở đây bởi vì người ta cần phải có 1 tên để đặt cho giới thứ tư này , nó tiếp theo giới cầm thú , mặc dù trong cuộc tuần hoàn thứ nhất , thực sự "con người" ở trên bầu A không phải là con người ж mà chỉ là nguyên kiểu của con người hay là hình ảnh không có bề đo xuất phát từ những cảnh của cõi cảm-dục —trung giới → tác giả viết : "Sự phát triển hoàn toàn của thời đại khoáng chất trên bầu A dọn đường cho sự tiến hóa của loài thảo mộc và khi giai đoạn này bắt đầu thì động lực sinh - hoạt khoáng chất tràn qua bầu B . Kế đó , khi sự tiến hóa của loài thảo mộc trên bầu A đã hoàn tất và sự tiến hóa của loài cầm thú bắt đầu, thì động cơ sinh hoạt thảo mộc tràn qua bầu B và động cơ sinh hoạt khoáng vật chuyển qua bầu C . Kế đó , sau cùng , động cơ sinh hoạt của nhân loại mới bắt đầu xuất hiện trên bầu A .

Trào lưu sinh hoạt đó cứ diễn tiến ж như vậy trong ba cuộc tuần hoàn , khi đó , nó mới đi chậm lại và sau cùng thì ngừng hẳn ở ngưỡng cửa trái đất trong cuộc tuần hoàn 4 , bởi vì bây giờ ,dòng tiến hóa đã đạt tới thời kỳ của nhân loại, tức là thời kỳ 7 . Điều này đã hiển nhiên , vì như đã nói : ". . . Có những con đường tiến hóa đi trước loài khoáng thạch , và như vậy một luồng sóng tiến hóa , thật ra là nhiều luồng sóng tiến hóa, đi trước luồng sóng của loài khoáng thạch trong sự diễn tiến của nó vòng quanh các bầu thế giới" (1).

(1) 〔 Như trên 〕

Bây giờ, chúng tôi xin trích dẫn một đoạn khác trong tác phẩm "Năm năm Thông Thiên Học" nói về Chơn Thần khoáng thạch .

"Có 7 loài trong thiên nhiên . Nhóm đầu tiên từ ba trình độ tinh hoa chất hay trung tâm sinh lực (từ giai đoạn phân hóa đầu tiên của vật chất nguyên thủy (Mulaprakriti) đến giai đoạn thứ ba) nghĩa là từ trạng thái vô thức hoàn toàn đến trạng thái bán tri thức . Nhóm thứ nhì gồm những loài từ thảo mộc đến con

người. Loài khoáng chất là điểm trung gian hay khúc quanh trong những giai tầng của Chơn linh khí (Monadic Essence) ,được coi như một năng lượng đang tiến hóa . Ba giai đoạn (dưới vật chất) về phía tinh hoa chất ,loài khoáng thạch , ba giai đoạn về phía vật chất hồng trần (1) , đó là 7 cái khoen của sợi dây, hoặc 7 nấc đầu tiên hoặc sơ khai của cái thang tiến hóa"(2).

(1) [Ở đây , tiếng "vật chất" có nghĩa là bị phân -hóa vì những mục đích và công trình của vũ trụ . Tuy nhiên, tiếng "khía cạnh vật chất" này , mặc dù thuộc về khách quan đối với nhận thức của sinh vật từ những cõi khác, song lại hoàn toàn chủ quan đối với chúng ta ở trên cõi của chúng ta.]

(2) [Trang 276 và kế tiếp]

"Bảy nấc sơ khai" bởi vì là những nấc dự bị và thuộc về cõi tự nhiên, nhưng chúng có thể được diễn tả đúng hơn như là thuộc về con đường tiến hóa dưới tự nhiên . Diễn trình tiến hóa này ngừng lại ở giai đoạn thứ ba , tại ngưỡng cửa giai đoạn thứ tư khi nó thực sự bắt đầu giai đoạn tiến đến trình độ con người trên con đường tiến hóa tự nhiên . Cùng với ba loài tinh hoa - chất nữa là thành số 10 ,con số các Đại thiên thần (Sephiroth) của Do thái giáo . Chính ở điểm này mới bắt đầu :

"Sự giáng lâm của tinh thần sáp nhập vào vật chất tương đương với sự vươn lên trong cuộc tiến hóa thể chất , 1 sự tái vượt lên từ trạng thái nặng trược thấp nhất của vật chất (loài khoáng thạch) cho đến cõi Niết Bàn là điểm tan biến của vật - chất phân hóa ngoại tại!"(3)

(3) [Như trên]

Điều này chỉ rõ tại sao cái mà quyển Phật giáo Nội Môn gọi là luồng sóng tiến hóa và những "động cơ sinh hoạt" của khoáng-thạch ,thảo mộc, cầm thú và nhân loại, ngừng lại ở ngưỡng cửa Địa cầu trong cuộc tuần hoàn 4 . Chính ở tại điểm này mà Chơn thần vũ trụ (Cosmic Monad)(Buddhi) sẽ được phối hợp với và trở nên cái thể của tia sáng tâm linh (Atmic Ray) nghĩa là Kim-thần (Buddhi) sẽ thức tỉnh để trực giác được Tiến thể Atman và bước lên nấc đầu tiên của 1 thang tiến hóa mới có 7 bảy giai tầng, để rồi cuối cánh sẽ được đưa lên giai tầng thứ 10 (đếm từ dưới lên trên) của cấp đẳng thiêng liêng mà Do thái giáo gọi là Sephir-oth (Đại Thiên thần) ,tức giai tầng thượng đẳng mà biểu tượng là vương miện (cái mão:the Crown).

Mọi vật trong vũ trụ đều noi theo qui tắc tương đồng: "Thiên địa vạn vật đồng nhất lý "("cái ở trên cũng như cái ở

dưới) ("As above , so below") . Con người là 1 Tiểu thiên địa được cấu tạo rập theo qui mô của vũ trụ. Những gì diễn ra trên cõi giới tâm linh , cũng tái diễn lại trên cõi vật chất của vũ trụ ngoại tại . Mọi sự biểu lộ cụ thể đều noi theo đường lối của thực thể siêu hình ; tương ứng với cái cao nhất phải là cái thấp nhất; vật chất đối với tinh thần . Như vậy , có ba loài tinh-hoa chất có trước giới kim thạch (1) tương ứng với ba Ngôi sáng tạo (Sephirothal Crown) hay là Tam Nguyên Thượng và nếu người ta sử dụng đến ngôn ngữ của những tín đồ Do Thái Bí giáo (Kabalist) trong sự phân hóa vũ trụ ,chúng phù hợp với những cõi sắctướng và vật chất ,từ những cõi thiêng liêng cao siêu đến những cõi Nguyên hình .

(1) [Xem đồ hình trong cuốn này ,trang 277]

Vậy thì Chơn Thần là gì ? Sự tương quan của nó đối với một nguyên tử là thế nào ? Lời giải đáp sau đây căn cứ trên các giải thích của tác giả để đáp lại những câu hỏi đó . Trả lời câu hỏi thứ hai :"Chơn Thần có 1 mối tương quan gì với nguyên - tử hay phân tử theo khoa học hiện tại . Nó không thể so sánh với cơ phận vi khuẩn trước đây được xếp được xếp vào loại trích trùng (infusoria) nhưng nay lại được coi như thảo mộc và xếp vào loại rong rêu . Cũng không phải là monas của phái Ta Bà(Peripatetics). Lẽ tất nhiên,Chơn Thần khoáng thạch khác hẳn với Chơn thần con người về thể chất hay thành phần ,vì Chơn Thần con người không thuộc vật chất và thành phần của nó cũng không thể xác định bằng ~~kiểu lượng~~ ký hiệu hóa học và nguyên tố"(2).

(2) [Như trên , trang 273-274]

Nói tóm lại, cũng Chơn Thần tâm linh là duy nhất ,đại - đồng vô biên , tự tại mà những tia sáng hợp thành cái gọi là Chơn Thần cá biệt của con người ,thì Chơn Thần khoáng thạch ở tại điểm đối diện của vòng tròn ,cũng là Một ,từ đó xuất phát ra vô số nguyên tử vật chất mà khoa học bắt đầu coi như là những vật hữu thể .

Nếu không như vậy ,làm sao người ta có thể giải thích bằng phép toán học diễn trình tiến hóa của 4 loài sinh vật theo hình khu ốc ? Chơn Thần là sự phối hợp của hai nguyên khí cuối cùng của con người ,tức là nguyên khí 6 và 7 . Nói đúng hơn, từ ngữ"Chơn thần con người" chỉ áp dụng cho tinh thần song đôi Atma —Buddhi chứ không phải chỉ áp dụng cho nguyên khí tâm linh cao nhất (Atma) không mà thôi . Nhưng người ta đã gọi ChơnThần như vậy vì Linh hồn thiêng liêng không thể có sự sống v à

không biểu lộ được ,nếu nó tách khỏi nguyên khí vừa nêu(Atma).

Chơn linh khí hay tinh hoa vũ trụ (Monadic or rather Cosmic Essence) trong khoáng thạch ,cây cỏ và động vật ,tuy vẫn là một trải qua hàng loạt chu kỳ tiến hóa từ loài tinh hoachất thấp nhất lên tới cấp đẳng Thiên thần , nhưng có khác nhau trong mỗi giai tầng tiến triển. Thật rất sai lầm mà tưởng tượng một Chơn Thần như một thực thể cá biệt tuần tự tiến một cách chậm-chạp trên 1 con đường riêng rẽ xuyên qua những loài thấp hơn, và sau hàng loạt biến đổi trong vô lượng kiếp ,mới đạt tới trình độ con người ,chẳng hạn ,Chơn thần một nhà bác học được truy-nguyên từ Chơn Thần của một nguyên tử khoáng thạch . Thay vì nói một Chơn Thần khoáng thạch ,có thể dùng một câu đúng hơn theo khoa vật lý học gọi đó là Chơn thần biểu lộ trong hình thức vật chất (Prakriti) gọi là loài khoáng thạch . Một nguyên tử, như được hình dung theo giả thuyết khoa học thông thường ,không phải là một bộ phận nhỏ nhất của một vật gì được chuyển sinh - khí vào bởi một cái gì thần bí , để rồi , trải qua những dòng thời gian vô tận , sẽ biến hóa trở thành một người . Nhưng đó là sự biểu lộ cụ thể của năng lượng vũ trụ , chính năng lượng này cũng chưa trở nên hữu thể . Biển đại dương vật chất nguyên thủy vẫn không phân chia thành từng giọt riêng rẽ có chứa đựng tiềm-năng , cho đến khi trào lưu của động cơ sinh hoạt đạt tới giai đoạn tiến hóa con người . Khuynh hướng phân chia thành những Chơn Thần cá biệt vẫn đi từ từ và trong những loài động vật tiến hóa nhất , nó hầu gần như đạt tới điểm đó. Phái Ta Bà áp dụng danh-từ Monas cho toàn thể vũ trụ theo ý nghĩa Phiếm Thần . Còn các nhà huyền môn ,tuy rằng chấp nhận tư tưởng đó vì lý do tiện lợi , vẫn phân biệt với những giai đoạn tuần tự của diễn trình tiến - hóa từ trừu tượng tới cụ thể bằng những danh từ chẳng hạn như câu : Chơn thần khoáng thạch,Chơn thần cây cỏ ,Chơn Thần cầm thú v.v. . . là những thí dụ điển hình .

Danh từ này có nghĩa là giai đoạn cao tột của trào lưu tiến hóa tâm linh đang đi qua vòng cung nói trên trong chu kỳ của nó .

Chơn Linh Khí (Monadic Essence) bắt đầu phân hóa một cách lặng lẽ để tiến đến tâm thức cá biệt trong loài thảo mộcVì Chơn thần là những vật đơn thuần như Leibnitz đã định nghĩa rất đúng, chính cái tinh hoa tâm linh làm cho chúng sống động trong những trình độ phân hóa và hợp thành những điểm Chơn Thần ,chứ không phải sự kết hợp nguyên tử , nó chỉ là cái thể và chất liệu để biểu lộ sự rung động của những giai tầng thượng và hạ trí.

Leibnitz đã quan niệm những Chơn Thần này giống như những đơn vị sơ cấp và bất diệt , chúng được ban cho quyền năng cho ra và nhận về đối với các đơn vị khác , và như vậy, chúng có năng lực xác định được tất cả những hiện tượng vật chất và tinh thần. Chính ông đã chế ra danh từ thông giác(apperception) cùng với cảm giác của thần kinh (nhưng không phải là sự nhận thứccủa thần kinh),từ ngữ này diễn tả được trạng thái của tâm thứcChơn Thần xuyên qua loài người và tất cả các loài khác.

Như vậy, theo đường lối siêu hình học nghiêm mật ,việc người ta gọi Chơn Linh (Atmâ-Buddhi) là một Chơn Thần ,có thể là sai ,vì đứng trên quan điểm duy vật , Chơn thần là một nhị nguyên và vì vậy , nó là một hợp thể . Nhưng cũng như vật chất là tinh thần, và ngược lại, và vì bầu vũ trụ mà Thượng Đế làm linh hoạt, nó thật bất khả tư nghị khi cách biệt với nhau , nên trường hợp của Chơn linh này cũng vậy. Buddhi là vận cụ của Atma , Buddhi có liên quan với Atma , cũng như con người nguyên hình (Adam Kad-mon) , Thượng Đế Ba Ngôi của tín đồ Do Thái Bí giáo có liên hệ tới cái vô cùng ,vô hạn (Ain Soph) hay là Hỗn nguyên khí (Mula prakriti) có liên quan đến Bản Thể Tối Thiêng (Parabrahman)K

Xin nói thêm vài lời về Nguyệt cầu.

Người ta có thể hỏi "Những Chơn Thần Nguyệt Tinh"("Lunar Monads) vừa được đề cập tới là gì ? Bảy hạng Nguyệt Tinh Quân sẽ được diễn tả sau , nhưng bây giờ , chúng tôi chỉ có thể đưa ra một vài lời giải thích đại cương. Chúng ta phải cho mọi người k biết rõ những vị này chính là những xx Chơn thần ,chu kỳ sự sống của các Ngài đã chấm dứt trên dãy Nguyệt cầu , dãy này thấp hơn dãy Địa cầu , nên các Ngài đã giáng sinh xuống Dãy Địa cầu này. Nhưng có một vài chi tiết thêm nữa mà chúng tôi có thể bổ túc , mặc dầu chúng tiếp giáp một cách quá mật thiết với vùng đất bất khả xâm phạm mà chúng tôi phải trình bày một cách đầy đủ . Tiếng bí mật cuối cùng này chỉ được tiết lộ cho các Chơn Sư minh triết (Adepts) mà thôi , nhưng người ta có thể nói rằng hộ tinh(satel-lite) chỉ là thể thô kệch của những nguyên khí vô hình . Rồi , chúng ta cũng sẽ thấy rằng có bảy Trái đất , như vậy, cũng có 7 Mặt trăng , và chỉ có mặt trăng chót là thấy được ; điều này cũng giống như vậy đối với Mặt trời ,mà thể hữu hình của nó cũng được gọi là một Ảo ảnh (Maya) ,là một phản ảnh ,cũng như thể xác của con người là một ảo ảnh . Một châm ngôn huyền bí đã nói :"Mặt trời và Mặt trăng thực thì cũng vô hình như con người thực".

Nhân tiện, người ta có thể nhận xét rằng các bậc tiền bối không dại dột gì mà đề xướng ý tưởng "Bảy Mặt Trăng" .Vì mặc dầu

quan niệm này, ngày nay đã được coi như một phép đo thời - gian của thiên văn học với một hình thức hết sức cụ thể , tuy nhiên, ẩn dưới lớp vỏ bên ngoài này, người ta còn có thể biết được những dấu vết của một ý niệm triết lý thâm sâu.

Thực sự Mặt trăng chỉ là vệ tinh của trái đất trên 1 phương diện , nghĩa là trên khía cạnh vật chất ,thì mặt trăng x xoay quanh trái đất , nhưng trên mọi phương diện khác ,trái đất lại là vệ tinh của mặt trăng chứ không thể nói ngược lại. Điều này tuy có vẻ lạ lùng nhưng nó không phải là không được xác nhận bởi khoa học. Nó được chứng minh bởi nước triều lên xuống, bởi những biến thái của nhiều chứng bệnh theo từng chu kỳ trùng hợp với chu kỳ mặt trăng . Hiện tượng ấy có tác dụng trong sự trưởng thành của loài cây cỏ và biểu lộ rất rõ rệt trong sự sinh nở và thụ thai của con người. Mọi tôn giáo xưa, nhất là Do Thái giáo , đã hiểu rõ sự quan trọng của Mặt Trăng và ảnh hưởng của nó trên địa cầu , nhiều nhà quan sát các hiện tượng về vật chất và tâm linh cũng lưu ý điều này . Nhưng theo như khoa học biết ,tác động của trái đất trên mặt trăng giới hạn vào hấp-lực hữu hình , nó tạo ra sự quay tròn của trái đất trên quỹ đạo. Và nếu một người phản đối nhấn mạnh rằng sự kiện này là 1 bằng-chứng đủ cho thấy rõ rằng thực sự Mặt trăng là hộ tinh của trái đất ở trên những cõi hoạt động khác ,thì người ta có thể t r ả lời bằng cách hỏi liệu một người mẹ đi xung quanh cái nôi của đứa con bà,trông nom đứa trẻ này , có phải là thuộc hạ của đứa con bà , hay là lệ thuộc nó không ? Mặc dù , theo 1 ý nghĩa ,bà là hộ tinh của con bà, song chắc chắn là bà già hơn và pháttriển đầy đủ hơn đứa trẻ mà bà trông nom.

Vậy thì chính mặt trăng đóng vai trò lớn nhất ,quan - trọng nhất trong việc cấu tạo nên trái đất cũng như trong việc xây dựng làm cho trái đất có người ở .Các Chơn thần mặt trăng hay Thái âm tinh (Pitris) ,thủy tổ của loài người ,thật ra là trở thành con người của thế hệ hiện tại . Họ là những Chơn Thần đã bước vào chu kỳ tiến hóa trên bầu A sau khi đã đi giáp một cuộc tuần hoàn trên dãy hành tinh ,mới tiến thành người như đã nói ở trên. Vào lúc bắt đầu giai đoạn tiến hóa nhân loại của cuộc tuần hoàn 4 trên địa -cầu ,họ xuất cảm dục thể(thể vía) ra khỏi xác giống như hình khỉ mà họ đã hình thành trong cuộc tuần hoàn 3. Chính cái hình thể mảnh mai tế nhị này làm kiểu mẫu để chothiên nhiên tạo nên thể xác con người . Chính những điểm Chơn Thần hay Tiểu linh quang này là những Thái âm tinh (Pitris) tức là Tổ tiên trên mặt trăng của con người ngày nay vậy . Bởi vì các

Thái âm tinh đó phải trở thành người để cho Chơn Thần của họ có thể đạt tới 1 cõi giới hoạt động tâm thức cao hơn ,tức là c õi của các Manasa - Putras , là những vị làm cho lớp vỏ vô trigiác do các Thái âm tinh tạo nên có được trí khôn trong giai đoạn cuối của giống dân thứ ba .

Cũng y như thế ,Chơn Thần hay Chơn ngã của những người thuộc cuộc tuần hoàn thứ bảy của địa cầu chúng ta , khi trải qua những bầu A , B , C, D và bỏ lại năng lượng sinh khí của họ sẽ làm thức động những trung tâm Laya khác có nhiệm vụ phải sốngvà hoạt động trên 1 cõi giới thực tại cao hơn nữa. Cũng y như thế, những tổ tiên trên trái đất sẽ tạo nên giống người tương lai sẽ tiến hóa cao hơn họ.

Chúng ta đã thấy rõ rằng ,trong thiên nhiên có một cơ tiến hóa gồm ba con đường , nhằm cấu tạo nên ba thể (Upadhis) xuất hiện từng chu kỳ hay đúng hơn là ba cơ tiến hóa riêng biệt có liên đới chằng chịt với nhau trong hệ thống hiện tại và phối hợp với nhau chặt chẽ từng điểm . Đó là những con đường tiến hóa tâm linh ,trí tuệ và thể chất . Ba con đường này là những phương diện hữu hạn , hay những phản ảnh của Atma ,nguyên khí thứ bảy ,Chân thực tại duy nhất trên địa hạt hư ảo toàndiện của vũ trụ .

1) Con đường tiến hóa tâm linh có liên hệ tới sự tăng-trưởng và tiến hóa của Chơn Thần lên những giai đoạn hoạt động cao hơn nữa ,cùng một lượt với :

2) Con đường tiến hóa trí tuệ ,dưới sự hướng dẫn củacác Thái Dương Tinh quân (Agnishvattax Pitris) là những Đấng ban trí tuệ và tâm thức cho con người , và :

3) Con đường tiến hóa thể chất ; được tiêu-biểu bởi những hình thể kiểu mẫu (Chhayas) của các Thái âm tinh mà thiên nhiên dùng để tạo nên thể xác con người hiện tại. Thể xác này dùng à làm các lớp vỏ nơi đó diễn ra những sự biến đổi và tiến hóa bằng trí tuệ và thu thập kinh nghiệm của cái hữu hạn để trở thành vô hạn ,của cái vô thường giả tạm để trở thành cái trường cửu và Tuyệt Đối.

Mỗi một trong ba dòng tiến hóa kể trên đều có những định luật riêng ,được cai quản và điu dắt bởi những thành phần khác nhau của các vị Thiên Đế (Logoi).Mỗi dòng ấy đều có tác dụng trong việc cấu tạo nên thành phần con người ,là Tiểu thiên địa trong vũ trụ . Chính sự phối hợp của ba dòng tiến hóa ấy trong con người đã tạo nên cái nhân vật phức tạp là con người ngày nay.

Thiên Nhiên, tức động cơ tiến hóa vật chất ,không bao -

giờ có thể tạo nên trí tuệ mà không có sự trợ giúp từ bên ngoài. Nó chỉ có thể tạo nên những "hình thức vô tri giác"("senseless forms") như sẽ bàn đến trong chương nói về nguồn gốc loài người (Anthropogenesis). Những Chơn thần thái âm không thể tiến hóa , vì chúng chưa tiếp xúc đủ với những hình thể do thiên nhiên tạo nên để chúng có thể thu thập kinh nghiệm xuyên qua sự tiếp -xúc đó . Sự thiếu sót này được bổ túc do các Đấng Thái Dương Tinh-Quân tiêu biểu cho khả năng tiến hóa của trí tuệ ,thông -minh, cái khoen nối liền Tinh Thần và Vật chất trong cuộc tuần hoàn n hiện tại.

Ta cũng nên nhớ rằng những Chơn thần bước vào chu - kỳ tiến hóa trên bầu A trong cuộc tuần hoàn 1 đều ở trong những gk giai đoạn phát triển rất khác nhau . Do đó mà vấn đề trở nênkhá phức tạp . Chúng tôi xin tóm lược lại phần đã trình bày ở đoạn trên.

Những Chơn Thần tiến hóa nhất trên dãy Thái âm đạt tới giai đoạn sắp thành người trong cuộc tuần hoàn 1 ,trở nên những nhân vật có hình người ,tuy rằng rất khinh thanh ,tinh tế, vào cuối cuộc tuần hoàn 3 ,ở lại trên địa cầu suốt thời kỳ " qui - nguyên"("obscuration") như mầm mống của nhân loại tương lai trong cuộc tuần hoàn 4 và trở nên những nhân vật tiên phongcủa nhân loại vào lúc bắt đầu cuộc tuần hoàn 4. Những Chơn thầnkhác chỉ đạt tới trình độ nhân loại trong những cuộc tuần hoàn sau , nghĩa là 2 và 3 hay trong phần phân nửa đầu tiên của cuộctuần hoàn 4 . Sau cùng, những Chơn Thần chậm trễ nhất ,nghĩa là vẫn cốn khoác hình cầm thú sau giai đoạn khúc quanh ở điểm giữa cuộc tuần hoàn 4 , sẽ không được trở thành người trong chu kỳ hiện - tại. Chúng chỉ sẽ đạt tới giai đoạn sắp thành người vào cuối cuộc tuần hoàn 7 ,để rồi ,đến lượt chúng sẽ được dắt dẫn sang 1 dãy hành tinh mới sau một chu kỳ hủy diệt ,dưới sự điều độngcủa những kẻ tiên phong già dặn hơn ,là những tổ tiên của nhân loại hay mầm mống nhân loại (Shista),tức là những người dẫn đầu tất cả vào giai đoạn cuối của những cuộc tuần hoàn hiện tại.

Về vai trò của bầu hành tinh thứ 4 và cuộc tuần - hoàn thứ 4 trong cơ tiến hóa này ,người ta cũng không cần giải thích thêm nữa cho các môn sinh .

Trong những đồ hình trước đây , có thể áp dụng không phân biệt cho các cuộc tuần hoàn ,bầu thế giới hay giống dân, người ta sẽ thấy rằng bầu thứ 4 của toàn bộ chiếm một vị trí độc đáo. Không như những bầu khác ,bầu 4 không có bầu sánh đôi trên cùng một cõi với nó ,và như vậy, nó là cái trục của đòn cân thăng bằng của dãy hành tinh . Nó là bầu của những cuộc điều

chỉnh cuối cùng trong cơ tiến hóa bầu thế giới của cán cân nghiệp quả (Karmic scales) ,Hành Lang công lý(the Hall of Justi -ce) nơi đó đòn cân thăng bằng sẽ quyết định số phận tương lai của điểm Chơn thần trong phần còn lại của những kiếp đầu thai của nó trong chu kỳ sinh hoạt . Bởi vậy, sau khi đã vượt qua khúc - quanh ở điểm giữa đại chu kỳ ,nghĩa là sau điểm giữa của giống - dân thứ 4 trong cuộc tuần hoàn 4 trên địa cầu ,không có thêm một Chơn thần nào nữa được bước vào giai đoạn tiến hóa của nhân loại. Cánh cửa nhân loại đã khép chặt trong chu kỳ hiện tại ,theo sự quyết định của thiên cơ. Bởi vì, nếu không như vậy, nếu "một linh hồn mới" được sáng tạo cho mỗi người trong vô số sinh linh đã quá vãng , và nếu không có sự tái sinh ,thì thật khó mà đủ chỗ chứa cho tất cả những linh hồn đã thoát xác và người ta không bao giờ giải thích được nguồn gốc và nguyên nhân của sự đau khổ . Chính do bởi sự dốt nát về đạo lý và sự áp đặt những quan niệm sai lầm dưới chiêu bài giáo dục tôn giáo ,mới sinh ra chủ nghĩa duy vật, vô thần như là một sự phản kháng lại trật tự thiêng liêng của vạn vật.

Những trường hợp duy nhất ngoài qui luật vừa kể trên là những"giống dân câm"("dumb races") mà Chơn thần đã đạt tới gần giai đoạn tiến hóa của nhân loại ,bởi sự kiện rằng những động - vật đó gần giống như loài người vì những hậu duệ cuối cùng của chúng thuộc loài khỉ đột và những loài khỉ lớn khác .Những động- vật nhân như này ("human presentments") ,thật ra chỉ là những bản sao xiêu vẹo ,lệch lạc của nhân loại sơ khai . Những vấn đề này sẽ được trình giải đầy đủ hơn trong quyển sau.

Thiền bình luận viết :

1) Mỗi hình thể trên địa cầu và mỗi nguyên tử trong không- gian đều cố gắng tiến đến việc tự cấu tạo ,hình thành để noi theo kiểu mẫu đặt ra cho nó trong "Thiên nhxxxx Nhân"("Heavenly Man") . . . Sự nhập thế và xuất thế của nó (hột nguyên tử) ,sự trưởng thành cùng sự tiến hóa nội tại và ngoại tại của nó ,chỉ có 1 mục đích duy nhất : trở thành con người ,con người như cái hình thể vật chất tột đỉnh và rốt ráo trên địa cầu và điểm Chơn Thần trong sự toàn diện tuyệt đối và trong trạng thái thức tỉnh của nó ,như sự cực điểm vinh quang của những kiếp hóa thân thiêng liêng trên địa cầu.

2) Những vị Dhyanis (Pitris) là những vị đã xuất phát thể vía(Bhuta) ra khỏi họ, cái thể này đã trở nên thể của những điểm Chơn Thần (nguyên khí thứ sáu và thứ bảy) đã hoàn tất chu kỳ chuyển kiếp của họ trong ba cuộc tuần hoàn trước đây . Kế đó ,

những thể cảm dục ấy trở nên những người của giống dân thứ nhất của cuộc tuần hoàn hiện tại . Nhưng họ chưa được hình thành đầy đủ trọn vẹn ,và hãy còn là vô tri giác.

Điều này sẽ được giải thích trong những cuốn sách sau . Trong khi đó, con người hay Chơn Thần của y đã từng sống trên địa cầu kể từ lúc bắt đầu cuộc tuần hoàn hiện tại. Nhưng từ đó trở đi cho đến giống dân thứ năm , những hình thể bao bọc bên ngoài của các thể vía thiếng liếng đó đã thay đổi và củng- cố chắc chắn thêm với mỗi phụ chủng (subrace). Đồng thời,hình dáng và cơ cấu thể chất của động vật cũng thay đổi vì lý do phải thích ứng với tình trạng sinh hoạt luôn luôn biến đổi không ngừng trên địa cầu trong những giai đoạn địa chất bồi đắp của chu kỳ hình thành trái đất.

Những hình thể cơ cấu đó cũng tiếp tục đổi thay với mỗi mầu chủng và mỗi phụ chủng chính ,chí đến phụ chủng cuối cùng của mầu chủng thứ bảy trong cuộc tuần hoàn hiện tại.

3) Con người nội tại bấy giờ còn ẩn giấu , hồi đó,(lúc khởi thủy) là con người ngoại tại . Hậu duệ của các vị Tinh-Quân Dhyani (Pitris) ,y là "người con giống như cha y". Giống như hoa sen mà hình dáng bên ngoài lần lần tượng hình theo các kiểu mẫu nội tại của nó ,hình thể con người lúc khởi thủy tượng hình từ trong ra ngoài . Sau chu kỳ mà con người bắt đầu sinh sản theo đường lối của loài động vật hiện tại ,nó trở nên ngược hẳn lại. Bào thai con người ngày nay tượng hình theo những hình dáng thể xác vật chất mà con người đã từng khoác lấy qua ba cuộc tuần hoàn đầu tiên ,trong những cố gắng của vật chất vô tri ,bất toàn để tượng hình chung quanh điểm Chơn Thần trong sự dò dẫm vô thức của nó. Trong thế hệ hiện tại, bào thai vật chất là 1 cây cỏ ,là loài bò sát , 1 động vật, trước khi nó trở nên con người , đồng- thời tự tạo lấy bên trong của nó 1 thể thanh.Lúc khởi thủy,chính thể thanh đó (thể vía) ,vì là vô tri giác , đã bị ô nhiễm và mắc kẹt trong những màng lưới của vật chất.

Những"con người" này thuộc về cuộc tuần hoàn 4 . Như đã trình bày, điểm Chơn Thần đã trải qua và bị giam hãm trong mỗi hình thể phù du hữu hoại xuyên qua mỗi loài trong thiên - nhiên trong ba cuộc tuần hoàn trước . Nhưng điểm Chơn Thần đã trở nên người, <u>vốn không phải là người</u>. Trong cuộc tuần hoàn hiện tại, (trừ ra những loài động vật tiến hóa nhất sau con người, những loài khỉ đột giống hình người có định mệnh phải tuyệt diệt trong giống người hiện nay và chuyển sang hình người của giống dân thứ 6 và 7 và kế đó, chuyển sang những hình người thấp kém

nhất trong cuộc tuần hoàn 5 ,không một đơn vị của loài nào còn được sinh động bởi những Chơn Thần đã định phải trở thành người trong giai đoạn tới mà chỉ có sinh động bởi những Tinh- Linh thấp thỏi (lower Elementals) của những loài liên hệ . Những Tinh linh này sẽ trở thành Chơn Thần con người ,theo thứ tựthời gian , vào Đại Chu kỳ khai nguyên của dãy hành tinh tương lai.

Điểm Chơn Thần cuối cùng của con người đã đầu thai chuyển kiếp trước khi bắt đầu giống dân 5 . Thiên nhiên không bao giờ tự lập lại cái gì cả ; vì vậy giống khỉ người (dã nhân) của chúng ta chỉ bắt đầu xuất hiện vào giữa thời kỳ Trung Tân (Mio -cene period) ,như tất cả các giống lai ,để bộc lộ khuynh hướng ngày càng rõ rệt nhằm quay về mẫu người tổ tiên đầu tiên của họ l. giống người khổng lồ Đại Tây Cổ Phi (Lemuro - Atlantean) da đen và da vàng . Sự tìm kiếm"đòng dõi đã mất"("missing link") này chẳng có ích lợi gì . Hàng triệu triệu năm về sau , những giống dân hiện đại của chúng ta (hay đúng hơn là các di tích hóa thạch của họ) sẽ xuất hiện như là giống người có hình dáng như loài khỉ đột nhỏ nhắn (một giống dân đã bị diệt vong của loài người) trước mắt những nhà thống thái của giống dân chánh thứ sáu cuối cùng , đã mất tích từ lâu .

Những giống khỉ người (dã nhân) như thế tạo thành một biệt lệ , vì Thiên Nhiên không có ý định tạo ra họ , nhưng họ là sản phẩm trực tiếp và là sự sáng tạo của con người"không có giác quan" ("senseless" man) . Đối với giống khỉ đột và loài khỉ này ,người Ấn Độ cho rằng giống này có 1 nguồn gốc thiêng liêng bởi vì con người của giống dân thứ ba là những vị thần xuấtphát từ một cõi khác ,họ đã trở thành giống người trần "không có giác quan" này . Vấn đề này đã được đề cập trong quyển "Nữ Thần Isis lộ diện" , cách đây lối 12 năm , 1 cách rõ ràng hết mức so với lúc bấy giờ . Ở trong đó ,người ta đề nghị độc giả nên tham - khảo những người Bà la môn , để biết lý do tại sao họ coi trọng loài khỉ này .

Y (độc giả) sẽ có thể học hỏi —nếu người Bà la môn xét thấy y đáng được ban cho một lời giải thích — rằng người Ấn độ đã thấy trong loài khỉ đột này chẳng qua chỉ là cái mà Đức Bàn Cổ (Manu) muốn : "Sự biến thể của loài liên quan trực - tiếp nhất với sự thay đổi của gia đình nhân loại —một nhánh tạp chủng được ghép vào một dòng giống riêng của họ trước khi gia đình nhân loại rốt cuộc được hoàn hảo . Và chăng, y có thể học biết rằng đuôi mắt của người "vô đạo" có học thức (educated

"heathen") , con người thiêng liêng hay con người bên trong là một vật ,còn cái xác bằng vật chất của cõi trần của y lại là 1 thứ khác . Cái bản chất hữu hình này , sự phối hợp rộng lớn của những sự hỗ tương của những động lực hữu hình này , đều luôn luôn tiến về sự hoàn thiện , nó phải sử dụng nguyên liệu có sẵn trong tay; nó tiếp tục nhồi, nắn lại mẫu hình và hoàn tất công trình tuyệt hảo nơi con người ,trình diện con người như là một thánh điện thích nghi dành cho Tinh Thần thiêng liêng phò hộ.

Và lại, trong một đoạn chú thích phía dưới , trên cùng 1 trang sách , một tác phẩm khoa học của người Đức đã được đề-cập tới . Nó dạy : "Một nhà khoa học người Hanover mới đây đã xuất bản một tác phẩm có tựa đề là "Ueber die Auflosung der Ar -ten durch Naturliche Zucht-wahl" , trong đó ông đã chứng - minh một cách hết sức tài tình rằng Darwin đã hoàn toàn sai lầm khi ông truy nguyên con người tới tận loài khỉ . Trái lại, ông chủ trương rằng chính loài khỉ đã tiến hóa thành người . Ông chứng minh rằng ,về phương diện tinh thần và vật chất ,lúc đầu tiên, loài người là những mẫu người và là những nguyên kiểu của giống dân hiện nay(của chúng ta),vì họ có vẻ đẹp về hình -dáng , về mặt đều đặn , sọ phát triển , có những tình cảm cao thượng, có những sức thôi thúc anh hùng và có nhiều quan niệm lýtưởng. Điều này hoàn toàn là triết lý của Bà la môn giáo , của Phật giáo và của môn Bí giáo Do thái x. Quyển sách của ông đã được minh họa bằng nhiều đồ hình và nhiều bảng biểu v.v... Ông nói rằng sự trụy lạc và sự thoái hóa dần dần của con người về tinh thần cũng như về vật chất có thể được truy nguyên qua suốt các biến thể về nhân chủng học cho tới thời đại của chúng ta . Cũng như có một phần đã bị thoái hóa thành loài khỉ, cũng vậy,người văn minh hiện nay ,dưới tác động của nhu cầu không sao tránh khỏi , rốt cuộc cũng được kế tiếp bởi đám con cháu giống như vậy. Nếu chúng ta có thể đoán được tương lai bây giờ ,thì chắc -chắn dường như có thể x là một giống người không có linh hồn và duy vật như những nhà khoa học duy vật của chúng ta , sẽ kết thúc x như là loài khỉ hơn là như các thiên thần. Nhưng dù những con khỉ này là hậu duệ của con người , sự kiện này cũng chắc chắn không phải là Chơn Thần của con người lại hóa thân vào hình thể của một con thú (1) khi mà nó đã đạt tới trình độ của con người rồi .

(1) [Quyển "Nữ Thần Isis lộ diện" trang 278-279]

Chu kỳ chuyển kiếp (the cycle of "metempsychosis") của

của Chơn Thần con người đã bế mạc , vì nhân loại đang ở vào cuộc tuần hoàn 4 và giống dân 5 . Độc giả nên nhớ rằng những ĐoạnKinh tiếp theo trong quyển này và quyển hai chỉ nói về cơ tiến hóa trong cuộc tuần hoàn 4 của chúng ta hiện nay mà thôi .Cuộc tuần hoàn này và chu kỳ của điểm giao thời , sau đó thì vật chất ,khi đã đạt tới hạ tầng thấp thỏi ,nặng trược nhất , mới bắt đầu tiến tới và thăng hoa trở lên với mỗi giống dân mới và một chu kỳ mới . Bởi vậy , người học đạo hãy cẩn thận đừng tưởng lầm là có sự mâu thuẫn , vì trong quyển Phật Giáo Nội Môn , những cuộc tuần hoàn được đề cập đến một cách tổng quát , đại-cương, còn trong sách này , tác giả chỉ nói tới cuộc tuần hoàn 4 ,tức là cuộc tuần hoàn hiện tại mà thôi . Trước cuộc tuần hoàn này là công việc tạo dựng , còn trong hiện tại thì là công việc cải - tiến và hoàn thiện .

Sau chót , để chấm dứt lời giải thích này , nó có liên-hệ đến nhiều sự ngộ nhận không sao tránh khỏi , chúng ta phải đề cập tới một phát biểu trong cuốn Phật Giáo Bí truyền , nó đã tạo ra trong trí của nhiều Thông Thiên học giả một cảm tưởng rất tai hại . Một câu nói khốn kiếp được người ta trích ra từ tác phẩm này , luôn luôn được viện dẫn để chứng tỏ là giáo lý này thiên về duy vật chủ nghĩa . Khi nói về sự tiến hóa của các cơ-năng sinh vật trên những bầu hành tinh , tác giả này nói rằng :

"Loài kim thạch không thể nào tiến hóa thành loài thảo mộc . . . cũng như ở trên Địa cầu này , loài khỉ đột không thể nào tiến hóa thành con người , khi mà nó chưa nhận được một xung lực"(impulse) (1) .

(1) [Trang 48 ,ấn bản lần thứ 5 ,hay trang 49 của ấn bản 1918]

Liệu câu này đã trình bày từng chữ về tư tưởng của tác-giả hoặc chỉ là một sự ngộ bút (vô tình viết sai chữ :lapsus calami) — chúng tôi tin như vậy — có thể cũng còn là một nghi vấn bỏ ngỏ .

Thực sự có một điều bất ngờ là chúng ta nhận ra sựkiện là có một vài nhà Thông thiên học hiểu biết rất ít về cuốn Phật Giáo Nội Môn (Esoteric Buddhism) đến nỗi họ bị đưa đẩy tới chỗ tin rằng cuốn sách này hoàn toàn ủng hộ thuyết tiến hóa của Da -rwin , nhất là thuyết nói về việc con người do tổ tiên thuộc loài vượn sinh ra . Như một hội viên Thông thiên học đã viết : "Tôi giả sử rằng bạn đã hiểu rõ được là ba phần tư người Thông Thiên học cũng như những người ở ngoài Thông thiên học đã tưởng

tưởng rằng , xét về sự tiến hóa của con người , thì có sự hỗ-tương giữa thuyết tiến hóa của Darwin và giáo lý Thông thiên - học". Theo chỗ chúng tôi biết , trong cuốn Phật Giáo Nội Môn , không có bất cứ điều gì thuộc loại đó đã từng được người tahiểu rõ , cũng như không có sự bảo đảm vững chắc nào về điều đó.Người ta đã nhắc lại rằng , sự tiến hóa do Đức Bàn Cổ (Manu) và Đức Ca Tỳ La (Kapila) đã dạy ,là nền tảng của những giáo lý tiến bộ , nhưng không phải huyền bí học , cũng không phải Thôngthiên học đã từng bảo vệ những lý thuyết phản văn minh của những người theo thuyết Darwin hiện tại —nó lại càng không bênh vực vấn-đề con người được sinh ra từ một con khỉ . Về điều này, sau này chúng tôi sẽ nói thêm . Nhưng chỉ cần lật lại trang 47 của cuốn sách kể trên , người ta sẽ tìm thấy lời phát biểu như sau :

"Con người thuộc một loài hoàn toàn khác với loài thú".

Trước mắt độc giả , lời nói này thật quá rõ rệt và không còn nghi ngờ gì cả , nên thật là một điều rất lạ khi bất cứ một sinh viên thận trọng nào lại có thể bị lầm lạc như vậy ,trừ phi y đang chuẩn bị tố cáo là tác giả thật quá đỗi mâu thuẫn.

Mỗi cuộc tuần hoàn lại tái diễn trên một giai tầng cao hơn công trình tiến hóa của cuộc tuần hoàn trước đó. Ngoại trừ trường hợp của một vài loại khỉ "nhân nhủ" đã tiến hóa như đã kể trên,trào lưu tiến hóa của Chơn Thần hay tiến hóa nội tại,đã chấm dứt cho đến khi bắt đầu chu kỳ sinh hoạt tới . Ta nên luôn luôn nhớ rằng những Chơn Thần (con người) đã hoàn toàn phát - triển phải được phát lạc trước nhất (to be first disposed of) , trước khi tập thể các thí sinh mới xuất hiện trên địa cầu vào lúc bắt đầu chu kỳ tới đây . Thế là có giai đoạn ngừng nghỉ , và đó là lý do tại sao trong cuộc tuần hoàn 4 ,con người xuất hiện trên địa cầu sớm hơn mọi loài động vật khác ,như sẽ giải thích sau.

Có người nói rằng tác giả quyển Phật Giáo Nội Môn đã rao giảng thuyết tiến hóa của Darwin từ đầu đến cuối . Có vài đoạn sách dường như đã xác nhận điều ấy ,. Ngoài ra, các nhà huyền bí học sẵn sàng nhìn nhận rằng giả thuyết của Darwin có 1 phần đúng , trong những chi tiết sau những phụ đề (bye-laws) của luật tiến hóa và sau khúc quanh nửa đường của giống dân 4.Thực sự khoa học duy vật có thể không biết gì cả về điều đã diễn ra, vì những vấn đề này hoàn toàn ở ngoài phạm vi khảo sát của nó. Nhưng điều mà các huyền bí gia không bao giờ nhìn nhận là điều nói rằng con người đã từng là một con khỉ trong cuộc tuần hoàn này hay bất cứ một cuộc tuần hoàn nào khác ,hoặc nói rằng con

người có thể là khỉ dù rằng y có thể có hình thù giống khỉ. Điều này đã được một nhân vật rất có thẩm quyền xác nhận (tác giả cuốn Phật Giáo Nội Môn đã thụ huấn với Ngài).

Như vậy, đối với người nào đã đối chiếu các nhà bí-học với những dòng chữ trong cuốn sách kể trên :

"Chỉ cần chứng minh rằng chúng ta có thể — nếu chúng ta muốn nói đến tất cả những vấn đề này , thì chúng ta phải —quan niệm có 1 luồng sinh lực tạo ra những hình dáng của loài kim - thạch một cách hợp lý như một thứ xung lực tương tự có quan hệ đến việc biến một giống dân khỉ thành ra một giống người nguyên thủy" (raise a race of apes into a race of rudimentary men).(1)

(1) [Trang 46 ấn bản thứ 5 hay trang 48 ấn bản 1918]

Đối với người nào đã viện dẫn điều này để chứng minh"thuyết tiến hóa của Darwin đã được quyết định" , thì những nhà bí -học sẽ trả lời bằng cách chỉ cho họ thấy lời giải thích của một vị Chân sư , là Sư phụ của ông Sinnett ,Ngài sẽ đính chính những dòng chữ này nếu chúng được viết ra theo tinh thần mà người ta gán cho chúng . Một bản sao bức thư này được gởi cho tác giả bộ sách này , cách đây lối hai năm (1886) cùng với nhiều bức thư khác , với những chú thích bên lề , để tác giả trích dẫn ra viết thành bộ Giáo Lý Bí Truyền.

Nó bắt đầu bằng cách nhận xét là sinh viên Tây phương đã gặp khó khăn khi dung hoà những sự kiện đã được đưa ra trước đây với sự tiến hóa của con người từ loài thú, nghĩa là từ loài kim thạch ,thảo mộc và cầm thú , và nó cũng khuyến sinh viên nên nhớ kỹ giáo lý nói về sự tương đồng và những sự tương ứng .Rồi, nó đề cập đến sự bí mật của các vị thần (Devas) cũng như của các vị Thiên Đế (Gods) ,cac vị này đã trải qua nhiều trạng thái mà người ta đã đồng ý đề cập tới chúng như là"sự kim thạch hóa,sự thảo mộc hóa , sự động vật hóa và sau cùng là sự hóa thân"("Imme tallization ,Inherbation, Inzoonization and finally Incarnation") và giải thích điều này bằng cách ám chỉ đến nhu cầu của những sự thất bại ngay cả nơi giống dân chỉ có thể-phách (ethereal races) của các vị Thiền Định Đế Quân (Dhyan Chohans). Khi đề cập đến điều này , nó nói rằng :

"Tuy vậy, những sự thất bại này đã phát triển rất xa và được tinh thần hóa nên không thể từ tình trạng của những vị Thiền Định Đế Quân rơi vào luồng gió lốc của một dòng tiến hóa nguyên thủy mới , xuyên qua nhiều loài thấp kém hơn ..."(1).

(1) ["Thư của Thánh sư" (The Mahatma Letters),trang 87]

Sau đó,người ta chỉ đưa ra một điều ám chỉ về sự bí mật chứa đựng trong ngụ ý nói về những vị thần quỉ (Asuras) bị sa-ngã, điều này sẽ được chúng tôi khai triển và giải thích trong quyển 3 và 4 . Khi

"ở trong giai đoạn tiến hóa của nhân loại,Nghiệp quả(Karma) đã đến với họ rồi : họ sẽ uống hết giọt nước cay đắng cuối cùng của ly nước trừng phạt'bitter cup of retribution).Rồi họ trở thành một động lực tích cực và phối hợp với những loài tinh hoa chất ,hoặc là với những thực thể tiến hóa của loài thú thuần túy , để phát triển dần dần thành một mẫu người hoàn hảo"(2).

(2) [Như trên ,trang 87]

Như chúng ta đã thấy ,những vị Thiên Định Đế Quân này không trải qua ba loài như các vị Nguyệt Tinh Quân (Pitris)thấp hơn;các Ngài cũng không giáng sinh vào hàng nhân loại cho đến k khi có giống dân chính thứ ba . Giáo lý huyền môn dạy như sau:

" Trong cuộc tuần hoàn 1 và giống dân 1 trên bầu D tức Địa Cầu ,con người là một sinh vật khinh thanh (một Thái âm tinh trong hình thể con người :a Lunar Dhyani,as man),không thông minh nhưng siêu tâm linh (non-intelligent but super-spiritual) , và theo luật tương quan so sánh, phù hợp với giai đoạn 1 và cuộc tuần hoàn 4 . Trong mỗi giai đoạn và phụ chủng kế tiếp ,... y dần dần càng ngày càng phát triển thành một sinh vật hữu thể , nhưng tựu trung vẫn còn mỏng như sương mờ ... Một sinh vật không có phái tính (sexless) và giống như loài động vật và cây cỏ, y phát triển những thể xác không lỗ phù hợp với những cảnh vật thổ kệch chung quanh y .

Cuộc tuần hoàn 2 . Con người vẫn còn là sinh vật không-lỗ và thanh nhẹ như sương và dần dần phát triển thành một thể xác rắn chắc hơn và cô đọng hơn thành một người có thể-chất cứng cáp hơn. Tuy vậy, y vẫn còn kém trí không hơn là mờ mang về phần tâm linh ,vì sự tiến hóa của trí tuệ vốn chậm chạp và khó khăn hơn sự tiến hóa của thể xác . . .

Cuộc tuần hoàn 3 . Con người đã có 1 thể xác hoàn toàn đông đặc và cụ thể ,trước hết có hình dáng 1 con khỉ không lỗ , và nay thì là một sinh vật thông minh hơn ,hay tinh quái hơn là thuần tâm linh ,bởi vì trên vòng cung đi xuống này, y đã đạt tới một điểm mà tính chất tâm linh nguyên thủy của y bị che khuất và lấn áp bởi trí tuệ vừa phát sinh . Trong phần nửa cuối cùng của cuộc tuần hoàn 3, vóc dáng không lỗ của y đã giảm bớt, thể-xác của y trở nên tinh tế hơn ,và y trở nên sinh vật tinh kế hợp lý hơn(he becomes a more rational beings),tuy vẫn còn giống

khỉ hơn là giống 1 vị thần (Deva). . .(Tất cả những đặc tính trên lại tái diễn hầu như nguyên vẹn trong giống dân 3 của cuộc tuần hoàn 4).

Cuộc tuần hoàn 4 . Trí khôn(intellect) con người đã phát triển rất mạnh , những giống dân cấm từ trước đến nay, bắt đầu có ngôn ngữ con người trên địa cầu . Kể từ giai đoạn 4 trở về sau, ngôn ngữ được kiện toàn và kiến thức ngày càng tăng gia. Ở điểm giữa khúc quanh cuộc tuần hoàn 4 ,kể từ giai đoạn 4 hay giống dân chính At-lăng ,nhân loại vượt qua điểm trục trung tâm của tiểu chu kỳ khai nguyên (minor Manvantaric cycle). . .thế - gian tràn đầy kết quả của hoạt động tri thức và xuống dốc tâm - linh . ."(Thư của sư phụ gởi cho Sinnett, thư số 14). (1)

Điều này được trích ra từ bức thư chính (authentic letter) ;còn phần tiếp theo chỉ là những lời ghi chú sau này và những lời giải thích bổ túc do chính Đức Thầy viết ra dưới hình thức của những lời chú thích phía dưới.

"(1) . . . Bức thư nguyên bản này chứa đựng những lời dạy khái quát —"một quan điểm đại lược(a"bird's -eye view")— chứ không có gì đặc thù . . . Khi nói đến "con người vật chất", trong khi giới hạn phát biểu vào những cuộc tuần hoàn đầu tiên ,ất là nói tới "những lớp da" kỳ diệu và phù du của con người ..." Bản chất" đầu tiên",thể xác" đầu tiên , "cái trí" đầu tiên ở trên cõi tri thức đầu tiên này ,ở trên bầu hành tinh thứ nhất trong cuộc tuần hoàn thứ nhất này ,chính là điều mà người ta có ý nói tới . Vì nghiệp quả và sự tiến hóa :

" . . . đã tập trung vào bản tính cực đoan kỳ lạ của chúng ta !

Từ những bản chất khác nhau (2) được phối hợp một cách kỳ diệu... "

(1) [Đối chiếu với "Mahatma Letters,trang 87 và kế tiếp,ấn hành năm 1930]

(2) [Ở đây có nghĩa là những bản chất của 7 hệ cấp hay là 7 hạng Tinh Quân (Classes of Pitris) và Thiền Định Đế Quân , hợp thành bản chất và các thể của chúng ta]

"(2) Phục hồi :bây giờ con người đã đạt tới điểm (do sự tương đồng ,như là giống dân thứ ba trong cuộc tuần hoàn thứ 4) mà tính thiêng liêng nguyên ủy (của "con người thiên thần":"the angel'-man's) của hệ bị cái trí mới sinh của con người che giấu và làm lu mờ ,và con có lối tường thuật xác thực về bài lược -

thuật của con . . ."

Đó là những lời dạy của sư phụ ; những đoạn kinh(text) , những ngôn từ (words) và những câu kinh ở trong ngoặc kép ,và những chú thích cuối trang . Ta nên hiểu rằng phải có 1 sự dị biệt lớn lao trong những danh từ như là "khách thể"("objectivity") và "chủ thể"("subjectivity") ,"vật chất"("materiality") và "tâm linh"("spirituality"), khi mà những danh từ này được áp dụng cho những cõi giới khác nhau về phương diện sinh hoạt và trí thức . Tất cả đều phải được hiểu theo ý nghĩa tương quan,tương đối mà thôi . Vì vậy ,nếu phó mặc cho ý suy cứu ,thì người ta cũng chỉ có 1 chút ngạc nhiên ,khi một tác giả,dù khao khát muốn học hỏi, nhưng vẫn rơi vào sự lầm lạc ,vì chưa đủ những kinh nghiệm để học hỏi những giáo lý trừu tượng này . Trong những bức thư đã nhận được , người ta cũng chưa xác định một cách rõ ràng được sự khác nhau giữa những cuộc tuần hoàn và các giống dân, vì không có 1 thứ gì thuộc loại đó đã được cần dùng trước ,như một đệ tử bình thường người Đông phương đã khám phá ra được sự dị-biệt này trong giây lát . Ngoài ra,chúng tôi xin trích dẫn thêm một bức thư của Đức Thầy này :

"Những giáo lý này được đưa ra trong hoàn cảnh bị phản - đối ... có thể nói, những giáo lý này là những món hàng buônlậu .... khi tôi còn đối diện với một thông tín viên ,thì người kia, Ông ... đến nay đã xào bài lên hết đến nỗi chỉ có một ít điều được nói ra là không vi phạm các định luật".

Những người Thông thiên học "mà nó có liên quan đến" sẽ hiểu nó có nghĩa là gì . Kết quả của tất cả các điều này là trong những bức thư này ,không có cái gì bảo đảm chắc chắn rằng Giáo-lý huyền môn đã từng dạy ,hoặc bất cứ một vị Chân sư (Adept) nào đã tin vào cái thuyết hiện đại phi lý về sự sinh ra của con người từ một vị tổ tiên chung với loài khỉ - đó là một giống khỉ người của loài thú đích thực . Đến nay, ở khắp trên thế gian có đầy "những con người giống như khỉ", nhiều hơn ở trong rừng có "những con khỉ giống như người". Ở Ấn Độ, con khỉ là một sinh vật thiêng liêng ,bởi vì những người được điểm đạo (Initiates) biết rõ nguồn gốc của giống vật này ,dù cho nguồn gốc này còn được giấu kín dưới một bức màn ẩn ý dày đặc. Hanumana (vị thần khỉ) là con của thần Pavana (cũng là Vâyu,"Thần Gió") ,do thần Anjana (là con rắn) ,vợ một con quái vật có tên là Kesari ,dù phổ hệ của loài này thay đổi mãi . Độc giả nào nhớ điều này sẽ thấy tất cả những giải thích về điều ngụ ý khéo léo này ở nhiều

chỗ trong các quyển 3 và 4 . "Con người" của giống dân thứ ba , (họ đã tách rời ra) chính là các vị thần linh (Gods), nhờ tinh-thần và sự trong sạch của họ ,dù họ chưa có giác quan, và đến nay vẫn chưa có cái trí như con người .

Những "Người" của giống dân 3 ,tổ tiên của dân Atlante , cũng là những người không lồ ,hình thù giống khỉ và vô trí thức như những người tiêu biểu cho nhân loại trong cuộc tuần- hoàn 3 . Vô trách nhiệm về phương diện luân lý ,chính những người thuộc giống dân 3 này ,qua sự giao phối hỗn tạp với những loài động vật thấp kém hơn ,đã tạo nên một giống người đặc biệt gọi là cái khoen dang dở (missing link) ,giống người này,trong nhiều thế hệ về sau (chỉ trong thời kỳ Đệ Tam địa tầng (Tertiary peri -od)) đã trở nên tổ tiên xa xôi của loài khỉ đột như ta thấy hiện nay .

Nếu điều này cho người ta thấy có sự chống đối lại lời phát biểu chỉ rõ rằng con thú xuất hiện sau con người ,thì độc-giả sẽ được yêu cầu nên nhớ rằng ,giống thú này chỉ có nghĩa là loài động vật có vú ,có nhao (placental mammal) . Trong thời đại ấy, đó chính là những loài thú mà khoa động vật học trong thời-đại của riêng ta còn chưa mở tới nữa ; và những cách sinh sản của loài này thì không giống với những quan niệm mà khoa sinh - lý học hiện đại đã có được về vấn đề này. Thật không hoàn - toàn thích hợp để cho người ta đề cập đến những câu hỏi ấy trước đại chúng ,nhưng bất cứ việc gì trong vấn đề này cũng không phải là không thể có được hoặc không có sự mâu thuẫn.

Như vậy,những giáo lý đầu tiên này ,dù là có khuyết điểm, mơ hồ và rời rạc ,cũng không dạy về sự tiến hóa của "con người" từ "con khỉ" . Tác giả cuốn Phật Giáo Nội Môn cũng không xác-nhận nó ở bất cứ chỗ nào trong tác phẩm của ông bằng nhiều ngôn từ như thế ,nhưng vì có khuynh hướng về khoa học tiến bộ nên ông dùng thứ ngôn ngữ có thể chứng minh một lời suy diễn như vậy.Con người có trước giống dân thứ tư ,tức là giống dân Atlate ,dù có thể có hình dáng giống như một"con khỉ không lồ"— "là một sự giả dạng của con người chưa có đời sống của một con người" — vẫn còn là một người biết suy tư và biết nói tiếng người . Người Lemuro-Atlantean , là một giống dân có trình độ văn minh cao, và nếu người ta nhìn nhận truyền thuyết — thì truyền thuyết này là một huyền sử hay hơn cả huyền thoại suy lý , mà bây giờ xuất-hiện dưới cái tên này — họ cao hơn chúng ta về cả phương diện khoa học và cả về nền văn minh thoái hóa hiện nay (degraded ci-vilization) của chúng ta ;trong bất cứ trường hợp nào, người

Lemuro-Atlantian cũng vẫn là giống dân chót của giống dân chánh thứ ba .

Bây giờ xin trở lại những Đoạn Kinh .

5- Trong cuộc tuần hoàn thứ tư (hay sự luân lưu Sự Sống (Life) và Thực Thể(Being) chung quanh"7 bánh xe nhỏ")(a), những người Con được truyền bảo hãy tạo nên hình ảnh của họ. Một phần ba từ chối, hai phần ba tuân theo . Lời nguyền rủa được thốt lên (b) ;chúng sẽ thác sinh trong giống dân Thứ tư ,sẽ chịu đau khổ và gây đau khổ . Đó là cuộc chiến đấu đầu tiên (c).

Người ta chỉ có thể quán triệt được trọn vẹn ý nghĩa của câu kinh này sau khi đã đọc những lời giải thích bổ túc với đầy đủ chi tiết trong phần có những giảng lý về Nhân sinh khởi nguyên luận trong các quyển 3 và 4 .

Giai đoạn này và đoạn 4 là diễn trình tiến hóa qua những thế hệ lâu dài , và bây giờ là bắt đầu chớm nở buổi bình minh , mở màn cho thế hệ khác. Vở kịch diễn biến trên địa cầu của chúng ta ở vào lúc khởi đầu màn thứ tư ,nhưng để hiểu rõ hơn toàn -bộ vở kịch, độc giả sẽ phải quay trở lại những màn trước đây trước khi tiếp tục. Vì câu trên thuộc về phần Vũ Trụ khai Tịch Luận đại cương được trình bày trong những quyển sách cổ ,còn quyển 2 sẽ trình bày cuộc diễn biến từng chi tiết của Cơ Sáng Tạo hay nói đúng hơn là sự hình thành giống người đầu tiên ,kế đó là giống người cấp hai ,rồi tới cấp ba ,hay nói theo danh từ huyền môn là những giống dân thứ 1 , 2 , và 3 . Cũng như địa cầu bắt đầu thành hình như 1 quả cầu bằng lửa lỏng ,bụi lửa và nguyên - hình chất chưa cô đọng ,thì con người cũng vậy.

(a) Điều gọi là"cái thứ tư" được giải thích như cuộc tuần hoàn 4 ,theo uy tín Thiền bình luận . Nó cũng có thể được hiểu là chu kỳ thứ 4 ,cũng như cuộc tuần hoàn 4 ,hay thậm chí là bầu thứ tư (Trái đất) . Như sẽ được chỉ dẫn liên tục sau đây ,đó là bầu thứ tư trên cõi thứ tư hay cõi thấp nhất của sự sống vật chất . Và nhân loại nay đang ở vào cuộc tuần hoàn 4 ,ở điểm giữa cuộc tuần hoàn này là giai đoạn mà thế quân bình tuyệt đối giữa tinh thần và vật chất phải được thực hiện . Như độc giả sẽ thấy ,chính ở vào giai đoạn này (trong thời kỳ phát triển cực - điểm của nền văn minh,kiến thức,trí tuệ thông minh của giai đoạn 4 (Atlante) và do bởi cơn khủng hoảng cuối cùng của sự điều chỉnh sinh lý và tâm linh của các giống dân) mà nhân loại chia làm hai phái theo hai đường đối lập rõ rệt : con đường hữu phái (chánh đạo) và tả phái(tà đạo) . Thiền bình luận viết : " Những

mầm mống của hai phái chánh và tà đạo được gieo rắc trong nhân-loại vào thời kỳ đó. Những mầm mống ấy tiềm ẩn trong một thời-gian để rồi lại phát triển trong giai đoạn đầu của giống dân 5, tức chủng tộc văn minh hiện tại".

"Các thanh niên thánh thiện (Thần minh)(the Gods) từ khước sinh sản để tạo nên hậu duệ thuộc dòng giống thần tiênnhư họ. Họ không phải là những hình thể thích hợp với chúng ta . Họ phải trưởng thành . Họ từ khước không nhập vào những hình bóng (Chhaya) của những kẻ thấp kém hơn . Như thế, tử tưởng ích -kỷ đã ngự trị ngay từ lúc đầu ,dầu rằng trong giới thần tiên, và , họ đã bị đọa lạc dưới nhãn quan của các Đấng cầm cân nghiệp quả (Lipikas).

Họ phải chịu đau khổ về việc đó trong những kiếp tương lai . Có một sự tin tưởng theo truyền thống chung là trước khi có sự'đọa lạc'sinh lý (physiological "Fall") thì sự sinh - sản để truyền giống , dù là trong loài người hay loài động vật,được thể hiện do ý chí của các Đấng Tạo Tác hay hậu duệ của các Ngài. Đó là sự đọa lạc của tinh thần chứ không phải sự đọa lạccủa con người phàm tục. Ở trên đã nói rằng để trở nên một tinh thần có ý thức tự ngã , tinh thần đó phải trải qua mọi chu kỳ sinh-hoạt ,tự hữu để tiến lên giai đoạn cực điểm trên trái đất trong con người ,Tinh thần tự nó vốn là một trừu tượng tiêu cực và vô thức. Sự thuần khiết của nó vốn nội tại chứ không thể đạt được bằng sự cố gắng hay tài giỏi . Bởi đó, như đã giải thích,muốn trở nên vị Thiên sứ cao cả nhất , mỗi linh hồn cần đạt tới ý thức tự ngã viên mãn trong con người ,nghĩa là một nhân vật tự hữu có thể ý thức được tổng hợp thành con người . Những vị đạo sĩ bí pháp Do Thái (Jewish Kabalists) lý luận rằng ,không có linh hồn (Spirits) nào có thể thuộc về hệ cấp thiêng liêng trừ phi linh khí (Ruach) (Spirit) hợp nhất với Cảm Dục sinh khí thể (Nephesh) (Linh hồn còn sống : Living Soul) , họ cũng chỉ lặp -lại giáo lý bí truyền Đông phương mà thôi .

Một Đấng tự giác (Dhyani) phải là một Tiên Thể Kim -thân (Atma -Buddhi) . Một khi Kim thân Trí tuệ (Buddhi -Manas) rời khỏi Tiên thể (Atma) bất diệt , mà nó (Buddhi) là cái thể bọc ngoài ,thì Atman bước vào giai đoạn bất tại (Non -Being) cũng là thực tại tuyệt đối (Absolute Being).

Đó có nghĩa là trạng thái Niết Bàn thuần túy ;là diễn-biến của Tinh thần trở về trạng thái trừu tượng lý tưởng của thực tại , nó vốn không có liên hệ gì xxx đến cõi giới trên đó vũ trụ đang thực hiện chu kỳ sinh hoạt của nó.

(b) "Lời nguyền được thốt lên"ở đây không có nghĩa là

do một vị thần minh hay Đấng Cao cả nào thốt ra , mà chỉ có nghĩa là nguyên nhân tạo nên nghiệp xấu đã được gây ra , và những hậu quả của một nguyên nhân tạo nghiệp chỉ có thể đưa những vị nào hành động trái với định luật thiên nhiên làm ngăn trở cái đà tiến hóa tự nhiên của Trời Đất , bước vào những kiếp đầu thai đầy nghiệp chướng đau khổ .

(c) "Chiến tranh" ở đây là nói về những sự tranh đấu trong việc điều chỉnh về mọi mặt tâm linh vũ trụ và càn tượng (astronomical) nhưng trên hết là nói về sự huyền nhiệm trong cơ tiến hóa của con người như trong giai đoạn hiện tại . Những quyền năng hay những tinh hoa thuần túy "được người ta nói tới là để sáng tạo" —như người ta đã nói —có liên quan đến 1 điều bí mật đã được giải thích ở một chỗ khác trong bộ sách này. Chẳng những đó là một trong những bí mật kín đáo nhất của thiên nhiên — bí mật của sự sinh sản mà các nhà phôi thai học , để giải quyết nó , đã phối trí với nhau một cách hoài công — mà nó cũng có một thiên chức bao gồm sự bí mật vĩ đại về tín ngưỡng hoặc đúng hơn là sự bí mật của giáo điều độc đoán tức là sự "sa ngã" của các Thiên thần (như người ta đã gọi) . Con qui cám dỗ (Satan) và bè lủ nổi loạn của nó ,như vậy sẽ không nhận lấy nhiệm vụ tạo ra con người bằng thể xác mà chỉ muốn trở thành kx' trực tiếp những Đấng Cứu Thế và những Đấng của con người thiêng liêng (Saviours and Creators of "divine Man")(khi ý nghĩa về điều ngụ ý này đã được giải thích). Giáo lý về biểu tượng này còn hơn mức huyền bí và sự tôn sùng như chúng ta sẽ thấy sau này ,giáo lý này hoàn toàn thuộc về khoa học . Vì , thay vì vốn chỉ là một phương tiện hoạt động mù quáng do Định Luật thâm-sâu dẫn dắt và thúc đẩy , vị "thiên thần" nổi loạn lại đòi hỏi thi-hành quyền phán đoán và ý chí độc tôn , quyền tự do hoạt động và trách nhiệm , vì Con người và Thiên thần đều bị định luật nhân quả chi phối .

Để giải thích quan điểm của các nhà bí pháp Kabalxx tác giả cuốn "Những hiện trạng mới của đời sống" (New aspects of Li fe) đã nói về những vị Thiên thần sa ngã là :

" Theo giáo lý của biểu tượng học ... linh hồn(spirit), do chỉ là một nhân vật thừa hành của Thượng Đế (God) nên tự ý phát huy hành động , nó lấy ý muốn riêng để thay thế cho lòng ham muốn thiêng liêng cho riêng phần nó , nên nó bị sa ngã .Do đó, loài tinh linh và sự hoạt động của cá c tinh linh vốn là x' sản phẩm của lòng ham muốn của linh hồn ,bèn ở bên ngoài chống lại hẵanh động của Thượng Đế và thế giới của linh hồn".

Như vậy, rất đúng ; nhưng tác giả muốn nói gì khi bảo :

"Khi con người được tạo ra, y có cấu tạo của nhân loại,có những tình cảm của nhân loại ,có những hy vọng và nguyện vọng của nhân loại . Từ tình trạng này ,y sa ngã thành kẻ tàn ác và dã man".

Đó là sự đối lập trực tiếp với giáo lý Phương Đông của chúng ta ,cũng như đối với quan niệm của tín đồ Do Thái Bí giáo theo như chúng ta hiểu, nó cũng đối lập với cả Thánh Kinh Thiên Chúa giáo (Bible) . Điều này giống như chủ nghĩa Bản Thể (Corpo realism) và Duy vật chủ nghĩa (Substantialism) ,mang màu sắc của Triết Lý Thực Nghiệm (Positive Philosophy), mặc dù hơi khó để người ta có thể hoàn toàn cảm thông được chắc chắn tác giả định nói gì . Tuy nhiên, một sự sa ngã "từ cái tự nhiên đến cái siêu nhiên và đến con thú" — trong trường hợp này,cái siêu nhiên có nghĩa là linh hồn thuần túy —bao hàm cái mà chúng ta đề xướng.

Kinh Tân ước có nói đến một trong những "cuộc chiến tranh" này như sau :

" Đã có nhiều cuộc chiến tranh ở trên cõi Thiên Đàng : Thánh Michael và những vị thiên thần của người đã chiến đấu để chống lại con Rồng (Dragon) ; con Rồng cũng đã xáp chiến ,nhưng nó không thắng nổi các vị Thiên thần ;nên người ta không tìm thấy nữa có bất cứ chỗ nào để cho chúng ở lại cõi Thiên Đàng . Con Rồng khổng lồ này bị đuổi ra khỏi cõi Thiên Đàng .Nó chính là con Xà tinh cổ lỗ (old serpent) ,nó cũng được gọi là loài yêu tinh (De-vil) và Quỉ quái (Satan) đã phỉnh lừa mọi người "(1).

(1) [Kinh Thiên Khải ,xii , 7-9]

Lối tường thuật của người Kabal về cùng cốt truyện ấy đã được đưa ra trong cuốn Codex Nazaraeus là một quyển kinh sử của môn đồ Nazarenes ,là những tín đồ Ky tô giáo thần bí chân-chính của Thánh John Baptist , là những vị được điểm đạo của Đức Chúa Trời (Christos) ,là Đấng toàn thiện. Đấng Bahak Zivo , là"con đẻ của các vị thần linh" ("Father of the Genii") ,được ủy lệnh tạo ra các sinh vật (sáng tạo) . Nhưng vì Ngài "không biết gì về địa ngục không đáy" (Orcus) nên Ngài bị thất bại và kêu gọi tới Đấng Hóa công thấp hèn (Fetahil) ,một linh hồn trong sạch hơn để giúp mình ,nhưng rồi ,y còn bị thất bại tồi tệ hơn. Đó là một sự nhắc lại về sự sa ngã của các"Đức Cha",những Đấng Cao Cả của ánh sáng , các Ngài đã thất bại, hết Đấng này tới Đấng kia. (2)(Xem bộ "Nữ Thần Isis lộ diện" trang 299,300.Cũng cần đối chiếu với cuốn "Những Bí Mật của Tôn Giáo": Con cái của

nhân loại , của S.F. Dunlap ,trang 50 và kế tiếp(1861)).

Bây giờ chúng tôi xin trích dẫn một vài đoạn trong những quyển sách trước kia của chúng tôi.(1)

(1) ⟨ Bộ "Nữ Thần Isis lộ diện ,I, trang 299-300 ⟩

"Rồi đến giai đoạn tạo ra "tinh linh" ("spirit") của Địa-cầu như người ta đã gọi —hay là Linh hồn ,Hồn thú (Psyche)mà Thánh James gọi là những "loài yêu tinh" ,phần thấp của linh-hồn thế gian (Anima Mundi) hay là tinh tú quang (Astral light)(Xem phần chót của câu kinh này) .Theo những tín đồ Nazarenes và các tín đồ phái Ngộ Đạo (Gnostics) thì loài tinh linh này có đặc tính nữ . Như vậy,Tinh linh của trái đất thấy rằng đối với Đấng Tạo Hóa thấp hèn (Fetahil) (2) con người mới nhất(newest man) , sự vinh diệu đã đổi thay , và đối với sự vinh diệu này ,"sự suy tàn và sự sụp đổ " đã xuất hiện , bèn đánh thức tinh linh có lòng ham muốn mù quáng (Karabtanos)(3) ,"loài tinh linh này thì cuồng dại ,<u>không có ý thức và sự suy xét</u> " —và nói với y là :

"Mày hãy dậy đi ,hãy xem kìa ,sự vinh diệu (Ánh sáng) của con người mới nhất này (Fetahil) đã thất bại (để sinh ra hay tạo ra con người) và người ta thấy rõ sự vinh diệu này đã bị giảm dần . Mày hãy đứng lên rồi đến Mẹ mày (Spiritus) và giải thoát mày khỏi những giới hạn đã giữ chặt lấy mày , những giới hạn rộng lớn hơn toàn thế gian ". Sau đó là sự kết hợp của thứ vật-chất cuồng dại và mù quáng đó ,nó đề cho những sự ám chỉ của linh hồn điều khiển (không phải là Hơi Thở thiêng liêng ,mà là Linh hồn của thể vía , mà do bản chất nhị phân ,đã bị vật chất làm hư hỏng) và khi quà tặng của người Mẹ đã được nhận,Spiritus quan niệm ra "Bảy Mặt" và Bảy Ngôi sao (hành tinh) , chúng cũng tượng trưng cho bảy tội lỗi chánh ,là con cái của một Linh hồn đầu tinh (Astral Soul) đã tách rời khỏi nguồn gốc thiêng liêng của nó (tinh thần) và vật chất , con quỉ dâm dục mù quáng . Khi thấy điều này, Tay Thợ Tạo thấp hèn (Fetahil) nới rộng vòng tay của người đến tận vực thẳm vật chất ,và nói :"Hãy để cho trái đất xuất hiện ,cũng như nơi đây những quyền năng đã biểu hiện". Khi nhúng tay vào cái Hỗn Mang (Chaos),mà Người làm đông đặc lại, Ngườitạo ra hành tinh của chúng ta".

(2) ⟨= Tay Thợ Tạo thấp hèn giống như nhóm các vị Nguyệt tinh quân (Pitris) "tạo ra con người" như là chỉ có một"lớp vỏ" mà thôi. Những người Nazarenes nói rằng Người là vua của ánh sáng và là Đấng Tạo Hóa ,nhưng trong trường hợp này, Người chỉ là Prometheus bất hạnh không giữ được ngọn lửa sống động cần cho

sự sáng tạo linh hồn thiêng liêng,vì Người không biết được danh hiệu bí mật ,danh hiệu không thể tả được ,danh hiệu không thể truyền đạt được của những tín đồ Do Thái Bí giáo._/

(3) /- Linh hồn vật chất và nhục dục(The Spirit of Matter and Concupiscence) ;cảm dục thể (Kama rupa) bắt đi cái trí (Manas) _/

Rồi cuốn Cựu Kinh (Codex) cũng nói thêm ,làm thế nào mà Cha của các vị thần linh (Bahak Zivo) được tách ra khỏi Mẹ của các Thần linh (Spiritus) và các vị thần linh (Genii) hay là các vị Thiên thần được tách ra khỏi các nhóm Thần nổi loạn (4) .

(4) /- Cuốn Codex Nazaraeus; ii; 233 _/

Rồi vị Thủy tổ nhân loại (Mano)(5) (người vĩ đại nhất),Người ở với quyền năng sáng tạo cao siêu nhất và vĩ đại nhất Ferho , gọi vị Chúa tể của các Đấng Sáng Tạo (Kebar Zivo) (cũng được kể biết với các danh hiệu là Nebat lavar bar lufin), Bánh lái và Nho dùng làm Thức ăn cho Sự Sống (6) -Người cũng là sự sống thứ ba ,cũng thường hại cho những vị thần phản loạn và cuồng si ,vì họ đầy lòng tham vọng ,và nói : "Hỡi vị Chúa tể của các vị thần linh (7) (Aeons) hãy xem cái mà các vị thần linh (những vị Thiên thần nổi loạn) đã làm và cái mà họ đang đem ra để thảo luận (Co-dex Nazaraeus),i, 135).

(5) /- Tiếng Mano này của người Nazarenes giống một cách kỳ lạ với tiếng Manu của người Ấn độ , Con Người ở Trên Trời(the Heavenly Man) của Kinh Phệ Đà _/

(6) /- "Tôi là nho thực sự ,và Cha tôi là một người làm ruộng (husbandman) "(John XV , 1) _/

(7) /- Theo những nhà triết học nội môn ,thì Đấng Hoàn-thiện (Christ) -cũng như Đấng Thánh Michael ,Ngài vốn đồng nhất với Đấng Christ về một vài phương diện - là vị chủ tể của các phân thần (Aeons) ._/

Họ trả lời :"Hãy để chúng tôi tạo ra bầu thế giới ,hãy để cho chúng tôi tạo ra những"quyền năng ". Những vị thần linh là những tay cự phách (những nguyên khí) ,những đứa con của ánh sáng , nhưng mày là vị Sứ giả của sự sống".

Để hóa giải ảnh hưởng của bảy nguyên khí "có khuynh-hướng xấu" ,con cháu của thần Spiritus ,Kebar Zivo (hay là Cabar Zio) ,Đấng Chúa tể vinh diệu đầy quyền uy ,tạo ra bảy kiếp sống khác (những đức tính chủ yếu) ,trong hình dáng riêng của mình ,

chúng rực sáng "từ trên cao" (1) ,như vậy, Ngài tái lập sự quân bình giữa điềuthiện và điều ác , giữa ánh sáng và bóng tối.

(1) [Xem Vũ trụ học của Pherecydes]

Ở đây,người ta nhận thấy có một sự lập lại những hệthống nhị nguyên ấn ý đầu tiên như là của những tín đồ Hỏa giáo (Zoroastrian) và người ta cũng khám phá ra được một mầm mống của những tín ngưỡng về nhị nguyên và giáo điều độc đoán trong tương lai , một mầm mống đã nảy nở thành ra cây tươi tốt trong giáo hội Ky tô . Tôn giáo này đã phác họa ra hai cái Tối thượng : "Đức Chúa Trời" và Ác Quỉ (Satan) . Nhưng trong những đoạn Thánh Kinh này , không có một tư tưởng nào giống như vậy.

Hầu hết những đạo sĩ Kabal của Ky Tô giáo phương Tây — nhất là Eliphas Levy —khi muốn dung hoà các môn khoa học huyền bí với những giáo điều độc đoán của giáo hội ,đã làm hết sức mình để biến tinh tú quang (Astral light) chỉ và chủ yếu là thành cái mà các Đức Cha đầu tiên của Nhà Thờ gọi là nơi ở của các vị thần vô hình (Pleroma) , nơi ở của những nhóm Thiên Thần Sa Đọa (Fallen Angels) ,của những vị Hành tinh quân(Archons) và của những "Quyền Năng" . Nhưng Tinh tú quang ,dù chỉ là trạng - thái thấp của Tuyệt Đối , nhưng vẫn còn nhị nguyên. Đó chính là Linh hồn thế gian (Anima Mundi) và người ta cũng không bao giờ được xem nó như là một cái gì khác nữa ,ngoại trừ với những ý- đồ của tín đồ Do Thái Bí giáo . Sự khác nhau giữa "Ánh Sáng" và "Lửa sống động" của nó phải luôn luôn hiện ra trong trí của những nhà linh thị và nhà Tâm linh . Trạng thái cao của "Ánh - Sáng " này (không có nó thì chỉ những sinh vật bằng vật chất mới có thể sinh ra) là thứ lửa sống động và là nguyên khí thứ bảy của nó . Điều này đã được trình bày trong cuốn "Nữ Thần Isis lộ diện" với một sự diễn tả đầy đủ như sau :

"Tinh tú quang hay là linh hồn thế gian có đặc tính nhị nguyên và lưỡng tính . Phần nam tính (lý tưởng) của nó thì hoàn toàn thiêng liêng và thuộc về tinh thần ; nó là Minh triết, nó cũng là Tinh thần hay là Purusha ; trong khi phần có đặc tính nữ (mà người Nazarenes gọi là Spiritus) (theo một ý nghĩa) bị làm hư hỏng bởi vật chất , mà thực ra nó là vật chất , vì vậy mà nó trở thành điều ác . Nó là cái nguyên lý sự sống của mọi sinh vật , nó ban cho con người ,cho loài thú, cho loài chim trên trời và mọi vật còn sống cái linh hồn đầu tinh ,một thứ linh mạc uyển chuyển ((fluidic perisprit). Chỉ có loài thú mới có cái mầm tiềm ẩn của linh hồn bất tử cao siêu nhất ở trong nó . Linh - hồn này sẽ chỉ phát triển sau một loạt vô số lần tiến hóa ;giáo lý dạy về sự tiến hóa này được chứa đựng trong một câu châm -

ngôn của tín đồ Do Thái Bí Giáo :"Một cục đá trở thành 1 cái cây, 1 cái cây trở thành 1 con thú ,1 con thú trở thành 1 con người ; 1 người trở thành k.1 vị thần(spirit); 1 vị thần trở thành một vị Thượng Đế".

Bảy nguyên lý của những người được điểm đạo Đông phương chưa được giải thích khi cuốn "Nữ Thần Isis lộ diện" đượcviết ra ,nhưng trong Thánh Kinh Kabal (1) bán công truyền ,chỉ có ba mặt của môn phái Kabal.

(1) [Tuy nhiên,những nguyên lý này được tìm thấy trong kinh Bí số(Book of Numbers) của người Can-Đê(Chaldean)]

Những nguyên lý này đã diễn tả bản chất huyền bí của nhóm Thiền Định Chơn Quân(Dhyan Chohans) đầu tiên ở trong cõi rực sáng (regimen ignis),là vùng và cũng là nơi "thống trị (hay cai quản) của lửa"("rule (or goverment)of fire"),nó được chia làm ba hạng ,và do nhóm đầu tiên tổng hợp để tạo ra số 4 hay là "Bốn Mặt"("Tetraktys")(2).

(2) [Xem những lời bình luận của Đoạn Thánh Kinh 7]

Nếu người ta chịu nghiên cứu những lời Bình luận này một cách chăm chỉ ,người ta sẽ thấy 1 tiến trình tương tự nơi các bản chất của các vị Thiên thần ,nghĩa là từ cái bản chất thụ-động đến bản chất tích cực ; Đẳng Thiên thần cuối cùng gần với đơn vị Ngã thức (Ahamkara)- vùng hay là cõi ở đó 1 ngã tính(E-goship),hay là cảm giác về bản ngã(I-am-ness)bắt đầu được xác định - cũng như Đẳng trước nhất gần với Nguyên-Thể phi-nhân-hóa(undifferentiated Essence) ,những Đẳng đầu tiên thì vô-hình hay là Arupa, những Đẳng sau thì hữu hình hay là Rupa.

Trong quyển II của tác phẩm này (3),những hệ thống triết lý của những tín đồ phái Ngộ Đạo(Gnostics) và những người Do-Thái Hy tế Giáo(Jewish Christians) nguyênthủy ,của những người Nazarenes và của những người Ebionites được cứu xét 1 cách đầy đủ . Người ta chỉ cho thấy những quan niệm về Thượng Đế lưỡng tính (Đức Jehovah) được gìn giữ ngày ấy ở bên ngoài Giáo Hội Do Thái giáo của Thánh Moises. Tất cả những tín đồ phái Ngộ - Đạo cho rằng vị Thượng Đế này giống với nguyên lý ác hơn là nguyên lý thiện. Đối với họ,Ngài chính là đứa trẻ được sinhra từ cái Trứng (Ilda-Baoth) ,"Đức Con của Bóng Tối",mẹ của nó (Sophia Achamoth) là con gái của Sophia ,Minh triết Thiêng - Liêng - mà những tín đồ Thiên Chúa giáo nguyên thủy gọi là Đức Chúa Thánh thần có nữ tính - Nguyên linh khí(Âkashâ); Sophia

Achamoth được nhân cách hóa là 1 thứ Tinh tú quang bậc thấp (Lower Astral Light)có sự liên quan với Tiên thiên khí (Âkasha) và Linh Hồn thế gian(Anima Mundi),cũng giống như con ác-quỷ (Satan) có liên quan với Thượng Đế(Deity).Cả hai là 1 và cũng là 1 sự vật giống nhau được nhìn thấy dưới 2 trạng thái, trạng thái tinh thần và trạng thái tâm linh — trạng thái siêu dĩ thái(super-etheral) hay là sợi dây nối liền giữa vật chất và tinh thần thuần túy — và trạng thái vật chất(4) .

(3) [trang 301 : Như trên,II ,trang 183 và kế tiếp]

(4)[Về sự khác nhau giữa tiếng nous,Minh triết thiêng liêng cao cả và tiếng psyche,là minh triết thấp hơn thuộc cõi trần ,xem cuốn Thánh James,iii;15-17,xem quyển II ,phần 2 Tiết 2 ,nói về "Ma quỷ là mặt trái của Thượng Đế"(Demon est Deus Inversus)]

Tiếng Ilda Baoth là 1 danh từ kép gồm có tiếng Ilda(Yal-da) là đứa trẻ (gái) và tiếng Baoth (Bahoth) ; tiếng sau này gốc là tiếng .... ,là 1 cái trứng và tiếng..... là cái Hỗn-mang (Chaos) ,trống không hay là tiêu điều ;hoặc cũng có nghĩa là đứa trẻ được sinh ra trong cái Trứng của Hỗn Mang , giống như Thượng Đế sáng tạo lưỡng tính(Đức Brahma)- hay là Thượng Đế nam nữ tính (Jehovah),chỉ là 1 trong những Đấng Sáng Tạo (Elohim) ,Bảy vị thần sáng tạo và là 1 trong các vị thần sáng tạo thấp hơn(Sephiroth). Ilda-Baoth (Yalda-Bahoth) tự Ngài sinh ra Bảy Đấng Thượng Đế khác nữa(Gods):"Những Vị Tinh Quân"("Stellar Spirits") hay là những vị Tổ Tiên ở trên Nguyệt Cầu (Lunar Ancestor)(5) vì tất cả những vị này đều giống nhau .(6).

(5) [Sự tương quan giữa Thượng Đế có nam nữ tính (Jehovah) với mặt trăng trong Kinh Bí pháp Kabalah được các sinh-viên huyền môn biết rõ]

(6) [Về những người Nazarenes,có thể xem q."Nữ Thần Is-is lộ diện" II,trang 131 và 132. Những đạo đồ chân chính của Đấng Hoàn Thiện(Christos) thực sự cũng là những người Nazarenes và đều là địch thủ của các tín đồ Thiên Chúa giáo sau này]

Các Ngài đều theo hình bóng riêng biệt của Ngài những "vị thần linh có nhiều mặt" mà Đấng này phản ảnh Đấng Kia ,các Ngài trở nên tối tăm hơn và vật chất hơn khi dần dần tránh xa nguồn cội của các Ngài . Các Ngài cũng ở trong bảy vùng được sắp đặt giống như một cái thang ,vì các nấc thang của nó đi lên và đi xuống trên thang của tinh thần và vật chất (7).

(7) [Xem đồ hình II chỉ dãy Nguyệt cầu có 7 bầu thế - giới trong đó cũng như dãy hành tinh riêng của chúng ta hay bất cứ dãy hành tinh nào khác,những bầu thế giới ở trên thì thuộc về tinh thần ,trong khi những bầu thấp nhất ,dù là mặt trăng,trái đất hay bất cứ bầu nào khác cũng đều tối tăm vì vật chất]

Theo những người ngoại đạo và những người Thiên Chúa - giáo,theo những người Ấn độ giáo và Chaldean ,theo những người Hy Lạp cũng như những tín đồ Cơ đốc giáo La mã —kinh - điển được họ giải thích theo nhiều cách hơi khác nhau — ,tất cả những vị này đều là những vị thần của 7 hành tinh và của bảy bầu hành tinh của dãy gồm 7 hành tinh của chúng ta ,mà trái đất là bầu hành tinh thấp nhất ,điều này liên kết "những vị Tinh quân" và những vị "Nguyệt Tinh quân" với những thiên-thần hành tinh cao hơn và 7 Đấng Thánh Triết (Rishis) của người Ấn độ (họ gọi là Saptarishis)- những vị thiên thần trợ tá ,hay là những vị sứ giả của các vị Thánh Triết này ,mà , trên nấc thang đi xuống ,họ là phân thân của những vị Thánh-Triết . Theo quan niệm của những người theo pháo Ngộ Đạo,ngày nay,các vị này được các tín đồ Thiên Chúa Giáo tôn sùng như là Đức Chúa Trời (God) và các vị Thiên Thần ! Như vậy,câu chuyện về "những vị thiên thần sa đọa" và huyền thoại về cuộc "chiến tranh ở trên Trời" có nguồn gốc hoàn toàn của người ngoại đạo ,và nó xuất phát từ Ấn độ xuyên qua Ba Tư và Chaldea . Về những câu chuyện này thì trong các kinh điển của người Ky Tô Giáo ,chỉ có Thiên Khải ,xii là đề cập tới(ta đã trích-dẫn cách đây vài trang).

Như vậy,1 lần nữa "Con Ác Quỉ"(Satan) trở nên 1 hình-ảnh vĩ đại của kẻ tạo ra 1 con người trần tục và 1 con người thiêng liêng (1 khi người ta không còn xét Satan theo 1 tinh-thần phi triết lý ,mê tín và độc đoán của các giáo hội nữa) ; trong suốt giai đoạn dài đăng đẳng của Đại thiên kiếp(Maha kalpa) ,người ấy đã ban cho y định luật về Tinh Thần của Sự-Sống và cũng giải thoát cho y khỏi tội Vô Minh đó đó, thoát khỏi cái chết.

6- Những bánh xe cũ xoay vòng xuống dưới và lên trên (a)...Cái Trứng của Từ Mẫu lấp đầy toàn thể VũTrụ (1) có những trận giao phong giữa những Đấng Sáng Tạo và Hủy diệt và những trận đánh để tranh thủ Không gian,cái Mầm xuất hiện và tái xuất hiện liên tục (b) (2).

(1) [Vũ trụ được đề cập đến trong những Đoạn Thiên Kinh xx chỉ có nghĩa là Thái dương hệ mà thôi,chớ không phải Vũ Trụ Vô Cực(Infinite Universe)].

(2) [Điều này hoàn toàn thuộc về Thiên văn học]

(a) Ở đây,bây giờ ,sau khi những vấn đề phụ của chúng ta chấm dứt nơi đây —tuy nhiên,những câu hỏi này cũng cần để làm sáng tỏ toàn thể vấn đề ,dù chúng đã cắt đứt câu chuyện đang kể - để hiểu rõ toàn diện cơ cấu vũ trụ ,độc giả hãy trở lại 1 lần nữa với Vũ trụ khai tịch luận. Câu "Bánh Xe Cũ" là nói về những bầu thế giới của dãy hành tinh hiện tại trong những cuộc Tuần hoàn trước đây . Người ta thấy đoạn kinh này khi được giải thích theo ý nghĩa huyền môn ,hoàn toàn nằm gọn trong những Kinh điển huyền môn Kabala .Trong những Kinh Kabala này ,người ta thấy diễn tả lịch trình tiến hóa của vô số bầu thế giới sau 1 chu kỳ hủy diệt ,được tái tạo lại từ những chất liệu cũ để tạo thành những hình thể mới. Những bầu thế giới cũ trước đây tan rã và tái xuất hiện dưới hình thức biến đổi và kiện-toàn để thích ứng với 1 chu kỳ sinh hoạt mới .Trong Kinh Bí pháp Kabala ,người ta so sánh những bầu thế giới này với những đốm lửa vọt ra từ dưới lưỡi búa của Đấng Hóa Công vĩ đại - Đại Luật , chính là Đại Luật(Law) thống trị những Tay Thợ Tạo nhỏ hơn.

Đồ hình III chỉ sự tương hợp giữa 2 triết hệ huyền - môn ,triết hệ Kabala và triết hệ Đông phương .Ba giai tầng trên là ba cõi tâm thức thượng đẳng chỉ được tiết lộ và giải thích trong hai đạo phái trên cho những vị đã được điểm đạo,còn các giai tầng dưới là 4 cõi thấp hơn ,cõi thấp nhất là hồng trần , hay vũ trụ sắc tướng hữu hình.

Bảy cõi có liên quan tới 7 trạng thái tâm thức trong con người .Con người còn phải hoà hợp ba trạng thái tâm thức siêu-đẳng của mình với ba cõi giới thượng tầng trong vũ trụ. Nhưng, trước khi y có thể hoà hợp ;y phải làm thức động ba thể thượng cho sống dậy và hoạt động .

Có bao nhiêu người có thể dẫn mình đến 1 sự hiểu biết nông cạn về kiến thức Tinh thần (Atma Vidya),hay là cái mà các đạo sĩ thần bí học Hồi giáo (Sufis) gọi là các môn bí pháp chân truyền (Rohanee) ? (4)

(4) [Để có được 1 giải thích rõ hơn về chữ trên,nên xem chữ Saptaparna trong phần mục lục]

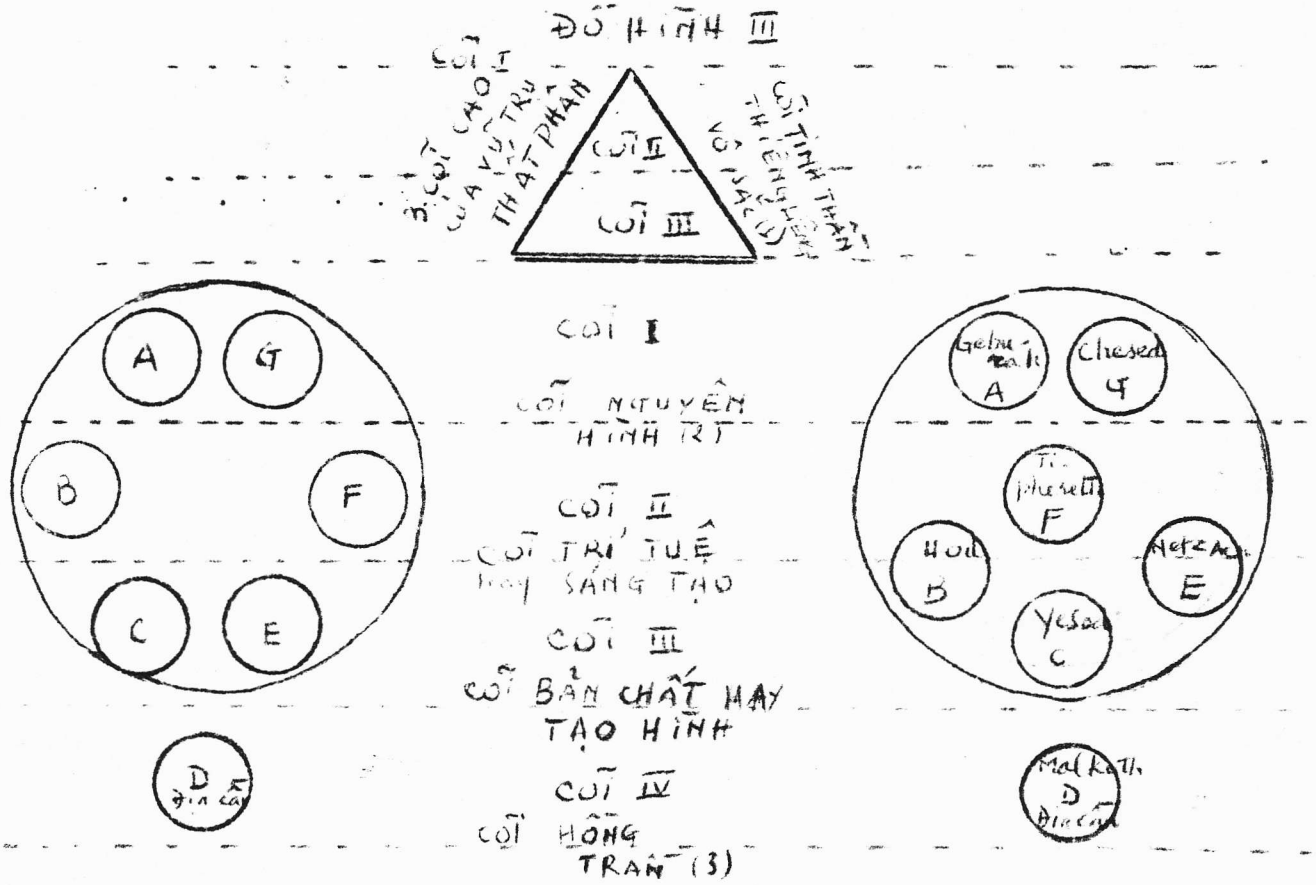

(b) "Cái mầm xuất hiện và biến mất 1 cách liên tục". Cái Mầm ở đây có nghĩa là "Mầm của thế giới" mà khoa học coi như những phân tử vật chất trong 1 trạng thái rất lỏng ,nhưng lý học huyền môn coi như "phân tử tâm linh" tức là vật chất siêu-thức ,tồn tại trong 1 trạng thái phân hóa sơ khởi(1).

(1) Để thấy và đánh giá được sự dị biệt —cái vực-thẳm bao la ngăn cách vật chất của cõi trần với những cấp- độ tinh anh của vật chất siêu cảm giác —mọi thiên văn gia ,hóa-học gia và vật lý gia ít nhất phải là 1 trắc-tâm-kế(psychometer :máy đo tâm lý) ; y phải có thể cảm biết được cho chính mình sự dị biệt mà ngày nay y không thèm tin .Bà Elizabeth Denton , 1 phụ nữ thông thái nhất ,và cũng là 1 trong những kẻ duy vật và đa nghi nhất trong thời kỳ ấy — phu nhân của giáo sư Denton ,nhà địa chất học lừng danh ở Mỹ ,tác giả của quyển "Linh hồn của vạn vật" —mặc dù theo thuyết hoài - nghi ,vẫn là 1 trong những trắc tâm kế tài tình nhất ; Bà đã mô tả 1 trong những cuộc thực nghiệm của mình như sau .Người ta để 1 phong bì có đựng 1 cục vẫn thạch trên trán bà ;chẳng biết bên trong có cái gì , thế mà bà cũng nói :

" có biết bao nhiêu là sự dị biệt giữa cái mà chúng ta công nhận là vật chất ở đây và cái dường như là vật chất ở kia ! Nơi thứ này,các phần tử thô kệch và sắc cạnh quá đáng , nên tôi cũng chẳng biết chúng ta có thể chịu nổi nó nhiều hơn

mức mà ta muốn tiếp tục quan hệ với nó chăng ;nơi thứ kia,tất cả các phần tử đều rất tinh anh ,chúng không có những góccạnh lồi lõm (vốn là đặc điểm của những phần tử ở đâyđến nỗi màtôi không thể nào coi thứ vật chất đó là có thực hơn thứ vật-chất này ". Sách đã dẫn ,III,trang 346 /

Trong khoa Thần phổ(Theogony) ,mỗi Mầm(Seed) là 1 cơ thể bằng dĩ thái(ethereal organism) ,trải qua nhiều thời gian, sẽ tiến hóa thành thiên thần,1 Thượng Đế.

Lúc "khởi thủy"("beginning"),cái gọi là "ý muốn của vũ trụ" ("cosmic desire"),nói theo ngôn ngữ huyền học,tiến hóa thành ánh sáng tuyệt đối .Ánh sáng mà không phát ra cái bóng nào ,tức là ánh sáng tuyệt đối ,hay nói cách khác ,là bóngtối tuyệt đối điều mà khoa vật lý đang tìm cách chứng minh .Bóng-tối đó xuất hiện dưới hình thức vật chất nguyên thủy , được quan niệm 1 cách ẩn dụ dưới hình thức tinh thần của lửa Sáng Tạo hay Nhiệt Lực sáng tạo . Hãy vứt bỏ cách nói ẩn dụ ,bóng bẩy hay ngôn từ thi vị ,nếu khoa học muốn nói đó là hơi lửa nguyên thủy ,thì cũng vẫn được .Dù muốn gọi theo cách này hay cách khác,hoặc gọi đó là điện lực hay năng lực,nói theo khoa học thì nó vẫn là 1 vật không tên ,và khó định nghĩa cũng như Fohat , 1 cái gì đó"làm cho vũ trụ vận hành theo vòng tròn" , nói theo Platon. Giáo lý huyền môn diễn tả như sau :

"Mặt trời trung ương làm cho Fohat quấn bụi nguyênthủy lại thành hình những bầu tròn ,làm cho chúng vận chuyển theo những đường hướng qui tâm ,rồi sau cùng xích lại gần nhau và phối hợp với nhau.. . .Phân tán trong không gian không theo trật tự hay hệ thống ,những mầm thế giới thường va chạm nhau và sau cùng phối hợp với nhau ,sau đó chúng trở nên những Vĩ-tinh (sao chổi). Kế đó,những trận chiến và xung đột bắt đầu. Những thiên thể già thu hút những thiên thể trẻ hơn,trong khi những thiên thể khác lại xô đẩy chúng . Nhiều thiên thể bị loại,bị nuốt sống bởi những bầu mạnh hơn .Những thiên thể thoát được trở nên những bầu thế giới" (1).

(1) / Thiền Định Chân Kinh (Book of Dzyan) /

Ngay trong giai đoạn mới đây của chúng ta,khi mà điều này được phân tích và suy gẫm 1 cách cẩn thận thì chúng ta sẽ thấy sự kiện này thuộc về khoa học như khoa học có thể thực-hiện được.

Chúng ta cũng được bảo đảm rằng ,có rất nhiều tác phẩm

khảo cứu hiện đại có tính cách tưởng tượng ,đã nói về những cuộc tranh đấu giành sự sống trên cõi của các tinh tú ,nhất là những tác phẩm bằng tiếng Đức .Chúng ta hân hạnh được nghe nói tới điều này,vì giáo lý của chúng ta là giáo lý huyền môn đã bị chìm trong bóng tối của thời Thượng Cổ.Chúng tôi đã có trình bày điều này 1 cách đầy đủ trong bộ "Nữ Thần Isis lộ-diện" (1) và ý niệm về sự tiến hóa giống như kiểu Darwin về sự tranh đấu để sống còn và có quyền uy tối thượng ,và về sự "tồn tại của cái thích nghi nhất" ,trong số những nhóm thiên-thần ở trên ,cũng như những nhóm thiên-thần dưới ,chúng rải - rác khắp trong 2 quyển sách của tác phẩm trước kia của chúng tôi,nó đã được viết ra vào năm 1876 . Nhưng quan niệm này không phải là của chúng tôi vì nó đã có từ thời Thượng Cổ .

Ngay cả tác giả của kinh Puranas cũng đã phối hợp 1 cách khéo léo chuyện ngụ ý với những sự kiện vũ trụ và những biến - cố của con người. Bất cứ nhà biểu tượng học nào cũng đều có thể phân biệt được những ẩn ý vũ trụ tinh tú của cuộc đó dù , y không thể nào hiểu được trọn vẹn ý nghĩa này.Những trận "đại-chiến ở trên Trời" như trong Kinh Puranas đã nói ;những cuộc chiến tranh của những người khổng lồ (Titans) trong tác -phẩm của Hesiod và của nhiều tác giả cổ điển khác ;cũng như những "cuộc chiến đấu" giữa thần Osiris và thần Typhon trong t h ần thoại Ai Cập ;cũng như những cuộc chiến tranh trong nhữn g huyền thoại của vùng bán đảo Bắc Âu ,tất cả đều nhắm 1 đề tài giống nhau .

(1) [Xem phần mục lục về những từ "Sự tiến hóa","Darwin", "Kapila","Trận chiến tranh dành Sự Sống" v.v...]

Thần thoại Bắc Âu coi cuộc chiến tranh này như là trận kịch chiến của những ngọn lửa là những đứa con của Hỏa thần Muspel đã giao tranh trên chiến trường Wigrod. Tất cả các điều này có liên quan đến các cõi Trời và Đất và có 2 ý nghĩa, và được áp dụng về mặt bí truyền cho những sự vật ở trên trời cũng như sự vật ở cõi trần.Những cuộc chiến tranh này thường liên hệ đến thiên văn học,thần phổ học và những cuộc chiến tr tranh của nhân loại chúng cũng liên quan đến sự điều chỉnh các thiên thể , và quyền bá chủ trong số tất cả các nước, và các bộ lạc ."Tranh đấu để sống còn" và "thích nghi để tồn tại" đã ngự trị trên địa cầu hết từ khi bầu vũ trụ này được sáng -tạo ra ,chúng không thể nào thoát khỏi con mắt quan sát của các nhà hiền triết thời cổ . Từ đó,có những cuộc chiến tranh không ngừng giữa 2 vị thần trông coi cõi trời (là thần Indra) với

những vị thần quỉ (Asuras) - những vị thần này bị giảm giátrị từ những vị thần cao cả xuống thành loài ma quỷ trong vũ -trụ —cả đến con quỷ che mưa gây hạn hán (Vitra hay Ahi ,là con Rắn), những trận giaochiến giữa các ngôi sao và các chòm tinh tú ,giữa những mặt trăng và các hành tinh — sau này chúng hóa thân thành vua chúa và những người thường. Từ đó,cũng xảy ra trận chiến tranh ở trên trời giữa Thánh Michael và nhóm thiên thần của Ngài chống lại con Rồng (Dragon) — giữa Mộc tinh và Kim tinh (Jupiter and Lucifer Venus) — khi đó 1 phần ba ngôi sao của nhóm đấy loạn bị ném vào không gian và "Không còn chỗ nào cho chúng ở lại trên cõi trời". Như chúng tôi đã viết từ lâu rồi :

"Đó là viên đá đặt nền tảng cho những chu kỳ bí mật.Nó chỉ cho thấy rằng ,những người Bà la môn và những người Do - Thái được điểm đạo (Tanaim). . . đã suy lý về sự tạo lập và sự phát triển của bầu thế giới này ,hoàn toàn theo 1 đường lối như Darwin ,cả hai nhóm người này đã biết trước Darwin và môn phái của ông về sự chọn lọc tự nhiên ,sự phát triển và sự đổi thay dần dần của các loài"(1).

(1) ☞ Bộ "Nữ thần Isis lộ diện" II ;trang 260 ☜,

Có những bầu thế giới cũ đã bị tan rã và bị bầu thế -giới mới ching phục v.v.... Người ta quả quyết rằng ,tất cả những bầu thế giới này (ngôi sao,hành tinh v.v...)- ngay khi 1 cái nhân của vật chất nguyên thủy ,trong trạng thái trung hoà (phi nhân hóa:undifferentiated)được những nguyên khí đã thoát ly của 1 thiên thể vừa mới chết ,làm linh hoạt - trước nhất,chúng trở thành những sao chổi ,rồi đến những mặt trời,kế đó nguội đi để thành những bầu thế giới (worlds) có thể ở được ,đó là 1 giáo lý xưa như các vị Thánh Triết (Rishis).

Như vậy,như chúng ta đã thấy ,những cuốn kinh bí mật (Secret Books) dạy rõ ràng về 1 khoa thiên văn học mà không có 1 suy lý hiện đại nào có thể phủ nhận ,nếu sự suy lý này hiểu 1 cách tường tận được những giáo lý của các kinh sách bí mật.

Vì khoa thiên văn học cổ truyền và những môn khoa học về vật lý và toán học thời xưa đã diễn đạt những quan điểm gk giống các môn học của nền khoa học hiện đại ,có nhiều quan - niệm có tầm quan trọng hơn nhiều .Câu "tranh đấu để sống" và câu "phải thích nghi để sống còn" trong những bầu thế giới ở

trên và trên hành tinh của chúng ta dưới đây ,đã được người ta dạy 1 cách rõ ràng . Tuy nhiên,dù giáo lý này không bị khoa-học "hoàn toàn phủ nhận",chắc chắn là nó cũng bị bác bỏ với vai trò là 1 tổng thể toàn vẹn. Vì người ta cũng xác nhận rằng ,chỉ có 7 Đấng Cao Cả đầu tiên ,do Đấng Duy Nhất Tam - Nguyên đồng nhất thể sinh ra .Nói cách khác,điều này có nghĩa là tất cả những bầu thế giới ,hay những thiên thể —luôn luôn căn cứ theo 1 sự tưởng đồng khăng khít —đều có tính chất cái này tạo ra cái kia ,sau khi sự biểu lộ đầu tiên được hoàn tất vào lúc khởi đầu "Đại Kiếp"("Great Age").

Sự phát sinh những thiên thể trong không gian được so sánh với rừng người "hành hương" tại ngày lễ lửa .Bảy vị tu-sĩ khổ hạnh xuất hiện nơi cửa đền, tay cầm 7 cây nhang đốt cháy. Với ngọn lửa trên 7 cây nhang này ,hàng đầu những người hành hương đốt nhang của họ . Sau đó ,mỗi tu sĩ bắt đầu hươi cây nhang quanh đầu của họ và cho những người khác mồi lửa. Những thiên thể cũng làm như thế . Một trung tâm Laya được thắp sáng và khởi động bởi những ngọn lửa của 1 bầu di động sau đó,trung tâm mới xẹt mau trong không gian và trở nên một sao chổi. Chỉ sau khi đã mất trớn , và bởi đó mất luôn cái đuôi ,con "Rồng Lửa" mới trụ lại trong 1 đời sống định- tĩnh và yên lặng như 1 công dân khả kính và mực thước của gia đình thiên thể . Bởi vậy,mới có nói :

Sinh ra trong những vực thẳm khốn dò của không -gian, từ cái nguyên lý thuần nhất gọi là Đại hồn của vũ trụ , m ỗ i hạch tâm vật chất nguyên thủy đột nhiên được phóng vào cuộc-thể sinh tồn ,bắt đầu cuộc sống của nó trong những hoàn -cảnh khắc nghiệt nhất. Trải qua 1 loạt vô lượng thế hệ ,nó phải chinh phục lấy cho mình 1 đơn vị trong cõi vô cùng .Nó luân-chuyển theo vòng tròn giữa những thiên thể đông đặc hơn và đã cố định ,di động theo cách nhảy vọt và hướng về 1 điểm hay 1 trung tâm nhất định có dẫn lực thu hút lấy nó và như một chiếc tàu trôi giạt vào 1 vùng đầy những thác ghềnh và đ á ngầm lởm chởm , nó cố tránh những thiên thể khác lần lượt , khi thì thu hút,khi thì xô đẩy nó . Nhiều đơn vị bị loại,từng khối bị tan rã do sự va chạm với những khối khác mạnh hơn và khi chúng sinh ra trong tầm mức của 1 hệ thống tinh tú , thì chúng bị hủy diệt mau chóng bởi sức nóng thiêu đốt củacác định tinh và Mặt trời khác nhau. Những đơn vị nào di động chậm hơn và bị đẩy vào 1 quỹ đạo hình bầu dục thì sớm muộn gì

cũng bị hủy diệt .Những đơn vị khác di chuyển theo hình cầu vồng(parabolic curves) ,thường là khỏi bị hủy diệt nhờ tốcđộ mau lẹ của chúng (Xem lời bình luận lo đoạn Thánh Kinh 4).

Có lẽ 1 số độc giả sẽ nghĩ rằng ,giáo lý nói về giai-đoạn hình thành sao chổi ,mà tất cả thiên thể đều phải trải qua ,là trái ngược với những giáo điều trước đây nói về Mặt Trăng là mẹ Trái đất . Có lẽ họ sẽ nghĩ rằng cần phải dùng đến trực giác để dung hoà 2 giáo lý ấy ,nhưng thực ra ,điều này không cần đến trực giác . Khoa học biết gì về các sao - chổi ,phương thức cấu tạo, sự trưởng thành và động tác rốt - ráo của chúng ? Và có gì là không thể được đến nỗi một trung tâm Laya (1 khối nguyên hình chất sơ khởi thuần nhất và tiềm ẩn ,đột nhiên bị khích động hay bùng cháy lên) phảiphóng xuất ra từ nơi yên nghỉ của nó trong không gian và xoay tít trong những vực sâu thẳm để tăng cường cơ phận thuần nhấtcủa nó bằng cách thu thập và qui tụ thêm những nguyên tố phân - hóa ? Và tại sao 1 vĩ tinh như thế không định trụ lại trong cuộc sinh hóa ,sống và trở nên 1 bầu thế giới có thể ở được ?

Giáo lý huyền môn dạy : Fohat có nhiều nơi trú ngụ . Nó đặt 4 con trốt lửa (điện dương) của nó trong "Bốn vòng tròn", những vòng tròn này là xích đạo ,hoàng đạo(the ecliptic) và 2 đường Thiên độ song song(parallels of declination) hay 2 chí tuyến(tropic) .Bốn thực thể thần bí được đặt ra (Four My -stical Entities) để cai quản và chăm nom khí hậu của những vùng đó . Bảy người con khác được ủy thác nhiệm vụ cai quản 7 cõi nóng và 7 cõi lạnh ở 2 đầu của quả trứng vật chất (quả đất và 2 cực).Bảy ~~xhữ~~ cõi có chỗ cũng gọi là vòng và khoen . Người xưa đã tạo ra bảy vòng cực thay vì 2 vòng cực như người Âu châu đã làm ,vì người ta nói rằng ngọn núi Meru vốn dĩ là cực Bắc,có 7 bước bằng vàng và 7 bước bằng bạc để dẫn tới nó.

Trong 1 đoạn kinh có câu :"Những tiếng ca của Fohat và các con của nó sáng rỡ như mặt trời giữa trưa và mặt trăng hợp lại ,và 4 con trên vòng tròn tứ nguyên trung ương "<u>thấy</u>" những tiếng ca của cha họ ,và "<u>nghe</u>" sự chói rạng như mặt trời của y . Câu kinh lạ lùng này được thiên bình luận giải-thích như sau :" Sự chuyển động của điện lực Fohat ở 2 đầu lạnh (Bắc cực và Nam cực) của trái đất nên gây 1 sự chói rạng muôn màu lúc ban đêm ,có hàm súc nhiều đặc tính của Akasha màu sắc và âm thanh "... âm thanh là đặc tính của Akasha ,nó

tạo nên không khí mà tính chất là xúc giác ,do sự cọ xát,không khí tạo nên màu sắc và ánh sáng" (1) .

(1) [Kinh Vishnu Purana,q.I ,chương ii,trang 34-35(đoạn này không phải là 1 đoạn trích thực sự mà chỉ là phần tóm tắt của các phát biểu]

Có lẽ câu trên đây sẽ bị coi như 1 điều cổ lỗ vô lý , nhưng nó sẽ dễ hiểu hơn nếu độc giả nhớ rằng những hiệntượng Bắc cực quang(Aurora Borealis) và Nam cực quang (Aurora Austr -alis) đều xảy ra ở đúng những trung tâm điện lực và từ - khí của Địa cầu. Lưỡng cực của trái đất được coi như những kho chứa ,chỗ tiếp nhận và giải tỏa của điện lực địa cầu .Nếu không nhờ 2 xú-báp an toàn tự nhiên đó,thì số thặng dư của điện lực vũ trụ ~~xuống~~nói trên có lẽ đã làm cho địa cầu tan -vỡ và nổ tung từ lâu ,đồng thời 1 giả thuyết gần đây đã trở nên 1 định lý rõ rệt là hiện tượng những cực quang thường gây nên và đi kèm với những tiến động mạnh ,như tiếng huýt gió,tiếng hú và tiếng nổ (xem những tác phẩm của giáo sư Humboldt nói về Bắc cực quang và thư tín của ông dành cho vấn đề còn đang trong vòng tranh cãi này).

7- Hỡi đệ tử ,hãy đoán xem,nếu con muốn biết tuổi chính xác của bánh xe nhỏ (dãy hành tinh). Cái căm thứ 4 của nó là Mẹ chúng ta (Địa cầu)(a).Hãy với lấy "trái" thứ 4 của con đường đạo thứ tư đưa đến Niết Bàn ,và con sẽ hiểu ,vì con sẽ thấy (b). . .

(a) "Bánh xe nhỏ" là dãy hành tinh của chúng ta và cái căm thứ 4 là quả địa cầu ,tức là bầu thứ 4 của dãy. Đó là một trong những bầu mà"hơi thở nóng (đường) của Mặt trời" có một ảnh-h ưởng trực tiếp.

Bảy sự biến thể căn bản của những bầu hành tinh hay là những bầu thiên thể này ,hoặc đúng hơn là của những phần - tử vật chất cấu tạo nên chúng được diễn tả như sau :(1) đồng tính (homogeneous); (2) có dạng không khí và phóng xạ(aeriform and radiant)- thuộc về thể hơi(gaseous) ; (3) có hình dáng cục sữa đông đặc (curd-like) - giống như mây (nebulous) ;(4)thuộc về nguyên tử ,thuộc về dĩ thái(ethereal) - bắt đầu chuyển - động ,do đó mới có sự phân hóa ; (5) có mầm mống(germinal), nóng cháy(fiery)- bị phân hóa ,nhưng trong những trạng - thái đầu tiên chúng chỉ gồm những mầm của các Nguyên tố ,khi chúng phát triển 1 cách đầy đủ ở trên địa cầu chúng ta ,thì chúng sẽ có 7 trạng thái ; (6) có bốn phần(four-fold),giống như hơi

— trái đất tương lai ; (7) lạnh và lệ thuộc(cold and dependi ng) - vào mặt trời để có sự sống và ánh sáng.

Tuy nhiên,muốn đoán biết tuổi của nó,như trong đoạn kinh vừa bảo người đệ tử,thì rất khó vì chúng tôi không được cho biết những con số của đại chu kỳ và không được phép công-bố con số của những Tiểu Thế (small Yugas) trừ ra việc phỏng-đoán thời gian mà thôi. "Những bánh xe cũ hơn xaay vòngtrong 1 ngưởn(Eternity) rưỡi trong thời gian vô tận ",chúng ta biết rằng 1 ngưởn là 1/7 của 311 040 tỷ năm ,hay là 1 thế hệ của Brahma. Nhưng thế là nghĩa gì ? Chúng ta cũng biết rằng nếu căn cứ vào những con số trên đây ,trước hết,chúng ta phải loại bỏ trong số 100 năm của Brahma (tức 311 040 tỷ năm của trần gian) 2 năm của Brahma là thời gian của những lúc "xế chiều" (twilight) ,còn lại 98 tức là con số phối hợp thần -bí 14 x 7 . Nhưng chúng tôi không được biết chính xác thời - kỳ bắt đầu việc hình thành và tiến hóa của địa cầu . Bởi vậy , không thể nào tính ra tuổi của trái đất nếu người ta không kk biết được thời kỳ khai sinh của nó ,mà điều này từ trước đến nay các sư phụ vẫn từ chối không chịu tiết lộ. Hơn nữa, chúng ta nên nhớ rằng luật tương đồng về tính lý vẫn áp dụng cho các bầu thế giới cũng như cho con người .Nên nhớ giáo lý dạy rằng "Một(Thượng Đế) sinh Hai (Thiên thần :Deva or Angel) và Hai sinh Ba (con người) " v.v... cũng y như thế,những khí cô đọng (chất liệu của vũ trụ)trở nên những sao chổi,những sao chổi này trở thành tinh tú ,tính tú sẽ trở thành mặt trời và những hành tinh . Điều này không thể phi khoa học như vậy ,vì Des - cartes cũng nghĩ rằng "những hành tinh này xoay tròn trên trục vì chúng đã có dạo là những ngôi sao sáng chói ,những trung k tâm xoáy tròn".

(b) Các kinh sách ngoại giáo cho biết có 4 cấp điểm - đạo gọi là Tu-đà-hoàn(Srotapana),Tưđà hàm(Sakridagamin),A-na-hàm (Anagamin) và La hán(Arhat) ,là 4 đẳng cấp trên đường đạo đưa đến Niết Bàn trong cuộc tuần hoàn 4 hiện tại. Vị La hán , tuy có thể thấu triệt dĩ vảng,hiện tại và tương lai ,vẫn chưa phải là đạt tới quả vị điểm đạo cao nhất .Mỗi vị siêu nhân đã đạt tới trình độ điểm đạo gọi là đạo đồ(Initiate),sẽ trở nên đệ tử của 1 Đấng có quả vị cao hơn nữa . Vị La hán còn phải vượt lên ba cấp đẳng cao hơn nữa mới đạt tới quả vị tột đỉnh đưa tới quả vị Bồ Tát .Có vị đã đạt tới quả vị đó trong giống dân 5 của nhân loại hiện nay ,nhưng những khả năng cần thiết

để đạt tới những cấp đẳng cao siêu đó chỉ được phát triển hoàn toàn trong 1 vị tu sĩ trung bình vào giai đoạn cUối của giống dân thứ 5 và trong thời kỳ của những giai đoạn 6 và 7 .Như vậy trên thế gian luôn luôn sẽ có những bậc đạo đỗ và những kẻphàm phu cho tới tiểu chu kỳ hiện tại,những vị La hán của "Mùsương lửa"("Fire-Mist") của giai tầng thứ 7 chỉ cách có 1 bậc so với căn gốc của đẳng cấp các Ngài ,là quả vị cao nhất trên địa-cầu và trên dãy hành tinh hiện tại của chúng ta hiện tại.Cái căn gốc ấy có 1 tôn chỉ có thể dịch ra tiếng Anh bằng nguyên 1 câu đại khái là "Cây đa Người luôn luôn sống"("Ever-Living-Human-Banyan") ."Đấng Cao Cả huy hoàng" này ("Wondrous Being") ,theo truyền thuyết ,giáng trần từ 1"cõi cao" ("high region") ,trong buổi đầu của thế hệ thứ 3(Third Age) ,trước thời kỳ phân chia nam nữ của giống dân thứ ba.

Giống dân thứ 3 này đôi khi được gọi bằng 1 danh hiệu chung là "Các Con của Yoga tiêu cực"("Son of passive Yoga") , nghĩa là được tạo ra 1 cách vô thức bởi giống dân 2. Giống dân 2 này vì trí khôn chưa mở nên được coi như luôn luôn đắm chìm trong 1 cơn đại định vắng lặng hư không,như trạng thái xuất-thần của môn pháp Yoga. Trong thời kỳ sinh hoạt đầu tiên của giống dân 3 ,trong khi họ vẫn còn ở trong trạng thái hồn nhiên thuần khiết , các "Con của Minh triết" đã chuyển kiếp vào GDân thứ 3 này ,dùng quyền năng ý chí (Kriya-Shakti) tạo nên 1 hậu duệ gọi là những "Con của sương lửa", "Con của ý chí và Yoga" v.v...

Các Đấng ấy xuất hiện do sự tạo tác có ý thức ,vì 1 nhóm trong đẳng cấp các Ngài đã được thức động với 1 điểm linh quang thiêng liêng của thượng trí ,tức là trí tuệ siêu - linh. Hậu duệ này không phải là 1 chủng tộc . Trước hết, đó là một Đấng Cao Cả ,mệnh danh là Đấng cầm quyền điểm đạo ,và sau Ngài là 1 nhóm những Đấng siêu phàm ,nửa tiên,nửa phàm. Giáo - lý huyền môn nói rằng các Ngài là những hóa thân của các vị Thiền Định đế quân ,những Đấng Chân sư và Thánh Triết cao cả của những chu kỳ tiến hóa trước đây do thiên cơ chỉ định với 1 sứ mạng đặc biệt để tạo dựng cơ sở cho những vị Tiến Thánh tương lai xuất phát từ hàng ngũ nhân loại .Những Đấng "Con của ý chí" và"con của Yoga"nói trên sinh ra bằng cách vôniễm sẽ hoàn toàn biệt lập hẳn với hàng ngũ nhân loại.

Đấng Cao Cả nói trên,vốn không danh hiệu và phải không tên tuổi ,là cái gốc mà những thế hệ về sau đã phát sinh ra

tất cả các bậc hiền triết và Đại giáo chủ của lịch sử nhân - loại ,như các Đấng Kapila,Hermes,Enoch,Orpheus v.v... . Trong cương vị khách thể của 1 "người" ,Ngài là nhân vật huyền bí , vô hình ,nhưng luôn luôn hiện diện trong nhân loại ,những huyền thoại nói về Ngài có đầy dẫy ở Đông phương , nhất 1 à trong các giới huyền môn ,chính Ngài là Đấng luôn luôn thay đổi hình dáng ,nhưng bao giờ cũng vẫn y như thế. Chính Ngàilà Đấng Chủ Tể cai quản đời sống tâm linh của những bậc Thánh - nhân được điểm đạo khắp thế gian. Như đã nói,Ngài là Đấng vô danh ("Nameless One") mà người đời đặt cho rất nhiều tên gọi nhưng tuy vậy ,những tên gọi và tính chất của Ngài hoàn toàn bí ẩn và không ai được biết. Ngài là 3Đấng Điểm Đạo Độc Tôn " ("Initiator"),cũng gọi là Đấng Đại Hy sinh . Đó là vì ngồi trên ngưỡng cửa ánh sáng ,Ngài nhìn rõ từ bên trong vòng của Bóng tối,mà Ngài sẽ không vượt qua ,cũng như không rời khỏi nhiệm sở cho đến ngày cuối cùng của chu kỳ sinh hoạt hiện - tại. Tại sao Đấng Giám Sát Biệt Lập(Solitary Watcher)lại ở tại nhiệm sở do Ngài tự chọn ? Tại sao Ngài ngồi bên ngọn suối Minh triết nguyên thủy mà Ngài không còn uống được trong dòng suối ấy nữa ,vì Ngài không còn gì phải học hỏi và không có gì mà Ngài không biết ,dù trên địa cầu này hay trên trời. Bởi vì những kẻ hành hương cô đơn ,mệt mỏi ,trên đường trở về nguyên quán ,không bao giờ có thể biết chắc cho đến lúc cuối cùng là họ sẽ không bị lạc lối trong cõi sa mạc vô biên của ảo-giácvà vật chất mà người ta gọi là cuộc đời trần gian. Bởi vì Ngài sẽ chỉ đường dẫn lối đưa vào cõi giải thoát và ánh sáng , cõi mà Ngài đã tự tách rời ra khỏi trong sự tình nguyện đọa - đày cho những người nào đã thành công trong việc tự giải thoát khỏi những kềm tỏa của xác thịt và ảo giác. Nói tóm lại, bởi Ngài đã tự hy sinh vì hạnh phúc của nhân loại,tuy rằng chỉ có 1 số ít những kẻ được chọn mới hưởng ân huệ của sự Hy-Sinh Vĩ đại này.

Chính là do sự dìu dắt trực tiếp và âm thầm của Đấng Đại Tôn sư (Maha Guru) mà tất cả những giáo chủ khác củanhân loại ở quả vị thấp hơn ,kể từ lúc thức tỉnh đầu tiên của tâm-thức con người ,đã trở nên những nhà hướng dẫn nhân loại vào buổi sơ khai . Chính là nhờ những Đấng Con của Thượng Đế mà nhân loại ấu trĩ tiếp nhận được những ý niệm đầu tiên về tất cả mọi ngành nghệ thuật và khoa học ,cũng như về kiến thức tâm linh . Chính các Ngài đã đặt nền tảng đầu tiên cho những nền văn minh cổ đã từng làm ngạc nhiên đến tột độ các học-

giả và trí thức của thời hiện đại .

Người nào còn nghi ngờ phát biểu này ,thì dựa vào bất cứ lý lẽ hợp lý nào khác ,cứ thử giải thích sự bí mật củakiến thức phi thường mà người xưa đã có - bị gán cho là đã tiến hóa từ những người còn dã man thấp kém giống như loài thú , "những người còn ăn lông ở lỗ " ("cave -men") của thời cổ - thạch (palaeolithic age)! Cứ thử để họ quay sang thí dụ như những tác phẩm kiến trúc của Vitruvius Pollio dưới thời đại Augustus,tất cả những qui tắc về sự cân xứng trong những tác phẩm này ,hồi xưa đã được đem ra dạy tại những cuộc điểm đạo, nếu họ biết được kỹ thuật thực sự thiêng liêng này và hiểu được ý nghĩa bí truyền thâm sâu còn giấu kín trong mọi quitắc và định luật của sự cân xứng này . Không 1 người nào đượcsinh ra từ 1 người còn ăn lông ở lỗ của thời kỳ cổ thạch ,đã từng có thể phát triển được 1 nền khoa học như thế ,mà lại không cần có sự trợ giúp ,ngay cả khi đã có tư tưởng và s ự tiến hóa trí tuệ trong hàng ngàn năm. Chính các đệ tử của các Đấng Thánh Triết (Rishis) và những vị thần(Devas) hóathân này của giống dân chánh thứ ba - từ những thế hệ này đến các thế hệ khác - đã trao truyền kiến thức của họ cho người AiCập ,Hy Lạp, với qui luật về sự cân xứng bây giờ đã bị đánh mất, chẳng khác nào đệ tử của các bậc đắc đạo của giống dân thứ 4 (những người At-lăng) đã trao truyền qui luật này cho những người Không Lồ 1 mắt (Cyclopes),"những đứa con của các chu - kỳ " hay những"đứa con của cõi vô cùng" mà từ đó ,danh -hiệu này đã được lưu truyền cho đến những thế hệ sau này của các tu sĩ phái Ngộ Đạo.

Nhờ sự hoàn hảo thần diệu này của những sự cân xứng về kiến trúc mà cổ nhân có thể dựng lên được những kỳ quan dành cho tất cả các thời đại sau này ,những đền thờ,những Kim Tự Tháp ,những Thánh điện thạch động ,những mộ đá (cromlechs), những mộ đá kỷ niệm ,những bàn thờ ,chứng tỏ rằng họ có những "sức mạnh máy móc" và 1 kiến thức về cơ học mà sự tinh xảo hiện đại chỉ giống như 1 trò chơi trẻ con ,mà sự tinh xảo này được xem như là "công trình của những người không lồ có hàng trăm bàn tay" (1).

(1) ∠¯ Xem quyển "Thiên Đế Kinh"(The Book of God) của Kenealy,trang 118 (thật ra tên tác giả của quyển sách này không được đưa ra nhưng lại được tượng trưng bằng 1 chấm trongvòngtròn)

Những nhà kiến trúc tiên tiến không thể nào thờ ơ với những qui tắc này ,mà họ đã bổ túc nhiều hơn những sự sửa đổi dựa vào kinh nghiệm ,để thủ tiêu những sự cân xứng trung-thực này.Chính nhà kiến trúc Vitruvius đã đưa ra cho hậu thế các qui tắc về kiến trúc để dựng lên những thánh điện của ngườiHy Lạp thờ các vị thần linh bất tử . Nói tóm lại,10 cuốn sách về kiến trúc của Marcus Vitruvius Pollio (1 người đã được điểm đạo) chỉ có thể được nghiên cứu theo đường lối bí truyền mà thôi. Những vòng đá cổ thời ,những mộ đá, những đền thờ của người Ấn Độ, Ai Cập và Hy Lạp ,những cái tháp và 127 thành phố ở Âu Châu mà Học viện của Nước Pháp đã tìm thấy là có "nguồn gốc của người Khổng Lồ độc nhãn" ,đều là công trình của các vị đạo sĩ kiến trúc đã được điểm đạo(initiated Priest - Architects),con cháu của các Đấng được "Các Con của Thượng - Đế" dạy trước tiên ,mà người ta gọi 1 cách đúng đắn là "Các Đấng Kiến Tạo"("Builders) . Sau đây là những điều mà hậu thế thẩm định đã nói về các hậu duệ này :

" Họ không dùng hồ,cũng không dùng xi măng ,khôngdùng tháp mà cũng không dùng sắt để đẽo đá; tuy thế,chúng đã được biến chế khéo léo đến nỗi có nhiều chỗ giáp mối của nhữngtảng đá mà người ta không thể nào thấy được, mặc dù có nhiều tảng đá như ở Peru dài đến 38 Bộ Anh(độ 11,5m LND),rộng 18 bộ(5,4m) và dày 6 bộ(1,8m) ,và ở những tấm vách thành Cuzco có những tảng đá mà kích thước còn lớn hơn nhiều"(1).

(1) [Xem cuốn Acosta ,vi,trang 14]

Lại nữa :

"Những cái giếng ở Syene đã được tạo ra cách đây 5 400 năm ,khi đó,chỗ này ở ngay dưới chí tuyến ,bây giờ nó không còn ở đó nữa ,đã . . . được dựng lên sao cho vào lúc giữatrưa vào đúng lúc mặt trời ở xa xích đạo nhất thì người ta thấy toàn thể đĩa tròn(disk) của mặt trời được phản chiếu trên mặt giếng này - đó là 1 công trình mà sự tuyệt hảo kết hợp của tất cả những nhà thiên văn học châu Âu ngày nay cũng không thể nào thực hiện được" (2).

(2) [Cũng trong Book of God của Kenealy,trang 118]

Dù những đề tài này đã rất ít khi được ám chỉ trong bộ "Nữ Thần Isis lộ diện" ;song ta nên nhắc cho độc giả nhớ rõ cái gì đã được người ta nói ở đấy (quyển I;tr.589-591) về 1 Thánh đảo nào đó ở vùng Trung Á và đề nghị họ tham - khảo

thêm nhiều chi tiết trong tiết nói về "Những Đứa Con của Đức Thượng Đế" và cái Thánh Đạo" gắn liền với đoạn Thánh Kinh 9 của quyển 3. Tuy nhiên;1 số rất ít những lời giải thích nữa; dù đã được đưa ra dưới 1 hình thức rời rạc ;cũng có thể giúp cho sinh viên huyền môn thoáng thấy được sự bí mật hiện tại.

Ít nhất người ta cũng phải có 1 chi tiết để trình bày rõ ràng cho độc giả biết về "Những Đứa Con Bí mật của Thượng-Đế":chính những Đấng Brahmaputras này sản sinh ra những đứa con tái sinh (Dvijas) cao cả ngày xưa ;đó chính là những người Bà la môn đắc đạo ;trong khi những người Bà la môn hiện tại thì lại muốn những giai cấp thấp hơn tin theo sát từng chữ rằng họ (những người Bà la môn)được sinh ra trực tiếp từ cửa miệng của Đức Brahma. Đó là giáo lý nội môn(Esoteric teaching) ;và lại người ta cũng còn nói thêm rằng dù những kẻ này (dĩ nhiên là nói về tinh thần) được sinh ra từ "Những Đứa Con của Ý chí và Yoga" mà chẳng chóng thì chầy sẽ phân ra làm 2 giống đối nghịch như chính tổ tiên họ ; "quyền năng sángtạo" (Kriyashakti) sẽ được thực hiện sau này ;tuy nhiên cho đến ngày nay ;những dòng dõi thoái hóa của họ vẫn còn giữ lại sự sùng kính và ngưỡng mộ cái thiên chức sáng tạo này và vẫn còn xét nó dưới ánh sáng của 1 thứ nghi lễ và tôn giáo ;trong khi những nước văn minh hơn lại coi điều này chỉ như là một chức năng thú tính .Về những đề tài này người ta có thể so sánhcác quan điểm và sự thực hành của người Tây phương với những luật lệ của Đức Bàn Cổ (Manu) phần nói về luật lệ dành cho 1 gia trưởng (Grihastha) hay là đời sống hôn nhân(married life).

Thật vậy;những người Bà la môn chính tông là "kẻ có 7 đời tổ tiên đều được uống nước mật của cây soma (cây Mặt - Trăng :Moon-plant)) và cũng chính người "Trisuparna" vì đã hiểu được sự bí mật vì đã hiểu được bí mật của kinh Phệ Đà.

Đến nay;những người Bà la môn đó cũng biết rằng ;trong những lúc đầu tiến của giống dân này ;khi mà cái trí của thể-xác và tâm linh còn ngủ say và tâm thức vẫn chưa phát triển; những quan niệm về tinh thần của nó vẫn hoàn toàn không có liên hệ gì với những nơi lân cận thể xác ;con người thiêng-liêng ở trong hình dáng của con thú dù bên ngoài có hình dáng con người; và nếu y có bản năng thì y sẽ không có ngã - thức để soi sáng cho bóng tối của cái nguyên khí thứ 5 bí ẩn. Khi các Đấng Cao Cả minh triết do luật tiến hóa điều động ;trút vào họ cái điểm linh quang của tâm thức ;cảm giác đầu tiên mà

nó đã đánh thức được sự sống và sự hoạt động ,là 1 thứ cảm-giác liên đới ,hợp nhất với các Đấng Sáng Tạo Thiêng liêngcủa mình .Cảm giác đầu tiên của đứa trẻ đối với người mẹ và người vú của nó như thế nào ,thì những khát vọng đầu tiên của tâm-thức được thức tỉnh trong con người nguyên thủy đối với những người có yếu tố (for those whose element) mà y cảm thấy ở trong chính y ,thế nhưng họ vẫn ở ngoài và độc lập với y cũng giống hệt như vậy .Cảm giác này kích thích lòng Tôn Sùng và nó trở thành động cơ đầu tiên và độc nhất trong bản chất y,vì đó là đức tính độc nhất tự nhiên ở trong tâm của y và cũng là cái thiên bẩm trong con người y ,mà chúng ta thấy chẳng khác gì nhau nơi 1 con người mới sinh ,cũng như nơi 1 con thú còn nhỏ . Cái tình cảm khát vọng bản năng không thể chế ngự được này trong con người nguyên thủy đã được Carlyle mô tả một cách tài tình , và người ta có thể nói là bằng trực giác , khi ông kêu lên :

"Cái tâm hồn vĩ đại của thời thượng cổ giống như tâm hồn giản dị của 1 đứa trẻ ,giống như tấm hồn cao thượng đứng - đắn nhất và thâm sâu của con người biết là dường nào ! Ở trên Địa cầu này ,y đi đứng ở đâu thì bầu trời vẫn ở trên đầu y , nó biến toàn thể trái đất thành 1 Thánh điện bí mật đối với y và biến mọi việc trên địa cầu thành 1 thứ tôn sùng. Trong ánh - sáng thường của mặt trời ,những hình ảnh thoáng qua về những sinh vật sáng chói sẽ lóe lên ;những vị thiên thần vẫn còn bay lượn ,vẫn còn mang những thông điệp của Thượng Đế đến cho mọi người. . . Sự phi thường,sự kỳ diệu bao quanh con người,y sống trong 1 yếu tố phi thường (1). . . Một định luật vĩ -đại về Thiên trách (Duty) ,nó cao cả như cái vô cùng này (thiên - đàng và địa ngục),nó làm cho mọi cái khác nhỏ lại ,nó cũng làm cho tất cả những cái khác tan rã ... đó là 1 chân lý , và nó là duy nhất :chỉ có lớp áo của nó chết mà thôi; nguyên-thể của nó sống mãi xuyên qua mọi thời đại và trong tất cả những cõi trường cửu ! "(2).

(1) [Đối với con người nguyên thủy thì điều này có vẻ tự nhiên,nhưng bây giờ đối với chúng ta nó lại trở thành phi-thường và điều mà đối với con người nguyên thủy là 1 sự phi-thường ,thì không bao giờ diễn đạt được bằng ngôn ngữ của chúng ta]

(2) [Quyển "Quá Khứ và hiện tại"trang 104(1874)]

Người ta không thể phủ nhận sự sống của cái nguyên thể này, mọi sức lực và quyền năng của nó đã ăn sâu trong tâm của người Ấn Âu Châu Á (Aryan),từ giống dân thứ ba trực tiếp, qua những đứa con của Trí Tuệ đầu tiên,chúng chính là kết quả của Quyền năng Tạo Tác (Kriya shakti). Khi thời gian trôi qua, từ thời đại này đến thời đại kia,những sinh vật hoàn hảo như thế được sinh ra từ giai cấp thánh thiện của các bậc đắc đạo(nhưng rất hiếm);đó là những sinh linh cá biệt ở trong ,mặc dù ở bên ngoài chúng vẫn giống với người nào đã sinh ra chúng.

Trong thời kỳ ấu trĩ của giống dân thứ 3 nguyên thủy :
Một tạo vật thuộc 1 loại cao siêu hơn ,nhưng vẫn chưa đầy đủ ,vì vậy,người ta trù định cho nó,
Có tri thức về tư tưởng ,có 1 tấm lòng rộng rải hơn,
Để tạo ra cái uy quyền bá chủ và thích nghi để thống - trị những sinh vật khác.

Nó được sinh ra đời ,1 vận cụ hoàn hảo và Mẫn cán dành cho những nhân vật đang hóa thân của những cõi cao ,họ tức - khắc chiếm lấy những hình dáng này để làm nơi trú ẩn ,những hình dáng này được sinh ra từ ý chí thiêng liêng và cái quyền năng thiêng liêng tự nhiên nơi con người.Sinh vật này là một đứa con của tinh thần thuần túy có cái trí không bị trộn lẫn với bất cứ sắc thái nào của yếu tố trần tục .Chỉ có thể - xác của nó là tùy thuộc vào thời gian và kiếp sống ,vì trí khôn của nó trực tiếp xuất phát từ những cõi trên.Nó là cái cây Minh Triết Thiêng Liêng Linh hoạt ; vì vậy,nó có thể được so sánh với cái Cây Thế Gian(Mundane Tree)trong những câu chuyện thần tiên của người Na-Uy ,nó không thể khô héo và chết cho đến khi trận giao chiến sau cùng của kiếp sống xảy ra ,trong khi trải qua mọi thời đại,rễ nó cứ bị Con Rồng Nidhogg(conRắn Thế gian)gặm nhấm. Tuy vậy,đó là vì Đứa Con thánh thiện đầu - tiên của Kriyashakti có cái thể xác bị hàm răng của thời - gian ăn mòn ,nhưng rễ của bản thể bên trong của nó vẫn luôn luôn còn mãnh liệt và bất tử ,vì nó nảy nở và phát triển ngay ở trên Trời ,chứ không phải ở cõi trần .Đó là người thứ nhất của giống đầu tiên ,và cũng là mầm mống của tất cả các thứ khác . Có những đứa con khác nữa của Quyền Năng Tư tưởng (Kri yashakti) do 1 sự cố gắng thứ nhì của tinh thần sinh ra,nhưng đứa con đầu tiên này còn giữ lại cho đến ngày nay cái hạt giống minh triết thiêng liêng ,Đấng Duy Nhất và Đấng Thiêng - Liêng trong số tất cả "Các Con Minh Triết" ở cõi trần. Chúng tôi không thể nói nhiều hơn nữa về vấn đề này ,trừ ra chúng

tôi có thể nói thêm là ,trong mọi thời gian --ngay trong thời đại của chúng ta — đã có những bộ óc vĩ đại hiểu được vấn-đề này 1 cách đúng đắn .

Nhưng làm thế nào để cho thể xác chúng ta có thểtiến đến cái trạng thái hoàn thiện mà ngày nay người ta đã thấy ? Dĩ nhiên con người phải trải qua hàng triệu năm tiến hóa ,tuy nhiên,không bao giờ trải qua hoặc sinh ra từ loài thú như Chủ Nghĩa Duy Vật(Materialism) đã dạy. Vì,như Carlyle đã nói :

"... Cái tinh hoa(essence) của bản thể chúng ta ,sự bí-mật trong chúng ta ,mà chính nó tự gọi là "cái ta" - à , đối với những điều này ,chúng ta có những tiếng gì để gọi ? - là 1 hơi thở trên cõi thiên đàng ,là cái ngã cao siêu nhất tự biểu lộ trong con người.Thể xác này,những quan năng này, sự sống này của chúng ta ,tất cả chẳng phải như 1 lớp áo dành cho cái không Tên Tuổi ? (Unnamed)(1).

(1) [Như trên,trang 10]

"Hơi thở ở trên trời"hay đúng hơn là hơi thở của Sự sống ,Thánh Kinh Thiên chúa giáo đã gọi nó là Nephesh,có trong mọi con thú,mọi hạt bụi linh động và trong mọi nguyên tử của loài kim thạch . Nhưng không có cái gì của những sinh vật này có tâm thức của bản chất của "Cái Ngã cao siêu nhất" này(2) giống như người ,cũng như không có cái gì có sự điều hoà thiêng liêng trong hình dáng mà con người đã có x.

(2) [Không 1 nước nào trên thế giới mà có lòng tôn sùng tín ngưỡng thần bí phát triển và nổi bật nhiều hơn dân Ấn-Độ. Chúng ta hãy xem Max Muller nói gì về nét đặc thù của nướcnày trong những tác phẩm của ông.Đó là 1 di sản trực tiếp xuất - phát từ nhân loại có tri thức đầu tiên của giống dân thứ 3]

Như Novalis đã nói - không có 1 người nào đã nói điều này hay hơn - và Carlyle đã nhắc lại :

" Chỉ có 1 Thánh điện duy nhất trong Vũ Trụ này ... đó chính là thể xác của con người .Không có 1 hình dáng nào thánh thiện hơn hình dáng cao cả này ... Khi nào chúng ta đặt được 1 bàn tay chúng ta lên thể xác con người ,là chúng ta đã tiếp xúc được với cõi thiên đàng !(3)"

(3) ["Những bài diễn thuyết nói về những bậc anh hùng" (Lectyres on Heroes) trang 9 (1874)]

Điều này có vẻ như là 1 sự thêm mắm muối của tài hùng

biện,nhưng không phải như vậy . Nếu người ta suy đi ngẫm lại, nó sẽ biến ra là 1 sự kiện khoa học ;đó là sự diễn đạt ..của cái chân lý thực tại của sự vật . Chúng ta là cái phi thường trong những cái phi thường ,là sự bí mật vĩ đại không thểnào hiểu được ....

ĐOẠN KINH 7

1- Hãy xem rõ lúc khởi thủy của sự sống hữu thức và vô sắc tướng (a).Trước hết là cái thể thiêng-liêng (b) xuất hiện từ Mẹ Tinh Thần (Atman) . Kế đó là thể tâm linh (Tam thể thượng của vũ trụ)(c)và cái Ba từ cái Một (d) ,cái Bốn từ cái Một (e) và cái Năm (f) ,do đó có cái Ba,cái Năm,cái Bảy (g),đó là từ cái tam thể và tứ thể đi xuống , những con sinh bằng Tứ Tưởng của Ngôi thứ nhất (Avalokiteshvara) là Bảy Đấnh Tạo Tác . Các Ngài chính là Người , là ta ,là họ ,hỡi đệ tử ,các Ngài trông nom người và Mẹ người ,tức Địa cầu (Bhumi).

(a) Tập đoàn những quyền năng sáng tạo chia làm 7(hay 4 và 3) theo ý nghĩa nội môn ,trong 12 đẳng cấp lớn ghi nhận trong 12 cung Hoàng đạo ,hơn nữa,số 7 của giai tầng biểu lộ có liên quan tới 7 hành tinh . Tất cả đều chia thành nhiều nhóm gồm thành phần các thiên thần thuộc các đẳng cấp khác nhau.

Những hệ cấp chủ yếu trong số những hệ cấp này được ám chỉ trong Tứ thể vĩ đại (Quaternary) hay nói theo công - truyền đó là bốn thể và ba quan năng của Thượng Đế Sáng Tạo nam tính(Brahma) và của Năm vị Thượng Đế sáng tạo nam tính (Panchâsya),hay là 5 vị Thiền Định Phật trong hệ thống Phật-giáo.

Nhóm cao siêu nhất thì gồm có cái gọi là những Linh hỏa mà người ta cũng có thể nói tới như là "những con sư tử lửa " và những "con sư tử của sự sống" mà thuyết bí truyền đã được giấu kín 1 cách an toàn nơi cung hoàng đạo Mãnh sư (Leo).Nó là trung tâm điểm của những bầu thế giới thiêng liêng cao cả, các Linh hỏa này (Divine Flame) chính là những hơi thở rực lửa vô hình ,xét về 1 khía cạnh nào đó ,chúng giống như Tam-thể thượng của Ba Ngôi Thượng đế sáng tạo(Sephirothal Triad)

mà những tín đồ Do Thái Bí giáo (Kabalists) đặt ở trong bầu "Thế giới Nguyên Hình " ("Archetypal World").

Cũng hệ cấp này với những con số tương tự được tìm thấy nơi "Những cái khởi thủy"("Beginnings") trong hệ - thống Nhật Bản mà cả hai tông phái Thần đạo (Shinto) và Phật giáo đều có dạy. Trong hệ thống này,kho a Nhân Chủng khởi nguyên - học(Anthropogenesis) lại có trước khoa vũ trụ khởi nguyên học (Cosmogenesis) ,giống như sự thiêng liêng hoà hợp trong con người và tạo dựng nên bầu vũ trụ hữu hình này - ở chính giữa con đường nhập vào vật chất - những nhân vật thần thoại mà Omoie đã nhận xét 1 cách tôn kính là "phải được hiểu như là cái hiện thân khuôn đúc của cái giáo lý(bí mật) cao cả và các chân lý cao siêu". Chúng ta phải mất nhiều trang sách để trình bày từ đầu chí cuối cái hệ thống cũ kỷ này ;dù thế,nói 1 đôi lời về hệ thống cũng không thể là sái chỗ. Một phần tóm tắt về vấn đề Vũ Trụ Nhân khởi nguyên học(Anthropo-Cosmogenesis) được đưa ra sau đây ,nó chứng minh là những nước đã bị tách rời ra xa nhất đã nhất trí lặp lại giáo lý cổ ấy biết là ~~xxx~~ đường nào.

Khi tất cả còn ở trong trạng thái Hỗn Mang(Chaos hay Con-ton) ,trên diễn trường sáng tạo sắp tới ,có ba Đấng Thiêng Liêng xuất hiện :

1) Đức Thượng Đế ở cõi Trời Trung ương(Ame no ani naka nushi no Kami :Divine Monarch of the Central Heaven);

2) "Con cái của Thượng Đế ở trên Trời và dưới đất đều được tán dương"(Taka mi onosubi no Mama);

3) "Con Cháu của các THần linh"(Kamu mi musubi no Kami) chỉ có thế mà thôi.

Những Đấng này không có hình dáng hay bản thể - Tam thể thượng vô sắc tướng của chúng ta - vì bản thể ở trên trời và bản thể ở cõi trần đều chưa phân hóa ,"cái nguyên thể của sự vật cũng chưa được ~~xxxxx~~ hình-thành ".

(b) Cái vận cụ thiêng liêng này không xuất hiện thường xuyên trong Kinh Zohar ,tác phẩm này bấy giờ đã được Moses de Leon sắp xếp và tái ấn hành ,với sự trợ giúp của những người Syria và những nhà triết học bí truyền Công Giáo Can-Đê trong thế kỷ 13 ,còn sau này ,do nhiều bàn tay của nhiềungười Thiên Chúa giáo sửa chữa và tu chính ,nó chỉ ít công truyền hơn chính cuốn Thánh Kinh Thiên Chúa giáo (Bible)một chút ,như trong Kinh Bí Số (Book of Numbers) của người Can-Đê. Đúng là

Ain Soph ,cái Trống Không Tuyệt Đối Vô cùng ,cũng sử dụng cái hình thể của số Một ,tức là "Con người ở Trên Trời" biểu - lộ the manifested "Heavenly Man") (Nguyên nhân đầu tiên),như là chiếc xe (tiếng Hebrew gọi là Mercabah,tiếng Phạn gọi là Va - han) hay là vận cụ để nhập vào thế giới hiện tượng ,và tự biểu lộ trong cõi hiện tượng .Nhưng những tín đồ Do Thái Bí giáo (Kabalists) không nói rõ làm thế nào mà cái Tuyệt Đối có thể sử dụng bất cứ điều gì ,hoặc là vận dụng bất cứ đặc tính nhà vì trên cương vị là cái tuyệt đối ,nó không có những đặc tính gì cả ;họ cũng không giải thích rằng nó chính là cái nguyên-nhân đầu tiên (Plato gọi là Thượng Đế Ba Ngôi - Logos-) l à Thiên Ý nguyên thủy và trường cửu ,nó biểu lộ xuyên qua con người nguyên thủy ,hay có thể nói,đó là Thượng Đế Ngôi Hai . Trong Kinh Bí Số,người ta giải thích rằng tiếng Ain này là cái tự tại duy nhất (En :cái trống không ,hoặc là Aior:tự tại) còn cái "vực thẳm" của nó mà những tín đồ phái Ngộ Đạo gọi là Bythos ,cũng được người ta gọi là ánh sáng không đo được, hay Propator,thì chỉ xuất hiện từng giai đoạn .Danh từ sau này chính là Thượng Đế Sáng Tạo nam tính(Brahma) do Bản thể Thiêng Liêng(Brahman) hay Bản Thể Tối Thiêng Liêng (Parabrah-man) phân hóa ra. Nó là cái vực sâu vĩ đại ,là nguồn gốc của ánh sáng ,hay ánh sáng không dò được (Propator) ,vốn chính là Thượng Đế Ba Ngôi vô hiện(Unmafested Logos) hay là Thiên - Ý trừu tượng ; chứ không phải là cái trống không vô hạn (Ain - Soph) mà điểm Linh quang của Ngài dùng con người nguyên thủy (Adam Kadmon) - có "nam nữ tính" - hay vị Thượng Đế biểu - lộ bầu vũ trụ khách quan ,như là 1 chiếc xe xuyên qua đó mà biểu lộ . Nhưng chúng ta thấy 1 câu không thích đáng sau đây trong kinh Zohar :"Cái hình dáng xưa hơn được giấu kín và bị r ú t lại ,cái mặt nhỏ(Microproposus)được tiết lộ và cũng bị giấu-kín " (1).

(1) ["Cuốn sách bí mật"(Liber Mysterii)của Rosenroth, IV , trang 1]

Điều này chỉ là 1 sự lừa phỉnh ,vì,cái mặt nhỏ hay là Tiểu vũ trụ (Microcosm) chỉ có thể hiện hữu trong những thời-kỳ biểu lộ mà thôi,và nó đã bị tiêu diệt trong những chu- kỳ Đại Hỗn nguyên (Mahapralaya) . Cuốn Kabbala của Rosenroth không phải là cuốn sách chỉ nam ,mà nó sẽ là 1 vấn đề nan-giải thường xuyên đối với chúng ta .Cấp bậc đầu tiên là cấp Thiêng Liêng . Như trong các khoa vũ trụ luận Ai cập ,NhậtBản

và mọi giáo lý cổ xưa ,do ngọn lửa thiêng liêng duy nhất mới thắp sáng trong ba nhóm đi sau. Vốn có cái bản thể ẩn tàng ở trong nhóm cao ,bây giờ,chúng trở thành những thực thể khác nhau và riêng biệt . Những thực thể này được gọi là sinh-vật có sự sống đồng trinh((Virgins of Life),là Đại Ao mông v.v.. và được người ta gọi chung là ngôi sao sáu cánh . Gần như là trong mọi tôn giáo ,ngôi sao này đều là biểu tượng của Thượng Đế Ba Ngôi (Logos) ,trên cương vị là cái nguồn gốc được sinh ra đầu tiên. Ở Ấn độ, nó là ký hiệu của Thượng Đế sáng tạoNgôi Hai (Vishnu) ,Luận xa (Chakra) hay là cái bánh xe ; và ký - hiệu của Thượng Đế có 4 chữ (Tetragrammaton),trong kinh bí - pháp Kabalah "Ngài được gọi bằng bốn chữ",hay nói 1 cách ẩn- dụ là "Tay chân của Sắc diện nhỏ"("Limb of Microprosopus") , sắc diện này lần lượng có 10 và 6 tay chân .

Tuy nhiên,những xxxx xxxx tín đồ Do thái bí giáo sau này ,nhất là những nhà Thần bí học Thiên Chúa giáo đã p h á hoại cái biểu tượng đẹp đẽ này . Thực vậy,cái mặt nhỏ này -- nếu nói 1 cách triết lý ,thì nó hoàn toàn tách khỏi Thượng-Đế Ba Ngôi vô hiện trường cửu ,để "hợp nhất với Từ Phụ"— và cuối cùng sau nhiều thế kỷ cố gắng ngụy biện và nghịch lý không ngừng ,đã được coi như là hợp nhất với Thượng Đế sáng tạo lưỡng tính (Jehovah) hay là Thượng Đế Duy Nhất linh hoạt(!) ,trong khi mà Thượng Đế sáng tạo nam nữ tính (Jehovah) không hơn gì một Đấng sáng tạo có nữ tính (Binah) . Sự kiện này không thể tạo cho độc giả một ấn tượng thường xuyên . Vì " 10 cái chân tay " của Con người ở Trên trời chính là 10 Đấng Sáng Tạo (Sephiroth) ;nhưng con người ở trên trời đầu tiên này là Tinh Thần vô hiện của vũ trụ ,và không bao giờ bị làm giảm giá trị thành ra Microprosopus,tức là cái sắc diện hay cái mặt nhỏ hơn ,là cái kiểu mẫu nguyên thủy của con người ở trên cõi trần này . Như người ta vừa nói,Cái mặt nhỏ xxx hơn này là Ngôi Thiên Đế biểu lộ và cũng của nhiều vị Thiên Đế khác nữa. Tuy nhiên,về điều này,chúng tôi sẽ nói sau. Ngôi sao 6 cánh ám chỉ 6 động lực hay là 6 quyền năng của thiên nhiên ,sáu cõi,sáu nguyên khí v.v... tất cả đều do cái thứ bảy tổng hợp đó là điểm chính giữa của ngôi sao này . Tất cả bao gồm những hệ cấp cao và thấp,đều phát sinh từ Đức Mẹ Trinh nguyên ở cõi Trời ,mà trong các tôn giáo,người ta gọi là Đức Đại Từ - Mẫu,là con người nguyên thủy sáng tạo có lưỡng tính (Sephira Adam Kadmon) . Đấng Sáng Tạo Tối cao (Sephira) chính là Ngôi

Thiên Đế thứ nhất (Kether) ,chỉ ở trong cái nguyên lý trừu-tượng ,giống như chữ x của toán học để chỉ 1 ẩn số. Ở trên cõi của thiên nhiên đã phân hóa ,Ngài là mẫu người nữ của con người Nguyên thủy (Adam Kadmon) là Đấng lưỡng tính đầu tiên. Kinh Kabalah dạy rằng ,những tiếng " Hãy có lấy ánh sáng"("Fi-at Lux") (1) nhằm nói tới sự tạo lập và sự tiến hóa của các Đấng Sáng Tạo (Sephiroth) ,chứ không phải nhằm nói tới ánh-sáng với vai trò là cái đối lập của bóng tối.

(1) [Sáng Thế Ký (Genesis) i]

Đạo sĩ Simcon đã nói :

" Hỡi các đạo hữu,con người trên cương vị là cái nguồn-gốc được sinh ra bởi cả đàn ông lẫn đàn bà ,nói 1 cách thực-sự ,đó là con người nguyên thủy (Adam Kadmon) ,đó là ý nghĩa của những tiếng : "Hãy để cho có ánh sáng và thế là có ánh-sáng" . Đó chính là con người nhị phân.

Trong trạng thái Đơn nguyên(Unity) ,Ánh sáng nguyên thủy là nguyên khí thứ 7 ,hay là nguyên khí cao nhất ,là ánh sáng của Thiên Đế Vô biên(Daiviprakriti) . Nhưng khi bị phân hóa , nó trở thành điện năng nguyên thủy (Fohat) ,hay là "Bảy đứa con " . Ánh sáng nguyên thủy được tượng trưng bởi điểm chính giữa ở trong tam giác đối ,và điện năng nguyên thủy đượctượng trưng bởi chính hình lục giác ,hay là "Sáu chân tay" của cái Mặt nhỏ ,cái thứ bảy chính là Đức Mẹ thế gian hay là vị Nữ-vương (Malkuth) mà các nhà Do thái Bí giáo Thiên chúa gọi là "vị hôn thê" hay là địa cầu của chúng ta. Do đó,người ta diễn tả như sau :

"Sau số một" cái đầu tiên chính là Ngọn lửa thiêng liêng ; cái thứ nhì là lửa và dĩ thái (Ether) ;cái thứ ba gồm có Lửa ,dĩ thái và nước ;cái thứ tư là Lửa,dĩ thái ,nước và không khí. Số một không có liên quan gì đến những bầu hành tinh có mang theo con người ,nhưng lại có liên hệ đến những bầu hành-tinh vô hình bên trong. "Đứa con sinh ra đầu tiên" chính là Sự sống,Trái tim và Nhịp đập của vũ trụ ;đứa thứ nhì là cái Trí hay là Tâm thức của nó".

Những nguyên tố Lửa,Không khí ,v.v... này không phải là những nguyên tố kết hợp của chúng ta và "Tâm thức" này không liên hệ gì đến tâm thức của chúng ta . Tâm thức của "Số Một biểu lộ" nếu không phải là tuyệt đối ,thì cũng vẫn là không có điều kiện . Đại trí (Mahat) ,Cái Trí của Vũ Trụ(Universal Mind) là sản phẩm đầu tiên của Thượng Đế sáng tạo nam-

tính (Brahma-Creator) nhưng cũng là của vật chất chưa phânhóa (Pradhana) .

(c) Đẳng cấp thứ hai của các Thực thể Thiên thần(Celestial Beings),những vị thần lửa và Dĩ thái (tương quan với Tinh thần và Linh hồn hay Atma -Buddhi ,có rất nhiều tên gọi, vẫn còn là vô sắc tướng như cụ thể hơn 1 cách rõ rệt. Các vị là sự biểu lộ phân hóa đầu tiên trong cơ sáng tạo hay cơ tiến hóa thứ 2 - 1 danh từ dễ lầm lẫn . Như tên gọi,các vị là những kiểu mẫu điển hình của những Chơn Thần giáng thế và được cấu tạo bởi lửa tinh hoa của sự sống .Chính là do các vị này mà 1 tia sáng đi xuyên qua như 1 tia nắng mặt trời ,đó là tia sáng của Tinh Thần(Atma) với cái thể tương lai của nó là Hồn thiêng hay Tuệ giác(Divine Soul ,Buddhi) . Những nguyên - khí này có liên hệ trực tiếp với những đẳng cấp thiên thần caohơn trong thái dương hệ. Từ những đơn vị Lưỡng thể này xuất -phát ra cái "Tam thể" ("Tree-fold").

Trong khoa vũ trụ khởi nguyên luận Nhật Bản,khi từcái khối Hỗn Mang , 1 cái nhân có hình trứng xuất hiện,bên trong nhân này có mầm mống và mãnh lực của toàn bộ sự sống trong vũ-trụ cũng như trên cõi trần của địa cầu ,thì cái biến phân chính là cái mà người ta vừa gọi là cái tam thể (tam nguyên). Nguyên khí dương tinh anh (Yo) thăng lên,còn nguyên khí âm thô trược ,vật chất (In) bị quăng vào vũ trụ vật chất ,khi nguyên khí thiên giới và nguyên khí hạ giới chia tay nhau . Thực thể khách quan bản sơ được sinh ra từ nguyên khí âm , nguyên khí Mẹ. Thực thể này thật là tinh anh ,chẳng có hình-dáng ,cũng chẳng có giới tính ,tuy nhiên,chính từ nó và Mẹ, mà 7 Chơn Linh Thiêng liêng được sinh ra ,chính từ 7 Đấng này mà 7 cuộc sáng tạo mới được phát sinh ra;chẳng khác nào trong kinh Codex Nazaraeus ,7 tinh linh (vật chất)có khuynh hướng ác được sinh ra từ Karabtanos (linh hồn về ý thức) và linh - hồn của Mẹ . Nếu kể hết ra đây các danh hiệu của người Nhật thì rất dài dòng ,nhưng khi phiên dịch ,người ta sắp chúng theo thứ tự sau đây :

(1) "Đấng Chân đơn gối chiếc vô hình"("Invisible Celibate") chính là Huyền Âm sáng tạo(Creative Logos) của Từ phụ phi sáng tạo ,hay là tiềm năng sáng tạo của Từ phụ được biểu lộ .

(2) "Tinh thần(hay Đấng Thiêng Liêng ; God) của những Thái uyên âm u (rayless Depths),trở thành vật chất biến phân,

hay vật liệu thế gian(world-stuff) ,cũng chính là giới khoáng thạch.

(3) "Chơn Linh của giới thực vật" của Cây cả sum sê.

(4) "Chơn linh của Địa cầu" và "Chơn Linh của cát"(Spirit of the sands); 1 thực thể có bản chất nhị phân ,Chơn linh trước bao hàm tiềm năng của nguyên tố dương,còn Chơn linh sau bao hàm tiềm năng của nguyên tố âm,cả 2 tạo thành 1 bản-chất phối hợp .Cả hai chỉ là một ,song đến nay,chúng vẫn chưa biết rằng mình "tuy 1 mà 2".

Trong nhị nguyên này có bao hàm

a) Isu no gai no Kami,Thực thể dương tính,u mê ám chướng , vai u thịt bắp ; và

b) Eku gai no Kami ,Thực thể âm tính liễu yếu đào tơ,mảnh - mai .Thế rồi :

(5) và (6) Các Chơn Linh lưỡng tính bán thư bán hùng.

(7) Chơn linh thứ 7 ,Chơn linh cuối cùng do Từ Mẫu xạ ra ,nó xuất hiện như là con người thiếng liếng đầu tiên có hình dáng nam nữ phân biệt rõ rệt .Đó là cuộc sáng tạo thứ 7, cũng như trong kinh Puranas ,con người là cơ sáng tạo thứ 7 của Brahma.(Phạn Thiên)

Những Đấng này,Tsanagi-Tsanami , giáng sinh vào vũ trụ qua Thiên kiều(Celestial Bridge),Ngân Hà, và "khi thấy mãi tít bên dưới có khối hỗn độn toàn là mây mù và nước ,Tsagani liền phóng cây lao cợ cần ngọc thạch xuống các vực thẳm ,thế là vùng đất khô ráo hiện ngay ra.Sau đó,2 bên chia tay nhau để đi thám hiểm Onokora ,hòn đảo thế gian mới được tạo ra"(Omoie).

Đó là những ngụ ngôn công truyền của Nhật bản,lớp vỏ che kín hạt nhân của cùng 1 chân lý duy nhất của Giáo Lý Bí Nhiệm.

(d) Đẳng cấp thứ ba tương quan với Tinh thần ,Tuệ giác và Trí tuệ(Atma-Buddhi-Manas) và được gọi là Tam thể thượng.

(e) Đẳng cấp thứ 4 là những thực thể hữu sắc tướng. Đó là nhóm cao nhất trong các Sắc tướng (Rupas) ,là nơi đào-tạo những linh hồn ý thức và tâm linh con người. Đẳng cấp này được gọi là những linh hồn bất tử ,và xuyên qua đẳng cấp thấp hơn kế đó ,tạo thành nhóm thứ nhất của tập đoàn 7 Đấng đầu-tiên .Tập đoàn này là môi trường hàm súc 1 cách tiềm ẩn cái Mầm ,nó sẽ sinh sôi nảy nở trong cuộc sinh hóa ra vạn vật.Cái

Mầm ấy sẽ trở nên tiềm năng tâm linh trong tế bào vật chất nó phát triển hướng dẫn sự phát triển của bào thai,nó là nguyên-nhân của sự di truyền khả năng và đức tính trong con người . Tuy nhiên ,giả thuyết của Darwin về sự di truyền khả năng con người không hề được khoa huyền môn chấp nhận hay giảng dạy . Theo huyền môn,luật tiến hóa tác động theo những đường l ố i khác hẳng; thể chất tiến hóa lần lần từ cái căn bản tâm linh, trí tuệ và tinh thần . Linh hồn nội tại của tế bào vật chất , --cái"nguyên sinh chất tâm linh" ("spiritual plasm") đang chế ngự nguyên sinh chất nầy mầm(germinal plasm — là cái chìa - khóa có ngày sẽ mở cửa bí nhiệm trên lãnh vực của nhà sinh - vật học và những điểm bí hiểm lớn nhất của khoa phôi sinhhọc nhờ đó cũng được sáng tỏ. Điều đáng ghi nhận là môn hóa học tiến tiến,trong khi phủ nhận thuyết nói về những sinh vật có thụ c và vô hình ,được gọi là Thiên thần(Angels) và Tinh hoa-chất(Elementals) v.v... coi nó như là x l sự mê tín dị đoan của huyền bí học và tôn giáo —dĩ nhiên, không bao giờ nhìn vào và nghĩ đến triết lý về những thực thể vô hình này(incor-poreal Entities)—nhờ sự quan sát và sự khám phá ,đã bị bắt buộc l cách vô thức phải nhìn nhận cùng l lúc tỷ lệ và trình tự tiến hóa của những nguyên tử hóa học ,cũng như huyền - bí học đã chấp nhận đối với những vị Thiền Ni (Dhyanis) lẫn các nguyên tử — vì sự tương đồng là định luật đầu tiên của nó . Như người ta đã thấy ở trên,chính nhóm đầu tiên của những vị Thiên thần hữu hình (Rûpa) là tứ nguyên(quaternary) ,là l phần tử được bổ túc cho mỗi nhóm theo cấp bậc đi xuống .Các nguyên tử cũng vậy,theo ngôn từ hóa học thì đơn nguyên tử (monatomic) nhị nguyên tử(diatomic),tam nguyên tử,tứ nguyên tử ..v.v..đều phát triển đi xuống .

Nên nhớ rằng Lửa,Nước ,Không khí của huyền bí học hay cái gọi là "Các Nguyên tố của kỳ tạo lập đầu tiên",không phải là những nguyên tố kết hợp ở trên cõi trần ,mà là nhữngnguyên tố đồng tính của bản thể - là Linh hồn của cái trước. Rồi tiếp theo là những nhóm hoặc những Đoàn Thất Nguyên(Septenary). Trong l đồ hình,người ta sắp đặt những nhóm này song song với những nguyên tử ,những bản chất của sinh vật này được xem như là tương ứng với những nguyên tố kết hợp theo l cách giống hệt về mặt toán học như là sự tương đồng (trên nấc thang đixuống của sự phát triển). Dĩ nhiên , điều này chỉ nhằm nói tới các đồ hình của những nhà huyền bí học bí mật phác họa ; vì nếu nấc thang của những thiên thần được đặt song song với nấc

thang của những nguyên tử của khoa học —từ chất Helium theo giả thuyết(hypothetical Helium) cho đến chất Uranium —dĩnhiên là người ta thấy chúng có khác nhau ,vì những nguyên tử chỉcó 4 hạng thấp nhất với vai trò là các phần tương ứng trên cõi - giới cảm dục(cõi trung giới) ,nên ba nguyên khí cao trong một nguyên tử hay đúng hơn là trong phân tử ,hay là trong nguyên tố hóa học ,thì chỉ có con mắt giác ngộ (Dangma's eye)của bậc đắc đạo mới nhận thức được mà thôi. Nhưng rồi,nếu hóa họcmuốn ở trên con đường ngay thẳng ,thì nó phải sửa chữa theo bảng sắp hạng do các nhà huyền bí học thực hiện ,đó là điều ắt nó không chịu làm . Theo triết học bí truyền,mỗi phần tử vậtchất đều tương ứng với và tùy thuộc vào bản thể cao hơn -Hữu - thể (Being) mà bản chất của nó tùy thuộc vào ;và trên sao dưới vậy,Linh hồn do cái thiêng liêng sinh ra ,tâm trí thì do linh hồn sinh ra —ở trên cõi thấp hơn ,nó bị thể vía(astral) làm biến chất —toàn thể thiên nhiên sinh động và (dường như)bất sinh động này phát triển song song và lôi cuốn những đặc tính của mình từ cõi cao cũng như cõi thấp.

Con số 7 ,khi được áp dụng cho ngôn từ "Nhóm thất ~~nguy~~ nguyên" vừa được đề cập cập ở trên ,chẳng những ám chỉ 7 thực thể mà lại còn ám chỉ 7 nhóm hay là 7 đoàn như đã được chúng tôi giải thích trước đây . Nhóm cao nhất ,những vị thần -quỉ (Asuras) do thân thể đầu tiên của Thượng Đế sáng tạo nam tính (Brahma) sinh ra (nó biến thành "Đêm"),có 7 loại ,nghĩa là họ được phân chia thành 7 hạng giống như các vị Tổ phụ(Pitris) phóng chiếu ra những con người trần tục đầu tiên.

(f) Nhóm thứ 5 là 1 đẳng cấp rất huyền bí ,vì nó liên hệ đến tiểu thiên địa ngũ giác ,tức là ngôi sao 5 cánh tiêu ~~b~~ biểu cho con người . Ở Ấn Độ và ở Ai cập ,những vị Thiên - Ni này có liên hệ đến con cá sấu ,và nơi trú ẩn của các Ngài là chòm sao Ngưu (Capricornus) . Nhưng trong khoa chiêm tinh học Ấn độ,những ngôn từ này có tính cách khả hoán,vì cung thứ 10 của Hoàng đạo(Zodiac) vốn được gọi là Makara ,lại được dịch 1 cách tùy tiện là "Cá sấu" .Chính tiếng này đã được giải thích bằng nhiều cách khác nhau về mặt huyền bí như sẽ được chỉ rõ sau này . Ở Ai cập,người quá cố (Defunct) —được tượng trưng bằng ngôi sao 5 cánh ,các đỉnh của nó tượng trưng cho tay chân của con người — được chứng minh 1 cách biểu tượng là đã biến thành 1 con cá sấu . Theo ông Gerald Massey,vị thần thời gian Sebekh hay Sevekh (hay là cái thứ 7) thực sự là 1 con rồng ,

chứ không phải là 1 con sấu ,điều này đã chứng minh rằng nó thuộc loại có trí khôn . Vị này chính là "Con Rồng Minh Triết" hay Manas ,Linh hồn của con người ,Cái Trí,nguyên khí Trí Tuệ theo triết học nội môn của chúng ta ,nó được gọi là nguyênkhí thứ năm.

Trong "Tử Vong Kinh"(Book of the Dead) hay trong cuốn "Nghi Lễ"(Ritual) ,người ta nói là người quá vảng "được thần - thánh hóa" dưới ký hiệu của 1 Đấng Cao cả có dạng xác ứớp với đầu cá sấu :

" Ta là con sấu điều khiển sự sở hãi ,Ta là vị thần cá sấu chủ trì linh hồn của mọi người khi xuống thế. Ta là thần cá sấu sẽ đem đến cho mọi người sự chết chóc".

Đó là 1 điều ám chỉ việc hủy hoại sự trong sạch của Linh hồn thiêng liêng khi con người đạt được sự hiểu biết về điều thiện và điều ác,nó cũng ám chỉ những vị thần "sa đọa " ("fallen" Gods) của mọi khoa thần phổ học .

"Ta là con cá của thần Horus vĩ đại (vì Makara là"Cá sấu" vận cụ của thủy thần(Varuna)).Ta hoà mình trong cõi Thiên đàng (Sekhem)" (1).

(1) ⌜ Tử Vong Chân Kinh(Book of the Dead)lxxxviii ⌟

Câu chót này củng cố và nhắc lại triết lý của Phậtgiáo nội môn vì nó ám chỉ nguyên khí thứ 5 (Thể trí) hay đúng hơn là cái phần thiêng liêng nhất của nguyên thể của khí thể này; sau khi con người từ trần,nó sẽ hoà hợp vào Atma-Buddhi ,được Chơn linh này thấu nhập và hợp nhất với Chơn linh này. Vì cõi thiên đàng(Sekhem) ,1 trạng thái chân phúc,là nơi trú ẩn hay là cõi (Loka) của Đức Chúa Cha ,Đức Ch´ua Con (Horus-Osirus , hay là Từ Phụ và Hiếu Tử) nên do đó nó là cõi chân phúc (Devachan) của Chơn Linh(Atma-Buddhi) . Trong Tử Vọng Kinh,người quá vảng được chứng minh là nhập vào cõi thiên đàng (Sekhem) với Đấng cao cả Horus-Thot và xuất lộ trong đó như là 1 linh-hồn trong sạch". Người chết nói như vầy :

"Ta thấy hình dáng của chính ta ,cũng như của nhiều kẻ khác biến dạng không ngừng ... Ta biết rõ chương này.Ai biết được chương này ... thì sẽ có được tất cả những loại hình - dáng sống động" (Chương lxiv,trang 29-30).

Dưới dạng công thức pháp thuật,khi đề cập tới cái được gọi là "quả tim truyền kiếp"("ancestral heart") hay khí

thể luân hồi ,Chơn ngã (Ego) vĩnh cửu ,người quá cố nói :

" Hỡi quả tim của ta ,quả tim truyền kiếp của ta vốn là nhu cầu đối với sự thay hình đổi dạng của ta.,... trước vị thần nhân quả ,người đừng tách rời ra khỏi ta .Người chính là phàm nhân ở trong lòng ta ,là người bạn thiêng liêng đã trông nom xác thịt của ta (thể xác của ta)(1).

(1) [Cũng trong cuốn này,trang 34,35]

Chính ở trong cõi Thiên đàng (Sekhem) mà cái "Mặt Bí Mật" này được giấu kín ,đó là Chơn nhơn bị phàm nhơn ảo ảnh che - giấu ,là con sấu tam phân của người Ai cập ,biểu tượng của Tam nguyên đồng nhất hay là Tam thể thượng (Triad) của con người tức là Chơn thần thiêng liêng (Atma) linh hồn thiêng - liêng (Buddhi) và và Thượng trí (Manas).

Một trong những sự giải thích ý nghĩa thực sự mặc- dù bí ẩn của ký hiệu tôn giáo này của người Ai Cập thì không khó khăn gì . Con sấu là con vật đầu tiên chờ và đón nhận các tia lửa như thiêu đốt của mặt trời buổi sáng ,thế là chẳngbao lâu sau,nó được dùng để nhân cách hóa sức nóng của mặt trời . Khi mặt trời mọc,điều này giống như là việc "linh hồn thiêng- liêng đang làm linh hoạt các vị thần linh" đến với thế gian , giữa nhân loại. Từ đó mới có khoa biểu tượng học dị thường này. Một xác ướp có 1 đầu cá sấu để chỉ cho biết rằng đó là 1 linh hồn xuống thế gian .

Trong tất cả những tài liệu bằng giấy chỉ thảo cổ truyền,con sấu được gọi là Sebekh (cái thứ bảy) ,còn nói về mặt nội môn , nước cũng tượng trưng nguyên khí thứ 5 ; và như chúng tôi đã trình bày,Ông Gerald Massey chứng minh rằng con sấu là "linh hồn thứ 7 ,linh hồn cao siêu nhất trong số 7 linh hồn- nhà linh thị vô hình". Ngay cả,nói về mặt công truyền,cõi thiên đàng (Sekhem) cũng là nơi trú ẩn của Đức Chúa Cha,Đức Chúa Con(God Khem) và Khem chính là thần Horus đã phục thù cho cái chết của Cha Ngài là Osiris,do đó,Ngài đã trừng phát tội- lỗi của con người khi con người trở thành 1 linh hồn không hóa thân . Như vậy,người chết "được thánh thiện hóa("Osirified) đã trở thành vị thần Khem ;Ngài "sẽ gặt lúa ở cánh đồng Aanroe" (cánh đồng lúa mì thứ nhì ở trên Trời) ;nghĩa là Ngài gặt lấy sự khen thưởng hay là sự trừng phạt ,vì cánh đồng này là nơi trú ẩn ở trên trời (Devachan) cõi Thiên đàng ,chỗ ở của các vị thần linh , ở đó,người chết được ban cho lúa mì ,thức ăn

của sự công bình thiêng liêng . Nhóm thứ 5 các thiên thần được coi như hàm súc đặc tính lưỡng cực nhị nguyên của cả 2 phương diện tâm linh và thể chất của vũ trụ . Có thể nói, đó là lưỡng cực của Mahat hay là trí tuệ của vũ trụ và tính chất nhị - nguyên của con người ,tâm linh và thể chất. Bởi đó, số 5 của nhóm nhân lên thành 10 ,kết liễn nhóm ấy với Cung Ma kết (Ma kara) là cung thứ 10 của vòng Hoàng đạo.

(g) Nhóm thứ 6 và thứ 7 có đặc tính thấp hơn của Tứ-thể hạ. Đó là những thực thể hữu thức ,thể chất mong manh như sương và vô hình như chất dĩ thái ,xuất phát từ nhóm trung - ương đầu tiên gồm có 4 vị Thiên Vương . Đến lượt các nhóm ấy lại phóng phát ra vô số các nhóm nhỏ ,nhóm thấp nhất là những tinh linh ngũ hành ,gồm vô số loại,từ những loại vô sắc và không có thể chất (những Tư Tưởng tuyệt đích của các Đấng sáng tạo ra chúng) dẫn xuống đến vi khuẩn mà mắt người không nhìn thấy . Những vi khuẩn này được coi như là các"linh - hồn của nguyên tử "("spirits of atoms") vì chúng là những sinh - vật có tri giác tuy không có trí khôn. Tất cả những sinh -vật này đều chịu sự chi phối của luật nhân quả và phải thanh toán nghiệp quả trong mọi chu kỳ sinh hoạt . Vì ,như giáo lý có dạy,ở trong vũ trụ này không có sinh vật nào được ưu đãi như thế ,dù trong thái dương hệ này của chúng ta ,hay là ở trong những thái dương hệ khác ,ở trong những bầu thế giới bên ngoài hay là ở trong những bầu thế giới bên trong (1),chẳng hạn như là những vị thiên thần của các tôn giáo phương Tây và của người Do Thái.

(1) [Một bầu thế giới,khi được gọi là "bầu thế giới cao " ,không cao vì vị trí của nó ,mà vì tính chất hay bản - chất của nó cao hơn . Tuy nhiên,1 bầu thế giới như thế thường được người vô đạo hiểu là cõi thiên đàng ở trên địa cầu chúng ta]

Một vị Thiền Định Đế Quân(Dhyan Chohan) là thành quả của 1 cơ tiến hóa trường kỳ chứ không thể ngẫu nhiên sinh ra hay xuất hiện thình lình trong cõi sinh hóa như 1 vị Thiên-thần . Các đẳng cấp của thiên thần của chu kỳ hiện tại sẽ được hoán chuyển qua những bầu thế giới cao hơn và tiến hóa hơn trong chu kỳ sinh hoạt tương lai và sẽ nhường chỗ cho một đẳng cấp mới gồm những phần tử ưu tú chọn lọc trong hàng ngũ nhân-loại chúng ta ngày nay. Thực tại là 1 vòng chu kỳ bất tận trong cái duy nhất trường cửu tuyệt đối ,trong đó diễn ra vô-

số chu kỳ nội tại ,hữu hạn và tương đối. Những vị thần -minh ngẫu nhiên được sáng tạo nên sẽ không chứng minh được giá trị thực sự của mình. Bởi vậy ,nhóm 3 và nhóm 4 phải luân hồi chuyển kiếp như tất cả mọi chúng sinh .Hơn nữa,nhóm 6 này hầu như không thể tách rời hay cách biệt với con người ,con người tiếp nhận tất cả nhóm ấy trừ ra những nguyên khí cao nhất và thấp nhất tức là tinh thần và thể xác. Còn 5 nguyên khí trung gian là tinh hoa của những bậc thiên thần đó .Triết gia Parac -elsus gọi nhóm này là những vị thần hộ mạng(the Flagae) ; những người Thiên chúa giáo gọi họ là những vị thiên thần che chở ; các nhà huyền bí học gọi họ là Thủy Tổ của nhân loại (Pitris) .Họ là những vị Thiền Định Đế Quân có các nguyên-tố thiêng liêng để cấu tạo thành những thân thể của các Ngài — thực vậy,các Ngài giống như con người ,chỉ thiếu thể xác mà thôi .

Chỉ độc nhất có Chơn Thần thiêng liêng (Atman) là điểm linh quang mà số Một trực tiếp sinh ra . Khi được hỏi làm thế nào để có thể như thế được ? Làm thế nào để có thể quan niệm được các vị thần này hay những vị thiên thần này đồng thời là phân thân và những phàm ngã của các Ngài ? Liệu có ý nghĩa tương tự như vậy không trong thế giới vật chất này nơi mà theo 1 đường lối nào đó ,đứa con lại là cha của nó, là máu huyết của cha nó ,xương của cha nó và xác thịt của cha nó. Về điều này,các Đức Thầy đã trả lời : Thực sự là như vậy , nhưng người ta phải đi sâu vào trong bí mật của sự sống (mystery of Being) trước khi người ta có thể hiểu được chân - lý này 1 cách đầy đủ ".

2- <u>Một Tia sáng sinh sản ra những tia sáng nhỏ hơn. Sự sống đi trước hình thể ,và sự sống sẽ còn lại sau hột nguyên tử cuối cùng</u> (của hình hài thể - xác) . <u>Xuyên qua vô số Tia sáng của Tia sinh-hoạt(Life-Ray) ,là cái Một,cũng như sợi dây đi xuyên qua nhiều hột chuỗi.</u>(many beads)

Câu kinh này diễn tả quan niệm về đường kim quang (Sutr -atma) chạy xuyên qua những thế hệ liên tiếp ,là 1 quan niệm hoàn toàn của kinh Phệ đà mà chúng ta đã giải thích ở đâu đó rồi . Vậy thì làm thế nào để giải thích câu này ? Người ta phải nhờ đến 1 sự so sánh , một minh họa quen thuộc mặc dù tất nhiên là thiếu sót (tất cả những sự so sánh tương -đồng

khả dụng của chúng ta đều phải chịu như vậy . Tuy nhiên,trước khi trông cậy vào cách so sánh này ,tôi muốn hỏi ,đối với bất cứ người nào trong chúng ta ,khi chúng ta khảo sát tiến trình phát triển và lớn lên của 1 bào thai thành ra 1 đứa trẻ khỏe mạnh,nặng lối vài cân Anh (1) thì điều này có không được tự-nhiên hay thậm chí "siêu nhiên" không chăng ?

(1) [Một cân Anh (pound) = 0,453kg]

Tiến triển từ cái gì ? Từ 1 phần của 1 tiểu noãn cực kỳ bé nhỏ và 1 con tinh trùng ! Rồi thì chúng ta sẽ thấy đứa bé lớn lên thành 1 người cao lối 6 bộ (độ 1,8m ,LND) ! Điều này nhằm nói tới sự bành trướng của vật chất và của nguyên tử,từ 1 vật nhỏ như vi sinh vật ,cho đến 1 vật nào đó cực đại ,từ 1 vật không thấy được bằng mắt trần ,cho đến vật khách quan và thấy được. Khoa học đã trình bày tất cả các điều này ,và tôi dám nói là ,những lý thuyết về phôi sinh học ,về sinh vậthọc và về sinh lý học của khoa học thật là đúng chừng nào mà nó còn quan sát vật chất 1 cách đúng đắn . Tuy nhiên,hai sự khó khăn chính của phôi sinh học — nghĩa là những động lực gì có tác dụng tạo thành bào thai và đâu là nguyên nhân của " sự truyền đạt di truyền" của sự tương đồng về thể xác ,về tình - cảm hay là về tư tưởng — chưa bao giờ người ta giải đáp một cách thỏa đáng ; những khó khăn này cũng chưa bao giờ giải - quyết được ,cho đến khi nào các nhà khoa học hạ mình chấp - nhận những lý thuyết của huyền môn. Nhưng nếu không có 1 người nào ngạc nhiên về hiện tượng hữu hình này ,ngoại trừ việc này đã làm bối rối các nhà phôi sinh học ,thì tại sao sự phát - triển bên trong của cái trí chúng ta ,sự tiến hóa của linh - hồn con người thành ra linh hồn thiêng liêng ,lại được xemnhư là ,hoặc dường như là không thể nào có được hơn điều kia ?

Những nhà duy vật chủ nghĩa và những nhà tiến hóa chủ nghĩa của phái Darwin ,hẳn thật là dại dột khi chấp nhận những lý thuyết mới được chế ra của của giáo sư Weissmann , tác giả cuốn Beitrage zur Descendenzlehre ,về 1 trong hai sự bí mật của khoa phôi sinh học (như đã được chỉ rõ ở trên) mà dường như ông nghĩ mình đã giải quyết xong ,vì khi điều này được giải quyết 1 cách đầy đủ ,thì khoa học sẽ bước vào lãnh vực của huyền môn thực sự và vĩnh viễn vượt ra ngoài cả lãnh vực của sự thay hình đổi dạng như Darwin đã dạy .

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật ,thì 2 lý thuyết

này không thể nào dung hoà được . Tuy nhiên,theo quan - điểm của nhà huyền bí học ,thì lý thuyết mới này có thể giải quyết được tất cả những sự bí mật này . Người nào chưa biết được sự khám phá của giáo sư Weissmann —ông đã có thời theo phái Darwin 1 cách nhiệt thành — thì nên mau chóng sửa chữa 1 ạ i khuyết điểm này . Triết gia phôi sinh học người Đức này đã dẫm chân lên đầu cả hai triết gia Hy lạp Hippocrates và Aris -totle ,và đã quay trở về giáo lý cổ truyền Ấn Độ ,khi ông chứng minh rằng 1 tế bào cực tế vi trong số hàng triệu tế bào khác đang hoạt động trong việc cấu tạo nên 1 cơ thể động vật, chỉ 1 mình và không có sự trợ giúp nào ,bằng cách tự phânthân 1 cách thường xuyên để sinh sản thêm mãi,đã quyết định hình - dáng của 1 người (hay cầm thú) tương lai với những đặc tính thể chất , trí tuệ và tâm linh của nó . Chính tế bào đó ghi lại trên gương mặt và hình dáng người ấy những nét đặc - thù của cha mẹ y hay 1 vị tổ tiên xa xôi nào đó .Cũng chính các tế bào đó truyền lại cho y những đặc tính trí tuệ và tinh - thần của cha mẹ y hay tổ tiên y .Nguyên sinh chất (plasm) ấy là cái phần bất diệt của thể xác chúng ta ,chỉ là nhờ bởi phương pháp đồng hóa liên tiếp . Lý thuyết của Darwin quan- niệm 1 tế bào phôi thai như cái tinh hoa hay tinh chất của tất cả những tế bào khác ,đã bị loại qua 1 bên vì nó không thể giải thích hiện tượng di truyền . Chỉ có 2 cách giảithích sự bí ẩn của di truyền. Một là chất liệu của chủng bào(germinal cell) có khả năng vượt qua toàn bộ chu kỳ biến thể đưa đến sự cấu tạo 1 cơ thể riêng biệt và sau đó đến việc sinh sản ra những chủng bào tương tự . Hai là <u>những chủng bào đó không hề sinh ra trong thể xác của 1 người mà trực tiếp xuất- phát từ chủng bào tổ tiên cha truyền con nối ,trải qua nhiều thế hệ lâu dài</u>.

Giáo sư Weissmann đã chấp nhận và khai triển giả- thuyết sau này và ông đã truy nguyên cái phần bất diệt của con người đến tận tế bào đó . Sự việc diễn tiến đến đây có vẻ khả quan ,và khi giả thuyết gần đúng này được chấp nhận,làm sao các nhà sinh vật học có thể giải thích sự xuất hiện đầu tiên của tế bào vĩnh cửu đó ? Bằng cách nào tế bào phôi đó nảy sinh trong cơ thể con người trừ phi là y tự sinh ra chứ không do thai sinh , mà đột nhiên từ trên mây rơi xuống ?

Ta hãy bỏ túc nguyên sinh chất hồng trần nói trên , tứccái chủng bào của con người có hàm chứa tất cả tiềm năng

vật chất của nó với "nguyên sinh chất tâm linh" hay cái chất-liệu vô hình chứa đựng 5 nguyên khí thấp của bậc siêu nhân có đủ 6 nguyên khí ,rồi ta sẽ nắm được bí quyết của vấn đề. Bây giờ chúng ta hãy làm 1 sự so sánh hay đối chiếu.

Khi mầm mống của người nam được gieo vào tử -cung người nữ ,cái mầm đó không thể đâm chồi nảy lộc trừ phi nó đã được sinh động bởi 5 loại khí lực (phóng ra từ những nguyên khí) của "Thiên nhân lục thể"(Six fold Heavenly Man) . Bởi vậy tiểu thiên địa được biểu hiện bằng 1 hình 5 góc (pentagon) ở trong 1 ngôi sao 6 góc biểu tượng của đại vũ trụ .(1)

(1) ⌜ . . . . , 1 tác phẩm nói về Phôi sinh học huyền bí ,quyển 1 ⌟

Kế đó,những tác dụng của sự sống trên trái đất có tính cách ngũ-nguyên (five-fold character) . Trong nguyên-tử khoáng chất ,nó có liên hệ đến những nguyên khí thấp nhất của các Tinh Quân Địa cầu (những Tinh Quân lục thể). Trong tế bào thảo mộc,nó liên hệ đến nguyên khí thứ nhì ,tức sinh khí(Prana). Trong tế bào động vật,nó liên hệ đến tất cả những nguyên khí trên ,thậm chí thể thứ ba và thứ tư .

Trong con người,cái mầm phải tiếp nhận đủ khí lực của 5 nguyên khí. Nếu không thì khi sinh ra,y sẽ không hơn 1 con vật, y sẽ là 1 kẻ ngẩn ngơ ,khờ khạo . Như thế,chỉ có trong con người,sự sống mới được đầy đủ hoàn toàn . Còn nói về nguyên khí thứ 7 ,nó chỉ là 1 trong những tia sáng của vầng thái dương vũ trụ . Mỗi nhân vật chỉ tiếp nhận được tạm thời những gì cần dùng rồi lại trả về cho cái nguồn gốc của chúng, trong khi thể xác y được cấu tạo hình thành bởi những sinhvật thấp nhất của hạ giới,qua sự tiến hóa thể chất,hóa chất và sinh lý; trong quyển Khoa học bí truyền (Kabalah) và quyển Bí Số của Can đề có nói "Những bậc thánh thiện không có dính dáng gì với những sự thanh luyện vật chất".

Như thế,con người trong cái hình thức kiểu mẫu sơ-khai,là hậu duệ của vị thầy tổ nhân loại (Pitris) . trong khía cạnh thể chất,và tinh thần,y là hậu duệ trực tiếp của các vị tổ tiên hay Tinh quân của địa cầu . Về khía cạnh tâm-lý ,tinh thần và tâm linh , y được cấu tạo bởi 1 nhóm những vị thiên thần mà tên gọi và tính chất sẽ được nêu ra trong quyển III và IV . Trên phương diện tập thể,con người là công trình tạo tác của nhiều đẳng cấp Tinh quân khác nhau . Trong

giống dân 5 thuần vật chất như hiện nay ,Tinh quân địa cầucủa giống dân 4 vẫn còn ảnh hưởng mạnh trong con người ,nhưng chúng ta đang tiến đến giai đoạn mà chu kỳ vãng-phản của trào lưu tiến hóa sẽ vượt lên cao 1 cách rõ rệt , đưa nhân loạitrở về vị trí ngang hành với giống dân 3 ban sơ về thành phần đẳng cấp thiên thần ,đẳng cấp này là phần tinh thần nội tại làmsống động những thể xác không lồ của giống dân 4 ,được cấu tạo bởi sự kết hợp của vô số sinh vật vi khuẩn(countless myriad of Li ves) . Khoa học có thể tìm thấy các loại vi trùng và những sinh vật nhỏ li ti khác trong con người và cho rằng đó chỉ là những sinh vật nhất thời đột nhập vào cơ thể và gây nên bệnh tật . Huyền bí học - vốn nhận biết có sự sống trong mỗi nguyên-tử và phân tử dù trong khoáng chất hay trong con người ,trong không khí hay dưới nước ,khẳng định rằng toàn thân con người được cấu tạo bởi sự sống của những sinh vật đó . Những loài vi khuẩn nhỏ nhất ở dưới kính hiển vi có độ lớn so với chúng cũng giống như 1 con voi so với loài thảo mao trùng nhỏ nhất.

Những "thánh điện" được đề cập tới &ở trên đã được cải tiến về kết cấu và hình dạng đối xứng ,phát triển cùng với bầu hành tinh mang chúng, nhưng sự cải tiến về mặt vật ~~xx~~ chất đã làm phương hại đến Chơn nhơn và thiên nhiên theo từng giống dân , ba nguyên khí trung gian trên trần thế vàngi con người ,đã trở nên vật chất hơn ;linh hồn lùi bước để nhường chỗ cho trí năng vật chất; bản chất của các hành (Elements) biến thành các nguyên tố vật chất và phức hợp mà ngày nay ta biết.

Con người chẳng phải và y cũng chẳng bao giờ có thể là 1 sản phẩm hoàn chỉnh của Đức Chúa Trời("Lord God");nhưng, y là con của Đấng Elohim đã bị độc đoán biến thành con số đơn giản và giống Đực. Khi được giao cho trách nhiệm tạo ra con người theo hình ảnh của mình ,các Đấng Dhyanis đầu tiên chỉ còn biết cách phóng chiếu các hình bóng của mình ra ,dùng làm khuôn mẫu tinh tế để cho các tinh linh ngũ hành vật chất tác động vào đó . Không còn nghi ngờ gì nữa là ,xét về mặt vật chất,con người đã được tạo ra từ cát bụi của Địa cầu,nhưng y có rất nhiều Đấng sáng tạo . Người ta cũng không thể nói là "Đức Chúa Trời phà sinh khí vào lỗ mũi y",trừ phi Đức Chúa Trời này được đồng nhất với "cuộc sống duy nhất",vô sở bất tại mặc dầu vẫn vô hình ,và trừ phi cũng tiến trình ấy được gán cho Đức Chúa Trời vì mọi linh hồn sống động (living Soul),nó vốn

là sinh hồn(Vital Soul hay Nephesh) ,chứ không phải là Tinh-Thần Thiêng liêng(Ruach) ,chỉ có nó mới bảo đảm cho con người 1 mức độ thiêng liêng bất tử mà không 1 con thú nào có thể đạt được trong chu kỳ lâm phàm này . Chính vì những sự phân -biệt kém thỏa đáng của người Do Thái ,và bây giờ của các nhà siêu hình học Tây phương , họ không thể hiểu được và vì thế không thể chấp nhận được 1 cái gì khác hơn là 1 con người có 3 phần —Tinh thần,linh hồn và sắc tướng - nên sinh khí đã bị lầmlẫn với "Tinh thần" bất tử . Điều này cũng áp dụng trực tiếp cho các nhà thần học Tin Lành khi dịch 1 vài câu thơ trongquyển Phúc âm thứ IV (John iii,8) ,họ đã hoàn toàn xuyên tạc ý - nghĩa của nó. Người ta đã dịch lộn là "gió thổi nơi nào nó mg nghe thấy" thay vì "tinh thần đi đến nơi mà nó muốn" như trong nguyên bản ,cũng như trong bản dịch của Giáo Hội Đông - phương Hy Lạp.

Bác sĩ H.Pratt ,tác giả thông thái và có tinh thần triết học của quyển "Các khía cạnh mới của sự sống" đã nhấn-mạnh với độc giả rằng ,theo người Hê brơ,Nephesh Chaiah (linh hồn) :

... phát xuất từ ,hoặc được tạo ra do sự thấm nhuần của tinh thần (sinh khí) vào trong cơ thể đang linh hoạt của con người và phải thay thế cho tinh thần này trong cấu tạo đó của bản ngã - đến nỗi mà tinh thần bị chuyển vào ,bị biến nhập vào linh hồn.

Theo ông,cơ thể con người phải được coi như là một cái khuôn viên ,trong đó và từ đó ,linh hồn (mà dường như ông trọng vọng hơn tinh thần) phải phát triển. Xét về mặtt chức-năng và hoạt động,chắc chắn là linh hồn cao siêu hơn ,trong thế giới hảo huyền hữu hạn này . Ông cho rằng linh hồn "rốt-cuộc đã được tạo ra từ cơ thể linh hoạt của con người. Như x vậy ,tác giả đã đồng nhất hóa tinh thần (Atma) với sinh - khí không thôi. Các huyền bí gia Đông phương sẽ phản đối phát biểu này ,vì nó được dựa vào quan niệm sai lầm cho rằng Prana và Atma ,hay Jivâtma ,cũng là "cá mè 1 lứa". Tác giả đã bênh vực luận chứng ấy bằng cách chứng tỏ rằng đối với người Hê-brơ,Hy Lạp thời xưa,thậm chí cả người La tinh nữa ,Ruach,Pneuma và Spiritus có nghĩa là khí (wind) - chắc chắn là đối với người Do Thái và rất có thể là đối với người Hy Lạp và La mã, từ-ngữ Hy Lạp Anemos (gió) và từ ngữ La tinh Animus (linh hồn)có 1 quan hệ khả nghi với nhau.

Còn lâu ta mới thấy được điều này. Nhưng người ta khó lòng mà tìm thấy được 1 bãi chiến trường chính thống để quyết định vấn đề này vì bác sĩ Pratt dường như là 1 siêu hình gia thực tiễn , 1 loại tín đồ Do Thái bí giáo thực nghiệm , trong khi các siêu hình gia Đông phương ,nhất là tín đồ phái Phệ - Đàn Đà ,toàn là theo thuyết Duy tâm .Các huyền bí gia cũng thuộc về phái Phệ đàn đà cực kỳ bí truyền ,và mặc dù họ gọi sự sống duy nhất (Parabrahman) là đại linh khí và cơn giócõe ,song họ đã tách rời hoàn toàn nguyên khí thứ 7 với vật chất, và phủ nhận rằng nó chẳng có liên hệ gì với vật chất.

Như vậy,triết lý về các liên hệ tâm linh ,tinh thần và trí tuệ của con người với các cơ năng vật chất của y hầu - như rối mù lên . Hiện nay,chẳng ai hiểu đúng được tâm lý học Ai cập cũng như Cổ Ấn Âu ,người ta cũng không thể lĩnh hội được chúng nếu không chấp nhận phép phân chia ra làm 7 của nội môn bí giáo ,hoặc ít ra là phép phân chia ra làm 5 của phái Phệ đàn đà ,đối với các nguyên khí nội tại của con người ,nếu không chịu làm như vậy ,người ta sẽ không bao giờ quán triệt được các quan hệ siêu hình và thuần túy tâm linh cũng như là về sinh lý giữa các Thiền Định đế quân tức các Thiên thần(Angels) trên 1 cảnh giới và Nhân loại trên 1 cảnh giới khác.Đến nay,chưa có tác phẩm nội môn nào của người Ấn Âu Đông -phương đã từng được xuất bản,nhưng chúng ta có các cuộn giấy chỉ thảo của người Ai cập,chúng đề cập rõ ràng tới 7 nguyên khí ,hay 7 linh hồn của con người . Tử Vong Chân Kinh trình bày 1 danh - sách hoàn chỉnh gồm những sự biến thể mà mọi người quá cố đều phải chịu ,trong khi lột bỏ từng nguyên khí một - vì để cho rõ ràng,chúng đã được thể hiện thành ra các thực thể hoặc các thể tinh anh . Và lại,ta phải nhắc nhở những kẻ nào đang ra sức chứng tỏ rằng người Cổ Ai Cập không hề dạy thuyết luân - hồi,nhớ là ,người ta đã bảo rằng linh hồn(Chơn ngã) đang sống trong vĩnh cửu : nó có tính chất bất tử ,đồng thời tồn- tại và biến mất với cái tàu Thái dương ,nghĩa là trong chu kỳ thiết yếu ."Linh hồn" này xuất lộ từ Tiaou (cõi của nguyên - nhân của sự sống) ,ban ngày tới gặp người sống trên trần thế còn ban đêm lại quay về Tiaou . Điều này trình bày những kiếp luân hồi của Chơn ngã .(1)

(1) [Tử Vong Chân Kinh (Book of the Dead)cxlviii]

Hình bóng (Shadow) ,tức thể phách(Astral form) ,bị hủy- diệt ,bị Uraeus ngấu nghiến (như trên ,cxlix, 51) các Manes

(các vong linh) sẽ bị tiêu diệt ,hai anh em sinh đôi (nguyên-khí thứ 4 và thứ 5) sẽ chia tay nhau ;nhưng con chim linh-hồn ,con chim én thiêng liêng và Uraeus của ngọn lửa (Manas và Atma-Buddhi) sẽ sống trong vĩnh cửu vì chúng là chồng của mẹ mình .

Giữa nội môn bí giáo của người Ấn Âu tức là Bà lamôn và nội môn bí giáo của người Ai cập ,có 1 sự tương tự gợi ý khác. Nội môn bí giáo của người Ấn Âu gọi các vị Pitris là các Nguyệt tinh quân của loài người ,còn người Ai cập tôn vị Nguyệt thần (Taht-Esmun) là Tổ phụ đầu tiên của nhân loại.

Nguyệt Thần (Moon-God) này biểu lộ 7 quyền năng tự - nhiên có trước y và kết tinh nơi người y như là 7 linh hồn mà y là kẻ biểu lộ trên cương vị là linh hồn thứ 8 (vì thế mới có bầu thế giới thứ 8... Bảy tia sáng của Heptakis hay Iao của người Can-Đê trên các tảng đá Ngộ Đạo (Gnostic stones) ,cũng biểu thị bộ bảy linh hồn ấy . .... Ta thấy hình dạng đầu tiên của thất nguyên huyền bí hiện diện trên trời nơi bảy ngôi sao lớn của chòm Đại Hùng Tinh ,chòm sao mà người Ai Cập gán cho là Mẹ của thời gian và của 7 mãnh lực ngũ hành.(3)

(3) [Bảy Linh Hồn của con người,trang 2; 1 bài diễn-văn của Gerald Massey]

Mọi người Ấn độ đều biết rằng chòm sao này tượng trưng cho bảy Thánh Hiền(Rishis) và được gọi là Riksha và Chitras-hikandin.

"Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh"(Like aè lone produce like) . Trái đất ban cho con người hình hài sắc-tướng ,chư thần linh(Dhyanis) ban cho y 5 nguyên khí nội-tại, hình bóng tâm linh,mà chư thần linh này thường là nguyên khí làm linh hoạt .Tinh thần(Atma) là đơn nhất và kết hợp mạch-lạc . Nó không ở trong Tiaou.

Thế Tiaou là cái gì vậy ? Việc thường xuyên ám chỉ nó trong Tử Vong Chân Kinh bao hàm 1 điều bí mật . Tiaou là con đường của Mặt Trời Đêm (Night-Sun),hạ bán cầu ,tức vùng địa - ngục của người Ai cập ,họ xác định nó ở phía bị che khuất của mặt trăng . Trong nội môn bí giáo của họ,con ngxuất phát từ mặt trăng —vốn là 1 bí nhiệm tam phân ,vừa thuộc về thiên văn học ,vừa thuộc về sinh lý học ,vừa có tính cách tâm linh; y trải qua toàn bộ chu kỳ sống rồi lại trở về sinh quán,trước khi lại xuất phát từ đó . Như thế,người ta trình bày là người

quá cố tới phương Tây ,được Osiris phán xét,phục sinh thành thần Hbrus và chu lưu quanh các bầu trời tinh đầu(sidereal heaven) ,đó là lần dụ việc y bị thấu nhập vào Ra (Mặt trời) ; rồi,sau khi đã băng qua Noot,vục thẳm ở trên Trời , 1 lần nữa y lại quay về Tiaou ; 1 sự thấu nhập vào Osiris với tư-cáchlà thần của sự sống và sự sinh sản ,Ngài ngự nơi mặt trăng .Plutarch (1) có trình bày người Ai cập cử hành 1 lễ gọi là " sự xâm nhập của Osiris vào mặt trăng" .

(1) [De Iside và Osiride, xliii]

Trong quyển "Nghi Lễ"(Ritual) ,người ta hứa hẹn là vẫn còn sự sống sau khi chết ,và sự đổi mới cuộc sống được đặt dưới quyền bảo trợ của Osiris Lunus,vì mặt trăng là biểutượng của sự tái sinh luân hồi ,vì cứ mỗi tháng nó lại tăng trưởng, suy vi,tiêu vong và tái xuất hiện .Trong quyển Dankmoe có dạy :"Osiris Lunus đã giúp mi canh tân". Còn Sabekh nói với Seti :" Mi hãy tự canh tân mình như thần Lunus,khi còn là 1 đứa bé "(2).

(2) [Abydos của Mariette]

Nó còn được giải thích rõ rệt hơn trong 1 cuộn giấy chỉ thảo ở viện Bảo Tàng Louvre :(4) "Các cặp và các cuộc thụthai thật là đầy dẫy khi người ta thấy Osiris Lunus trên trời vào ngày đó".

(4) [Ai cập học của Pieret]

Osiris dạy :" Hỡi chùm tia sáng đơn độc rực rỡ của mặtTrăng ơi ! ta xuất phát từ hằng hà sa số các vì tinh tú đang chu-lưu ... Hãy mở Tiaou cho ta ,cho Osiris N. Ta sẽ xuất phát vào ban ngày để làm điều mà ta phải thực hiện trong đám sinh-linh "(5) —nghĩa là tạo ra những sự thụ thai .

(5) [Nghi Lễ(Ritual) ii]

Osiris là thần biểu lộ nơi sự sinh sản ,vì cổ nhân còn biết nhiều hơn những người thời nay về các tác dụng huyền-bí thật sự của nguyệt thể (lunar body) đối với các điều bí mật về sự thụ thai . Trong các hệ thống xưa nhất ,ta thấy mặt trăng luôn luôn là có nam tính. Như thế,đối với người Ấn- Độ Soma là 1 loại sở khanh tinh đầu (sidereal Don Juan) , một thánh vương , 1 người cha(mặc dầu không chính thống) của Budha tức Minh triết.Điều này nhắm nói tới huyền linh học ,1 thứ minh triết được thu thập nhờ hoàn toàn làm quen với các

bí mật của mặt trăng ,kể cả các bí mật của sự sinh dục.Và sau này khi mặt trăng có liên quan tới các nữ thần như Diana ,Isis ,Artemi,Juno v;v...thì sự liên hệ này cũng là do sự quán triệt được sinh lý học và nữ tính ,về mặt thể xác cũng như về mặt tâm linh (1).

(1) [Thay vì được dạy những bài học vô ích trích ra từ Thánh kinh ở những trường ngày chúa nhật ,nếu đám rách rưới và nghèo nàn được dạy về chiêm tinh học - Dù sao đi nữa,xét về các tính chất huyền bí của mặt trăng và các tác dụng ẩn tàng của nó đối với sự sinh sản — thì cũng chẳng cần phải lo -âu về sự gia tăng dân số ,hoặc là phải cầu cứu tới tác phẩm còn đang được tranh cải của Malthus để chận đứng đà gia tăng dân số lại. Đó là vì chính mặt trăng và các cuộc giao hội (conjun -ction) đã điều chỉnh sự thụ thai (mọi chiêm tinh gia ở Ấn Độ đều biết điều này). Trong những giống dân trước,và ít ra là vào lúc bắt đầu giống dân hiện nay ,những kẻ nào ngụp lặn trong bể ái ân trong 1 vài tuần trăng đặc biệt có tác dụng hiếm muộn đều bị coi là phù thủy và kẻ có tội.Nhưng hiện nay ngay cả những tội lỗi xa xưa này ,nó phát xuất từ việc lạm - dụng các kiến thức huyền bí, đều dường như chẳng ăn thua gì so với các tội lỗi hiện thời,chúng đã được tạo ra vì hoàn toàn mù tịt về các tác dụng huyền bí như trên]

Nhưng trước hết,mặt trời và mặt trăng chỉ là những vị thần linh hữu hình và có thể nói là có những tác dụng rành rẽ rành về mặt tâm linh và sinh lý - cha và con - trong khi không gian tức không trung nói chung ,tức cái bầu trời rộng mở mà người Ai cập gọi là Noct ,lại là tinh thần hay linh khí ẩn - tàng của cả hai. Cha và con có các chức năng khả hoán và cộng tác với nhau 1 cách hài hoà nhằm tác dụng vào bản chất vànhân loại trên trần thế ; vì vậy,tuy là 2 thực thể cá biệt,họ lại được coi như là một . Cả hai đều là những bậc trượng phu và cả hai đều có những công tác riêng biệt ,mặc dù kết hợp,nhằm tạo ra sự sinh sản của nhân loại . Xét theo quan điểm vũ trụ và thiên văn,có quá nhiều điều đã được xem xét và diễn - đạt bằng ngôn từ biểu tượng ,chúng đã trở thành thần học và giáo- điều trong các giống dân mới đây của ta . Nhưng đàng sau bức màn biểu tượng xxxchiêm tinh và vũ trụ này ,có các bí -nhiệm huyền linh về nhân loại học và nguồn gốc bản sơ của con người. Và về vấn đề này,không 1 kiến thức nào về các biểu tượng hay thậm chí không một chìa khóa nào để giải ngôn ngữ biểu tượng

hậu đại hồng thủy của người Do Thái ,có thể giúp ích gì được, ngoại trừ việc đề cập tới cái đã được trình bày trong các Thánh kinh công truyền của nhiều nước, mặc dù đã được che giấu 1 cách khéo léo ,toàn bộ những kiến thức này chẳng qua chỉ là 1 phần nhỏ nhất của lịch sử sơ khai chân chính của mỗi dân - tộc; và lại,cũng như trong các Thánh kinh Hê brơ,chúng thường chỉ đề cập tới cuộc sống trần thế của con người ,chứ không phải là cuộc sống thiêng liêng của quốc gia đó. Yếu tố tâm - linh và tinh thần ấy lại thuộc về <u>các bí pháp</u> (Mysteries)(1) và sự điểm đạo .

(1) [Trong ấn bản 1888,viết là "thuộc về bí pháp"(Mystery)]

Có những điều không bao giờ được ghi trên nhữngcuộn giấy ,nhưng lại được khắc trên những tảng đá hoặc trong những hầm mộ dưới đất ,chẳng hạn như ở vùng Trung Á .

Tuy nhiên,có 1 đạo,toàn-thể thế giới đều hiểu biết như nhau ,và con người biết về nguồn gốc của mình nhiều hơn mức hiện nay ; và như thế, họ biết rằng mặc dù có thể đóng 1 vai trò quan trọng trọng sự cấu tạo và sự sinh trưởng của cơ cơn người,mặt trời và mặt trăng không phải là các nguyên nhân trực tiếp của việc y xuất hiện trên trần thế ; đó là vì thực ra ,các tác nhân này chính là các huyền năng thông tuệ vàlinh động mà các huyền bí gia gọi là các Thiền Định Đế Quân.

Về vấn đề này,1 học giả vẫn từng hầm mộ nội môn bí-giáo Do thái cho ta biết rằng :

"Kinh Kabalah nói rõ rằng Elohim là 1 điều trừu tượng nói chung ,cái mà trong toán học ta gọi là 1 hệ số không đổi hoặc là 1 hàm số tổng quát ,tham gia vào mọi cấu trúc , không riêng cái nào ; nghĩa là tỷ số chung của 1 với 31415, các con số của Elohim và của chư thần quân tinh tú".

Huyền bí gia Đông phương xin trả lời điều này nhưsau : Đúng vậy,họ là 1 điều trừu tượng đối với các giác quan vật-chất của ta. Tuy nhiên đối với các tri giác tinh thần và nội linh nhãn của ta ,Elohim hoặc các thần quân cũng chẳng có gì trừu tượng hơn linh hồn và tinh thần của ta đối với chính chúng ta. Nếu bác bỏ điều này, thì cũng có nghĩa là bác bỏ điều kia ,vì đó là thực thể sinh tồn nơi chúng ta ,1 phần là phần thân trực tiếp của các thực thể thiêng liêng ấy,còn một phần chính là các thực thể ấy . Có 1 điều chắc chắn là người

Do thái hiểu rất rõ về thuật phù thủy và nhiều mãnh lực áchại khác nhau ,nhưng ngoại trừ 1 vài bậc đại tiên tri và linh thị như Daniel và Ezekiel —Enoch thuộc về 1 giống dân xa xưahơn với tư cách là 1 tính chất chung và không thuộc về bất kỳquốc gia nào ,mà thuộc về tất cả —họ chẳng biết bao nhiêu ,và họ cũng chẳng bàn tới huyền bí học thiêng liêng thực sự ;đặc tính quốc gia của họ trái ngược với bất cứ điều gì không có liên-quan trựcetiếp tới các quyền lợi cá nhân bộ lạc và dân tộc của họ — chứng kiến các bậc tiên tri của chính họ và những lời nguyền rủa được những vị ấy tuôn xối xả lên "giống dân cứng cổ"("stiff-necked race") . Nhưng ngay cả kinh Kabalah cũng vạch rõ sự liên hệ trực tiếp giữa các Đấng Sephiroth hoặc Elohim với con người .

Do đó,khi người ta chứng minh rằng việc kinh Kabalah đồng nhất hóa xxx Jehovah với Binah (một Sephira nữ tính) còn bao hàm 1 ý nghĩa bán huyền linh ,thì bấy giờ và chỉ bấy giờ, các nhà huyền linh học mới sẵn sàng truyền thụ minh triết hoàn thiện cho tín đồ Do Thái bí giáo .Cho tới lúc đó, người ta vẫn khẳng định rằng vì Jehovah (theo ý nghĩa trừu -tượng là thần linh sống động duy nhất) là 1 con số đơn giản ,1 điều bịa đặt siêu hình và chỉ là 1 thực tại khi được đặt đúng chỗ với vai trò là 1 phân thân và 1 Sephira ,nên ta có quyền khẳng định rằng kinh Zohar , điển hình là Kinh Bí Số ,dù sao đi nữa ,cũng trình bày hồi nguyên thủy cùng 1 giáo lý như xxx chúng ta (nghĩa là nó khiến con người không hề xuất phát từ 1 Thiên Nhân duy nhất(one Celestial Man) ,mà lại xuất phát từ 1 nhóm gồm 7 Thiên nhân ,tức Thiên thần ,chẳng hạn như trong Pymander ,Tư Tưởng thiêng liêng) trước khi mà các tín đồ Do-Thái bí giáo Thiên Chúa đã xuyên tạc nó và họ vẫn còn trình -bày giáo lý ấy .

3- <u>Khi cái Một trở thành Hai,cái Ba xuất hiện (a). Cái Ba nối liền làm Một ,và nó là sợi dây của chúng ta ,hỡi Đệ tử,quả tim của cái cây người,gọi là Saptaparna (b)</u>.

(a)"Khi cái một trở thành cái Hai,cái Ba xuất hiện" , nghĩa là khi cái Một trường cửu phản ảnh vào cõi biểu lộ ,thì sự phản ảnh đó ,tức là cái Tia sáng phân hóa "Không gian Thủy" ("Water of Space") . Tử Vong Chân Kinh dạy ; "Nhờ vào đại-huyền năng của linh từ của ngôi mặt trời trung ương ,nhờ vào

ánh quang huy chói lọi của tia sáng nguyên thủy xua tan mọi bóng đêm ,hỗn mang không còn nữa . Hỗn mang biến thành thử - hùng lưỡng tính ,còn nước được ánh sáng ấp ủ và Đấng Tam-phân được xạ ra như là đứa con đầu lòng của nó. Trong chu -kỳ ấy,"Ra (tức là Osiris Ptah)tạo ra chân tay của chính mình (giống như Brahma) bằng cách tạo ra những vị thần được dùngđể nhân cách hóa các thời kỳ của Ngài . Thần Ra của người Ai Cập xuất phát từ Thái Uyên ,là linh hồn vũ trụ thiêng liêngđang biểu lộ ,Narayana (Purusha ẩn tàng trong tiến thiến khí và hiện diện trong dĩ thái) cũng vậy.

Đó là sự giải thích siêu hình ,nói về lúc bắt đầu cơ tiến hóa,hoặc đúng hơn là Thần phổ học (Theogony).Khi được giải thích theo 1 quan điểm khác ,ý nghĩa của đoạn kinh đề cập tới sự bí mật của con người và nguồn gốc của y còn khó hiểu hơn nữa . Để có 1 quan niệm rõ ràng về câu :"Cái Một trở thành Hai" và kế đó biến thành ba" , người học đạo cần phải thấu-triệt ý nghĩa của cái gọi là cuộc tuần hoàn. Nếu tham khảo quyển Phật giáo nội môn (tác phẩm đầu tiên để thử phác họa giáo lý về nguồn gốc vũ trụ cổ sơ 1 cách gần đúng) y sẽ thấy rằng 1 cuộc tuần hoàn có nghĩa là cuộc tiến hóa của mọi loài khoáng thạch,thảo mộc và động vật (gồm luôn cả loài người đứng đầu loài động vật) trên bảy bầu thế giới của dãy hành-tinh hiện tại (1) trong suốt thời gian của 1 chu kỳ sinhhoạt mà Ấn Giáo gọi là "Một ngày của Brahma".

(1) ∠ Người ta cứ nôn nao đưa ra nhiều lời chỉ - trích thù nghịch nhằm chứng tỏ rằng trong quyển trước kia củachúng tôi ,"Nữ Thần Isis lộ diện",chúng tôi không hề dạy về bảy nguyên khí của con người ,hoặc cấu tạo bởi 7 bầu thế giới của dãy hành tinh chúng ta . Mặc dù trong tác phẩm ấy ,giáo lý chỉ được trình bày 1 cách bóng gió ,song có nhiều đoạn đề cập công khai tới cấu tạo thất phân của cả con người lẫn dãy hành tinh . Đề cập tới Elohim(quyển II,trang 242) ,nó nói: " Các Ngài vẫn còn ở trên từng trời thứ 7 (tức thế giới tinh thần , vì theo các tín đồ Do Thái bí giáo,chính các Ngài đã lần lượt tạo ra sáu bầu thế giới vật chất (hoặc đúng hơn là thử tạo ra các bầu thế giới),chúng có trước bầu thế giới của chúng ta , mà họ bảo là bầu thứ 7 ". Dĩ nhiên ,trong đồ hình biểu thị dãy hành tinh ,bầu thế giới của ta là bầu thứ 7 và thấp nhất; mặc dù nó là bầu thứ 4 trên cung giáng hạ của vật chất ,vì sự tiến hóa trên các bầu này có tính cách tuần hoàn . Lại nữa ,

trong quyển 2 trang 367,chúng tôi có viết :"Theo quan niệm của Ai cập cũng như theo quan niệm của mọi tín ngưỡng khácdựa vào triết lý ,con người không chỉ là ... một sự kết hợp c ủ a linh hồn và thể xác; y là 1 tam vị nhất thể ,khi có thêm tinh thần . Ngoài ra,giáo lý này còn cho rằng y gồm có ...thể xác, ... thể phách,.... sinh hồn ,.... linh hồn cao siêu(higher so ul) ; và ... trí tuệ trần thế .... và 1 nguyên khí thứ 6 v.v." còn nguyên khí thứ 7 là tinh thần . Các nguyên khí này đã được đề cập rành mạch đến nỗi mà ngay cả trong phần mục lục (q.II trang 683) ,người ta cũng thấy 6 nguyên khí của con người,còn nguyên khí thứ 7 ,nói cho thật nghiêm xác, là tổng hợp của 6 nguyên khí trên, lại không phải là 1 nguyên khí ,mà là 1 tia của tổng thể tuyệt đối _/

Tóm lại,đó là 1 vòng chu chuyển của cái bánh xe lớn , (dãy hành tinh hiện tại) gồm có 7 bầu thế giới ,mỗi bầu thế-giới này cũng được gọi là 1 bánh xe nhỏ riêng biệt . Khi cuộc tiến hóa đã diễn ra trên cái đà đi xuống để sáp nhập vào vật-chất từ bầu A đến bầu G ,thì đó là 1 cuộc tuần hoàn .Ở khoảng giữa của vòng chu chuyển thứ 4 ,tức là của cuộc tuần hoàn hiện tại,cơ tiến hóa đã đạt tới mức tột điểm của sự tiến bộ vật - chất ,được thể hiện bằng con người với 1 thể xác kiện toàn và từ điểm đó trở đi,mới bắt đầu diễn trình tiến hóa về tinh - thần. Ta không cần lặp lại tất cả những điều này,vì nó đã được giải thích tỉ mỉ trong quyển Phật giáo nội môn. Tuy nhiên , điều đã chỉ được đề cập tới sơ sài (thế mà chỉ 1 ít điều nói ra cũng làm lầm lạc biết bao nhiêu người !) là nguồn gốc của con người ,và bây giờ,ta có thể soi sáng thêm 1 chút nữa về điều này ,chỉ đủ để cho đoạn kinh trở nên dễ hiểu hơn ,vì diễn trình này sẽ chỉ được giải thích tỉ mỉ 1 cách chính thức trong quyển 3 và 4 .

Mỗi cuộc tuần hoàn (trên nấc thang đi xuống thấp)chỉ là sự tái diễn dưới 1 hình thức cụ thể hơn của cuộc tuần hoàn trước đó ,cũng như mỗi bầu thế giới chí đến địa cầu là bầu thứ 4 , là 1 sự tái diễn trong hình thể đông đặc và vật chất hơn của bầu thanh nhẹ hơn trước đó theo trật tự nối tiếp nhau liên tục trong ba cõi cao hơn (Xem đồ hình 3 đoạn 6 . Trên đường thăng tiến của vòng cung đi lên ,cơ tiến hóa thăng hoa tính chất toàn diện của vạn vật và đưa nó lên ngang mức độ của cõi giới trên đó nằm 2 bầu song đôi đối diện nhau.Kết - quả là khi trào lưu tuến hóa đi đến bầu thứ 7 (của bất cứ cuộc

tuần hoàn nào) , tính chất mọi vật đang tiến hóa lại trở về trạng thái cũ của nó như ở lúc khởi điểm ,nhưng mỗi lần như vậy,lại có thêm 1 trình độ mới và cao hơn trong những trạng thái tâm thức . Như thế,cái gọi là nguồn gốc con người trong cuộc tuần hoàn hiện tại hay trong chu kỳ sinh hoạt trên địa-cầu ,hẳn là phải ở cùng 1 vị trí trong cùng 1 qui mô trật-tự giống như trong cuộc tuần hoàn trước.Lại nữa,ta nên nhớ rằng công việc của mỗi cuộc tuần hoàn được đặt dưới sự giám - sát điều khiển của 1 nhóm các Đấng Sáng Tạo hay "kiến trúc" khác nhau . Cũng y như thế, diễn trình tiến hóa của mỗi bầu t h ế giới cũng được đặt dưới sự trông nom ;dìu dắt của các Đấng Tạo Tác hay"Giám Sử" thuộc các đẳng cấp Thiên Định Đế Quân khác nhau.

Như vậy,các Đấng Tạo Tác trong cấp đẳng cmo sứ mạng sáng tạo nên con người thuộc về 1 nhóm đặc biệt.~~(x)~~

~~(x)xx~~ Chữ"sáng tạo" này không phải là 1 danh từ chính-xác mà chỉ để dùng tạm,vì không 1 tôn giáo nào tin tưởng nơi thuyết sáng tạo từ chỗ hư vô như đạo Thiên Chúa và Do thái , mà là tin ở thuyết tiến hóa từ những chất liệu đã có từ trước.

Nhóm này tạo nên con người sơ khai (hãy còn là hình bóng chưa có thể xác tạm gọi là "người bóng"(shadowy man)) trong chu kỳ hiện tại ,cũng như 1 nhóm khác thiêng liêng cao cả hơn nữa đã sáng tạo ra con người trong cuộc tuần hoàn 3 .Đó 1 à nhóm thứ 6 (trên nấc thang từ trên đi xuống của giai tầng tâm linh) có nhiệm vụ tạo nên tinh thần hãy còn mờ ảo như cái bóng trong suốt và thanh nhẹ như sương của con người tương-lai . Nhóm thứ 7 và cuối cùng là cấp đẳng tinh linh ngũ hành, có nhiệm vụ trợ giúp trong việc cấu tạo lần hồi hình dáng và thể xác con người ,làm cho y có được xác phàm rắn chắc như hiện nay. Đẳng cấp thứ 5 gồm những Đấng Cao cả cai quản chòm sao Ma kết (Capricorne) ở Ấn độ và ở Ai Cập,có nhiệm vụ sửa-soạn cái hình thể trống rỗng và thanh nhẹ như dĩ thái ,để cấu tạo nên con người biết suy tư và duy lý như ngày nay .Đó là 1 trong những vấn đề được giữ bí mật và không thể tiết lộ cho công chúng . Thật vậy,đó là 1 điều bí hiểm đối với thế nhân phàm tục ,chỉ biết hạn chế tâm thức trong con người ,chứ không hề chấp nhận sự hiện diện của những Đấng Tâm linh cao cả ,có ý thức sáng suốt thông tuệ trong vũ trụ.Trong số những Thực - Thể Tâm Linh đó ,có nhiều vị đã chuyển kiếp hóa thân trong những xác phàm kể từ lúc con người bắt đầu xuất hiện và đầu

cho đến ngày nay ,vẫn hiện tồn 1 cách độc lập ,tự tại như thuở nào khi các vị còn tiêu diêu ở các cõi cao trong Không-gian vô tận.....

Nói rõ hơn,1 thực thể vô hình có thể hiện diện trong xác phàm trên thế gian mà vẫn không từ bỏ cương vị và chức vụ của mình trên những cõi cao. Nếu cần phải giải thích thêm,độc giả hãy nhớ lại những trường hợp tương tự trong "Giáng ma học" ("Spiritualism") ,tuy những trường hợp đó rất hiếm . Ít nhất, hay xét về tính chất của những Thực Thể đã chuyển kiếp hay đang tạm thời nhập xác đồng tử (Các "vong linh"("spirits") thỉnh thoảng nhập xác các đồng tử không phải là các ChơnThần (Monads) hay những nguyên khí cao của những nhân vật đã bỏ xác . Một "vong linh" đó chỉ có thể [illegible] là hồn người chết bao bọc trong thể vía còn vấn vương ở cõi cảm dục(elementaries) ,hoặc là 1 vị hóa thân(Nirmanakaya)). Cũng như một vài người hoặc là do việc có 1 [illegible] cơ cấu đặc - biệt ,hoặc do việc thủ đắc được kiến thức huyền bí ,có thể xuất hiện được trong thể"phách" '"double") trong khi xác thân của họ ở cách xa đó hàng nhiều dặm; cũng vậy,trong trường-hợp những Đấng Cao cả điều này cũng có thể xảy ra.

Xét về mặt triết học,con người có hình dáng bên ngoài chỉ giống như 1 động vật,chẳng hoàn thiện hơn bao nhiêu so với vị Tổ phụ giống như khỉ của y trong cuộc tuần hoàn 3 . Y là cơ thể sống động ,chứ không phải là 1 thực thể linh động , vì muốn nhận thức được sự tồn tại ,thì cần phải có ngã thức , 1 con vật chỉ có trực thức hay bản năng . Cổ nhân hiểu điều này rõ rệt đến nỗi mà ngay các tín đồ Do thái bí giáo cũng coi linh hồn và sắc tướng là 2 thực thể độc lập với nhau . Trong quyển" Các khía cạnh mới của sự sống" (của Henry Pratt ,bác sĩ y khoa,Hội viên Hội Thông thiên học),tác giả đã vạch rõ giáo lý của Do thái bí giáo như sau :

"Họ cho rằng xét về mặt chức năng ,tinh thần và vật-chất có độ mờ đục và tỷ trọng tương ứng ,có khuynh hướng cố - kết ; họ cũng cho rằng trong tình trạng thoát xác,các vong - linh được tạo ra như vậy,được cấu tạo trên 1 qui mô mà độ trong hoặc đục của tinh linh hay vong linh chưa được tạo ra, được mô phỏng theo đó. Họ cũng cho rằng trong khi hóa thân, các vong linh này hấp dẫn,chiếm hữu,đồng hóa tinh linh và tinh linh chất vốn có hình trạng phù hợp với tình trạng của chính chúng ... Do đó,họ dạy rằng tình trạng của các vong linh được

tạo ra khác nhau rất nhiều ,trong khi thế giới tâm linh(spi - rit world) và thế giới vật chất (world of matter) kết hợp sâu xa với nhau ,các vong linh mờ đục đang thoát xác , bị thu hút về phía những vùng thô trược của thế giới vật chất ,và do đó, hướng về trung tâm của địa cầu ,ở đó,họ tìm thấy hoàn cảnh thích hợp nhất với tình trạng của họ; trong khi đó ,các vong linh trong suốt (transparent spirits) chuyển sang bầu hào - quang bao xung quanh hành tinh ,các vong linh trong sạch nhất ngự nơi mặt trăng (1).

(1) [Xem :"Nguồn gốc của linh hồn"("Genesis of the soul",trang 340-351]

Điều này chỉ liên quan độc nhất đến các Tinh Linh (Elemental Spirits) ,chứ không dính dáng gì đến các Mãnh-Lực thông tuệ hành tinh,tinh đầu,vũ trụ hoặc liên-dĩ-thái(Inter-Etheric) ,tức là các"thiên thần" theo lối nói của giáo hội Thiên Chúa La Mã. Các tín đồ Do Thái bí giáo ,nhất là các huyền bí gia thực hành chuyên lo về pháp thuật nghi lễ ,chỉ quan tâm tới các vong linh của các hành tinh và cái gọi làcác "Tinh linh"("Elementals") . Do đó,đoạn nêu trên chỉ bao hàm 1 phần của nội môn bí giáo.

Linh hồn(Soul) có hiện thể là thể phách(astral) có thể chết đi mà con người vẫn còn sống trên trần thế . Điều này có nghĩa là linh hồn có thể cao chạy xa bay và rời khỏi tổ ấm của mình vì nhiều lý do ,chẳng hạn như vì điên,hoặc vì tinh thần hay thể xác bị suy đồi v.v... Sự việc "linh hồn" , nghĩa là Chơn Ngã Tâm linh vĩnh cửu , ngự nơi các thế giới vô hình ,trong khi hình hài sắc tướng vẫn tiếp tục sống trên trần thế , là 1 giáo lý vô cùng huyền bí ,nhất là trong triết học Trung Quốc và Phật giáo. Có biết bao nhiêu kẻ không có linh hồn giữa chúng ta(soulless men among us) , bởi vìtrường hợp này chẳng những xảy ra đối với những kẻ duy vật độc ác (wicked materialists) mà còn xảy ra với cả những bậc thánh - thiện không còn vướng vòng tục lụy ,không còn tái sinh luân-hồi nữa (2).

(2) [Xem "Nữ thần Isis lộ diện" quyển II,tr. 369]

Do đó,vì không có thể xác ngăn trở nữa ,nên các Đấng Thần Quân(Dhyanis) còn có thể thực hiện hoàn hảo hơn những gì mà người sống (điểm đạo đồ) có thể thực hiện được. Đây là niềm tin tưởng của những người sống trước thời đại - hồng-thủy (Antediluvians) , nó đã nhanh chóng biến thành niềm

tin tưởng vào "Giáng ma học" của giới trí thức hiện đại , họ cũng tin tưởng vào các giáo hội La Mã và Hy Lạp vốn dạy rằng các thiên thần của họ hiện diện ở khắp mọi nơi . Các tín - đồ Bái Hỏa giáo coi các Đấng Amshaspends của mình như là các thực thể lưỡng phân (Ferouers) ,và áp dụng lưỡng nguyên này - ít ra là trong nội môn bí giáo - cho mọi cư dân thiêng liêng và vô hình của vô số bầu thế giới hữu hình trong không gian . Ta thấy bằng chứng hùng hồn của tính chất đại đồng thế giới của giáo lý này trong 1 chú giải của Damascius (thế kỷ thứ 6) về các sấm giảng (Oracles) của người Can-đê ; ông dạy : "Trong các sấm giảng này ,7 Đấng Kiến Tạo thế giới ("các cột trụ của thế giới") mà Thánh Paul cũng có đề cập tới ,chia ra làm hai nhóm , 1 nhóm có nhiệm vụ cai quản các thượng giới,(các thế - giới tinh thần và tinh đầu) ,còn nhóm kia chỉ đạo và giám sát các thế giới vật chất". Đó cũng là quan niệm của Iamblichus , ông đã phân biệt rõ rệt các Tổng Thiên thần với các Đấng Archontes .(1)

(1) [De Mysteriis (Về các Bí pháp) ,ii, 3]

Điều trên có thể được áp dụng cho sự phân biệt giữa các cấp đẳng các Đấng Thiêng liêng và Giáo hội Thiên chúa La-Mã đang ra sức thuyết giảng sự dị biệt theo ý nghĩa này . Đó là vì trong khi dạy rằng các Tổng Thiên Thần thật là thiêng - liêng thánh thiện ,nó lại tố cáo các "hình bóng" của các Ngài là Ma quỉ . Nhưng ta không được hiểu từ ngữ Ferouer theo ý - nghĩa này ,vì nó chỉ có nghĩa là phương diện đối nghịch của 1 thuộc tính hoặc tính chất nào đó . Như vậy,khi nhà huyền linh học bảo rằng " Ma quỉ là mặt trái của Thượng Đế "— điều ác là mặt trái của tấm huy chương , y không hề có ý muốn nói rằng đó là 2 thực tại riêng biệt ,song y chỉ nhằm nói tới 2 phương diện của cùng 1 thực thể duy nhất . Thế nhưng,khi được so sánh sát cánh với 1 Tổng Thiên thần (như thần học đã mô-tả) con người đức hạnh nhất lại dường như là ma quỉ . Do đó, người ta cũng đâu phải là không có lý khi coi thường 1 "hình-bóng" hạ đẳng ,nó đã chìm sâu vào trong vật chất hơn Đấng Nguyên Thủy. Nhưng cũng chẳng có bao nhiêu lý do để coi chúng như là ma quỉ ,và đây chính là cái mà các tín đồ Thiên Chúa-giáo La Mã cứ khăng khăng chủ trương , bất chấp cả lý- luận và lý trí.

Sự đồng nhất giữa Tinh thần và "hình bóng" vật chất (material "Double") của nó — nơi con người thì ngược lại —

còn giải thích rành mạch hơn sự lẫn lộn (đã từng được ám chỉ trong tác phẩm này) về các danh xưng và tung tích cũng như số mục của các Đấng Thánh Triết và các Đấng Prajapatis; nhất là của các thứ trên của chu kỳ Chánh pháp và thời kỳ Mahabha-rata. Nó cũng minh giải thêm nữa về điều mà giáo lý bí-truyền giảng dạy về các vị Bàn Cổ của các dãy hành tinh và các cuộc tuần hoàn. Bề trên dạy ta rằng chẳng những các Tổ-Phụ của chính nhân loại, mà ngay cả mọi người cũng đều có nguyên kiểu của mình ở trong các cõi tinh thần, nguyên kiểu này là bản thể cao siêu nhất của nguyên khí thứ 7 của y. Như thế, 7 vị Bàn Cổ biến thành 14 vị. Đấng Bàn Cổ của giống dân chính là Nguyên nhân bản sở, còn Đấng Bàn Cổ của cuộc tuần-hoàn là hiệu quả của nó, và từ chu kỳ chánh pháp (giai đoạn thứ 1) cho tới thời kỳ Mahabharata, số lượng các Đấng Thánh-Hiền hoặc Bàn Cổ này lên tới 21 vị.

(b) Câu kết của đoạn kinh này chỉ rằng thời cổ xưa nhất đã có sự tin tưởng và giáo lý dạy về thành phần 7 thể của con người. Sợi dây sinh tồn, đang thúc động con người và đang đi xuyên qua tất cả những phàm ngã hay tất cả những kiếp tái sinh của y trên thế gian, là lời nói ẩn dụ ám chỉ đường kim quang. Và lại, đó là sợi dây xỏ qua tất cả mọi "Chơn-Linh" của y, nó được kết bằng tinh hoa của "Tam", "Tứ" và "Ngũ" vốn hàm súc tất cả như đã nói ở trên. Theo Padma Purana, Panchashikha là 1 trong 7 Đấng Thiên Tôn đi tới Bạch Đảo (Shve-ta Dvipa) để tôn thờ Vishnu.

[Panchashikha (tiếng Bắc Phạn)=1 tập hợp gồm 50]

Sau này, chúng ta sẽ thấy các thế nhân có liên hệ như thế nào với các đứa con trai trinh nguyên và vẫn "chăn đơn gối chiếc" của Phạn Thiên, họ cứ khăng khăng không chịu "sinh-sôi này nở". Trong khi đó hiển nhiên là "Cây người" (Saptapar-na) nhằm nói tới 7 nguyên khí, và con người được so sánh với cái cây có 7 lá, nó thật là vô cùng thiêng liêng đối với các Phật tử. Trong "Tử Vong Kinh" của Ai cập, cái chuyện ẩn-dụ liên quan tới "sự khen thưởng linh hồn" đã ám chỉ giáo lý thất phân của ta 1 cách thật là gợi ý cũng như thi vị. Người quá cố được cấp cho 1 mảnh đất trong cánh đồng Aanroe, những hình bóng được thần thánh hóa của kẻ quá cố (Manes) gặt hái những gì mà họ đã gieo bằng chính các hành động của họ buổi sinh thời, trong cánh đồng đó, họ thu hoạch được lúa cao 7 cubit, nó mọc trong 1 khu đất chia thành 7 và 14 phần. Lúa

này là thực phẩm mà họ sẽ dùng để nuôi thân và phát triển , hoặc nó sẽ giết chết họ nơi Amenti ,cõi mà cánh đồng Aanroo là 1 địa hạt . Đó là vì ,người quá cố hoặc là bị tiêu diệt trong đó ,hoặc là sẽ trở thành tinh thần thanh khiết mãi mãi do kết quả của " 7 lần 77 kiếp sống" đã qua ,hoặc phải trải qua trên trần thế. Ý niệm gặt lúa với vai trò là "kết quả của các hành động của chúng ta" thật là gợi hình.

4- Nó là cái gốc rễ bất tử ,lửa 3 ngọn của 4 tim bấc (a) .Các tim bấc là những đốm lửa xuất phát từlửa 3 ngọn (Tam Thể thượng),do cái bẫy, ngọn lửa của chúng xạ ra; những tia và đốm của 1 mặt trăng duy nhất ,phản chiếu trong những luồng sóng chuyển - động của tất cả sống ngòn trên trái đất (Bhumi hay Prithivi (b).

(a) "Lửa 3 ngọn bất tử " là Tam thể thượng tâm linhbất diệt hay Tiến thể(Atma)Kim thân (Buddhi,còn dịch là Tuệ giác-thể) và Thượng trí (Manas) ,hay đúng hơn là sự đơm bông kết t trái của thượng trí được Tiến Thể và Tuệ giác thể đồng hóasau mỗi kiếp sống ở cõi trần. "Bốn tim bấc" đã tắt lửa là 4 nguyên khí thấp ,gồm luôn cả thể xác con người.

Người quá cố nói :"Ta là lửa 3 ngọn,còn các tim bấc của ta thật là bất tử. Ta nhập vào cõi của Sekhem (Vị thần vung tay gieo hạt giống hành động mà linh hồn thoát xác đã xạ tạo ra), ta nhập vào vùng của các ngọn lửa đã hủy diệt các đối thủ của mình ,nghĩa là, tiêu diệt 4 tim bấc đã tạo ra tội lỗi. (1)

(1) [Từ Vong Chân Kinh, i,7 .So sánh thêm : "Cácđiều bí mật của Rostan"]

["Lửa ba ngọn của 4 tim bấc"tương ứng với 4 Nhất nguyên và ba lưỡng nguyên của cây Sephiroth]

(b) Cũng như hàng tỷ đốm lửa sáng nhảy nhót trên mặt nước của đại dương ,trên đó chỉ có 1 ánh trăng chiếu rạng ; các phàm ngã giả tạm của chúng ta ,tức những hạ thể hữu hoại của Chơn thần và Chơn nhơn bất diệt ,cũng ẩn hiện chập -chờn, vô định trên luồng sóng của ảo giác (Maya).Chúng xuất - hiện và trụ 1 thời gian ; cũng như hàng nghìn đốm sáng do ánh trăng gây nên ,và chỉ tồn tại bao lâu mà Chị Hằng còn tỏa ánh sáng huy hoàng trên những đòng nước cuộn của sự sống ,thời -

gian của 1 chu kỳ khai nguyên. Và sau đó,chúng sẽ biến mất chỉ còn lại những tia sáng biểu tượng của Chơn nhơn và tâm linh bất diệt là còn sống sót ,và tái nhập làm một với nguồn-gốc Mẹ của vạn vật.(Mother Source)

5- Đốm sáng treo lở lửng dưới ngọn lửa do sợi dây tế-nhị nhất của Vô cực điện(Fohat) .Nó đi xuyên qua bảy thế giới của ảo giác (a).Nó ngừng ở loài thứ nhất và là 1 khoáng thạch . Nó đi qua loài thứ 2 và trở thành 1 cái cây . Cây ấy xoắn vòng qua 7 hình thể và trở nên 1 linh vật (cái bóng đầu tiên của con người thể-chất)(b) . Từ những đặc tính phối hợp của những cái vừa kể, con người suy tưởng mới được hình thành. Ai sáng tạo ra y ? Đó là 7 cuộc sống và là Một sự sống (c). Ai hoàn thành nên y ? Đó là LHA ngũ thể. Và ai kiện toàn thể xác cuối cùng ? Đó là Cá(fish),Tội Lỗi (Sin) và Soma (Mặt trăng)(d).

(a) Câu "xuyên qua 7 thế giới của ảo giác" ở đây là nói về 7 bậu của dãy hành tinh và 7 cuộc tuần hoàn hay 49 trạm sinh hoạt tích cực có trước đốm sáng hay Chơn thần vào lúc khởi đầu mỗi chu kỳ khai nguyên. Sợi dây điện lực Fohat là đường Kim quang nói trên.

Điều này có liên quan đến 1 vấn đề triết học khó khăn nhất ,tức là tính chất vật thể hữu hình của sự sống ,tínhchất độc lập của nó đã bị khoa học hiện đại phủ nhận bởi vì khoa-học không thể hiểu được cái tính chất đó .Chỉ có những người tin tưởng ở thuyết luân hồi mới nhận thức 1 cách mơ màng rằng toàn bộ bí ẩn của sự sống vốn nằm trong những hiện tượng biểu lộ liên tục dù là ở trong hay ở ngoài xác thân vật chất hữu hình . Đó là vì cho dẫu :

"Sự sống làm ô nhiễm ánh quang huy trinh bạch của Vĩnh-cửu,
Giống như 1 mái vòm bằng thủy tinh nhiều màu "

Shelley , "Adonais".

song bản thân nó vẫn là 1 phần tử của thời gian vĩnh cửu ấy , bởi vì chỉ có sự sống mới hiểu được sự sống.

Cái "Đốm lửa vốn treo lở lửng từ ngọn lửa" đó là gì ? Đó là Jiva ,tức điểm Chơn Thần phối hợp với Trí tuệ ,hay đúng hơn là cái hương vị của nó ,cái còn sót lại từ mỗi phàm ngã,

nếu đó là 1 phàm ngã tốt lành xứng đáng và treo lở lửng t ừ Atma -Buddhi ,tức ngọn lửa,do đường Kim quang .Dù được diễn-đạt bằng cách nào và dù quan niệm con người gồm có bao nhiêu nguyên khí ,người ta cũng có thể chứng minh dễ dàng rằng giáo điều này đã được xác nhận bởi tất cả những tôn giáo cổ ,từ Ve -da của Ấn Độ đến Ai cập giáo,từ Hỏa giáo đến Do Thái giáo . Trong trường hợp vừa nêu trên ,các tác phẩm Do thái bí giáo đã minh chứng hùng hồn cho phát biểu này . Toàn bộ hệ thốngsố mục của Do Thái bí giáo đều dựa vào Thất nguyên Thiêng liêng treo lở lửng từ Tam nguyên ,thế là hợp thành nhị nguyên và các hoán vị 7 , 5, 4, 3 và rốt cuộc tất cả lại hoà nhập vào chính Nhất nguyên , thật đúng là 1 vòng tròn vô biên.

Kinh Zohar dạy :

"Đấng Thánh Linh (Bản Lai Diện Mục hằng vô hình) biểu lộ thông qua 10 Sephiroth ,đó là những phân thân minh chứng cho Ngài . Đấng thánh linh chẳng khác nào biển cả vốn là nơi phát nguyên ra 1 dòng suối có tên là Minh triết ,nước suối Minh triết lại chảy vào 1 cái hồ được mệnh danh là Trí tuệ . Bảy Sephiroth phát xuất từ hồ chứa chẳng khác nào 7 con kênh .Ấy là 10 bằng 7 : Thập nguyên bao hàm 4 Nhất nguyên và 3 Lưỡng nguyên".

10 Sephiroth tương ứng với tứ chi của con người.

Khi Ta (Elohim) đào luyện ra Adam Kadmon,Tinh Thần của Đấng Vĩnh cửu xạ ra khỏi cơ thể của Ngài ,chẳng khác nào một tia chớp ngay tức khắc lóe lên trên những lượn sóng cả của 7 triệu bầu trời ,thế là 10 vẻ Huy hoàng của Ta biến thành tứ - chi của y.

Những thiên hạ đừng hòng thấy được đầu và vai của A-dam Kadmon. Do đó,trong Siphra Dzenioutha (Bí Nhiệm Thánh Thư) mới có đoạn sau đây :

"Thoạt kỳ thủy,sau khi Elohim (các "Phân thân của ánh - sáng và sự sống" tức các Đấng Kiến Tạo") đã khai thiên tịch-địa từ Bản thể vĩnh cửu ,các Ngài tạo ra từng 6 thế giới một.

Bầu thứ 7 là Malkuth ,tức là Địa cầu (1) trên cảnhgiới của riêng mình ,cảnh giới tồn tại hữu thức thấp nhất . Quyển "Số Mục Thánh Thư" (Book of Numbers) của dân Chaldea có 1 đoạn giải thích tỉ mỉ tất cả những điều này .

(1) [Xem Thánh Mẫu Pháp điển(Mantuan Codex)]

Người ta đừng hòng thấy được Tam nguyên bản sơ của cơ-

thể của Adam Kadmon (ba cảnh giới cao trong số 7 cảnh giới(1) trước khi linh hồn diện kiến Đấng Vô Lượng thọ.

(1) [Ý niệm này sẽ rõ ra ngay nếu ta quán triệt được vấn đề cấu tạo của linh hồn tức con người. Trong Thánh -Kinh, "Linh hồn"("Living Soul") đồng nghĩa với Con người. Đó là 7 nguyên khí của ta]

Sephiroth của Tam nguyên thượng này là :"1) Kether (Vương miện),được tượng trưng bằng cái trán của Đại Dung(Macroprosopus) ; 2) Chokmah (Minh triết , 1 nguyên khí dương) , được tượng trưng bằng vai phải của Ngài ; và 3) Binah(TríTuệ 1 nguyên khí âm) được tượng trưng bằng vai trái của Ngài ". Rồi tới 7 tay chân (Sephiroth) trên các cảnh giới biểu lộ ; toàn thể 4 cảnh giới này được tượng trưng bằng Tiểu Dung(Microprosopus) tức Tứ Linh tự bí nhiệm. "Bảy Tay chân biểu -lộ và 3 Tay chân ẩn tàng là cơ thể của Đấng Thánh Linh".

Như vậy,Trái đất(Malkuth) vừa là bầu thế giới thứ 7 , vừa là bầu thế giới thứ 4 ; nó là bầu thứ 7 khi tính từ bầu thứ 1 trở lên,nó là bầu thứ 4 khi tính theo các cảnh giới. Nó được sản sinh ra bởi bầu thứ 6 hay Sephira ,gọi là Yesod(Nền-tảng) ,hoặc, nói theo Số Mục Thánh thư, bởi Yesod ,Bậc Trượng Phu (Adam Kadmon) đã khiến cho Heva (Eva tức Trái đất) nguyên sơ khai hoa nở nhụy(thụ thai). Khi được trình bày bằng ngôn-ngữ huyền bí ,điều này giải thích tại sao Malkuth (vốn được gọi là thư mẫu ,Matrona,Nữ hoàng và cõi cơ bản) lại được trình bày là hiện thể của Tứ linh tự ,tức Tiểu Dung(Thượng-Đế Ngôi II),Thiên Đế.. Khi hoàn toàn vô nhiễm(nghĩa là vào lúc nó có giống dân thứ 7 của cuộc tuần hoàn thứ 7),nàng sẽ hợp -nhất với Thượng Đế ,sau khi đã phục sinh vào ngày Sabbath. Ấy là vì ngày thứ 7 ("seventh Day") lại có ý nghĩa huyền linh mà các nhà thần học của ta chưa hề mơ ước tới.

Khi Matronitha (Từ Mẫu) đã được cô lập ra và dẫn đến trình diện với Đấng Thánh vương nhân ngày lễ Sabbath,mọi thứ đều biến thành 1 thể Duy nhất."(1)

(1) ["Ha Idra Zuta Kadisha ",xxii,746]

"Biến thành 1 thể duy nhất" nghĩa là vạn vật lại được hấp thu 1 lần nữa vào trong nguyên tố duy nhất ,Chơn linh của con người biến thành các Đấng nhập Niết Bàn ,còn các yếu tố khác nữa của vạn hữu lại trở về trạng thái trước kia(trạng-thái Nguyên hình chất tức chất liệu chưa biến phân). "Sabbath"

có nghĩa là yên nghỉ ,tức là Niết Bàn . Nó không phải là"ngày thứ 7" sau 6 ngày ,mà lại là 1 thời kỳ dài 7 "ngày" hoặc bất-cứ thời kỳ nào gồm có 7 phần.Như vậy, 1 chu kỳ hỗn nguyên dài bằng 1 chu kỳ khai nguyên ,tức là 1 đêm của Phạn Thiên dài bằng 1 ngày của Phạn Thiên . Nếu các tín đồ của Thiên chúa giáo muốn noi theo tập tục của Do Thái giáo, họ chỉ nên chấp-nhận tinh thần của nó ,chứ đừng nên chấp nệ văn tự. Họ nênlàm việc 1 tuần 7 ngày rồi nghỉ 7 ngày. Việc Đức Jesus tỏ ra coi thường ngày Sabbath ,cùng với những điều được trình bày trong "Thánh Thư Luke" (xviii,12) ,đã chứng tỏ rằng từ ngữ "Sabbath" có 1 ý nghĩa bí nhiệm. Trong đoạn đó,Sabbath được coi như là trọn tuần lễ. Cứ thử xem bản văn bằng tiếng Hy Lạp ,ta sẽthấy rằng tuần lễ được gọi là Sabbath. Nguyên văn"Tôi nhịn ăn hai lần trong 1 kỳ Sabbath". Thánh Paul (1 điểm đạo đồ) hẳn biết thừa điều này khi coi Sabbath là sự ngơi nghỉ và chí phúc đời đời trên Thiên Đường (1): "và họ sẽ hưởng hạnh phúc đời đời vì họ sẽ mãi mãi hợp nhất với Đức Chúa Trời và sẽ hưởng 1 kỳ Sab-bath vĩnh cửu" (2).

(1) ["Thánh thư Hy Bá Lai" , IV]

(2) [Xem mục lục Thánh Kinh của Cruden]

Thật ra,Kinh Kabalah và Nội môn bí giáo - coi kinh Ka-balah là phần bao hàm trong "Số Mục Thánh thư" của dân Chal - dea ,chứ không phải là bản kinh Kabalah nay đã bị xuyên tạc của các nhà thần bí học Thiên Chúa giáo — cũng chẳng khác nhau bao nhiêu ,chúng bất quá chỉ khác nhau về mặt hình thức và cách diễn đạt . Như vậy ,huyền linh học Đông phương coi Trái đất là bầu thế giới thứ 4 ,bầu thấp nhất của dãy hành - tinh ,hai bên là 6 bầu phân bố trên các đường cong ,mỗi bên 3 bầu . Mặt khác,Kinh Zohar coi trái đất là bầu thấp nhất ,bầu thứ 7 ; nó còn dạy thêm rằng tất cả mọi điều trong đó (Tiểu - Dung) đều tùy thuộc vào 6 bầu . Quyển kinh trên cũng dạy : "Tiểu Dung (tiểu vì biểu lộ và hữu hạn) gồm có 6 Sephiroth". "Bảy Thánh vương đã giáng lâm và tiêu vong trong bầu thế giới bị hủy diệt 3 lần (Malkuth,tức Trái Đất ,bị hủy diệt sau mỗi 1 trong 3 cuộc tuần hoàn mà nó đã trải qua).Và sự trị vì của 7 Thánh vương sẽ bị sụp đổ "(3). Điều này liên hệ tới 7 giống dân ,trong đó 5 giống dân đã xuất hiện rồi,còn 2 giống dân nữa sẽ xuất hiện trong cuộc tuần hoàn này.

(3) ["Số Mục Thánh Thư",1,viii,3]

Ở Nhật,những chuyện ẩn dụ của Thần đạo bàn về nguồn gốc của vũ trụ và con người cũng ám chỉ 1 sự tin tưởng như vậy.

Sau gần 9 năm nghiên cứu tôn giáo vốn là nền tảng của nhiều giáo phái nơi các tu viện ở Nhật,Đại úy C.Pfoundes đã tuyên bố :

"Thần đạo quan niệm về sự sáng tạo như sau : (In) ,vốn là cặn bã ,được phóng ra từ Hỗn mang (Konton) , Thiên(Yo) vốn là bản chất tinh anh,thăng lên : Nhân(Man)(Jin) xuất hiệngiữa 2 thứ . Người đầu tiên được gọi là Kuni-to ko tatchino-mikoto cùng với 5 danh hiệu khác ,thế là loài người nam nữ xuất hiện. Isanagi và Isanami sinh ra Tenshoko doijin,vị thần đầu tiên trong số 5 vị thổ thần.

Các Thần Linh (Gods) này chỉ là 5 giống dân ,Isanagi và Isanami là 2 loại Tổ phụ , 2 giống dân trước đã sinh ra người thú và con người có lý trí.

Trong quyển 5 và 4 ,ta sẽ chứng minh rằng con số 7 cũng như thuyết "cấu tạo thất phân của con người " đều là phần chủ yếu trong mọi hệ thống bí nhiệm . Trong Kinh Kabalah của Tây phương ,nó đóng 1 vai trò quan trọng chẳng kém gì trong huyền bí học của Đông phương. Eliphas Levi gọi số 7 là "chìa khóa giải bí nhiệm về sự sáng tạo của Moses và các biểu tượng của mọi tôn giáo". Ông trình bày kinh Kabalah theo đúng phép phân chia con người ra làm 7 phần ,vì đồ hình mà ôngtrình bày trong cuốn "Chìa khóa giải các Đại bí nhiệm"(trang 389) gồm có 7 phần. Chỉ cần liếc sơ qua ta cũng thấy được điều này, cho dù ý tưởng chính xác có được ngụy trang khéo léo đến đâu đi nữa. Muốn tìm thấy điều trên,(mặc dù đã được thuyết minh khác đi), ta cũng chỉ cần xem xét đồ hình "cấu tạo của linh-hồn"trong "Vén màn bí mật kinh Kabalah"(hình minh họa trang 37) của Mathers đăng trong tác phẩm nêu trên của Levy.

Kèm theo đồ hình là các danh hiệu của cả kinh Kabalah lẫn huyền bí học.

Nephesh đích thực là "sinh khí động vật" được phà vào Adam ,con người bằng cát bụi ; do đó, nó là điểm Sinh-quang (vital Spark) ,nguyên tố phú linh (informing Element). Không có Manas, "Linh hồn biết suy lý"("Reasoning Soul") tức Trí tuệ(Mind) , mà đồ hình của Levi đã gọi lộn là Nephesh , Atma-Buddhi sẽ không có được lý trí trên cảnh giới này và không thể tác dụng được . Chính Buddhi mới là kẻ trung gian

ĐỒ HÌNH IV

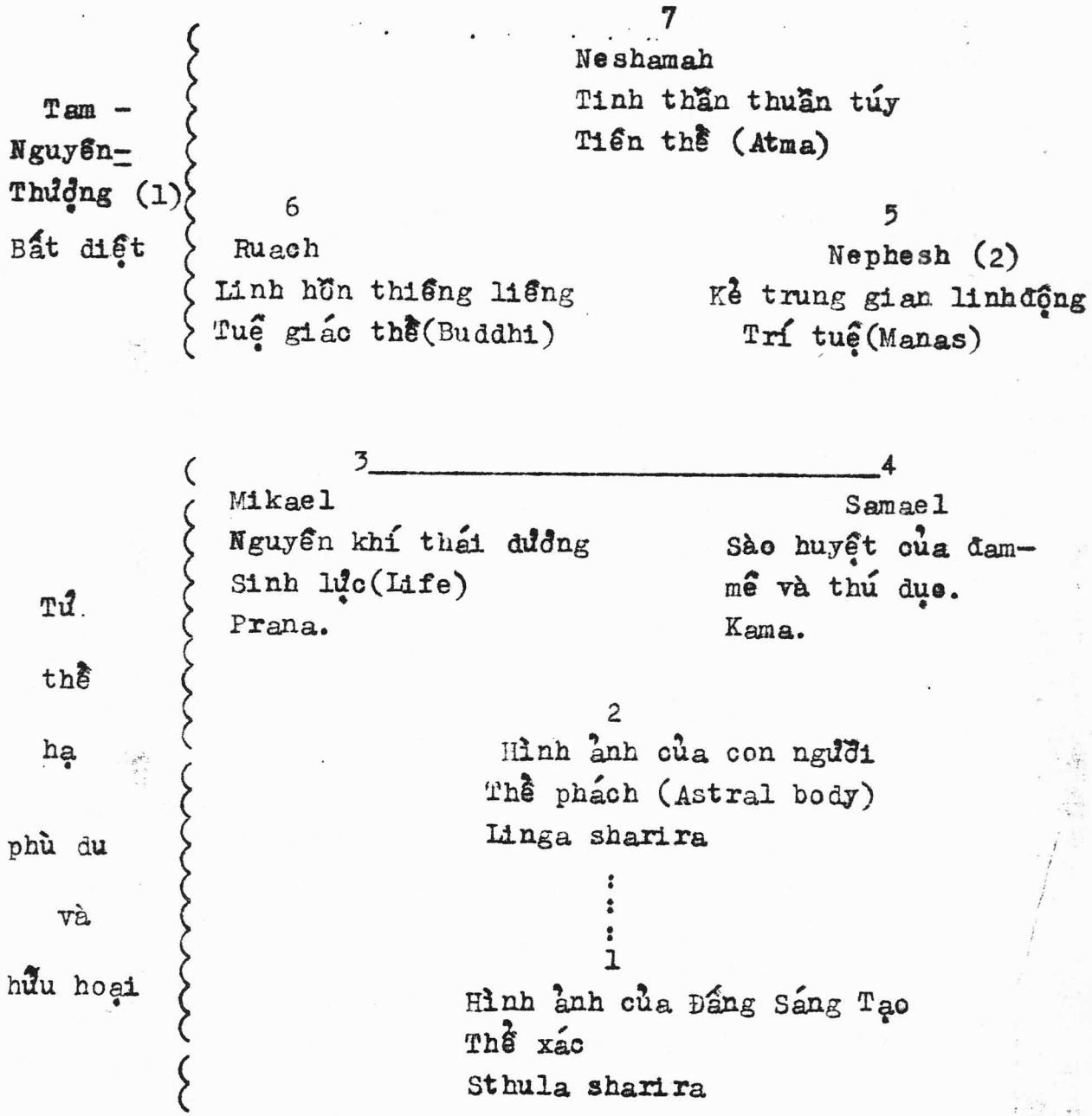

(1) [Tam nguyên thượng này bị cắt rời khỏi tứ thể hạ , cũng như nó bị phân rã sau khi chết]

(2) [Cái mà ta gọi là trí tuệ thì Levi lại gọi là Nephesh và ngược lại Nephesh là sinh khí (động vật) nơi con người, sinh khí bản năng nơi con vật ; còn Trí tuệ là linh hồn thứ 5 - nhân hồn xét theo khía cạnh thông tuệ và sinh hồn khi có liên hệ với Samael tức là cảm dục]

linh động ,chứ không phải là Manas , "kẻ trung gian thông-tuệ giữa Tam nguyên thượng và Tứ thể hạ ". Nhưng trong các tác - phẩm của Do Thái bí giáo lại có nhiều điều biến cải quái gở

như thế đấy- đó là 1 bằng chứng hùng hồn cho thấy rằng thư viện chưởng ấy đã biến thành 1 món hỗ lốn đáng tiếc. Ngoại trừ trong trường hợp này đặc biệt này để chứng tỏ các điểm tương-đồng ,chúng tôi nhất quyết không chấp nhận phép phân loại đó.

Nay ,chúng tôi xin trình bày dưới dạng bảng biểu những gì mà Eliphas Levi đã thận trọng phát biểu để giải thích đồ-hình của mình và những gì mà nội môn bí giáo giảng dạy ,rồi , so sánh chúng với nhau . Lévi cũng phân biệt Linh vật học Do Thái bí giáo với Linh vật học huyền bí(Occult Pneumatics).

Tín đồ Do Thái bí giáo Eliphas Lévi dạy :	Các Thông thiênhọc giả dạy :
LINH VẬT HỌC DO THÁI BÍ GIÁO	LINH VẬT HỌC NỘI - MÔN
1) Linh hồn(hay Chơn ngã) là 1 ánh sáng được bao bọc; ánhsáng này có 3 phần.	1) Cũng vậy;vì đó chính là Atma-Buddhi-Manas.
2) Neshamah-Tinh thần thuầntúy	2) Cũng vậy (1)
3) Ruach -Linh hồn hay ChơnLinh (Soul or Spirit)	3) Linh hồn thiêng liêng (Spiritual soul)
4) Nephesh - Kẻ trung gian linh động(Plastic Mediator)(2)	4) Kẻ trung gian giữa Tinh thần và phàm nhơn,trú sởcủa lý trí(Reason),Trí tuệ nơi con người.
5) Lớp vỏ của linh hồn là vỏ bọc ngoài(thể) của hình dáng(thể phách:astral Soul)	5) Đúng .
6) Hình bóng gồm có 2 phần, vì nó phản ảnh cả điều tốt lẫn điều xấu.	6) Tiết lộ toàn những điều vô ích.Sao không bảo rằng Thể phách phản ảnh con người tốt cũng như con người xấu, Kẻ nào không luôn luôn hướng về Tam ng thượng thì chỉ có nước bị diệt vong theo tử-thể hạ.
7) (Hình bóng - Cơ thể)	7) Xác phàm(The earthly image)

(1) ∠ Chẳng biết Eliphas Lévi cố tình hay vô ý mà lại lẫn lộn các con số : đối với chúng tôi,số 2 của ông lại là số 1 (Tinh thần) . Khi cho Nephesh vừa là kẻ trung gian linh động vừa là sinh lực,thực ra ông chỉ trình bày có 6 nguyên khí ,vì

ông đã lặp lại hai nguyên khí đầu tiên. 7

(2) 7 Nội môn bí giáo cũng dạy như vậy .Nhưng trí tuệ không phải là Nephesh ,nephesh cũng chẳng phải là thể phách, mà là nguyên khí thứ 4 ,và cũng là nguyên khí thứ 2 tức sinh-khí ,vì Nephesh là "sinh khí" nơi con người cũng như là con vật hay sâu bọ. Đó là sinh khí hồng trần chứ không hề bao hàm tính cách thiêng liêng. 7

LINH VẬT HỌC HUYỀN BÍ
(Do Eliphas Lévi trình bày)

1) Nephesh bất tử vì nó phục-sinh bằng cách hủy diệt hình-hài sắc tướng.

(Nhưng Nephesh ("Sinh khí": Breath of Life)là do người ta g gọi lộn và chỉ tổ làm cho mồn sinh điến đầu)

2) Ruach tiến triển nhờ vào sự tiến hóa của các ý tưởng (! ?)

3) Neshama tiến bộ mà không hề quên lảng hay bị hủy diệt.

4) Linh hồn có 3 trú sở (three dwellings).

5) Các trú sở này là :cõi thế-nhân(Plane of Mortals),Vườn Địa Đàngcao và Vườn Địa Đàng thấp (Superior Eden,Inferior Eden)

LINH VẬT HỌC HUYỀNBÍ
(Do huyền bí gia trìnhbày)

1) Manas(thượng trí)bất tử vì sau mỗi kiếp luân hồi,nó lại cấp thêm cho Atma-Buddhi 1 thứ gì của chính mình.Dođó nó được đồng hóa với Chơnthần chia sẻ tính bất tử của C/Th.

2) Buddhi có được tri thức nhờ vào phần đóng góp của thượng trí,khi con người chết đi sau mỗi kiếp luân hồi mới.

3) Atma chẳng tiến bộ,chẳng nhớ mà cũng chẳng quên.Nóđâu có thuộc về cõi hồng trần : nó chẳng qua chỉ là tia sáng đời đời chiếu diệu qua đêm đen vật chất - Khi vật chất sẵn lòng.

4)Linh hồn-xét chung như là Tam nguyên thượng -sinh hoạt trên 3 cõi (ngoài cõi thứ 4 ngoài cõi hồng trần ra).Nó tồn tại trên cõi cao nhất trong 3 cõi đó.

5) Các trú sở này là:trầnthế dành cho phàm nhơn tức sinh hồn;Kama loka(dục giới)(Địa ngục,Âm phủ)dành cho kẻ đã thoát xác hoặc Ma hình của y(shell);Cực lạc dành cho Tam nguyên thượng.

6) Hình bóng (con người)là 1 nhân sư(sphinx)trình bày câu đố bí hiểm về sự sinh sản.	6) Đúng.
7) Hình bóng hữu hoại(thể phách: astral)ban cho Nephesh các năng khiếu ;nhưng Ruach có thể thay thế cho Nephesh(ở trước) này.Hình bóng bị chế ngự theo các linh cảm của Neshamah.	7) Nhờ vào Kama(dục vọng)thể-phách luôn luôn kéo trí tuệ xuống cõi vật dục.Nhưng nếu Chơn nhơn hay Trí tuệ ra sức vượt thoát khỏi hấp lực chí-tử này và chuyển các hoài bảo của mình hướng về Atma(Nesha mah),thì Buddhi(Ruach)sẽ chế ngự được trí tuệ và mang nó lên cõi Tinh thần bất tử.

Hiển nhiên là nhà Do thái bí giáo người Pháp ấy hoặc là chưa quán triệt được chân giáo lý,hoặc là đã xuyên tạc nó cho phù hợp với các mục tiêu của mình .Thế mà khi bàn về cũng đề-tài ấy,ông ta lại dạy như sau,còn các huyền bí gia như chúng tôi cũng xin đáp lại nhà Do Thái bí giáo ấy đã quá cố ấy và các môn đồ của ông như sau :

1) Cơ thể là khuôn mẫu của Nephesh ;Nephesh là khuôn mẫu của Ruach;Ruach là khuôn mẫu của lớp vỏ của Neshamah.	1) Cơ thể tuân theo các cơn bốc đồng,dù tốt hay xấu,của trítuệ và ra sức noi theo ánh sángcủa Buddhi nhưng thường thất bại . Buddhi là khuôn mẫu của cáclớp vỏ của Atma;vì Atma không phải là hình hài sắc tướng hoặc bất cứ thứ gì , và vì Buddhi chỉ là hiện thể của nó theo nghĩabóng.
2) Ánh sáng(Linh hồn)phàmhóa chính mình khi khoác lấy(một sắc tướng)và phàm ngã chỉ trường tồn khi lớp vỏ đã hoàn hảo.	2) Chơn Thần biến thành 1 phàm-ngã khi lâm phàm;phàm ngã ấy vẫn còn lưu lại được 1 điều gì đó nhờ vào trí tuệ,khi trí tuệ đã đủ hoàn hảo để đồng hóa được Buddhi.
3) Chư Thiên(Angels) đều ao ước được thành người;1 con người hoàn thiện,1 người Trời (Man-God),còn cao hơn cả mọi Thiên thần(Angels).	3) Đúng.
4) Cứ mỗi 14 000 năm ,linh hồn	4) Mười bốn(14) vị Bàn Cổ trị-

lại cải lão hoàn đồng và say sưa giấc điệp trong hân hoan ,quên lãng.

vì trong 1 thời kỳ;1"Đại Kiếp" hay là 1 ngày của Phạn Thiên. Sau đó là tới chu kỳ hỗnnguyên khi tất cả các linh hồn (Chơn ngã)đều nhập Niết Bàn.

Đó là những đoạn xuyến tạc mô phỏng theo nội môn bí - giáo trong kinh Kabalah. Nhưng ta hãy trở lại câu 5 của đoạn-kinh 7.(1)

(1) [Xem các vị Bàn Cổ đầu tiên của nhân loại,đoạn kinh 10 ,quyển 3]

(b) Một câu ngạn ngữ (aphorism) nổi tiếng của huyền-môn Kabalah nói rằng : 1 tảng đá trở thành 1 cái cây,cái cây trở thành 1 con thú, con thú trở thành con người ,người trở-thành 1 siêu nhân và siêu nhân trở thành Tiến thánh(god)".Đốm lửa lần lượt làm thức động tất cả mọi loài trước khi nó phát triển nên 1 siêu nhân,mà sự dị biệt với 1 người phàm thật vô cùng lớn lao.

Sáng Thế Ký khởi đầu khoa nhân loại học của mình một cách sai lầm - hiển nhiên là dùng để làm 1 bức bình phong-nên chẳng đi tới đâu (các chương dẫn nhập của Sáng Thế Ký chưabao giờ được dự tính là dùng để trình bày ngay cả 1 ẩn dụ xa -xăm về sự sáng tạo ra trái đất ,chúng bao hàm 1 quan niệm siêu - hình về 1 thời kỳ vô hạn nào đó trong vĩnh cửu ,khi luật tiến hóa đã tạo ra những toan tính liên miên vào lúc tạo lập vũ-trụ. Hình Zohar đã trình bày điều này 1 cách minh bạch nhưsau:

"Có những bầu thế giới xưa vô hình ,chúng chết yểu ngay khi mới cất tiếng chào đời và được gọi là các điểm linh quang . Như vậy,khi đập sắt,người thợ rèn đã làm cho các đốm lửa bắn tung tóe ra tứ phía . Các điểm linh quang là các bầu thế giới nguyên thủy ,chúng không thể tiếp tục vì Đấng Thánh-Thượng (Sephira) vẫn chưa khoác lấy hình hài của mình (bán thử bán hùng hay đối lập giới tính) là Thánh vương và Nữ vương(Se -phira và Kadmon và Bậc Sư Trưởng vẫn chưa ra tay hành động" (the Master was not yet at his work) (2)

(2) [Zohar "Idra Suta",quyển iii,trang 292]

Đấng Vô Thượng đang thỉnh giáo cao kiến của vị kiến-trúc sư thế giới - Thượng Đế - về sự sáng tạo.

Nếu Sáng Thế Ký khởi đầu đúng cách ,thì người ta ắt

phải thấy trước hết là"Đấng Thiên Đế" ("Heavenly Man") , Ngài tiến hóa như là 1 đơn vị phức hợp gồm các vị Thượng Đế(as a Compound Unit of Logoi),sau giấc ngủ hỗn nguyên - giấc ngủvốn gom các con số rải rác trên các cõi hào huyền lại thành 1 , chẳng khác nào các giọt thủy ngân riêng rẽ trên 1 phiến sắt gom lại thành 1 khối - các vị Thượng Đế lại xuất hiện toàn bộ từ Đơn vị đó trên cương vị là"Đấng Thử Hùng" bản sơ tức Adam Kadmon , Fiat Lux (Hãy có lấy ánh sáng)trong thánh Kinh(ta hẳn đã thấy điều này rồi) song sự biến hóa này không hề diễn ra trên trái đất hay trên bất kỳ cảnh giới vật chất nào ,mà lại diễn ra trên những Thái uyên (Depths) của sự biến phânđầu tiên của Hỗn nguyên khí vĩnh cửu . Trên trái đất mới sinh ra của ta ,mọi sự việc lại diễn tiến khác hẳn. Quyển "Nữ thần Isis lộ diện" (quyển II,trang 302) có trình bày là trước hết, điểm Chơn thần hay Jiva do sự tác động của luật tiến hóa mà giáng xuống loài kim thạch là hình thức vật chất thấp kém nhất . Sau 1 chu kỳ tiến hóa xuyên qua 7 vòng trong loài khoáng thạch (hay là cái sẽ trở thành khoáng thạch trong cuộc tuần hoàn 4),nó từ trong khoáng chất bò ra dưới hình - thức 1 cọng rêu. Rồi từ đó, lại sau 1 chu kỳ tiến hóa, trải qua tất cả mọi hình thức cây cỏ , nó bước vào 1 giai đoạn mới để trở nên cái mầm sống của loài động vật và loài người. Tất cả những diễn biến kể trên ,cho đến cuộc tuần hoàn 3 ,đều là vô sắc tướng và vô tri giác . Đó là vì điểm Chơn thần (Jiva) không thể gọi là Tinh thần : nó là 1 tia sáng ,1 Hơi thở của Đấng Tuyệt Đối hay Lý tuyệt đối và sự Thuần nhất tuyệt đối vốn không có liên hệ gì đến cái hữu hạn tương đối ,nên vẫnlà vô thức trên cõi giới hiện tượng. Bởi vậy, ngoài cái chất liệu cần thiết để cấu tạo nên thể xác tương lai của con người,điểm Chơn thần cần có :

a) Một kiểu mẫu tâm linh để làm khuôn mẫu cho sự tượng hình chất liệu của thể xác,

b) một tâm thức thông tuệ để dìu dắt ,hướng dẫn sự tiến hóa và phát triển của nó.

Trong 2 hai điều này,không điểm nào có sẵn trong điểm Chơn thần thuần nhất hay trong vật chất vô tri tuy vẫn có sự sống. "Cát bụi Adam" cần được tiếp nhận hơi thở của "Linh hồn sự sống": đó là 2 nguyên khí trung gian , tức là sự sống có tri giác của động vật tính chưa biết suy tư và Linh hồn con người ,vì cái trước không hợp lý nên không có cái sau . Chỉ

khi nào từ 1 sinh vật có tiềm năng thư hùng lưỡng tính (andro gyne) ,con người đã trở nên có sự phân chia nam nữ ,thì y mới có được 1 linh hồn có thể hữu thức và hợp lý , tức "trí tuệ của Elohim". Để tiếp nhận trí khôn hữu thức,biệt biện và cá-thể này,con người phải "ăn trái cấm" của sự hiểu biết ,từ cái cây thiện và ác, làm sao con người có thể sở đắc được điều này ? Giáo lý huyền môn dạy rằng trong khi điểm Chơn Thần đi theo vòng xoáy từng chu kỳ mà giáng xuống cõi vật chất , thì chính những Đấng Tinh Quân ấy (Elohim hay Pitris) - những vị Thiền Định Đế Quân ở các đẳng cấp thấp - cũng đang tiến - hóa đồng thời với nó trên 1 cõi tâm linh cao cả hơn .Các vị này cũng tương đối giáng xuống vật chất trên cõi tâm thức riêng của họ. sau khi đã đạt tới 1 điểm nào đó,họ sẽ gặp điểm Chơn Thần vô tri giác nhập thể và giam hãm trong khối vật - chất nặng trọc nhất. Sự hỗn hợp cả hai tiềm năng Tinh thần và Vật-chất sẽ tạo nên cái biểu tượng ở hạ giới của "Thiên Nhân" trong không gian tức con người hoàn toàn . Trong triết thuyết Số Luận ,người ta coi Purusha là đồ bỏ ,bất lực ,trừ phi nó cưỡi trên vai Prakriti (Vật chất) - nếu bị bỏ mặc 1 mình thì vật chất cũng chỉ trơ trơ như phỗng đá. Nhưng, trong Nội môn bí giáo ,người ta lại coi chúng như là có ngôi thứ đàng hoàng. Tinh thần và vật chất tuy vẫn là 1 và cùng chung nguồn gốc , nhưng khi đã biểu lộ ,phân hóa, mỗi thứ liền bắt đầu diễn - trình tiến hóa của nó theo những đường lối tương phản đối - nghịch nhau : Tinh thần lần lần giáng xuống để nhập vào vật-chất ,vật chất từ từ thăng hoa để trở về trạng thái nguyên - thủy ,tức trạng thái của 1 chất liệu thuần tâm linh . Cả hai đều bất khả phân ,nhưng lại luôn luôn chia rẽ. Trên cõi hồng-trần, hai cực giống nhau luôn luôn đẩy nhau ,còn hai cực âm và dương luôn luôn hút nhau.

Luật lưỡng cực tương cầu này cũng áp dụng cho vật-chất và Tinh thần ,là 2 cực đối tượng của 1 nguyên chất thuần nhất ,tức là nguyên lý căn bản của vũ trụ.

Bởi vậy,khi thời giờ đã điểm cho Purusha(Tinh thần dương) cưỡi lên vai của Prakriti (Vật chất âm) để cấu tạo nên con người hoàn toàn (con người sơ khai của 2 giống dân rưỡi đầu tiên chỉ là con người mới khởi đầu ,lần lần tiến hóa thành loài nhũ động vật hoàn toàn nhất)những tế tiến siêu phàm của y mới bước vào cõi hồng trần cũng như những Đấng Pitris đã bước vào cõi này trước họ để tạo nên con người thể chất hay

"người thú" và chuyển kiếp trong hàng ngũ nhân loại .Như vậy 2 phương thức sáng tạo nên"người thú"và "con người thiêng - liêng" khác nhau rất xa.Các vị Tổ Phụ(Pitris) vốn có hình thể khinh thanh như dĩ thái ,tự phân thân ra làm muôn nghìn thể, gọi là "thể vía" (doubles) hay"hào quang"(astral form") còn mảnh mai tinh tế hơn nữa và giống y như các Ngài (1).

(1) /- Xem giáo lý về Kinh Codex Nazareus trong "Nữthần" Isis lộ diện" , quyển II , trang 297-303ta sẽ thấy toàn bộ g giáo lý của ta được trình bày trong đó dưới 1 dạng ẩn dụ khác-/

Những thể này dùng làm chỗ cư trú đầu tiên cho điểm Chơn thần,và làm cái chất liệu vô tri giác với 1 kiểu mẫu bao bọc chung quanh để làm cái khuôn cho thể xác tương lai của con người . Nhưng con người vẫn còn bất toàn .Từ Svayambhuva Manu (tức Manu:Bàn Cổ,quyển I) - Ngài là thủy tổ của 7 vị Bàn Cổ hay Prajapatis bản sơ ,mỗi vị Bàn cổ này lại là thủy - tổ của 1 giống người sơ khai -xuống mãi tới Kinh Codex Nazareus- trong kinh này,Karabtahos hay Fetahil (vật chất tham dục mù- quáng) đã khiến cho Mẹ mình (Spiritus,Tinh thần) sinh ra bảy nhân vật ,mỗi nhân vật đóng vai thủy tổ của 1 trong 7 giống - dân sơ khai , giáo thuyết này đã chi phối mạnh mẽ mọi Thánh- kinh cổ sơ.

" Ai tạo nên con người và ai tạo nên thể xác của nó ?Đó là sự sống và những hình thức sinh hoạt (the Life and the Lives) ,Tội Lỗi và (2) và Mặt trăng".

(2) /-Từ ngữ "sin" thật là quái gở ;nhưng ngoài việc là từ ngữ của dân Chaldea tương đương với mặt trăng (nghĩa là Nguyệt thần) ra,nó còn có 1 quan hệ huyền bí đặc biệt với Mặt trăng -/

Trong câu này,danh từ con người ám chỉ con người tâm - linh ,siêu phàm tức Chơn nhơn tự tại và bất diệt trong chúng ta,vốn là sự phóng xuất(emanation) trực tiếp của sự sống duy- nhất hay Thượng Đế tuyệt đối. Còn về phần thể xác của ta,chỗ dựng nên Thánh điện của linh hồn, Triết Giáo dạy 1 bài học kỳ cục đến nỗi mà nếu thiên hạ còn chưa được giải thích cặn - kẽ và thấu triệt được nó ,thì chỉ có khoa học chính xác trong tương lai mới đủ sức biện minh trọn vẹn được cho thuyết này mà thôi.

Trước đây đã có nói rằng huyền môn không chấp nhận bất cứ vật gì không cơ năng cơ phận(inorganic) trong vũ trụ .

Danh từ "chất vô cơ"("inorganic substance") mà khoa học dùng chỉ có nghĩa là sự sống tiềm ẩn trong những phân tử vật-chất vô tri bất động vốn không thể nhận biết bằng giác quan thường? Tất cả đều là sự sống ,chí đến mỗi nguyên tử của 1 hột bụi khoáng chất cũng là 1 sinh vật ,mặc dù bất khả tư nghị đối với chúng ta ,vì nó còn ở ngoài phạm vi của những định-luật mà kẻ bác bỏ Huyền bí học đã từng biết tới. Tyndall cho rằng "Chính các nguyên tử dường như có 1 bản năng là tính hiếu - sinh(desire for life)".Thế thì ta xin hỏi "cái khuynh hướng" qui về dạng hữu cơ ở đâu ra đây ? Nếu không chiếu theo giáo-lý của Huyền bí học thì liệu ta có cách nào giải thích được nó không ?

Thiên bình luận viết :"Người phàm tục cho rằng những bầu thế giới được cấu tạo bằng các nguyên tố(Elements) .Bậc La hán quan niệm rằng chính các nguyên tố đó cũng là sự sống thiêng liêng ,và trên cõi biểu lộ ,đó là vô số sinh vật (1). Trên cõi Nhất Nguyên;lửa tiên thiên là một ,nhưng trên cõi biểu lộ nhị nguyên ,tức cõi sống trong ảo giác ,những phân - tử của nó (its particles) là những sinh vật khác mà nó đốt cháy . Bởi vậy,chúng được gọi là "những kẻ thiêu đốt"(devou - rers) ....

(1) Thoạt đầu,giảng lý đề cập tới"hằng hà sa số sinh - linh". Phải chăng Pasteur đã vô tình tiến bước lại gần Huyền-bí học khi tuyên bố điều đó ? Nếu dám cả gan phát biểu ý kiến rốt ráo của mình về vấn đề này ,ắt hẳn ông sẽ bảo rằng các tế bào hữu cơ được phú cho 1 mãnh lực sinh động vẫn không ngừng hoạt động khi không còn 1 luồng oxygen nào hướng về chúng nữa, và vì thế,không cắt đứt quan hệ với chính sự sống ,vốn được tác dụng của chất khí này phù trợ. Pasteur nói tiếp :"Tôi xin nói thêm rằng sự tiến hóa của vi trùng được thực hiện nhờ vào những hiện tượng phức tạp ,trong đó,chúng ta phải kể tới các tiến trình lên men ". Theo Claude Bernard và Pasteur ,sự sống chẳng có gì khác hơn là 1 tiến trình lên men .Cũng chính các khoa học gia ấy đã chứng minh được rằng trong thiên nhiên có tồn tại những sinh vật có thể sống nhờn nhờ ,sinh sôi nảy- nở mà không cần không khí ,ngay cả trên địa cầu này .Pasteurthấy rằng nhiều sinh vật hạ đẳng ,chẳng hạn như loài khuẩn hìnhdấu phẩy ,cũng như các vi trùng và vi khuẩn khác ,có thể tồn -tại mà không cần có không khí - ngược lại,nếu có không khí thì chúng sẽ bị giết chết. Chúng chuyển hóa oxygen cần thiết cho

sự nhân giống của mình từ nhiều chất khác nhau xung quanh chúng.Ông gọi chúng là các vi sinh vật hiếu khí,sống bám nơi những mô vật chất ,khi các mô này đã không còn là 1 phần- t ể của 1 tổng thể sống động và toàn vẹn (lúc bấy giờ khoa học đã gọi nó 1 cách rất phản khoa học là "vật chất chết"("dead matter")) và các vi sinh vật kỵ khí. Loại này liên kết oxygen , góp phần đáng kể vào việc hủy hoại sự sống động vật và các mô thực vật ,cung cấp cho bầu khí quyển các vật liệu sau này sẽ tham gia vào cấu tạo của các cơ cấu khác ; còn loại kia, rốt cuộc sẽ hủy hoại ,hoặc đúng hơn là tiêu hủy ,cái gọi là chất hữu cơ ; nếu không có sự góp phần của chúng thì không thể nào có được sự phân hủy tối hậu .Một vài tế bào vi sinh vật ,chẳng hạn như các loại men bia phát triển ra và sinh sôi nảy - n ở trong không khí ,nhưng khi thiếu không khí ,chúng sẽ tự thích ứng với sự sống thiếu không khí và biến thành các chất men , hấp thụ oxygen từ các chất tiếp xúc với mình và do đó phân - hủy các chất này. Khi thiếu oxygen tự do,các tế bào trongtrái cây tác dụng như là các chất men và kích thích sự lên men . " Do đó,trong trường hợp này ,tế bào thực vật sinh hoạt như là 1 sinh vật kỵ khí .Thế thì,trong trường hợp này ,tại sao 1 dạng tế bào hữu cơ lại không tác dụng như vậy ? ". Giáo sư Bo -golubof đã nêu ra câu hỏi trên. Pasteur chứng tỏ rằng trong chất liệu của các mô và các cơ quan của ta ,khi không kiếm được đủ oxygen cho mình ,tế bào liền kích thích sự lên men , giống như tế bào trái cây ,còn Claude Bernard cho rằng, ýkiến của Pasteur về sự tạo lập các chất men được ứng dụng và bổ c chứng qua sự kiện là trong quá trình ngộp thở ,lượng urê gia-tăng trong máu . Do đó,trong vũ trụ ,đâu đâu cũng có sự sống và - theo huyền bí học - trong nguyên tử cũng có sự sống nữa.7

Mỗi vật hữu hình trong vũ trụ đều được cấu tạo bằng những sinh vật đó ,từ con người sơ khai ,hữu thức và thiêng-liêng ,chí đến những động lực vô thức cấu tạo vật chất"..... "Từ sự Sống Duy Nhất,vô sắc tướng,bất sinh bất diệt ,phát - sinh ra vũ trụ của mọi sinh vật . Thoạt tiên,từ khối Hỗn Mang mới biểu lộ ra lửa lạnh và sáng (ánh sáng mờ ảo như chất hơi) hình thành những chất cô đọng trong không gian (có lẽ là khối tinh vân ?)... Những chất cô đọng này va chạm lẫn nhau ,phát ra nhiệt lực và gây nên sự vận chuyển xoay vòng . Kế đó mới có sự biểu lộ đầu tiên của lửa hậu thiên (vật chất),những ngọn lửa nóng ,những sao chổi trên không gian . Nhiệt lựctạo nên hơi ẩm ,hơi ẩm tạo nên nước đặc (solid water)(?) ;rồi đến

sưởng mù khô, sưởng mù ướt ,lỏng như nước,nó dập tắt sức nóng chói rạng của những kẻ hành hưởng (sao chổi ?) và hình -thành những bánh xe đặc sệt (những bầu thế giới vật chất).Địa - cầu (Bhumi) xuất hiện với 6 bầu chị em của nó .Những bầu này do sự vận-chuyển liên tục mới tạo nên lửa hậu thiên (inferior fi -re) ,nhiệt lực và sưởng mù đặc,nó sản xuất ra nước (nguyên - tố thứ ba) và do khí vận trên không gian mà sinh ra không khí (gió) .Tứ nguyên hay tứ đại này là 4 nguyên tố của 4 cuộctuần hoàn đầu tiên trong chu kỳ sáng tạo .Còn ba nguyên-tố nữa sẽ tiếp theo sau .

Thiên bình luận viết :"Bhumi (Địa cầu) xuất hiện cùngvới 6 chị em . Có 1 giáo lý Phệ đà dạy rằng "có 3 bầu trái đất tương ứng với ba cõi trời,và Trái đất của ta(bầu thứ 4)được gọi là Bhumi". Đây là lời giải thích của các Đông phương học-giả ngoại môn của phương Tây. Nhưng ý nghĩa nội môn và ẩn dụ của đoạn kinh Phệ đà này lại là như sau : nó ám chỉ dãy hành-tinh của ta ,"ba bầu" trên cung giáng hạ và ba "cõi trời"(vốn cũng là ba bầu hành tinh ,có điều là tinh anh hơn nhiều) trên cung thăng thượng tức cung tinh thần . Ta giáng xuống vật xx chất qua ba bầu đầu tiên ,ta thăng lên tinh thần qua 3 bầu kia, bầu thấp nhất, Bhumi (Địa cầu) tạo thành khúc quanh (tạm gọi như vậy) và tiềm tàng bao hàm mức độ tinh thần và vật chất cân bằng với nhau. Nhưng ta sẽ bàn về vấn đề này sau.Nói chung Thiên bình luận dạy rằng mỗi cuộc tuần hoàn mới lại phátriển 1 nguyên tố thiên nhiên ,như khoa học đã biết,nhưng lại bác - bỏ sự phân loại đầu tiên và lại chia tỉ mỉ thêm thành từng bộ phận kết hợp . Nếu thiên nhiên là cái gì luôn luôn đổi mới và tiến trển trên cõi biểu lộ ,thì nguyên tố ấy cũng phải được quan niệm giống x như vậy ,chúng phải tiến hóa,phátriển và tăng trưởng cho đến lúc mãn chu kỳ . Như vậy,chúng ta được biết rằng cuộc tuần hoàn 1 chỉ phát triển có 1 nguyên-tố,với 1 tính chất ; và nhân loại, trong điều có thể gọi là 1 khía - cạnh của thiên nhiên ,mà có người gọi là "không gian 1 chiều-đo".

Cuộc Tuần hoàn 2 đưa ra và phát triển 2 nguyên tố ; lửa ,đất ; và nhân loại thích ứng với điều kiện thiên nhiên của thời kỳ đó (nếx ta có thể dùng danh từ nhân loại để chỉ những sinh vật sống trong những điều kiện hoàn toàn khác hẳn với con người thời nay). Nhân loại trong cuộc tuần hoàn 2 là 1"loại người có 2 chiều đo " (chúng ta lại dùng 1 nhóm từ

quen thuộc theo 1 nghĩa hoàn toàn bóng bẩy ,đó là cách duy - nhất khiến ta có thể sử dụng nó 1 cách chính xác). Những

Những diễn trình tiến hóa tự nhiên mà chúng ta đang xem xét sẽ lập tức làm sáng tỏ sự tranh luận về những đặc tính của những chiều đo không gian. Nhưng tạm thời,có lẽ cũng cần nêu ra ý nghĩa của sự linh cảm lành mạnh,tuy hãy còn thiếu sót,nó đưa đến việc sử dụng câu "chiều đo thứ tư của không gian" trong các giới huyền học và khoa học hiện đại (1).

(1) [Nhiều khoa học gia (chẳng hạn như giáo sư Butlerof và Wagner ở St.Petersburg) vốn cũng là các nhà Giáng - ma -học ,đã nhiệt liệt hoan nghênh thuyết của giáo sư Zollner]

Để bắt đầu,tưởng không cần phải giải thích rõ rằng không gian lẽ tất nhiên không thể đo lường về bất cứ hướng nào. Câu nói trên chỉ là 1 câu nói vắn tắt ,đáng lẽ phải nói 1 cách đầy đủ hơn là "chiều đo thứ tư của vật chất trong không gian" (2). Nhưng cũng còn là 1 câu thiếu sót ,vì rằng quả thật đúng là cơ tiến hóa có mục đích đưa đến cho ta sự hiểu biết về các đặc tính mới mẻ của vật chất ,nhưng những đặc tính mà chúng ta đã quen thuộc thật ra còn nhiều hơn là 3 chiều đo.

(2) ["Chủ nghĩa Duy Thực" (Realism) đã sai lầm khi cho rằng các điều trừu tượng là có thực.Không gian và thời gian được coi là không dính dáng gì tới mọi kinh nghiệm cụ-thể của tâm trí,thay vì là những sự tổng quát hóa của 1 vài khía cạnh của các kinh nghiệm này]

Những đặc tính của vật chất phải luôn luôn có liênquan trực tiếp với giác quan của con người . Vật chất có qui -mô , màu sắc ,sự vận chuyển (của phân tử hóa chất),hướng vị tương-đương với những giác quan hiện tại của con người ,và vào thời kỳ mà nó hoàn toàn phát triển 1 đặc tính mới nữa ,tạm - thời hãy gọi nó là tính "thấm nhập" hay "trong suốt"(permeability) thì đặc tính này sẽ tương hợp với giác quan mới của con người tạm gọi là "nhãn quan thông suốt"("Normal Clairvoyance") hay linh thị.Như vậy,khi 1 tư tưởng gia táo bạo đi tìm 1 chiều đo thứ tư để giải thích hiện tượng vật chất đi xuyên qua vật - chất ,thì thật ra cái mà họ thiếu là <u>đặc tính thứ 6</u> của vật chất . Ba chiều đo thật ra chỉ thuộc về 1 đặc tính của vật-chất ,đó là qui mô xk (extension); quan niệm bình dân thông-thường luôn luôn phản đối ý niệm cho rằng sự vật dưới bất - cứ hình thái nào ,lại có thể có nhiều hơn ba chiều đo ,là bề

dài,bề rộng và bề sâu ... Những danh từ này ,ngay cả danh- từ chiều đo đều thuộc về 1 bình diện tử tưởng , 1 giai đoạn tiến hóa ,1 đặc. tính. vật chất. Bao giờ mà còn có những qui - luật cố định trong phạm vi tài nguyên của vũ trụ ,để áp -dụng cho vật chất ,thì người ta vẫn chỉ có thể đo lường nó theo ba chiều mà thôi . Và kể từ lúc mà ý niệm "sự đo lường" lần đầu tiên chiếm 1 vị thế trong sự hiểu biết của con người,thì người ta chỉ có thể áp dụng cách đo lường trong 3 chiều thôi. Những quan niệm trên không thể phủ nhận sự thật rằng ,trải qua dòng thời gian ,khi mà khả năng con người càng tăng trưởng , thì những đặc tính của vật chất cũng sẽ tăng lên nhiều hơn như vậy . Trong khi đó, thành ngữ này lại còn sai lầm h ơ n nhiều so với cả câu nói quen thuộc : mặt trời "mọc" hay "lặn".

Bây giờ,chúng ta hãy trở lại việc nghiên cứu sự tiến hóa của vật chất qua các cuộc tuần hoàn.(rounds)

Vật chất trong cuộc tuần hoàn 2 ,như trên đã nói,có thể quan niệm 1 cách bóng bẩy như là có 2 chiều đo. Nhưng ở đây lại còn có 1 nghi vấn khác nữa . Câu nói bóng bẩy mơ hồ trên có thể được coi như tương đương với đặc tính thứ 2 của vật chất ,ứng hợp với giác quan thứ 2 của con người . Nhưng 2 giai đoạn tiến hóa tương liên này có liên hệ đến những phương thức đang diễn ra trong phạm vi của 1 cuộc tuần hoàn mà thôi. Sự nối tiếp nhau giữa những khía cạnh sơ khai của thiên nhiên liên quan tới sự nối tiếp của những cuộc tuần hoàn cũng c ó liên hệ, như đã nói ở trên,với sự phát triển của những nguyên tố (theo ý nghĩa huyền môn):lửa,gió,nước ,đất.Chúng ta chỉ mới ở trong cuộc tuần hoàn 4 và bảng liệt kê hãy còn ngừng lại ở 4 nguyên tố . Tự nhiên đề cập đến các nguyên tố này trong câu vừa nêu trên ,thật là chính xác đối với các mục-đích nội môn cũng như theo Giáo Lý Bí Truyền(Secret Teaching).Milton thật là chí lý khi đề cập tới "Các Huyền năng của Phong , Thủy ,Hỏa ,Thổ"; Trái đất, như ta biết hiện nay không hề tồn-tại trước cuộc tuần hoàn thứ 4 ,cách đây nhiều trăm triệu năm khi bắt đầu có trái đất địa chất (geological Earth).Giảng lý (the Commentary) dạy : trong khi có cuộc tuần hoàn thứ nhất, địa cầu cháy rực ,nguội lạnh và chết lại ,chẳng khác nào các con người và con thú tinh anh của nó - đây là 1 điều mâu thuẫn hoặc nghịch lý theo quan điểm của khoa học hiện nay — trong vòng cuộc tuần hoàn thứ 2, nó chói sáng,trong trước hết,trong vòng cuộc tuần hoàn thứ 3 ,nó giống như là nước". Các nguyên-

tố đã bị đảo ngược như thế đấy.

Những giác quan tâm thức (centres of consciousness)(sẽ phát triển trong nhân loại như chúng ta đã biết) của con người trong cuộc tuần hoàn 3 đã đến giai đoạn nhận thức nguyên-tố thứ ba là chất nước . Nếu bắt buộc phải rút ra các ~~xxxxxxxx~~ kết luận về các dữ kiện do các nhà địa chất học cung cấp,thì, ắt hẳn ta sẽ bảo rằng không hề có nước thực sự ,ngay cả trong ~~xxx xx~~ thời Thán Kỳ (Carboniferous Period) .Ta được biết rằng các khối Carbon khổng lồ ,xưa kia vốn bàng bạc dưới dạng acid carbonic trong khí quyển ,đã bị cây cỏ hấp thụ ,còn 1 phần lớn chất khí đó lại được trộn lẫn trong nước . Nay,nếu quả thực là thế ,nếu ta phải tin tưởng rằng hết thảy lượng acid carbonic vốn cấu thành những loại cây đã tạo ra than béo,than gầy v.v. và tiến hóa tạo thành đá vôi v.v... ,nếu ta phải tin rằng tất cả các điều này đã diễn ra vào thời kỳ ấy trong bầu khí-quyển dưới dạng hơi ,thì ắt hẳn đã phải có các biển và đại - dương acid carbonic lỏng. Nhưng thế thì dựa vào giả thuyết này làm thế nào mà các kỳ De-vôn,Si-lua — các kỳ của loài cá và loài nhuyễn thể —lại có trước được kỳ carbon ? Và chăng áp - suất khí quyển đã phải vượt quá nhiều trăm lần áp suất của bầu khí quyển hiện nay . Làm thế nào mà các cơ thể ,cho dù đơn - giản như cơ thể của 1 vài loài cá và loài nhuyễn thể có thể chịu nổi ? Chúng tôi khuyên độc giả nên quan tâm tới 1 tác - phẩm tuyệt vời của Blanchard bàn về nguồn gốc của sự sống , trong đó ông có chứng tỏ 1 vài điều mâu thuẫn và lẫn lộn quái gở trong các thuyết của các bạn đồng nghiệp của mình.Các giác quan của con người trong cuộc tuần hoàn 4 đã thêm chất đất như 1 trạng thái vật chất vào 3 nguyên tố trên trong giai đoạn biến đổi hiện tại của chúng .

Nói tóm lại,không 1 nguyên tố nào trong 3 cuộc tuần - hoàn trước đây có trạng thái giống như bây giờ . Lửa trước kia có thể là Akasha thuần túy ,vật chất bản sơ ,"Đại Nghiệp" ("Magnum Opus") của các Đấng Sáng Tạo và Kiến Tạo ,loại Tinh Tú quang mà Eliphas Lévi đầy nghịch lý đã gọi là "THẾ của Thánh thần",chán rồi lại gọi là "Baphomet", "Con Dê bán thư bán hùng Mendes"; Phong(Air) chỉ là Nitrogen,"Linh khí của những kẻ đội vòm trời"(theo lối nói của các thần bí gia Hồi-Giáo); Thủy (Water) là loại lưu chất nguyên thủy cần để tạo ra 1"linh hồn sống động" (theo Moses) .Và điều này có thể giải thích được tình trạng tiến hậu bất nhất rành rành và các

phát biểu phản khoa học trong Sáng Thế Ký .Cứ thử tách rời chương 1 ra khỏi chương 2 ,giải thích chương 1 như là 1 thánh kinh của các tín đồ duy Elohim ,và chương 2 như là 1 thánh kinh của các tín đồ duy Jehovah mãi về sau này,nếu thuyết minh theo lối "ý tại ngôn ngoại" ,ta sẽ thấy cùng 1 trình tự xuất hiện các tạo vật ,nghĩa là Hỏa (Quang),Phong,Thủy và Nhân (tức Thổ) .Ấy là vì câu sau đây trong chương 1 (duy Elohim) , "Thoạt đầu , Đức Chúa Trời Khai thiên tịch địa" là 1 câu dịch sai ; đó không phải là "thiên và địa" mà là cõi trời lưỡng phân ,Thượng thiên và Hạ thiên ,tức là sự phântích của vật chất nguyên thủy - vốn có phần trên là ánh sáng ,còn phần dưới (vũ trụ biểu lộ) là bóng tối —ra 2 phần vô hình và hữu hình đối với các giác quan của ta ."Đức Chúa Trời ngăn cách ánh sáng với bóng tối" và rồi tạo ra bầu trời(Phong) . " Hãy có lấy 1 bầu trời ở giữa nước ,phân cách nước với nhau" nghĩa là "phân cách nước ở dưới bầu trời (vũ trụ biểu lộ hữu-hình) với nước ở trên bầu trời (các cõi tồn tại vô hình —đối với chúng ta →)".

Trong chương 2 (duy Jehovah:the Jehovistic),cây cỏ được tạo ra trước nước ,chẳng khác nào trong chương 1 ,ánhsáng được tạo ra trước mặt trời. "Đức Chúa Trời khai thiên tịch địa tạo ra mọi loại cây ngoài đồng trước khi nó mọc dưới đất ,tạo ra mọi loại cỏ ngoài đồng trước khi nó tăng trưởng,ấy là vì Đức Chúa Trời (Elohim) đã không tạo ra mưa trút xuống đất v. v... " —nếu ta không chấp nhận lối thuyết minh nội môn thì câu trên thật là phi lý ,ngớ ngẩn. Cây cối được tạo ra trước khi chúng mọc dưới đất — vì bấy giờ không có đất như hiện nay —, còn cỏ ngoài đồng đã tồn tại trước khi nó tăng trưởng như hiện nay ,vào cuộc tuần hoàn thứ 4 .

Khi giải thích và bàn về bản chất của các nguyên-tố vô hình và "Lửa nguyên thủy" nêu trên, Eliphas Lévi bao giờ cũng gọi nó là"tinh tú quang" ; nó chính là "Đại Tác nhân Pháp thuật"("Grant Agent Magic") đối với ông . Chắc chắn là như thế rồi ,nhưng chỉ như thế ,xét về mặt Ma thuật và trên các cảnh giới thấp nhất của cái mà ta gọi là Dĩ thái (Tiên-thiên khí là bản thể (noumenon) của nó) và ngay cả điều này cũng bị các huyền bí gia chính thống coi là không đúng."Tinh-tú quang" chỉ là "đầu tinh quang" ("sidereal light") thời xưa của Paracelsus , khi bảo rằng "vạn hữu đều phát nguyên từ nó, nó bảo toàn vạn vật và khiến cho chúng sinh sôi nảy nở",ông

chỉ phát biểu chân lý 1 cách nửa nạc nửa mỡ"(tức là chỉ có mệnh đề thứ 2 là đúng).Mệnh đề thứ nhất không đúng ,vì nếu vạn hữu tiến hóa thông qua nó ,thì nó ắt hẳn chẳng phải là Tinh tú quang , Tinh tú quang chẳng hề bao hàm vạn hữu màcùng lắm cũng chỉ phản ánh vạn hữu thôi .Éliphas Lévi thật là chí-lý khi trình bày nó là "1 lực trong Thiên nhiên", nhờ đó,"1 thường nhân làm chủ được nó ...Cũng có thể làm xáo trộn thế-giới và thay đổi bộ mặt của nó" ,vì đó là "Đại bí nhiệm của Pháp thuật siêu việt".Khi trích dẫn lời của nhà Do thái bí - giáo lỗi lạc Tây phương dưới dạng dịch thuật (1) ,có lẽ ta có thể giải thích chúng hay hơn bằng cách thỉnh thoảng thêm vào 1 , 2 từ để chứng tỏ sự dị biệt giữa các lối thuyết minh của Tây phương và Đông phương về cùng 1 đề tài .Tác giả nói về Đại tác nhân Pháp thuật như sau :

(1) ["Pháp thuật bí nhiệm"(The Mysteries of Magic) của A.E.Waite,trang 69 -70 ,ấn bản 1897]

"Cái loại lưu chất thiên la địa võng thấm nhuần vạn - vật này ,cái tia sáng tách rời khỏi ánh huy hoàng của MặtTrời (Tinh thần trung ương) này ... bị khống chế bởi bầu khí quyển (? !) và hấp lực trung tâm ... tinh tú quang,Ê te điện từ (electro -magnetic ether) này ,nhiệt tố sinh động và và chói sáng này ,được tiêu biểu nơi những đền đài cổ bằng sợi dây nịt của nữ thần Isis ,quấn quanh 2 chiếc cột ... còn trong các thần phổ học thời xưa ,nó được tượng trưng bằng con rắn nuốt đuôi nó ,biểu hiện của sự thận trọng và của Saturn (biểu - hiệu của vô cực,sự bất tử và Kronos —Thời gian —chớ không phải là Thần Saturn hay Thổ tinh). Đó là con Rồng có cánh Medea ,con rắn kép trên cây Dục-xà-trượng ,và kẻ cám dỗ trong Sáng Thế Ký ;nhưng đó cũng là con rắn bằng đồng thau của Moses quấn quanh chữ TAU ... cuối cùng đó là con quỉ của thuyết giáo điều ngoại môn, và đích thực là lực mù quáng(Lévi thừa biết nó đâu có mù quáng) mà linh hồn phải chế ngự để thoát vòng tục lụy ,vì nếu không ,chúng sẽ bị hấp thu bởi chính cái quyền năng trước kia đã tạo ra chúng và sẽ quay về với lửa vĩnh cửu của trung tâm".

Nay,chỉ có mỗi một người (T.W.Keely ở bang Philadel - phia) đã công khai tìm ra và sử dụng được bậc Đại thái cổ này . Tuy nhiên,những người khác đã phát hiện được nó ,song hầu như không sử dụng được nó ."Bạn sẽ chỉ đạt đến mức đó mà thôi..."

Tất cả những điều trên đều thực tiễn và chính xác ,

ngoại trừ 1 sai lầm mà chúng ta đã giải thích. Eliphas Lévi đã phạm 1 sai lầm nghiêm trọng khi luôn luôn cho rằng tinh-tú quang với cái mà ta gọi là Tiên thiên khí đều là tương đồng. Thực,hư ra sao sẽ được giải thích trong quyển IV .

Eliphas Lévi còn trình bày thêm như sau :

"Đại tác nhân pháp thuật là phân thân thứ 4 của nguyên-sinh khí(theo chúng tôi đó là phân thân thứ nhất trong nội giới và phân thân thứ nhì nơi ngoại giới) còn mặt trời là dạng thứ ba của nguyên sinh khí(life principle)... ấy là vì nhật-tinh(day-star)(Mặt trời:the Sun) chỉ là phản ảnh và hình bóng vật chất của mặt trời chân lý trung ương (Central Sun of truth) nó soi sáng thế giới trí tuệ (vô hình) của Tinh thần và bản - thân nó chẳng qua chỉ là 1 ánh sáng chập chờn vay mượn của TUYỆT ĐỐI .(1)

(1) [Như trên (Mysteries of Magic),trang 70]

Đến đây thì ông vẫn còn chí lý. Tuy nhiên,khi nhà Do Th´ thái bí giáo Tây phương có nhiều thẩm quyền ấy nói thêm rằng " đó không phải là tinh thần bất tử như các bậc Đạo trưởng Ấn Độ thường lầm tưởng,thì chúng ta xin đáp rằng ông đã nói xấu các bậc Đạo Trưởng nêu trên ,vì họ đâu có quan niệm như vậy , ấy là vì ngay cả các kinh Puranas ngoại môn cũng cực lực bác bỏ điều khẳng định này . Chẳng có người Ấn độ nào đã từng lầm lẫn Prakriti (Vật chất) -Tinh tú quang chỉ ở trên cảnh giới ~~vật chất thấp nhất ,vũ trụ vật chất - với "tinh thần bất tử"~~. vật chất thấp nhất ,vũ trụ vật chất - với"tinh thần bất tử" . Vật chất bao giờ cũng bị gọi là hảo huyền và có số phận là phải bị diệt vong cùng với những thứ khác ,kể cả chư thầnlinh ,khi chu kỳ hỗn nguyên đã tới. Vì người ta đã chứng tỏ là tiên thiên khí chẳng phải là dĩ thái nên ta càng không được lầm - tưởng rằng nó có thể là tinh tú quang . Những kẻ không thể hiểu kinh Puranas theo lối "ý tại ngôn ngoại" đôi khi đã lẫn lộn tiên thiên khí với vật chất ,với dĩ thái ,thậm chí với cả bầu trời xanh ngắt nữa !Cũng đúng là những kẻ cứ luôn luôn dịch từ ngữ tiên thiên khí(Akasha) là"dĩ thái" chẳng hạn như Wil - son --,khi thấy nó bảo "nguyên chất vật chất của âm thanh" lại còn có thêm tính chất đơn giản duy nhất này ,liền tưởng tượng 1 cách ngu xuẩn rằng nó có tính cách"vật chất" theo ý-nghĩa hồng trần . Cũng đúng là vì không có 1 thứ gì có tính - cách vật chất (và do đó có tính cách hữu hạn và phù du) mà

lại có thể bất diệt - theo siêu hình học và triết học - nên x suy ra rằng Tiên thiên khí chẳng vô hạn mà cũng chẳng bấtdiệt. Nhưng tất cả những điều này đều sai lầm ,vì người ta đã hiểu lầm cả từ ngữ Pradhana (Hỗng mông nhất khí)lẫn âm thanh với vai trò là tính chất ;từ ngữ Hỗng mông nhất khí chắc chắn là đồng nghĩa với Hỗn nguyên khí (Mulaprakriti)và Tiên thiên khí (Akasha),còn âm thanh lại đồng nghĩa với Ngôi Lời (Verbum) , Huyền âm(Word) tức Thiên Đạo(Logos) .Muốn chứng tỏ điều này thì cũng dễ thôi ,vì nó đã được nêu ra trong câu sau đây của Kinh Vishnu Puranas (1):"Chẳng có ngày mà cũng chẳng có đêm, chẳng có trời mà cũng chẳng có đất ,chẳng có ánh sáng mà cũng chẳng có bóng tối ,chẳng có bất cứ thứ nào khác ,ngoại -t r ừ Đấng Duy Nhất bất khả tư nghị hoặc Phạn Thiên (Brahma),Pums (Tinh thần) và Pradhana(Hỗng Mông nhất khí).

(1) [Wilson ,I trang 23]

Nay,nếu Hỗng mông nhất khí không phải là Hỗn nguyên khí (cội nguồn của vạn vật)dưới 1 dạng khác thì nó là cái gì ?Ấy là vì mặc dù nghe nói Hỗng mông nhất khí còn hoà nhập vào Đấng Thánh linh như vạn hữu để lìa khỏi Nhất nguyên trong chu kỳ hỗn nguyên ,song nó lại được coi là vô hạn và bất diệt.Câu dịch sát nghĩa như sau :"Cái Đó là Tinh thần Phạn Thiên Hỗng-mông nhất khí ";nhà bình giải bèn giải thích từ ngữ kết - hợp này là 1 từ ngữ thực thể ,chứ không phải là 1 chuyển hóa từ được dùng như 1 thuộc từ ,nghĩa là như 1 điều gì "có liên -hệ với Hỗng mông nhất khí ".(2)

(2) [Như trên,trang 24]

Và lại môn sinh phải lưu ý rằng hệ thống Puranas có tính cách nhị nguyên chứ không hề có tính cách tiến hóa vàxét về phương diện này ,ta sẽ thấy nhiều điều hơn nữa (xét theo 1 quan điểm nội môn) trong phái Số Luận (Sankhya) ,thậm chí trong cả Manava-Dharma-Shastra(Luật Bàn cổ) nữa,mặc dù Luật Bàn Cổ khác hẳn phái số luận).Vì thế,ngay cả trong Kinh Pura -nas ,Hỗng mông nhất khí cũng là 1 dạng của Thái Cực ThượngĐế (Parabrahman) chứ không phải là 1 cuộc tiến hóa và phải giống như Hỗn nguyên khí của phái Phệ đàn đà.Một học giả Phệ đàn đà dạy :"Trong trạng thái nguyên sơ ,vật chất chính là TiênThiên khí "(3).Nó hầu như Vũ trụ trừu tượng(abstract Nature).

(3) ["Năm năm Thông thiên học",trang 169,ấn bản 1885]

Thế thì Tiên thiên khí chính là Hỗng mông nhất khí dưới

1 dạng khácvà chính nó chẳng phải là Dĩ thái ,tác nhân vôhình mà cả vật lý học cũng phải xun xoe,quỳ lụy. Nó cũng đâu có phải là tinh tú quang .Như ta đã nói ,nó là bản thể của vật-chất biến phân 7 lần (4)—"Bà Mẹ" hằng tring nguyên của "Đứa Con" không có cha ,nó biến thành "Cha" trên cõi biểu lộ thấp.

(4) [Trong triết hệ Số Luận, 7 Prakriti (tức"sản phẩm tạo tác")là Toàn linh trí ,Ngã thức và 5 ~~khắc~~ thức-biến(Tanma-tras).Xem Sankhya Karika III và giảng lý]

Ấy là vì Toàn Linh trí là sản phẩm đầu tiên của Hỗng-mông nhất khí ,tức Tiên thiên khí ,và Mahat - Toàn linh trí , "có đặc tính là Bồ đề" - chẳng có gì khác hơn là Thiên Đạo,vì Ngài được tôn xưng là Huyền Thiên Thượng Đế(Ishvara),Brahma , Bhâva v.v... (1) .

(1) [Xem Linga Purana , tiết trước, LXX ,12 và tiếptheo và Vayu Purana chương IV ,nhưng đặc biệt là Linga Purana ,tiết trước , viii , 67-74]

Tóm lại,Ngài là "Đấng Sáng Tạo" hay Thiên Trí đang hoạt động sáng tạo ,"Nguyên nhân của vạn vật". Ngài là Đấng Bản Lai ("First Born) mà kinh Purana đã cho rằng "Đất và Toàn Linh - Trí là các nội biến và ngoại biến của vũ trụ" , hoặc,theo lối nói của ta, cực âm và cực dương của vũ trụ lưỡng phân (trừu-tượng và cụ thể) vì kinh Purana có thêm rằng :

"Như thế ,- nghĩa là 7 dạng (nguyên khí) vật chất tính từ Toàn Linh trí xuống tới Thổ (Earth)- vào lúc tan hoà nguyên tố (pratyahara); 7 dạng này lần lượt tái thâm nhập vào nhau. Thiên noãn (Sarva-mandala) bị tiêu tan cùng với 7 châu (dvipa) 7 đại dương ,7 vùng v.v... (2).

(2) ["Vishnu Purana" ,quyển IV,tập VI,chương IV trang 199 . Chẳng cần bảo người Ấn Độ - vì họ thuộc lòng kinh Purana của họ - nhưng nên nhắc các Đông phương học gia và những người Tây phương (vốn coi bản dịch của Wilson là có thẩmquyền) rằng trong bản dịch Anh ngữ của Kinh Vishnu Purana ,Wilson đã mắc phải những điều sai lầm và những mâu thuẫn tức cười nhất. Cũng vậy,2 bản tường thuật về cùng 1 đề tài "Bảy Prakritis", tức 7 vùng của Thiên Noãn khác hẳn nhau. Trong quyển I,trang 40 ,người ta có bảo rằng Thiên Noãn có 7 lớp vỏ bao bọc bên ngoài . Wilson chú giải :các lớp vỏ bằng Thủy,Phong,Hỏa,Dĩ th thái và Ngã thức(Ahamkara) "- trong kinh điển tiếng BắcPhạn, không hề có từ ngữ Ngã thức . Và trong quyển V,tập XVI,chương

IV,trang 198 của kinh Vishnu Purana ,ông lại viết :"Thế 1 à 7 dạng vật chất tính từ Toàn linh trí xuống tới Thổ"(?).Toàn-linh-trí tức Đại Bồ đề (Mahat -Buddhi) và "Nước, v.v." hẳn là phải khác nhau chứ lị ! 7

Các huyền bí gia hẳn cũng có nhiều lý do khi khôngchịu gọi Tiên thiên khí là Tinh tú quang hay dĩ thái . Câu " Nhà cha ta có nhiều căn" có thể mâu thuẫn với câu châm ngôn huyền bí "Nhà mẹ ta có 7 căn" tức 7 cõi,cõi thấp nhất ở bên trên và xung quanh ta,đó là tinh tú quang.

Những nguyên tố ,dù đơn thuần hay phối hợp ,không thể giữ mãi trong trạng thái giống y như trước kể từ lúc bắt đầu cuộc tiến hóa của dãy hành tinh hiện tại. Vạn vật trong vũtrụ đều tuần tự tiến hóa trong Đại chu kỳ ,trong khi chúng vẫn không ngừng tiến hóa theo nhịp độ khi thăng khi giáng trong những chu kỳ nhỏ hơn. Thiên nhiên không bao giờ ngưng đọng 1 chỗ trong 1 kỳ Khai nguyên(Manvantara),vì nó luôn luôn tiến-hóa trường kỳ bất tận.(1)

(1) 7 Cũng theo siêu hình gia lỗi lạc Hégel .Đối với ông, thiên nhiên biến dịch không ngừng .Thật là 1 quan niệm nộimôn thuần túy . Người ta hoàn toàn không thể quan niệm được sự-sáng tạo hay nguồn gốc theo nghĩa Thiên chúa giáo. Tư tưởng-gia vừa nêu trên đã cho rằng :"Thượng Đế (Tinh thần vũ trụ) biểu lộ ra ngoại cảnh thành thiên nhiên và lại xuất lộ từ đó7

Sự sống của khoáng thạch,cây cỏ,loài người cũng luôn-luôn làm cho cơ thể chúng thích ứng với những nguyên tố đương thời ,và bởi vậy,các nguyên tố của những thời kỳ trước được thích ứng với các loài trong thời kỳ đó ,cũng như chúng đang thích ứng với đời sống nhân loại trong thời kỳ hiện tại .Trong cuộc tuần hoàn tới là cuộc tuần hoàn 5 , 1 nguyên tố thứ 5 là chất dĩ thái (Ether) ,tức là cái thể nặng trọc của Akasha,sẽ xuất hiện và trở nên 1 sự kiện thông thường trong thiên nhiên cũng như không khí của chúng ta bây giờ .Chừng đó,nó sẽ không còn là 1 giả thuyết mơ hồ như ngày nay nữa ,mà sẽ là 1 khí-cụ có tác dụng hữu hiệu trong nhiều lãnh vực .Và cũng trong cuộc tuần hoàn tới đây, những khả năng siêu đẳng của conngười có thể nảy nở và phát triển hoàn toàn để thích ứng với tác-động của Akasha trong cõi thiên nhiên. Như đã nói ở trên, một đặc tính thứ 6 của vật chất là đặc tính thấm nhập(permeability) cũng sẽ xuất hiện đồng loạt với sự phát triển giác quan

thứ 6 và con người cũng sẽ 1 phần nào quen thuộc với đặctính mới ấy vào 1 giai đoạn thích nghi trong cuộc tuần hoàn 5 tới đây.Nhưng khi 1 nguyên tố mới xuất hiện trong cuộc tuần- hoàn 5 thì đặc tính thấm nhập của vật chất sẽ trở nên rõ rệt ,đến-nỗi những hình thức vật chất nặng trọc nhất sẽ hiện ra dưới nhãn quang con người như 1 đám sương mù dày đặc thế thôi chứ không hơn.

Bây giờ,chúng ta hãy quay về chu kỳ sinh hoạt .Không nói dông dài về sự sống trên các cõi cao ,chúng ta chỉ tạm - thời chú ý đến địa cầu và các sinh vật sống trên đó.Chúng tôi được biết rằng trong cuộc tuần hoàn 1, Địa cầu được cấu-t ạ o bởi những "Hỏa tinh quân" ,những vị này làm tiêu hủy và phân-hóa hóa những mầm sống khác trong các nguyên tố ngũ hành.Đại khái cũng giống như trong giai đoạn tiến hóa hiện tại,những loại vi khuẩn làm rời rạc,tan rã cơ cấu hóa chất trong 1 cơ t thể sinh vật ,làm biến đổi thể chất động vật và tạo ra những chất với những thành phần khác nhau .Như vậy,huyền bí học đã dẹp tan được cái gọi là thời đại vô sinh của khoa học ,vì nó đã chứng tỏ rằng trên địa cầu chả có lúc nào mà lại không có sự sống. Bất cứ chỗ nào có 1 phân tử hay nguyên tử vật chất , dù trong trạng thái khinh thanh của chất hơi ,là có sự sống trên đó ,tuy rằng còn tiềm ẩn và vô thức."Bất cứ vật gì rời khỏi trạng thái Laya (thuần nhất) sẽ trở nên sự sống tích cực ,nó sẽ bị lôi cuốn vào dòng xoáy quay cuồng của sự chuyển - động. Tinh thần và vật chất là 2 trạng thái của cái duy nhất ,nó không phải tinh thần hay vật chất mà cả hai đều là sựsống tuyệt đối ,tiềm tàng ... Tinh thần là sự phân hóa đầu - tiên của (và trong) Không Gian; còn Vật chất là sự phân hóa đầu tiên của tinh thần. Cái không phải là Tinh thần hay Vật -chất ,chính là Cái Ấy —cái Nguyên nhân vô nguyên nhân(the cause-less Cause)của tinh thần và vật chất ,là nguyên nhân của vũ-trụ . Và Cái Ấy ,chúng ta gọi là Sự Sống Duy nhất hay luồng Khí Vận nội tại của vũ trụ(the Intra-cosmic Breath)(1).

(1) [Thiền Kinh (Book of Dzyan) ,bình luận III,tr.18]

Một lần nữa,chúng ta nói <u>vạn vật đồng nhất lý</u> và cũng <u>đồng nhất tính</u> (like must produce like).Sự Sống Tuyệt Đối không thể tạo ra 1 nguyên tử vô cơ phận (inorganic atom) , dù đơn thuần hay phức tạp và thậm chí trong "Trung hoà điểm"(La -ya) cũng có sự sống ,cũng như 1 người trong trạng thái hôn mê ,bề ngoài coi như 1 xác chết ,nhưng vẫn là 1 người sống .

Khi những "Kẻ Hủy diệt"("Devourers) - nếu muốn(vì các huyền bí gia không hề phản đối điều này),các khoa học gia cứ tự tiện xem xét thấy các nguyên tử sửng lửa nơi các kẻ "hủy-diệt" này với 1 lý do nào đó - đã phân hóa những nguyên tử lửa bằng 1 phương pháp phân tích lạ lùng ,những nguyên tử này trở thành những Mầm sống kết hợp với nhau theo định luật hấp dẫn và tương cầu (law of cohesion and affinity) . Kế đó, các Mầm Sống (Life Germs) kết hợp tạo ra những sinh vật thuộc 1 loại khác,loại này góp sức vào việc cấu tạo nên các bầu thế giới.

Như vậy,trong cuộc tuần hoàn 1 ,địa cầu được tạo-tác bởi các Hỏa tinh quân sơ khai chỉ mới hình thành như một bầu tròn , hãy còn lỏng sệt chưa đông đặc,không có tính chất,hình dáng hay màu sắc ngoài tính chất chói sáng và lạnh .Chỉ vào lúc cuối cuộc tuần hoàn 1 ,nó mới phát triển 1 nguyên tố đầu tiên ,mà ngày nay trở thành nguyên tố lửa trong cuộc tuần - hoàn hiện tại và phổ cập khắp nơi trong toàn thái dương hệ . Trái đất có hình tướng đầu tiên (first Rupa) với bản thể là Nguyên khí tiên thiên khí được mệnh danh là +++ .(Trong nguyên bản Anh văn là 3 hình sao,chú thích của ND).Đó chính là cái nay được biết và được gọi 1 cách rất sai lầm là tinh-tú-quang ,mà Eliphas Lévi gọi là "Trí tưởng tượng của thiên-nhiên",có lẽ để tránh việc trình bày danh hiệu chính xác của nó như những người khác thường làm.

Trong lời tựa của quyển "Lịch sử pháp thuật",khi đề-cập đến nó ,Éliphas Lévi đã cho rằng :

"Mọi trung khu thần kinh liên giao với nhau 1 cách bí-mật thông qua thần lực này ,thiện cảm và ác cảm nảy sinh từ nó , các giấc mơ của ta cũng bắt nguồn từ nó ,hiện tượng linh thị siêu nhiên cũng phát nguyên từ nó... Khi tác dụng dưới ảnh hưởng của các ý chí mạnh mẽ,tinh tú quang hủy hoại ,ninh-kết(coagulates),tách rời ,phá vỡ và tụ tập vạn vật lại ..... Thượng Đế đã tạo ra nó khi Ngài phán :"Hãy có lấy ánh sáng" ! ... Nó được điều khiển bởi các Đấng Egregores ,nghĩa là kẻ đứng đầu của các linh hồn vốn là các chân linh của năng lượng và tác động" (trang 19).

Éliphas Lévi nên nói thêm rằng Tinh tú quang ,tức chất liệu nguyên thủy ,(nếu cái gọi là ánh sáng ,Lux,giải thích theo bí giáo ,là thể của chính các chơn linh ấy và chính là bản thể của họ. Ánh sáng vật chất là biểu lộ trên cõi hồng-

trần và là phản ánh của linh quang xạ ra từ thể tập hợp của các Đấng được gọi là "Các Ánh Sáng" và"Các Ngọn Lửa" .Nhưng , Éliphas Lévi ăn đứt bất cứ nhà Do thái bí giáo nào khác vềcái tài chồng chất mâu thuẫn này lên mâu thuẫn kia,trình bày hết nghịch lý này đến nghịch lý khác trong cùng 1 câu văn lưuloát. Ông đã dẫn dắt độc giả của mình đi xuyên qua những thung lủng yêu kiều với muôn cách hoa tươi thắm,để rồi sau đó lạc bước tới 1 sa mạc khô cằn và 1 hòn đảo lởm chởm những đá.

Giảng lý dạy :

"Bảy Đại lượng rời rạc (nguyên tố)mà sự chuyển động và sự kết hợp hài hoà tạo ra vũ trụ vật chất biểu lộ ,đã được sinh ra xuyên qua và từ bức xạ của 7 thể của 7 đẳng cấp Tinh Quân".

Cuộc tuần hoàn 2 làm biểu lộ nguyên tố thứ 2 ,tức không khí ,là nguyên tố mà sự thuần khiết bảo đảm sự sống liên -tục cho người sử dụng nó. Ở Âu châu ,chỉ có 2 huyền bí gia đã khám phá ra nó và thậm chí phần nào áp dụng nó vào thực hành ,mặc-dù các điểm đạo đồ Đông phương cao cấp nhất đều luôn luôn biết rõ thành phần cấu tạo của nó. Khí Ozone của hóa học hiện đại chỉ là chất độc so với dung môi vũ trụ(Universal Solvent) thực sự ,nó thật là bất khả tư nghị trừ phi tồn tại trong thiên nhiên.

Từ cuộc tuần hoàn 2 trở đi,quả địa cầu từ trước vẫn là 1 bào thai kết tụ trong lòng của không gian ,mới bắt đầu cuộc sống thực sự của nó ,đó là sự phát triển sự sống hữu thức cá biệt là cái khí thể thứ nhì của nó ,khí thể thứ 2 tương hợp với khí thể thứ 6 và cái thứ nhì là sự sống liên tục ,cái kia là sự sống tạm thời.

Cuộc tuần hoàn 3 phát triển nguyên tố thứ ba(third pr-inciple) là Nước ; trong khi cuộc tuần hoàn 4 biến đổi những chất lỏng bốc hơi và hình thể mềm dẻo của trái đất thành 1 bầu vật chất đông đặc ,cứng rắn như địa cầu ngày nay . Trái đất đã đạt tới nguyên khí thứ tư của nó ,và sẽ đạt tới cái chân-tướng rốt ráo cùng tột của nó ,tức cái vô cùng đông đặc ,vào cuối cuộc tuần hoàn số 7 là lúc chấm dứt chu kỳ sáng tạo(Man-vantara). Về vấn đề này, người ta có thể phản đối là luật tương đồng(law of analogy) vốn đã được nhấn mạnh biết bao ,đã bị vi phạm .Tuyệt nhiên không phải như thế đâu.Eugenius Phila-lethes thật là chí lý khi "lấy danh dự " mà bảo đảm với quí-độc giả rằng chưa có ai đã từng thấy được Trái đất ,nghĩa là

vật chất dưới dạng bản thể .Đến nay trái đất vẫn còn ở trong trạng thái cảm dục (Kamarupic state)—thể vía(astral body)với các Dục vọng của Ngã thức u mê,sản phẩm của Toàn linh trí trên hạ giới.

Không phải thứ vật chất cấu tạo bằng nguyên tử hay thể xác của con người đi là phần nặng trọc nhất của tất cả các khí thể của chúng ta .Thực ra đó là khí thể(nguyên khí)trung gian, trung tâm thực sự của thú tính và dục vọng ,còn thể xác phàm con người chỉ là cái vỏ bọc ngoài ,cái yếu tố vô trách-nhiệm và cái phương tiện nhờ đó mà tính thú dục trong con người hành động suốt kiếp sống của nó. Mọi thông thiên học giả trí-thức ắt đều hiểu tôi thực sự muốn nói gì.Như vậy,cái ý -niệm cho rằng thể xác con người được cấu tạo bằng vô số sinh -vật cũng như cái vỏ cứng của trái đất được cấu tạo y như vậy , không có gì là vô lý quá đáng đối với nhà huyền học chân - chính. .Khoa học cũng không phản đối giáo lý huyền môn về điều này ,vì không phải bởi lý do ống kính hiển vi không nhìn thấy được hột nguyên tử hay sự sống cực nhỏ mà họ có thể bác bỏ giáo lý trên.

c) Khoa học dạy chúng ta rằng cơ thể sống hay chết của con người hay động vật đều gồm vô số vi khuẩn hàng trăm loại khác nhau.Cứ mỗi khi hít vào là ta lại có nguy cơ bị vi trùng từ bên ngoài xâm nhập vào cơ thể ;còn trong nội bộ cơ thể,ta cũng bị đe dọa bởi các chất leucomaines ,cáđ vi khuẩn hiếu khí,kỵ khí v.v... Nhưng khoa học vẫn chưa bao giờ đi xa hơn nữa để cùng với huyền học xác nhận rằng thể xác con người cũng như loài thú vật ,cây cỏ hay khoáng chất đều được cấutạo bằng những vi khuẩn đó ,mà ống kính hiển vi không thể nào tìm ra ,trừ những loại vi trùng to lớn hơn.

Cho đến nay,nói về khía cạnh thuần vật chất và động-vật của con người,khoa học đang đi trên con đường tìm tòi , khám phá với nhiều triển vọng khả quan đưa đến sự xác nhận lý thuyết trên. Hóa học và sinh lý học là 2 ngành học thuật vĩ-đại nhiệm mầu của tương lai , có triển vọng thức tỉnh nhân - loại để cho họ nhận thức những chân lý trọng đại trên địa hạt vật lý . Với mỗi ngày qua,người ta càng nhận thấy rõ sự đồng-nhất giữa loài vật và con người ,giữa con người và cây cỏ , thậm chí giữa loài bò sát và tảng đá mà nó làm tổ và con người .

Những phân tử vật chất và hóa học của ~~xxxx~~ người tất cả mọi loài đã được thấy là đồng nhất ,khoa học có thể nói rằng không có gì khác nhau giữa vật chất cấu tạo nên thể xác con bò với vật chất cấu tạo nên xác phàm của con người. Nhưnggiáo lý huyền môn còn nói rõ hơn nhiều . Khoa huyền môn nói:"Chẳng những các hóa chất đều giống y như nhau ,mà còn có sự đồng - nhất giữa những vi sinh vật vô hình hợp thành những nguyêntử trong khối khoáng thạch và những tế bào của 1 cái hoa ,của 1 người và của 1 con kiến,của 1 con voi và của tàng cổ thụ che mát cho nó dưới ánh nắng mặt trời.

Mỗi phân tử vật chất,dù hữu cơ hay vô cơ ,là 1 vật có sự sống .Mỗi nguyên tử và phân tử trong vũ trụ vừa đem sự sống vừa đem sự chất cho cái hình thể bên ngoài ,cũng như bằng phương pháp kết hợp, nó cấu tạo nên vũ trụ và những thể tạm,sẵn sàng tiếp nhận linh hồn đầu thai. Nó cũng luôn ~~luôn~~ hủy diệt và thay đổi hình thể ,và tống khứ những linh hồn đó ra khỏi những thể xác này là nơi cư trú tạm thời của họ. N ó vừa sáng tạo,vừa hủy diệt ,nó cũng vừa tự sinh và tự diệt.Nó sáng tạo và hủy diệt điều bí ẩn nhất của các điều bí ẩn , l à cái thể xác sống động của con người ,cầm thú hay cây cỏ ,mỗi giây đồng hồ trong thời gian và không gian. Nó cũng đem sự sinh và tử ,đẹp và xấu ,thiện và ác,thậm chí có cả những cảm giác thích thú và khó chịu ,tốt lành và bỉ ổi .Nó là sự sống huyền bí được tiêu biểu tập thể bởi vô số sinh linh . Do ~~x~~một đường lối rời rạc riêng biệt của nó ,sự sống ấy vẫn theođịnh luật bí hiểm của sự di truyền cách thế (Atavism) ; mô - phỏng những điểm tương tự trong gia đình ,cũng như là những điểm tương tự mà nó thấy còn ghi dấu trong hào quang của các bậc sản sinh ra mọi người trong tương lai ; tóm lại,đó là một bí-nhiệm mà ta sẽ quan tâm tới hơn nữa ở 1 nơi khác. Hiện thời , ta có thể đan cử 1 thí dụ để minh họa. Khoa học hiện đại đang bắt đầu khám phá ra rằng chất ptomaine, 1 độc tố có tính kiềm (alkaloid poison) do các xác chết và vật chất đang phân hủy sinh ra - cũng là 1 sự sống - khi được trích ra bằng êther dễ bay hơi ,sẽ tỏa ra 1 mùi nồng nặc như là mùi cam tươi đang chín rộ . Nhưng khi không có oxygen,,các chất kiềm đó sẽ tỏa ra hoặc là 1 mùi xú uế khiến người ta nôn mửa ,hoặc là 1 mùi thơm ngào ngạt ,khiến người ta nhớ ngay đến hương thơm của các đóa hoa kiều diễm nhất. Người ta ngờ rằng mùi thơm ngào-ngạt đó là do chất độc ptomaine. Độc tố của 1 vài loại nấm

cũng gần giống như nọc độc của loài rắn hổ mang Ấn độ, loại rắn độc nhất. Các nhà bác học Pháp Arnaud, Gautier và Villiers đã tìm thấy trong nước bọt của người sống cũng có 1 chất kiềm có độc tính giống như trong nước bọt của con cóc, con kỳnhông, rắn hổ mang và rắn độc đầu tam giác ở Bồ đào Nha. Người tađã chứng minh được rằng, người sống, cây cỏ và thú vật đều sản - sinh ra 1 chất độc kinh khủng nhất, dù được gọi là ptomaine, leucomain hay alkaloid. Gautier cũng tìm ra 1 alkaloid trong xác người mới chết và trong não bộ, cùng với 1 chất độc mà ông gọi là xantho-creatinin, tương tự như chất được trích ra từ nước bọt có chất độc của loài bò sát. Người ta ngờ rằng chính các mô bắp thịt, các cơ quan hoạt động nhiều nhất trong cơ thể sinh vật, chính là những nhân tố sản sinh ra các chất-độc vốn có tầm quan trọng chẳng khác gì acid carbonic và urê trong các chức năng sinh hoạt, và là các sản phẩm tối hậu của sự biến dưỡng bên trong cơ thể. Và mặc dù người ta chưa xác - định rốt ráo được là liệu các cơ thể sinh vật có thể t ạ o ra được các chất độc hay không, khi không có vi trùng tham dự và can thiệp vào, nhưng người ta xác nhận rằng loài vật quả xác thật có tạo ra các chất độc dưới dạng sống động hay sinh lý. Như vậy, khi đã khám phá ra được những hậu quả, khoa học còn phải tìm ra những nguyên nhân tối sơ, mà điều này không bao giờ có thể tìm ra nếu không có sự trợ giúp của các khoa -học cổ xưa, của khoa luyện kim đan và huyền học.

Chúng ta được biết rằng, mỗi trạng thái biến đổi sinh lý, ngoài những hiện tượng bệnh lý, đều do bởi những trạng thái thay đổi trong những tổ chức tế bào, nó tạo ra môi trường thuận lợi cho sinh khí tác động trong cơ thể, và tấtcả những sự diễn biến này đều do hành động của những kẻ tạo tác, và hủy diệt vô hình mà người ta gọi 1 cách hời hợt là "vi - trùng". Người ta có thể giả sử là các sinh hỏa tố (Fiery Lives) này chẳng khác gì vi trùng của khoa học. Không phải như thế đâu. Các sinh hỏa tố thuộc về cảnh phân thứ 7 và cao nhất (seventh and highest sub-division) của cõi vật chất, và là phần tương-ứng của con người với sự sống Duy Nhất của vũ trụ, mặc dù chỉ ở trên cõi vật chất đó thôi. Còn vi trùng của khoa học thì thuộc về phân cảnh thứ nhất và thấp nhất trên cảnh giới thứ 2 (cảnh giới của sinh lực hồng trần (material prana) hay Sự sống). Cứ 7 năm 1 lần, con người lại chịu x 1 sự thay đổi cấu trúc hoàn toàn; nó được bảo dưỡng hay bị hủy diệt là do các chức-năng luân chuyển của các sinh hỏa tố với vai trò hủy diệt và kiến tạo. Chúng kiến tạo bằng cách hiển mình dưới dạng sinh-

lực để kiềm chế tác dụng hủy diệt của các vi trùng .Nhờ vào việc cung cấp những gì thiết yếu cho các vi trùng ,chúng khống chế được các vi trùng ấy để kiến tạo nên thể xác và các tếbào. Chúng cũng đóng vai trò hủy diệt khi không còn kềm chế nữa và các vi trùng ,khi không còn được cung cấp sinh năng kiến tạo, nên tự tháo cũi sổ lồng với vai trò là các tác nhân hủy hoại. Như vậy,trong vòng phân nửa đầu tiến của đời người ,gồm năm thời kỳ ,mỗi thời kỳ là 7 năm ,các sinh hỏa tố gián tiếp tham dự vào tiến trình kiến tạo thể xác của con người; sự sống ngon trớn leo thang và thần lực được dùng vào việc xây dựng và tăng trưởng. Sau thời kỳ này là tới thời kỳ thoái hóa ,các Sinh Hỏa tố đều kiệt sức ,công tác hủy hoại và suy thoái cũng bắt đầu.

Ở đây,ta có thể truy nguyên được 1 điều tương tự giữa các biến cố vũ trụ khi tinh thần giáng xuống nhập vào vật-chất trong vòng phân nửa đầu tiến của chu kỳ khai nguyên(của 1 hành tinh cũng như của con người),và khi tinh thần thăng lên làm hại cho vật chất trong vòng phân nửa thứ hai của chu kỳ đó . Các nhận xét này chỉ dính dáng tới cõi vật chất ,nhưng tác dụng kềm chế của các sinh hỏa tố đối với cảnh giới thấp nhất của cõi thứ 2 (tức các vi trùng) đã được xác nhận qua sự kiện mà thuyết nêu trên của Pasteur đã đề cập tới . Đó là : khi không kiếm được đủ oxygen ,tế bào của các cơ quan phải tự thích ứng với điều kiện ấy và tạo ra các chất men; nhờ hấp - thụ được oxygen của các chất tiếp xúc với chúng ,các chất men này đã tạo ra sự hủy diệt chúng .Như thế,tiến trình này bắt đầu qua việc 1 tế bào cướp lấy nguồn sinh lực của tế bào lân-cận khi nó không được cung cấp đủ ;thế là sự hủy diệt cứ mãi theo đà đó mà tiến triển.

Những nhà thực nghiệm như Pasteur chính là những người bạn thân thiết và những kẻ trợ giúp tích cực nhất cho những kẻ hủy diệt ,và là những kẻ thù nguy hiểm nhất của các Đấng Sáng Tạo - nếu các Đấng Sáng Tạo cũng không đồng thời là kẻ hủy diệt. Tuy nhiên,có thể là có 1 điều chắc chắn :căn bảncủa Pháp thuật(Magic) chính là việc tri thức về các nguyên -nhân bản sơ này ,và tri thức về bản thể căn cốt của mọi nguyên tố, các sinh hoạt,chức năng ,tính chất và trạng thái biến đổi của chúng . Trong vòng các thế kỷ gần đây của kỷ nguyên Thiên - Chúa ,có lẽ Paracelsus là người duy nhất lẫu thông bí nhiệm này. Nếu kẻ tội phạm không ra tay kết liễu mạng sống của ông

trước khi ông thực sự tới số ,thì ắt khoa Pháp thuật sinh lý (physiological Magic) đã chẳng có đầy đầy các điều bí - nhiệm đối với thế giới văn minh như hiện nay.

(d) Câu nói bí hiểm " Cá,Tội Lỗi và Mặt trăng" trong đoạn này có liên hệ gì với các vi sinh vật đã nói ở trên?Thật ra không có gì ,trừ phi những vi sinh vật này sử dụng cái thể bằng cát bụi của chúng đã chuẩn bị sẵn . Nhưng câu ấy có một liên hệ rất nhiều với con người thiêng liêng toàn thiện, v ì "Cá,Tội lỗi và Mặt trăng" hợp chung lại thành biểu tượng Tam Nguyên của Đấng Siêu phàm bất diệt . Đó là tất cả những gì mà ta có thể trình bày .Tác giả cũng chẳng hề tự cho là mình hiểu biết các biểu tượng kỳ lạ này nhiều hơn mức mà người ta có thể suy diễn được theo các tôn giáo ngoại môn - có lẽ là theo bí nhiệm ẩn đàng sau Hóa thân cá (Matsya) của Vishnu,Oan -nes (Người cá) của dân Chaldea ,được ghi lại nơi cung Hoàng-đạo bất diệt Song ngư xuyên suốt qua hai Kinh Tân và Cựu ước nơi các nhân vật Joshua "con của Nun(Con Cá)" và Jesus; theo "Tội lỗi" ẩn dụ tức là sự sa đọa của Tinh thần vào trong vật chất ; và theo Mặt trăng - chừng nào mà nó còn liên -quan tới các Nguyệt tinh quân.

Hiện thời,thiết tưởng cũng cần nhắc độc giả nhớ là trong mọi kho tàng thần thoại ,nhất là thần thoại Hy Lạp,các Nữ Thần Nguyệt Tinh(Moon-Goddesses) đều có liên hệ với sự sinh sản ,vì Mặt trăng có ảnh hưởng đối với phụ nữ và sự thụ-thai ;thế mà,cho đến nay ,sinh lý học vẫn chẳng biết ắt giáp gì về mối quan hệ huyền bí và có thực của Mặt trăng với sự thụ thai (nó lại còn coi mọi nghi thức dân gian về vấn đề này là 1 điều mê tín dị đoan tồi bại nữa chứ) .Vì cũng chẳng cần bàn tỉ mỉ những điều này nên hiện thời,ta chỉ có thể tạmngừng để lưu ý đến biểu tượng ký nguyệt tinh 1 cách hời hợt ,để chứng tỏ rằng cái điều mê tín vừa nói ấy lại thuộc về cáctín ngưỡng xa xưa nhất ,thậm chí cả Do thái giáo (nền tảng của Thiên Chúa giáo) nữa. Đối với người Do thái,Jehovah có chức năng chính là sinh con đẻ cái ,khi được thuyết minh theo Do-Thái bí giáo ,nội môn bí giáo của Thánh Kinh chắc chắn là đã chứng tỏ rằng Mật điện trong Thánh điện chỉ là biểu tượng của tử cung (the Holy of Holies in the Temple was simply the symbol of the womb). Nay điều này đã được chứng tỏ 1 cách không thể nghi ngờ và chỉ trích được bằng cách dùng các con số để thuyết minh Thánh Kinh nói chung và Sáng Thế Ký nói riêng.

Chắc chắn là người Do thái đã vay mượn ý niệm này của dân Ai cập và Ấn Độ ; người Ai cập dùng Phòng Thánh Vương(King's Chamber)trong Đại Kim tự tháp (1) để tượng trưng cho Mật - điện của người Do thái ,còn người Ấn độ lại tượng trưng n ó bằng các biểu tượng âm hộ(Yoni symbol) của ấn độ giáo ngoại môn.

(1) [Xem quyển "Nguồn gốc các Kích thước"]

Để cho vấn đề được rõ rệt hơn và đồng thời để chứng tỏ sự dị biệt lớn lao theo tinh thần của sự thuyết minh ý nghĩa nguyên thủy của các biểu tượng như nhau giữa các huyền bí gia Đông phương thời xưa và các nhà Do Thái bí giáo,chúng tôi đề-nghị quí độc giả nên tham khảo tiết bàn về "Mật Điện"("The Holy of Holies") trong quyển 4.

Tục thờ cúng sinh thực khí chỉ bành trướng khi người ta đã làm mất các chìa khóa để giải chân ý nghĩa của các biểu tượng .Đó chính là sự lệch lạc cuối cùng và tai hại nhấtkhiến người ta rời khỏi chánh đạo tràn đầy chân lý và minh triết th thiêng liêng để đi vào tả đạo đầy hư ảo ,được xây dựng thành giáo điều do lòng người còn ưa trá ngụy và nấu nung tham - vọng giáo phẩm.

> 6- Từ kẻ sinh ra đầu tiên (Con người sơ khai), sợi dây giữa Đấng Giám sát (Silent Watcher) và cái bóng của Ngài trở nên chắc mạnh hơn và chói rạng với mỗi sự đổi thay (kiếp tái sinh)(x). Ánh - sáng bình minh đã đổi thành ánh huy hoàng giữa trưa....

Câu "sợi dây giữa Đấng Giám Sát yên lặng và Cái Bóng (Con người) trở nên chắc mạnh hơn với mỗi kiếp tái sinh", là 1 điều bí hiểm tâm lý khác nữa,sẽ được giải thích trong quyển II.Đấng Giám Sát và những cái bóng (bao nhiêu bóng là bấy nhiêu kiếp tái sinh của Chơn thần) chỉ là 1. Đấng Giám Sát hay Kiểu Mẫu Thiêng Liêng (Divine Prototype) vẫn ở nấc tột điểm của thang tiến hóa ,còn cái Bóng ở nấc thấp hơn .Và lại, trừ trường hợp mà sự sa đọa tinh thần cắt đứt sự liên quan mật-thiết ,làm cho con người bị chói với và"lạc loài vào nẻo âm - đạo" ("astray into the Lunar Path") - nói theo danh-từ huyền-môn —điểm Chơn thần của mỗi sinh vật là 1 vị Thiên Định Đế-Quân biệt lập,khác hẳn những vị khác , 1 cá tính tâm linh độc đáo trong 1 chu kỳ sáng tạo đặc biệt .Linh hồn hay Tiểu ã

Ngã (Atman) của vị ấy lẽ tất nhiên hợp nhất với Đại Ngã (Para matma) hay Đại Hồn của vũ trụ ,nhưng còn cái thể bọc ở ngoài của nó ,tức Buddhi (Tuệ giác thể) ,là 1 phần hay 1 mảnh tinh hoa của vũ trụ. Điều này là bí quyết của sự Toàn thông (ubi - quity,tức là quyền năng hiện diện ở khắp mọi nơi trong vũ-trụ đã giải thích ở những trang trước đây . Thánh Kinh Thiên Chúa giáo nói :"Cha của Tôi ở trên Trời và tôi chỉ là một "(1).Câu này dầu sao cũng là phản ánh trung thực của giáo lý huyền môn.

(1) [Xem Thánh thư John ,x, 30]

7- Ngọn lửa nói với Đốm Lửa : "Đây là Bánh Xe hiện - tại của người. Người là ta ,là hình ảnh và bóng của ta . Ta dùng người làm cái vỏ bọc ngoài ,và người là cái thể của ta cho đến ngày giải thoát ,khi người lại trở thành ta và những kẻ khác ,và lại trở thành chính người và ta "(a). Chừng đó,những Đấng Tạo- Tác khi đã khoác lớp áo đầu tiên ,giáng xuống Địa - cầu chói rạng ,và ngự trị loài và họ chính là họ (b).

(a) Ngày mà"Đốm lửa lại trở thành ngọn lửa(con người hợp nhất với vị Dhyan Chohan) rồi lại trở thành ta và kẻ khác , người và ta" ,câu này có nghĩa là :"Trên cõi Đại Niết Bàn,khi chu kỳ hủy diệt Pralaya đã làm cho những thể vật chất và tinh thần ,thậm chí các Chơn ngã tâm linh tan biến trở lại nguyên khí căn bản của buổi sơ khai,thì nhân loại của dĩ vãng, hiện- tại và tương lai cũng như tất cả vạn vật đều sẽ hợp nhất làm một . Chừng đó,tất cả đều sẽ tái nhập vào Đại Khí vận .Nói cách khác,tất cả vạn vật đều sẽ hợp nhất và qui nguyên với Đại Ngã (Brahman) hay hợp nhất với Thượng Đế.

Phải chăng đó là tịch diệt(annihilation) như có người vẫn tưởng ? Hay phải chăng đó là cõi Hư vô, Vô thần,theoquan niệm phản triết học của những người thờ phụng 1 Đấng Thượng - Đế hữu thể ,cá biệt và tin tưởng nơi 1 cõi Thiên Đàng đời đời ? Cả hai đều không cái nào đúng .Thật không ích gì m à tranh luận trở lại về quan niệm cho rằng trạng thái tâm-linh thuần chân vô ngã ,cao khiết nhất vốn hàm súc một tính cách vô thần .Quan niệm rằng Niết Bàn là tịch diệt chẳng khác nào nói rằng người đắm chìm trong giấc ngủ say không mơ ,cũng bị tịch diệt (giấc ngủ say không mơ là giấc ngủ không ghi ấn - tượng trên ký ức và bộ óc thể chất vì Chơn ngã của đương - sự

ở vào trạng thái nguyên thủy của tâm thức tuyệt đối .Thí dụ này chỉ giải đáp có một khía cạnh của vấn đề ,tức khía cạnh vật chất mà thôi,bởi vì sự tái nhập hay "tái hợp" nói trên không phải là k 1 giấc ngủ không mơ mà trái lại là 1 sự Tự Tại Tuyệt Đối(Absolute Existence) ,1 trạng thái hợp nhất kỳ diệu mà ngôn ngữ trần gian không làm sao diễn tả nổi .Phương pháp duy nhất để có 1 quan niệm đại khái về sự tái hợp này chỉ có thể được thực hiện bằng cái nhìn bao quát của linh hồn trong cơn đại định ,xuyên qua những chân niệm(ideations) tâm linh của Chơn thần thiêng liêng . Trong sự "tái hợp" đó, Chơn ngã hay chí đến cái Tinh hoa của phàm ngã nếu có còn sót lại, cũng không hề mất đi đâu , vì tất cả đều tái hợp với Đại Ngã thiêng liêng .Đó là vì trạng thái vô vi tịch tĩnh của ĐạiNiết Bàn ,dầu rằng vô giới hạn theo quan điểm của người trần - tục, vẫn là hữu hạn trong thời gian vô cùng .Khi đã đạt tới Đại - Niết Bàn ,điểm Chơn thần sẽ lại tái xuất ra khỏi trạng thái đó trong cương vị 1 Đấng cao cả hơn nữa ,trên 1 cảnh giới còncao siêu hơn nữa ,để lại bắt đầu 1 chu kỳ tiến hóa siêu đẳng cho đến mức toàn thiện . Trong giai đoạn tiến hóa tạm thời ,trí - tuệ con người không thể nào đạt tới tầm mức tư tưởng trên cõi giới đó ,mà dừng lại ở đây ,trên bờ vực thẳm của Vô cực Tuyệt đối bất khả tư nghị .

(b) Những "Đấng Giám Sát"('Watchers") cai quản loài người trong xuốt thời đại Satya Yuga,và những tiểu thời đại kế tiếp ,chí đến lúc bắt đầu giống dân 3 ,sau đó là những vị tộc trưởng;lãnh tụ,thần linh dần xuống đến vua Menes và các vị quốc vương của các nước khác. Tất cả đều được ghi lại cẩn-thận . Xét theo quan điểm của các nhà biểu tượng học , thời - đại thần thoại này dĩ nhiên chỉ được coi như là 1 câu chuyện thần tiên. Tuy nhiên, vì trong các niên sử của mọi quốc gia đều có các truyền thuyết (thậm chí cả các niên sử nữa) về các triều đại Thánh vương đó ,về chư thần linh cai trị con người tiếp theo sau là các triều đại các vị Anh Hùng hay các vị Khổng Lồ ,nên không hiểu tại làm sao mà mọi dân tộc đang tồn-tại —1 số dân tộc bị ngăn cách với nhau bởi những đại- dương mênh mông và thuộc về các bán cầu khác nhau ,chẳng hạn như người Peru và Mễ Tây cơ thời xưa,cũng như là dân Chaldea — lại có thể tạo ra các"chuyện thần tiên" giống nhau theo cùng 1 trình tự diễn biến (1).

(1) ∠ Chẳng hạn như xem "Các Bí Pháp thiêng liêng trong đám người Mâyâs và Quiches"("Sacred Mysteries among the Mayas

and the Quiches")(cách đây 11 500 năm) của Augustus le Plon - geon ,ông chứng minh rằng các nghi lễ và tín ngưỡng của dân Ai cập cũng giống hệt như các nghi lễ và tín ngưỡng của các dân tộc mà ông mô tả .Các mẫu-tự tượng hình(hieratic alphabets) cổ truyền của người Maya và người Ai cập cũng y hệt nhau 7

Tuy nhiên,vì Giáo Lý Bí Truyền dạy về lịch sử - mặc dù có tính cách truyền thuyết và nội môn,song lịch sử này vẫn còn đáng tin cậy hơn lịch sử phàm tục —nên chúng ta có quyền tin tưởng chẳng kém gì bất cứ kẻ nào khác ,dù là có theo một tôn giáo nào hay theo chủ nghĩa hoài nghi. Giáo Lý Bí Truyền cũng dạy rằng các Đấng Dhyanis Buddhas thuộc 2 đẳng cấp cao nhất ,mệnh danh là "Những Vị Giám Sát" hay "Kiến Tạo" ,đemđến cho nhiều giống dân khác nhau những vị Thánh vương và lãnh-tụ của họ ,chính những lãnh tụ hay tù trưởng này đã dạy cho nhân loại biết các ngành nghệ thuật,khoa học và các vị Thánh Vương đã tiết lộ cho họ những chân lý chánh đại thuộc về thế giới tâm linh .

Như đoạn kinh đã nói,các vị Giám sát"giáng trần và ngự trị loài người,họ chính là họ ". Những ông vua trị vì trong dân gian thời cổ đã hoàn tất chu kỳ tiến hóa của họ trên Địa cầu và trên những bầu thế giới khác trong những cuộc tuầnhoàn trước . Trong những chu kỳ sáng tạo tương lai,các vị ấy sẽ tiến lên những hành tinh hệ cao hơn dãy hành tinh hiện -tại của chúng ta . Và chừng đó,những thành phần ưu tú của nhân - loại ;tức những người tiên phong trên con đường tiến hóa khó khăn cực nhọc ,sẽ thay thế cho những vị tiền bối . Trong chu kỳ sáng tạo tới đây,những người của chu kỳ hiện tại sẽ trở nên những nhà hướng dẫn và lãnh đạo của cộng đồng nhân loại tương lai mà Chơn thần trong giai đoạn này vẫn còn bị giam- hãm 1 cách bán ý thức trong những loài động vật thông minh nhất ,và những nguyên khí thấp của chúng có lẽ còn đang làm sinh động những đơn vị tiến hóa nhất trong loài thảo mộc.(1)

(1) 7 Xem "Các chú thích bổ sung",trang 341 7

Đó là diễn trình của những chu kỳ tiến hóa theo qui mô x con số 7 bao gồm cả 7 loại tính chất trong con người ;tính - chất tâm linh hay thiêng liêng (spiritual or divine);thần -bí hay bán thiêng liêng(psychic or semi-divine) ;tính chất trí - tuệ (the intellectual) ; đam mê, lệ thuộc bản năng(the instin -ctual) hay nhận thức(cognitional) ; bán thể chất và thuần thể chất . Tất cả những tính chất này đều tiến hóa từng chu- kỳ đi từ loại này sang loại khác ,theo 1 chiều song đôi ,ly-

tấm và hướng tâm ,gồm tất cả 7 khía cạnh ,nhưng tựu trung,cái tinh hoa rốt ráo vẫn là 1 .Tính chất thấp kém nhất,lẽ tất nhiên là cái tùy thuộc vào 5 giác quan con người (thật ratheo các Áo Nghĩa thư xưa nhất,có tới 7 giác quan , ta sẽ trình bày điều này sau).Đời sống hữu thức của con người ,loài vật và cây cỏ ,từ trước đến nay vẫn là tiểu thiên địa ,phản ánh một đại vũ trụ còn lớn hơn. Theo cùng nguyên lý đó,vũ trụ cũngbiểu lộ từng chu kỳ ,vì mục đích tiến hóa của vô số chúng sinhcùng hấp thụ sinh khí của Sự Sống Duy Nhất . Xuyên qua trào lưu diễn biến không ngừng ,mỗi nguyên tử trong vũ trụ vô biên , tiến hóa từ trạng thái vô sắc tướng đến trạng thái vật chất hoàn toàn biểu lộ rồi lại quay trở về ,vượt lên từng giaiđoạn với mỗi chu kỳ mới để ngày càng tiến gần đến gần mục đích rốt ráo cùng tột ,để cho mỗi nguyên tử ,qua những cố gắng công - phu cá biệt ,có thể đạt tới cõi giới siêu thức và hợp nhấtlàm 1 với Đại Ngã Duy Nhất .Những diễn trình hành hướng lâu -dài đó phải đi qua 1 con đường đầy chông gai khổ nhọc. Con đường đó thoạt tiến đi xuống ,rồi lại lượn ngoằn ngoèo

... trục chỉ lên đỉnh.
Đúng vậy , tiến đến cùng (1)

(1) [Christina Rossetti]

Sau khi đã khởi sự cuộc hành trình dài vô nhiễm , ngày càng lún sâu vào vũng bùn vật chất đầy tội lỗi,sau khi đãgắn liền mình với mọi nguyên tử trong không gian biểu lộ, đ ã phấn đấu qua mọi chúng sinh và chịu đau khổ trong đó ,hành-giả cũng chỉ mới ở đáy của vực thẳm vật chất và đi được nửa đoạn đường ,1 khi y đã đồng nhất hóa mình với tập thể nhân - loại . Y đã thực hiện điều này theo hình ảnh riêng của mình . Để tiến đến chỗ phản bổn hoàn nguyên,"Thượng Đế" nay phải l-ạch leo lên đỉnh Golgotha trần đầy sự sống .Đó chính là Đấng tồn tại hữu thức đang tự vì đạo . Cũng như Visvakarman (Đấng Tạo Hóa),Ngài phải hiến mình cho bản thân để cứu chuộc tất cả chúng sinh ,để làm cho đa nguyên phục sinh thành ra Sự -Sống Duy Nhất .Thế rồi,Ngài lại lên Thiên đàng thực sự ;trên đó Ngài mặc sức vẫy vùng trong khi đắm chìm vào trạng thái Chí-Phúc ,tồn tại tuyệt đối ,bất khả tư nghị của cõi Đại Niết Bàn. Cũng từ cõi trời đó,Ngài sẽ tái lai vào kỳ "giáng lâm"sắp tới ,đó chính là cái mà 1 phần nhân loại mong đợi (theo lối chắp-nối văn tự) là "Chúa Phục lâm" ,còn những người khác lại mong đợi là "Bạch Mã kỵ sĩ hóa thân lần chót".

TỔNG - KẾT

(SUMMING UP)

Lịch sử sáng tạo và lịch sử của thế giới này ,từ lúc khởi thủy mãi cho đến hiệnnay ,gồm có cả thảy 7 chương.Chương thứ 7 vẫn chưa được viết ra . T.Subba Row (Tạp chí "Thông -Thiên học giả" ,1881).

Ta đã thử trình bày chương đầu tiên ,và nay nó đã kết thúc.Mặc dù chỉ là 1 bản thuyết trình bất toàn và kém cỏi, dù sao, nó cũng vẫn gần giống - dùng từ ngữ này theo nghĩa toán học — như là cơ sở cổ nhất của mọi vũ trụ khởi nguyên - luận tiếp sau. Thật là "bạo hổ bằng hà" khi thử dùng 1 ngôn-ngữ Tây phương để diễn đạt toàn cảnh về Thiên luật cổ tái - diễn tuần hoàn ,tác động lên trí óc dễ uốn nắn của những giống dân đầu tiên có tâm thức ,do những giống dân vốn phản ánh Tâm thức của Toàn linh trí . Đó là vì trừ tiếng Bắc phạn —vốn là ngôn ngữ của Chủ Thiên ra —không 1 ngôn ngữ nào của loài người có thể thành đạt được mục tiêu đó 1 cách thỏa đáng . Nhưng vì tác phẩm này có động cơ thúc đẩy chính đáng nên ta phải miễn thứ cho những khuyết điểm của nó.

Nhìn chung,ta không thể thấy toàn bộ phần trên cũng như phần tiếp theo ở bất cứ nơi đâu .Nó không hề được giảng dạy trong bất kỳ trường phái nào của 6 trường phái triết -học Ấn độ ,vì nó thuộc về trường phái thứ 7 tổng hợp chúng lại,đó là huyền bí học . Người ta cũng không hề truy nguyên được nó trên bất kỳ mẩu giấy chỉ thảo nào của Ai cập,nó cũng chẳngcòn được ghi khắc trên miếng ngói hoặc bức tường bằng đá hoacủng của Assyria nữa. Các Thánh thư của phái Phệ đàn đà —tri thức rốt ráo của nhân loại — bất quá chỉ trình bày khía cạnh siêu hình của vũ trụ khởi nguyên luận này . Còn kho tàng vô giá của chúng ,bộ Áo Nghĩa thư (Upanishad) - Upa -ni-shad là 1 kết hợp từ ,có nghĩa là "khắc phục được vô minh bằng cách tiết lộ minh triết thiêng liêng ,bí nhiệm " — nay đòi hỏi phải có thêm 1 cjìa khóa chính ,khiến cho môn sinh có thể lĩnh hội được ý nghĩa rốt ráo của chúng . Ở đây,tôi xin đánh bạo trình bày lý do của điều ấy theo lời chỉ giáo của 1 Chân sư.

Upanishad thường được dịch là "nội môn bí giáo"("esoteric doctrine") .Các bộ đại luận này là 1 phần của Shruti , tức Minh triết "thiên khải" và thường gắn liền với phẩm(por-

tion) Brâmana của kinh Phệ đà ,coi như là phần thứ ba của nó (1) .

(1) [.... Kinh Phệ đà có 2 ý nghĩa riêng biệt — 1 ý - nghĩa được diễn tả bằng nghĩa Svara (âm điệu :intonation) , vốn là ... sức sống của Kinh này ... Các học giả của Ấn độ và các nhà ngữ học dĩ nhiên sẽ bác bỏ là svara chẳng có gì đính dáng đến triết học hoặc nội môn gí giáo cổ truyền ,nhưng quan hệ bí nhiệm giữa svara và ánh sáng là 1 trong những điều bí mật thâm sâu nhất của nó . T.Subba Row, "Năm năm Thông Thiên học" trang 154 ,ấn bản 1885]

Các Đông phương học giả đã liệt kê ra 150 Áo NghĩaThư ,họ tin rằng bản kinh xưa nhất có lẽ đã được viết ra vào lối năm 600 trước TC. ,nhưng số kinh điển chân chính không cótới 1/5 của con số nêu trên .Áo Nghĩa Thư đối với kinh Phệ đà cũng chẳng khác nào Kinh Kabalah đối với Thánh Kinh Do Thái. Chúng giải thích và bàn về ý nghĩa bí nhiệm của Kinh phệ đà. Chúng bàn về nguồn gốc của vũ trụ ,bản chất của Thượng Đế ,Tk Tinh thần và Linh hồn ,cũng như là quan hệ siêu hình của Trí-tuệ với vật chất . Tóm lại, chúng bao hàm toàn bộ tri thức của nhân loại từ đầu tới cuối ,nhưng từ ngày Đức Phật giáng-lâm trở đi ,chúng không còn tiết lộ kho tàng tri thức ấy nữa. Bằng không ,người ta đâu có thể bảo Áo Nghĩa Thư là bí truyền được ,vì nay,chúng đã công khai gắn liền với các Thánh thư Bà la môn ,thế mà hiện nay ,ngay cả bọn cùng đinh (1) và các nhà Đông phương học Âu Mỹ cũng mó được tới Thánh thư này .

(1) [Nghĩa đen là 1 người ngoại quốc , 1 người không thuộc giòng giống Aryan]

Trong mọi Áo Nghĩa thư đều luôn luôn có 1 điều biểu thị nguồn gốc xa xưa của chúng và chứng tỏ rằng

a) Có 1 vài phần được viết ra trước khi hệ thống giai - cấp biến thành 1 định chế độc đoán như hiện nay;

b) Nội dung của chúng đã bị loại bỏ mất 1 nửa ,còn 1 vài phần đã được viết lại và tóm tắt .

" Người ta cứ liên tục trình bày các bậc Đại Đạo sư về minh triết thượng thừa và người Bà la môn đến bệ kiến Thánh-vương thuộc giai cấp quân nhân để xin làm đệ tử ". Giáo sư Co -well đã nhận xét 1 cách thích đáng rằng Áo Nghĩa Thư "đã toát ra 1 tinh thần khác hẳn (các tác phẩm Bà la môn giáo khác) , 1 tư tưởng phóng khoáng không hề có trong bất kỳ tác

phẩm cổ truyền nào khác ,ngoại trừ trong chính các bài Thánh-ca của Kinh Rig Veda". Một truyền thuyết còn được ghi lại nơi một trong các bản thảo viết về cuộc đời của Đức Phật đã giải-thích được sự kiện thứ nhì . Nó cho rằng Áo Nghĩa Thư có 1 nguồn gốc gắn liền với kinh Brahmanas sau khi 1 cuộc cải cách đã bắt đầu .Cuộc cải cách ấy đã đưa tới hệ thống giai cấp độc quyền Bà la môn hiện nay,chỉ 1 vài thế kỷ sau khi giai cấp được "cải tử hoàn sinh" đã xâm nhập vào Ấn độ .Ngay từ thời đó ,chúng đã hoàn chỉnh rồi và được dùng để dạy các đệ - tử đang ~~được điểm đạo~~ chuẩn bị được điểm đạo.

Điều này vẫn còn tồn tại chừng nào mà Kinh Vedas và Kinh Brahmanas vẫn còn do giai cấp Bà la môn thánh thiện độc-quyền nắm giữ ,khi ngoài giai cấp thánh thiện ấy ra ,không 1 ai khác có quyền nghiên cứu hoặc thậm chí đọc chúng nữa .Rồi tới Đức Cồ Đàm (Gautama) ,vị Thái Tử ở Ca-tỳ-la-vệ. Sau khi đã học được ~~minh triết của~~ toàn bộ minh triết của Bà la môn giáo trong kinh Rahasya hay Áo Nghĩa thư ,và thấy rằng các giáo lý đó chẳng khác bao nhiêu (nếu không muốn nói là chẳng khác chút nào) với giáo lý của các bậc Đạo sư ẩn cư nơi dãy Hy mã lạp sơn quanh năm tuyết phủ (1) ,phần nộ khi thấy minh triết thiêng liêng bị giai cấp Bà la môn độc quyền chiếm giữ, các môn đồ của giai cấp Bà la môn ấy liền quyết định truyền - bá nó để cứu nhân độ thế.

(1) [Tài liệu của Trung Quốc còn gọi các Ngài là "Các Con của Minh triết" , "Con của sương lửa" và "Huynh đệ của Mặt trời". Trong các bản thảo ở thư viện thiêng liêng của tỉnh Phúc Kiến ,người ta có bảo rằng Si-dzang (ở Tây Tạng)là trung tâm của huyền bí học từ hàng bao nhiêu thời đại trước khi Đức Phật giáng sinh . Nghe nói Vũ Đế(Emperor Yu) (2207 trước TC.) 1 thần bí gia mộ đạo và 1 bậc Đại thánh ,đã thụ-giáo với các bậc "Đại Đạo sư Tuyết Sơn ở Si-dzang]

Bấy giờ khi thấy rằng minh triết thiêng liêng huyền bí của mình đã lọt vào tay bọn ngoại đạo ,giai cấp Bà la môn bèn rút ngắn kinh điểm Áo Nghĩa thư lại ,song không hề sửa đổi 1 chữ nào của kinh điểm (thoạt đầu,Áo Nghĩa thư bao hàm tới gấp ~~xxxxx~~ 3 lần các đề tài trong Kinh Phệ đà và kinh Brahmanas gộp lại). Họ chỉ rút ra khỏi bản thảo các phần quan trọng nhất bao hàm tri thức rốt ráo về bí nhiệm của Hiện Tồn . Từ đó,chỉ các điểm đạo đồ mới có được chìa khóa để giải bộ mật mã bí - hiểm của Bà la môn giáo ,thế là người Bà la môn bèn giữ lập -

trường công khai chối bỏ tính đúng đắn của giáo lý của Đức Phật bằng cách cầu cứu tới bộ Áo Nghĩa thư ,đã im hơi lặng tiếng mãi mãi về những câu hỏi chủ yếu . Đó là truyền thuyết nội môn phía bên kia rặng Hy mã lạp sơn.

Shri Shankaracharya ,điểm đạo đồ cao cả nhất trongthời hữu sử , đãa viết nhiều giảng lý Áo Nghĩa thư . Nhưng có nhiều lý do để giả sử rằng các bộ Đại luận nguyên bản của Ngài chưa hề lọt vào tay bọn người Philistine,vì chúng đã được bo bo giữ kín trong các đạo viện của Ngài . Ngoài ra,còn có các lý do vững chắc hơn khiến ta tin tưởng rằng các giảng lý vô-giá bàn về nội môn bí giáo Bà la môn của các minh sư cao cả nhất trong bao thời đại vẫn là 1 vấn đề bí hiểm đối với hầu hết những người Ấn độ ,ngoại trừ nhóm người Bà la môn Smarta. Giáo phái này - do Shankaracharya lập nên, vẫn còn có nhiều thế lực ở Nam Ấn - nay hầu như là giáo phái duy nhất đào tạo ra những môn sinh còn duy trì được đủ tri thức để hiểu được các giảng lý 1 cách rốt ráo . Theo chỗ tôi biết,,lý do là vì họ là những người duy nhất đôi khi được các bậc điểm đạo đồ thực thụ lãnh đạo trong các Đạo viện ,chẳng hạn như ở Shringa -giri ,nơi rặng núi Tây Ghâts ở bang Mysore . Mặt khác,trong giai cấp Bà la môn kiêu kỳ ấy ,không có giáo phái nào "kínchổng cao tường"hơn nhóm smarta. Các tín đồ của phái ấy càng kiêu ngạo vì học rộng bao nhiêu thì lại càng thủ khẩu như bình bấy nhiêu trước những gì mà họ có thể biết về huyền bí học và Nội môn bí giáo.

Do đó,khi phát biểu như trên,tác giả cần chuẩn bị cho tinh thần để đối phó với sự chống đối kịch liệt ,thậm chí với cả sự bác bỏ hoàn toàn các phát biểu được nêu ra trong tác phẩm này nữa . Tác giả cũng chẳng bao giờ vỗ ngực khoe rằng tất cả những gì mình viết ra đều không thể sai lầm và hoàn toàn chính xác đến từng tiểu tiết 1 . Vì đó là các sự - kiện nên dễ gì mà chối bỏ được chúng. Tuy nhiên,vì bản thân các đề tài được bàn tới thật là khó hiểu và vì Anh ngữ cũng như toàn thể các ngôn ngữ Tây phương khác đều có các hạn chế hầu như không thể khắc phục được khi muốn diễn đạt một vài ý-tưởng ,nên rất có thể là tác giả đã không trình bày được các điều giải thích dưới 1 dạng minh bạch nhất và tối ưu. Thế nhưng ,bất chấp mọi nghịch cảnh ,tác giả đã phấn đấu làm hết sức mình ,đến mức tối đa mà người ta có thể mong đợi được nơi bất kỳ bút giả nào.

Bây giờ,chúng tôi xin tóm lược những gì đã nói ở đoạn trên ,để cho thấy rằng vì tính cách vĩ đại bao la của vấn -đề được trình bày ,thật là 1 việc khó khăn biết bao nhiêu (nếu không muòn nói là không thể thực hiện được) để giải bày tất cả mọi lẽ cho tường tận.

(1) Giáo Lý Bí Truyền là nền minh triết được tàng- trữ trải qua nhiều thế hệ ,nó đưa ra 1 khoa học khảo sát về Vũ- trụ vô cùng độc đáo và đồi dào phong phú ,ngay cả khi ẩn khuất trong ngoại môn hiển giáo của Kinh Puranas .Những cái quyền - năng bí ẩn của khoa biểu tượng Huyền môn còn mầu nhiệm đến nỗi những sự kiện huyền bí mà bao nhiêu thế hệ các đạo gia và các nhà huyền học hiện tại đã dày công nghiên cứu ,sưu tầm , sắp đặt và nghiên cứu giải thích ,tất cả đều được ghi lại chỉ trên vài trang giấy với những dấu hiệu hình học và phù hiệu bí mật ... Cái nhìn sắc sảo của các nhà linh thị(seers)này đã thấu nhập vào tận lõi tủy của vật chất ,và ghi lại được linh- hồn của vạn vật ở đó ,trong khi 1 quan sát viên phàm phu tục tử ,dù kiến văn có quảng bác đến đâu đi chăng nữa ,cũng chỉ tri giác được hình hài sắc tướng bên ngoài . Những khoa -học hiện đại đâu có tin tưởng vào"linh hồn của vạn vật" ,và vì thế sẽ bác bỏ toàn bộ hệ thống vũ trụ khởi nguyên luận cổ truyền. Tưởng không cần phải nói rằng ,phương pháp ghi chép bằng các hình biểu tượng này ,không phải do óc tưởng tượng của 1 vài cá nhân riêng rẽ nào phát sinh ra. Nó là 1 phương pháp tàng- trữ liên tục trải qua hàng ngàn thế hệ đạo gia huyền - môn chân chánh ,các vị này đã dùng những giác quan siêu phàm làm những cuộc thí nghiệm để truyền từ giống dân này qua giống - dân khác ,và từ buổi sơ khai đã được truyền thụ cho họ bởi những Đấng Cao Cả Thiêng Liêng có sứ mạng trông nom dìu - dắt nhân loại còn ấu trĩ .Trải qua nhiều thế hệ,những bậc Thánh - nhân hiền triết của giống dân 5 trong số những người được bảo vệ an toàn và cứu thoát khỏi thiên tai cuối cùng làm rung - chuyển lục địa ,đã dùng suốt cuộc đời họ để học hỏi chớ không đi truyền giáo . Họ làm vậy bằng cách nào ? Đó là bằng cách phối kiểm ,chiêm nghiệm,thử thách trở đi trở lại nhiều lần các truyền thống đạo lý cổ xưa được lưu truyền trong dân gian do những khám phá riêng rẽ bằng linh thị hay nhãn quang thần - thông của các Chân Sư cao cả ,tức là những bậc đã phát triển và hoàn thiện những cơ cấu thể chất ,trí tuệ,tinh thần và tâm linh đến mức độ tột điểm . Không 1 sự kiện khám phá nào bằng

linh thị của 1 vị Chân sư được chấp nhận trừ phi nó được phối kiểm chặt chẽ và xác nhận bởi những điều khám phá bằng nhãn-quan thần thông của những vị Chân sư khác ,và bởi nhiều cuộc thí nghiệm của các nhà huyền học và Đạo gia trải qua nhiều thế kỷ .

(2) Định luật căn bản của hệ thống nêu trên ,điểm cốt yếu phát sinh ra mọi vật đều từ đó mà có và rốt cuộc lại trở về đó ,nguồn cảm hứng của mọi hệ thống triết học và tư-tưởng, chính là cái Đại thể ,nguyên lý Tối cao Thiêng liêng Duy - Nhất ,cái Nguyên Nhân cùng tột của vạn vật(One Radical Cause).

. . . . Một vài người có điểm linh quang sáng rực hơn đã được dẫn dắt từ nguyên nhân này đến nguyên nhân khác ,mãi mãi tới tận cội nguồn bí nhiệm của thiên nhiên.

Gọi là "Đại Thể Nguyên Lý"("Substance Principle"), bởi vì nó trở nên Đại thể trên cõi vũ trụ biểu lộ , 1 ảo giác hay ảo ảnh ,tuy nó vẫn là 1 nguyên lý trong không gian trừu tượng ,hữu hình và vô hình ,vô thủy,vô chung. Nó là Chân Như thực - tại(Reality) ,hiện diện khắp nơi,vô ngã vô tướng bởi vì nóbao gồm và chứa đựng tất cả vạn hữu .Tính chất vô ngã của nó vốn là quan niệm căn bản của cả hệ thống . Nó vốn tiềm ẩn trong mỗi nguyên tử của vũ trụ và nó chính là vũ trụ vậy (1).

(1) [Xem quyển 2,tiết 3 "Chất liệu nguyên thủy và Tư-Tưởng Thiêng liêng]

(3) Vũ trụ là sự biểu lộ từng chu kỳ của Bản Thể Tuyệt Đối (Absolute Essence) nói trên. Song le,gọi nó là "Bản thể" ("Essence") thì thật đúng là mắc tội phản lại chính Tinh thần của triết học . Đó là vì mặc dù trong trường hợp này ,danh từ nêu trên có thể là 1 chuyển hóa từ của động từ esse ("tồn - tại" :to be) ,nhưng người ta không thể đồng nhất hóa nó với 1 "thực thể"("being") thuộc bất cứ loại nào mà trí người có thể quan niệm được . Sự diễn tả hay nhất của nó là nó không phải Tinh thần ,cũng không phải vật chất ,mà là cả hai ."Parabrah-man" và"Mulaprakriti"thật ra là một ,nhưng lại là 2 trongquan niệm vũ trụ biểu lộ ,ngay cả theo quan niệm của Thiên Đạo Duy Nhất(One Logos) ,"Biểu lộ" đầu tiên của nó. Trong "Giảng-lý Chí Tôn Ca",vị diễn giả đại tài đã chứng tỏ rằng nó xuất-lộ (theo quan điểm ngoại cảnh) như là Hỗn nguyên khí (Mulapra kriti) chớ không phải là Thái Cực Thượng Đế(Parabrahman); nó xuất lộ như là bức màn che ,chứ không phải là Thực tại duy -

nhất ẩn đàng sau vốn thênh thang , tuyệt đối.

(4) Vũ trụ cùng với vạn vật trong đó được gọi là ảo ảnh (Maya) ,bởi vì trong đó tất cả đều là hư giả ,từ cuộc sống ngắn ngủi của con thiêu thân đến kiếp sống của vầng thái dương. So với Nhất nguyên thường trụ ,vũ trụ với các hình hài sắc - tướng phù du , vô thường ,tất nhiên phải không hơn gì 1 bóng ma trời theo quan niệm của 1 triết gia. Tuy nhiên,vũ trụ không có đủ tính chất thực của nó đối với chúng sinh sống trong đó,nhưng chính những chúng sinh này lại là hư cũng như vũ trụ vốn không thực vậy .

(5) Mọi vật trong vũ trụ ,kể tất cả mọi loài ,đều là hữu thức : nghĩa là do tâm thức riêng của từng loài và trên cõi nhận thức riêng của chúng ..Không phải vì ta không nhận-thấy dấu hiệu tâm thức trong 1 tảng đá mà ta có quyền nói rằng khoáng thạch không có tri giác.Không có cái gì gọi là vật chất "chết" hay "vô tri" ,vì trong trời đất không có định - luật vô tri hay vô thức . Những điều này không thể có trong quan-niệm triết học huyền môn . Huyền bí học chẳng bao giờ dừng lại nơi các hình hài sắc tướng bên ngoài ,và đối với nó Bản thể thực tướng (noumenal Essence) có thực hơn các đối phận ở ngoại cảnh ; về phương diện này, nó giống như triết hệ duy-danh thời Trung Cổ ; theo triết hệ này , chính cái phổ hữu (universals) mới là thực tại ,còn các điều đặc thù chỉ tồn - tại trên danh nghĩa và trong sự tưởng tượng của con người.

(6) Vũ trụ tác động và được hướng dẫn từ trong ra ngoài. Thiên địa vạn vật đồng nhất lý . Do đó,con người, một tiểu thiên địa theo qui mô và hình ảnh của vũ trụ ,là nhân - chứng sống của định luật nằm trên phương pháp tác động của nó . Chúng ta thấy rằng mỗi cử động,hành động bên ngoài ,dù cố ý hay vô tâm ,thuộc về cơ thể hay trí não ,đều được tạo ra và gây nên bởi 1 cảm xúc ,ý muốn hay tư tưởng nội tại . Không 1 cử chỉ hay vận động bên ngoài nào của thể xác con người có thể diễn ra trừ phi do sự thúc đẩy bởi 1 động lực nội tại xuất phát ra xuyên qua 1 trong 3 nguyên do kể trên ,thì vũ - trụ biểu lộ ngoại tại cũng vậy .Toàn thể vũ trụ được hướng - dẫn , kiểm soát và sinh động bởi hầu như vô số cấp đẳng các Đấng Cao Cả thiêng liêng . Mỗi cấp đẳng có 1 sứ mạng phải thi hành trong Thiên cơ. Dù chúng ta gán cho các cấp đẳng ấy một danh hiệu nào ,gọi các Ngài là Dhyan Chohans hay Thiên-Thần (Angels) ,các Ngài chỉ là "sứ-giả" ("Messengers") ,trong cái ý

nghĩa là những vị thi hành các định luật của vũ trụ. Các vị đều khác nhau đến vô cùng tận về trình độ tâm thức và trí tuệ. Việc gọi họ là Tinh thần thuần túy ,không pha trộn bất cứ yếu tố phàm tục nào "mà thời gian quen rình rập" ,chỉ tổ khiến cho thiên hạ tưởng tượng mông lung . Đó là vì mỗi vị ấy hoặc đã từng là người ,hoặc chuẩn bị để trở thành người ,nếu không phải trong hiện tại ,thì cũng trong quá khứ ,hoặc trong 1 chu kỳ tương lai . Các vị là những người toàn thiện, vẫn từ trên những cõi cao hơn ,chỉ khác với người phàm ở chỗ các vị hoàn-toàn không có ý thức phàm ngã và tính chất xúc cảm của người trần gian ,là 2 đặc tính thuộc về cõi hạ giới .Đẳng cấp này gồm các vị toàn thiện đã loại bỏ hẳn những đặc tính kể trên , bởi vì :

a) Các vị không còn mang xác phàm bằng xương thịt , là cái gánh nặng trầm trệ của linh hồn , và

b) Vì yếu tố tâm linh thuần túy được tự do ,vô chướng - ngại ,các vị ít bị ảnh hưởng bởi ảo giác như con người ,trừ-phi con người ấy là 1 bậc siêu nhân đã giải thoát và giữ cho 2 cá tính tâm linh và thể chất hoàn toàn cách biệt nhau.

Những đẳng cấp khác nhau chưa hề mang xác phàm ,nên không thể có ý thức phàm ngã hay ích kỷ . Phàm ngã có nghĩa là 1 hạn chế và 1 quan hệ ,hoặc (theo định nghĩa của Colerid -ge) "bản thân chớn ngã nhưng có 1 bản chất dùng làm cơ sở", dĩ nhiên là từ ngữ này không thể áp dụng cho các thực thể phi nhân loại . Tuy nhiên,biết bao nhiêu thế hệ các nhà Linh thị đã nhấn mạnh rằng : không có 1 vị nào ,dù cao hay thấp ,có cá tính hay phàm ngã riêng biệt ,hiểu theo ý nghĩa cá tính của 1 người khi y nói rằng :"Tôi là tôi chứ không là 1 người nào khác". Nói cách khác, các vị ấy không hề có ý thức về sự cách biệt rõ rệt về người với ta như ở cõi trần . Cá-tính(Individuality) là đặc điểm của những đẳng cấp nói chung ,chứ không là của các Ngài nói riêng từng đơn vị một ,những đặc-điểm này chỉ khác nhau tùy theo giai tầng các cõi liên hệ với những đẳng cấp ấy. Càng gần vùng đồng nhất và nhất nguyên thiêng liêng ,chớn ngã nơi đẳng cấp ấy lại càng tinh anh hơn và ít được chú trọng hơn . Các Ngài hữu hạn về mọi mặt ,ngoại trừ các nguyên khí thượng đẳng - các điểm Linh quang(Sparks) bất diệt phản ánh ngọn lửa thiêng liêng vũ trụ ,chỉ bị Biệt-lập Ngã tính và phân cách nơi các cõi hảo huyền chẳng kém gì những thứ khác . Các vị là những"Đấng Sinh Linh" ("Living Ones") ,những dòng sinh khí phóng lên bức màn ảo ảnh của vũ-

trụ từ sự sống tuyệt đối ,những vị mà sự sống không bao giờ tắt nghỉ ,trước khi ngọn lửa vô minh đã tắt nơi những kẻ nào ý thức được những sinh linh đó. Sau khi đã được ra đời dưới tác dụng thúc đẩy của Tia bản lai(uncreated Beam) ,phản - ánh của vầng Đại Nhật Trung ương chiếu diệu trên Bờ Sông SinhHoạt (River of Life) ,chính nguyên khí nội tại nơi các Ngài m ới thuộc về dòng nước Bất diệt ,còn lớp vỏ đã biến phân của nó cũng hữu hoại như thể xác của con người .Do đó ,Young thật là chí lý khi cho rằng :

"Thiên thần (Angels) chính là loài người thuộc 1 cấp cao".. không hơn không kém. Các Ngài không phải là những Thiên thần che chở hay hộ mạng hay "Sứ giả của Đấng Tối Cao" ,cũng không phải là "Sứ Giả của Tai họa" để trút cơn thịnh nộ của một vị Thượng Đế nào lên đầu chúng ta ,do óc tưởng tượng của c o n người tạo ra .Cầu xin sự che chở của các Ngài là làm 1 việc vô lý và dại khờ ,cũng như tin tưởng rằng làm cảm động đến các Ngài bằng những hành động cứu chuộc tội lỗi ,bởi vì ,chínhoác vị ấy cũng như con người ,đều phải chịu sự chi phối và hành- động của định luật Nghiệp Quả và các định luật khác của Vũ - trụ. Lý do thật là hiển nhiên .Vốn có bản thể (essence) không bao hàm yếu tố nào của phàm ngã ,các Ngài không thể có đặc - tính nào của phàm ngã ,chẳng hạn như những tính chất mà con người gán cho vị Thượng Đế nhân hình (anthropomorphic God) của mình trong các tôn giáo ngoại môn - đó là 1 vị thần linh ghen tương và kênh kiệu ,hí hửng chán rồi lại "nổi tam bành", khoái chí khi được cúng tế ,độc đoán huênh hoang hơn bất -kỳ con người điên cuồng hữu hạn nào.

Như sẽ nói trong cuốn 3 và 4 ,con người vốn là sự phối hợp những tinh hoa của tất cả các đẳng cấp Thiên thần nóitrên, cho nên hiểu theo 1 ý nghĩa ,y có thể thành công trong sự công phu tu luyện để tự làm cho mình cao cả hơn bất kỳ một đẳng cấp nào ,hay chí đến tập thể mọi đẳng cấp nói chung.

"Con người không thể mua chuộc hay chỉ huy các vị thiên thần" . Nhưng bằng cách chế ngự phàm ngã và do đó đạt tới sự hiểu biết hoàn toàn về tính cách đồng nhất giữa chơn ngã của mình với Đại ngã tuyệt đối ,con người có thể trở nên siêuphàm ngay khi còn sống ở thế gian.

Như thế,nhờ ăn trái cây minh triết xóa tan vô minh mà con người biến thành giống như 1 trong các Đấng Elohim tức Dhyanis.(Thần Quân). Một khi y đã ở trên cảnh giới của các

Ngài ,Tinh thần Liên đới và Hài hoà toàn bích ,vốn ngự trịnơi mọi đẳng cấp ,ắt phải bao trùm và che chở y trong đủ mọi chi tiết .

Chủ nghĩa duy vật là trở ngại chính ngăn cản không cho các khoa học gia tin tưởng vào các Chơn linh và các tinh linh ngũ hành(nature spirits) .Nhà khảo giáng ma học(Spiritualist) trong khi vẫn tin tưởng 1 cách mù quáng vào "vong linh"("spirits") của người quá cố ,lại cũng gặp 1 trở ngại chính ngăn không cho y tin vào điều nêu trên ,đó là : mọi người -ngoại - trừ 1 vài huyền bí gia và tín đồ Do thái bí giáo — nói chung đều chẳng biết gì cả về bản thể và bản chất của vật chất . Sự tin tưởng hoặc không tin tưởng là "ngoài các vong linh của người chết ,xung quanh ta còn tồn tại các Thực thể hữu - thức khác ,chủ yếu là tùy thuộc vào việc người ta chấp nhận hay bác bỏ thuyết Vạn hữu đều có bản thể căn cốt như nhau. Muốn được tỏ ngộ hơn nữa về vũ trụ khởi nguyên luận huyền bí, muốn có được manh mối chắc chắn duy nhất giúp y có thể tiếp- tục tu học, môn sinh cần phải quán triệt được sự Tiến hóa bản -sở của Tinh Thần ,vật chất và bản thể đích thực của nó.

Nói cho ngay ,như ta vừa nêu ,mỗi Đấng gọi là "Thần - linh"("Spiritx") đều là 1 người đã thoát xác ,hoặc sẽ là một người tương lai . Kể từ vị Đại thiên thần cao cả nhất ,xuống đến vị Tạo Tác thấp nhất (những Thực thể tâm linh thuộc cấp đẳng hạ tầng) tất cả đều xuất phát từ hàng ngũ nhân loại và đều là những "người" đã từng sống hàng bao nhiêu thế hệ trước đây ,trong những chu kỳ sáng tạo trước ,trên bầu thế giới này hay bầu thế giới khác ; cũng y như thế, các Tinh linh ngũhành thuộc các đẳng cấp thấp kém hơn ,không có trí khôn hay chỉ có trí khôn nửa vời ,tất cả đều sẽ trở thành người trong tương - lai .

Chỉ 1 sự kiện duy nhất rằng , Thần linh là một vị có trí thông tuệ ,cũng đủ là 1 bằng chứng cho nhà huyền học tin rằng Đấng ấy đã từng là người ,từng sở đắc được trí khôn và kiến thức trải qua 1 chu kỳ tiến hóa trong hàng ngũ nhânloại.

Trong vũ trụ chỉ có 1 Đại trí tuệ toàn thông ,Tuyệt đối và bất khả phân ,tác động xuyên qua mỗi nguyên tử và mỗi điểm cực tế vi của toàn thể vũ trụ vô biên mà ta gọi không gian , bất luận những gì được chứa đựng trong đó.

Những sự phân hóa đầu tiên của Đại trí tuệ toàn thông

đó khi nó phản ánh trong vũ trụ biểu lộ vốn thuần tâm linh và các sinh linh được cấu tạo trong đó ,không được ban cho 1 tâm thức như ta có thể quan niệm.Chúng không thể có tâm thức hay trí khôn của con người trước khi chúng đã tự cố gắng bằn - thân để hoạch đắc được. Điều này có thể là một bí mật ,song, đó lại là 1 sự kiện trong nội môn bí giáo và cũng là 1 sựkiện rất hiển nhiên.

Toàn thể trật tự cơ cấu trong thiên nhiên chứng minh 1 sự tiến hóa tuần tự hướng về 1 đời sống cao cả siêu việt .Các mãnh lực dường như mù quáng nhất cũng được trù liệu cẩn thận trước khi tác động . Toàn bộ diễn trình tiến hóa với vô số những thích ứng trong cuộc sinh hoạt là 1 bằng chứng hiển - nhiên .Mặc dù thật là tàn nhẫn trong tác động trước mắt,các định luật bất di bất dịch — chúng quét sạch các loài yếu ớt để nhường chỗ cho các loài khỏe mạnh ,và bảo đảm sự sống còn của loài nào thích hợp nhất — đều đang hướng về cứu cánh cao cả ấy . Dự kiện rằng có những sự thích ứng với hoàn cảnh,rằng trong sự tranh đấu để sinh tồn ,những sinh vật khỏa nhất đã sống còn ,chỉ có cái gọi là "thiên nhiên vô thức"("unconscious nature") (1) thật ra là 1 tập hợp những mãnh lực dưới sự điều dụng của những Tinh linh ngũ hành ,với sự dìu dắt hướng - dẫn của những vị Thiền sư hay Tinh Quân (High Planetary Spirits - Dhyan Chohans) .Các vị này hợp chung lại vốn là Diệu Âm biểu lộ (Manifested Verbum) của Thượng Đế Vô vi (không biểu- lộ),đồng thời cũng biểu hiện cái trí thông tuệ và định luật trường cửu bất biến của vũ trụ .

(1) [Đó là vì xét theo nghĩa trừu tượng ,Thiên nhiên chẳng thể nào "vô thức" ,vì nó là phân thân ,và do đó là một trạng thái trên cõi biểu lộ , của tâm thức tuyệt đối .Ai dám chối bỏ việc cây cỏ (thậm chí cả đất đá nữa) đều có một tâm thức riêng của mình ? Y chỉ dám bảo rằng tâm thức này ở ngoài tầm hiểu biết của y]

Nội môn bí giáo dạy ta 3 nét tiêu biểu riêng biệt của vũ trụ với 3 khía cạnh khác nhau : trạng thái Tiền thiên(Pre-Existing),,xuất phát từ trạng thái Hằng Cửu (Ever-Existing) và trạng thái Hiện tượng (Phenomenal) - tức thế giới hảo huyền , là phản ảnh và hình bóng của trạng thái hằng cửu.Trong vòng chu kỳ sinh hoạt vô cùng bí nhiệm và bi tráng mà ta gọi là chu kỳ khai nguyên ,vũ trụ thực tượng (real Kosmos) giống như

đồ vật ở đàng sau tấm màn ảnh trắng tinh mà các hình bóng được chiếu lên trên. Các hình ảnh và sự vật có thực vẫn vô - hình ,trong khi những bàn tay vô hình lại kéo những sợi dây tiến hóa .Như vậy,con người và sự vật chẳng qua chỉ là những phản ảnh trên nền trắng của những thực tại ẩn đàng sau các ảo cạm bẫy của đại hảo huyễn (Mahamaya) . Người Trung Hoa và các hiền triết Hy Lạp đã giảng dạy điều này trong mọi triết-thuyết ,mọi tôn giáo trước cũng như sau khi có trận đại hồng-thủy ở Ấn độ và Chaldea. Ở các xứ nêu trên , ba vũ trụ này được ẩn dụ hóa trong giáo lý ngoại môn thành ra Tam vị nhất-thể (Trinities) ,xuất phát từ mầm mống vĩnh cửu trung ương và cùng với nó tạo ra Nhất Nguyên Tối Thượng : Tam nguyên bản sơ biểu lộ và sáng tạo ; tức là Tam vị nhất thể (the Three in One) .Tam nguyên sáng tạo chẳng qua chỉ là biểu tượng cụ thể của 2 tam nguyên lý tưởng đầu tiên . Do đó Nội môn Bí giáo mới lờ đi tính tất yếu của quan niệm thuần túy siêu hình này và chỉ gọi Tam nguyên đầu tiên là Hằng Cửu .Đó là quan điểm của bất kỳ trường phái nào trong số 6 trường phái triết học lớn ở Ấn Độ (1) — 6 nguyên khí của cái đơn vị minh triết có nguyên khí thứ 7 là Minh triết bí nhiệm.

(1) [Đó là trường phái Nyaga(luận lý),Vaisheshika , Sankhya (Số luận), Yoga,Mimamsa (Di mạn tát) và Vedanta]

Tác giả hy vọng rằng mặc dù các giảng lý về 7 Đoạn-Kinh có thể là còn hời hợt ,song ,trong phần Vũ trụ khởi - nguyên-luận của tác phẩm này,ta đã trình bày vấn đề đủ để chứng tỏ rằng xét theo bề ngoài ,giáo lý cổ sơ còn có tính cách khoa học (theo nghĩa hiện đại của từ ngữ này)hơn là bất cứ Thánh kinh cổ truyền nào khác khi chỉ xét theo khía cạnh ngoại môn . Tuy nhiên, như đã thú nhận trước,vì tác phẩm này chỉ trình bày 1 phần nhỏ của chân lý ,nên xin mời các môn sinh cứ việc sử dụng trực giác của chính mình .Mối quan-tâm chính của chúng ta là :

a) Minh giải những gì đã được trình bày ,và rất tiếc là đôi khi rất sai lầm

b) Bổ túc phần tri thức đã được ám chỉ (nếu có thể được)

c) Củng cố các giáo lý của chúng ta chống lại những sự đả kích kịch liệt của chủ nghĩa Bè giáo hiện đại (modern Sectarianism) ,nhất là chống lại những sự đả kích của chủ nghĩa duy vật cận đại ,thường bị gọi lầm là khoa học ,trong khi,thực ra ,chỉ nội các từ ngữ "khoa học gia" và "học giả nửa mùa"

("sciolists)cũng phải chịu trách nhiệm cho nhiều thuyết vô lý được trình bày trên thế giới. Vốn hết sức vô minh trong khi mù quáng chấp nhận bất cứ điều gì xuất phát từ các "nhân-vật có thẩm quyền"và cảm thấy mình có bổn phận phải coi mọiphán quyết của 1 khoa học gia là 1 sự kiện xác minh ,chính cống - chúng đã được dạy là phải chế nhạo bất cứ điều gì xuất - phát từ các nguồn ngoại đạo.("heathen" source)

Do đó,vì các khoa học gia duy vật có thể chiến đấu 1 cách đơn thường độc mã - bằng cách tranh cãi và luận chứng — nên mỗi quyển đều có thêm phần phụ lục (1) lần lượt đối chất các quan điểm và chứng tỏ ngay cả các nhân vật rất có thẩm qu quyền cũng có thể sai lầm thường xuyên đến chừng nào.

(1) [Xem quyển 2 ,phần 3 và quyển 4 phần 3]

Chúng ta tin tưởng rằng điều này có thể được thực hiện 1 cách hữu hiệu ,bằng cách chứng tỏ các nhược điểm của các đối thủ của chúng ta ,bằng cách chứng tỏ rằng những lời ngụy biện luồn mồm của họ — chúng làm cho ta nhầm lẫn với những quyết-đoán của khoa học — đều chẳng đúng gì cả . Chúng ta trung - thành với Hermes và Minh triết của Ngài với tính chất đại đồng vũ trụ ,còn họ lại trung thành với Aristotle với vai trò chống lại trực giác và kinh nghiệm của biết bao thời đại , tưởng rằng chân lý chỉ riêng thuộc về thế giới Tây phương. Vì thế, hai bên mới bất đồng ý kiến với nhau . Hermes có dạy : "Tri thức khác hẳn giác quan ,vì giác quan liên quan đến những sự vật vượt quá nó ,còn tri thức lại là cứu cánh của giácquan" nghĩa là cứu cánh của hảo huyền do óc phàm với trí năng; như vậy,Ngài đã nhấn mạnh tới sự tương phản giữa tri thức mà các giác quan và Trí tuệ(Manas) khổ công thu thập và trực giác toàn tri của Linh Hồn Thiêng liêng (Buddhi).

Những gì được viết ra trong quyển sách này ,mặc dù sẽ được đón nhận như thế nào trong 1 tương lai xa xôi về sau , chúng tôi hy vọng là đã chứng minh được trong những trang trước ,những sự kiện dưới đây :

(1) Giáo Lý Bí Nhiệm không dạy thuyết Vô Thần ,trừ phi có sự chủ trương bác bỏ việc thờ hình tượng ,gồm cả việc tôn sùng các thần dưới hình thức giống như người .Theo ý nghĩa này,mọi huyền bí gia đều đả phá thần tượng .

(2) Giáo lý ấy chấp nhận có 1 Đấng Thượng Đế hay 1 Đấng "Sáng Tạo" vũ trụ ,hiểu theo ý nghĩa 1"Đấng Kiến Trúc" ("Arch -itect") hay"Tạo Tác" nên 1 toà nhà ,nhưng không trực tiếp

nhúng tay vào việc xây cất ,mà chỉ phác họa bản đồ và giaophó mọi việc xây cất cho các toán thợ .Trong trường hợp Sáng -tạo nên thế giới ,cái bản đồ xuất phát từ ý niệm vũ trụ trong tư-tưởng Thiêng liêng ,và công việc tạo dựng được giao phó cho các cấp đẳng ,những quyền năng và sức mạnh có trí lực thông-tuệ . Những Đấng Sáng Tạo không phải là 1 vị Thượng Đế hữu - thể cá biệt — nghĩa là 1 Thượng Đế ngoại vũ trụ bất toàn ,mà chỉ là sự tổng hợp các Đấng Dhyan Chohans và các Mãnh lực khác.

(3) Các vị Dhyan Chohans có đặc tính lưỡng nguyên là vì gồm có :

a) Năng lượng thô bạo ,vô thức,tiềm ẩn trong vật chất

b) Tinh thần sáng suốt thông tuệ hay tâm thức vũ trụ, đang điều khiển và hướng dẫn năng lượng nói trên ,và là Tư - Tưởng siêu việt phản ánh Ý Niệm thiêng liêng của Đại trí tuệ vũ trụ . Điều này đưa đến kết quả là sự tiếp diễn trường- kỳ bất tận những biểu lộ vật chất và ảnh hưởng tinh thần trên địa cầu trong các chu kỳ sáng tạo dưới sự chi phối của nghiệp quả . Diễn trình này không phải là luôn luôn được kiện toàn , mà vẫn có những khuyết điểm ,thậm chí cũng thường đưa đến các thất bại rõ rệt . Bởi vậy,không 1 cấp đẳng sáng tạo tập - thể hay 1 quyền năng tạo tác cá biệt nào là những thần tượng xứng đáng được tôn thờ hay sùng kính như Đấng Thiêng liêng.Tuy vậy tất cả đều có quyền được nhân loại sùng kính ,và con người phải luôn luôn nỗ lực trợ giúp sự tiến hóa thiêng liêng Của Thiên ý ,bằng cách rán hết sức mình trở thành 1 cộng tác viên của Thiên nhiên trong công tác tuần hoàn . Chỉ có cái nguyên-nhân bất khả tri và bất khả tư nghị ,cái nguyên nhân cùng tột rốt ráo của tất cả mọi nguyên nhân mới nên được tôn sùng ở tận chỗ thâm sâu ,tiềm ẩn và kín đáo nhất trong cõi lòng của chúng ta .Nó là cái gì vô hình vô ảnh ,không thể nhận - thức được ,trừ phi xuyên qua diệu âm ,im lặng vô thinh của tri thức tâm linh của chúng ta . Người ta chỉ nên chiêm ngưỡng cái nguyên lý đó trong im lặng và cô tịch của tâm hồn (1)đem tinh thần làm cái trung gian duy nhất giữa linh hồn mình với Đại hồn vũ trụ ,lấy sự hành thiện và công quả tốt lành làm giáo sĩ của mình và những ý đồ tội lỗi của mình là những vật hy sinh trước Đấng thiêng liêng.

(1) "Khi cầu nguyện,con đừng bắt chước kẻ đạo đức giả ... song hãy khép cửa lòng lại và cầu nguyện với Cha con đang

đắm chìm trong bí nhiệm "... Thánh thư Matthew ,vi,5,6 và ~~kinh~~ thánh kinh Douay .Cha ta đang ẩn trong ta là cái nguyên khí thứ 7 trong nội tâm .Đức Jesus :"Thiên giới ở trong chứ không hề ở ngoài ta ,không biết tại sao các tín đồ Thiên Chúa giáo lại hoàn toàn không thấy được ý nghĩa quá hiển nhiên của các từ ngữ minh triết mà lại cứ hoan hỉ lập đi lập lại 1 cách máy móc ? /

(4) Vật chất trường cửu là cái thể chất căn bản của Đại trí vũ trụ duy nhất vô biên để thể hiện những ý niệm của nó trên đó. Bởi thế,các nhà huyền học cho rằng không có vật chất vô tri giác hay vô cơ phận trong thiên nhiên ,sự phân - biệt 2 thứ vật chất trên của khoa học vừa không có cơ sở lại vừa độc đoán và vô lý . Tuy nhiên,dù khoa học có chủ trương như thế nào đi chăng nữa — theo kinh nghiệm ,tất cả chúng ta đều biết rằng khoa học chính xác chỉ là 1 con mụ bốc đồng (exact science is a fickle dame)— huuyền bí học cũng hiểu biết và giảng dạy khác hẳn từ biết bao lâu nay ,từ Đức Bàn Cổ và Hermes xuống mãi tới Paracelsus và đám hậu sinh.

Đức Hermes Ba Lần Vĩ Đại (Hermes,the Thrice Great,Trismegistus) đã dạy :

" Con đi ,vật chất biến dịch ;xưa kia nó đã tồn tại vì vật chất là hiện thể của biến dịch . Biến dịch là cách thức hoạt động của Thượng Đế bản lai và tiên tri .Sau khi đã được phú cho mầm mống biến dịch (germ of becoming) ,vật chất(ngoại cảnh) liền được khai sinh vì lực sáng tạo uốn nắn nó theo các hình dạng lý tưởng . Vì chưa được sản sinh ra nên vậtchất không có hình hài sắc tướng ,nó biến dịch khi nó bắt đầu tác động (1).

(1) /"Đức Mẹ Đồng trinh của thế gian",trang 134-135/

Trong 1 chú thích cuối trang ,Bác sĩ Anna Kingsford,người có tài biên tập và dịch các áng văn của Hermes đã nhận xét về điều này như sau :

"Tiến sĩ Ménard nhận thấy rằng trong tiếng Hy Lạp,cùng 1 từ ngữ mà lại có nghĩa là "được sinh ra" và "biến dịch"(to be born and to become) . Ở đây,người ta có ý nói là xét về bản thể ,chất liệu của thế giới thật là vĩnh cửu ,nhưng trước khi sáng tạo hay biến dịch ,nó lại ở trong 1 trạng thái thụ - động . Như thế, nó "đã tồn tại" trước khi được khởi động ;nay nó"biến dịch",nghĩa là di động và tiến triển."

Bà còn trình bày thêm giáo lý thuần túy Phệ đàn đà của triết thuyết Hermes như sau :

"Như vậy sáng tạo là thời kỳ hoạt động(Chu Kỳ KhaiNguyên) của Thượng Đế .Theo Hermes,(hoặc theo phái Phệ đàn đà),Thượng Đế có 2 trạng thái : Hoạt động hay Tồn tại (thăng thượng tiến hóa) và Thụ động , Hỗn nguyên (giáng hạ tiến hóa).Cả hai trạng thái đều toàn bích và hoàn chỉnh ,chẳng khác nào các trạng thái thức và ngủ của con người. Triết gia Đức Fichte phân biệt Hiện tồn(Sein) là Nhất nguyên ,mà ta chỉ biết qua sự tồn tại (Dasein) là Đa nguyên.Quan điểm này hoàn toàn là của Hermes. Các "Hình dạng lý tưởng"... là các ý niệm nguyên-hình hay tạo hình của môn phái Tân Platon ;các khái niệm vĩnh cửu và nội tại về vạn vật đã tồn tại trong Thiên Trí trướckhi có sự "sáng tạo" hay "biến dịch".

Thế mà trong triết thuyết của Paracelsus,người ta lại dạy :

"Vạn vật đều là sản phẩm của 1 nỗ lực sáng tạo vũ trụ duy nhất... Trong Thiên nhiên chẳng có gì chết ngắt .Vạn -vật đều sống động và có tính hữu cơ ,do đó,toàn thế giới dường như là 1 cơ thể sinh động". (1)

(1) ["Paracelsus" ,Franz Hartmann ,Bác sĩ y khoa ,tr. 44 ,ấn bản 1887]

(5) Vũ trụ được tạo theo 1 kế hoạch lý tưởng ,được gìn giữ trải qua thời gian vô cùng trong cõi vô thức của Đại-Phạn Thiên. Điều này cũng trùng hợp với những kết luận của triết học Platon ,nói về "những ý niệm nội tại ,trường cửu và tự hữu ,tự tại" mà hiện nay đang được triết gia Von Hartmann phân tích . Cái "Bất Khả Tri"("Unknowable") của Herbert Spencer chỉ phảng phất giống với cái thực tại siêu việt mà các huyền bí gia tin tưởng vào ,thường chỉ xuất hiện như là sự nhân cách hóa của 1 "thần lực ẩn sau các hiện tượng"—đó là 1 năng lượng vô hạn và vĩnh cửu ,phát sinh ra vạn vật ,trong khi mà tác giả của"Triết lý về Vô Thức " (Philosophy of the Unconscious) (về phương diện này) cũng chỉ giải được đại bí nhiệm này ở mức như thế nhân mà thôi . Dù trong triết học cổ truyền hay triết học thời Trung cổ ,ít có người nào dám đề-cập tới nó bằng cách suy đoán;trong tác phẩm Paracelsus mà ta vừa mới trích dẫn,Bác sĩ F.Hartmann ,Hội viên hội Thông Thiên học ,đã tổng hợp 1 cách tài tình các ý tưởng của Paracelsus.

Mọi tín đồ Do Thái bí giáo Thiên Chúa đều hiểu rõ ý-niệm căn cốt của Đông phương .Cái quyền năng chủ động tích cực "Sự Chuyển vận trường kỳ của Đại khí vận" chỉ thức tỉnh vũ-trụ vào lúc bình minh của mỗi chu kỳ sáng tác mới thúc đẩy sự vận hành của nó bằng 2 thứ mãnh lực đối nghịch ,và do đó, làm cho nó trở nên biểu lộ ngoại tại trên cõi giới ảo ảnh.Nói cách khác,sự vận động Hưởng cực nhị nguyên đó di chuyển vũ-trụ từ cõi giới lý tưởng trường cửu của biểu lộ hữu hạn,hay từ cõi thực tượng vô vi qua cõi hiện tượng hữu hình .Mọi vật đã và đang tồn tại vẫn có tồn tại luôn luôn trong thời-gian ,thậm chí vô số hình thể sắc tướng trên thế gian cũng chỉ hữu hạn và hữu hoại trong cái hình thức biểu lộ ngoại tại , chứ không phải trong hình thức lý tưởng. Chúng vốn tự hữu dưới hình thức ý niệm trong cõi vô cùng và khi chúng tan biến đi thì cũng vẫn sẽ tồn tại dưới hình thức phản ánh .Huyền bí học dạy rằng Thiên nhiên hoặc con người không thể cung cấp hình-hài cho bất cứ điều gì mà kiểu mẫu lý tưởng còn chưa tồn tại trên nội giới ,hơn nữa,nó còn dạy rằng không 1 hình tướng nào có thể xâm nhập vào tâm thức con người ,hoặc phát sinh trong trí tưởng tượng của y ,mà lại không tồn tại dưới dạng nguyên kiểu (prototype) ,ít ra thì cũng gần giống như vậy .Không một hình thể con người,cầm thú ,cây cỏ,khoáng chất nào đã được đột nhiên sáng tạo nên. Chỉ ở trên cõi hồng trần của chúngta mà những hình thể ấy mới bắt đầu hình thành ,tức là xuất hiện ngoại tại trong cái thể vật chất hiện thời hay là nảy nở từ trong ra ngoài ,từ cái tinh túy tế vi và thăng hoa nhất để trở thành cái hình dáng thô kệch nặng trọc nhất . Bởi vậy , những hình thể con người như chúng ta ngày nay đã từng có trong thời gian vô cùng dưới hình thức những kiểu mẫu tế-vi, khinh thanh như dĩ thái,hay như chất thanh khí của cõi cảm-dục (trung giới).

Rập theo những kiểu mẫu đó ,những vị Thiên thần có sứ-mạng trợ giúp sự tiến hóa của nhân loại mới dùng chất tinh-hoa của các Ngài ,phát triển nên những hình thể sơ khai bằng nguyên hình chất (protoplasma) để dùng cho những linh hồn con người trong tương lai . Sau đó,khi cái thể chất căn bản , hay cái khuôn mẫu đã sẵn sàng ,các mãnh lực thiên nhiên mới bắt đầu tác động trên những khuôn mẫu vô hình tế vi đó. Những khuôn mẫu này ,ngoài những nguyên tố riêng của chúng ,cònchứa đựng nguyên tố của tất cả các hình thể thảo mộc quá khứ , và

hình thể động vật tương lai trên địa cầu. Bởi vậy,lớp vỏ bọc ngoài của con người đã trải qua mọi hình thể thảo mộc vàđộng vật trước khi nó khoác lấy hình thể con người như ngày nay . Nhưng vì điều này sẽ được mô tả tỉ mỉ trong phần giảng lý của quyển 3 và 4 , nên ở đây,ta không cần phải đề cập tới nónhiều hơn nữa.

Theo triết thuyết Hermes-Do Thái bí giác của Paracelsus ,chính Yliaster — thủy tổ của nguyên hình chất mới sinh mà giáo sĩ Crookes đưa vào hóa học — tức vật chất nguyên - hình bản sơ ,đã phát triển thành ra vũ trụ.

Khi sự sáng tạo (sự tiến hóa) đã diễn ra,Yliaster phân hóa ; có thể nói là nó tan hoà và phát triển thành ra Ideos tức Hỗn mang (Đại bị nhiệm, Iliados ,Limbus major tức hỗn nguyên khí). Hỗn nguyên khí này có bản chất đơn nguyên và biểu lộ chẳng những như là 1 sinh hoạt (vital activity), 1 sức mạnh tâm linh(spiritual force) , 1 năng lượng vô hình , khôn tả và bất khả tư nghị ,song cũng là sinh chất cấu thành chất liệu của các sinh vật . Chất liệu của vạn vật được bao-hàm trong Limbus hay Ideos của chất liệu nguyên thủy ,... khuôn viên duy nhất của mọi tạo vật . Cổ nhân mô tả nó là Hỗn Mang ... Đại thiên địa và sau đó (do phân hóa và tiến hóa trong Mysteria specialia (1) ;mỗi thực thể riêng biệt đều phát sinh từ đó . Vạn vật và mọi nguyên tố đều được bao hàm trong đó 1 cách tiềm tàng ,nhưng không thực sự. (2)

(1) [Theo nguyên văn của Paracelsus,Bác sĩ Hartmann đã giải thích từ ngữ này như sau :"Theo nhà Hoa Hồng Thập tự đại tài này , Mysterium là mọi vật mà 1 vật nào đó ,vốn chỉ được tiềm tàng bao hàm trong đó ,có thể được phạt triển thành .Một hạt giống là Mysterium của 1 cái cây , 1 quả trứng là Mysterium của của 1 con chim sống động v.v... "]

(2) [Sách đã dẫn ,trang 41-42]

Điều này khiến cho dịch giả ,Bác sĩ Hartmann,đã phải nhận xét 1 cách chí lý là " dường như Paracelsus đã tiên liệu được khám phá hiện nay về 'mãnh lực của vật chất' cách đây 300 năm ".

Thế thì ,Magnus Limbus hay Yliaster của Paracelsus, chỉ là anh bạn nối khố "Phụ Mẫu" của ta ẩn bên trong ,trước khi nó xuất hiện trong không gian (Xem Đoạn Kinh 2 ,v.v...).

Đó là khuôn viên vũ trụ (Universal Matrix of Kosmos) , được nhân cách hóa nơi tính cách lưỡng phân của Đại thiên địa và Tiểu thiên địa (tức vũ trụ và địa cầu) (1) xuyên qua Aditi Prakriti (Thế giới tâm linh và Thế giới vật chất). Đó là vì ta thấy Paracelsus đã giải thích rằng :

(1) [Chỉ có các tín đồ Do thái bí giáo thời Trung -Cổ mới bắt chước tín đồ Do thái và một hay hai người theo môn - phái Tân Platon mà áp dụng từ ngữ Tiểu thiên địa cho c o n người . Triết học cổ truyền gọi địa cầu là Tiểu thiên địa của Đại thiên địa ,và con người là kết quả của cả hai]

"Magnus Limbus là vườn ươm cây,sản sinh ra mọi tạo vật chẳng khác nào 1 cái cây có thể phát triển từ 1 hạt giống nhỏ. Tuy nhiên,có 1 điều dị biệt là Đại Limbus bắt nguồn từ Huyền âm của Thượng Đế ,trong khi Tiểu Limbus (mầm mống phàm-tục) bắt nguồn từ trần gian . Đại Limbus là mầm mống phátsinh ra vạn vật ,còn Tiểu Limbus là mỗi tạo vật là mỗi tạo vật , tối hậu mô phỏng theo hình dáng của nó và chính nó đã được Đại Limbus tạo ra. Tiểu Limbus có đủ mọi đặc tính của Đại Limbus ,chẳng khác nào 1 đứa con có cấu trúc tương tự như cấu - trúc của cha nó .... Khi .... Yliaster tan ra ,Ares,nănglượng phân hóa,biến phân và biệt lập ngã tính (Vô cực điện,một ống bạn cố tri khác)... bèn bắt đầu tác động.Mọi sự sản sinh đã diễn ra tiếp theo sau sự phân cách . Từ Ideos phát sinh racác hành (elements) Hỏa,Thủy ,Phong ,Thổ ,tuy nhiên,sự sản sinh ra chúng đã không diễn ra theo đường lối vật chất hoặc do sự phân cách đơn thuần ,mà lại diễn ra theo đường lối tinh -thần và mãnh liệt (thậm chí không hề do các sự phối hợp phức-tạp— nghĩa là sự pha trộn máy móc ,tương phản với sự hóa hợp)chẳng khác nào lửa có thể xuất phát từ 1 viên sỏi hay 1 cái cây phát sinh từ 1 hạt giống , mặc dù ,thoạt tiên trong viên sỏi không có lửa và trong hạt giống không có cây ."Tinh thần thật là sinh động ,sự sống lại chính là tinh thần ,sự sống và tinh thần (Prakriti,Purusha (?)) tạo ra vạn vật ,song chúng có bản chất là 1 chớ không phải là 2 ".... Các hành cũng có Yliaster của riêng nó ,vì mọi hoạt động của vật chất dưới mọi dạng chỉ là 1 chi lưu của cùng 1 dòng suối . Nhưng cũng như hạt giống phát triển thành rễ với các thớ ,sau đó phát triển thành cái cuống với cành lá sum sê ,rồi cuối cùng phát triển thành hoa và hạt giống ; cũng vậy,vạn đều được sinh ra từ các nguyên tố ,và gồm các nguyên tố có thể cấu thành các hình hài sắc tướng khác ,với các đặc tính của tổ phụ (2) .

(2) [Dịch giả nhận xét : "Giáo lý này đã được rao giảng cách đây 300 năm ,lại giống hệt như học thuyết đã từng cách - mạng hóa nền tư tưởng hiện đại ,sau khi đã được Darwin đào- luyện ra dưới 1 dạng mới . Nó còn được Kapila hoàn chỉnh thêm nữa trong triết thuyết Số Luận ".]

Với vai trò là mẹ của mọi tạo vật ,các nguyên tố đều có 1 bản chất vô hình ,tâm linh và đều có linh hồn (3). Tất c ả đều phát xuất từ Mysterium Magnum.

(3) [Huyền bí gia Đông phương cho rằng chúng được chỉ- đạo và làm cho linh hoạt bởi các Đấng Tâm Linh ,các Kẻ Hoạt- Động trong Thế giới vô hình ,ẩn sau bức màn che khuất của Thiên nhiên huyền bí]

Ta hãy so sánh đoạn này với Vishnu Purana.

"Sự phát triển (tiến hóa) bất bình đẳng của các tínhchất này xuất phát từ ... Hỗng mông nhất khí(Pradhana),do linhhồn (Kshetrajna) [="vong linh"("embodied spirit")(?)] chủ trì . Nguồn gốc của các nguyên tố (tinh anh)và các giác quan được tạo ra từ đại nguyên khí Toàn Linh Trí (Mahat) (4).

(4) [Wilson , 1, ii ,trang 29-34]

Như vậy,ta có thể chứng tỏ rằng thời xưa ,mọi chân lý cơ bản của thiên nhiên đều có tính cách đại đồng thế giới và mọi ý niệm cơ bản về tinh thần,vật chất,và vũ trụ ,về Thượng- Đế,Bản Chất và Con người ,đều y hệt như nhau . Cứ thử xét hai triết thuyết tôn giáo xưa nhất trên địa cầu (Ấn độ giáo và thuyết Hermes) theo các Thánh Kinh của Ấn độ và Ai cập ,ta sẽ dễ dàng nhận ra được là cả hai đều chẳng khác gì nhau.

Điều này thật là hiển nhiên đối với kẻ nào đã đọc bản dịch mới nhất về các "áng văn của Hermes" ("Hermetic Fragments) của bác sĩ Anna Kingsford mà chúng ta trích dẫn. Nhờ có trực giác và tài năng tuyệt vời ,tác giả đã lĩnh hội được các khuyết điểm trong các đoạn văn đã bị các giáo phái Hy lạp và Thiên Chúa giáo xuyên tạc và đã ra sức hiệu chính lại chúng bằng các chú thích và chú thích cuối trang . Bà cho rằng :

"Việc các'thần linh tác động" (Titans) ,với vai trò là các tác nhân của Thượng Đế (5) sáng tạo ra thế giới hữu hình là 1 ý niệm hoàn toàn của Hermes ,mà ta có thể nhận thấy trong mọi hệ thống tôn giáo và phù hợp với sự khảo cứu của khoa học hiện đại .

(5) [Đó là 1 thành ngữ thường được dùng trong các áng

văn đã nêu mà chúng ta kịch liệt phản đối .Toàn linh trí khí không phải là một Đấng hay một Thần linh ("God")_7

Nó cho ta thấy rằng đầu đầu Huyền năng của Thượng Đế cũng tác động qua các Thần lực tự nhiên(natural Forces).

Xin trích dẫn 1 đoạn dịch :

"Thực Thể vũ trụ ấy vốn bao hàm tất cả và chính là vạn vật ,đã khởi động linh hồn và thế giới ,gồm cả những gì bao-hàm trong thiên nhiên . Trong sự đơn nhất đa tạp của sự sống vũ trụ ,vô số cá thể với biết bao biến thiên dị biệt ,lại kết hợp với nhau sao cho tổng thể chỉ là một và vạn vật đều xuất-phát từ nhất nguyên(unity)"(1) .

(1) _7 "Đức Mẹ Đồng Trinh của thế gian",trang 47. "Tổ Y học nhập môn" ("Asclepios on Initiation") phần I _7

Xin trích dẫn thêm 1 đoạn dịch khác :

"Thượng Đế không phải là 1 trí tuệ(mind) ,mà là nguyên - nhân của Trí Tuệ; Ngài không phải là tinh thần ,mà là nguyên nhân của Tinh Thần , Ngài không phải là ánh sáng,mà là nguyên nhân của Ánh-Sáng ".(2)

(2) _7 "Pymander thiêng liêng" ,ix ,trang 64 _7

Đoạn trên chứng tỏ rõ ràng rằng ,mặc dù có vài đoạn bị tín đồ Thiên Chúa giáo "gọt giũa" lại,song "Pymander thiêng liêng" vẫn là 1 tác phẩm của 1 triết gia ,trong khi hầu hết cái gọi là "các áng văn của Hermes" lại là sản phẩm của các giáo phái phàm tục ,có khuynh hướng sùng bái một vị Thượng Đế nhân hình . Thế nhưng,cả hai đều là phản ảnh của nội môn bí giáo và kinh Puranas của Ấn độ .

Ta thử so sánh hai lời khấn nguyện , 1 lời với Đấng "Toàn Thể Tối Cao"("Supreme All") của Hermes,lời kia với Đấng "Toàn Thể Tối Cao" của người Aryan sau này .Theo 1 áng văncủa Hermes do Suidas trích dẫn :

"Con nguyện có Trời Đất chứng minh cho công tác thiêng-liêng của bậc Đại Thần linh ,con nguyện xin Diệu Âm của Từ-Phụ thốt ra lúc khai thiên tịch địa ;con nguyện cầu cho thế-giới ,Đức con duy nhất của cha đang hộ trì vạn vật ;mong sao quốc thái dân an !(3)

(3) _7"Đức Mẹ Đồng Trinh của thế gian" ,trang 153 _7

Trước đoạn này là đoạn sau đây :

"Như thế Ánh Sáng lý tưởng có trước Ánh Sáng Lý Tưởng ,Trí Thông Tuệ quang huy của Trí Thông Tuệ vẫn hằng cửu ,và sự

đơn nhất của nó chẳng có gì khác hơn là Tinh-Thần bao trùm vũ trụ . Bên ngoài Ngài(Nó) chẳng có Thần linh hoặc chư Thiên , cũng chẳng có bất kỳ thứ gì khác thuộc bản thể ,vì Ngài [Nó? (It ?)] là chủ tể của vạn vật ,chủ Tế của Huyền Năng và Bản Quang (Light) ;tất cả đều tùy thuộc vào Ngài (Nó) và ngụ nơi Ngài (Nó) ".

Đó là 1 đoạn mâu thuẫn với những điều mà người ta coi là Đức Hermes Ba Lần Vĩ Đại đã giảng dạy như sau

"Không thể đề cập tới Thượng Đế .Đó là vì cái có sắc - tướng không thể diễn đạt được cái phi tướng(the corporeal can -not express the incorporeal). ... Không thể dùng giác quan để lĩnh hội được cái không có hình thể (body),sắc tướng(appearance),hình hài (form) ,vật chất . Hỡi Tatios ,ta hiểu rõ cái không thể xác định được — đó là Thượng Đế . (1)

(1) [Sách đã dẫn,trang 139-140 .Các đoạn văn trích từ "Mục đồng ca" và "Thi tập" của Stobaeus]

Hai đoạn trên rõ rệt là mâu thuẫn nhau .Điều này chứng tỏ rằng :

a) Hermes là bút hiệu chung của hàng loạt các thế hệ Thần bí gia thuộc đủ mọi khuynh hướng.

b) Ta phải hết sức phân biện trước khi chấp nhận 1 áng văn là giáo huấn nội môn chỉ vì nó rõ ràng là cổ . Nay ta thử so sánh đoạn trên với 1 lời khấn nguyện tương tự trongcác Thánh Kinh Ấn độ —chắc chắn là cũng cổ như vậy ,nếu không muốn nói là cổ hơn . Nó như sau : Parashara , "Hermes" của dân Aryan ,giáo huấn Đức Di Lạc,Tổ Y học (Asclepios) của Ấn Độ,và cầu khẩn với Vishnu 3 ngôi :

, "Vinh danh Đấng Vishnu tối thượng,trường cửu,thánhthiện, thường trụ ,có bản chất đại đồng thế giới ,uy dũng hơn tất cả . Vinh danh Hiranyagarbha, Hari và Shankara (Brahma,Vishnu và Shiva) ,Đấng Sáng Tạo,Bảo dưỡng và hủy diệt thế gian. Vinh - danh Vasudeva ,Đấng giải thoát cho các tín đồ .Vinh danh Đấng có bản thể vừa đơn thuần vừa đa tạp ;vừa tinh anh vừa trần - tục ;vừa rời rạc vừa cố kết .Vinh danh Vishnu ,nguyên nhân của sự giải thoát tối hậu . Vinh danh Đấng Vishnu Tối cao ,nguyên nhân của sự sáng tạo ,sự tồn tại và sự diệt vong của thế giới này ,Ngài là cội nguồn của thế giới và bao gồm thế giới".(2)

(2) [Wilson ,Vishnu Puranas, I, ii, 13-15]

Đấy là 1 lời khấn nguyện cao cả ,bao hàm 1 ý nghĩa triết

học thâm thúy ;nhưng đối với quần chúng phàm tục,nó lại có tính cách gợi ý chẳng khác nào lời cầu nguyện Hermes của một Đấng nhân hình . Ta phải tôn trọng tình cảm toát ra từ cả hai lời cầu nguyện ;tuy nhiên ,ta không thể thấy nó mâu thuẫnhoàn toàn với ý nghĩa nội tại của chính nó ,thậm chí với cả ýnghĩa trong cùng bộ đại luận của Hermes như sau :

"Đấng Hermes ba lần vĩ đại : Con ơi thực tại không thể tồn tại trên trần thế ...Trên trần thế không có gì là chân-thực ,chỉ có sắc tướng ....Con ơi, y (con người) đâu phải là Chơn nhơn .Bản thân thực tại vẫn như như ,tự tại ... Con người thật là phù du ,Vì thế y không phải là thực tại ; y chẳng qua chỉ là sắc tướng ,thế mà sắc tướng lại cực kỳ hàm huyền.

Tatios : Thế thì,thưa cha ,phải chăng chính các thiên-thể cũng không có thực ,vì chúng cũng biến đổi ?

Đấng Hermes: Bất cứ thứ gì vô thường và hữu sinh hữu-diệt đều không có thực ... chúng bao hàm 1 điều hư ảo nào đó xét vì chúng cũng biến đổi ...

Tatios : Thưa cha,thế thì đâu là thực tại nguyên thủy?

Hermes : Hỡi Tatios,đó là Đấng (Cái :That Which) vốn duy nhất và đơn nhất ; Đấng(Cái) không ngự trong hình hài sắc tướng bằng vật chất nào , Đấng (Cái) không có màu sắc ,chẳng có hình dáng ,Đấng (Cái) thường trụ ,không hề được truyền đạt nhưng vẫn hằng cửu ". (1)

(1) [Sách đã dẫn ,trang 135-138]

Điều này hoàn toàn phù hợp với giáo lý Phệ đàn đà .Tư tưởng chu đạo(leading thought) thật là huyền bí ,trong các áng văn của Hermes lại có nhiều đoạn có nội dung thuộc về Giáo Lý Bí Nhiệm.

Giáo lý này truyền dạy rằng có những thần lực và huyền năng thông tuệ và bán thông tuệ chưởng quản vũ trụ (như đã khẳng định điều này ngay từ đầu).Thần học Thiên Chúa giáo thừa nhận(thậm chí còn áp đặt) điều này ,nhưng nó đã độcđoán phân loại các vị ấy ,gọi là "Thiên thần" và "Ma quỉ" ("Devils") .Khoa học chối bỏ sự tồn tại của cả hai và chế nhạo chính ý-niệm ấy . Các nhà giáng ma học(Spiritualists) tin tưởng vào "vong linh của người chết",ngoài ra,họ chối bỏ hoàn toàn bất-kỳ loại thực thể vô hình nào khác .Như thế,các huyền bí gia và các nhà Do Thái bí giáo là những kẻ duy nhất giải thích các truyền thuyết thời xưa 1 cách thuần lý ;nay các truyền-thuyết này đã phát triển cực độ ,một mặt thành ra sự tin-

tưởng có tính cách giáo điều ,mặt khác thành ra sự chối bỏ gi
giáo điều .Đó là vì cả sự tin tưởng lẫn sự không tin tưởngđều
chỉ bao gồm 1 góc nhỏ của các chân trời vô biên của các biểu-
lộ vật chất và tinh thần. Như vậy,cả hai đều đúng theo quan-
điểm của riêng mình ,song cả hai đều sai lầm khi tin tưởng
rằng họ có thể bao gồm toàn thể bên trong các giới hạn hẹphòi
và chuyên biệt của riêng mình ,vì họ chẳng bao giờ có thể làm
được như thế. Về phương diện này,khoa học,thần học ,thậm chí
cả Giáng ma học nữa, đều tỏ ra chẳng khôn ngoan hơn con đà-
điểu bao nhiêu ,khi nó vùi đầu xuống cát dưới chân ,cảm thấy
chắc chắn là như thế ,không 1 điều gì có thể nằm ngoài tầm
quan sát của riêng nó và vùng không gian hạn hẹp mà cái đầu
ngu xuẩn của nó đã chiếm lấy .

Vì các thánh thư của Hermes (hay đúng hơn là các áng
văn của Hermes) là các tác phẩm duy nhất hiện nay còn tồn tại
bàn về đề tài mà ta đang xem xét ,trong tầm tay của kẻ phàm -
phu tục tử của các dân tộc"văn minh"Tây phương ,nên ở trường-
hợp hiện nay ,ta có thể đối chiếu chúng với nội môn bí giáo .
Muốn đạt được mục đích này mà lại trích dẫn bất cứ tác phẩm
nào khác ,thì thật là vô ích ,vì công chúng chẳng biết gì về
các tác phẩm của người Chaldea ,chúng đã được 1 vài điểm đạo-
đồ phái Sufi dịch ra tiếng Ả rập và bảo tồn .Do đó,để so -
sánh đối chiếu ,ta phải tham khảo tác phẩm "Các định nghĩa
của Asclepios" do bác sĩ Anna Kingsford ,hội viên Hội Thông
Thiên học biên tập và chú giải ; 1 vài phát biểu trong đó rất
phù hợp với nội môn bí giáo Đông phương. Mặc dù có không ít
đoạn chịu ảnh hưởng sâu sắc của 1 tín đồ Thiên Chúa giáo sau
này ,nhưng nói chung ,chủ thần linh đều có đặc tính của giáo-
lý Đông phương ,mặc dù nói về các điều khác ,có những đoạn
khác xa với giáo lý của ta.

Về phần chủ Thần linh(Genii),các thực thể mà chúng ta
gọi là Chủ Thiên ,Thiền Định Đế Quân, Chitkala (Đức Quan Âm
của các Phật tử) và nhiều danh hiệu khác nữa ,thì các triết-
gia phái Hermes lại gọi là Theoi (Chủ Thiên) ,chủ thần và Dai
-mones . Theo nghĩa mà Socrate dùng ,thậm chí theo nghĩa mà
thần học La Tinh và Đông phương dùng ,Daimones là các vị thần
hộ mạng của nhân loại,"những Đấng ở gần những kẻ bất tử và
từ đó trông nom các sự việc của loài người "(theo Hermes) .
Trong ngôn từ nội môn, các Ngài được gọi là Chitkala ,một vài

Đấng đã dùng bản thể của chính mình để cung ứng cho con người nguyên khí thứ 4 và thứ 5 của y ,còn các Đấng khác được gọi là các Pitris .Chúng ta sẽ giải thích điều này khi bàn đến việc tạo ra con người hoàn chỉnh. Danh hiệu trên có từ nguyên là chit ,"cái giúp ta tuyển chọn các hậu quả của các hành vi, và các loại kiến thức để cho linh hồn sử dụng",tức lương- tâm, tiếng nói nội tâm của con người .Đối với các đạo sĩ yoga , Chit đồng nghĩa với Mahat (Thiên Trí) nhưng trong nội môn bí-giáo ,Mahat lại là nguồn cội của Chit ,mầm mống của nó;còn Chit (1) lại là 1 tính chất của trí tuệ phối hợp với Buddhi , do ái lực tâm linh, tính chất ấy hấp dẫn 1 Chitkala về phía mình ,khi nó đã phát triển đầy đủ nơi con người . Đó là lý do tại sao người ta bảo rằng Chitti (2) là 1 tiếng nói thủ đắc đ' được cuộc sống thần bí và biến thành Quan Âm (Kwan-Yin).

(1) [Biết,tri thức(to know,to be aware or conscious of]

(2) [Suy tư,hiểu biết,minh triết]

+++(( ))+++

CÁC ĐOẠN TRÍCH TỪ 1 GIÁNG LÝ ĐÔNG PHƯƠNG RIÊNG TƯ ĐẾN NAY VẪN CÒN BÍ MẬT (3)

(3) [Giáo lý này không đề cập tới Vật chất —Tinh thần (Pra kriti-Purusha)bên ngoài các biên giới của vũ trụ nhỏ bé của chúng ta]

(xvii) Vào lúc khởi đầu Đại Chu kỳ khai nguyên (tiếp theo sau Đại chu kỳ hỗn nguyên vốn tiếp nối mỗi kiếp của Brahma) , tồn tại bản sơ là 1 tính chất tâm linh hữu thức . Trong các thế giới biểu lộ (các Thái dương hệ) ,trong trạng thái Nội - Tâm Ngoại Cảnh(Objective Subjectivity) ,nó giống như 1 bức màn che 1 linh khí khuất mắt nhà linh thị xuất thần .Khi xuất - phát từ Laya (4) ,nó lan tràn khắp vô cực giống như 1 lưu chất tâm linh vô sắc .Nó ở trên cõi thứ 7 ,và trạng thái thứ 7 của nó ở nơi bầu hành tinh của chúng ta. (5)

(4) [Trạng thái thanh tịnh tối hậu;trạng thái Niết Bàn của nguyên khí thứ 7]

(5) [Toàn bộ giáo lý đều được trình bày từ cõi tri-thức của chúng ta]

(xviii) Đó là bản chất đối với linh nhãn CỦA TA (OUR spiritual sight) .Con người trong trạng thái thức tỉnh không thể gọi nó như thế ,do đó,vì vô minh,họ gọi nó là "Thần linh"("God Spirit").

(xix) Nó tồn tại khắp nơi và tạo thành Upadhi (Nền tảng :Foundation) bản sơ mà thế giới của ta(thái dương hệ) được tạo - thành dựa trên đó.Bên ngoài thái dương hệ ,người ta chỉ thấy nó trong trạng thái nguyên sơ giữa (thái dương hệ hoặc) các ngôi sao trong vũ trụ ,các thế giới đã hay đang được tạo ra; trong khi đó các thế giới trong trạng thái Laya vẫn ở trong lòng nó . Vì chất liệu của nó thuộc loại khác với chất liệu mà ta biết trên địa cầu ,nên đám dân trên địa cầu ,nhìn qua Trái đất , 1 cách hảo huyền và vô minh ,đã tin tưởng rằng đó là 1 không gian rỗng tuếch . Trong toàn thể (Vũ trụ) vô biên,chẳng có 1 không gian rỗng tuếch nào ,dù chỉ rộng bằng ngón tay(ang -ula)...

(xx) Dù ở bên trong hay bên ngoài thế giới ta,vật chất hay chất liệu cũng đều gồm có 7 phần .Hơn nữa,mỗi trạng thái hoặc nguyên khí của nó lại được chia thành 7 cấp độ tỉ trọng .Trong phản ánh vô hình của mình ,Surya (Mặt trời) phô bày trạng thái đầu tiên hay thấp nhất của trạng thái thứ 7 ,trạng thái c ao nhất của Bản Lai diện mục vũ trụ ,trạng thuần khiết nhất ,linh khí biểu lộ bản sơ của Hữu thể (Sat) hằng vô hiện.Tất cả các Mặt trời trung ương hồng trần hay ngoại cảnh đều có bản -chất là trạng thái thấp nhất của nguyên khí bản sơ của linh khí.Tất cả những thứ này cũng chẳng có gì khác hơn là phản ánh của các vật nguyên sơ .Chẳng ai thấy được chúng ngoại trừ các Đấng Thiền Định Đế Quân ,các Ngài có bản chất thuộc về phân bộ thứ 5 (fifth division) của nguyên khí thứ 7 của Hỗn nguyên khí ,và do đó ,cao hơn 4 cấp so với chất liệu phản ánh của mặt trời . Cũng như có 7 Dhatu (chất liệu chính trong cơ thể con người), cũng vậy ,có 7 thần lực nơi con người và trong khắp Thiên - Nhiên .

(xxi) Chất liệu thực sự của (Mặt Trời) ẩn tàng là 1 hạt nhân của Hỗn nguyên khí(Mother Substance)(1).

(1) [Tức "Giấc mơ của khoa học" ,vật chất bản sơ thực sự đồng nhất mà không 1 thế nhân nào có thể biểu lộ ra ngoại - cảnh trong giống dân hoặc cuộc tuần hoàn này]

Đó là trái tim và tử cung của mọi lực sống động tồn -

tại trong thái dương hệ của ta . Đó là hạt nhân phát sinh ra (nhằm phân bố trong các cuộc du hành tuần hoàn) mọi Huyền - năng khởi động các nguyên tử với các nghĩa vụ theo chức năng (funotional duties) . Đó cũng là trung tâm mà cứ mọi năm thứ 7 ,chúng lại hội tụ nơi bản thể thứ 7 . Hễ kẻ nào bảo bạn là y đã thấy Mặt trời thì bạn cứ việc cười vào mũi y (1) như thể y đã bảo rằng Mặt trời tiến thực sự trên quỹ đạo ban ngày....

(1)〔"Dưới dạng năng lượng hoạt động,Vishnu không bao giờ mọc hay lặn . Ngài vừa là mặt trời thất phân ,vừa chẳng dính dáng gì với nó !" (Theo Vishnu Puranam , Wilson II,ix ,296)〕

(xxiii) Chính vì có bản chất thất phân nên Mặt Trời mới được cổ nhân coi như là kẻ bị kéo bởi 7 con ngựa bằng với các nhịp thở của Kinh Phệ đà .Cũng vì thế mà mặc dù bị đồng - nhất hóa với 7 "Gana"(loại Thực Thể) nơi tinh cầu của mình , song Ngài vẫn phân biệt với chúng (2),quả thực là như vậy). Cũng vì thế mà Ngài mới có 7 Tia (quả thực là như vậy)...

(2) 〔" Cũng như khi tới gần 1 tấm gương đặt trên một cái giá , 1 người thấy được hình ảnh của chính mình trong gương , cũng vậy,năng lượng(hay phản ánh) của Vishnu (Mặt Trời)chẳng bao giờ bị phân rã song vẫn được tồn trữ ...trong mặt Trời (cũng như trong 1 tấm gương),nó vẫn đứng trở trở ra đó" ,(như trên,phần đã trích dẫn)〕

(xxv) Bảy Đấng ở Mặt Trời là 7 Đấng Thiêng Liêng ,tự - sinh do huyền năng cố hữu trong khuôn viên của Hỗn nguyên khí. Chính các Ngài đã phóng ra 7 thần lực chính yếu,gọi là 7 cung, vào lúc khởi đầu chu kỳ hỗn nguyên ,7 cung này sẽ tập trung x vào 7 Mặt trời mới dành cho chu kỳ khai nguyên sắp tới .Năng-lượng thúc đẩy chúng tồn tại hữu thức nơi mọi mặt trời ,chính là cái mà 1 số người gọi là Vishnu ,đó vốn là Linh Khí(Breath) của Tuyệt Đối.(Xem chú thích số (1) ở trên về Vishnu).

Ta gọi nó là sự sống biểu lộ duy nhất - chính nó là 1 phản ánh của Tuyệt đối.....

(xxvii) Ta không bao giờ được dùng ngôn ngữ để cập tới Tuyệt đối ,Kẻo Nó Sẽ Rút Đi một Vài Năng Lượng Tâm Linh Của Ta (câu này in chữ hoa trong nguyên bản,LND) vốn bị hấp dẫn về phía trạng thái của nó ,bao giờ cũng bị thu hút về phía Nó về mặt tinh thần ,chẳng khác nào toàn thể vũ trụ vật chất bị thu hút về phía trung tâm biểu lộ của nó - về mặt vũ trụ.

(xxviii) Ta có thể gọi tên -Sự Tồn Tại bản sơ, trong

khi mà trong trạng thái tồn tại này ,như đã giải thích,Sự Sống Duy Nhất lại là 1 bức màn dùng để sáng tạo hoặc tạo hình . Nó biểu lộ thành 7 trạng thái .Mỗi trạng thái này lại gồm có bảy thành phần ,như vậy là hợp thành 49 Linh Hỏa mà các Thánh-Thư thường đề cập đến ...

(xxix) Thoạt tiên là ... "Hỗnnguyên-khí " Khi tự phân - chia thành ra 7 trạng thái bản sơ,nó bèn giáng xuống 1 cách tuần hoàn ; khi đã tự củng cố nơi nguyên khí cuối cùng thành ra vật chất thô trược(1) nó bèn quay chung quanh mình và dùng phân thân thứ 7 của nguyên tố cuối cùng để làm linh hoạt nguyên tố đầu tiên và thấp nhất (con rắn nuốt đuôi mình).Trong một huyền giai ,phân thân thứ 7 của nguyên tố cuối cùng của nó như sau :

(1) [So sánh với 'Thiên Nhiên"("nature") của Hermes "tuần hoàn giáng xuống vật chất khi nó gặp'Thiên Đế'"]

(a) Trong khoáng chất,đó là điểm Linh quang ẩn tàng trong đó ,và được phát khởi cuộc sống phù du do phần Dương khởi dậy phần Âm (v;v...)...

(b) Trong cây cỏ,đó là Thần lực sinh động và thông tuệ làm linh hoạt hạt giống và phát triển nó thành ra ngọn cỏ ,rễ cây và cây con . Đó là cái mầm mống sẽ biến thành cơ sở của 7 nguyên khí của vật mà nó ngụ nơi đó ,xạ chúng ra khi vật này tăng trưởng và phát triển.

(c) Nơi mọi thú vật,nó cũng y như vậy. Đó là nguyên - sinh khí và sinh năng của nó ;bản năng và tính chất của nó, đặc tính và những tật đặc biệt của nó . . .

(d) Nó ban cho con người tất cả những gì mà nó đã ban cho tất cả các đơn vị biểu lộ khác trong Thiên nhiên ;nhưng ngoài ra,nó phát triển phản ánh của tất cả 49 Linh Hỏa của mk mình nơi y .Mỗi một trong 7 nguyên khí của y đều kế thừa đầy-đủ và tham dự vào 7 nguyên khí của "Đại Mẫu" .Linh khí của nguyên khí đầu tiên của Mẹ là Tinh thần (Atma) của y. Nguyên-khí thứ 2 của Mẹ là Buddhi (Linh hồn) .Chúng ta thật sai lầm khi gọi nó là nguyên khí thứ 7 .Nguyên khí thứ ba cung - cấp cho y vật liệu suy tư trên cõi hồng trần và Trí Tuệ đang di chuyển nó (tức là hồn người ,- H.P.B.) theo các năng lực hữu-cơ của mình(his organic capacities).

(e) Đó là Thần lực chỉ đạo trong các nguyên tố của vũ trụ và địa cầu . Nó ngụ nơi lửa được phát khởi từ trạng thái tiềm tàng thành ra trạng thái hoạt động ;đó là vì toàn bộ 7

phần của nguyên khí ở ở ở tàng ẩn trong Lửa của đất(terrestrial Fire) . Nó cuốn tròn trong cơn gió hiu hiu ,thổi ào ào theo cơn bão tập và khởi động không khí ;các phần tử không-khí cũng tham gia vào 1 trong các nguyên khí của nó. Vốn tiến triển 1 cách tuần hoàn ,nó đã điều chỉnh chuyển động của nước, hút và đẩy các luợn sóng (2), theo những định luật mà nguyên khí thứ 7 của nó là linh hồn làm linh hoạt.

(2) Các tác giả của đoạn trên đã quán triệt được nguyên nhân vật lý của thủy triều,sóng biển v.v... Ở đây,người ta có ý nói tới Tinh thần làm linh hoạt toàn bộ thái dương hệ ,nó cũng được ám chỉ bất cứ khi nào mà các thành ngữ như vậy đã được dùng theo quan điểm thần bí

(f) Bốn nguyên khí thượng đẳng bao hàm cái mầm mống phát triển thành các Thần Linh vũ trụ; ba nguyên khí hạ đẳng nuôi dưỡng sự sống của các nguyên tố (Hành khí: Elementals).

(g) Trong thái dương hệ của ta,Hữu Thể Duy Nhất là Trời và Đất , Rễ và Hoa ,Hành động và Tư Tưởng . Nó ở trong mặt trời ở nơi con đom đóm . Không 1 nguyên tử nào có thể thoát được nó . Do đó,các hiền triết thời xưa thật là sáng suốt khi gọi nó là Thượng Đế biểu lộ trong thiên nhiên...

Về vấn đề này,thiết tưởng cũng cần nhắc độc giả nhớ điều mà T.Subba Row dạy về các thần lực - được định nghĩa theo thần bí học.

Kanya (cung thứ 6 của Hoàng Đạo,tức cung Xử Nữ) có nghĩa là 1 trinh nữ và tiêu biểu cho Shalti (Huyền nữ) tức Mahamaya (Đại hảo huyễn) .Cung đang xét là Rashi (phân bộ) thứ 6 và biểu thị rằng có 6 thần lực bản sơ trong thiên nhiên (do thần lực thứ 7 tổng hợp lại)...

Các Shaktis này như sau :

(1) Parashakti- Nghĩa đen là đại huyễn năng hay vôthượng thần lực. Nó bao gồm và có nghĩa là huyễn năng của ánh sáng và nhiệt .

(2) Jnanashakti- Nghĩa đen là huyễn năng của trí tuệ.... của chân minh triết .Nó gồm có 2 trạng thái .

I.Sau đây là 1 vài biểu lộ của nó khi chịu tác dụng khống chế của môi trường vật chất .

a) Năng lực thuyết minh các cảm giác của tâm trí .

b) Năng lực nhớ lại các ý tưởng đã qua (ký ức) và dự-

đoán tương lai .

c) Năng lực mà các tâm lý gia hiện đại trình bày thôngqua cái gọi là"luật liên tưởng" ("the law of association") khiến cho nó có thể tạo ra những mối liên hệ đai đẳng giữa nhiều nhóm cảm giác và khả năng cảm giác khác nhau ,nhờ thế , mới sinh ra ý niệm về đối tượng ngoại cảnh.

d) Năng lực gắn liền các ý tưởng của ta với nhau nhờ vào mối liên kết bí nhiệm của quá khứ ,do đó mới tạo ra ý niệm về bản ngã.

II . Sau đây là 1 vài biểu lộ của nó khi thkoát khỏi các ràng buộc của vật chất :

a) Thần nhãn (clairvoyance)

b) Trắc tâm thuật (psychometry)

(3) Ichchhashakti. Nghĩa đen là huyền năng của ý chí . Biểu lộ thông thường nhất của nó là tạo ra 1 vài luồng thần kinh ,các luồng này khởi động các bắp thịt để hoàn thành mục tiêu mong muốn.

(4) Kriyashakti. Huyền năng của tư tưởng khiến nó cóthể tạo ra những kết quả hiển nhiên ,thuộc các hiện tượng ngoại - cảnh do năng lượng cố hữu của riêng nó .Cổ nhân cho rằng bất cứ ý niệm nào sẽ biểu lộ ra bên ngoài nếu chú tâm của ngườita được tập trung sâu sắc vào đó . Tương tự như vậy,1 quyết - ý mãnh liệt sẽ tạo ra kết quả như mong muốn.

Một nhà yoga thường hiển lộng thần thông nhờ vào Ichch hashakti và Kriyashakti .

(5) Kundalinishakti- Huyền năng hay thần lực di chuyển theo hình cong ,ngoằn ngoèo như rắn. Đó là nguyên sinh khí vũ trụ biểu lộ khắp nơi trong thiên nhiên.Thần lực này bao gồm 2 lực lớn : lực hút và lực đẩy . Điện và từ lực chẳng qua chỉ là các biểu lộ của nó . Đó là huyền năng hay thần lực tạo ra "sự thích ứng liên tục các quan hệ nội tại với các quan - hệ ngoại tại" vốn là bản thể của sự sống theo Herbert Spencer.Nó cũng tạo ra sự "thích ứng liên tục quan hệ ngoại tại với các quan hệ nội tại", vốn là nền tảng của sự đầu thai chuyển kiếp ,luân hồi tái sinh (Punarjanman) theo giáo lý của các triết - gia Ấn Độ thời xưa.

Một nhà Yoga phải làm chủ được hoàn toàn huyền năng này hay thần lực này ,trước khi y có thể đạt được sự giải- thoát .Thần lực nấy chính là đại-xà (rắn lớn)trong ThánhKinh.

(6) Mantrikashakti- Nghĩa đen là thần lực hay huyền- năng của ngôn từ hay âm nhạc. Toàn bộ kinh Mantra Shastra thời xưa đã có nói đến thần lực hay huyền năng này với mọi biểu lộ.... Ảnh hưởng của âm nhạc là 1 trong các biểu lộ thông thường của nó. Huyền năng của húy danh kỳ diệu(mirific ineffable name) là tột đỉnh của Shakti (huyền năng) này.

Khoa học hiện đại bất quá chỉ mới điều nghiên được 1 phần về các huyền năng hay thần lực thứ nhất ,thứ hai và thứ năm nêu trên ,song lại hoàn toàn mù tịt về các huyền năng còn lại .... Sáu thần lực xét chung được tiêu biểu bởi Tinh- tú quang (Daiviprakriti , huyền năng thứ 7 ,Huyền Quang(Light) của Thượng Đế) (1).

(1) ["Năm năm Thông thiên học",ấn bản 1885 ,trang 100, 111. "12 Cung của Hoàng Đạo"]

Đoạn trên được trích dẫn để trình bày các ý tưởng chân thật của Ấn Độ về đề tài này .Nó hoàn toàn có tính cách bí truyền ,mặc dầu chưa bao hàm tới 1/10 những gì mà ta có thể trình bày . Có 1 điều là 6 danh hiệu của 6 thần lực vừa nêu chính là danh hiệu của 6 Huyền giai Thiên Định Đế Quân ,tổng hợp lại thành Huyền giai bản sơ thứ 7 — nó là hiện thân của nguyên khí thứ 5 của vũ trụ hay "Mẹ" theo ý nghĩa thần- bí. Chỉ nội việc liệt kê các Huyền năng Yoga cũng phải mất mười (10) quyển sách rồi .Mỗi thần lực này do 1 Thực Thể Hữu thức sống động cầm đầu ,nó là 1 phân thân của Thực thể này.

Nhưng ta hãy thử so sánh giảng lý nêu trên với các huấn từ của Đức Hermes Ba Lần vĩ đại:

" Việc mặt trời tạo ra sự sống cũng liên tục như ánh sáng của nó ,không gì ngăn cản hoặc hạn chế nó .Hằng hà sa số đoàn Thiên thần tụ tập xung quanh y chẳng khác nào 1 đoàn vệ tinh. Đám này ở bên cạnh những người bất tử và từ đó ,trông nom các sự việc của nhân loại.Họ thi hành ý chí của các Thần-linh (Nghiệp quả:Karma) bằng cách tạo ra bão tố ,hỏa hoạn,động đất cũng như là đói kém và chiến tranh để trừng phạt những kẻ báng bổ (for the punishment of impiety)(2) ...

(2) [Xem các đoạn kinh 3 và 4 và phần giảng lý của đoạn kinh 4 , bàn về các vị Lipika và 4 vị Đại Thiên Vương , các tác nhân của nghiệp quả]

Chính mặt trời bảo dưỡng vạn vật .Thậm chí cũng như thế giới lý tưởng bao quanh các thế giới hữu hình ,cung cấp

cho các thế giới này hằng hà sa số hình dạng khác nhau trong vũ-trụ ,cũng vậy,mặt trời bao bọc vạn vật trong ánh sáng của mình và đâu đâu cũng giúp cho sự sinh thành của vạn vật . . "Dưới trướng y là đội Thiên thần ,hay đúng hơn là các đội thiên thần ,vì có nhiều đội khác nhau ,và số đội tương ứngvới số sao(stars) .Mỗi ngôi sao đều có vị thần của mình ,thiện hay ác tùy theo bản chất hay tác -động của họ ,vì tác động là bản thể của thiên thần (genii).... Tất cả các thần này chủ trì các sự việc trên thế gian (1) ,họ làm đảo lộn cấu tạo của các quốc gia và cá nhân ; họ khiến cho linh hồn ta giống hệt như họ , họ hiện diện trong dây thần kinh chúng ta,trong tủy, động mạch,tĩnh mạch và chính não chất của chúng ta .....Vào lúc mỗi người trong chúng ta chào đời ,y đều chịu sự phụ - trách của chư thần (Các Tinh linh :Elementals) chủ trì sựsinh sản (2) và được xếp vào hạng dưới các quyền năng thuộc cảmdục giới(astral powers) (Các vong linh cảm dục giới siêu nhânloại: superhuman astral Spirits) .

(1) ⌜ Và chư"thần quân" nữa,chứ không phải chỉ có chư thần hay các "thần lực được điều động" ⌟

(2) ⌜ Ý nghĩa của điều này như sau : vì con người có đủ cả Ngũ đại —Hỏa,Phong,Thủy,Thổ và Dĩ thái — nên các Tinh Linh (ELEMENTS) lần lượt thuộc các Hành(Elements) này cũng bị thu hút về phía con người do việc có cùng bản thể (co-essence). Hành nào ưu thắng trong 1 cấu tạo nào đó sẽ là hành chủ-trì suốt đời .Chẳng hạn như nếu 1 con người có hành thổ trội nhất ,các Thổ thần (Gnomes) sẽ dẫn dắt y hướng về các kimloại đồng hóa(assimilating metals) —tiền bạc,của cải v.v... Paracelsus đã dạy : "Người thú là hậu thân của các yếu tố thú vật phát sinh ra linh hồn(sự sống) của y ,còn các con thú là các tấm gương phản chiếu con người.(Minh Triết căn bản").Paracel-sus rất thận trọng nên mới muốn mình nói ra điều gì là phải phù hợp với Thánh Kinh ,do đó ông đâu có tiết lộ hết mọi điều ⌟

Họ thay đổi hoài;không phải lúc nào cũng y như nhau ,mà cứ luân chuyển liên hoàn .(3)

(3) ⌜ Tiến triển tuần hoàn ⌟

Họ dùng sắc tướng thấm nhuần 2 phần của linh hồn ,khiến cho nó có thể nhận tác dụng của năng lượng của chính nó từ mỗi phần .Nhưng phần có lý trí của linh hồn không chịu sự kềm tỏa của chư thần ,người ta dự kiến dùng nó để tiếp nhận

Đấng Thánh Linh (God) (1) vốn dùng 1 tia nắng soi sáng nó.Chả có mấy kẻ được soi sáng như vậy ,chủ thần lại "cạch mặt" các kẻ này ,vì chẳng vị thần nào có bất cứ quyền năng gì khi một tia đơn độc của Thượng Đế hiện diện (2).

(1) ⌜ Đấng Thánh Linh nơi con người và thường là hiệnthân của 1 thần linh ,1 Thiền Định Đế Quân thiêng liêng cao cả nơi y ,ngoài sự hiện diện của nguyên khí thứ 7 của chính y ra ⌟

(2) ⌜ Nay ,ở đây "Đấng Thánh Linh" có nghĩa là gì ? Đ ó không phải là Đức Chúa Cha ,1 sản phẩm nhân hình của óctưởng-tượng ;vì Đấng Thánh Linh ấy là tập thể Elohim và không có thực thể gì nếu không được xét chung như vậy . Ngoài ra ,một Đấng Thánh Linh như vậy thật là hữu hạn và bất toàn. Câu "Chả có mấy kẻ"("few in number") ở đây ám chỉ các cao đồ và các Đạo đồ cao cấp . Đó chính là các bậc tin tưởng vào "chủ thần-linh" và chẳng biết Đấng Thánh Linh nào khác hơn là 1 Đấng Thiêng Liêng Đại đồng ,vô hạn ⌟

Nhưng tất cả những người khác,cả linh hồn lẫn s ắ c-tưởng đều được điều khiển bởi chủ thần mà họ gắn bó với v à ảnh hưởng tới các tác động ... Thế là chủ thần đã kiểm soát các sự việc trần gian và dùng các cơ thể của ta làm các khí-cụ. (3)

(3) ⌜ "Đức Mẹ Đồng Trinh Thế gian" trang 104-105," Các định nghĩa của Tổ Y học Asclepios" ⌟

Ngoại trừ 1 số ít điểm hẹp hòi,bè phái,đoạn trên tiêu biểu cho cái đã là 1 tín ngưỡng đại đồng thế giới ,chung cho mọi quốc gia ,mãi cho tới cách đây chừng 1 thế kỷ .Trong đám tín đồ ngoại đạo ,cũng như tín đồ Thiên Chúa giáo ,ngoại trừ 1 đám nhà duy vật và khoa học gia, nó vẫn còn các nét khái - quát chính thống.

Đó là vì cho dù người ta có gọi chủ thần của Hermes là các"quyền năng U-minh"("Power of Darkness") và các "Thiên Thần" ,như trong giáo hội Hy lạp và La tinh ; hoặc là "vong - linh của người chết" (như là trong Giáng ma học) ;hoặc là Bhut và Devas,Shaitan hay Djin (như người ta còn gọi ở Ấn độ và các xứ Hồi giáo - thì tất cả đều là 1 và như nhau : Hảo Huyễn(Ill -usion) .Tuy nhiên,xin đừng hiểu lầm điều này theo ý nghĩa mà giáo lý triết học cao cả Phệ đàn đà sau này đã bị các trường phái Tây phương xuyên tạc.

Mọi điều xuất phát từ Tuyệt Đối - do đặc tính đơn nhất

Tuyệt Đối là Thực tại duy nhất ,do đó, mọi điều ở ngoài Tuyệt Đối này ,Yếu tố sinh sản và nhân quả (the generative and causative Element) ,dứt khoát phải là 1 hảo huyễn. Nhưng điềunày chỉ như vậy theo quan điểm thuần túy siêu hình học. Một người tự coi mình là có tâm trí bình thường ,và cũng được người láng diềng coi như vậy,cũng gọi các linh thị của 1 huynh đệ bịloạn trí - rất có thể là các ảo giác khiến cho nạn nhân sung sướng hoặc cực khổ - là hảo huyễn và hoang tưởng .Nhưng đâu là cái mà cái hình bóng ghớm ghiếc trong tâm trí điên loạn (các hảohuyễn) của y lại tạm thời không có thực như những sự vật mà vị y sĩ hay người trông coi y có thể thấy được ? Trong thế giới này ,mọi chuyện đều tương đối,vạn hữu đều hảo huyễn . Những kinh nghiệm trên bất kỳ cảnh giới nào cũng đều là x một thực tại đối với kẻ tri giác đang trụ tâm thức vào cảnh -giới ấy ,mặc dù xét theo quan điểm thuần túy siêu hình,kinh nghiệm nói trên có thể bị coi là không có thực nơi ngoại cảnh. Nhưng nội môn bí giáo phải chiến đấu chống lại các vật lý gia và các nhà duy vật chứ không phải là các siêu hình gia .Thế mà đối với các vật lý gia và các nhà duy vật ,Sinh Lực,Ánh Sáng, Âm Thanh,Điện , thậm chí cả hấp lực ngoại cảnh của từ khí nữa, không tồn tại nơi ngoại cảnh và bị coi là chỉ tồn tại như các"cách thức chuyển động" ("modes of motion") ,"các cảm-giác và cảm xúc của vật chất".

Các Huyền bí gia nói chung và các Thông thiên học giả nói riêng đều không hề bác bỏ (như 1 vài người thường 1 ầm tưởng) các quan điểm và lý thuyết của các khoa học gia hiện đại chỉ vì các quan điểm này đối nghịch với Thông thiên học. Nguyên tắc thứ nhất của Hội ta là trả lại cho Caesar cái gì của Caesar . Do đó,hơn ai hết ,các Thông Thiên học giả là những người công nhận giá trị cố hữu của khoa học .Nhưng khi các nhà Chúa trùm khoa học thu gọn ý thức thành ra 1 thứ tiết ra từ chất xám của não bộ ,và mọi điều khác trong thiên nhiên thành ra 1 cách thức chuyển động ,thì chúng ta kịch liệt phản đối học thuyết đó là phi triết học ,tự mâu thuẫn và phi- lý theo quan điểm khoa học, chứ đừng nói là theo khía cạnhhuyền-bí của Bí giáo nội môn .

Đó là vì Tinh tú quang của các tín đồ Do Thái Bí giáo bị chế nhạo quả thực là 1 bí nhiệm và huyền ảo đối với những kẻ nào có thể thấy được những gì trong đó.Các điều bí mật ẩn-tàng trong các lượn sóng biến ảo không ngừng của nó cứ sờ sờ

ra đó, bất chấp sự kiện các nhà duy vật cứ nhao nhao lên giễu cợt.

Tinh tú quang của các tín đồ Do Thái bí giáo đã bị 1 vài người dịch ra 1 cách rất sai lầm là "Dĩ thái" ; Dĩ-thái lại bị lầm lộn với ête theo giả định của khoa học ,và một vài Thông thiên học giả lại coi cả 2 thứ trên là đồng nghĩa với Tiên thiên khí(Akasha) . Thật là 1 bé cái lầm".

Tác giả của "Một Sự Bài bác thuần lý" (A Rational Refutation) đã vô tình bênh vực huyền bí học khi cho rằng :

" Chỉ cần trình bày đặc tính của Tiên thiên khí là ta sẽ chứng tỏ được thật là sở suất biết bao khi diễn tả nó là ê-te. Xét về mặt kích thước, nó thật là ... vô hạn ,nó không hề bao gồm các phần tử , nó cũng chẳng dính dáng gì tới màu sắc ,mùi vị,hình dáng . Nó luôn luôn tương ứng chính xác với thời gian, không gian,Ishvara (Đấng Chúa Tể, song đúng hơn là mãnh - lực sáng tạo và linh hồn - Linh hồn thế giới) và linh hồn. Sovới điều đó thì nó có đặc điểm là nguyên nhân vật chất của âm th thanh . Trừ điều đó ra,người ta có thể coi nó là đồng nhấtvới hư không. (1)

(1) [Trang 120]

Nó chắc chắn là hư không ,nhất là đối với các nhà Duy-lý (Rationalists) .Dù sao đi nữa,chắc chắn là Tiên thiên khí đã làm cho 1 nhà duy vật thấy đầu óc mình trống rỗng . Song-le,cho dù Tiên thiên khí chắc chắn không phải là ê-te của khoa học - thậm chí cũng không phải là Dĩ thái của Huyền bí - gia , y chỉ coi dĩ thái là 1 trong những nguyên Khí của Tiên thiên khí thôi - ,cùng với thủy tổ của mình ,nó nhất định phải là nguyên nhân của âm thanh ,là 1 nguyên nhân tâm linhvà tinh thần , chứ tuyệt nhiên không phải là 1 nguyên nhân vật-chất . Ta có thể xác định quan hệ của Dĩ thái với Tiên-thiên-khí bằng cách áp dụng cho cả hai khí này câu nói về Thượng-Đế trong kinh Phệ đà như sau : "Như vậy,Ngài quả thật là con của chính mình " cái này là hậu duệ của cái kia ,song cũng là chính nó . Đây có thể là 1 câu đố khó hiểu đối với kẻ phàm - phu tục tử ,nhưng lại rất dễ hiểu đối với bất kỳ người Ấn-Độ nào ,cho dù y không phải là thần bí gia (mystic) .

Các bí mật này của Tinh tú quang ,cùng với nhiều bí nhiệm khác ,sẽ vẫn không hề tồn tại đối với các nhà duy vật ở thời đại ta ,chẳng khác nào Châu Mỹ đã là 1 huyền thoại không

có thực đối với người Châu Âu trong giai đoạn sơ khai thời Trung cổ (mediaeval) ,trong khi mà người Bắc Âu và người Na-Uy đã thực sự đặt chân lên và định cư ở vùng "Tân Thế giới" rất cổ xưa này trước đó nhiều thế kỷ. Thế nhưng 1 Columbus (Kha Luân Bố) đã ra đời để tái khám phá và bắt cựu thế giới phải tin vào các xứ ở đối chích điểm trên địa cầu,cũng vậy,sẽ có các khoa học gia ra đời để khám phá ra các điều kỳ diệu mà hiện nay,các huyền bí gia khẳng định là tồn tại trong các vùng dĩ thái ,với hằng hà sa số cư dân biến ảo và thực thể hữu-thức . Lúc bấy giờ,dù muốn hay không, khoa học cũng sẽ phải chấp nhận "điều mê tín dị đoan" xưa cũ (như nó đã từng chấp-nhận nhiều điều khác) .Một khi đã bắt buộc phải chấp nhận nó, rất có thể là - khi "ồn cố" ,chẳng hạn như việc Mesmer -thuật và từ-điển-thuật nay được tái mệnh danh là thuật thôi miên — các giáo sư thông thái sẽ khai sáng ra sự việc và bác bỏ danh xưng . Đến lượt danh xưng mới lại tùy thuộc vào "cách thức chuyển động " - tên mới của"các tiến trình vật lý tự động ở trong đám các dây thần kinh của bộ óc"(khoa học) của Moleschott — và cũng rất có thể là tùy thuộc vào bữa ăn cuối cùng của người đặt tên , vì, nói chung,hoạt động trí óc cũng chẳng khác nào sự dưỡng trấp hóa"(chylification) (1) (theo người sánglập ra Hệ phái Tân vật tâm luận).

(1) ["Nhà Cải Cách quốc gia",9-1-1887 . "Vũ trụ não - sinh-học" của bác sĩ Lewins]

Như thế,nếu người ta phải tin vào mệnh đề phi lý này, thì danh xưng mới của chân lý cổ sơ ắt phải "cũng liều nhắm mắt đưa chân" cho cảm hứng của người đặt tên quyết định ; chỉ bấy giờ thì các chân lý này mới có cơ may trở thành chân - lý khoa học !

Tuy nhiên,mặc dầu không hấp dẫn đối với đại chúng mù quáng nói chung ,chân lý vẫn luôn luôn được ủng hộ b ở i những kẻ sẵn sàng "xả thân cầu đạo" , các huyền bí gia s ẽ không hề phản đối việc khoa học chấp nhận nó với bất cứ danh-xưng nào . Thế nhưng,nếu chưa được các khoa học gia biết tới và chấp nhận ,thì nhiều chân lý huyền linh sẽ còn bị cấm đoán chẳng hạn như việc các hiện tượng giáng ma học và các biểu - hiện tâm linh khác ,để rồi cuối cùng bị những kẻ đã từng xuyên tạc nó chiếm lấy làm của riêng 1 cách "ăn cháo đá bát".Nitro-gen đã góp phần lớn lao vào kho tàng kiến thức hóa học,nhưng Paracelsus ,người khám phá ra nó ,cho đến nay vẫn bị coi là 1"lang băm"("quack") .Trong tác phẩm tuyệt vời "Lịch sử văn-

minh ",H.T.Buckle thật là chí lý biết bao khi cho rằng :

"Do những hoàn cảnh mà ta còn chưa biết [Nghiệp -quả dự liệu(Karmic provision) -H.P.B.] thỉnh thoảng ta lại thấy các tử tường gia vĩ đại xuất hiện . Họ hiến mình trọn đời cho 1 mục đích duy nhất ,họ có thể tiên đoán được sự tiến bộ của nhân loại và khai sáng ra 1 tôn giáo hoặc 1 triết thuyết, mà nhiên hậu sẽ tạo ra những hiệu quả quan trọng . Nhưng nếu dở lại những trang sử cũ ,thì ta sẽ thấy rõ rằng ,mặc dù nguồn gốc của 1 ý kiến mới có thể chỉ do 1 người duy nhất , song, kết qua của ý kiến mới đó lại tùy thuộc vào tình cảnh của đám người mà nó được truyền bá trong đó. Nếu 1 tôn giáo hoặc 1 triết thuyết lại quá tiên tiến so với 1 quốc gia ,thì nó chẳng có ích gì vào lúc đó ,mà phải chờ thời (1) cho đến khi tâm trí của người ta đã đủ chín chắn để tiếp nhận nó . . . .

(1) [Đó là luật tuần hoàn (Cyclic law) ,nhưng chính luật này thường bị sự ngoan cố của con người thách thức]

Mọi khoa học,mọi tín ngưỡng đều có những kẻ xả thân cầu đạo . Theo dòng thời gian, 1 vài thế hệ sẽ qua đi ,rồi sẽ tới 1 thời kỳ mà chính các chân lý này sẽ bị coi là những sự kiện thông thường và ít lâu sau ,lại tới 1 thời kỳ mà chúng được coi là cần thiết ,thậm chí kẻ dần độn nhất cũng thắc mắc không biết làm sao mà thiên hạ lại đã từng chối bỏ chúng!"(2)

(2) [Quyển I ,trang 256]

Rất có thể là các thế hệ hiện tại có tâm trí chưa đủ chín chắn để tiếp nhận các chân lý huyền bí. Có lẽ chỉ có các tử tường gia tiến tiến của giống dân chính thứ 6 mới được trang bị cho sự nội quan để tiếp nhận bí giáo nội môn — một cách trọn vẹn và vô điều kiện .Trong khi đó,các thế hệ thuộc giống dân thứ 5 chúng ta ,sẽ tiếp tục bị thành kiến và tiên kiến làm cho lầm đường lạc lối . Huyền bí học sẽ bị bọn đầu đường xó chợ tha hồ mà nhạo báng ,thiên hạ sẽ mặc sức chế-giễu và chà đạp nó nhân danh chủ nghĩa Duy vật và cái gọi là khoa học ,và để cho chúng được "mát mặt" hơn . Tuy nhiên, để chủ động giải đáp cho nhiều điều phản đối của khoa học trong tương lai mà ta đã tiên liệu sẵn, tác phẩm này x i n trình bày lập trường chân thực và hỗ tương của phe nguyên - cáo và bị cáo. Các Thông thiên học giả và các Huyền bí gia nguyện chung lưng đấu cật ,sát cánh với công luận đang giương cao ngọn cờ khoa học suy diễn. Thế mà, người ta đã

xét tới các khoa học suy diễn rồi ,điều này phải chứng tỏ rằng các thành tựu và các khám phá của chúng trong lãnh vực định luật tự nhiên đã đối nghịch với các sự kiện trong thiên nhiên còn nhiều hơn là đối nghịch với những lời khẳng định của chúng tôi . Nay đã đến lúc xác định xem liệu những bức tường lũy của thành Jericho hiện đại có đủ kiên cố khiến cho không 1 hồi kèn inh ỏi nào của Huyền bí học có thể làm cho chúng sụp đổ tan tành không hay chăng.

Ta phải xét xem cẩn thận cái gọi là "Lực" ("Forces") (mà dấu vết là Ánh Sáng và Điện) và cấu tạo của Mặt trời,cũng như là thuyết Trọng lực và thuyết Tinh vân .Ta phải thảo luận về bản chất của dĩ thái và các Hành khác,như thế là đối chiếu học thuyết khoa học với giáo lý huyền bí học ,trong khi tiết lộ 1 vài giáo điều đến nay vẫn còn bí nhiệm của Huyền bí học.

Cách đây chừng 15 năm,hơn ai hết,tác giả đã lặp lại theo các nhà Do thái bí giáo các huấn điều minh triết trong "Vấn đáp giáo lý nội môn" (Esoteric Catechism).

"Câm mồm lại ,kẻo con sẽ tiết lộ điều bí mật này ;hãy khép cửa lòng lại kẻo con sẽ buột miệng thốt ra những suy-tư của mình ,và nếu tâm hồn con đã vuột thoát khỏi tầm tay con, thì hãy đưa nó về chỗ cũ ,vì đó là mục tiêu của sự liên minh của chúng ta. (1)

(1) ["Sepher Yetzireh"]

Lại nữa,theo các qui tắc điểm đạo :

"Đây là 1 điều bí mật sinh tử : hãy câm mồm lại kẻo con sẽ tiết lộ nó cho thường nhân ;hãy bưng bít trí óc lại kẻo 1 điều gì đó sẽ thoát ra ngoài ".

Một vài năm sau,1 góc màn che khuất nữ thần Isis đã được vén lên và nay ,nó lại còn được vén cao hơn nữa .

Nhưng các lối lầm cổ k´inh - càng ngày chúng ta càng lòi mặt chuột - nay vẫn đang đang sát khí chẳng khác gì lúc bấy giờ . Thái độ bảo thủ mù quáng ,kiêu căng và thành kiến, đã khiến cho chúng lúc nào cũng nhấp nha nhấp nhổm chỉ chực chẹt cổ mọi chân lý , mà sau khi tỉnh giấc miên trường , đã đột nhiên gõ cửa xin nhập bọn .Chuyện này,xưa nay vẫn thế.Bất cứ kẻ nào minh giải được chân lý cổ sơ đều phải bị chết về mặt tinh thần .Điều trên cũng chắc chắn như việc nó ban sự sống và sự tái sinh cho những kẻ sẵn sàng lợi dụng được thậm chí chút ít ánh sáng chân lý nay đang được tiết lộ cho họ.

CÁC CHÚ THÍCH BỔ-SUNG .

Phần nhập đề,trang 48

Lưu vực sông Tarim ở vùng Turkestan (Tân cương:Sinkiang) của Trung Quốc.Trong tác phẩm "Con đường mòn hồi xưa ở Trung Á " do công ty Macmillan xuất bản năm 1933 ,Sir Aurel Stein đã mô tả làm thế nào mà ông đã khám phá ra di tích của các thành phố cổ đã tồn tại vào thế kỷ thứ 3 và thứ 4 ,và có thể còn cổ hơn nữa .Ông đã tìm thấy các di tích của Phật giáo và các di tích khác tuyệt đẹp và các bức bích họa tuyệt diệu.. trong các thánh điện,thạch động ,chẳng hạn như Hang Ngàn Phật và Vạn Phật tại Wan-fu-Hsia ở vùng Nam Sơn.Ông đã mua được nhiều bản thảo cổ .

Trang 54-56 / Ở dòng chót của trang 54,tên dòng sông Khu-an-Khé có lẽ là Kan-Chou .Ở ốc đảo Keriya ,Aurel Stein đã tìm thấy các bài vị viết bằng tiếng Kharoshthi thời xưa.Ở trang 55 và 56 người ta có đề cập tới tướng Nicholas Prjevalsky (hay Przhevalsky) ,hai quyển sách ghi lại các cuộc du hành của ông vào vùng bên trong Châu Á đã được nhà thám hiểm Thụy Điển Sven Hedin dịch ra và rút gọn thành 1 quyển.

Phần tham khảo "Nữ thần Isis lộ diện", trang 64

Xem chú thích cuối trang : danh xưng được dùng theo nghĩa từ ngữ Hy Lạp anthropos .Chân sư K.H. nhận xét về bộ "Nữ thần Isis lộ diện" nói chung và đoạn này nói riêng như sau :"Tuy có người sửa bản in thử , 1 vài lỗi thực sự đã xảy ra ,chẳng hạn ở trang 1 chương I,quyển I,người ta đã để cho Adam xạ ra Bản thể thiêng liêng thay vì ngược lại. Xem "Các Thánh Thư của các Chân sư" ,trang 45 ,ấn bản kỳ 2 năm 1930 .

Trang 65,chú thích cuối trang

Có 2 chu kỳ mặt pháp riêng biệt . 1) Chu kỳ mạt pháp thiên văn (astronomical Kali Yuga) bắt đầu năm 3102 trước T.C. ,rất có thể là do Aryabhata I ,xác định vào năm 499 sau T.C. Đây là 1 chu kỳ mạt pháp hư ảo (bắt đầu vào ngày 17-18 tháng 2, năm 3102 trước T.C.) và nhất định là kết quả của 1 phép tính toán hồi quy(calculation backwards) mà Bentley, Burgess v;v.. đã đo ra và tôi đã bổ chứng rốt ráo quan điểm của họ. Burgess cho rằng :"Dường như không còn nghi ngờ gì nữa là người ta đã xác định được thời kỳ này bằng phép tính toán thiên-văn hồi quy". Theo lối tính toán chu kỳ mạt pháp này,vào năm 1899-1900 sau T.C. tức năm Shaka 1821 ,ta đã trải qua 5 000 năm .Tôi chưa hề tìm thấy bất cứ bằng chứng-minh văn học ,

hoặc bằng chứng minh nào khác về phép tính toán chu kỳ mạt-pháp này trước thời Aryabhata I, nghĩa là năm 499 sau T.C. ~~(xx)~~ 2) Chu kỳ mạt pháp khác mà ta thấy Mahabharata và kinh Puranas đề cập tới ,bắt đầu vào ngày 7 tháng 1 năm 2454 trước T.C. với ngày đông chí là ngày trăng tròn gần ngôi sao Regulus . Rồi tới 1 thời kỳ sandhi (thời khoảng) 100 năm trong đó trận chiến Bharata đã diễn ra vào năm 2449 trước T.C. ,và Đức Shri Krishna đã tịch diệt vào năm 2413 trước T.C. Còn 609 năm nữa (nghĩa là năm 2547 sau T.C.) thì ta mới trải qua 5 000 năm của chu kỳ mạt pháp này .Trong tất cả mọi công trình khảo sát của mình,riêng cá nhân tôi đã chấp nhận chu kỳ này là chu-kỳ mạt pháp thật sự .

(Chú thích do Probodh Chandra Sen Gupta cung cấp ,theo yêu cầu của ông Hirendranath Datta).

Các ánh văn cổ của Cory ,trang 137

Trong ấn bản mới có bổ sung năm 1876 của E.Richmond Hodges ,việc đánh số trang lại khác hẳn ,ấn bản này gồm có 203 trang ,trong khi ấn bản trước có trên 300 trang . Trong phần lời nói đầu,trang xii,vị chủ biên của ấn bản năm 1876 này cho biết rằng ông đã bỏ đi : 1) Lời nói đầu của Cory , và 2) Các điều ngụy tạo của phái Tân Platon ở cuối quyển sách.

"Hội nghị Tiểu thánh" trang 144

Hội Nghị Tiểu Thánh (The Lesser Holy Assembly) là phần III của Kinh Zohar ,từ trang 287 tới trang 296 b ; xem "Kabbalah Denudatta" , Formus Secundus ,phần ii ,các trang 347-598 (theo A.E. Waite, Giáo Lý Bí Nhiệm (The Secret Doctrine) ở Do Thái ,chương 3 trang 45 .

Jod,Vau và 2 lần Hé,trang 154 ,chú thích cuối trang.

Người ta đã vạch rõ rằng Jod= 10 , Vau = 6 và hai lần Hé (mỗi Hé = 5) phải hợp thành 26 chứ không phải 21 . Có lẽ trị số của 1 Hé đã bị bỏ đi vì mục đích của các trị số mà bà Blavatsky quan tâm tới .

Các Chơn Thần bị cầm tù ,trang 310

Trong đoạn 2, trong 2 câu cuối,ta thấy có những chữ :"Chơn thần của họ nay có thể vẫn còn bị giam cầm — bán ý thức :semi conscious —trong loài thông minh nhất của giới động vật , trong khi mà các nguyên khí hạ đẳng của họ có lẽ đang làm linh hoạt các kiểu mẫu cao siêu nhất của giới thực vật". Người ta

đã thúc giục mạnh mẽ là các cáo từ cuối cùng này nên được đọc là : "trong khi mà các kiểu mẫu hạ đẳng của họ , có lẽ.. .... các loài cao siêu nhất của giới thực vật".

Lưu ý : Dù sao đi nữa, người ta nên phát âm Kali Yuga với một âm a ngắn . Kali có nghĩa là đấu tranh (strife,strug -gle) ; còn kàlà , kàlì có nghĩa là đen (black,dark).

